

HOANG DINH PHU - TRAN THI

NUOC NHAT MUA CA THE GIOI



dtr-ebook.com



PHẦN ANH VĂN - ĐỀ MỤC

NUOC NHAT MUA CA THE GIOI



ĐƠN VỊ IN SÁCH
TRƯỜNG THPT - CT. 1. 1. 1. 1.

Tên ebook: Nước Nhật mua cả thế giới (full prc, pdf, epub)

Theo nguyên bản tiếng Pháp: *Le Japon achète le monde*

Tác giả: [Pierre Antoine Donnet](#)

Thể loại: [Kinh tế](#), [Chính trị](#), [Sách hay](#), [Văn học phương Tây](#)

Dịch giả: [Hong Diêu](#), [Xuân Quang](#), [Khắc Thành](#), [Anh Việt](#)

Nhà xuất bản: [Thông Tin Lý Luận](#)

Năm xuất bản: 1991

Ngôn ngữ: [Tiếng Việt](#)

Số trang: 446

Giá bán: 13800 VNĐ

Đánh máy và tạo prc: [dulitruc](#) (Nguyễn Anh Tuấn)

Nguồn: [e-thuvien.com](#)

Ebook: <http://www.dtv-ebook.com>



Giới thiệu:

Phải mất gần 50 năm để kẻ bại trận năm 1945 trở thành một cường quốc tài chánh số 1 thế giới và là cường quốc công nghiệp đứng hàng thứ hai của hành tinh. Người thì cho đây là một sự trả đũa, kẻ thì cho đó là một sự trả thù. Bằng sự hy sinh quên mình, bằng lao động cật lực cũng như bằng sự kiên trì và tài năng sáng tạo, nước Nhật đã tích lũy được những nguồn tài sản khổng lồ để giờ đây nó đang tung ra mở rộng ảnh hưởng của mình khắp thế giới: đầu tư trực tiếp, các xí nghiệp phi địa phương hóa, kiểm soát các xí nghiệp nước ngoài, kinh doanh bất động sản, mua lâu đài và các bức danh họa... Từng bước, nước Nhật đang mua cả thế giới. Tham vọng của nó sẽ còn đi đến đâu ? Sau cuộc giao tranh ác liệt với Mỹ về kinh tế, nay Nhật lại quay sang châu Âu. Các tập đoàn kinh tế hàng đầu của Nhật đang đe dọa phá vỡ từng mảng lớn của nền công nghiệp lục địa này. Liệu người khổng lồ kinh tế song còn là một anh lùn chính trị này có tham vọng thống trị thế giới hay không ? Có thể làm gì để kiềm hãm sức mạnh của nó ? "**Nước Nhật mua cả thế giới**" là cuốn sách đầu tiên và đầy đủ nhất về "hiện tượng Nhật Bản" với một núi tư liệu đồ sộ, với những cuộc phỏng vấn nhiều nhân vật chóp bu trong chính phủ, giới công nghiệp, tài chánh và trí thức Nhật và nước ngoài. **Tác giả Pierre Antoine Donnet:**

 [Pierre Antoine Donnet ebook](#)

Pierre Antoine Donnet

Là cử nhân khoa học chính trị, tốt nghiệp Viện ngôn ngữ và văn minh Đông phương. Phóng viên Ban Kinh tế của Thông tấn xã Pháp AFP. Thông tin viên tại Bắc Kinh từ 1984 đến 1989, Tác giả đã dành 10 năm để lăn lộn khắp khu vực Viễn Đông. Mời các bạn đón đọc [Nước Nhật mua cả thế giới](#) của [tác giả Pierre Antoine Donnet](#).

Lời Nhà xuất bản

Thông tin là một trong những đòi hỏi của đời sống xã hội. Việc nắm bắt thông tin nhiều chiều - đặc biệt trong thế giới đầy biến động và luôn biến động – chẳng những cần thiết cho tư duy, nâng cao hiểu biết mà còn rất hữu ích cho định hướng hành động.

Tổ chức dịch và xuất bản cuốn sách Nước Nhật mua cả thế giới (Le Japon achète le monde) của Pierre – Antoine Donnet, một nhà nghiên cứu Tây Âu – do nhà xuất bản Seuil (Pháp) phát hành tháng 4/1991, chúng tôi nhằm đáp ứng một phần đòi khách quan ấy.

Bạn đọc sẽ tìm thấy trong cuốn sách nhiều tư liệu phong phú, được sưu tầm công phu và được trình bày mạch lạc. Tác giả giới thiệu một khía cạnh của nước Nhật và đã đưa ra một nhận xét “có tính báo động”. Tuy nhiên, quyền phán đoán và rút ra kết luận lại thuộc về người đọc: “Nước Nhật mua cả thế giới” được hay không ?, nhìn nhận “Hiện tượng Nhật” như thế nào v.v...

Chúng tôi xin giới thiệu quyển sách với tính cách một thông tin tư liệu tham khảo và mong nhận được nhiều ý kiến phê bình của bạn đọc.

NXB Thông Tin Lý Luận

Mục lục

PHẦN MỘT: TỪ BẠI TRẬN ĐẾN PHỤC THÙ

I. Một nước Nhật tử nhục

- Một dân tộc bị huỷ diệt hoặc bởi giới quân sự
- Giấc mộng bá chủ: “Đại thịnh vượng”
- Các cỗ pháo ngoại bang phá toang những cửa khẩu Nhật Bản
- Bản tổng kết chiến tranh

II. Tái thiết và cất cánh kinh tế (1945 – 1965)

- 1945 – 1955: những vết thương đóng sẹo
- Nước Nhật xây dựng lại các thành phố
- Liên minh với Hòa Kỳ: một sự đổi mới
- 1955 – 1965: “phép lạ Nhật Bản”
- Shinkansen: tàu siêu tốc nhanh nhất thế giới
- Một “siêu cường” mới đã ra đời nhưng thế giới còn chưa biết đến
- MITI, trái tim của sự thành công Nhật Bản

III. Cuộc tái chinh phục (1965 – 1980)

- Những công thức của một sự thành công vô tiền khoáng hậu
- Bí quyết của Nhật Bản: biết thích nghi
- Hai điển hình cho sự thành công ngạo nghễ của Nhật Bản
- Công nghiệp điện tử: người Mỹ bị đánh gục
- Công nghiệp xe hơi: sự thống trị

IV. Nước Nhật giàu và mạnh

- Chiến lược cờ “go”
- Công và thủ
- Một nghệ thuật sống

- Ván cờ “go” toàn cầu
- Xử sở của các kỷ lục
- Giáo dục
- Sức khỏe, lao động, nghỉ ngơi
- Năng suất
- Chất lượng sống
- Những đô thị khổng lồ
- Những nguồn của cải to lớn
- Khi các tài sản trở thành khổng lồ
- Mức sống và sự thuần nhất xã hội
- Những người giàu mới
- Ve và kiến
- Người giàu có san sẻ cho người nghèo
- Lạm phát
- Một nền kinh tế đứng đầu trong những nền kinh tế hàng đầu
- Xuất khẩu tăng theo hàm số mũ
- Nước Nhật khép kín, nước Nhật bị ghen ghét
- Thương lượng và vỡ mộng
- Đồng lòng chống Nhật

PHẦN HAI: MỘT CHIẾN LƯỢC THỐNG TRỊ

I. Nhật Bản đang mua cả thế giới

- Cái lưới nhện Nhật Bản
- Những cỗ voi của nền công nghiệp Nhật Bản
- Đầu cơ bất động sản
- Đầu tư trực tiếp: sức mạnh đáng sợ
- Nước Mỹ: bạn hàng ưa thích

- Châu Âu: mục tiêu mới của Nhật
- Nước Anh: con ngựa thành Troie của cộng đồng kinh tế châu Âu (CEE)
- Nước Pháp: vô cùng dễ chỉ cần có tiền
- Châu Á: đất sẵn riêng của Nhật Bản
- Đông Âu: cuộc chinh phục mới
- Chú gấu Liên Xô luôn gây lo sợ
- Châu Mỹ La Tinh: Nhật Bản cấm các con tốt
- Giữa sự thanh thản bị quấy nhiễu và sự lo sợ viễn vông
- Hợp nhất và sở hữu: cơn bão hoại Nhật Bản
- Đầu tiên là nước Mỹ
- Kế đến là Pháp
- Đức và Nhật Bản: cuộc trả thù của những kẻ bại trận
- Bất động sản “de luxe”
- Còn tại châu Âu thì sao ?
- Người Nhật nhòm ngó các ngân hàng nước ngoài
- Sân golf, vườn nho và ngựa đua
- Nghệ thuật: di sản của phương Tây đang chạy về nước Nhật
- Các sôgô sôsha: các nhà môi giới mua bán đặc biệt
- Nước Nhật mua người
- Châu Âu: tưởng niệm một ngành công nghiệp đã quá cổ
- Công nghiệp xe hơi: sự thống trị trên thực tế của người Nhật
- Sự di trú giết người
- 1992: châu Âu không thống nhất
- Trong khi đó thì người Nhật chuẩn bị
- Điện tử và tin học: một chiến thắng hoàn toàn
- Hàng không và không gian: “biên giới” mới của Nhật Bản

II. Nước Nhật muốn thống trị thế giới ?

- Nước Nhật, kẻ thù số một ?
- Edith Cresson: nước Nhật đang làm bá chủ
- Người Nhật cũng có cuốn sách Mein Kampf của họ
- Đường lối chiến tranh, chiến lược chinh phục
- Nhật Bản, kích thích tố cứu nạn ?
- Nước Anh, thuộc địa của Nhật Bản ở châu Âu
- Chủ nghĩa thực dân cực đoan
- Châu Âu phải bảo vệ các giá trị của mình
- Năm 1945, người Mỹ đã phạm sai lầm
- Roger Fauroux: không thể phân tâm dân tộc Nhật
- Nước Nhật đã quên cuộc bại trận của mình
- Nước Nhật sẽ làm châu Âu hồi sinh
- Chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch tự hại mình
- Robert Guillaín: nước Nhật không muốn thống trị
- Nước Nhật của thiên niên kỷ thứ ba
- Nước Nhật muốn trả đũa, không phải trả thù
- Nước Nhật chuẩn bị thế giới ngày mai
- Tại sao lại thù ghét đến thế
- Những người theo chủ nghĩa xét lại của Mỹ
- Johnson Chalmers: nước Mỹ, thuộc địa của Nhật Bản ?
- Nước Nhật có thể giết chết nước Mỹ không ?
- Nước Nhật có thể nói “không”
- Người Nhật trả lời
- Kato Shuichi: nước Nhật là đứa con hoang đàng
- Thiếu một phương án có tính toàn cầu

- Người Nhật, những con vật kinh tế
- Nước Nhật, một đứa trẻ non nớt và mồ côi
- Báo chí Nhật: dành đất cho Base-ball và Sumo
- Nước Nhật nói “không” với chủ nghĩa quân phiệt
- Nada Inada: nước Nhật vẫn sẽ theo chân Hoa Kỳ
- Một nền văn hóa dựa trên sự bất chước
- Người Nhật muốn chiến thắng trong cuộc chiến tranh kinh tế
- Nước Nhật sẽ không bao giờ là bá chủ thế giới
- Yukio Shimanaka: phương Tây đã giết chết truyền thống của nước Nhật
- Nước Nhật không có nghĩa là cầm đầu
- Hoàng đế bị truất phế, những hiểm họa của chủ nghĩa tân – dân tộc
- Những truyền thống đã lui tàn
- Nền dân chủ Nhật Bản: một thứ chủ nghĩa duy vật nguy hiểm
- Makoto Kuroda: sức mạnh của nước Nhật không phải là vĩnh cửu
- Xã hội già nua nhất thế giới
- Châu Âu năm 1992 không làm nước Nhật sợ hãi
- Phương Tây không có bài học nào dạy cho Nhật Bản
- Okita Saburo: thế giới ngày mai sẽ thành thế ba cực
- Nước Nhật không thể thống trị thế giới
- Liệu nước Nhật sẽ gánh trách nhiệm của mình trong thế giới ?
- Đóng cửa = nghèo khó, mở cửa = thịnh vượng
- Eto Shinkichi: những nguy cơ của chủ nghĩa dân tộc Nhật Bản
- Người Nhật trở nên xác xược
- Người Nhật nào dám mơ chuyện thống trị thế giới
- Lớp trẻ Nhật mở rộng với thế giới
- Miyoshi Osamu: nước Nhật phải là người bảo vệ châu Á

- Nước Nhật phải tái vũ trang nhưng lại còn e ngại
- Nhật Bản, cường quốc đang suy tàn ở châu Á
- Kazuo Nukazawa: nước Nhật không thể còn mạnh mãi được
- Sự suy sụp của Nhật Bản chỉ là vấn đề thời gian
- Châu Âu có một tương lai xán lạn
- Trở thành số một liệu có ích gì
- Seizaburo Sato: nước Nhật không sao chép, mà học tập
- Nước Nhật phải tạo ra tiếng nói cho mình trên diễn đàn quốc tế
- Không còn chỗ đứng cho các “bá chủ” trong thời đại ngày nay
- Đầu tư của Nhật Bản: một cơ may cho châu Âu
- Hideyasu: Nước Nhật đã đánh mất tinh thần võ sĩ đạo
- Người Nhật không phải là những nhà sáng tạo
- Nước Nhật vẫn mãi bị xem là một mô hình bên lề
- Yoichi Tsuchiya: Châu Âu sẽ chẳng phải là một pháo đài
- Một ngày nào đó Nhật Bản sẽ bị Triều Tiên, Ấn Độ qua mặt
- Người Nhật và người Pháp đều là những công dân thế giới
- Koji Sugieue: nước Nhật phải tỏ ra mềm mỏng
- Hồ sơ về vụ xe hơi: chính châu Âu là có lỗi
- Keiichi Kamoshida: nước Nhật gây ô nhiễm thế giới
- Hidetada Maezawa: tiến đến một chế độ thực dân về kinh tế

Kịch bản cho ngày mai: châu Á, tương lai của thế giới

Lời bạt (viết cho bản tiếng Việt) – Trần Bạch Đằng

LỜI MỞ ĐẦU

Một buổi sáng, tổng thống Mỹ George Bush tỉnh giấc trong một đường đường lộng lẫy ở California, sau ba năm bị hôn mê nặng. Chung quanh ông, các y, bác sĩ đang hồi hả trước vẻ sững sờ của ông. Họ đang cố báo tin vui này sớm nhất cho những người thân của tổng thống. Song, ngay lập tức, nhân vật vô cùng đáng kính này hỏi han về tình hình kinh tế.

- Những ba năm hôn mê sao ?. Điều cô vừa nói với tôi thật khủng khiếp quá !. Nhưng nào, hãy nói cho tôi rõ, nước ta ra sao rồi ? Nạn thất nghiệp đến đâu rồi ?

Cô y tá cúi mình trên người bệnh, nhẹ nhàng đặt bàn tay nhỏ nhắn lên trán bệnh nhân rồi đưa mắt lo âu nhìn lên màn hình của những thiết bị theo dõi điện tử của Sony, Toshiba và Hitachi. Không nghi ngờ gì nữa: sức khỏe của tổng thống đã hồi phục. Cô nhanh nhẩu đáp: - Thất nghiệp ử ? Xong cả rồi, thưa ngài tổng thống. Chẳng còn gì nữa.

- Sao ? Cái gì ? Thế nạn thâm thủng ngân sách thì sao ? Cô có biết gì về chuyện ấy không ?

- Ồ, có chứ, thưa ngài tổng thống. Nạn thâm thủng ngân sách chỉ còn là một hồi ức khó chịu. Nó cũng không còn nữa rồi

George Bush bối rối, cứ muốn hỏi thêm nữa. Rồi còn ngoại thương ? Cô không làm tôi tin là chúng ta đã trở lại bình thường rồi đấy chứ ?

- Thật vậy mà, thưa ngài tổng thống. Chẳng còn vấn đề gì nữa. Hơn nữa, cán cân mậu dịch còn thặng dư nữa chứ.

Vừa sững sốt vừa hớn hở, tổng thống còn được biết là nạn lạm phát đã được ngăn chặn.

- Được cả thế sao ? Nhưng mà tôi còn cứ ngờ ngợ. Thế một bao thuốc lá giá bao nhiêu ?

- 100 yên, thưa ngài tổng thống ...

PHẦN MỘT

TỪ BẠI TRẬN ĐẾN PHỤC THÙ

I. Một nước Nhật tủ nhục

Sự bất hạnh trả lại cho con người những phẩm hạnh mà sự sung túc lấy mất

E. Delacroix, nhật ký.

Ngày 15 tháng 8 năm 1945. Cái ngày ấy sẽ mãi mãi khắc ghi trong ký ức của mọi người dân Nhật.

Lúc ấy là khoảng hơn bốn giờ chiều. Một cái tin sét đánh được những người nghe đài đem truyền từ nhà này sang nhà khác suốt cả nước: Nhật hoàng Hirohito đã chấp nhận đầu hàng. Chính Tenno, thiên tử, thiên hoàng, dòng dõi của nữ thần mặt trời Amaterasu... đã công bố điều đó với thần dân mình. Điều không thể hình dung đã diễn ra ! Điều không thể tưởng tượng nổi đã trở thành hiện thực ! Đế quốc Mặt trời mọc, vốn ấp ủ giấc mơ thống trị toàn châu Á, nay đành cúi đầu bại trận. Giọng của “Thiên hoàng” được cả nước Nhật tôn kính vang lên đỉnh đạc và nghiêm trọng:

“Sau khi đã suy nghĩ chín chắn về những xu hướng chung của thế giới và về các điều kiện hiện nay của Đế chế chúng ta, Trẫm, với tư cách Hoàng đế, quyết định giải quyết tình hình hiện nay bằng một biện pháp không bình thường. Trẫm đã ban lệnh cho chính phủ công bố với bốn nước: Hoa Kỳ, Anh, Trung Quốc và Liên Xô rằng, Trẫm đã chấp nhận các lời lẽ trong bản tuyên bố của họ”.

Tất cả đều đã rõ. Chiến tranh đã kết thúc. Nước Nhật bất khả chiến bại đã phải cúi đầu. Lòng kiêu hãnh điên cuồng của một dân tộc đã bị bẻ gãy. Con sư tử đã phải quỳ gối. Đồng minh đã thắng. Khắp nơi, dân Nhật đã khóc ròng. Giới quân sự thì tuyệt đại đa số đã tuân theo lệnh của hoàng đế, nhưng hàng chục sĩ quan cao cấp đã mổ bụng tự sát. Thà harakiri còn hơn chịu nhục nhã. Thà chết còn hơn bị mất mặt.

Bởi lẽ tuyên bố Postdam đã rành rành: Nước Nhật chấp nhận đầu hàng vô điều kiện. Đất nước sẽ bị quân đội Hoa Kỳ chiếm đóng. Chính phủ sẽ bị phân rã và đặt dưới sự kiểm soát của Hoa Kỳ. Các tướng lĩnh quân sự có trách nhiệm về cuộc chiến sẽ bị đưa ra xét xử.

Lệnh đầu hàng đã được ký ngày 2 tháng 9 năm 1945 trên chiến hạm “Missouri” của Hoa Kỳ đậu trong cảng Tokyo. Tướng Mc Arthur là ông chủ mới của nước Nhật. Điều khủng khiếp nào đã buộc Nhật hoàng phải chấp nhận điều không thể chấp nhận ấy ? Đế quốc Thiên hoàng phải chịu đựng điều không thể chịu đựng được ? Và để mỗi người dân Nhật phải gánh chịu những điều không thể gánh chịu được ?

Chúng ta sẽ không thể hiểu được nước Nhật ngày nay nếu không hồi tưởng lại những sự kiện lịch sử gần đây và không tìm lại những truyền thống của dân tộc này. Bởi đáng lẽ có lần đất nước này đã từng mưu đồ thống trị cả phương Đông. Dựa trên một học thuyết nặng tính tôn giáo mang tên là “Đại thịnh vượng”, Nhật Bản đã từng lôi kéo các quốc gia và dân tộc Đông Á dưới sự lãnh đạo của nước Nhật cùng nhau xây dựng một khối thịnh vượng chung. Chính thứ chủ nghĩa dân tộc cuồng tín đó đã dẫn quân đội Thiên hoàng đi đến những nơi xa xôi nhất của châu Á cùng lá cờ Mặt trời mọc. Thậm chí có thể có những tướng lĩnh tự huyền hoặc với ước mơ nước Nhật thống trị toàn thế giới. Thứ chủ nghĩa phiêu lưu ấy không phải hình thành từ hư vô, bởi có thể tìm thấy điều ấy trong rất nhiều cổ thư như Hakko Ichiu từng đề cập đến “sứ mệnh thiêng liêng” của dân tộc Nhật là “đặt tám phương hoàn vũ dưới cùng một mái nhà” để dựng lên sự hài hòa và phồn thịnh. Sự kích động mang tính tôn giáo ấy được dựa vào học thuyết shinkoku-shugi, theo đó Nhật Bản được nâng lên thành một “thiên quốc” cao hơn tất cả các nước khác và tổ tiên của người Nhật được nâng lên thành “dân tộc khai thiên lập địa” mà minh chủ là Tenno, Thiên hoàng.

Một dân tộc bị huyền hoặc bởi giới quân sự

Năm 1941, chính sách ngu dân điên rồ của một số tướng lĩnh quân sự cực đoan đã phỉnh phờ cả một dân tộc. Sự điên rồ và lừa bịp ấy đã kết thúc bằng một thảm họa cho dân tộc và một sự nhục nhã đến mức có lẽ người Nhật sẽ vĩnh viễn không còn dám mơ tưởng gì đến phiêu lưu quân sự nữa. Chính từ nỗi nhục nhã ê chề ấy, đã nảy sinh một khát vọng phục thù không thể cưỡng được mà 45 năm sau khi bại trận, đã ngày một trở nên rõ ràng hơn qua công cuộc tái thiết nước Nhật và qua ảnh hưởng không ngừng lớn mạnh của nó trên sân khấu quốc tế.

Nước Nhật đã như thế nào trước khi bước vào cuộc chiến tranh ?

Từ ngày 27 tháng 9 năm 1940, ngày ký Hiệp ước thành lập phe Trục, nước Nhật đã trở thành đồng minh của nước Đức Hitler và nước Ý phát xít. Nhưng, từ lâu, chính phủ Mỹ đã không hề hoài nghi chút nào về khuynh hướng hiếu chiến của chính quyền Nhật Bản. Chính quyền này, cũng như quốc hội của nó, đã dần dần chuyển vào tay giới quân sự cánh hữu theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan nhất. Nhật hoàng quả có ý định ngăn cấm đất nước lao vào cuộc chiến tranh. Nhưng theo lời đồn, người ta đã giấu nhem không cho ông biết gì về thảm họa đang bao trùm lên nước mình. Một nhân chứng may mắn đã biết rõ những năm tháng cầm quyền của phe quân sự: đó là Robert Guillain, lúc ấy là thông tin viên của hãng thông tấn Havas, sau này trở thành hãng thông tấn AFP. Đến Tokyo năm 1938, ông đã theo dõi sát sự chuyển hướng đến chiến tranh của Nhật Bản. Cuộc tiến quân của Nhật Bản sang Trung Hoa, theo lời ông nói với tôi, đã phân hóa sâu sắc giới cầm quyền Nhật Bản: một cánh chủ trương sự hòa nhập hòa bình của Nhật

Bản vào cuộc hòa nhạc của các dân tộc và một cánh khác, theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan, đối kháng điên cuồng với phương Tây. Nhưng cánh ôn hòa đã không theo kịp cánh kia. Về phần nhân dân Nhật Bản, họ không hề hay biết gì về những hành động ghê tởm do quân đội Thiên hoàng gây ra. Là nạn nhân của trò lừa bịp của các tướng lĩnh, họ đã bị lợi dụng bởi lối tuyên truyền quân sự khá thô thiển.

“Mãi sau này, người dân mới hiểu được tất cả. Những chiến thắng quân sự chỉ là dịp để điều hành ồn ào, để bốc đồng say sưa. Tất cả đều đã được sắp đặt. Việc chiếm Nam Kinh (Trung Hoa) chẳng qua cũng là dịp để rước đèn. Việc chiếm Hàng Châu cũng vậy. Nhờ những thước phim thời sự ta đã có thể xem lại những hình ảnh của chiến dịch xâm lược Trung Hoa. Ta có thể thấy những chú lính Nhật lùn hung tợn đang tiến vào một nước Trung Hoa già cỗi – rất già cỗi – rồi đập phá tan hoang. Thế nhưng chẳng ai biết đến những hành động tàn bạo ấy kể cả những tội ác ở Nam Kinh. ^[1] Tất cả những điều ấy, dân chúng Nhật chỉ mới thật sự biết đến từ năm 1968”.

Việc ký hiệp ước với Đức đã đánh dấu sự chuyển hướng triệt để của chủ nghĩa dân tộc Nhật Bản. Nó đồng thời cũng chứng tỏ sự bất lực của hoàng thân Kokoe Fuminaro (thủ tướng Nhật lúc bấy giờ) trước những yêu sách ngày một quá quắt của giới quân sự.

“Tất nhiên, bản thân ông ta cũng có một phần trách nhiệm trong cuộc chiến Trung Hoa. Chính ông đã gây chiến với Trung Hoa. Cũng chính ông, sau đó, đã ký hiệp ước với Đức... Và, sau hôm ấy, người ta đã đọc thấy trên tờ Japan Times một mẫu tin bất ngờ: “Thủ tướng Kokoe đã ký kết một hiệp ước lịch sử với nước Đức và, sau lễ ký, ông đã khóc”. Ông chống lại. Phải ! Ông đã không bằng lòng với chiến dịch Trung Hoa. Ông luôn gây phiền hà cho đa số, với cái quốc hội đã thối nát và bị lũng đoạn trầm trọng bởi giới quân sự. Tất nhiên là rất thông minh, nhưng khi gặp những chuyện rầy rà, bao giờ ông cũng thúc thủ và lui bước... sau khoảng bốn hoặc năm ngày”.

Quả cũng có rất nhiều nhà trí thức Nhật Bản chống lại thứ chủ nghĩa bành trướng Nhật Bản ở châu Á. Nhưng nước Nhật đã lún sâu vào con đường phát xít đến mức tuyệt đại đa số người Nhật, hết như 75 triệu chú cừu non ngoan ngoãn, cứ cung cúc đi theo.

“Đó là một trạng thái mê muội chung trong toàn dân: Hãy ngừng suy nghĩ ! Hãy ghi tên mình vào danh sách những người yêu nước và thức thời”.

Guillain kể lại.

Ngày 7 tháng 12 năm 1941, Nhật Bản tuyên bố tham gia chiến tranh thế giới lần thứ hai bằng một hành động ngoạn mục: tấn công Trân châu cảng,

một chiến thắng rực rỡ đã được ăn mừng ẩm ỉ ở Tokyo. Bị tấn công bất ngờ, hàng chục tàu chiến lừng danh nhất của hạm đội Mỹ đã bị chìm xuống biển sâu và một số lượng lớn máy bay Mỹ bị phá hủy. Toàn bộ diễn tiến của cuộc tấn công chỉ kéo dài trong vài giờ dưới tầm lửa phối hợp tuyệt vời của các máy bay dội bom và tàu chiến Nhật. Kể từ ngày ấy và nhiều tháng sau đó, được khích lệ bởi thành công ban đầu, nước Nhật đã xông lên từ cuộc chinh phục này đến cuộc chinh phục khác, từ chiến thắng này đến chiến thắng khác.

Thật ra, chủ nghĩa quân phiệt cũng chẳng có gì mới mẻ. Từ cuối thế kỷ trước, nước Nhật đã trải qua 25 năm chiến tranh. Hòn đảo Đài Loan thuộc Trung Hoa đã từng rơi vào quỹ đạo của Nhật Bản trong cuộc viễn chinh năm 1874. Nước Nhật đã tiến hành cuộc chiến đầu tiên với Trung Hoa từ năm 1894 đến năm 1895. Sau đó là đến cuộc chiến tranh với nước Nga từ năm 1904 đến 1905. Từ năm 1918 đến 1925, Sibérie lại trở thành sân khấu cho một cuộc xung đột mới với Nhật Bản. Triều Tiên cũng đã bị đặt dưới ách thống trị của Nhật Bản. Kể từ năm 1927, Nhật Bản lại tấn công Trung Hoa một lần nữa: chiếm đóng Giang Đông và Mãn Châu Lý thuộc phần lãnh địa của Trung Hoa. Kể từ năm 1937, Nhật Bản đã chiếm đóng toàn bộ phần phía Đông của Trung Hoa. Quân đội Nhật đã là thủ phạm của những vụ tàn sát kinh tởm. Nhưng, đối với chính quyền Tokyo, cuộc chiến ấy vẫn cứ là một cuộc thánh chiến, một cuộc chiến tranh giải phóng. Bởi lẽ, theo Tokyo, nước Nhật có sứ mệnh cao cả là cứu rỗi châu Á khỏi nanh vuốt của đế quốc Mỹ và Anh. Cũng chính những khẩu hiệu ấy lại được đem ra sử dụng cho cuộc chiến tranh Thái Bình Dương. Cuộc tấn công Trân Châu cảng không chỉ đơn thuần là một lời tuyên chiến với Hoa Kỳ và nước Anh. Nó còn đánh dấu sự mở đầu của một cuộc tiến công toàn diện trên tất cả các mặt trận ở Thái Bình Dương.

Giấc mộng bá chủ: “Đại thịnh vượng”

Từ sau năm 1941, quân đội Nhật đã mở rộng quyền lực của Thiên hoàng đến tận những vùng đất xa xăm của châu Á. Người Nhật giải thích với dân chúng sở tại rằng họ đến để đánh đuổi “bọn thực dân, đế quốc” da trắng. Vương quốc Mặt trời mọc đã có một vài thành tích. Tại Thượng Hải, cho mãi đến năm 1937, công viên ở bờ sông Hoàng Phố đã bị cấm không cho “chó và người Trung Hoa” bước vào. Sau khi chiếm thành phố này, người Nhật đã buộc người da trắng phải cúi đầu mỗi khi đi ngang qua công viên. Ngay từ đầu thế kỷ, chiến thắng quân sự của Nhật Bản trước người Nga đã có những tác động tâm lý dây chuyền lớn suốt châu Á. Lần đầu tiên, lịch sử đã chứng minh rằng người châu Á có thể đánh bại một dân tộc da trắng. Nước Nhật, vốn rất tự hào về điều đó, đã không bỏ lỡ dịp nhắc lại với những nước láng giềng. Song liệu có phải nhờ vậy mà nước Nhật nghiêm nhiên được giao sứ mệnh thay cho toàn châu Á ?

Cuộc tấn công quân sự của Nhật Bản mở đầu tại Hồng Kông, một thuộc địa của nước Anh. Hòn đảo này đã rơi vào tay của Nhật Bản trước sức tấn công của hạm đội hoàng gia. Sau đó lần lượt đến Philippines, Guam, Singapour, Bắc Kỳ và Nam Kỳ của Việt Nam. Quân đội Nhật hoàng tiếp tục viễn chinh sang Malaixia, xâm nhập vào Miến Điện trong vịnh Xiêm La, vào Sumatra ở Indonesia và đảo Célèbes ở Bornéo. Là cờ Nhật “Hinomaru” với biểu tượng mặt trời mọc, một hình ảnh được tôn thờ trên quần đảo Nhật Bản đã phấp phới bay trên các hòn đảo ở Thái Bình Dương, nơi được xây dựng thành các căn cứ của hải quân hoàng gia. Nước Nhật muốn bành trướng thế lực của mình lên cả vùng Đại Á, từ Sibérie cho đến tận Ấn Độ. Nhường châu Âu cho Đức Quốc xã, vương quốc Mặt trời mọc chiếm lĩnh toàn bộ Đại Đông Á.

Ngay tại nước Nhật, việc dồn sức cho chiến tranh cũng diễn ra quyết liệt. Để nước Nhật có thể đảm đương vai trò “ngọn đuốc phương Đông”, trẻ em Nhật đã bị động viên từ năm 12 tuổi, hàng trăm ngàn phụ nữ Nhật đã phải lao động trong các xưởng vũ khí. Rất nhiều phụ nữ đã phải chui rúc trong các hầm mỏ. Sinh viên Nhật không bị động viên đến xưởng máy thì phải ra chiến trường và nhiều người trở thành phi công. Tokyo và nhiều thành phố khác chìm ngập trong thiếu thốn và nạn chợ đen. Chế độ phân phối đã phải áp dụng cho các loại nhu yếu phẩm hàng đầu. Trong cuộc chiến Thái Bình Dương và cho đến khi bại trận, công nghiệp Nhật Bản đã chế tạo thành công 15 tàu sân bay, 1115 tàu ngầm, nhiều tuần dương hạm, nhiều thiết giáp hạm, nhiều tàu vét mìn và nhiều loại tàu chiến khác cùng hàng chục nghìn máy bay tiêm kích, máy bay dội bom và các loại máy bay khác..., trong đó loại chiến đấu cơ nổi tiếng “zero” hoàn toàn do các kỹ sư của các phân xưởng Mitsubishi chế tạo. Khi các thất bại quân sự diễn ra liên tiếp và khi viễn cảnh thua trận ngày một rõ thì những cuộc xuất kích của các máy bay này trở thành những cuộc ra đi không trở về. Các máy bay Zero, do các kamikaze (“Thần phong”) điều khiển đã trở thành biết bao quả bom có người lái, lao thẳng xuống các mục tiêu của Hoa Kỳ, như một lần hy sinh cuối cùng cho Tổ quốc.

Sau những giây phút hân hoan ban đầu trước các thắng lợi đầu tiên, nước Nhật thời chiến đã sớm mất đi tất cả niềm vui sống. Các địa điểm vui chơi đều bị đóng cửa, thậm chí cả các quán nước cũng bị hạn chế nghiêm ngặt. Người ngoại quốc bị xem như mật thám và luôn bị kiểm soát chặt chẽ. Nhưng, bất chấp lòng tự hào và bầu không khí hăng hái xung quanh, chủ nghĩa anh hùng không phải lúc nào cũng hiện diện. Guillain hồi tưởng lại:

“Các thanh niên đã biến sắc khi nhận được lệnh động viên. Họ ghê sợ điều đó. Họ sợ nó một cách khủng khiếp. Gia đình thường làm mọi thứ lễ hội trong ngày đưa tiễn họ ở sân ga. Người Nhật được dạy bảo là phải khước từ mọi tập quán Tây phương. Phụ nữ không được để đuôi trần và uviensach.vn

không được đeo nữ trang. Khắp thành phố mọc lên nhan nhản các tổ chức phụ nữ chuyên tổ giắc và bắt bớ. Các tổ chức này cũng làm cả nhiệm vụ thu thập các chữ ký nhằm động viên tinh thần các chiến sĩ đã lên đường. Có cái gọi là “chiếc đai một ngàn nút” được đặt trên một tấm vải lớn thường mang biểu tượng vòng tròn đỏ của mặt trời mọc. Tất cả các thiếu nữ đi ngang qua đều được yêu cầu dừng lại trong năm phút để thêu tên của mình lên đó. Sau đó, các chiếc đai này sẽ được gửi đến cho các đơn vị ngoài mặt trận”.

Sau cái chết của Hirohito năm 1988, một câu hỏi bỗng cộm lên gây nhức nhối cho những người Nhật và những nạn nhân còn sống sót trong cuộc chiến: Nhật hoàng đã đóng vai trò cụ thể gì trong cuộc chiến và trong việc chuẩn bị chiến tranh ? Có đúng Ngài là một bạo chúa, một tội phạm chiến tranh như một số người đã mô tả không ? Bao quanh bởi một vài trung thần có toàn quyền định đoạt, phải chăng Hirohito đã cố tình đẩy đất nước đến sự cùng kiệt chỉ với mục đích duy nhất là áp đặt sự thống trị của mình trên toàn nhân loại ? Chúng tôi không có ý định bào chữa cho những điều không thể bào chữa được. Nhưng, khi lùi lại phân tích giai đoạn đầy đau thương ấy và dựa trên các tư liệu đang dần dần được đưa ra công khai, các nhà quan sát nghiêm túc về Nhật Bản đều cho rằng Nhật hoàng, ngược lại, đã có kiểm chế bớt những nhà quân sự bốc đồng mỗi khi có dịp. Nhưng do bị cô lập bởi những người có thể cung cấp các thông tin thực tế và cảnh giác về các nguy cơ đang đe dọa, “Thiên tử” đã không kiểm soát được cả quân đội lẫn chính nội các của Ngài, mà khi ấy chỉ còn là một chính thể bù nhìn.

“Giới quân phiệt năng nổ đã nắm tất cả - Guillaín nói – Hiện nay đang có một luận điểm lệch lạc, thuần túy bịa đặt về mưu đồ của một nhóm nhỏ các nhân vật chớp bu và đầy tham vọng do hoàng đế cầm đầu. Không ! hoàng đế chưa bao giờ là như vậy. Ông luôn tìm đủ mọi cách để được thông tin về những chuyện diễn ra xung quanh. Về thực chất, đó là một nhà vua yêu nước, là người gìn giữ các truyền thống văn hóa của Nhật Bản với ước muốn trở thành một ông vua lập hiến. Trong nhiều năm trời, các bộ trưởng được dân bầu ra đã đến với ông và nói rằng: “Tâu bệ hạ ! Vì sự an toàn của đất nước, xin Người hãy làm như thế này, thế kia”. Đôi khi, Ông đã đặt ra các câu hỏi. Mà một khi hoàng đế đã đặt câu hỏi thì điều đó có nghĩa là Ông không bằng lòng. Nói cho cùng, Ông đã ghi dấu ấn như một con người yêu nước: không một ai tạo điều kiện cho Ông để có thể làm khác hơn thế”.

Các cỗ pháo ngoại bang phá toang những cửa khẩu Nhật Bản

Trên thực tế, không một ai có thể giải thích được các bước phiêu lưu đen tối của Nhật Bản từ sau những năm 30 chỉ bằng một vài luận điểm nặng tính chỉ trích. Để hiểu, cần phải trở lại một chút với lịch sử. Từ thế kỷ thứ VII, Nhật Bản đã mang dáng dấp một xã hội tinh tế được cai trị bằng luật pháp. Bộ luật Taiho đã có hiệu lực trong một thời gian rất dài: từ năm 701 đến năm 1885. Biểu tượng cho sự thống nhất nhà nước và sự trường

cửu của dân tộc Nhật là một “Thiên hoàng”, người có uy quyền tuyệt đối trên các thần dân của mình. Theo mô hình Trung Hoa và do ảnh hưởng sâu đậm của Khổng giáo, nước Nhật đã có cả một hệ thống các trường trung học và đại học chuyên đào tạo các quan chức nhà nước và quan lại địa phương. Từ đó, hệt như một con sò, quần đảo Nhật Bản đã đóng chặt cửa với thế giới bên ngoài trong suốt nhiều thế kỷ. Từ thế kỷ thứ XIX, nước Nhật đã bước vào giai đoạn cải cách rất thức thời. Bởi vì sự cô lập khiến cho nước Nhật lạc hậu khủng khiếp so với thế giới Tây phương đến mức, vào năm 1543, xứ sở Mặt trời mọc đã phải hoảng hốt trước một khẩu đại bác trên con tàu Bồ Đào Nha. Sau đó, vào năm 1853, nước Nhật đã lại một lần khiếp nhược khi các cổ pháo Hoa Kỳ và Anh phá toang các cửa khẩu để đòi Nhật Bản mở cửa giao thương với thế giới bên ngoài.

Năm 1859, ba cửa khẩu đã được mở ra cho Anh, Pháp, Hà Lan, Nga và Hoa Kỳ. Nhưng đó cũng chính là lúc chấm dứt chế độ tướng quân Tokugawa vốn ngự trị ở Nhật từ hơn 250 năm trước, và là lễ đăng quang cho thời đại Minh trị. Trước mỗi đe dọa của ngoại bang dọc theo bờ biển, Nhật Bản đứng trước một sự lựa chọn khó khăn. Ở Tokyo, người ta đã sớm hiểu rằng chống chọi với sức mạnh quân sự và kỹ thuật của phương Tây là điều vô ích. Điều đó, không nghi ngờ gì nữa, sẽ dứt khoát dẫn đến thảm họa. Dưới áp lực của ngoại bang, cả hai hoàng đế Nhật và Trung Hoa đều đã phải đi đến cùng một quyết định: mở cửa. Nhưng giữa Trung Hoa và Nhật Bản lại có một sự khác biệt căn bản: nước Trung Hoa với trật tự ngàn xưa bị phá vỡ vĩnh viễn bởi sự xuất hiện của người Tây phương, đã không bao giờ biết thích nghi với thế giới bên ngoài. Nhật Bản, ngược lại, đã quyết định từ bỏ thái độ cố chấp và tìm cách khai thác những tinh túy của phương Tây. Để giữ lấy bản sắc dân tộc và tâm hồn tổ quốc, Minh Trị Thiên Hoàng đã cho rằng cần giới hạn tối đa sự hiện diện của ngoại bang trên đất Nhật. Để làm được điều đó, nước Nhật cần phải hùng mạnh để xóa bỏ sự cách biệt về quân sự, khoa học và kỹ thuật so với các nước ngoại bang. Cần phải làm sao để nước Nhật cũng hùng cường như họ và có đủ sức để chống lại họ. Nhưng, để thực hiện được điều này, xã hội Nhật Bản cần phải được cách tân và thu thập mọi kiến thức tốt nhất của phương Tây.

Lập tức, Minh Trị quyết định bãi bỏ chế độ đẳng cấp, nền tảng của chế độ phong kiến. Các võ sĩ đạo không còn chủ đề mà phục vụ. Họ trở thành những cán bộ mới của nước Nhật hiện đại: giáo sư, luật sư, viên chức cao cấp, nhà quản lý. Nhiều phái đoàn Nhật Bản được cử sang châu Âu và Mỹ để nghiên cứu tinh hoa của các nền văn minh này. Các phái đoàn ấy đã trở về với những kiến thức quý báu, đã được chọn lọc, phân tích, so sánh. Nước Nhật không sao chép. Nó chỉ thu nhận, tiêu hóa, biến đổi và thích ứng với những gì phù hợp với mình. Nhật Bản đã mô phỏng hệ thống giáo dục của Pháp, mô hình hải quân Hoàng gia Anh. Một bộ luật dân sự mới được soạn thảo chủ yếu từ bộ luật của Đức và luật hình sự của Pháp. Nhật Bản đã

nhANH chóng thiết lập một thứ chủ nghĩa dân tộc không phục vụ cho cá nhân như ở phương Tây, mà phục vụ cho dân tộc và ở một chừng mực nhất định, cho tập thể. Đó không phải là chủ nghĩa tự do, mà đúng hơn, là chủ nghĩa gia trưởng độc quyền. Với một nền quân chủ lập hiến và một bộ máy nhà nước hiệu quả, nước Nhật đã bước vào thời kỳ phát triển rực rỡ.

Bài học của Nhật Bản là cần biết chọn lựa những công cụ cụ thể của một nhà nước Tây phương hiện đại mà không hề làm biến dạng tinh thần Nhật Bản. Phương châm này, cho đến tận ngày nay, vẫn giữ nguyên giá trị. Nước Nhật, cường quốc kinh tế, chàng khổng lồ về tài chính, nhà vô địch về kỹ thuật..., bên trong lớp sơn Tây phương, vẫn tiếp tục là một quốc gia với những truyền thống dân tộc mạnh mẽ. Chớ nên lầm lẫn: nước Nhật vẫn luôn xa lạ với thứ văn minh của Mac Donald. Bởi lẽ, bất chấp những xu hướng mới của giới trẻ, tâm hồn Nhật Bản vẫn hầu như không thay đổi trong đa số người Nhật.

Chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi vốn đã dẫn nước Nhật đến sự bại trận phải chăng là một định mệnh của lịch sử ? Từ lâu trong lịch sử, nước Nhật đã nuôi dưỡng một thứ mặc cảm tự ti trước đế quốc Trung Hoa rộng lớn và hùng mạnh. Mặc cảm ấy đã tạo ra một thứ phản xạ tự về và cô lập, mang đậm màu sắc dân tộc chủ nghĩa. Vậy phải chăng cú sốc phương Tây vào cuối thế kỷ XIX đã gây ra những phản ứng tương tự trong giới lãnh đạo ở Tokyo ? Sáu mươi năm sau thời Minh Trị và thời kỳ mở đầu xây dựng một nước Nhật hiện đại, sự phát triển của chủ nghĩa dân tộc lại đã mở đường cho những người chủ trương đóng cửa (sakoku) giành thắng lợi. Những người này tán thành việc tống cổ bọn “man di” ra khỏi đất nước và đối nghịch hẳn với khuynh hướng ngược lại là mở cửa (kaikoku) và quốc tế hóa nước Nhật. Năm 1872, Hinomaru lá cờ Nhật Bản khi được đưa ra, vốn được dân chúng ngưỡng mộ như một biểu tượng của mặt trời mọc lại như tỏa sáng trên toàn thế giới. Hình tượng Hinomaru đã cuốn hút người Nhật như một thứ bùa mê và hướng họ tới những xu hướng dân tộc và bài ngoại dữ dội nhất. Năm 1888, bài quốc ca đã được đưa vào Hiến pháp. Đó là bài Kimigayo, “Triều đại của hoàng đế”. Năm 1890, nước Nhật đã chọn lễ Kigenetsu làm ngày quốc khánh. Lễ này kỷ niệm việc lên ngôi của Jimmu, vị hoàng đế đầu tiên của Nhật Bản, vào năm 660 trước công nguyên. Đó là những biểu tượng. Còn việc lên ngôi của hoàng đế Showa (Hirohito) vào năm 1926 đã đánh dấu việc chuyển hướng nhanh chóng của nước Nhật sang chủ nghĩa quân phiệt và phát xít, vốn đã đẩy đất nước xuống vực thẳm.

Đầu năm 1945, đế quốc bại trận này đã lâm vào tình trạng tuyệt vọng. Hơn một trăm thành phố chỉ còn là những đồng tro tàn. Từ mùa xuân, Tokyo đã bị dội bom liên tục. Ngày 9 tháng 3, chỉ trong một đêm, nhiều quận đã bị san bằng. Trong vài giờ, 700.000 quả bom lửa đã được các máy bay B-29 của Hoa Kỳ ném xuống Tokyo. Dân chúng đã hoài công vô ích để

dập tắt ngọn lửa; chỉ một quả bom thôi cũng đủ biến các ngôi nhà gỗ Nhật Bản thành than trong vài phút. Ngày 10 tháng 3 lại đến phiên Nagoya. Ngày 14, Osaka. Ngày 17, Kobe. Ngày 18, các máy bay dội bom của Hoa Kỳ đã tiến công cụm đảo Kyushu và Shikoku. Ngày 14 tháng 5 là trận dội bom thứ hai xuống Nagoya. Ngày 24 tháng 5, Tokyo lại rực cháy và tiếp tục đổ lửa suốt hai đêm 25 và 26. Trong ba ngày, 8.500 tấn bom Mỹ dội xuống thành phố này. Ngày 28 tháng 5, đến phiên thành phố cảng Yokohama rực lửa. Giới quân sự Nhật Bản thay vì chịu khuất phục, lại đã động viên dân chúng vào một cuộc tự sát tập thể.

Ngày 6 tháng 8, lúc 8 giờ 16 phút, cuộc chiến leo thang đến đỉnh cao của sự kinh hoàng: Hiroshima đã bị xóa sổ trên bản đồ chỉ trong vài giây. “Little Boy”, một quả bom uranium 235 đã được ném xuống thành phố 320.000 dân này từ một chiếc máy bay B-29. Trong một tích tắc sau đó, cả thành phố đã biến thành tro bụi. Ba phút sau, trái nấm nguyên tử đã dâng cao lên bầu trời đến 10.000 mét. Ngày 9 tháng 8, lúc 11 giờ 02 phút, “Fat Man” – một quả bom plutonium 22 kilotonne – đã tàn phá cả thành phố Nagasaki. Sau này, Tom Ferebee, người đã nhấn nút thả trái bom xuống Hiroshima đã tuyên bố: “Đó là một việc phải làm và người ta đã làm”. Theo tổng kết chính thức mới đây của chính phủ Nhật, ^[2] hai quả bom này đã giết chết cả thảy 295.956 người. 38.000 người đã bị giết ngay tại chỗ. Những người khác, những hibakusha (nạn nhân của bom), đã bị chết sau đó do những căn bệnh ghê rợn. Khoảng 10.000 người trong số các hibakusha nhiều năm sau đó, đã chết dần chết mòn bởi chứng ung thư và các căn bệnh khác gây ra do nhiễm phóng xạ. Vào lúc đó, tổng thống Mỹ Harry Truman và chính phủ của ông ta đã bào chữa cho việc sử dụng bom nguyên tử bằng cách nói rằng các quả bom này đã cứu mạng sống cho từ 500.000 đến 1 triệu người Mỹ nhờ buộc được Nhật Bản phải đầu hàng ngày tức khắc. Hiệp định ngừng bắn được ký ngày 15 tháng 8.

Bản tổng kết chiến tranh

Tổng kết của 44 tháng chiến tranh thật khủng khiếp: Nhật Bản thừa nhận có 657.000 binh lính bị thiệt mạng. Hoa Kỳ ước tính con số thực thụ lên đến 1,2 triệu quân nhân và 600.000 thường dân bị chết. Nếu tính số người chết trong toàn bộ hoạt động quân sự của Nhật ở châu Á từ đầu những năm 30 thì chỉ riêng Trung Hoa đã có nhiều triệu người bị chết. Chính phủ Trung Hoa ước tính có khoảng 20 triệu người chết (cả quân nhân lẫn thường dân) do cuộc xâm lược của Nhật Bản ở nước này. Con số này đã bị Tokyo bác bỏ. Dù sao, bà Takako Doi, chủ tịch Đảng Xã hội Nhật Bản cũng đã khẳng định vào tháng 5 năm 1990, rằng cuộc chiến Thái Bình Dương đã làm chết hơn 20 triệu người. ^[3]

Phải mất nhiều năm sau đó, dân chúng Nhật mới hiểu được đầy đủ những nỗi đau khổ mà đất nước họ đã gây ra cho châu Á. Ngay hiện nay, đề tài này vẫn tiếp tục là điều cấm kỵ và các thông tin về những năm tháng khủng khiếp ấy rất khó thu thập. Cuộc xám hối tập thể của dân tộc Nhật Bản vẫn còn chưa kết thúc. Những con quỷ vẫn chưa hoàn toàn bị trừ khử. Những chấn động đã để lại các dấu vết không thể tẩy xóa nổi. Những vết thương lại đột ngột bị tẩy lên vào tháng 8 năm 1990, nhân việc thảo luận về việc gửi quân Nhật sang Trung Đông để cùng các nước trong liên quân buộc Irak rút khỏi Koweit. Sau chiến tranh, nước Nhật đã cam kết vĩnh viễn không sử dụng vũ lực để giải quyết các xung đột quốc tế. Phải chăng người Nhật đã xét lại lời thề của mình ? Ngày 6 tháng 11 năm 1990, một cuộc thăm dò dư luận đã cho thấy một đa số áp đảo đến 78 % người Nhật chống lại việc sửa đổi Hiến pháp và cho phép gửi các lực lượng “phòng vệ” ra nước ngoài.

“Trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, Nhật Bản đã gây ra những tai họa thảm khốc cho biết bao quốc gia đến mức chúng tôi không bao giờ có thể xin lỗi họ cho đủ. Sau những thể nghiệm như thế, chúng ta vĩnh viễn không thể tự cho phép hưởng mũi súng của mình ra nước ngoài, dù là để chống lại người Irak.”^[4] Đó là tuyên bố của Michiko Goto, ứng cử viên Đảng Xã hội tại Quốc hội Nhật Bản.

Năm 1945, các thành phố Nhật Bản là cả một cảnh tượng bi thảm.

“Ông hỏi tôi về tình trạng của Tokyo ư ? Để tôi kể cho ông nghe chuyện này – Guillain nói – Tòa nhà của Sứ quán Pháp đã bị thiêu rụi. Tòa nhà này cũng tương đối nhỏ thôi, thế mà một mình nó đã phải chịu những 35 quả bom ! Nó bốc cháy và chỉ còn lại một căn hầm dưới đất, nơi trú ẩn của một nhân viên làm bếp của chúng tôi. Ông ta đã ở đó với hàng tá đồ hộp dự trữ. Từ nhà ga Ueno, tôi đã phải đi bộ một quãng đường năm cây số mới đến được sứ quán. Quận Azabu nằm trên một ngọn đồi, nơi đặt sứ quán và nơi trước đây đã mọc lên những ngôi nhà san sát nằm dọc những khu phố hẹp. Khi đến đó, giữa các ngôi nhà đổ nát và ngay trên con đường mà tôi từng đi lại hàng ngàn lần... tôi đã lạc đường. Không một thứ gì còn đứng vững ở đây cả. Một lần khác, tôi đã đi đến Yokohama. Để đến đó, tôi phải băng qua suốt Tokyo từ Bắc đến Nam. Để đi như thế, tôi đã phải mất hai giờ trên xe Jeep và suốt quãng thời gian đó tôi thấy không còn một ngôi nhà nào cả. Tất cả, tuyệt đối tất cả, đều bình địa”.

Về những lợi ích mà Nhật Bản tự cho rằng đã mang lại cho khối “Đại thịnh vượng” ở châu Á, quả cũng phải nói rằng, trong một vài trường hợp, các viên chức Tokyo đã có thực hiện một số thay đổi. Họ thậm chí còn thiết lập cả một số cơ sở cho công nghiệp hóa. Cho nên, ở Đài Loan, số người Hoa lớn tuổi thường không mấy gay gắt khi hồi tưởng lại thời kỳ thống trị

của Nhật Bản. Sự thống trị này đã đem lại trật tự cho chính quyền sở tại và Đài Loan đã được hưởng những lợi lộc của một chính sách phát triển kinh tế nói chung là tích cực. Ở đây, người Nhật đã không tiến hành những hoạt động khủng bố như ở Trung Hoa lục địa. Tuy nhiên, ở những nơi khác, ký ức về hành động vơ vét của quân đội Nhật vẫn còn rất đậm nét. Dần dần, những chuyện ấy cũng đã được dân chúng Nhật biến đến. Các phóng viên Nhật Bản muốn phá vỡ bức tường im lặng, đã lên đường săn lùng các tài liệu và nhân chứng cho một giai đoạn lịch sử mà rõ ràng chính quyền Tokyo cố tình bưng bít.

Một nữ đạo diễn trẻ người Nhật, Noriko Sekiguchi, đã dành năm năm sống ở Papua-Tân Guinée để tìm hiểu sự thật về một trong những khía cạnh chưa được biết đến trong cuộc chiến Thái Bình Dương. Noriko Sekiguchi đã công bố một tài liệu mang tên “Những cô gái thời chiến” mà, ngay khi vừa được tung ra vào tháng 4 năm 1990 đã gây nên một cuộc bút chiến gay gắt. Cô đã thuật lại câu chuyện về hàng chục ngàn thiếu nữ Triều Tiên và Nhật Bản bị bắt cóc và cưỡng ép đến những ngôi nhà đóng kín, được canh gác kỹ lưỡng bởi những người lính Nhật. Các cô gái bị bắt đi đều hãy còn trinh để tránh bị bệnh hoa liễu. Họ được đưa đến từ các tàu chiến và bị đối xử như một món hàng thô thiển. Các cô gái Nhật được dành cho sĩ quan, còn các cô gái Triều Tiên thì được giao cho binh lính. Trước khi chết ít lâu, một bác sĩ từng chứng kiến những cảnh tượng này đã thuật lại cho Noriko Sekiguchi biết khách sạn Cosmopolitan của Rabaul ở Papua-Tân Guinée đã bị biến thành một nhà chứa lớn nhất của Nhật Bản ở Nam – Thái Bình Dương. Giá một lần đi khách là hai yên. Mỗi quân nhân Nhật đều có một ca-pốt, bên trên có ghi dòng chữ “Hãy chọc thủng những phòng tuyến đầu tiên”. Mỗi khách chơi đều không được ở quá ba mươi phút với gái điếm, và buộc phải đi ra ngay sau khi xuất tinh nếu không muốn bị “kỷ luật quân sự”.

Đối với Triều Tiên, cuộc đô hộ của Nhật Bản đã để lại những vết thương vô cùng sâu sắc. Trong những lần đến Nam và Bắc Triều Tiên, trái tim tôi đã se lại trước cảnh tượng một nền văn minh với bao kỳ công tuyệt đẹp đã bị phá hủy bởi quân đội Nhật hoàng trong thời gian từ 1910 – 1945. Trong toàn bộ lịch sử của mình, Triều Tiên chưa bao giờ biết đến một tai họa khủng khiếp đến như vậy. Trong giai đoạn đó, hơn hai triệu người Triều Tiên đã bị bắt sang Nhật làm khổ sai trong các phân xưởng để đóng góp cho tiềm lực chiến tranh của Nhật Bản. Do đó, có gì đáng ngạc nhiên khi hầu hết những người Triều Tiên ở lứa tuổi có thể nhớ được, đều nuôi trong lòng một sự nghi ngờ sâu sắc, nếu không muốn nói là một thái độ thù địch công khai, đối với Nhật Bản ?

Ngày 15 tháng 8 năm 1945, thời đại của chủ nghĩa đế quốc quân phiệt Nhật đã chấm dứt. Đế chế Nhật Bản đã phải từ bỏ những dự định điên rồ

của mình. Liệu có cần nhắc lại những vết nhọc nhằn sâu sắc của người Nhật ?

“Một cảm giác thua cuộc hoàn toàn, thất bại tuyệt đối đã bao trùm lên nước Nhật – Guillain nhấn mạnh – Nhưng cảm giác ấy cũng lại đi kèm với cả những tiếng thở dài thoát nạn: chiến tranh đã chấm dứt. Đã chấm dứt những cuộc không tập khùng khiếp và chấm dứt luôn những đạo quân chết tiệt. Cuối cùng, người Nhật đã hiểu rằng mình đã bị lừa dối. Và họ đã lâm vào cảnh nghèo khổ và đói kém trong một thời gian dài.”

II. Tái thiết và cất cánh kinh tế (1945 – 1965)

Đưa có cho kẻ đói, ngay tức khắc hẳn sẽ nuốt chửng con cá. Nhưng nếu dạy hẳn ta câu cá, hẳn ta sẽ có cá ăn suốt đời.

Ngạn ngữ Trung Hoa

1945 – 1955: Những vết thương đóng sẹo

Hôm sau ngày đầu hàng, cả Tokyo đều lao vào cứu lấy những gì còn sót lại trong các ngôi nhà đổ nát. Họ bối tung các đồng gạch vụn để tìm kiếm một vài vật dụng cá nhân còn có thể dùng được. Một người đàn ông đã lôi ra được một cái chậu bằng sứ, mà do một phép màu nào đó, hầy còn nguyên vẹn. Một bà lão đã tìm ra một vài thứ dụng cụ làm bếp và trân trọng xiết chặt lấy chúng trong bàn tay. Khi gặp một người Mỹ, trên đường, người Nhật đều cúi đầu len lết. Những lá cờ Nhật Bản đã hoàn toàn biến mất. Lần đầu tiên trong lịch sử, nước Nhật bị chiếm đóng. Các hạm đội của Đồng minh đã vào bến Yokosuka, trong khi các đơn vị không lực Hoa Kỳ thì đóng tại Tokyo. Dân chúng Nhật đều rút cả về cố thủ trong nhà. Họ nghĩ rằng thời kỳ trả thù đã đến và chờ đợi những hành động tàn bạo từ phía quân đội Hoa Kỳ. Những nỗi tuyệt vọng và xấu hổ đã không kéo dài. Rất nhanh chóng, dân tộc Nhật đã trở thành một tấm gương mẫu mực cho cả thế giới. Nước Nhật đã thua cuộc trong chiến tranh. Đúng ! Nhưng nó đã thắng trong hòa bình.

Sau những cuộc tranh luận kéo dài ở Washington, Hoa Kỳ đã quyết định không truất ngôi vua của Nhật hoàng. Những người chủ trương truất ngôi đã cho rằng hoàng đế là trái tim của một huyền thoại vốn tự xem mình là Thiên hoàng, là hiện thân của chủng tộc thượng đẳng Nhật Bản, thậm chí là chỗ dựa cho chính sách đế quốc, sô-vanh và quân phiệt của Nhật. Những người chủ trương giữ lại ngôi báu thì lại đề cao khuynh hướng dân chủ và tự do từ đầu thời đại Minh Trị, rồi suốt giai đoạn Taisho cho đến những năm 1910 – 1920. Những người này nhấn mạnh rằng nếu muốn lập nên ở Nhật Bản một nền dân chủ thực sự thì hoàng đế sẽ giữ một vai trò ổn định hóa vô cùng cần thiết. Mặt khác, việc truất ngôi và đem xét xử hoàng đế rất có thể sẽ biến nước Nhật thành bất trị. Những lập luận này đã thắng. Hoàng đế chỉ

bị buộc (và ông đã thực hiện điều đó rất sốt sắng, có lẽ vì đã quá mừng rỡ là không bị đưa ra xét xử thô bạo như một tên tội phạm chiến tranh) phải từ bỏ các đặc quyền “thần linh” của mình. Hầu hết các quyền lực chính trị của ông đều bị tước bỏ. Ông chỉ còn là một biểu tượng sống và hợp pháp của dân tộc, cũng như sự thống nhất của Nhật Bản.

Ngày 1 tháng Giêng năm 1946, hơn bốn tháng sau khi nước Nhật tuyên bố đầu hàng, hoàng đế Hirohito đã công khai từ bỏ quy chế thần linh của mình trong một chỉ dụ mệnh danh là “Tuyên ngôn về nhân loại”. Ông đã tuyên bố như sau:

“Các mối liên hệ giữa Trẫm và thần dân của Trẫm luôn đặt trên sự tin tưởng lẫn nhau và lòng tôn kính. Chúng không đặt căn bản trên các truyền thuyết và huyền thoại. Chúng không dựa trên các quan điểm sai lạc cho rằng hoàng đế là thần linh và chủng tộc Nhật Bản là một chủng tộc thượng đẳng và được thượng đế giao cho sứ mệnh thống trị thế giới”.

Lần gặp gỡ đầu tiên giữa tướng Mac Arthur – chỉ huy tối cao các lực lượng đồng minh ở Nhật Bản – và Nhật hoàng Hirohito không diễn ra ở cung điện theo nghi lễ của hoàng triều mà lại diễn ra thật đơn giản ở đại sứ quán Hoa Kỳ. Mac Arthur chỉ mặc áo sơ mi và không đeo cà vạt.

Tư lệnh tối cao của Hoa Kỳ ở Tokyo bắt đầu công việc bằng cách xóa bỏ quân đội Nhật. Hai triệu người đã bị giải giáp và gửi về quê quán. Ngoài ra, sáu triệu quân nhân và dân sự từ các vùng được giải phóng nằm dưới ách thống trị của Nhật trong khối “Đại thịnh vượng” cũng được đưa về nước. 28 tướng lĩnh và viên chức chính trị của Nhật Bản đã bị đưa ra xét xử. Bảy người trong số này trong đó có tướng Tojo Hideki – người được xem như một trong các nhân vật chịu trách nhiệm chính của chủ nghĩa quân phiệt – đã bị kết án treo cổ. Hàng ngàn sĩ quan, hạ sĩ quan và binh lính khác cũng bị đưa ra xét xử vì đã gây ra những tội ác chiến tranh.

Từ tháng 11 năm 1945, tướng Mac Arthur đã ra lệnh cho chính phủ Nhật Bản phải thực hiện năm cải cách cơ bản: Tự do nghiệp đoàn, tự do bầu cử cho phụ nữ, thiết lập hệ thống trường học tự do, bãi bỏ chế độ chuyên chế và dân chủ hóa hệ thống kinh tế.

Một hiến pháp mới, ban hành ít lâu sau đó, đã buộc Nhật Bản phải vĩnh viễn không được gây chiến. Nước Nhật không được quyền có quân đội riêng mà chỉ được có các “lực lượng phòng vệ”. Theo yêu cầu dứt khoát của Mac Arthur, điều đó đã được ghi trong điều IX của Hiến pháp: “Nhân dân Nhật vĩnh viễn từ bỏ chiến tranh xét như là quyền tối thượng của đất nước”. Mặt khác, theo lệnh của Mac Arthur, các zaibatsu (tập đoàn công nghiệp và tài chính lớn nằm trong tay một nhóm các đại gia đình) đã bị dẹp bỏ. Mặc dù, sau này, một số zaibatsu đã khôi phục lại được, nhưng quyết định này, khi ấy, quả đã là một cú đánh lên nền công nghiệp Nhật Bản. Những cải

cách này đã được dân chúng hoan nghênh nhiệt liệt. Chính phủ Nhật, với một sự ngoan ngoãn mẫu mực, đã không gây bất cứ trở ngại nào cho việc thi hành các cải cách, trong khi dân chúng Nhật ngày càng cảm thấy có một nền tự do mà họ chưa từng bao giờ dám nghĩ đến. Một hòa ước với hầu hết các nước trong khối Đồng minh cuối cùng cũng đã được kí kết vào tháng 9 năm 1951. Để chính thức chấm dứt thái độ thù địch, hiệp ước San Francisco đã trao trả cho Nhật Bản chủ quyền của mình, nhưng đồng thời cũng khẳng định Nhật Bản phải trả lại tất cả các lãnh thổ đã chiếm đóng từ năm 1895. Quan hệ ngoại giao đã được nối lại giữa Tokyo và 48 quốc gia. Nước Nhật đã dần dần giành lại vị trí của mình trong cộng đồng quốc tế. Chính trong bầu không khí lắng dịu và đầy hi vọng ấy mà người Nhật đã bắt tay lao động.

Không chậm trễ, họ dốc toàn tâm toàn lực cho công cuộc tái thiết đất nước. Trong công việc này, quả thực họ đã nhận được những trợ giúp khổng lồ của Hoa Kỳ và, chẳng bao lâu sau, Nhật Bản đã nhanh chóng xóa sạch mọi vết tích chiến tranh... bắt đầu từ Tokyo.

“Với một sự nhanh chóng đáng kinh ngạc, dân chúng Tokyo đã dọn sạch thành phố”. Thật là một điều không thể tưởng tượng nổi. Trong vòng 15 ngày, họ đã lập được trật tự. Đó là “tác phẩm” của dân chúng, vì quân đội đã trở về các doanh trại. Người Mỹ chỉ đổ bộ đến sau đó. Rất nhanh, trong bức tranh màu xám xịt, màu bao phủ mọi cảnh sắc Tokyo lúc bấy giờ, đã bắt đầu xuất hiện màu trắng của vỏ bào từ những ngôi nhà gỗ mới cất. Những ngôi nhà này lúc ấy mới chỉ là những cái chòi. Và cũng chính từ những cái chòi này đã được xây lại tức tốc ngay trên những con hẻm trước kia, mà không theo một quy hoạch nào. Phải nói rằng, trong khi vội vã, người ta đã hoàn toàn làm hỏng mất những vẻ dáng cũ của Tokyo” – Guillain kể lại.

Ngay sau khi các lực lượng đồng minh hoàn tất việc phi quân sự hóa hoàn toàn nước Nhật vào cuối mùa thu năm 1945, một phái đoàn điều tra của Mỹ, do Edwin Pauley và Owen Lattimore dẫn đầu, đã đến Tokyo để nghiên cứu cách thức tốt nhất để Nhật Bản đền bù những thiệt hại do những hành động bạo ngược của mình cho các nước châu Á. Phái đoàn đã tuyên bố không úp mở với người Nhật là không thể có chuyện cho phép họ rút những khoản bồi thường dưới dạng các thành phẩm, vì cách bồi thường này sẽ tạo điều kiện cho nước Nhật tăng cường khả năng công nghiệp của mình. Theo ý phái đoàn này, nước Nhật phải thực hiện bồi thường dưới dạng các phân xưởng được tháo gỡ ra, vận chuyển và lắp đặt lại ở các quốc gia, nơi mà quân đội Nhật hoàng đã thực hiện những tội ác man rợ nhất. Một danh sách 1.000 phân xưởng đã được chuẩn bị sẵn sàng. Người ta cho rằng nước Nhật sẽ không bao giờ có thể ngoi lên được đến một mức sống cao hơn các nước châu Á khác. Nếu như 1.000 phân xưởng ấy thực sự được tháo gỡ và

chuyên chở ra khỏi nước Nhật thì, hầu như chắc chắn, Nhật Bản sẽ gặp những trở ngại to lớn trong việc tái thiết nền kinh tế. Nhưng, rất nhanh ở Washington, người ta hiểu rằng việc tháo gỡ các phân xưởng là một công việc nhiều khê và ít có lợi. Cuối cùng, rất ít thiết bị đã rời khỏi nước Nhật. Vài năm sau đó, khi bước vào cuộc chiến tranh lạnh, Hoa Kỳ đã thay đổi hoàn toàn các chính sách của mình. Vấn đề “trừng phạt” từ đó mãi mãi không còn được đặt ra cho nước Nhật nữa.

Tháng 5 năm 1946, nội các đầu tiên được thành lập bởi Shigeru Yoshida, người được mệnh danh là “Adenauer ^[5] của Nhật Bản”. Ít lâu sau, chính phủ đã thông qua kế hoạch phát triển kinh tế đầu tiên. Kế hoạch này rất khiêm tốn và hầu như chỉ bao gồm công nghiệp than đá. Mục tiêu hàng đầu được đặt ra cho năm 1947 là sản xuất 30 triệu tấn than, một khối lượng tối thiểu vừa đủ cho hoạt động của các phân xưởng còn có khả năng hoạt động, cùng một phần thặng dư khiêm tốn là ba triệu tấn để khởi động lại các phân xưởng. Nước Nhật đã quá kiệt quệ để có thể hi vọng có một sự phát triển nhảy vọt. Đối với các nhà kinh tế Nhật Bản, việc ưu tiên cho than đá là giai đoạn đầu có tính chất sống còn để thực hiện các mục tiêu phát triển bước đầu. Bất chấp những khó khăn vật chất vô cùng nghiêm trọng, năm 1947, Nhật Bản đã công bố mức sản xuất thực tế là 29.3 triệu tấn than. Thế là mục tiêu đã đạt được. Từ nay, việc phục hồi nền công nghiệp nặng đã có thể bắt đầu. Và sự phục hồi đó đã trở thành hiện thực: sản xuất công nghiệp của Nhật Bản đã tăng 22% vào năm 1947 và 46% vào năm 1948.

Nước Nhật xây dựng lại các thành phố

Trong vòng chưa đầy ba năm, Tokyo với 90% diện tích bị san bằng bởi bom đạn, đã tìm lại dáng dấp một đô thị con người. Tokyo vẫn còn là một thành phố được chắp vá bằng gỗ tạp, nhưng ở đây, tất cả mọi thứ đều hoạt động. Tàu hỏa bắt đầu chạy lại. Xe buýt cũng vậy. Hồi chiến tranh, phương tiện di chuyển phổ biến nhất là tàu hỏa hoặc xe đạp. Từ đầu những năm 50, hãng Hino Nhật Bản đã sản xuất một dạng xe ba bánh nhỏ mà mỗi khi di chuyển, nó lại phát ra những tiếng nổ lạch bạch như cái tên “Bata bata” của nó với một làn khói mù mịt. Ít lâu sau, cũng hãng Hino này đã sản xuất ra những chiếc xe hơi thực thụ đầu tiên của thời đại hậu chiến, bắt chước kiểu xe 4 CV Renault. Điện báo và các dịch vụ bưu chính cũng được khôi phục. Ưu tiên hàng đầu: trường học được mở lại trong một thời gian kỷ lục. Thậm chí người ta đã thấy đây đó xuất hiện những khung thép đầu tiên của các ngôi nhà cao tầng. Các viên chức chính phủ Nhật, bao gồm cả bộ trưởng Bộ Ngoại giao, đã được đưa về sống ở các lán bằng gỗ. Dần dần, Tokyo đã khoác dáng dấp một thành phố với những ngôi nhà kiểu “hộp giày” nối đuôi nhau thành hàng với các gian buôn bán ở tầng trệt và chỗ ở trên tầng hai. Tất cả được bao bọc bởi một mạng lưới chằng chịt những dây điện lủng lẳng trên các cột điện bằng gỗ hoặc bê tông. Chỉ vài năm sau khi chạm đến

đáy vực thẳm, Tokyo đã thể hiện rõ ý muốn dẫn đầu trong số các thủ đô của châu Á.

Dù vậy, sự nghèo đói hãy còn rất lâu mới có thể biến mất. Rất lâu. Các năm 1946 và 1947, Mac Arthur đã tổ chức chuyển đến Nhật Bản nhiều toa hàng tiếp tế. Dân chúng Nhật thường xuyên bị đói. Người ta ước tính rằng, trong các thành phố, mỗi người dân chỉ ăn một khẩu phần khoảng 1.000 calori mỗi ngày. Lúc mới đầu hàng, nước Nhật có 22 triệu người không nhà ở. 10 triệu người Nhật tức khoảng 1/3 số người thuộc lứa tuổi lao động bị thất nghiệp. Những người bị ảnh hưởng nhiều nhất là những người Nhật bị trục xuất về nước.

Tôi đã phỏng vấn một linh mục Pháp, ông Marcel Le Dorze. Ông này đến Nhật vào năm 1952. Tôi đến gặp ông tại trung tâm truyền bá công giáo Shinsei Kaikan ở quận Shinomachi, giữa thủ đô Tokyo.

“Năm 1952, nước Nhật chìm ngập trong sự đói nghèo. Tôi không nói là khốn cùng nhưng nghèo khổ thì chắc chắn. Dân thành thị trông đúng là thảm hại. Các ngôi nhà chọc trời mà chúng ta thấy ngày nay ở Tokyo thật ra mới chỉ được bắt đầu xuất hiện từ những năm 60. Khắp nơi, trong thành phố chỉ thấy những đường là đường... những con đường sứt lở. Năm 1952, ở Tokyo không có lấy một con đường trải nhựa. Đường sắt đã hoạt động. Nó không được tiện nghi lắm nhưng dù sao cũng là hoạt động. Thành phố không có xe hơi. Vài chiếc xe duy nhất đều là xe Mỹ. Những chiếc xe hơi Nhật Bản đầu tiên được sản xuất khoảng năm 1958. Dân Nhật tuyệt đối không biết đến nghỉ lễ. Trong ngôn ngữ Nhật không có từ này. Ngày chủ nhật, mọi người vẫn làm việc. Mỗi người làm việc cả bảy ngày mỗi tuần và, thông thường, một cường độ lao động như vậy cũng không đủ nuôi gia đình. Những người Thiên chúa giáo tự cho phép mình thói quen xa xỉ là đi lễ mỗi chủ nhật, một ngoại lệ trong xã hội Nhật Bản. Ngày lao động ở đây dài vô tận. Thời điểm kết thúc ngày lao động thường không cụ thể. Chỉ bắt đầu từ năm 1959 người ta mới dần dần áp dụng chế độ mỗi tháng nghỉ hai chủ nhật (chủ nhật thứ hai và thứ tư hoặc chủ nhật thứ nhất và thứ ba). Về phần trẻ em, mặc dù thời buổi khó khăn là vậy, chúng vẫn không phải lao động và phải cấp sách đến trường cho đến năm 15 hoặc 16 tuổi”.

Mọi người có nghĩ đến việc tái thiết đất nước, hiến dâng mình và hi sinh vì đất nước không ?

“Theo tôi thì cuộc sống khi ấy quá khó khăn đến mức mọi người chỉ lo trước hết cho sự tồn tại của bản thân. Đó là một cuộc đấu tranh sinh tồn. Sự thiếu dinh dưỡng thể hiện rất rõ rệt trên đường phố. Rất ít người trông còn có sức sống. Bệnh lao phổi hoành hành khắp nơi, cũng tựa tựa như bệnh ung thư ngày nay vậy. Người ta sống trong những ngôi nhà bằng gỗ. Đồ đạc không có. Các bức tường đều làm bằng ván, sàn bằng đất nện, nhà chỉ có

một phòng duy nhất. Chiếc được sử dụng như một loại “giường xếp”, được đem cất vào một góc cho rộng chỗ, khi cả gia đình thức dậy. Đến cơm bữa, người ta lôi ra sử dụng những chiếc bàn xếp. Buổi tối, mọi người nằm ngủ cạnh nhau trong cùng một phòng. Thường, mỗi gia đình chỉ sống trong một căn phòng cỡ bốn mét vuông. Bản thân tôi sống ở một khu phố bình dân thuộc quận Ueno của Tokyo. Quanh nhà tôi có vô số những quầy sạp của tiểu thương và thợ thủ công. Chính ở nơi đây, tôi đã sống từ lúc mới đến. Trong công viên Ueno, các đường hầm nhà ga đã bị biến thành nơi tá túc. Đó là nơi trú ngụ của những người lính giải ngũ trở về từ Đài Loan, Triều Tiên, Mãn Châu hoặc từ các nước khác ở châu Á. Họ là những người “chân đen” của Nhật Bản. Họ có đến hàng ngàn người sống trong quận, ngay cạnh nơi tôi cư ngụ”.

Trong sự bần cùng ấy, dù sao cũng có một nét đặc điểm trái ngược với các nước khác ở châu Á: rất ít ăn mày. Tất nhiên cũng có những người đi quyên tiền từ các chùa chiền, nhà thờ, giáo hội. Nhưng ăn xin thì hầu như không. Những cảnh cướp bóc cũng là những hiện tượng hiếm hoi. Tuy nhiên, chợ đen thì lại nhan nhản khắp nơi. Đối với nhiều người, đó là phương tiện duy nhất để tồn tại. Một bộ phận lớn dân Tokyo là những nông dân mới kéo đến sống ở thủ đô. Rất hiếm những gia đình có gốc gác ở Tokyo từ nhiều thế hệ. Người ta cũng thường xuống dưới quê để mua rau quả và đem bán lại ở thành phố. Thuốc men, nhất là Penicilline và các loại kháng sinh, rất hiếm và đắt như vàng. Nhiều người bệnh, do không có điều kiện mua thuốc, đã đành phải chịu chết. Không hề tồn tại bất kỳ hệ thống bảo hiểm nào cho người bệnh và khi người chủ gia đình lâm bệnh thì sẽ là cả một thảm họa cho gia đình. Nhiều gia đình trưởng giả phá sản không muốn chen chân vào thị trường chợ đen đành phải rơi vào cảnh bần cùng và đôi khi phải chết đói. Nạn mãi dâm tái xuất hiện ì xèo. Nhưng đó không phải là một thứ mãi dâm thanh lịch và kín đáo của các geishas ở Tokyo thời tiền chiến mà là các nhà chứa thuộc hạng thô thiển nhất, nơi da thịt, với giá mạt hạng nhan nhản trong các ngôi nhà và đặc biệt để mua vui cho quân đội Hoa Kỳ.

Liên minh với Hoa Kỳ: một sự đổi mới

Có hai sự kiện đã giúp Nhật Bản cơ hội để thanh toán dứt điểm sự đình đốn: cuộc chiến tranh Triều Tiên năm 1950 và thế vận hội Olympic năm 1964. Cuộc chiến tranh Triều Tiên đã khiến nước Nhật, từ thân phận một kẻ thù bị đánh bại nhục nhã, được nâng lên thành một đồng minh ưu ái của Hoa Kỳ. Tại sao vậy ? Cuộc chiến Triều Tiên kéo dài ba năm trời. Một lần nữa, nó đẩy Hoa Kỳ vào một cuộc chiến trên sân khấu Á châu. Cuộc xung đột này mang đầy tính chất hủy diệt. Hàng chục ngàn binh sĩ Hoa Kỳ đã phải bỏ mạng. Là người láng giềng của bán đảo Triều Tiên và của nước Trung Hoa cộng sản vốn chiến đấu sát cánh với quân đội Bắc Triều Tiên,

nước Nhật nghiêm nhiên trở nên vô cùng cần thiết đối với Hoa Kỳ để làm hậu phương cho quân đội mình. Mỗi quan hệ giữa Hoa Kỳ và Liên Xô khi ấy cũng đang chuyển sang gay gắt. Với vai trò là một hậu cứ khổng lồ cho quân đội Mỹ, quần đảo Nhật Bản bỗng trở nên một tiền đồn chiến lược vô cùng quý giá đối với Washington. Chính vì vậy, chính phủ Mỹ đã phải xem xét lại toàn bộ những chính sách của mình đối với nước này. Thoạt đầu, Mỹ đã từng dự kiến cùng các nước đồng minh cầm chân Nhật ở một mức độ phát triển trung bình và hòa bình. Nhưng, kể từ năm 1950, chẳng còn ai nhắc đến chuyện bồi thường cho các quốc gia nạn nhân của cuộc chiến Thái Bình Dương nữa. Chẳng những thế, Hoa Kỳ còn quyết định bơm nước Nhật lên để biến nước này thành thành trì của “thế giới tự do” ngay sát Trung Quốc và Liên Xô.

Để làm điều đó, cần phải tiếp sức cho Nhật đủ mạnh và đảm bảo được vai trò lá chắn của phương Tây trong khu vực này của thế giới. Đối với Nhật Bản, việc liên minh với Hoa Kỳ là một vận hội lớn để phát triển. Nó đảm bảo cho Nhật sự che chở quân sự của một cường quốc mạnh nhất thế giới, đồng thời cũng cho phép Nhật với tới những kỹ thuật tinh vi nhất và vươn tới một thị trường rộng lớn và giàu mạnh nhất của thời đại. Được sự trợ giúp của Hoa Kỳ, chủ nghĩa tư bản Nhật Bản nhanh chóng hồi sinh và đảm bảo cho nước Nhật một mức tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới. Nền tảng của kỳ công ấy là một chính sách công nghiệp chặt chẽ của chính phủ Nhật Bản, đặt ưu tiên cho việc phát triển công nghiệp nặng, than đá và năng lượng điện. Kể từ ngày ấy, nước Nhật đã dứt khoát tập trung mọi nỗ lực vào chất lượng sản phẩm. Trong các xí nghiệp lớn, người Nhật đã bắt đầu tập trung sự chú ý và các “vòng tròn chất lượng” đầu tiên. Bắt đầu từ đó, các sản phẩm hướng về xuất khẩu của Nhật Bản đều có thể xem là đồng nghĩa với chất lượng.

Ngày nay, mọi việc đã được sáng tỏ: cuộc chiến tranh Triều Tiên đã giúp cho nền công nghiệp Nhật Bản có được một sự đột phá khổng lồ. Cùng với cuộc chiến tranh Việt Nam ít lâu sau đó, nó đã tạo nên một trong những yếu tố chìa khóa cho việc phục hưng nền kinh tế Nhật Bản. Các xưởng Nhật Bản đã đổ xô và sản xuất hàng loạt những vật dụng do Hoa Kỳ đặt hàng. Trước hết là các xe tải, các linh kiện rời, các máy công cụ, hàng dệt và than đá. Trong các lĩnh vực này, công nghiệp Nhật Bản đã nhanh chóng đạt lại mức sản xuất trước chiến tranh. Sau đó, với sự cho phép của đồng minh, Nhật đã bắt đầu sản xuất các vũ khí hàng loạt để phục vụ cho quân đội Hoa Kỳ.

1955 – 1965: “phép lạ Nhật Bản”

Năm 1955, nước Nhật lại được dịp tô điểm thêm chút ít chân dung của mình trên sân khấu quốc tế với việc gia nhập FMI (Quỹ tiền tệ quốc tế) và GATT (Hiệp định chung về mậu dịch và quan thuế). Ngày đó đánh dấu sự

mở đầu của “Phép lạ kinh tế Nhật Bản”. Mười năm sau chiến tranh, nước Nhật đã lập lại được mức thu nhập bình quân đầu người của thời kỳ trước chiến tranh (1934 – 1936). Bắt đầu từ năm 1955, Nhật Bản đã không ngừng là vô địch tuyệt đối về chỉ số tăng trưởng của GNP (Tổng sản lượng quốc gia). GNP đo lường mức sản xuất của một quốc gia bằng hàng hóa và dịch vụ cũng như mức lợi nhuận của nhà nước, cùng các tích sản hoặc nhân lực của nó ở nước ngoài. Với sự khăng định đáng gờm này, nước Nhật đã dành lấy cho mình hình ảnh của một con sư tử. Chỉ số tăng trưởng đã đạt mức bình quân là 9,9% trong suốt thập niên 1955-1965: một kỷ lục trong thế giới về công nghiệp hóa ! Cho tới năm 1958, những người nghiên cứu về hiện tượng Nhật Bản đã liên kết sự tăng trưởng này với những kết quả của công cuộc tái thiết lại sau những tàn phá nặng nề của chiến tranh. Nhiều người đã nghĩ rằng sự tăng trưởng này sẽ chậm lại trong các năm kế tiếp. Nhưng điều đó đã không diễn ra. Ngược lại, chỉ số tăng trưởng vẫn tiếp tục cất cánh. Dưới sự dẫn dắt của Bộ trưởng Tài chính Ikeda Hayato, người sau này trở thành thủ tướng Nhật trong những năm 1960-1964, nước Nhật đã thực hiện được thành tích thu nhập quốc gia tăng gần gấp đôi trong vòng sáu năm từ 1959 đến 1964. Đó chính là mục tiêu do chính phủ Kishi đặt ra vào năm 1959 và được công bố vào tháng 12 năm 1960. Nhưng chương trình “Shotoku baizô keikaku” này đã dự kiến thời hạn 10 năm để đạt mục tiêu, trong khi trên thực tế Nhật Bản chỉ bỏ ra có sáu năm.

Chỉ số tăng trưởng của GNP ở các nước công nghiệp hóa

Tên nước	1950-55	1955-60	1960-65
Nhật	12,1	9,7	9,6
Hoa Kỳ	4,3	2,2	4,5
CHLB Đức	9,3	6,3	4,8
Pháp	4,3	4,6	5,1
Anh	2,7	2,8	3,3
Canada	4,7	3,3	5,5
Ý	6,0	5,5	5,1
OCDE	5,2	3,5	4,9

*** Nguồn: Thống kê của OCDE**

Những thành quả của Nhật Bản Thật là kỳ diệu: thu nhập quốc gia đầu người tăng từ 162 đô la trong năm 1952 lên đến 694 đô la trong năm 1965 với GNP từ 17 tỷ đô la lên đến 84 tỷ đô la ! Ngay từ năm 1965, Nhật bản đã vượt xa các nước láng giềng châu Á của mình. GNP/đầu người của Nhật Bản đã đạt mức xấp xỉ bằng một nửa của Anh, Tây Đức, Pháp và bằng khoảng ¼ của Hoa Kỳ. GNP của Nhật Bản đã bắt đầu bỏ xa Ý và Canada. Nhật Bản vươn lên chiếm vị trí thứ năm về GNP trong số các quốc gia không cộng sản, đứng sau Hoa Kỳ, CHLB Đức, Anh và Pháp. Năm 1965, Nhật Bản nghiêm nhiên gia nhập câu lạc bộ các siêu cường.

Sự tăng trưởng kỳ lạ này xuất phát từ mức tăng sản xuất công nghiệp gần như theo cấp số nhân, đặc biệt là các hàng thành phẩm. Chỉ số sản xuất của công nghiệp chế tạo đã tăng từ 46 (năm 1955) lên 100 (năm 1960) và 171 (năm 1965). Công nghiệp nặng, công nghiệp máy móc và nhất là công nghiệp hóa chất đều phát triển rất nhanh. Năm 1963, Nhật Bản đã đuổi kịp các nước OCDE (Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế).

GNP và thu nhập đầu người của các quốc gia công nghiệp lớn, 1965

Tên nước	GNP (tỷ đô la)	GNP/đầu người (đô la)	Dân số (triệu người)
Hoa Kỳ	676,3	3475	194,6
CHLB Đức	112,1	1900	59,0
Anh	98,6	1806	54,6
Pháp	94,1	1924	48,9
Nhật	84,6	863	98,3
Ý	56,8	1101	51,6
Canada	48,3	2464	19,6

Kết quả của sự cất cánh công nghiệp này là sự tăng trưởng ngoạn mục về trao đổi mậu dịch với thế giới bên ngoài. Nước Nhật đã bắt đầu xuất khẩu nhiều hơn là nhập khẩu. Điều này vô cùng quan trọng vì nó cho phép Nhật Bản thu hút các nguồn ngoại tệ đủ để đáp ứng những cuộc đầu tư chuẩn bị cho những chiến công ngày nay. Từ năm 1955 đến 1965, trao đổi mậu dịch đã tăng lên hơn bốn lần, từ 2,01 lên 8,45 tỷ đô la. Chỉ số tăng trưởng hằng năm đạt 15% gấp đôi mức bình quân của thế giới. Trong giai đoạn này, các cường quốc thương mại như Ấn Độ, đã bị loại khỏi cuộc cạnh tranh. Trong

10 năm đó, phần của Nhật Bản trong xuất khẩu quốc tế hãy còn khá khiêm tốn, tuy vậy nó cũng đã tăng từ 2,2 đến 4,6%.

Mức xuất khẩu của các cường quốc thương mại (tỷ đô la)

Tên nước	1955	1964	1955-1965
Hoa Kỳ	15,38	27,00	1,76
CHLB Đức	6,14	17,89	2,91
Anh	8,47	13,72	1,62
Pháp	4,85	10,06	2,07
Nhật	2,61	8,45	4,02
Canada	4,42	8,11	1,83
Ý	1,86	7,19	3,87
Ấn Độ	1,28	1,68	1,31

*** Nguồn: OCDE**

Về mặt quốc nội – hình ảnh tiêu biểu cho sự cất cánh kinh tế của Nhật Bản – khu vực nông, lâm, ngư, nghiệp đã nhanh chóng mất đi tầm quan trọng so với các khu vực công nghiệp và dịch vụ. Mặt khác, cuộc cải cách nông nghiệp cũng đã cho phép một lượng lớn hơn các nhà nông và nông dân trở thành điền chủ. Tỷ lệ sở hữu ruộng đất đã tăng từ 36,5% trước cải cách đến 57,1% vào năm 1947. Về mặt công nghiệp, nhiều dự án lớn cũng đã hà hơi tiếp sức cho nhu cầu bức thiết nhằm hội tụ tất cả các điều kiện cho một cuộc đột phá kinh tế vô tiền khoáng hậu.

Shinkansen: tàu siêu tốc nhanh nhất thế giới

Trong số các dự án lớn, phải kể đến công trình xây dựng Shinkansen, “tuyến đường sắt mới” kể từ năm 1958. Đó là tuyến tàu hỏa nhanh nhất thế giới nối liền Tokyo và Osaka dọc theo đường tàu cũ Tokaido. Dự án này được hoàn tất vào năm 1964, 20 năm trước khi Pháp có tàu siêu tốc TVG. Nước Nhật đã có thể tự hào phô trương trước thế giới một kỳ công kỹ thuật chưa từng thấy trước đó: một chiếc tàu điện chạy trên một khoảng đường 500 km với vận tốc trung bình là 200 km/giờ. Cực kỳ quy củ và đúng giờ, cứ 15 phút nó lại xuất hiện một lần vào giờ cao điểm. Khách đi tàu hẳn sẽ nhớ mãi cái cảm giác đang rời Tokyo với vận tốc hơn 160 km/giờ trong một bầu không khí im lặng tuyệt đối, không hề có chút rung chuyển và ngay giữa khung cảnh những ngôi nhà chọc trời. Chưa một nước nào trên thế uviensach.vn

giới, kể cả Hoa Kỳ, từng với được tới một kỳ tích như vậy. Nước Nhật đã chứng minh được tài năng kiệt xuất của dân tộc mình. Nó chứng tỏ một năng lực đổi mới hoàn toàn bất ngờ đối với một đất nước, mà chỉ mới 20 năm trước đây, còn là một bình địa đầy tuyệt vọng. Ngoài ra, còn phải kể đến một thành tích điển hình khác ở châu Á: khai trương xa lộ Nagoya-Kobe vào năm 1964.

Marcel le Dorze hồi tưởng lại những năm khôi phục này:

“Tôi đến Tokyo ngay giữa lúc cuộc chiến tranh Triều Tiên đang sôi sục. Các phân xưởng của Nhật Bản đang chạy hết công suất để sản xuất vũ khí cho mặt trận Triều Tiên. Và kể đến là xảy ra chiến tranh Việt Nam. Những điều này người ta rất ít nói đến, nhưng chúng đã đóng một vai trò quyết định trong việc hồi phục kinh tế của Nhật Bản. Trước hết là Triều Tiên, rồi sau đó là Việt Nam: phải nói là cực kỳ quan trọng ! Sau nữa, hai dự án được hoàn tất đã vực dậy nước Nhật. Rồi đến đường tàu Shinkansen. Tổng thể các công việc lớn này đã trở thành một lực đẩy không thể ngờ được cho nền công nghiệp đất nước. Ít lâu sau đó, người ta tuyên bố tổ chức thể vận hội Olympic ở Tokyo. Nước Nhật cần phải chuẩn bị cho thể vận hội một cách thích đáng. Cần phải xây dựng những con đường lớn. Sau đó, không chỉ là các hồ bơi Olympic mà là cả các khách sạn, các phương tiện chuyên chở. Các nước Nhật đã dồn sức vào đó. Trong ký ức tôi hãy còn giữ lại ấn tượng cả một dân tộc đang bắt tay vào công việc. Và thế là trong quận Veno, nơi tôi sống, đã mọc lên một đường xe điện. Sau đó, người ta quyết định xây dựng một đường xe điện ngầm dưới quận Hibiya. Một đường hầm khổng lồ được khởi công. Đồng thời, hội đồng thành phố cũng quyết định xây dựng một xa lộ treo ở ngay giữa Tokyo để giảm bớt việc lưu thông dưới đất. Người Nhật đã tiến hành hai dự án này mà không hề gây ách tắc giao thông trên đường phố và thậm chí cũng chẳng phải dừng các xe điện lại. Suốt quá trình thi công, chỉ một nửa đường là bị đóng lại không cho lưu thông.

Nhưng năm đầu của thập niên 60 ấy thật là đầy ấn tượng. Đó là thời kỳ của Minole, thị trường thuộc Đảng Xã hội của Tokyo. Ở Tokyo, những điều kỳ diệu như thế thật không có giới hạn. Tất cả nước Nhật đều bắt tay vào lao động. Rất nhanh, các tàu điện đã biến mất và cùng với nó là cả một thời đại. Với những chiếc xe hơi và những phân xưởng đầu tiên, Tokyo đã bắt đầu biết đến tình trạng ô nhiễm. Những chiếc xe ba bánh phát ra những tiếng kêu quái gở. Giống như những con cừu, chúng chồm sang phải rồi chồm sang trái trên mặt đường. Sự ô nhiễm cũng có một ý nghĩa nhất định với những luồng khói thoát ra từ các nhà máy. Nhưng ta chớ nên lầm lẫn. Nếu ở Nhật người ta mang khẩu trang ra đường thì đó là vì nó có nhiều công hiệu; ngày nay, người Nhật vẫn sử dụng nó mỗi khi bị cảm. Với nó, không khí lạnh sẽ trở nên ấm lại và không xộc thẳng vào khí quản”.

Robert Guillain vẫn giữ một kỷ niệm rất sống động về những năm tháng chứa chan sinh khí mới ấy, khi Nhật Bản đã lấy lại sự tự tin của mình.

“Năm 1959, khi rời Trung Quốc để quay trở lại Nhật Bản, trong nhật ký của tôi đã ghi chính xác những từ sau “Họ đã ngẩng cao đầu”. Ngay sau chiến tranh, người Nhật thường cúi khom lưng và hạ thấp đầu do sợ hãi và hổ thẹn. Các lá cờ Nhật đã biến mất trong một thời gian rất lâu. Chúng chỉ mới xuất hiện lại từ những năm 70. Việc tái thiết nước Nhật được thực hiện nhờ người Mỹ. Người Mỹ đã làm rất nhiều để vực dậy nước Nhật. Cụ thể là trong các lĩnh vực tài chính, chuyển giao tri thức, cung ứng hàng hóa, giáo dục (do các giáo sư và giáo viên Hoa Kỳ giảng dạy). Rất nhiều người Nhật đã đến Hoa Kỳ từ rất sớm để được đào tạo.

Nhưng phải nói là ngay ở nước Nhật cũng đã có một khát vọng lao động và tái thiết đất nước. Người Nhật dự định sẽ đuổi kịp châu Âu và Hoa Kỳ trong vòng 10 năm. Kế hoạch hóa nền kinh tế đã được triển khai tốt. Người Nhật muốn xây dựng một nền dân chủ và đã cùng nhau chia sẻ ý thức về sự bức thiết của một chế độ dân chủ. Họ cũng đã trải qua hương vị của tự do, thể hiện qua một cơn bột phát mạnh mẽ của tình yêu. Các cô, các cậu đã bắt đầu cặp kè nhau ra đường và thường trở về nhà muộn hơn. Đó là một điều chưa từng thấy trước kia. Nhưng, trong xí nghiệp, ai nấy đều hiểu rõ rằng cần phải nỗ lực rất lớn để vượt khó.

Tôi không được thấy nước Nhật trong ngày thể vận hội Olympic năm 1964, nhưng tôi đã có dịp quan sát nó ngay trước thời điểm này. Đó là giai đoạn chuẩn bị cho thể vận hội. Phải nói đó là cả một quang cảnh ngoạn mục và lý thú: các con đường siêu tốc trong thành phố hình như đã mọc lên từ cõi hư không. Công việc này chưa bao giờ được tuyên bố và thậm chí cũng chẳng được bàn đến ở Quốc hội. Thật không thể nào tin nổi ở mắt mình khi thấy những con đường bằng bê tông lơ lửng trên đầu và “bay” trên thành phố. Đến nay, người ta vẫn chưa biết rõ lắm những con đường ấy muốn nói lên điều gì và cũng chưa ai từng nghe nói về điều này. Các con đường nhỏ cũng được giải tỏa để thay thế bằng những đại lộ rộng lớn. Đó là cả một công trình khó có thể tin nổi. Nó khiến ta nghĩ đến những cuộc đột kích của các pháo đài bay Hoa Kỳ trên thành phố khi chúng san bằng một lúc nhiều quận huyện để mở các tuyến lửa. Để mở rộng giao thông ở Tokyo, người ta cũng phá đi những con đường cũ. Trước đây, để đến Shinjuku – trung tâm thương mại lớn của thủ đô – ta phải đi theo một con đường dài bất tận với chiều rộng chỉ đủ cho hai chiếc xe hơi. Họa hoằn lắm, một chiếc thứ ba mới có thể luồn lên được nếu thật khéo điều khiển tay lái. Thế mà, đột nhiên ta thấy những ngôi nhà đổ xuống để nhường chỗ cho những con đường hai chiều mà mỗi chiều có đến sáu tuyến xe hơi ! Dân chúng ở hai bên đường đã rời khỏi nhà mình và không ai biết rõ lắm họ được định cư ở đâu. Người ta nói rằng những người đầu tiên rời đi đã được định cư tại các ngôi nhà cao

ráo và tiện nghi hơn. Cùng lúc đó, đường tàu điện ngầm Tokyo cũng được xây dựng. Nó là cả một cảnh tượng bàng hoàng. Tôi còn nhớ một đêm nọ, khoảng giữa đêm, trong một quận mà tôi không biết là quận nào, tôi đã thấy cả một đoàn quân rầm rộ hết như trong cuộc tiến công bộ binh ở Pháp vào chiến dịch năm 1918. Đoàn quân ấy bủa ra dọc suốt hai cây số đường trong thành phố. Họ đợi đến nửa đêm và chờ cho đến khi chiếc tắc xi cuối cùng đi qua. Đúng nửa đêm, họ nhấc lên các tấm bằng gỗ hoặc kim loại mà ban ngày dùng để cho xe qua lại. Và thế là họ bắt tay vào lao động cật lực: hàng đoàn “kiến” người hối hả đào các đường hầm ! Phải nói rằng đó là cả một đạo quân đang lâm chiến. Đến năm giờ sáng, một tiếng còi nổi lên. Họ đóng tất cả lại và cuộc sống lại bắt đầu”.

Một “siêu cường” mới đã ra đời nhưng thế giới còn chưa biết đến

Nước Nhật đã tự khẳng định mình trong cuộc chạy đua phát triển. Nhưng, những người am hiểu về Nhật Bản chỉ hoài công vô ích khi làm rùm beng về sự xuất hiện của một siêu cường mới. Bởi vì thế giới Tây phương, thỏa mãn với những thành công của mình mặc dù còn hết sức khiêm tốn, vẫn không hề để tâm đến. Hoặc có thể, họ không muốn nhìn thấy sự thật ? Năm 1967, Robert Guillain – phóng viên báo Le Monde – đã tháp tùng giám đốc Hubert Beuve-Méry đến Nhật Bản theo lời mời của báo Asahi Shimbun.

“Năm 1967, trong những ngày lưu lại ở đây, tôi đã thực sự khám phá ra rằng nước Nhật đã qua mặt nước Đức một cách “đẹp đẽ” xét về GNP trong sản xuất gang thép và trong hàng tá những lãnh vực khác. Bản thân nước Nhật cũng không ngờ về vị trí mà mình chiếm giữ. Họ không muốn tin vào điều đó. Người Nhật vẫn rất bi quan và lúc nào cũng nghĩ rằng mình đang tiến tới một cuộc khủng hoảng hoặc đổ vỡ gì đó mà tôi không thể nào hiểu nổi. Lúc ấy, người Nhật đã nói với tôi không biết bao nhiêu lần câu nói sau: “Bởi vì các ông nói như vậy nên mọi người đành tin rằng chúng tôi quả thật hùng mạnh”. Lúc ấy, tôi có nói với đại sứ Pháp tại Nhật Bản, ông Louis de Guiringaud, rằng tôi đang viết một quyển sách về Nhật Bản mà tôi đặt tên là “Nước Nhật, cường quốc thứ ba”. Ông ta nhìn tôi và hỏi: “Nước Nhật, cường quốc thứ ba ư ? Này, liệu ông có nói hơi quá không đấy ?”. Rõ ràng ông ta đã không hiểu rõ lắm về những gì đang diễn ra ở Nhật Bản.

MITI, trái tim của sự thành công Nhật Bản

Một cơ quan, hơn mọi cơ quan khác, đóng vai trò bản lề cho sự thành công của Nhật Bản, đó là Bộ Công nghiệp và Thương mại quốc tế (MITI). Chính bộ này, ngay sau chiến tranh, đã bắt tay vào việc tổ chức lại toàn bộ nền công nghiệp quốc gia và, trong những năm kế tiếp, đã kiên trì đeo đuổi một chính sách công nghiệp hướng đến việc phát triển một số lĩnh vực mũi nhọn. Sau ảo tưởng cay đắng về chiến tranh, phương châm lúc này của

người Nhật là “ưu tiên cho kinh tế”. Những bộ óc tốt nhất của đất nước được trưng dụng cho công nghiệp. Mặt khác, nước Nhật lại luôn giữ một thái độ khiêm tốn gần như rụt rè trước các vấn đề quốc tế lớn: Chính phủ Nhật Bản muốn giữ một khoảng cách nhất định trong các vấn đề ngoại giao và chính trị. Trong khi đó, tại nhiều văn phòng và trung tâm nghiên cứu của MITI, người ta đã cân nhắc rất lâu về các cơ may của Nhật Bản và đã đi đến kết luận rằng đất nước không thể dẫn đầu trong mọi lĩnh vực. Vấn đề là phải chọn lựa một chiến lược phát triển đã được vạch ra, đặt sự thành công của đất nước và sự phồn thịnh tương lai trên một vài lĩnh vực ưu tiên. Để có thể cạnh tranh được với quốc tế, các lĩnh vực này sẽ phải cần đến những nguồn vốn khổng lồ của nhà nước. Hàng loạt các tổ hợp công nghiệp và xí nghiệp lớn sẽ được nâng đỡ, trợ cấp, hỗ trợ và hướng dẫn để sao cho, khi tiến quân vào cuộc chinh phục thế giới đủ sức sản xuất và bán ra với giá rẻ hơn trên các thị trường hải ngoại. Có như vậy, mới có thể giành được những phần thị trường và mới chiến thắng. Gành được những phần thị trường: những người lãnh đạo các tổ hợp Nhật Bản chưa hề mơ đến một điều như thế. MITI đã dành ưu tiên cho các lĩnh vực lọc dầu, hóa dầu, tơ sợi nhân tạo, máy công cụ và nhất là ngành điện tử và xe hơi.

Từ đó, tất cả đều được huy động để đảm bảo sự thành công. Luật hải quan nước Nhật Bản cấm nhập khẩu các sản phẩm nước ngoài cùng chủng loại và bảo hộ chặt chẽ nền công nghiệp quốc gia. Nhà nước, qua trung gian Ngân hàng xuất nhập khẩu và Ngân hàng phát triển Nhật Bản, đã cấp những khoản vay với lãi suất ưu đãi và đã tài trợ cho nhiều dự án phát triển. Trong một số trường hợp, các hãng ưu đãi còn được miễn các khoản thuế đánh lên lợi nhuận do xuất khẩu. MITI đã giành được một sự hỗ trợ đa dạng và thường xuyên của chính quyền. Thế lực của MITI đã đạt đến mức không một lãnh đạo xí nghiệp Nhật Bản nào dám tranh cãi về những “lời khuyên” của nó. Chính 15.000 đến 20.000 cán bộ của MITI đã, qua năm tháng, tạo nên sự thành công của Nhật Bản. MITI đã là bộ não của cuộc chiến tranh kinh tế mà, theo nhiều nhà bình luận về Nhật Bản đã cho rằng, đất nước Mặt trời mọc đã không ngừng chống lại phương Tây kể từ sau khi bại trận. Thế là trong khi Hoa Kỳ trở thành vương quốc của chính sách kinh tế tự do, thì Nhật Bản đã trở thành vương quốc của chính sách công nghiệp chỉ huy. Đến mức người Mỹ đã đem các từ “Hãng Nhật Bản” (Japan Inc.), hoặc “Công ty nặc danh Nhật Bản” ra để giễu cợt.

Về cuộc sống của xí nghiệp, nước Nhật cũng đã dựng lên ở đây một mô hình độc đáo của một chế độ chỉ huy và gia trưởng trong công nghiệp: một sự tận tụy tuyệt vời của tất cả nhân viên, công nhân và cán bộ đối với cơ quan nơi mình làm việc. Khi ông chủ đã đặt ra mục tiêu sản xuất thì toàn thể nhân viên đều đồng tâm dốc sức thực hiện bằng được mục tiêu đặt ra. Tổ chức lao động đôi khi cũng mang dáng dấp quân sự: hát ca ngợi xí nghiệp trước buổi làm việc, đồng phục cho mọi nhân viên, giờ lao động phụ

trội thường xuyên đặt ra bởi ban giám đốc, hầu như không có những kỳ nghỉ, sản lượng hàng năm bắt buộc, các hoạt động xã hội ngoài nghề nghiệp theo tổ nhóm. Năm 1965, số giờ lao động trung bình hằng năm của mỗi người Nhật là 2.400 giờ, hơn hàng trăm giờ so với con số ở các nước phương Tây. Đa số nhân viên của các xí nghiệp lớn chỉ biết mình được ưu đãi khi nhận những mức lương bổng cao hơn rõ rệt so với mức lương ở các xí nghiệp nhỏ và vừa. Và lại họ đã có một công việc cho trọn cuộc đời. Được tuyển dụng ngay khi tốt nghiệp các trường đại học hoặc trung học, những người được chọn đã thề nguyện gắn bó suốt cuộc đời mình với xí nghiệp. Sự thăng cấp của họ được tiến hành một cách tự động, căn cứ theo thâm niên làm việc.

Về phần mình, xí nghiệp cũng đảm bảo một mức thù lao và an toàn vật chất cho mỗi nhân viên và gia đình của họ cho dù công việc kinh doanh có gặp trục trặc gì đi nữa. Việc thái hồi không bao giờ xảy ra. Bù lại, các nhân viên cũng chấp nhận dành cả cuộc đời làm việc cho người chủ của mình. Xin nghỉ để thay đổi chỗ làm là một hành động phi lý. Người bỏ xí nghiệp ra đi bị xem như kẻ phản bội và anh ta rất khó tìm được một việc làm ở nơi khác. Điều này người ta cũng đã nói nhiều, nhưng việc so sánh mới thật sự thấy rõ trong mức độ nhất định nào đó, nó giống người võ sĩ đạo gắn bó với lãnh chúa của mình, như lãnh chúa gắn bó các tướng quân. Luật xử thế cũng như thế: để có sự hài hòa gọi là wa mà người Nhật rất coi trọng, xí nghiệp có nghĩa vụ đảm bảo an toàn và bảo vệ đối với nhân viên, bù lại, nhân viên cũng có trách nhiệm phải trung thành và tận tụy với xí nghiệp. Thêm vào đó là ảnh hưởng của Phật giáo ở Nhật cũng như tại nhiều nước khác ở Viễn Đông luôn khuyến bảo con người xóa bỏ tính các nhân trước quyền lợi tập thể, tạo ra một thứ chủ nghĩa bình quân trong các tầng lớp trung bình. Nhìn chung, nhân công Nhật rất ngoan ngoãn, siêng năng, sẵn sàng xả thân, không hề có những xung đột dai dẳng giữa các nhóm xã hội khác nhau như thường diễn ra ở phương Tây.

“Phép là Nhật Bản” trong giai đoạn 1955-1965 còn có thể giải thích bởi các yếu tố khác nữa. Cần phải kể đến việc mất đi những thuộc địa cũ của Nhật vốn là một gánh nặng cho nền kinh tế quốc gia. Việc giảm đột ngột các chi phí quân sự cũng đã cho phép tạo ra những khoản tiết kiệm quan trọng cho ngân sách quốc gia. Nhưng điều còn quan trọng hơn nữa là ý chí sắt đá của người Nhật, muốn đầu tư nhập khẩu kỹ thuật của phương Tây. Ngay từ thời đại Minh Trị, nước Nhật đã có tham vọng muốn vươn lên ngang bằng với các cường quốc phương Tây. Và khi chiến tranh vừa chấm dứt, các nhà lãnh đạo Nhật Bản vẫn tiếp tục không từ bỏ ý muốn san bằng sự chậm trễ về kỹ thuật so với các nước công nghiệp khác. Đặc biệt trong giai đoạn 1959-1964, Nhật Bản đã dành một phần đầu tư đáng kể để mua lại các bí quyết và công nghệ mới từ các quốc gia công nghiệp để áp dụng và sản xuất công nghiệp của nước mình. Không hài lòng với việc chỉ ứng dụng

các công nghệ này cho nhu cầu quốc gia, các nhà kỹ thuật và kỹ sư Nhật Bản đã lao động không mệt mỏi trong các phòng thí nghiệm của họ, tránh xa những cái soi mói của cuộc cạnh tranh, để không ngừng cải tiến các kỹ thuật nhập về.

Một yếu tố nổi bật khác dẫn đến hiện tượng cất cánh kinh tế của Nhật Bản là một năng suất cao đi kèm với mức tiêu thụ nội địa thấp. Không có mối tương quan thần bí này, có lẽ không bao giờ nước Nhật có thể tích tụ được bấy nhiêu của cải để tạo nên sự hùng mạnh ngày hôm nay. Trong các năm cao điểm, các ngành công nghiệp Nhật Bản đã có năng suất tăng nhanh chóng và ổn định trong khi mức lương chỉ tăng một cách ỉ ạch. Điều này dẫn đến một hệ quả kép: giảm chi phí sản xuất và tăng mức lợi nhuận. Thêm vào “hỗn hợp nổ” ấy là một sự đậm bạc và dè xẻn mà người dân Nhật không bao giờ chối cãi. Và đó chính là những điều kiện hội tụ để nước Nhật tích lũy nhanh và tái đầu tư cho nghiên cứu và phát triển. Vòng tròn đã khép lại: những cải tiến và phát minh tuôn ra như thác, các sản phẩm trở nên tốt hơn và rẻ hơn, mức xuất khẩu tăng cao, và giành được những khu vực thị trường mới.

Năng xuất và xuất khẩu trong công nghiệp chế tạo

(Mức tăng trưởng bình quân hàng năm cho giai đoạn 1958-1965)

Tên nước	Sản xuất	Năng xuất	Xuất khẩu
Nhật	15,1	9,4	17,8
Ý	8,9	7,3	16,7
CHLB Đức	7,1	5,8	9,3
Hoa Kỳ	7,6	4,0	6,2
Anh	4,3	3,9	3,8

*** Nguồn: Cơ quan kế hoạch hóa kinh tế Nhật Bản**

Vậy thì sao ? Phải chăng tình hình Nhật Bản năm 1965 là tuyệt đối xán lạn ? Tất nhiên là không. Năm 1960, nước Nhật đã trải qua một cơn náo loạn xã hội. Phong trào phản kháng bùng nổ chống lại việc tiếp tục hiệp ước hòa bình với Hoa Kỳ được đưa ra trước Quốc hội vào tháng 4 năm 1960. Những người theo Đảng Xã hội, Đảng Cộng sản, Hội sinh viên quốc gia (Zengakuren) đã cực lực phản đối việc duy trì hiệp ước. Các cuộc biểu tình nổ ra và lan rộng khắp nước vào ngày 26 tháng 5. Đến đầu tháng 6, các cuộc biểu tình ấy đã chuyển thành một cuộc bạo loạn. Kết quả hàng trăm người bị thương và một người chết. Chuyển viếng thăm Nhật Bản của tổng

thống Hoa Kỳ Eisenhower bị hủy bỏ. Thủ tướng Nobusuke Kishi đã phải từ chức và Hayato Ikeda lên thay thế. Các nhóm cực tả và cực hữu đã trù lên toàn nước Nhật cái bóng tối của sự khủng bố. Nhưng, nhìn chung, Nhật Bản đã thoát khỏi sự hỗn loạn và tiếp tục rải những bước dài trên con đường phát triển. Người khổng lồ thiu thiu ngủ đã tỉnh giấc. Để chứng minh, chúng ta hãy xem các chỉ số sản xuất công nghiệp của Nhật Bản. Nếu chỉ số này là 100 vào năm 1934 rồi tụt xuống 55 vào năm 1948 thì năm 1950 nó lại leo lên đến 84, rồi lên tiếp 181 vào năm 1955 và năm 1960 đạt mức 410. Đó cũng là năm mức tăng trưởng của Nhật Bản lên đến con số 13,2%. Vào năm này, hầu hết các tổ hợp công nghiệp mà tướng Mac Arthur giải tán đều đã quay trở lại (như Mitsubishi, Mitsui). Nước Nhật đã vươn lên trong cạnh tranh quốc tế và đã bước những bước dài về phía trước. Nhưng các đối thủ Tây phương vẫn không hề biết, hoặc đúng hơn, các nhà lãnh đạo của phương Tây đã khẳng khái không muốn nhìn thấy điều đó.

*

III. Cuộc tái chinh phục (1965 – 1980)

Có rất nhiều điều tưởng chừng như không thể thực hiện khi nào ta còn
chưa thử bắt tay vào làm

André Gide,

Nếu hạt giống không chết đi.

Chưa đầy 20 năm, nước Nhật đã thành công trong việc hàn gắn các vết thương và dựng lên những cơ sở cho một nền công nghiệp hiện đại. Chấp nhận thiếu thốn, hy sinh một cách quả cảm trong khi phương Tây đang mải miết vui chơi và thưởng ngoạn những kỳ nghỉ tốn kém, thì dân tộc Nhật Bản miệt mài và tự nguyện đã thực hiện một nỗ lực phi thường. Một ý thức tập thể cao, một tôn ti trật tự nghiêm ngặt, ít có những xung đột xã hội, một kỷ luật sắt và một tinh thần lao động quên mình... tất cả những điều ấy đã đưa nước Nhật lên ngang hàng các “siêu cường” trong thế giới công nghiệp. Đất nước Nhật bắt đầu gặt hái những thành quả đầu tiên. Giờ đây, nước Nhật đã khá mạnh để tiến công vào cuộc chinh phục các thị trường quốc tế.

Sau những thắng lợi đầu tiên, nước Nhật chỉ còn mỗi việc là bắt tay thực sự vào việc. Nhật Bản đã thực hiện công việc đó một cách sinh động. Những năm tiếp theo là những năm bùng nổ liên tục của nền kinh tế. Không ai có thể chối cãi sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng ấy, trừ năm 1974, năm xảy ra cuộc khủng hoảng dầu lửa đầu tiên. Sự đột phá này thật đáng kinh ngạc nếu như người ta biết rằng Nhật Bản hầu như không có những tài nguyên thiên nhiên và nguồn năng lượng. Nhật Bản nhập khẩu hơn 95% lượng dầu hỏa, gỗ và khoáng sản. Thử tài nguyên duy nhất thực sự của nước Nhật là lao động. Chỉ nhờ vào sự táo bạo và ý chí sắt đá của một vài

ông chủ lớn, nước Nhật đã giàu lên nhanh chóng với hàng loạt những ngành công nghiệp khổng lồ. Thành tích của họ vang dội đến mức, ngày nay, ngay cả những kẻ cù bơ cù bất ở phương Tây cũng biết đến tên tuổi của họ: Mitsubishi, Matsushita, Sony, Hitachi, Toyota, Nissan, JVC, NEC, Sumimoto, Fuji và nhiều người khác...

Có lẽ cũng cần nêu vài con số để đánh giá sức mạnh của Nhật Bản: từ năm 1960 đến 1970, sản xuất thép vượt từ 22 triệu tấn lên 93 triệu tấn, nhập khẩu dầu thô tăng vọt từ 33 triệu tấn lên 205 triệu tấn. Trong giai đoạn này, trước nhu cầu bức thiết trên thế giới đòi hỏi phải có những tàu dầu khổng lồ nhất là từ sau cuộc khủng hoảng kênh đào Suez vào năm 1956, ngành đóng tàu của Nhật Bản đã thực hiện được những phép lạ: từ những chiếc tàu dầu với khối lượng trọng tải 1,76 triệu tấn của năm 1960, đã chế tạo thành công những chiếc tàu với khối lượng trọng tải lên đến 12,65 triệu tấn vào năm 1970. Việc sản xuất hàng điện tử, nghe nhìn và điện gia dụng cũng đã làm một cuộc bứt phá ngoạn mục. Nếu như năm 1960, Nhật Bản sản xuất 3,6 triệu máy vô tuyến truyền hình màu thì năm 1970, con số đó đã tăng lên đến 13,8 triệu. Xe hơi Nhật Bản vốn không hề tồn tại hồi trước chiến tranh cũng thực hiện một “bước nhảy” phi thường với hơn ba triệu chiếc sản xuất năm 1970 và hơn sáu triệu chiếc sản xuất năm 1980 so với 165.000 chiếc vào năm 1960. Năm 1970 chưa đến 400.000 xe hơi Nhật Bản được xuất khẩu. Năm 1980, con số này đã là bốn triệu chiếc ! Trong những năm đầu hậu chiến, Nhật Bản còn cần đến các bí quyết (know-how) của phương Tây. Phần lớn xe hơi Nhật Bản đã được sản xuất dưới nhãn hiệu nước ngoài. Nhưng từ nay, Nhật Bản không còn cần đến nó nữa.

Hệ số biến đổi trong các chỉ số sản xuất chính

	1960	1970
Sản xuất công nghiệp	100	373
Sản xuất gang thép	100	410
Sản xuất hóa chất	100	424
Sản xuất máy móc (bao gồm cả xe hơi)	100	579
Sản xuất hàng dệt	100	226

Ở nước ngoài, các sản phẩm của Nhật Bản đã chinh phục hết thị trường này đến thị trường khác. Nước Nhật nhanh chóng trở thành nước dẫn đầu thế giới trong một số lĩnh vực như đóng tàu, máy ảnh, vô tuyến truyền hình, tơ sợi nhân tạo và xe hơi. Xuất khẩu của Nhật Bản đã nhảy vọt lên phía trước. Từ chỉ số 43,9 vào năm 1960 rồi 100 vào năm 1965, nó đã vượt qua

200,8 vào năm 1970. Nhập khẩu cũng tăng với chỉ số biến động từ 56,6 vào năm 1960 rồi leo đến 100 vào năm 1965 và 224 vào năm 1970. Đặc biệt, lĩnh vực xuất khẩu hàng hóa chất đã đạt những kỷ lục với chỉ số từ 29 vào năm 1960, lên đến 100 vào năm 1965 và 280 vào năm 1970. Lĩnh vực sản xuất máy móc (bao gồm xe hơi) cũng có những chỉ số tương ứng là 26, 100 và 263. Hàng xuất khẩu của Nhật Bản đã thâm nhập vào tất cả các thị trường. Năm 1970, Hoa Kỳ chiếm khoảng hơn 30% thị trường xuất khẩu của Nhật Bản, Tây Âu: 15% và Đông Nam Á: 15%.

Năm 1960, GNP của Nhật Bản chỉ mới chiếm 2,9% GNP toàn thế giới với 43 tỉ đô la (215 tỉ franc). Con số này đã tăng lên 6,2% vào năm 1970 với 200 tỷ đô la, 8,6% vào năm 1973 với 411 tỷ đô la, 8,4% vào năm 1976 với 574 tỷ đô la (2870 tỷ franc). Cuộc khủng hoảng dầu hỏa đã tác động đến nước Nhật. Năm 1978 con số này lại tăng lên đến 9,5% với 836 tỷ đô la (4180 tỷ franc). Trong vòng 18 năm, Nhật Bản đã nhân GNP của mình lên hơn 19 lần ! Giải thích kết quả này như thế nào ?

Những công thức của một sự thành công vô tiền khoáng hậu

Trước hết, đó là nhờ lợi tức và năng suất tăng một cách ổn định trong công nghiệp. Xét theo GNP thực tế thì năng suất của Nhật Bản đã tăng trung bình 9% trong thời kỳ 1964-1973. Trong lúc đó, con số này ở Hoa Kỳ là 1,9%, Anh: 3,2%, CHLB Đức: 4,7%. Từ năm 1976 đến năm 1979, sự gia tăng này có hạ thấp nhưng vẫn giữ ổn định mức 4% trong khi ở các nước công nghiệp khác, con số này tụt xuống còn rất thấp.

Diễn biến của năng suất so với GNP (Tỷ lệ: GNP thực tế/số lao động)

	1964-1973	1976-1979
Nhật Bản	9,0	3,9
Hoa Kỳ	1,9	0,7
CHLB Đức	4,7	3,0
Anh	3,2	1,4

Nguồn: OCDE

Chính phủ và các ngành công nghiệp hàng đầu của Nhật Bản đã đầu tư để hiện đại hóa trang thiết bị với một nhịp độ chưa từng có trên thế giới. Trong khi các ông chủ Hoa Kỳ tự cho phép mình những mức lương kếch xù và các cổ đông bỏ túi những phần chia hậu hĩ, thì ở Nhật Bản lợi nhuận bao giờ cũng được đưa vào tái đầu tư. Hơn nữa, trong khi dân Mỹ vui vẻ với

cuộc sống hưởng thụ, thì người Nhật lại rất chí thú với một cuộc sống cần kiệm. Tỷ lệ dành dụm của các gia đình Nhật chiếm đến 20% tổng thu nhập. Đó chính là các khoản vốn mà các ngân hàng Nhật Bản đưa ra cho vay theo những ưu tiên của chính phủ, nhằm tạo ra những khoản tái đầu tư mới có hiệu quả. Người Nhật thì tiết kiệm, còn nước Nhật thì đầu tư cho sự phồn vinh và cho sự tiêu thụ trong tương lai !

Tỷ lệ đầu tư cho công nghiệp / GNP

	Nhật Bản	Hoa Kỳ	CHLB Đức	Anh
1960-65	18,5	9,4	14,2	8,2
1966-70	19,4	10,4	13,0	8,3
1971-78	16,0	10,1	12,1	8,0

Nguồn: Cơ quan kế hoạch hóa kinh tế Nhật Bản

Cách giải thích thứ hai cho sự tăng trưởng liên tục của nền kinh tế Nhật Bản là những tiến bộ về công nghệ. Những khoản đầu tư khổng lồ đã là điều kiện ắt có và đủ cho khả năng cạnh tranh của sản phẩm Nhật trên thị trường thế giới. Chúng cho phép tạo ra hàng loạt những xí nghiệp mới, có tinh thần tiến công, luôn muốn khẳng định, và háo hức muốn cọ sát trong cuộc cạnh tranh quốc tế. Một xí nghiệp trẻ bao giờ cũng dễ tiếp nhận công nghệ mới hơn là một xí nghiệp già cỗi. Những người máy đầu tiên đã ra đời ở Hoa Kỳ vào năm 1960. Chúng chỉ xuất hiện ở Nhật Bản mãi bảy năm sau đó. Nhưng sự chậm trễ này đã nhanh chóng được lấp đầy trong những năm 70. Ngày nay, số lượng người máy ở Nhật Bản đã nhiều hơn số lượng người máy của tất cả các nước trên thế giới gộp lại. Cuối năm 1990, Nhật đã có 250.000 người máy công nghiệp, chiếm 60% thị trường thế giới, so với con số khoảng chừng 37.000 người máy của Hoa Kỳ vào cuối năm 1989. Theo dự kiến, sẽ có khoảng 900.000 người máy ra đời ở Nhật Bản từ nay đến năm 2.000. ^[6]

Việc trang bị người máy và tự động hóa gần như toàn bộ các dây chuyền lắp ráp trong các phân xưởng xe hơi của Nhật đã bắt đầu từ những năm 70, sau nhiều năm chậm trễ so với một số phân xưởng của phương Tây. Nhưng cũng bắt đầu từ đó, xu hướng này đã bị đảo ngược. Nhật Bản đã dẫn đầu. Ai có thể phủ nhận rằng, ở điểm khởi hành, các cơ may đều bằng nhau cho mọi quốc gia ? Đó là vấn đề chọn lựa.

Cách giải thích thứ ba và là cách giải thích chủ yếu cho những kỳ tích của Nhật Bản là kỹ thuật quản lý. Ở Hoa Kỳ và châu Âu, các ông chủ và giám đốc xí nghiệp chỉ nhắm đến một mục đích duy nhất: làm giàu. Còn uviensach.vn

những đồng nghiệp Nhật Bản của họ thì không, hoặc nói chính xác hơn, việc gom tiền vào túi không phải là một mục đích tự thân. Từ bên bờ này của Thái Bình Dương là một cuộc tìm kiếm ráo riết các nguồn lợi ngắn hạn và phân phối lại các lợi tức. Ở bờ bên kia, lại là một chiến lược phát triển dài hạn nhằm kiên trì chiếm lĩnh các thị trường. Ở phương Tây là sự háo hức các nguồn lợi, bất chấp sự thiệt hại của người làm công. Ở Nhật Bản là các lợi nhuận được tái đầu tư và sự hài hòa trong xí nghiệp. Ở châu Âu và Hoa Kỳ, quyền quyết định thuộc về giám đốc. Ở Nhật Bản, quyền quyết định thuộc về tập thể. Đó là sự nhất trí (ringi), một giá trị quan trọng của người Nhật. Đôi khi ringi cũng cản trở việc ra quyết định vì tất cả cán bộ và nhân viên có liên quan đều được hỏi ý kiến. Nhưng một khi quyết định đã được thông qua, nó sẽ được áp dụng lập tức cho đến khi nào hoàn tất. Và tất cả những ai ký vào quyết định đều cảm thấy trách nhiệm của mình.

Một cách giải thích nữa cho sự bùng nổ của Nhật Bản là vai trò trung tâm của chính sách công nghiệp của chính phủ. Chính sách công nghiệp – mà châu Âu đã quên đi hiệu lực – là xương sống cho việc kiến thiết lại nước Nhật

Cách giải thích cuối cùng, có lẽ ít rõ ràng hơn nhưng cũng không kém quan trọng, thậm chí có thể xem là chủ yếu: việc cạnh tranh giữa các công ty tư nhân của Nhật Bản. Đó chính là một thực tế mà nước ngoài thường không biết đến nhưng lại đóng vai trò vô cùng hiện thực và quyết định trong cuộc chạy đua để phát triển ở ngay chính bên trong đất nước Mặt trời mọc. Các nhà kinh doanh và các chính khách của Mỹ và châu Âu hẳn có vô vàn lý do để phỉ nhổ một bạn hàng mà các phương pháp thương mại bị quy kết là bất chính. Việc MITI đã chi phối được hàng loạt các tổ hợp công nghiệp hàng đầu của Nhật Bản là điều không thể chối cãi, cho dù đôi khi nó có bất chấp những luật lệ sơ đẳng nhất của GATT. Đúng thế thôi. Bởi lẽ Bộ này đã hỗ trợ chúng với những khoản trợ cấp, những khoản vay với lãi suất khuyến khích, những sự giúp đỡ về hành chính, những cố vấn về quản lý v.v... và đã bảo hộ cho thị trường Nhật Bản bằng cách ban hành những qui định nghiêm ngặt về hải quan để hạn chế sự cạnh tranh của nước ngoài. Nhưng cũng còn một điều nữa mà người ta thường sớm quên, là một khi các tổ hợp này được đặt vững chắc trên đường ray của cuộc cạnh tranh quốc tế, thì chúng sẽ hết như những con chó săn được xua ra để giết lấy con mồi lớn nhất. Và, trong cuộc “ấu đả”, cuộc cạnh tranh mà các công ty hàng đầu của Nhật Bản tung ra không mệt mỏi, bao giờ cũng khốc liệt, dữ dội, không khoan nhượng và không thương tiếc. Cạnh tranh trở thành một động lực kích thích khu vực tư nhân của Nhật Bản theo đuổi những nỗ lực nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ nhằm tìm kiếm liên tục các mặt hàng mới, thích ứng hơn nữa với nhu cầu của người tiêu thụ và với một giá rẻ hơn của các hãng khác.

Ở phương Tây, đôi khi sự độc quyền đã giết chết sự đổi mới. Ở Nhật Bản, sự cạnh tranh nội bộ đã luôn nuôi dưỡng sự đổi mới.

Bí quyết của Nhật Bản: biết thích nghi

Tuy nhiên, còn một yếu tố khác nữa mà người ta thường bỏ quên, nhưng lại là nền tảng cho sự bành trướng kinh tế của Nhật Bản: đó là khả năng thích nghi với những tình huống mới. Từ 45 năm nay, đã bao lần gặp khủng hoảng hoặc căng thẳng thì cũng bấy nhiêu lần xã hội Nhật Bản lại chứng tỏ một khả năng phi thường vượt qua chặng đường rủi ro bằng cách thích ứng với tình thế. Không những thế, mỗi lần thoát ra, Nhật Bản lại càng mạnh hơn qua thử thách, khi mà đa số các đối thủ cạnh tranh của nó chao đảo, vấp váp hoặc gục ngã.

Cuối năm 1973, Nhật Bản đã bị một đòn trời giáng trước cuộc khủng hoảng dầu hỏa lần thứ nhất. Các nước sản xuất dầu hỏa Ả Rập đã quyết định nâng giá dầu lên gấp bốn lần. Quyết định đó không thể không gây một cú “sốc” nghiêm trọng cho nền kinh tế của Nhật Bản vốn lệ thuộc lớn vào nguồn cung cấp năng lượng của nước ngoài. Dầu hỏa chiếm đến 2/3 nhu cầu năng lượng của Nhật Bản. Năm 1978, lượng dầu nhập khẩu bình quân 35,2% tổng số các nguồn cung cấp năng lượng cho các nước trong OCDE. Tại Nhật Bản, tỷ lệ này là 73,4%. Cuộc khủng hoảng dầu hỏa đã lập tức dẫn đến tình trạng lạm phát ở Nhật Bản. Năm 1974, giá bán lẻ các mặt hàng đã tăng đến 31%. Lần đầu tiên kể từ sau chiến tranh, chỉ số tăng trưởng GNP đã chững lại. Người ta lo ngại sẽ có suy thoái.

Sự lệ thuộc về năng lượng của các nước công nghiệp hàng đầu năm 1980

	Mức độ lệ thuộc về năng lượng (*)	Phần dầu thô trong nhập khẩu
Nhật Bản	84,1%	36,5%
Hoa Kỳ	14,5%	25,8%
CHLB Đức	54,4%	7,7%
Anh	2,7%	8,5%
Pháp	72,6%	19,5%
Canada	6,2%	10,2%
Ý	82,1%	20,5%

Nguồn: OCDE, (*) Được định nghĩa là khối lượng năng lượng nhập khẩu chia cho khối lượng tiêu thụ chung về năng lượng

Những nước Nhật đã thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng này và lại còn mạnh hơn trước đó. Chính phủ Nhật, với MITI ở hàng đầu, đã lợi dụng cuộc khủng hoảng để tái cấu trúc nền công nghiệp một cách sâu sắc và định hướng những mục tiêu ưu tiên hàng đầu mới. Nhật Bản quyết định nhường việc sản xuất hàng hóa đòi hỏi công nghệ thấp và giá trị thặng dư cao cho các nước công nghiệp khác và cho các khu vực ở châu Á đang phát triển nhanh như Đài Loan, Nam Triều Tiên, Hồng Kông và Singapour. Cùng lúc, họ tập trung đầu tư vào các ngành điện tử và xe hơi. Nhưng đáng chú ý hơn cả là các nhà chiến lược Nhật Bản đã nhấn mạnh đến nhiều lĩnh vực mới như người máy, công nghệ sinh học, năng lượng hạt nhân dân dụng. Vài năm sau đó, Nhật Bản đã sẵn sàng tung ra các sản phẩm tiêu dùng của tương lai, trong khi các đối thủ của nó hãy còn trong giai đoạn tìm cách thích ứng với những nhu cầu của ngày hôm nay.

Cũng trong thời gian đó, Nhật Bản lại bắt đầu tiến hành một chương trình đầu tư ra nước ngoài. Khi ấy, nước Nhật hãy còn chưa biết đến chương trình này, nhưng trên thực tế, họ đã bắt đầu mua lại thế giới. Tại sao vậy ? Khối lượng xuất khẩu khổng lồ của Nhật Bản đã gây ra những va chạm về mậu dịch với một số quốc gia và Tokyo đã ngại khả năng xảy ra những cuộc trả đũa hoặc các biện pháp bảo hộ thuế quan. Từ năm 1973 đến năm 1985, Nhật Bản đã đầu tư 70 tỷ đô la (350 tỷ franc) ra nước ngoài. Mục tiêu hàng đầu là Hoa Kỳ. Năm 1978, đầu tư của Nhật Bản ở Hoa Kỳ đã vượt quá 3,4 tỷ đô la (17 tỷ franc) rải đều ở 1.177 xí nghiệp liên doanh, công ty hỗn hợp hoặc các cơ sở với toàn bộ vốn là của Nhật Bản. Tại các cơ sở này có 10.500 người Nhật và 261.000 người Mỹ làm việc. Trong năm 1978, các công ty này đã sản xuất một khối lượng hàng hóa trị giá lên đến 4,8 tỷ đô la (24 tỷ franc). Một trong các hoạt động chính là nhập khẩu xe hơi và cùng năm ấy, các công ty ấy đã nhập khẩu xe hơi của Nhật Bản với một trị giá lên đến 6 tỷ đô la (30 tỷ franc). 113.500 người Mỹ đã trở thành những người bán hàng, những đại lý, những nhân viên lo việc bán xe hơi Nhật Bản ở trong nước mình.

Sự gia tăng các trao đổi mậu dịch của Nhật Bản (tỷ đô la)

	1970	1975	1980	1985
Xuất khẩu	19,3	55,7	129,8	174
Nhập khẩu	18,9	57,9	140,5	118

(Bước nhảy vọt trong nhập khẩu năm 1980 được giải thích bằng

Trên thực tế, cuộc khủng hoảng dầu hỏa diễn ra vừa đúng lúc Nhật Bản quyết định chuyển hướng công nghiệp vốn rất cần thiết và cấp bách. Makoto Kuroda, cựu tổng giám đốc của MITI và là cố vấn đặc biệt của Japan Economic Foundation (Tổ chức kinh tế Nhật Bản) đã nói với tôi:

“Nước Nhật đã gặp nhiều may mắn. Ngay trước cuộc khủng hoảng dầu hỏa lần thứ nhất vào tháng 9 năm 1973, Nhật Bản đã ở trong tình trạng lạm phát. Nhiều người Nhật nghĩ rằng cần phải có biện pháp cân bằng lại đồng yên và phải có bước điều chỉnh về tiền tệ để giới hạn khối lượng tiền tệ và đấu tranh chống lạm phát. Chúng tôi nghĩ còn có khả năng tiếp tục con đường truyền thống trong phát triển công nghiệp như thời gian qua, có nghĩa là ưu tiên tăng sản lượng thép và củng cố công nghiệp đóng tàu. Các kế hoạch của chúng tôi khi ấy vô cùng to lớn. Chúng tôi đã dự kiến sản lượng thép phải đạt đến 50 triệu tấn/năm. Và rồi cuộc khủng hoảng dầu hỏa xảy ra. Điều đó buộc chúng tôi phải thích nghi với tình huống. Giá cả các sản phẩm năng lượng không ngừng leo thang. Điều đó đã đẩy chúng tôi đến việc thay đổi định hướng trong cung cấp nguồn năng lượng. Trước đây, theo truyền thống, năng lượng được cung cấp cho các lĩnh vực tiêu thụ nhiều năng lượng. Song từ nay, năng lượng sẽ được sử dụng để sản xuất các mặt hàng tinh vi hơn, đòi hỏi một mức độ hiểu biết và tay nghề cao hơn. Đó là con đường mà nước Nhật đã dẫn thân vào trong những năm 70”.

Tất cả các đối thủ của Nhật đều không biết cách làm như vậy. Makoto Kuroda nói tiếp:

“Trong khoảng 20 năm cuối này, trong những năm 70 và 80, chúng tôi đã trở nên khá mạnh, chắc chắn là do khả năng thích ứng với tình huống mới của người Nhật. Người nước khác đã hành động ra sao ? Chúng tôi có thể so sánh được thôi: cùng thời kỳ này, người Mỹ đã cố tránh việc tăng giá dầu hỏa bằng cách dập tắt việc tăng giá khí đốt và dầu hỏa trong nước họ. Họ tìm cách tự cách ly với các yếu tố bên ngoài này. Còn ở Nhật Bản, do đất nước không có lấy một nguồn năng lượng nào ngoại trừ một lượng than đá ít ỏi, chúng tôi không còn cách nào khác hơn là phải chấp nhận những áp lực từ bên ngoài. Chúng tôi không còn lựa chọn nào khác hơn là phải tìm ra một con đường mới để phát triển”.

Năm 1979, nước Nhật lại lâm vào cuộc khủng hoảng dầu lửa lần thứ hai với hai lần tăng vọt giá dầu thô và giữa năm 1979 đầu năm 1980. Chi phí dầu hỏa của Nhật Bản đã tăng đến 30 tỷ đô la (150 tỷ franc) mỗi năm. Lạm phát tăng 20% hàng năm. Nhưng, cũng chính từ cuộc khủng hoảng này, nước Nhật lại đã thoát ra, không những không bị thiệt hại gì lớn mà còn hùng mạnh hơn trước. Một lần nữa, Nhật Bản đã biết cách thích nghi với những khó khăn từ môi trường bên ngoài để tiếp tục phát triển.

Cuộc trao đổi với ông Makota Kuroda diễn ra ngay tại trung tâm Tokyo, trong văn phòng rộng lớn của ông thuộc Japan Economic Foundation, trên tầng thứ 11 của tòa nhà Fukoku Seimei, một trong những công ty bảo hiểm giàu nhất của Nhật Bản. Giàu đến mức phô trương một cách tự hào trong phòng tranh của tòa nhà trọc trời như một biểu tượng không thể chối cãi về sự sung túc của mình, một bức tranh nguyên bản của Gustave Courbet (1819-1877) mang tên là Cối xay gió trong bình minh và một bức tượng bằng đồng của Antoine Bourdelle (1861-1929) với tựa đề Sự trần trụi của hoa trái, thể hiện một người phụ nữ trẻ khỏa thân đang cầm những hoa trái trên tay. Viên chức Nhật Bản cao cấp này hiện vẫn là một trong những cố vấn gần gũi của chính phủ, tiếp tục chứng minh với tôi không chút ngạo mạn nào trong giọng nói và điệu bộ của ông ta mà chỉ duy nhất có sự hãnh diện – một sự hãnh diện rất chính đáng của một trong những người thợ, hay nói đúng hơn là kiến trúc sư cho sự thành công của Nhật Bản.

“Khi cuộc khủng hoảng dầu hỏa lần thứ hai bùng nổ thì nền kinh tế của nước Nhật đã chuyển hướng và đã bước vào hướng mới này. Hồi đầu những năm 80, cụ thể là các năm 1982 và 1983, chúng tôi đã tin rằng mình đang hồi phục sau hai cuộc khủng hoảng dầu hỏa. Khi đó, sự ngang giá của đồng yên được giữ ở mức thấp. Đó là một điều không hay, nhưng đồng đô la thì lại rất cao. Nhờ vậy, Hoa Kỳ đã có được một sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ. Sự tăng trưởng này kéo theo nhu cầu đối với hàng hóa Nhật Bản. Chính hiện tượng này đã giúp nước Nhật khôi phục hoàn toàn sau các cuộc khủng hoảng dầu hỏa. Xuất khẩu tăng vọt và Nhật Bản đã có điều kiện để tích lũy các nguồn vốn lớn. Sau đó, trong các năm 1985 và 1986, đã diễn ra sự kiện endaka – nghĩa là tăng giá đồng yên so với đồng đô la. Hiện tượng này có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng cho việc xuất khẩu của chúng tôi. Nhưng, một lần nữa, chúng tôi có lẽ lại gặp may. Giá dầu hỏa lại bắt đầu tụt xuống: từ đỉnh cao là 30 đô la/thùng (150 franc) vào đầu năm 1986, giá dầu đã giảm dưới 10 đô la/thùng (50 franc). Tính trung bình, giá dầu đã giảm một nửa. Trong khi trị giá đồng yên tăng gần gấp hai lần thì đồng đô la giảm một nửa. Một nửa của một nửa là một phần tư. Chính vì thế mà chúng tôi thường đưa ra con số sau đây: năm 1980, chúng tôi đã chi 13.000 tỷ yên để nhập dầu. Số tiền này chiếm đến 5,5% GNP của năm đó. Năm 1987 và 1988, chúng tôi chỉ phải chi ra 3.000 tỷ yên (108 tỷ franc) để mua dầu, tức là thấp hơn 1% GNP của chúng tôi ! Đó là những khoản tiết kiệm đáng kể đang cần để củng cố nền kinh tế quốc gia vào thời điểm mà nó đang vấp phải một sự sa sút nghiêm trọng trong xuất khẩu, đã lên đến 79.000 tỷ yên (2.844 tỷ franc). Đây quả là những khó khăn đã “giúp” cho chúng tôi càng thêm mạnh: cuộc khủng hoảng dầu hỏa lần thứ nhất và thứ hai, cũng như việc tăng giá đồng yên. Xét bề ngoài thì đây là những vấn đề nghiêm trọng đối với chúng tôi. Nhưng kỳ thực, các vấn đề ấy lại trở thành cơ may cho nước Nhật định hướng đúng đắn. Tôi cần phải nói rằng chúng tôi đã làm uviansach.vn

việc khá cật lực để thích nghi với những tình huống mới nhờ vào các cải tiến công nghệ”.

Đó chính là một trong các công thức tạo nên sức bật kỳ lạ của nền kinh tế Nhật Bản.

Thành tựu kinh tế của Nhật Bản từ năm 1979 đến năm 1981

	Chỉ số tăng trưởng thực của GNP			Chỉ số gia tăng lạm phát		
	1979	1980	1981	1979	1980	1981
Nhật Bản	5,9	5	3 ¾	3,6	6 ¼	5 ¼
Hoa Kỳ	3,2	- ¾	¾	11,3	10 ½	10
CHLB Đức	4,5	1 ¾	- ¼	4,1	5 ¼	4
Anh	1,6	- 2 ¼	- 2	13,4	15 ½	12
OCDE	3,3	1	1	8,6	11 ¼	9 ¾

Hệ quả tất yếu của sự phát triển kinh tế của Nhật Bản: sau một thời gian dài tự mặc cảm rằng đất nước mình sẽ không bao giờ tiến được xa, người Nhật đã dần dần lấy lại sự tự tin. Mặc cảm tự ti trước người da trắng vẫn còn đó, nhưng đã bắt đầu mờ nhạt. Năm 1964, một cuộc thăm dò dư luận của NBC (Nippon Broad casting Corporation) cho thấy 65% người Nhật được hỏi đã nghĩ rằng phương Tây “vượt” trên Nhật Bản về mặt kinh tế. Chỉ 17% là có ý kiến ngược lại. Năm 1971, tình hình đã hoàn toàn đảo ngược: 40% người Nhật cho rằng Nhật Bản “vượt” trên phương Tây so với 15% ngược lại. Còn đối với người Tây phương, châu Á còn quá xa xôi và Nhật Bản thì còn quá nhỏ bé nên tham vọng của khu vực và đất nước này muốn giành ưu thế trên thế giới, đối với họ, vẫn chưa có gì nguy hiểm. Thế nhưng...

Hai điển hình cho sự thành công ngoạn ngễ của Nhật Bản

Người ta có thể lên án Nhật Bản vì tất cả các trò lừa đảo trong thương mại và tất cả các trò phản trắc về tài chính. Nhưng ai cũng phải thừa nhận thiên tài của Nhật Bản trong lĩnh vực thiết kế và chế tạo các sản phẩm tiêu dùng hấp dẫn và thực tiễn. Phủ nhận điều này sẽ là một sự lỗ bịch. Thái độ đó giống như con đà điểu vùi đầu xuống cát để từ chối nhìn thẳng vào sự thật. Hơn nữa, hàng hóa của Nhật Bản nói chung đều tốt. Đã từ lâu, chúng không còn đồng nghĩa với hàng dỏm nữa. Ngày nay, ta sẽ thấy lỗ lã khi

xem lại một đoạn trong bộ phim Mỹ Công chúa và cướp biển, trong đó Bop Hope đang ném một cái nhìn giận dữ lên khẩu súng bị kẹt đạn của mình và bức bối thốt lên: “Made in Japan !”. Để minh họa cách thức mà Nhật Bản đã leo lên hàng đầu trong số các cường quốc công nghiệp của thế giới, chúng tôi xin chọn mô tả hai quá trình: quá trình phát triển của công nghiệp điện tử và quá trình phát triển của công nghiệp xe hơi. Thật ra, chúng tôi cũng có thể chọn những điển hình khác, vì các ví dụ về thành công của Nhật Bản phải nói là vô số.

Ngành đồng hồ chẳng hạn. Thử hỏi nhà sản xuất đồng hồ nào của châu Âu là không bị tổn thương trước những tiến bộ vượt bậc của ngành đồng hồ Nhật Bản ? Có thể khẳng định rằng không ai trong số đó là không bị tổn thương cả. Sự cạnh tranh bất ngờ của nhà chế tạo Nhật Bản – như là Seiko, Citizen hay các hãng khác – đã làm rung chuyển một cách dữ dội sự độc quyền của châu Âu, đến mức mà các hãng nổi tiếng, đã phải phá sản vì không còn khách mua. Không còn một pháo đài nào còn được dành lại cho châu Âu: từ đồng hồ đeo tay loại thường đến đồng hồ đeo tay loại cao cấp; từ đồng hồ báo thức loại phổ cập đến đồng hồ quả lắc trong nhà bếp; từ đồng hồ văn phòng cho đến các đồng hồ công cụ chính xác... Khắp mọi lĩnh vực người Nhật đều đặt dấu chung cuộc. Người Nhật là những người đầu tiên đã tung ra thị trường với số lượng lớn các loại đồng hồ điện tử Quart vận hành tốt hơn và giá rẻ hơn các loại đồng hồ chạy bằng cơ truyền thống. Người Nhật cũng là người đầu tiên bán ra các loại đồng hồ có ghi năm, tháng, trước cả khi các hãng Tây phương kịp nhận ra thảm họa để có thể ngăn chặn một sự xuất huyết, thì các hãng Nhật Bản đã tiêu diệt gọn một bộ phận cạnh tranh đáng kể nằm bên ngoài biên giới của mình. Đến năm 1990, trong số 753 triệu đồng hồ sản xuất ra trên thế giới, riêng đồng hồ Nhật đã chiếm 325 triệu chiếc. Ngành đồng hồ Thụy Sĩ chỉ còn 78 triệu chiếc. ^[7]

Chuyện tương tự cũng đã diễn ra với xe máy. Các nhà chế tạo Nhật Bản đã bắt đầu xâm nhập vào thị trường này từ cuối những năm 60. Cuộc đánh cược thật là khó khăn và liều lĩnh, bởi vì người Nhật không hề có kinh nghiệm đáng kể nào trong lĩnh vực này. Nhưng các samurai bước vào cuộc cạnh tranh này không thể nào chỉ dựa vào thị trường hạn hẹp của nước mình để mà sống. Để không phải thất bại một cách thảm hại, cần phải hấp dẫn được khách hàng Tây phương và xuất khẩu hàng loạt. Đối với các xí nghiệp của châu Âu và Hoa Kỳ, bầu trời khi ấy hãy còn rất xanh, không một áng mây. Norton, BSA, Triumph của Anh; Guzzi, Ducati của Ý và nhiều hãng khác nữa đã bán ra các loại xe mô tô và xe đạp gắn máy với một quy trình thiết kế và mẫu mã (Design) rất ít thay đổi so với hồi trước chiến tranh. Các kiểu dáng đề nghị chỉ có tính chất phụ thuộc và mỗi hãng tự điều hành lĩnh vực thương mại của mình. Động cơ bốn thì, thẳng trục, ăn lái nhẹ và tạo

cảm xúc mạnh ở những khúc quanh, đảm bảo không chảy dầu và rung động: các xe máy này đã là niềm vui của lớp trẻ sôi động. Khi mới xuất hiện trên thị trường, những chiếc xe máy đầu tiên của các hãng Nhật Bản Honda, Suzuki, Kawasaki và Yamaha không có gì là cách mạng sâu sắc. Nhưng người Nhật quả đã mang lại những sản phẩm cách tân. Bởi các xe máy của họ đều sạch sẽ, đều được trang bị bởi một động cơ mạnh, đều có gắn bộ khởi động điện và có nhiều chiếc được mạ crôm. Hơn nữa, những chiếc xe hào nhoáng với tiếng kêu như muỗi ấy lại dễ khởi động, mùa hè cũng như mùa đông. Yếu tố thuyết phục cuối cùng cho những ai còn do dự : giá của chúng quá rẻ !

Thành công của người Nhật diễn ra tức khắc và như sét đánh. Sức bán của các đối thủ cạnh tranh châu Âu cũng hạ xuống một cách đột ngột và vô phương cứu vãn. Vài năm sau đó, vẫn còn những quái xế châu Âu, với bộ ria mép và chiếc áo da dày, tiếp tục trung thành với những chiếc mô tô khổng lồ nhiều phân khối của Anh hoặc Ý. Đối với họ, các xe máy Nhật Bản kia không phải là những mô tô thực thụ, mà chỉ là một thứ xe đạp máy cho các cậu công tử con nhà giàu. Thế là, năm 1969, xuất hiện một loại mô tô Nhật Bản mang tên là CB 750 Honda. Đó là một chiếc xe bốn xi lanh, bốn thì, 750 phân khối với công suất lên đến 67 mã lực. Bản thân tôi cũng đã từng có một chiếc như vậy và phải thừa nhận rằng tôi đã dành cho nó tất cả lòng yêu mến. Nó rất đẹp, thanh lịch và chạy rất tốt sau gần 100.000 cây số đường. Kể từ 20 năm nay, chiếc xe đã mang đến một phát minh tầm cỡ: thắng đĩa ở bánh trước. Hơn nữa, nó có thể đạt đến 170 cây số/giờ một cách dễ dàng và an toàn. Kiểu xa này là một biểu tượng cho sự ưu việt của Nhật Bản trong lĩnh vực xe máy.

Kể từ thời điểm ấy, Nhật Bản là nước duy nhất ấn định các định chuẩn của xe máy cho các khách hàng Tây phương. Và hậu quả không lấy gì đáng ngạc nhiên đã diễn ra: lần lượt nối đuôi nhau, các nhà chế tạo châu Âu ngoại trừ hãng BMW đã phải đóng cửa. Thật ra, ở Hoa Kỳ cũng còn hãng Harley Davidson vất vả bán những chiếc xe máy của mình cho các người mua không sành điệu. Nhưng, ngoại trừ hãng này và hãng BMW của Đức và một vài cơ sở không đáng kể khác, công nghiệp xe máy của phương Tây đã ngưng tồn tại. Mặc dù vậy, người Nhật vẫn không hề giảm bớt mức xông xáo. Họ luôn tự khẳng định mình bằng một tinh thần không ngơi nghỉ. Tại sao vậy ? Bởi vì sự cạnh tranh đã dời về nước Nhật và giờ đây nó đang diễn ra giữa những nhà chế tạo của chính xứ sở Mặt trời mọc...

Chúng ta cũng có thể nêu thêm trường hợp của ngành nhiếp ảnh: trước khi xuất hiện trên thị trường vào những năm 60 các máy ảnh Nikon, Asahi Pentax và Minolta, các nhà sản xuất máy ảnh của châu Âu và Hoa Kỳ đã trải qua những năm tháng huy hoàng. Người Pháp là vô địch trong lĩnh vực quang học. Người Đức bán các kiểu máy ảnh nổi tiếng là bền của mình.

Người Mỹ tung ra hàng loạt các máy ảnh với giá hạ. Còn bây giờ thì sao ? Chỉ còn duy nhất hãng Kodak là sống sót. Rất nhiều hãng đã bị sập tiệm. Nhiều hãng khác đang chơi với do tiếp tục “cứng đầu” trước một sự thất bại không thể đảo ngược được. Trong lĩnh vực máy thu hình, công nghiệp sản xuất phim 8mm đã lạc hậu từ lâu và được thay thế bởi các caméscope. Người Nhật hầu như là những kẻ duy nhất trên thị trường này. Họ đang chuẩn bị đè bẹp các nhà cạnh tranh châu Âu trong lĩnh vực vô tuyến truyền hình. Trong lĩnh vực máy ghi hình (magnétoscope), cuộc chơi đã phân định: chỉ có người Nhật, người Nam Triều Tiên và người Đài Loan.

Công nghiệp điện tử : người Mỹ bị đánh gục

Nhưng ta hãy tạm ngừng bản liệt kê này lại. Chúng tôi sẽ không đề cập tiếp đến các lĩnh vực điện gia dụng, lĩnh vực hi-fi, lĩnh vực văn phòng, lĩnh vực truyền thống... nói tóm lại là vô số các vật dụng của Nhật Bản đã trở thành quá quen thuộc với chúng ta trong cuộc sống thường ngày ở nhà cũng như tại cơ quan.

Còn về điện tử thì sao ? Ở Nhật Bản cũng như ở nhiều nước khác, chính nó đã tạo ra những tiến bộ kỹ thuật đầy ấn tượng mà người ta sửng sốt bắt gặp trong mọi lĩnh vực của công nghiệp nhẹ. Cũng chính ngành điện tử, trong những năm tới đây, sẽ tiếp tục hướng đạo cho đa số các phát minh kỹ thuật mũi nhọn. Ngành điện tử của Nhật Bản là một kiệt tác của sự thành công. Sự thành công ấy đã được tạo ra trên sự tổn thương của một nước khác: Hoa Kỳ... và đối với Hoa Kỳ, điều đó đã trở thành một thảm họa quốc gia.

Công nghiệp chế tạo điện tử của Nhật Bản là một anh hùng ca tuyệt vời. Đó là một cuộc chiến từng giờ từng phút giữa hai đối thủ rất khác nhau: một đối thủ phương Đông rất tỉ mỉ, nhanh nhẹn, thận trọng và liên tiếp thẳng điểm. Chiến thắng của “anh ta” là điều không thể tin được cho đến điểm gút của cuộc đấu, vì những bất lợi của “anh ta” vào đầu cuộc đấu và vì những thành tích khiêm tốn của “anh ta” sau thảm bại 1945. Đối thủ kia, đối thủ phương Tây, là một đối thủ hăng hái, sáng tạo, nhưng lại vụng về, quá tự tin và không biết lường trước mục tiêu của cuộc đấu. “Anh ta” tin rằng đó là lối chơi tối ưu và đã bỏ qua những điểm dễ đạt được, cho tới một lúc mà mọi sự đều đã trở nên quá muộn màng.

Nước Nhật bị tàn phá bởi chiến tranh và thiếu thốn mọi kinh nghiệm, đã xuất phát chậm trễ trong cuộc cạnh tranh. Khởi đầu, chẳng ai thêm chú ý đến nó. Người Mỹ đã giữ một vai trò thống trị to lớn đến mức gã lùn Nhật Bản chắc chắn không thể khiến họ phải sợ hãi. Họ giữ cho mình một thái độ kẻ cả đượm nét khoan dung và đôi khi cả sự khinh rẻ.

Makoto Kikuchi, giám đốc trung tâm nghiên cứu của Sony đã nhớ lại thời kỳ ấy:

“Khi trung thực hồi tưởng lại những ngày ấy, tôi thường thấy nảy ra hình ảnh so sánh giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản, giống như một giáo sư đang xoa đầu một cậu bé học sinh thần đồng đang học ở cấp I hoặc cấp II. Từ một đất nước với một nền văn hóa hoàn toàn khác lạ và bị đánh ngã trong chiến tranh, cậu bé ấy đã học tập một cách say mê và đã đạt được điểm cao. Đó chính là lý do vì sao các nhà nghiên cứu Hoa Kỳ luôn quan sát chúng tôi với biết bao độ lượng.” [8]

Nhưng, cũng từ đó, David tí hon đã cả gan đương đầu và đã quật ngã chàng khổng lồ Goliath. Goliath đang giẫy chết và đã nhận ra David.

Những phát minh lớn về vật lý đều được thực hiện ở châu Âu. Chính ở đây đã xuất phát các định luật về âm thanh, về điện, về điện từ. Những ứng dụng của chúng ở cuối thế kỷ trước và đầu thế kỷ này là điện tín, điện thoại, vô tuyến điện thoại và vô tuyến truyền hình. Nhưng lịch sử cận đại đã phải ghi nhận hầu hết các phát minh về điện tử hiện đại từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai là phần công lao của Hoa Kỳ. Trên cơ sở các phát minh ấy đã diễn ra cuộc cách mạng lần thứ nhất, mà nếu không có nó, sẽ không có gì trở nên hiện thực cả: đó là sự ra đời của transistor. Được phát minh vào năm 1948, transistor có chứa một lượng tí hon chất germanium, silicium hoặc một thể nào đó có khả năng bán dẫn. Nó cũng thực hiện các chức năng hết như bóng đèn điện tử: khuếch đại và hướng tín hiệu điện tử theo một chiều định sẵn. Nhưng transistor lại nhỏ hơn bóng đèn điện tử hàng trăm lần, ít bị nóng hơn, chỉ tiêu thụ một phần nhỏ năng lượng so với bóng đèn và nhanh hơn vô cùng. Thế là chiếc bóng đèn điện trở đã bị tuyên án tử hình. Những người phát minh ra transistor và John Bardeen, Walter Brattain và William Shockley. Cả ba đều làm việc trong phòng thí nghiệm của công ty Bell của Hoa Kỳ.

Ngày nay, đa số lớp trẻ có lẽ chưa bao giờ được thấy tiền thân của transistor. Về phần mình, tôi vẫn nhớ chiếc máy phát thanh chạy bằng bóng đèn của ông bà tôi. Ọc ạch, nóng rực, nặng nề và đồ sộ, nó chiếm cả một chiếc kệ trong gian bếp của các cụ tại Auvergne – một ngôi làng ở miền núi nước Pháp. Ai đó đã nhét vài tấm bưu ảnh vàng úa vì năm tháng giữa chiếc nẹp bằng kền, nhằm trang trí cho “con quái vật” và mảnh vải chùng chiếc loa phóng thanh. Vài tấm bưu ảnh khác được gắn bằng kim gút lên phần vỏ bằng gỗ của chiếc máy. Chiếc đài cũ kỹ này hiện vẫn tồn tại và vẫn chạy được. Tôi đã giữ nó như một vật bảo tàng. Đến khi trưởng thành, bản thân tôi cũng đã chơi lắp ráp một chiếc đài bằng galen. Trong những năm 50 và 60, trong các phòng thí nghiệm của mình, một số nhà khoa học Hoa Kỳ đã chế tạo thành công những chiếc máy tính chạy bằng bóng đèn. Những con “khủng long” ấy rất kém hiệu quả và tiêu tốn năng lượng một cách kinh khủng...

Sau khi transistor được tìm ra, ai là người đầu tiên mua lại bằng phát minh ? Đó là người khổng lồ tương lai: SONY của Nhật Bản. Tuy vậy, vào năm 1948, nước Nhật vẫn còn gượng dậy rất khó khăn sau những tàn phá của chiến tranh... Nhưng, ngay khi tin tức về phát minh transistor được loan báo, các kỹ sư điện tử của MITI đã chú ý ngay đến mẫu tin mô tả phát minh trên báo chí và lập tức bắt tay vào nghiên cứu các khả năng ứng dụng nó trong công nghiệp. Nhưng do đâu họ lại dám mơ đến việc san bằng sự chậm trễ so với Hoa Kỳ ? Đó là một điều dường như hoàn toàn không thể được, một điều không tưởng. Ở Nhật Bản, các phòng thí nghiệm khi ấy được chiếu sáng rất tồi, sưởi ấm cũng tồi và toàn bộ trang thiết bị chỉ là vài dụng cụ đo cũ kỹ may mắn còn sót lại sau chiến tranh. Không có các tài liệu khoa học để hướng dẫn các nghiên cứu. Các nhà nghiên cứu đã ngủ lại trong các phòng ngủ tập thể dành cho 12 hoặc 15 người. Nhiều tháng sau đó, các kỹ sư Nhật Bản sáng giá nhất hẳn còn uống công “mổ xẻ” một vài chiếc transistor và diode mà các đồng nghiệp Hoa Kỳ đã hào phóng đưa tặng. Tinh thần người Nhật lúc ấy đã lại được nâng lên. Quá khứ đã ở sau lưng họ và họ chỉ còn nghĩ đến việc xây dựng tương lai. Sau nhiều cố gắng không kết quả, mãi đến năm 1953 những nghiên cứu của Nhật Bản về transistor mới đạt được những kết quả xứng đáng.

Năm 1959 là năm của cuộc cách mạng lần thứ hai trong lĩnh vực điện tử: sự ra đời của mạch tổng hợp. Các tác giả của phát minh này lại một lần nữa là người Mỹ: Robert Noyce của Fairchild, và Jack Kilby của Texas Instrument. Họ đã thành công trong việc gắn lên trên một bảng mạch nhiều chi tiết điện tử, bán dẫn và chất dẫn điện tổng hợp trên một mô đun duy nhất. Mạch tổng hợp thể hiện những ưu điểm cần thiết của mạch dẫn và mạch in: nó choán ít chỗ hơn vì người ta có thể đặt nhiều chi tiết hơn vào một không gian cho sẵn, đồng thời vận hành tốt hơn và ít hao tổn năng lượng hơn do sự liên lạc giữa các chi tiết của mạch là trực tiếp và chắc chắn. Mạch tổng hợp đã làm giàu cho những người phát minh ra nó vì các ứng dụng của nó trong công nghiệp quả là rất tiện lợi: điện thoại, máy thu radio cực nhỏ, vô tuyến truyền hình, máy tính bỏ túi... tất cả đều phải nhờ cậy vào mạch tổng hợp. Hồi đầu những năm 60, hố ngăn cách có vẻ như lại càng được đào sâu hơn nữa giữa Hoa Kỳ với châu Âu và với Nhật Bản. Công ty IBM lừng danh của Hoa Kỳ đã chế tạo thành công chiếc máy tính điện tử thế hệ thứ hai.

Gần như cùng một lúc, một phát minh khác đã đem lại vinh quang cho hãng Intel của Hoa Kỳ: bộ nhớ điện tử. Đó là một bộ nhớ bên trong có lưu trữ thông tin dưới dạng các tín hiệu điện tử, trong khi chờ đợi lần xử lý tiếp sau. Bộ nhớ đầu tiên này có công suất 1 kilobit. Người ta có thể lưu vào và cất giữ trong đó đến 1.000 thông tin. Năm 1971, các nhà nghiên cứu Hoa Kỳ đã có một phát hiện mới trong lĩnh vực điện tử: bộ vi xử lý. Đó là một

mạch duy nhất có mang đặc tính của máy vi tính nhưng lại có kích thước chỉ bằng đúng một con tem. Năm 1973, Intel đã chế tạo thành công bộ nhớ DRAM (Dynamic Random Access Memory) công suất 4 kilobit. Năm 1975, lại một bước tiến mới: từ đây, một bộ nhớ duy nhất có thể lưu trữ đến 16K. Từ lúc ấy, những công ty duy nhất đảm đương nổi việc chế tạo các tuyệt tác kỹ thuật này là các công ty Hoa Kỳ: Mostek, Intel, Motorola và Texas Instrument.

Trong lĩnh vực điện tử, người Mỹ có vẻ như bất khả chiến bại. Sự chậm trễ của châu Âu thật là kinh khủng. Nước Nhật hầu như không hề tồn tại. Như vậy, ở phương Tây liệu ai còn hạ cố chú ý đến một điều luật mà Nhật Bản đã công bố vào năm 1957 ? Điều luật ấy đã mở đường cho các biện pháp đặc biệt nhằm đẩy mạnh việc phát triển công nghiệp điện tử. Trên thực tế, nước Nhật đã nhanh chóng hiểu được tầm quan trọng sống còn của ngành điện tử. Điều luật nói trên của Nhật Bản đã loan báo với các tổ hợp công nghiệp Nhật Bản rằng, kể từ ngày ấy, ngành điện tử là một trong các lĩnh vực ưu tiên của chính phủ. Chính phủ Nhật Bản đã quyết định hy sinh tất cả để san bằng sự chậm trễ so với Hoa Kỳ. Việc thực hiện điều luật ấy đã rõ ràng: MITI, phối hợp cùng các nhà công nghiệp Nhật Bản, chọn ra các sản phẩm mục tiêu và định hướng các tuyến nghiên cứu. MITI sẽ nắm tay các nhà công nghiệp và tung họ vào chiến trường này. Chính phủ Nhật Bản đã hỗ trợ mọi khoản trợ cấp cần thiết. Các ngân hàng Nhật Bản được khuyến khích cho các nhà công nghiệp dùng cầm vay tiền. Những công ty được điểm phúc chọn ra là Fujitsu, Hitachi, Mitsubishi Electric, Nippon Electric Company (NEC), Oki và Toshiba. Đối với các nhà quan sát chăm chú (số này không nhiều), sự tương phản giữa Nhật Bản và Hoa Kỳ thật đáng kinh ngạc: ở Hoa Kỳ, bất chấp tính chất chiến lược đặc biệt của ngành điện tử, khu vực tư nhân vẫn bị thả nổi một cách trơ trọi, nhân danh thứ triết lý tự do kinh doanh gần như tối thượng.

Trong vài năm tiếp theo đó, các công ty Hoa Kỳ vẫn còn tiếp tục chiếm lĩnh vị trí hàng đầu. Đầu những năm 70, chẳng phải IBM đã tung ra chiếc máy tính thế hệ thứ ba với bộ nhớ công suất lớn đến 16K đó sao ? Trong khi đó, Nhật Bản vẫn còn đang phải cố gắng rút tĩa điều gì đó ở các máy tính thế hệ thứ hai đã lỗi thời. Cũng vì vậy, ở Tokyo, người ta đã thay đổi mục tiêu. Hiểu ra rằng việc cố gắng bắt kịp những chậm trễ trong lĩnh vực máy tính là vô ích khi nào còn chưa làm chủ được công nghệ bộ nhớ, MITI đã quyết định vào đầu năm 1975, tập trung các nỗ lực vào một loại mạch thần kỳ. Một năm sau, Nhật Bản đã cho thấy một dấu hiệu mới về quyết tâm của mình: một dự án lớn về phát triển các mạch tổng hợp siêu cao (VSLI) quy tụ MITI với gã khổng lồ của ngành vô tuyến truyền thông Nhật Bản NTT (Nippon Telegraph and Telephones) và 5 tổ hợp lớn (Hitachi, Fujitsu, Mitsubishi, NEC và Toshiba). Trong 5 năm, người Nhật đã làm việc như điên cuồng và đã đạt đến một ngàn bằng sáng chế. Từ đó, sự đối đầu để dẫn

đến chiến thắng chung cuộc đã diễn ra trên lĩnh vực duy nhất: bộ nhớ điện tử. Mục tiêu chính của MITI thể hiện một sự táo bạo đến điên rồ: thiết kế và hoàn tất một bộ nhớ 64K trước Hoa Kỳ và trước năm 1980.

Về phần mình, Hoa Kỳ chưa bao giờ thực sự tìm cách bảo vệ nền công nghiệp của chính mình. Sinh viên và kỹ sư Nhật Bản đã được tiếp đón nồng nhiệt tại các trường đại học Mỹ. Makoto Kikuchi kể lại làm thế nào vào tháng 9 năm 1960, khi ông còn là một nhà nghiên cứu trẻ tuổi, đã may mắn được nhận vào phòng thí nghiệm của Viện Công Nghệ Massachusetts và từ đó có thể chiếm lĩnh, chỉ trong một thời gian ngắn, những tinh túy nhất trong công nghệ của Hoa Kỳ để đem về phục vụ cho đất nước mình. Các bằng phát minh cho các phát hiện mới nhất hầu như đều có thể moi được không mấy khó khăn. Sau này, người Mỹ đã giận dữ lên án Nhật Bản là đã do thám họ và đã sao chép một cách thô thiển các kỹ thuật của họ. Ở thời kỳ đầu phát triển ngành điện tử Nhật Bản, sự bắt chước quả là một điều tất nhiên. Chính người Nhật cũng sẵn sàng thừa nhận điều đó: Họ đã hình thành một hệ thống tình báo công nghệ độc nhất vô nhị trên thế giới. Nhưng ai là người thực sự chịu trách nhiệm ? Phải chăng là các phòng thí nghiệm của Mỹ đã không chú ý bảo vệ các công trình của mình ? Hay là những kỹ sư Nhật Bản vốn khao khát tri thức đã không ngại ngần nắm lấy ngay những gì đã được trao tặng cho họ một cách hào phóng như vậy ?

Vào cuối những năm 70, những đám mây đen đầu tiên đã tích tụ trên bầu trời của ngành điện tử Hoa Kỳ. Cơn giông rõ ràng chẳng còn xa xôi nữa. Bộ nhớ Nhật Bản đầu tiên với công suất 16K đã được đưa ra thương trường vào năm 1978. Không chậm trễ, nó đã chiếm lĩnh thị trường Hoa Kỳ. Rất nhanh sau đó, các khách hàng Hoa Kỳ đã thừa nhận một điều: các bộ nhớ “made in Japan” vận hành tốt hơn rõ rệt so với các bộ nhớ “made in USA”. Điều này lại chứng tỏ một điều nữa: Nền công nghiệp Nhật Bản đã đạt đến mức làm chủ được các điều kiện cực kỳ hạn hẹp để chế tạo các mạch điện tử tốt hơn nền công nghiệp Hoa Kỳ. Các điều kiện ấy đặc biệt đòi hỏi phải tạo ra một loại vật liệu có độ tinh khiết gần như hoàn hảo (độ tinh khiết phải đạt tối thiểu 9,999999) trong các phòng cực sạch. Một lý do khác khiến không một khách hàng nào có thể bàng quan: bộ nhớ Nhật Bản rẻ tiền hơn. Người Nhật sẵn sàng thi hành chính sách phá giá; mặc dù chi phí sản xuất của họ cao hơn của Hoa Kỳ, họ vẫn bán trên thị trường Hoa Kỳ với giá hạ hơn giá cạnh tranh và cao hơn giá bán trên thị trường Nhật. ^[9] Tại chính nước Nhật, toàn bộ thị trường đều được dành cho hàng trong nước, nhờ những hàng rào hải quan hầu như không thể vượt qua nổi. Hệ quả logic của tất cả các biện pháp đó: chỉ cần hai năm, các bộ nhớ Nhật Bản đã đủ sức chiếm lĩnh 40% thị trường thế giới.

Năm 1980, MITI đã quá đủ cơ sở để hài lòng. Nền công nghiệp trong nước đã thực hiện được lời giao ước của mình và đã chế tạo thành công bộ

nhớ 64K đầu tiên. Kể từ đó nhịp độ phát triển đã không ngừng tăng tốc. Cuối năm đó, người Nhật đã công bố một tin tức làm nổ tung các văn phòng các công ty chế tạo lớn của Hoa Kỳ. Không thỏa mãn với việc đưa ra bộ nhớ 64K đồng thời với Hoa Kỳ, NTT tuyên bố sẽ chế tạo bộ nhớ 256K đầu tiên của thế giới. IBM và AT&T (hai hãng chế tạo lớn nhất của Hoa Kỳ) cũng chỉ đạt được thành tích như vậy rất lâu sau đó. Bị rơi vào thế lúng túng, người Mỹ đã nhận ra rằng họ đã bị người Nhật qua mặt trong một lĩnh vực sống còn là điện tử. Trong các phòng thí nghiệm Nhật Bản, ngược lại, là một không khí hân hoan rộng khắp. Nhưng ở bên ngoài, sự khiêm tốn vẫn được duy trì rất nghiêm ngặt. Ngay cả khi ở Tokyo, mọi người đều hiểu rất rõ rằng năm 1980 đã đánh dấu một bước ngoặt quyết định trong cuộc chạy đua Nhật Bản – Hoa Kỳ. Chỉ ít là trong lĩnh vực này, nước Nhật đã thực sự dẫn đầu cuộc đua và sẽ vĩnh viễn không rời bỏ vị trí ấy nữa. Dần dần, Nhật Bản đã “cuốn” đi phần thị trường của Hoa Kỳ, đến mức mà việc sản xuất bộ nhớ của Hoa Kỳ ngày nay không còn nghe thấy tăm hơi gì.

Thị trường bộ nhớ điện tử trên thế giới

	Nhật Bản	Hoa Kỳ	Châu Âu	Các nước còn lại
1980	23%	75%	2%	0%
1982	39%	58%	3%	0%
1984	54%	42%	5%	0%
1986	65%	27%	5%	3%

Diễn biến kế tiếp của lịch sử là một chuỗi dài những chiến thắng vang dội của Nhật Bản trước Hoa Kỳ. Trong cuộc chiến tuyệt vọng và đơn độc của các hãng Hoa Kỳ, các chuyên gia phải chiến đấu đơn phương cho sự tồn tại của chính mình chống lại cả một Nhà nước-Dân tộc hoàn toàn gấn bó và đoàn kết cùng nhau trong nỗ lực chung. Các bộ nhớ Nhật Bản bắt đầu tràn ngập thị trường. Vào tháng 7 năm 1981, sản lượng hàng năm của Nhật Bản về bộ nhớ có công suất 64K đã tăng lên đến chín triệu đơn vị. Một năm sau đó, con số này đã lên đến 66 triệu ! Đối nghịch hẳn với các luật lệ của GATT, nước Nhật với MITI ở hàng đầu, đã theo đuổi một chính sách giá cả rất bành trướng bằng cách bán chịu lỗ, điều mà các hãng Hoa Kỳ không thể chịu đựng được lâu do không bao giờ được sự trợ cấp của chính phủ. Cuộc chiến trở nên quá sức, không cân bằng, nhưng lần này sự thua thiệt là ở về phía người Mỹ. Thế là, do mất quá nhiều tiền, nhiều công ty Hoa Kỳ đành quyết định ngưng sản xuất các bộ nhớ điện tử. Silicon Valley đã không chịu đựng nổi cú sốc này. Và chỉ khi mà chẳng còn gì đáng kể để có thể gượng dậy trong một tình huống hầu như tuyệt vọng, khi mà sự giận dữ của các

nhà sản xuất Hoa Kỳ đã lên đến tột độ và khi mà, nhiều lần, thực tế đã cho thấy Nhật Bản đã sao chép và sử dụng chính sách phá giá trên quy mô lớn..., chỉ khi ấy chính phủ Hoa Kỳ mới bắt đầu bày tỏ thái độ bức bối và đe dọa trả đũa Tokyo.

Lo lắng, Nhật Bản đã chấp nhận ký kết thỏa ước đầu tiên về bán dẫn vào tháng 11 năm 1982. Tuy vậy, chính phủ Nhật chỉ mới cam kết “thử đảm bảo” cho các công ty Hoa Kỳ những cơ may bình đẳng trên thị trường Nhật Bản như các công ty Nhật Bản trên thị trường Hoa Kỳ. Trên thực tế, những lời hứa hẹn của Nhật Bản đã không làm thay đổi được gì. Một thỏa ước thứ hai về bán dẫn đã được ký kết một năm sau đó. Chính phủ Nhật Bản khẳng định rằng họ sẽ “khuyến khích” các nhà tiêu thụ lớn ở Nhật Bản để họ mua các bộ nhớ của Hoa Kỳ nhiều hơn. Vô ích: tình thế vẫn cứ tiếp tục tồi tệ đi. Việc bán phá giá vẫn tiếp diễn. Một bộ nhớ Nhật Bản 256K được bán với giá hai đô la (10 franc) trong khi giá thành của nó tối thiểu là ba đô la (15 franc). Nền công nghiệp bán dẫn của Hoa Kỳ sẽ còn phải chịu đựng những tổn thất đáng kể. Từ năm 1985 đến năm 1986, tổn thất này lên đến hai tỷ đô la (10 tỷ franc). Chỉ còn một lối thoát duy nhất: giải tán. Những thiệt hại của Nhật Bản thật ra còn cao hơn thế. Nhưng chúng được xé lẻ cho toàn bộ các tổ chức và cơ quan tài chính của Nhà nước. Trong khi người Nhật đang ngốn dần phần lớn thị trường Hoa Kỳ, thì phần thị trường Nhật Bản do các công ty Hoa Kỳ chiếm giữ hầu như không hề gia tăng và chỉ dao động quanh con số 10%.

Theo ý kiến những người đàm phán về phía Hoa Kỳ thì mục tiêu mà Tokyo tìm kiếm đã quá rõ: tiêu diệt sự cạnh tranh để chiếm trọn thị trường. Do chú ý nuôi dưỡng một đồng minh chiến lược có ý nghĩa sống còn cho sự an ninh của các lực lượng Hoa Kỳ ở vùng châu Á Thái Bình Dương, chính phủ Mỹ đã ngập ngừng chưa dám dẫn lên một bước đến những hành động trả đũa hiệu quả và thích đáng. Phải đến tháng 1 năm 1986, chính phủ Hoa Kỳ mới quyết định mở một cuộc điều tra về hoạt động phá giá của Nhật Bản, Washington, sau đó, đã đẩy lên sự đe dọa trừng phạt, thể theo một điều luật gọi là “Super 301”, theo đó tất cả các bạn hàng thương mại nào của Hoa Kỳ thực hiện những thủ đoạn bất chính sẽ phải chịu một giai đoạn trừng phạt, biểu hiện bằng các biện pháp trả đũa trong thương mại. Một lần nữa, người Nhật lại nhần nhục chấp thuận những cuộc đàm phán mới và sau sức ép ghê gớm của Nhật Bản đối với các nhân vật Mỹ có tình cảm với Nhật Bản, một thỏa ước mới về bán dẫn đã được ký kết ngày 2 tháng 9 năm 1986. Tokyo chịu cam kết mở cửa thị trường cho các sản phẩm Hoa Kỳ và nhất là chịu để kiểm soát giá cả các bộ nhớ Nhật Bản bán ở bên ngoài nước Nhật. Về phần mình, Hoa Kỳ sẽ chịu bãi bỏ tất cả các hoạt động truy tố về hành vi phá giá của Nhật Bản.

Cả thỏa thuận này cũng không mang lại bất kỳ một kết quả thuyết phục nào, và ngày 27 tháng 3 năm 1987, Hoa Kỳ đã phải đưa ra các biện pháp trừng phạt dưới dạng thuế hải quan lên đến 300% cho lô hàng tiêu dùng của Nhật Bản. Những trừng phạt này lại được bãi bỏ một năm sau đó. Nói chung, giờ đây đã không còn phải lúc để phản ứng nữa, bởi vì những phản ứng của Hoa Kỳ đã trở nên hỗn loạn.

Trong những phần kể tiếp, chúng ta sẽ thấy ngành điện tử Nhật Bản đã từng bước “cầm cương” thị trường thế giới ra sao (không riêng gì lĩnh vực bộ nhớ), đã đẩy lui đối thủ Mỹ và khiến đối thủ này bị lúng túng như thế nào. Khi nào cuộc đấu vật kết thúc ?

Công nghiệp xe hơi: sự thống trị

Trên lĩnh vực đặc biệt có sức thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế quốc gia này, sự đột phá của Nhật Bản lại càng dữ dội hơn nữa. Cũng giống như công nghiệp điện tử, công nghiệp xe hơi của Nhật Bản cũng xuất phát rất chậm trễ. Trên thực tế, nó đã khởi đầu từ con số 0 hoặc gần như vậy. Tệ hơn nữa, vào cuối chiến tranh thế giới lần thứ hai, nền công nghiệp cạnh tranh ở châu Âu đã trụ chân rất vững vàng mới một lịch sử đầy hào khí (đối với một số hãng xe) từ đầu thế kỷ. Các cải tiến công nghệ chính đã được khai thác trong các xưởng lắp ráp: hộp số đồng bộ, dẫn động bánh trước, các bộ phận treo độc lập, thắng đĩa v.v... Hãng Ford ở Hoa Kỳ từ nhiều chục năm trước đó, đã bắt đầu việc sản xuất dây chuyền. Kiểu xe Ford T nổi tiếng đã được sản xuất đến 15 triệu chiếc, kỷ lục thế giới tuyệt đối. Nước Mỹ thời hậu chiến đã lặn ngụp trong niềm phấn khởi trước một sức phát triển kinh tế mạnh mẽ và chiếc xe Hoa Kỳ đã là biểu tượng cho sự thành công về mặt xã hội và cho sự tự do các nhân. Từng trăm ngàn chiếc một, các xe Ford, Chrysler, General Motors đồ sộ đã tung hoành dọc ngang khắp mọi nẻo đường của các thành phố. Ở Pháp, Citroen là hãng đầu tiên đã sản xuất và bán ra một loại xe hơi dẫn động bánh trước mang tên là Traction. Chiếc 2 CV, một kiểu xe rất khiêm tốn lúc khởi thủy, đã được cải tiến để có thể chuyên chở với vận tốc 60 cây số/giờ hai người cùng một giỏ khoai tây cũng đã bán chạy như tôm tươi. Hãng Renault cũng thành công trong việc tung ra một chiếc xe bốn chỗ ngồi, được trang bị động cơ 4 CV (mã lực). Ở Tây Đức, Mercedes Benz tiếp tục đà phát triển của mình trước chiến tranh và trở nên thịnh vượng. Cả Volkswagen cũng vậy. Các xe hơi của Ý vẫn khó ai sánh kịp về dáng dấp và vẻ thanh lịch.

Làm sao mà nước Nhật lại có thể mơ ước đuổi kịp phương Tây ? MITI (lại một lần nữa, MITI) đã chọn công nghiệp xe hơi làm lĩnh vực ưu tiên của công nghiệp đất nước. Nhiều công ty đã được chọn để tung vào cuộc cạnh tranh. Đó là các công ty Hino, Honda, Nissan, Toyota. Lập tức, người Nhật đã sôi nổi lao vào nghiên cứu công nghệ của phương Tây. Đó là thời kỳ “học nghề” của họ. Thời kỳ này kéo dài cho đến tận giữa những năm 60. Như chúng ta đã biết, từ những năm đầu sau chiến tranh, Hino, hãng chế tạo xe tải và xe buýt của Nhật Bản, đã sản xuất dưới nhãn của xe Renault 4 CV. Đầu tiên, Nhật Bản đã nhập xe thành phẩm. Sau đó, họ bắt đầu lắp ráp tại chỗ. Các kỹ thuật gia Nhật Bản đã đến Pháp để học tập công nghệ của Pháp. Dần dần, mặc dù thiếu máy móc, chiếc xe CV trở thành “made in Japan”. Trang thiết bị thiếu thốn nghiêm trọng và người ta có thể thấy trong các phân xưởng lớn của Hino ở Tachikawa, ngoại ô Tokyo, những người công nhân khệ nệ vác những tấm tôn ra đến tận máy dập. Dù sao, kinh nghiệm cũng đã đem lại thành công. Hàng ngàn chiếc xe 4 CV đã dọc ngang khắp đường phố Tokyo. Người ta có thể thấy chúng ở khắp nơi. Những chiếc taxi, hoặc là những chiếc xe Hoa Kỳ đồ sộ mà mỗi cuộc đi rất đắt, hoặc là những chàng 4 CV kiên cường vốn chiếm được lòng ưu ái của người dân Tokyo. Đây đó khắp nơi trên đất nước, các trạm bảo trì đã mở cửa. Chiếc 4 CV của bạn cần bảo trì ư ? Hãy đưa nó đến một trong các trạm ấy và lập tức, cả một đội quân “công nhân” nhiệt tình sẽ lao bổ vào chiếc xe của bạn để làm cho nó hoàn hảo trong vòng một hai giờ sau.

Ngay từ đầu những năm 60, phía Nhật Bản đã kêu gọi Renault ký tiếp hợp đồng giấy phép sản xuất vốn đã gần hết hạn. Người Nhật đã đề nghị người Pháp đầu tư vốn

để tham gia xây dựng các phân xưởng. Nước Nhật muốn củng cố việc sản xuất của mình với sự trợ giúp của nước Pháp. Tiếc thay ban giám đốc của Renault lại nghĩ rằng nước Nhật quá xa xôi và không có triển vọng nên đã từ chối. Hợp đồng đã không được ký kết lại và nước Pháp đã mất đi, mà không hề biết, một chủ bài quan trọng trong một lĩnh vực có ý nghĩa chiến lược tầm cỡ. Nhưng người Nhật đã không để mất thời gian. Họ đã tập hợp các hiểu biết cần thiết để tiếp tục làm một mình: vài tháng sau đó, không cần sự giúp đỡ của Renault, họ đã cho ra đời một kiểu xe Nhật Bản tương đương với kiểu Dauphine của Pháp. Ban lãnh đạo của Renault nổi giận và lên án người Nhật là làm tình báo công nghiệp. Ai có thể dự đoán được rằng, chỉ hơn 30 năm sau đó, cũng chính hãng Renault này đã bị đe dọa phá sản do sức ép của các hãng chế tạo xe hơi Nhật Bản.

Citroen cũng đã thử bán những chiếc 2 CV của mình cho Nhật Bản. Nhưng, đáng tiếc thay, nhiều chiếc đã bị gãy sát-xi và ném móng của những người lái đáng kính xuống những con lộ bụi bặm của Nhật Bản vốn đã quá khó di chuyển đối với các loại xe “công tử” của Pháp. Về phần mình, Nissan (trước năm 1983 được biết đến với cái tên Datsun) đã ký một hợp đồng vào năm 1952 với hãng Austin Motor Co. của Anh để sản xuất theo giấy phép của hãng này những chiếc Austin xinh xắn. Bản thân Nissan cũng đã phát triển rất nhanh và vào năm 1958, đã tự cho phép mình một sự “xa xỉ” là bán xe hơi sang Hoa Kỳ. Việc xuất khẩu sang Mễhicô đã khởi đầu từ năm 1961. Năm 1966 là năm đánh dấu một bước ngoặt quan trọng: Nissan đã khánh thành ở Mễhicô xưởng sản xuất xe hơi đầu tiên của mình ở nước ngoài. Nước Nhật lao vào sản xuất phi địa phương hóa. Các hãng xe hơi lớn khác của Nhật Bản cũng đã nhanh chóng đi theo con đường tương tự.

Mức gia tăng sản lượng xe hơi của Nhật Bản (triệu chiếc)

	1960	1965	1970	1975	1980
Sản xuất	0,2	0,70	3,0	4,0	7,0
Xuất khẩu	0,0	0,05	0,8	1,8	4,0

Nguồn: Keiichi Oshima, Competition and Auto Trade (cạnh tranh và kinh doanh xe hơi)

Đặc điểm hàng đầu dẫn đến sự bùng nổ của ngành xe hơi Nhật Bản là các nhà công nghiệp đã đổ những khoản đầu tư lớn cho việc nghiên cứu và phát triển. Những khoản tiền này đã được đặc biệt sử dụng để mua lại hàng trăm bằng phát minh ứng dụng cho việc chế tạo xe hơi. Một đặc điểm khác là các tổ hợp đã biết đa dạng hóa sản xuất. Nhờ vậy, chúng luôn trụ lại được vững chắc trong trường hợp việc bán xe hơi gặp khó khăn. Nissan đã lao vào sản xuất tàu thủy, hoạt động trong lĩnh vực hàng không vũ trụ, tham gia việc lắp ráp máy công cụ và sản xuất máy dệt. Honda khởi đầu việc sản xuất xe máy với những thành công như ta đã biết.

Một nét đặc thù nữa là người Nhật khởi đầu rất sớm việc tự động hóa các dây chuyền lắp ráp. Nhưng họ không tìm cách cạnh tranh với phương Tây trên lĩnh vực các xe hơi kỹ thuật cao. Họ hiểu rằng đánh cuộc vào đó là một điều không thể được, ít ra là trong giai đoạn đầu này. Bù lại, họ đã tấn công vào giá cả. Những chiếc xe Nhật Bản đầu tiên rất đơn sơ, thậm chí trông khắc khổ. Nhưng chúng lại bền, dễ nhìn và điều chủ yếu là chúng rẻ hơn rõ rệt so với các xe hơi ở châu Âu.

Trên thực tế, các nhà chế tạo Nhật Bản đã tìm ra chìa khóa để phát triển cực nhanh ở Hoa Kỳ. Thị trường Hoa Kỳ đã làm giàu cho họ. Và công nghiệp xe hơi đã nổi bật lên như lĩnh vực xuất khẩu hàng đầu của Nhật Bản. Từ cuối những năm 60, người Nhật đã nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường xe hơi cỡ nhỏ hoặc cỡ vừa. Công nghiệp Hoa Kỳ không sản xuất những loại xe cỡ này và khách hàng Hoa Kỳ bị choáng váng trước những cuộc khủng hoảng dầu hỏa và việc tăng vọt giá xăng dầu, đã bắt đầu quan tâm đến xe hơi Nhật Bản vốn tiêu thụ ít nhiên liệu hơn rất nhiều so với các “gã khổng lồ” Dodge, Cadillac, Pontiac v.v... Người Nhật chỉ còn việc là tràn vào những khoảng trống. Điều mà họ đã làm và làm một cách không hề do dự.

Tristan d’Albis, giám đốc đối ngoại của tập đoàn PSA (Peugeot-Citroen) là cánh tay phải của chủ tịch Jacques Calvet đã trình bày với tôi cách nhìn nhận của ông ta. Theo ông, người Nhật đã lợi dụng tối đa những phán đoán sai lầm của chính phủ Mỹ và các nhà chế tạo của các nước bên bờ Đại Tây Dương.

“Người Mỹ chưa bao giờ nghĩ, muốn, có khả năng và cũng chẳng biết cách tung một sản phẩm xe hơi vào lĩnh vực của người châu Âu chúng ta, nghĩa là lĩnh vực xe hơi cỡ nhỏ và trung bình. Lẽ ra, họ chỉ việc nhập khẩu các xe hơi do các chi nhánh châu Âu của họ sản xuất sẵn. Nhưng họ chưa bao giờ làm điều đó và lĩnh vực này đã bị chiếm lĩnh bởi xe hơi châu Âu. Sau đó, họ lại trải đường cho sự đột phá của Nhật Bản. Họ đã thiếu tiếp thị, một sai lầm của các nhà chế tạo Hoa Kỳ mà châu Âu không mắc phải, vì đó chính là một lĩnh vực mà chúng ta là người mạnh nhất. Người Nhật đã bán gì trên thị trường Hoa Kỳ ? Chắc chắn không phải là xe hơi Nhật Bản mà là các xe hơi theo thiết kế châu Âu... Bởi lẽ người Nhật chưa bao giờ phát minh ra điều gì cả. Chúng ta chưa hề có bằng chứng là họ có thiết kế gì về xe hơi.

Đó chỉ là thiết kế của châu Âu được biến đổi cải tiến và điều cốt yếu là... rẻ hơn. Chỉ cần bỏ vào xe các món điện tử mới lạ, phù hợp với đặc thù của thị trường Nhật Bản. Lý luận công nghệ này là làm sao để bán. Và đây là những điều mà họ ghi ở phía sau xe: “Trục cam đôi ở đầu” hoặc “16 xú-páp”. Ông sẽ nói với tôi rằng hiện nay ở châu Âu người ta cũng làm hết như vậy chứ gì ? Nhưng người Nhật đã nhanh tay hơn. Hiển nhiên là họ chẳng có phát minh nào cả, nhưng họ luôn tung ra những kiểu xe mới với một nhịp độ chóng mặt. Ở Hoa Kỳ, những của mới lạ ấy được ưa chuộng.

Điều thứ hai là các nhà chế tạo Hoa Kỳ đã chậm trễ về mặt công nghệ đến hàng chục năm. Chúng tôi cho rằng xe hơi Hoa Kỳ đã bị lạc hậu 10 năm so với các kiểu xe châu Âu. Điều này là do hệ thống của Hoa Kỳ, mà theo đó cứ ba tháng một lần, phải đưa ra các con số chứng minh công ty đang trên đà tăng trưởng và phải trả cho các cổ đông phần thu nhập bình thường mà họ trông đợi trong một thời gian ngắn. Hệ thống này đã cản trở nghiêm trọng việc đầu tư dài hạn. Hồi đầu những năm 80, khi họ rùng rình có tiền bằng cách hạn chế các quota nhập khẩu xe hơi Nhật Bản vào thị trường Mỹ thì số tiền ấy lại bị phung phí mất, bị tái phân phối cho các cổ đông hoặc mất trắng vào các dự án điên rồ.

Điều thứ ba là việc quản lý tồi ở một số xí nghiệp Hoa Kỳ.

Mặc khác, các mối quan hệ trong lao động ở các xưởng xe hơi Hoa Kỳ cũng rất thâm hại. Thật chẳng bù với không khí nghiêm túc ở các xưởng Nhật Bản. Về phần chính phủ Hoa Kỳ, những sai lầm của họ không kém nghiêm trọng. Đặc biệt là họ đã tin như đinh đóng cột là người Nhật cũng chỉ trở thành một bạn hàng kinh tế như các bạn hàng khác. Họ đã hoàn toàn sai lầm ! Họ nghĩ rằng nước Nhật cũng sẽ tuân thủ

luật chơi về tự do mậu dịch và vì thế, sẽ không làm hại đến Hoa Kỳ, vì người Mỹ vẫn luôn có những phương tiện quân sự hoặc gì đó để gây áp lực khiến người Nhật phải ngoan ngoãn quy thuận. Nhưng, trên thực tế, những điều như thế không hề diễn ra”.

Tristan d’Albis nói tiếp:

“Yếu tố thứ hai là sai lầm đáng kể mà Hoa Kỳ đã mắc phải khi hạn chế số quota xuất khẩu xe hơi của Nhật Bản sang Hoa Kỳ. Đó là một sai lầm đã dẫn đến hậu quả là làm giàu cho Nhật Bản. Bởi lẽ kể từ khi phải tôn trọng số lượng quota được xuất khẩu và giảm số lượng bán, thì anh sẽ buộc phải tính đến việc tăng mức lãi xuất thôi. Đó là điều mà người Nhật đã làm. Lãi xuất của mỗi xe hơi Nhật Bản bán trên thị trường Hoa Kỳ đều tăng với tốc độ chóng mặt. Người Nhật đã được một mẻ làm giàu và lại tiếp tục tái đầu tư. Vả lại, các quota này đã được thương lượng mà không có bất kỳ sự tỉnh táo và suy xét nào. Đặc biệt, những người đứng ra thương lượng của phía Hoa Kỳ đã không hề tính đến những xí nghiệp Nhật Bản đặt trên đất Mỹ. Luật quota đã có một kẻ hở. Kẻ hở ấy là cho phép người Nhật thành lập trên đất Mỹ một xí nghiệp Nhật Bản và lại tiếp tục tràn ngập thị trường”.

Nhà lãnh đạo này của Peugeot đã nêu lên một sai lầm khác của chính phủ Hoa Kỳ mà ông cho rằng đã tạo điều kiện cho sự bùng nổ của ngành xe hơi Nhật Bản trên thị trường Hoa Kỳ. Đó là sự kiện endaka – sự tăng giá đồng yên so với đồng đô la. Dưới sức ép của Hoa Kỳ, Nhật Bản đã phải điều chỉnh lại hối đoái của đồng tiền Nhật Bản từ 360 yên ăn một đô la vào năm 1971 xuống còn 245 yên/một đô la vào năm 1985; rồi 200 yên năm 1986 và 133 yên tháng 12 năm 1987.

“Chính quyền Mỹ tưởng rằng, cuối cùng, họ đã chấm dứt những tai họa của họ hồi đầu những năm 80 bằng cách buộc Nhật Bản phải định giá lại đồng tiền của mình. Hậu quả là người Nhật đã khá thành công (phải thừa nhận điều đó) trong việc bù đắp phần lớn các tổn thất do việc tăng giá đồng yên nhờ các tiến bộ về tăng năng suất mà không để bị ảnh hưởng trực tiếp lên giá cả. Sáng kiến này của người Mỹ không những không có tác dụng gì mà còn quay ngược lại chống chính họ. Chính nhờ việc tăng giá đồng yên mà các nhà công nghiệp Nhật Bản đã bỏ túi những tài sản khổng lồ mà họ đem ra đầu tư để cải thiện hơn nữa nền sản xuất của họ và xây dựng vô số các phân xưởng phụ. Chính vì vậy mà ngày nay, họ đã có thể cho phép mình mua Hoa Kỳ từng phần một, từng ngôi nhà một...

Năm 1980, người Nhật đã xuất khẩu sang Hoa Kỳ gấp hai lần sản lượng xuất khẩu của Hoa Kỳ sang Nhật Bản. Thâm hụt hàng năm trong cán cân thương mại của Mỹ với Nhật Bản đã lên đến 10 tỷ đô la. Mặt hàng xe hơi chiếm một phần lớn doanh số này. Đó mới chỉ là khởi đầu những thất vọng của Hoa Kỳ, vì mức thâm hụt với Nhật Bản tiếp tục được đào sâu thêm đến 50 tỷ đô la (250 tỷ franc) vào năm 1985. Sau đó, endaka không còn tác dụng gì.

“Và giờ đây, do sự mù quáng tai hại của người Mỹ mà người Nhật đã lọt được vào một hệ thống mà họ luôn chiến thắng trong mọi trường hợp. Nếu đồng yên tăng, họ sẽ đầu tư và nếu đồng yên giảm, họ sẽ xuất khẩu. Trong trường hợp này hay trường hợp kia, chúng ta cũng đều thua cuộc”.

Dù vậy, người Mỹ cũng không phải là những kẻ trách nhiệm duy nhất đã tạo nên sự hùng mạnh cho các nhà chế tạo của xứ sở Mặt trời mọc.

“Cần phải công bằng: người Nhật đã tiến hành tài tình cuộc chiến tranh xe hơi ở Hoa Kỳ. Trước hết là trên bình diện công nghiệp. Họ đã biết tận dụng một cách tuyệt

vời nhu cầu tạo việc làm ở Hoa Kỳ. Bởi vậy, họ đã lao vào cuộc đua bắt lợi nhuận bằng cách thiết lập những phân xưởng mới và chọn lựa các địa điểm có mức lợi nhuận cao nhất. Họ đã biết cách lợi dụng sự kiện là ở Hoa Kỳ, không có bất cứ một thứ nghĩa vụ nào đối với nội dung sản xuất. Với các phân xưởng cầm chốt này, ở đó đôi khi các chi tiết chính được chở thẳng từ Nhật Bản sang, họ đã nhanh chóng hoàn vốn đầu tư ban đầu. Cuối cùng, họ đã chú ý đặt nhà máy ở những nơi chỉ có những cánh đồng trồng bông hoặc lúa. Nhờ vậy, họ có thể chọn nguồn lao động mà họ muốn: những cô cậu trẻ tuổi được đào tạo và đã thề trước Kinh Thánh rằng sẽ không bao giờ đình công. Họ cũng đã thành công trong việc loại bỏ các nghiệp đoàn trong đa số các trung tâm sản xuất của họ ở Hoa Kỳ. Cuối cùng, cũng cần phải nói rằng trên bình diện thương mại, họ cũng đã thực hiện được một sự đột phá đáng kể. Trong khi việc quảng cáo của Hoa Kỳ không được hoàn hảo lắm, họ đã biết cách trình bày một sản phẩm hấp dẫn, thú vị và mới mẻ. Chính vì vậy, mong ông đừng hiểu lầm: tôi không những thừa nhận tài năng của họ mà còn dành sự ngưỡng phục lớn nhất đối với dân tộc Nhật Bản”.

Cần lưu ý rằng giai đoạn 1965-1980 đối với Nhật Bản cũng là một giai đoạn đánh dấu nhiều thay đổi xã hội và thu nhập cá nhân tăng lên. Người Nhật không những đã loại bỏ được sự nghèo khổ mà lại còn tiến tới một cuộc sống sung túc. Trong khi đó, đa số các nước láng giềng châu Á của họ vẫn tiếp tục lâm nguy trong tình trạng kém phát triển và thậm chí, như Trung Quốc, còn phải chịu đói kém. Dân số Nhật đã nhảy từ 83 triệu người vào năm 1950 lên đến 100 triệu người vào cuối những năm 60 vào 120 triệu vào giữa những năm 80. Hiện tượng đô thị hóa cũng gia tăng: năm 1960, 64% người Nhật sống ở các thành phố. Năm 1975, tỷ lệ này tăng đến 76%. Ngày nay, Tokyo đã trở thành một trong những thành phố đông dân nhất thế giới.

Số giờ lao động trong công nghiệp (Nhịp độ hàng năm)

	Nhật Bản	Anh	Hoa Kỳ	CHLB Đức	Pháp
1975	2043	1923	1888	1678	1830
1978	2137	1955	1924	1719	1772
1981	2146	1910	1888	1656	1717
1982	2136	1915	1841	1626	1683
1983	2152	1938	1898	1613	1657
1984	2180	1941	1934	1652	1649

Nguồn: hội đồng cấu trúc công nghiệp Nhật Bản

Biểu hiện cho những biến động kinh tế Nhật Bản là nông nghiệp đã giảm sút và chỉ còn chiếm 2,5% GNP năm 1980 so với 5% năm 1970 và 9% năm 1960. Việc phổ cập trung học cũng đạt những tiến bộ nhanh chóng: năm 1950, 43% thanh thiếu niên theo học chương trình cấp 2 bắt buộc sau khi hoàn tất cấp 1; năm 1960 con số đó là 55%; năm 1970: 82%; năm 1980: 94%. Năm 1975, Nhật Bản có khoảng 400 trường đại học mà hai phần ba được thành lập trong vòng 20 năm trước đó. Thêm 100 trường đại học nữa được mở cửa trong 10 năm kế tiếp. Chi tiêu ăn uống của mỗi gia đình đã giảm từ 44,5% vào năm 1955 xuống còn 27,8% vào năm 1980, tức gần bằng mức chi tiêu ở Hoa Kỳ và châu Âu. GNP đầu người – một chỉ số thể hiện sự giàu có của một quốc gia

– đã tăng từ 208 đô la (1040 franc) năm 1955 lên hơn 1000 đô la (5000 franc) năm 1980 (đã tính đến yếu tố lạm phát). Năm 1987, mức thu nhập này lại đã đạt đến 19.600 đô la (98.000 francs). Lương bổng cũng tăng 156 lần theo giá trị cố định và 10 lần theo giá trị thực tế (đã tính đến yếu tố lạm phát) từ năm 1847 đến năm 1984.

Rõ ràng đó chưa thể là sự sung túc. Việc xuất khẩu đã đem lại cho Nhật Bản những nguồn tài chính khổng lồ, nhưng những tài sản ấy vẫn là sở hữu của xí nghiệp chứ không phải của nhân viên. Ở Nhật Bản vẫn còn những người rất nghèo. Những người làm công nhật hoặc làm theo mùa rất chật vật để nuôi sống cả gia đình. Tính trung bình, giờ lao động ở Nhật Bản không chỉ dài mà còn tăng lên liên tục. Bởi vậy, trong khi một lao động Pháp hoặc Đức được hưởng những ngày làm việc 8 giờ thì các đồng nghiệp Nhật Bản phải làm việc đến 10 tiếng rưỡi đồng hồ. Đó là chưa kể thời gian đi, về vốn không ngừng tăng lên ở các đô thị lớn của Nhật Bản. Hơn một triệu rưỡi người Nhật nghèo khổ hoặc gặp khó khăn tiếp tục nhận những khoản trợ cấp. Năm 1951, số người này là hai triệu.

Về nhà ở, dân cư đô thị sống trong các diện tích chật hẹp hơn ở phương Tây, mặc dù không đến nỗi tệ hại như hồi trước chiến tranh. Tuy vậy, năm 1980, cũng có hơn một phần ba dân số phải bị liên lụy bởi hệ thống thoát nước. Vẫn chưa có chế độ bảo hiểm bệnh tật và bảo trợ xã hội. Đối với nhân viên của một xí nghiệp nhỏ hoặc vừa, nếu trong nhà anh ta có một người bị bệnh thì đó là việc “tự ai nấy lo”. Trong các tổ hợp lớn, các quỹ xã hội đang tăng lên. Sự ô nhiễm công nghiệp đã tàn phá đất nước. Trường hợp bi thảm của làng Minamata (bị ô nhiễm chất độc mercure) đã được cả thế giới biết đến. “Căn bệnh Minamata” được phát hiện và chẩn đoán lần đầu tiên vào năm 1956, là căn bệnh gây ra do ăn phải những con cá bị ngộ độc bởi chất thải công nghiệp có chứa mercure được đổ ra biển. Căn bệnh này đã làm chết 1000 người và 2000 người khác được chính thức ghi nhận là mắc bệnh. Có ai đã quên hình ảnh bi thảm của một bé trai Nhật bị mắc chứng đần độn trầm trọng từ lúc mới lọt lòng do người mẹ ăn phải cá bị nhiễm độc ?

... Nhưng, nói chung, nước Nhật ngày nay đã trở thành một tấm gương phát triển cho toàn thể châu Á. Trên phạm vi quốc tế, dư luận và nhất là các chủ xí nghiệp đã bắt đầu nhận thức rõ sức mạnh đáng sợ của Nhật Bản trong những năm 90.

IV. Nước Nhật giàu và mạnh

Kiên nhẫn và thời gian có ích hơn là sức lực hay nóng giận.

La Fontaine, “Sư tử và chuột”.

Ngụ ngôn.

Trong những năm 60, khi Nhật Bản mới bắt đầu được nói tới, ở phương Tây người ta thường nhìn đảo quốc châu Á nhỏ bé này bằng cái nhìn ân cần, lịch sự. Nhưng điều che giấu bên trong là sự khinh khi đượm màu sắc phân biệt chủng tộc đối với cái mà ý thức tập thể, dù không nói ra, coi là “tên lùn da vàng” thất trận. Dù Nhật Bản đã xứng đáng với những vòng nguyệt quế vinh quang đầu tiên, những kẻ xấu miệng luôn luôn hoài nghi, đã hấp tấp gọi là “chàng khổng lồ chân đất sét”. Bởi vì – người ta huênh hoang tuyên bố - chắc chắn là anh chàng “vô địch” dám đòi hỏi chỗ đứng dưới ánh mặt trời bên cạnh những cường quốc của thế giới này sẽ phải sụp đổ trước biến động kinh tế lớn đầu tiên. Không có dầu lửa, không có nguyên liệu, anh chàng nhỏ bé này làm được gì ?

Thực tế, không những “anh chàng khổng lồ chân đất sét” không ngã nhào mà ngược lại, dù các địch thủ của nó muốn hay không, nó đã trở thành cường quốc tài chính số một và cường quốc kinh tế số hai thế giới. Lịch sử đảo ngược thật lạ lùng: vào lúc mà Hoa Kỳ, người thầy và người bảo hộ của họ suy yếu thì Nhật Bản bắt đầu sưu tập các kỷ lục.

Trong cuộc chạy đua hết tốc lực tới những chân trời chưa rõ của quyền bá chủ kinh tế này, nước Nhật sẽ tiến về đâu ? Trong thập niên 1980-1990, lịch sử của các cân đối kinh tế lớn của thế giới đã tăng tốc một cách khác thường. Phương Tây càng nghèo đi thì Nhật Bản càng giàu lên. Trong khi ở châu Âu và Hoa Kỳ nạn thất nghiệp tăng nhanh thì ở Nhật lại thiếu nhân công. Trong khi nạn tội phạm thanh thiếu niên, ma túy và tội ác gây tác hại hơn bao giờ ở phương Tây thì xã hội Nhật Bản nói chung trải qua những năm ổn định và hòa bình.

Thế nhưng Nhật Bản đã mê phương Tây. Nhưng phương Tây, vẫn tin rằng mình là trung tâm của thế giới, đã không thèm đáp lại tình yêu ấy và tỏ ra hoàn toàn hờ hững. Tuy vậy, bắt đầu từ 1980, trong vòng không tới 10 năm, cả thế giới đã choáng váng phát hiện ra một ông chủ mới của trái đất. Những kẻ hay lên lớp chắc hẳn không còn đủ thời gian để khuất phục Nhật Bản, bởi vì Nhật đã ý thức được sức mạnh của mình và đã bắt đầu quan sát bằng con mắt phê phán các nền văn minh trước đó đã từng mê hoặc họ. Hơn nữa, trên thế giới không còn có tấm gương nào để Nhật Bản phải noi theo, và nhìn nước Mỹ ngày càng tụt hậu, Nhật Bản hiểu rằng từ nay mình phải làm chủ lấy mình.

Chiến lược cờ “go”

Có một trò chơi chiến lược thể hiện tuyệt vời triết lý kinh tế mà Nhật Bản thi hành trên quy mô toàn cầu: đó là môn cờ “go”. Phức tạp và tinh tế hơn môn cờ vua nhiều, cờ “go” là một môn cờ gốc Trung Quốc, với một bàn cờ có 19 đường ngang và 19 đường dọc cắt nhau ở 361 điểm. Quân cờ bên đen, bên trắng. Quy tắc chơi căn bản rất đơn giản. Chỉ cần học không tới một giờ, ai cũng có thể chơi cờ “go”. Nhưng muốn chơi hay thì phải luyện nhiều năm, đôi khi cả đời người. Để thắng, phải chiếm được càng nhiều lãnh thổ càng tốt, nhiều hơn là địch thủ. Trong khi đánh, một lãnh thổ có thể trở thành bất khả xâm phạm với một số điều kiện, dù địch thủ có làm gì đi nữa. Nhưng lãnh thổ càng rộng thì lại càng khó bảo vệ chống lại sự tấn công của địch thủ, khó bảo đảm tính chất bất khả xâm phạm của nó. Một lãnh thổ bị rơi vào tay địch thủ thì được gọi là “đất chết”. Ngược lại, phần đất mà địch thủ không được xâm phạm nữa, được gọi là “đất sống”. Không có người nửa chiến thắng hay nửa chiến bại. Chỉ có sống hoặc chết, như trong chiến tranh. Một ván cờ có thể kéo dài trong nhiều giờ, với những tính toán phức tạp, cực kỳ căng thẳng. Nếu trình độ của hai đối thủ cách biệt quá xa, người chơi giỏi hơn sẽ chấp người kia ngay từ một đến chín quân cờ từ đầu ván.

Công và thủ

Kết thúc ván cờ, vinh dự thuộc về tay chơi cờ nào biết phối hợp nhịp nhàng công và thủ, mở rộng được vùng ảnh hưởng của mình trên bàn cờ và giảm ảnh hưởng của đối thủ. Thất bại thuộc về kẻ quá mạo hiểm, muốn thắng nhanh, phát hiện ra quá chậm sự tài tình của đối thủ và không còn cách gì để bảo vệ cuộc tấn công sơ hở của mình. Quá rụt rè sẽ thua, nhưng tham vọng quá lớn chắc chắn cũng sẽ thua. Bởi vì, trong cờ “go”, nắm vững kỹ thuật là cần thiết nhưng chưa đủ. Ở đây không có vấn đề may mắn, cờ

“go” không phải là trò chơi may rủi. Chiến lược, chiến thuật luôn luôn kết nối chặt chẽ. Tâm lý và tính cách tự chủ cũng vậy.

Đầu ván cờ, điều then chốt cho giai đoạn tiếp theo là bạn phải đánh giá đúng địch thủ. Phải bắt mạch được những ý đồ thâm kín nhất của địch thủ. Địch thủ sốt ruột ? Muốn thắng nhanh ? Bạn hãy bình tĩnh và tự chủ. Địch thủ muốn tìm thắng lợi trước mắt và cục bộ ? Hãy để địch thủ chiếm một, hai khu vực mà địch thủ muốn giành cho bằng được. Hãy lợi dụng thời cơ ấy để tăng cường vị trí của bạn ở chỗ khác. Hãy chuẩn bị cho chiến thắng chung cuộc. Nhưng hãy coi chừng, nếu bạn đánh giá thấp địch thủ. Địch thủ thừa thông minh để giả vờ yếu thế và nhử cho bạn triển khai quân khắp nơi, để rồi phản công và tiêu diệt lãnh thổ của bạn mà bạn đành bó tay. Còn nếu bạn đánh giá địch thủ quá cao ? Dù địch thủ có thể chơi kém hơn bạn, nhưng lợi dụng sự khiêm nhường và rụt rè của bạn, địch thủ có thể đi những nước cờ táo bạo và thắng bạn.

Sau màn mở đầu ấy, vấn đề còn lại là sự dẻo dai và sự tập trung. Nếu tất cả tế bào thần kinh của bạn thống nhất trong một nỗ lực và nhắm cùng một đích thì bạn đã tập trung được mọi khả năng, và nếu thất bại, chẳng có gì phải hối tiếc. Nhưng nếu bạn không làm chủ được thần kinh, bị chia trí, hoảng hốt, nóng giận, hấp tấp, thì dù bạn có mạnh hơn địch thủ, địch thủ cũng có thể thắng. Bởi vì, trong môn cờ “go”, khi hai đối thủ ngang sức, phải đến phút chót mới biết được ai thắng ai thua. Chỉ cần đi sai một nước cờ, chỉ cần một sự vụng về nhỏ là cũng đủ để làm sụp đổ cả một thế cờ công phu.

Một nghệ thuật sống

Ở Nhật, môn cờ “go” không chỉ là một trò giải trí mà mang ý nghĩa hơn thế nhiều. Cũng giống như môn bắn cung, trà đạo hay cắm hoa, đó là một nghệ thuật sống, một triết lý. Nó cũng là biểu hiện sự khôn ngoan của nhân dân, một khuôn phép tinh thần, một sự rèn luyện trí tuệ, tinh thần. Mọi lứa tuổi đều chơi cờ “go”. Nhưng nếu muốn trở thành một kỳ thủ giỏi mà qua 12 tuổi mới bắt đầu chơi là vô ích. Đã quá trễ để có thể tiếp thu đúng vô số các thế cờ hay. Người ta chơi cờ “go” lúc nào cũng được. Một phút nghỉ xả hơi ở văn phòng cũng có thể bắt đầu một ván cờ, rồi chơi tiếp sau nữa. Được nghỉ một ngày ở một ngôi nhà trên núi hay bên một suối nước nóng ? Một ván cờ “go” sẽ mang lại sự sáng khoái tinh thần. Cờ “go” còn là biểu tượng của hoàn cảnh không ngừng đổi thay. Bởi vì, cùng với thời gian, các kỹ thuật chơi cờ cũng tiến triển. Tuổi già không biết đổi mới dừng lại và tuổi trẻ đầy sinh lực giành chiến thắng. Những bậc thầy cao cường phải nhường chỗ cho những chú ngựa non háu đá mà đôi khi chính các bậc thầy đã đào tạo.

Tôi nhớ lại những trận cờ tuyệt vời tại giải vô địch quốc tế nghiệp dư cờ “go” được tổ chức ở Tokyo năm 1980. Tôi chỉ là một tay chơi cờ kém cỏi. Nhưng tôi cũng biết theo dõi và hiểu được những giây phút gay cấn của một ván cờ giữa hai cao thủ. Ở Trung Quốc, từ lâu người ta đã không còn chơi cờ “go”. Nay giới trẻ lại bắt đầu môn cờ này với tất cả sự nóng nảy, đầy sức sống và sự hăng say của lớp người muốn có những đổi thay mạnh mẽ. Người già thì vui vẻ truyền lại kinh nghiệm cho lớp trẻ vì muốn thấy truyền thống được duy trì. Hôm ấy ở Tokyo có các đồ đệ khắp thế giới của môn cờ “go”: Nam Triều Tiên, Mỹ, Pháp, Ba Lan... Danh sách còn dài. Ba thanh niên Trung Quốc so tài với ba bậc thầy tuổi tác đáng kính của Nhật. Người trẻ nhất trong đội cờ Bắc Kinh chưa tới 17 tuổi.

Giây phút chiến thắng của đội thật đáng nhớ. Xong ván cờ, cả ba chỉ hơi mỉm cười rồi từ từ đứng dậy khỏi ghế, cúi mình trước các đối thủ không may của họ, sau đó

nhanh chóng rút lui, đây vẻ khiêm tốn, gần như bối rối về việc đã hạ nhục những bậc thầy 70 tuổi hoặc hơn ! Trong khung cảnh như vậy, các cuộc gặp gỡ này không chỉ là một cuộc đấu trí hữu nghị: đó là sự đối đầu của hai quốc gia. Khi người ta biết được sự thù hận ở Trung Quốc đối với Nhật Bản hơn 45 năm sau khi chiến tranh Trung-Nhật kết thúc, thì người ta đoán được giá trị của việc thắng ván cờ “go”. Tay cờ giỏi nhất Trung Quốc, Nie Weiping, đã trở thành một anh hùng dân tộc từ sau khi anh thường xuyên đánh bại các bậc thầy Nhật Bản.

Ván cờ “go” toàn cầu

Bây giờ chúng ta hãy xét bản chất của chiến lược kinh tế Nhật Bản trên thế giới. Thật khó mà không nghĩ tới những nhà kinh doanh và những nhà quản lý Nhật đầy thế lực, nắm trong tay những nguồn tư bản quan trọng, âm thầm ngồi trước một quả địa cầu chỉ nhỏ bằng một bàn cờ “go”. Một mình Nhật Bản đối lại với cả thế giới ! Một chấm trên quả cầu sáng lên: Nhật vừa siết cổ một lãnh thổ của địch; thêm một xí nghiệp kinh địch phải đóng cửa. Một điểm khác lại sáng lên: lần này là một nhà máy Nhật vừa được khánh thành, một quân cờ nữa trong lãnh thổ của địch. Nhưng, cũng như trong môn cờ “go”, phải kiên nhẫn, thận trọng, suy nghĩ kỹ. Trong cuộc chiến tranh kinh tế, hấp tấp là có thể chết.

Ván cờ thế giới gay go này đã bắt đầu gần nửa thế kỷ nay. Vẫn còn khó để nói ai sẽ thắng. Tương quan lực lượng luôn thay đổi. Hoàn cảnh cũng thế. Và lợi thế về bên nào thì chưa chắc. Nhưng rõ ràng là Nhật Bản bước vào trận chiến với nhiều bất lợi nhất, đã tỏ ra là một đối thủ thông minh, học rất nhanh. Mới đầu, họ thường do dự trước khi đặt những đồng tiền đầu tiên. Nhưng họ đã không phạm sai lầm lớn. Những bất lợi của họ từ lâu đã được san bằng. Và lâu nay Nhật đã dám đặt các quân cờ xa căn cứ địa của mình, ngay sát lãnh thổ địch thủ. Hơn thế, mới đây, họ còn tỏ ra khinh khi địch thủ ngay trong vùng ảnh hưởng của địch. Mới nhìn, dường như các vị trí của Nhật bị bao vây chặt. Nhưng nhìn kỹ hơn và tinh ý hơn sẽ thấy tình hình thực tế hoàn toàn khác. Chỉ cần Nhật tiếp tục chiến lược chinh phục thận trọng của mình và đối thủ của họ bối rối tiếp tục quên củng cố một số vị trí đặc biệt yếu, thì tất cả chắc chắn sẽ xoay chiều.

Xứ sở của các kỷ lục

Nhật Bản đã trở thành xứ sở của các kỷ lục về mọi lĩnh vực, từ đời sống kinh tế đến xã hội. Là nước công nghiệp lớn, giàu có nhất, nơi người dân làm việc nhiều nhất, tuổi thọ dài nhất, là nước nắm nhiều tiền bạc nhất: danh sách các kỷ lục còn dài và kể hết sẽ vô vị. Tuy nhiên, để hiểu được cụ thể sức mạnh của nước Nhật hiện đại, cần phải nêu vài ví dụ. Để thực sự hiểu, cần phải so sánh. Ở Trung Quốc, dân chúng chỉ nhận ra đầy đủ sự lạc hậu của mình vào năm 1979, mà lãnh tụ Đặng Tiểu Bình cho chiếu trên VTTT bộ phim nói về lối sống của người Mỹ. Cơn sốc thật khủng khiếp, nhưng có tác dụng tốt. Một tỷ người Trung Quốc, đối mặt với sự thiếu thốn và tuyệt vọng, cuối cùng đã tỉnh giấc ! Ở phương Tây, dân chúng không sống dưới sự cai trị của một nhà độc tài. Tuy vậy, dường như phương Tây cần một gáo nước thật lạnh. Ngày mà phương Tây ý thức đầy đủ về sức mạnh hiện tại và tương lai của châu Á, chắc chắn họ sẽ thấy hoảng sợ và hoài nghi, và sẽ thực hiện bước đi đầu tiên đến thời kỳ đổi mới. Còn hiện tại, nước Nhật đang ở đâu ?

Giáo dục

Trước tiên là giáo dục. Bởi vì chính giáo dục chuẩn bị cho nguồn của cải lớn nhất của một đất nước: tuổi trẻ là thành phần ưu tú của mình. Ở Nhật, thành phần ưu tú hầu

nếu là tất cả mọi người. 94% trẻ em tiếp tục học trung học cho đến tú tài: tỉ lệ cao nhất thế giới. Trong các cuộc trắc nghiệm về môn toán đối với học sinh trung học trên toàn thế giới năm 1983, học sinh Nhật đạt điểm cao nhất, cao gấp hai lần điểm của học sinh Mỹ. ^[10] Trắc nghiệm thông minh, phần lớn thiếu niên phương Tây đạt điểm 100; thiếu niên Nhật: 117. Học sinh Nhật làm việc nhiều hơn học sinh châu Âu hoặc Mỹ. Thời gian nghỉ học ngắn hơn. Ở Pháp, chỉ tính riêng nghỉ hè đã là ba tháng. Ở Nhật, nghỉ hè chỉ hơn một tháng. Sáng thứ bảy vẫn học. Ở nhiều nước phương Tây, từ lâu đã nghỉ học sáng thứ bảy.

Hết chương trình trung học, học sinh Nhật tiếp tục học thêm bình quân hơn một năm nữa so với học sinh Mỹ. Chưa kể các juku (lớp học buổi tối và cuối tuần) và bài làm ở nhà. Một cuộc điều tra mới đây cho thấy, buổi tối, các học sinh Nhật bỏ ra trung bình hai giờ rưỡi để làm bài. Học sinh Mỹ thì 30 phút. Dù lợi hay không cho trẻ em, thì ở Nhật sự cạnh tranh đã bắt đầu ngay từ trong nôi, hoặc gần như vậy. Để hy vọng có thể một ngày nào đó vào học một trong các trường đại học có tiếng nhất, các em chuẩn bị ngay từ tiểu học. Với sự thúc đẩy của các bà mẹ, các em tận lực chúi vào học. Theo báo chí Nhật, các bậc cha mẹ thường đưa các em vào cơn bão áp cạnh tranh ngay từ ở mẫu giáo. Tiếp đó, khối lượng thông tin mà các em được nhồi nhét vượt xa so với trẻ em phương Tây. Từ đó, sự khác biệt về trình độ ngày càng gia tăng. Các cuộc thi tuyển vào các trường đại học uy tín nhất có thể so với thi tuyển vào ENA ^[11]. Sự tuyển lựa quả là khắc nghiệt. Chỉ những người may mắn vào được các đại học lớn (Tokyo, Kyoto, Keio, Waseda) sau đó mới được tuyển vào ngạch hành chính cao cấp và các tập đoàn công nghiệp lớn. Nhưng giáo trình trung và đại học Nhật chắc chắn không phải là không có khuyết điểm. Còn xa mới được như vậy, như chúng ta sẽ thấy sau này.

Trong một lĩnh vực rất gần với giáo dục là tiêu thụ sách, báo, tạp chí, người Nhật cũng đứng đầu thế giới. Hơn 4 tỷ rưỡi bản tạp chí định kỳ được xuất bản hàng năm ở Nhật. Người Nhật đọc (sách, tạp chí, truyện tranh hoặc báo) ở mọi nơi, mọi lúc. Người ta thường đọc lúc đứng trong tàu điện ngầm, trên xe buýt, trong các cửa hàng. Đến mức mà “đọc đứng” đã đi vào ngôn ngữ thường ngày: tachiyomi. Còn về báo hàng ngày, nó cũng tương đương với sự khổng lồ Nhật Bản. 124 tờ nhật báo phát hành 70 triệu bản mỗi ngày, đó là một kỷ lục không ai bì được trên thế giới. Các nhật báo chính của Nhật cũng là những tờ báo lớn nhất hành tinh: tờ Yomiuri Shimbun đứng đầu phát hành mỗi ngày hai ấn bản, tổng cộng 14 triệu bản (9,7 triệu bản buổi sáng và 4,8 triệu bản buổi chiều). Kế đến là Asahi Shimbun với 8 triệu bản buổi sáng và 5 triệu bản buổi chiều, nhưng về uy tín thì xếp số một. Tờ nhật báo kinh tế Nihon Keizai Shimbun, với bốn triệu bản, cao hơn cả tờ Financial Times và Wall Journal cộng lại. Nhật báo thông tin tổng quát Mainichi Shimbun phát hành tới 6 triệu bản. Còn tờ Sankei Shimbun của phái hữu chống cộng thì phát hành 3 triệu bản. Đứng bên cạnh, tờ Le Monde (của Pháp) với chưa đầy 500.000 bản chỉ là một anh lùn.

Người Nhật có phải là những người thông minh nhất thế giới không ? Hẳn nhiên, thông minh là một khái niệm tương đối, đặc biệt khó đánh giá. Định lượng mà nói, các tính toán rất bấp bênh. Các tiêu chuẩn đánh giá thay đổi tùy theo các nền văn minh và văn hóa. Tuy nhiên, để chọn một thước đo phổ biến nhằm xác định hệ số thông minh (QI), nhiều nhà tâm lý học chọn trắc nghiệm Weschler. Theo một cuộc điều tra trên 20 nước công nghiệp, Nhật Bản xếp hàng đầu với điểm số trung bình 111 so với Mỹ chỉ đúng 100. Trong một thế hệ, khoảng cách giữa hai nước đã tăng thêm 7 điểm. Ở châu

Âu, Hà Lan được xếp số một với 109,4 điểm; nước Pháp... cầm đèn đỏ với 96,1 điểm. Mặt khác, châu Âu và Mỹ chỉ có 2% dân số có hệ số thông minh cao hơn 130 điểm. Còn Nhật có tới 10% dân số. [\[12\]](#)

Sức khỏe, lao động, nghỉ ngơi

Dù cho người Nhật có làm việc dừ dẩn, hiếm khi nghỉ ngơi, và sống trong những “chuồng thỏ” bé xiu, thì Nhật Bản vẫn là nước mà người dân có tuổi thọ dài nhất trong số 33 nước phát triển nhất thế giới. Người Nhật (tính chung nam và nữ) có tuổi thọ trung bình là 79,1 năm. Hãy so với tuổi thọ trung bình của người Hunggari (69,7 năm), Liên Xô (69,8), Mỹ (75), Anh (75,3), Ý (75,5) và Pháp (75,9) [\[13\]](#). Theo giới tính, tuổi thọ trung bình phụ nữ là 81,77 năm và đàn ông là 75,91 năm. Xu hướng kéo dài tuổi thọ sẽ vẫn tiếp tục trong những năm tới. Theo Bộ Y tế Nhật Bản, 66% trẻ em gái Nhật sinh năm 1989 sẽ sống đến 80 tuổi, so với số bé gái sinh 80 năm trước thì chỉ có 34% sống đến tuổi 80 [\[14\]](#). Kỳ lục này tất nhiên có mặt trái của nó đối với nền kinh tế Nhật: vào năm 2025, Nhật Bản sẽ là nước có dân số già nhất thế giới. Cứ bốn người Nhật thì sẽ có một người (26,55%) quá 65 tuổi, so với hiện nay là 12%. Tỷ lệ nói trên sẽ vượt qua tỷ lệ của Thụy Sĩ lúc ấy là 25,9% [\[15\]](#).

Về thời gian lao động, nước Nhật – thật sự không có gì đáng ngạc nhiên – bỏ xa các nước khác với 2.165 giờ lao động bình quân năm 1988, trước người Mỹ (1.847 giờ) và Thụy Sĩ (1.800 giờ). Trong số các nước châu Âu, CHLB Đức là nơi mà người ta làm việc ít giờ nhất (1.560 giờ hàng năm). Nhật Bản cũng đứng trước Bỉ (1.596 giờ), Hà Lan (1.599 giờ), Pháp (1.626 giờ), Áo (1.631 giờ) và Ý (1.646 giờ) [\[16\]](#). Mục tiêu chính thức của chính phủ Nhật là mỗi người Nhật làm việc 1.800 giờ/năm vào năm 2.000.

Về mặt nghỉ ngơi, tình hình cũng không khá hơn. Tâm lý người dân thay đổi chậm, nếu như có thể khẳng định nó có thay đổi. Năm 1990, người làm công Nhật Bản chỉ nghỉ liên tục có 7,1 ngày. Mùa hè năm 1989, số ngày nghỉ trung bình là 6,5 ngày. Về lý thuyết, người Nhật có quyền nghỉ ba tuần được trả lương hàng năm. So với người Mỹ và người Tây Đức, người Nhật nghỉ ít từ 24 đến 45 ngày hàng năm. Nhưng thường thì họ cũng chẳng nghỉ vì sợ bị đánh giá thấp trong xí nghiệp hoặc vì thực sự cảm thấy áy náy đối với những người sẽ bị buộc phải làm thay công việc của họ. Mặc khác, các công ty lớn đã cho phép nhân viên được nghỉ một hoặc hai ngày thứ bảy hàng tháng. Nhân viên vui mừng. Nhưng trong các xí nghiệp nhỏ hoặc trong khu vực dịch vụ (thương nghiệp và ăn uống), thường thì nghỉ hàng tuần chỉ có một ngày. Năm 1988, chỉ có 7,4% các xí nghiệp Nhật Bản áp dụng tuần làm việc 5 ngày. Chỉ có 19,7% người Nhật nghỉ hàng tuần 2 ngày, so với 76,1% người Canada (tỷ lệ cao nhất trong khối các nước OCDE) và 45,5% người Úc (tỷ lệ thấp nhất, sau nước Nhật).

Thực tế, xét lâu dài thì thời gian trung bình làm việc ở Nhật đã thường xuyên giảm xuống trong khoảng thời gian từ 1949 đến 1974, năm xảy ra cuộc khủng hoảng dầu hỏa đầu tiên. Từ đó đến nay, thời gian trung bình làm việc đã không giảm. Chính chính phủ Nhật thừa nhận rằng trong thực tế nó lại còn tăng chút ít ! Thời gian làm việc bình thường thì ít hơn, nhưng ngược lại, các chủ nhân lại kêu gọi nhân công làm giờ phụ trội nhiều hơn trước kia. Hậu quả của thói quen làm việc này là: một chứng bệnh mới xuất hiện ở Nhật, bệnh Karoshi, gây nên cái chết đột ngột do tim và não ngừng làm

việc vì lao lực quá mức ^[17]. Trong số các nạn nhân của chứng bệnh mới này, có những nhân viên đã làm việc tù tù 50 ngày không nghỉ, hoặc hơn 100 giờ phụ trội hàng tháng. Năm 1989, nhà cầm quyền chính thức công nhận có 29 trường hợp Karoshi, nhưng hàng năm vẫn có hơn 500 trường hợp được trình lên cơ quan thanh tra lao động.

Năng suất

Kỳ cục thay, dù làm việc quên mình như vậy, người Nhật lại đạt kết quả khá tồi về mặt năng suất. Nhật Bản xếp hạng áp chót trong số 11 nước công nghiệp. Lấy cơ sở tính là 100 cho nước Nhật năm 1987, thì Mỹ và Canada suất sắc xếp hàng đầu với 134, tiếp đến là Pháp và Ý (131), Bỉ (129) và CHLB Đức (124). Chỉ có Thụy Điển (90) là thua Nhật. Những khu vực lạc hậu nhất của Nhật là nông nghiệp và xây dựng, những lĩnh vực mà năng suất của Nhật chỉ bằng 1/3 của Mỹ ! Nhưng có những khu vực mũi nhọn mà Nhật đứng đầu, như hóa và điện tử. Nhưng không nên dừng lại với một hình ảnh tĩnh về nước Nhật; bởi vì, tính đường dài, năng suất lao động của người Nhật đã tăng mạnh nhất, chỉ sau Tây Ban Nha. Từ 1970 đến 1987, năng suất lao động của người Nhật đã nhân lên 1,75 lần. Trong thời gian đó, ở Nhật, năng suất tăng trung bình hàng năm là 3,4%, trong khi ở Mỹ chỉ tăng 0,7% ^[18].

Chất lượng sống

Đây có lẽ là lĩnh vực mà nước Nhật không thể tự hào nắm giữ những kỷ lục. Nếu có, thì chỉ là kỷ lục bất lợi cho họ. Hãy xem cuộc sống thường ngày của viên chức Nhật điển hình, viên chức hạng trung. Đó là một con người tất bật, căng thẳng, suy kiệt, lao lực quá sức, thiếu ngủ thường xuyên, không có thì giờ cho cuộc sống gia đình, hơn 16 giờ trong ngày phải sống ngoài gia đình, trên các phương tiện di chuyển, trong văn phòng hoặc trong quán xá. Thường thì anh ta, vội vội vàng vàng rời khỏi nhà khi trời còn chưa sáng, hầu như không ăn gì, để kịp bắt chuyến xe lửa ngoại ô mà vào giờ đó bao giờ cũng đông nghẹt. Bắt buộc phải đứng, nhưng với kinh nghiệm đi xe lửa, anh ta vẫn có thể khéo léo lách mình thế nào đó, để - trong khi tâm trí còn chưa tỉnh hẳn - đọc các trang thể thao trong tờ báo, tìm kết quả trận đấu bóng chày vừa diễn ra (người Nhật rất thích môn bóng chày). Ra khỏi xe lửa, bị cuốn đi trong một biển người đông đặc đến mức khó tin, anh ta sẽ ba chân bốn cẳng leo lên các bậc cầu thang (lạ thay, các cầu thang tự động vẫn còn hiếm tại các trạm xe điện ngầm ở Tokyo), rồi rào bước dài qua những hành lang bất tận.

Ở Tokyo, mỗi người mất trung bình trên 85 phút mỗi ngày trên các phương tiện chuyên chở. Đến văn phòng trong trạng thái mệt lử, anh ta sẽ nhào đi kiếm nước uống có sinh tố tăng lực để cầm cự cả ngày làm việc. Chiều đến, sau khi uống xín với bạn bè đồng nghiệp, mặt xám xanh và buồn ngủ, đầu óc trống rỗng, anh ta trở về nhà và chỉ còn đủ sức nói với vợ vốn từ lâu cũng đã quen với cảnh đó: “meshi, furo, futon” (cho tôi ăn, tắm, đi ngủ). Sáu giờ sau, kịch bản đó lại lặp lại.

Theo cơ quan kế hoạch hóa kinh tế (EPA) của chính phủ Nhật thì so với Mỹ, Anh, Pháp, CHLB Đức và Thụy Điển, nước Nhật thua kém về mặt nhà ở, nghỉ ngơi giải trí và sinh hoạt văn hóa (thời điểm 1988). Diện tích trung bình nhà ở mới xây dựng tại Nhật thấp hơn các nước khác gần 20 m² (79,9 m² so với 98 m²). So với các nước nói trên, Nhật Bản – nơi mà vô tuyến truyền hình chiếm phần lớn thời giờ rỗi vốn đã hạn chế hơn các nước khác – cũng là nơi mà sự nghỉ ngơi giải trí ít được quan tâm hơn cả.

Số thư viện ở Nhật ít ^[19]. Ngược lại, 61,1% hộ gia đình Nhật là sở hữu chủ căn nhà uviensach.vn

họ ở. Tỷ lệ này vào năm 1983 đến 62% ^[20]. Sự sụt giảm đáng ngại ấy là do giá đất đai ở các thành phố lớn tăng cực kỳ nhanh – hậu quả của sự đầu cơ đặc biệt táo tợn và nguy hiểm. Hiện tượng này, chúng ta sẽ nghiên cứu sau, xem bằng cách nào nó đã giúp các ngân hàng và các công ty lớn của Nhật hốt bạc, đã khiến giá nhà đất tăng vọt đến mức mà một gia đình không thể nào kiếm được chỗ ở tại trung tâm Tokyo hoặc ngay cả ở vùng phụ cận, trừ phi phải trả nợ trong nhiều thế hệ. Một số gia đình đã làm như vậy, dù có nguy cơ phải bán đi vào ngày mà cha mẹ từ trần, vì mức thuế đánh trên tài sản cao khủng khiếp.

Một yếu tố quan trọng khác của chất lượng sống ở bất cứ nước nào là mức độ thất nghiệp. Làm công dân một nước giàu thì có ích gì nếu bị thất nghiệp và gạt ra ngoài lề. Về nạn thất nghiệp, Nhật Bản xoay sở rất giỏi với tỷ lệ thất nghiệp chỉ là 2,3% dân số hoạt động vào năm 1989 – một kỷ lục tuyệt đối trong nhóm 7 nước công nghiệp hàng đầu (G-7) và gần như kỷ lục so với cả 24 nước thuộc tổ chức OCDE (Hợp tác và phát triển kinh tế) trừ trường hợp ngoại lệ của Luxembourg với 1,3%. Để so sánh, tỷ lệ thất nghiệp trung bình là 6,4% trong toàn bộ các nước OCDE và 9% trong khối CEE. Nhật Bản có tỷ lệ thất nghiệp ổn định, với 2,2% dân số hoạt động vào tháng 6/1990, mức thấp nhất từ năm 1981. Quả thật, do dân số già đi, Nhật Bản đang phải đối phó với tình trạng thiếu nhân công trầm trọng, có thể biến thành khủng hoảng nhân dụng có hại cho nền kinh tế, vì nó cản trở sự phát triển của bộ máy sản xuất.

Diện tích nhà ở tính theo hộ gia đình ở Nhật và phương Tây

	Diện tích (m ²)	Năm
Nhật Bản	86,2	1983
Riêng Tokyo	58,2	1983
Pháp	77,1	1979
Thụy Điển	98,5	1983
Hoa Kỳ	134,8	1984
CHLB Đức	98,8	1981

Nguồn: Bộ xây dựng Nhật Bản, 1985

Những đô thị khổng lồ

Thành tích nổi bật khác của Nhật: chỉ riêng vùng Tokyo và ngoại ô, xét về mặt kinh tế, đã mạnh hơn toàn bộ nước Ý hoặc nước Anh ! Toàn bộ của cả do vùng Tokyo sản xuất ra (với tổng cộng 32 triệu dân) đã đạt 793,5 tỷ đô la (3.967,5 tỷ franc) trong năm tài chính kết thúc vào cuối tháng 3/1988. Trong cùng thời gian, PNB của Ý đạt 755,9 tỷ đô la và của Anh đạt 675,3 tỷ đô la. Những con số đó cũng cho thấy sự tập trung ngày càng gia tăng của những cực công nghiệp và dịch vụ Nhật Bản trong khu vực quanh thủ đô Tokyo. Phần đóng góp của riêng vùng Tokyo vào toàn bộ PNB của Nhật

Bản là 31% trong tài khóa 1987-1988 so với 28,6% vào năm 1980 ^[21]. Hệ luận tất yếu của sự gia tăng mạnh mẽ khu vực đệ tam đẳng ở Nhật: sự phát triển đáng kinh ngạc của diện tích dùng làm văn phòng. Bốn khu phố trung tâm Tokyo có diện tích văn

phòng làm việc tính theo mét vuông lớn nhất thế giới, vượt cả thành phố New York và khu Manhattan nổi tiếng từ cuối năm 1988. Chiyoda, Shinjuku, Minato và Chuo có 3.188 hecta văn phòng, vượt Manhattan 10%.

Kỷ lục trong các kỷ lục: Nhật Bản hiện đang xây dựng một tòa nhà chọc trời cao nhất thế giới, 296 mét, 70 tầng, ở Yokohama. Tòa nhà, gồm 600 phòng khách sạn và 48 tầng làm văn phòng, sẽ xây dựng xong vào năm 1993. Tòa nhà mới này cao hơn 50 mét so với nhà chọc trời cao nhất hiện có ở Nhật là Sunshine Building, cao 240 mét, ở Ikebukuro, phía Tây-Bắc Tokyo. Một dự án khó tin khác đã được các kỹ sư Nhật Bản thảo ra: đó là dự án giao cho tập đoàn kinh doanh bất động sản Taisei xây dựng một nhà chọc trời hình kim tự tháp cao hơn cả núi Phú Sĩ ! Tòa nhà chọc trời này được đặt tên là “X-seed 4000”, sẽ có 800 tầng và cao 4.000 mét, tức là hơn ngọn núi Phú Sĩ 220 mét. Quả nấm bê tông khổng lồ này sẽ có đường kính đáy là 6 km. Việc xây dựng phải mất 30 năm và phí tổn sơ khởi 150.000 tỷ yên, tức 5.400 tỷ franc. Từ 500.000 đến 700.000 người có thể ở trong tòa nhà này. Trên đỉnh, dự định đặt một đài quan sát không gian và một sân vận động thể thao mùa đông. Taisei đã bỏ xa các đối thủ cạnh tranh là Takenaka Corp và Obayaishi Corp: dự án của hai tổ hợp này “chỉ” là những tòa nhà 196 tầng, cao 1.000 mét, và 500 tầng, cao 2.000 mét. Trong khi chờ đợi, chưa có tòa nhà nào vượt kỷ lục thế giới hiện nay là Tháp Sears ở Chicago, cao 440 mét, 110 tầng.

Những nguồn của cải to lớn

Một dấu chỉ của thời đại đang đổi thay: những người giàu nhất thế giới không còn là người Mỹ hay các tiểu vương vùng vịnh mà là người Nhật. Theo tạp chí Mỹ Forbes, người có tài sản riêng lớn nhất hành tinh năm 1990, liên tiếp trong bốn năm liền, là nhà kinh doanh bất động sản người Nhật, Yoshiaki Tsutsumi. Tài sản của ông ta ước tính 16 tỷ đô la, bao gồm bất động sản (trạm trượt tuyết, sân golf, khách sạn) và các công ty đường sắt. Xếp hạng hai là một nhà kinh doanh bất động sản người Nhật khác, Taikichiro Mori, mà tài sản ước tính 14,6 tỷ đô la. Đúng là Mỹ, với 99 nhà tỷ phú, vẫn còn nằm số lượng lớn nhất các gia đình tỷ phú trên thế giới. Nhưng tình hình đang thay đổi, bởi vì 40 trong số 271 nhà tỷ phú theo danh sách của Forbes là người Nhật, trong khi mới cách đây 10 năm còn chưa có người Nhật nào. Bảng xếp hạng của tạp chí Mỹ Fortune có hơi khác. Năm 1990, tạp chí này xếp hạng 1 là quốc vương Brunei (một lốm đất nhỏ nhưng giàu, trên đảo Bornéo) với tài sản 25 tỷ đô la (100 tỷ franc). Sự khác biệt ấy là do Forbes không đưa vào bảng xếp hạng của mình các nguyên thủ quốc gia và các hoàng gia, vì sự giàu có của họ là do kế thừa hơn là do nỗ lực thực sự của chính bản thân.

Tuy vậy, không nên để các con số ấy đánh lừa vì các ông chủ Nhật Bản không phải là những ông chủ được trả lương cao nhất thế giới. Còn xa mới được vậy. Thu nhập trung bình hàng năm của một tổng giám đốc một công ty lớn của Nhật, kể cả tiền thưởng, là 17,58 triệu yên (632.480 franc). Thu nhập của một chủ tịch công ty không quá 32,50 triệu yên (1.165.000 franc). So với đồng lương đế vương của các ông chủ Mỹ thì còn thua xa [\[22\]](#).

Cả của cải trong két của chính phủ cũng vào loại to lớn nhất thế giới. Về dự trữ ngoại tệ, Nhật luân phiên chiếm hạng nhất cùng với Mỹ và hòn đảo nhỏ Đài Loan nằm đối mặt với lục địa Trung Hoa. Thường Nhật Bản có số dự trữ ngoại tệ khoảng 70-100 tỷ đô la (350-500 tỷ franc). Biến thiên phần lớn là do ngân hàng Nhật Bản (ngân hàng trung ương) can thiệp để giữ giá đồng yên so với đồng đô la. Nếu đồng yên hạ giá quá

mức và đồng đô la lên giá quá cao, ngân hàng bán đô la ra thị trường hối đoái, làm hạ tỉ giá. Ngày 1/2/1991, dự trữ của Nhật về vàng, ngoại tệ và quyền rút tiền đặc biệt từ Quỹ tiền tệ quốc tế (FMI) là 77,5 tỷ đô la. Tháng 4/1989, Nhật đã đạt mức dự trữ lịch sử với 100,36 tỷ đô la (...)

Về tài chính và bất động sản trên thị trường nội địa, tích sản của người Nhật (gộp chung cả các công ty và các nhân) đã tăng 12% vào năm 1988, đạt đến 5.993.000 tỷ yên (48.800 tỷ đô la). Trong tổng số đó, tích sản bằng cổ phiếu, trái phiếu và các công cụ tài chính khác lên đến 3.226.000 tỷ yên (25.200 tỷ đô la), tăng 15,3% ^[23]. Tuy nhiên, phải nhấn mạnh rằng vào thời kỳ ấy, do giá cổ phiếu tăng đến chóng mặt, thị trường hối đoái Tokyo đã trở thành thị trường số một thế giới về tích lũy vốn. Từ mùa đông 1989-1990, “quả bong bóng đầu cơ”, như người ta thường gọi ở Tokyo, đã nổ tung: chỉ trong năm 1990, giá các chứng khoán đã giảm mạnh gần 40% và thị trường Kabuto-Cho đã trở lại vị trí thứ hai sau Wall Street. Tích sản của Nhật đã giảm với tỉ lệ tương đương.

Khi các tài sản trở thành khổng lồ

Hãy nói thêm một chút về tài sản, với những tài sản khổng lồ đến mức khó tin, huyền hoặc của 10 ngân hàng lớn nhất của Nhật. Có cần phải nhắc lại không ? Những ngân hàng Nhật này cũng là những ngân hàng lớn nhất thế giới, vượt xa các ngân hàng khác. Toàn bộ tích sản của 10 ngân hàng ấy, nghĩa là đất đai, nhà cửa, chứng phiếu và tích lũy lên tới con số khổng lồ 3.281 tỷ đô la. Trong tài khóa kết thúc vào ngày 31/3/1990, tăng 20% so với năm trước (tính theo đồng yên). Số tiền đó đủ để xóa sạch nợ nần của các nước thế giới thứ ba ! Dù cho có xảy ra điều đó đi nữa, thì các ngân hàng Nhật Bản vẫn còn khoản dư thoải mái, vì nợ của thế giới thứ ba tính đến cuối năm 1989 là 1.322 tỷ đô la.

Ngân hàng số một của Nhật là Dai-Ichi Kangyo. Tích sản của nó cho đến ngày 31/3/1990 là 421 tỷ đô la (66.591 tỷ yên). Những ngân hàng khác theo thứ tự nhỏ dần là: Mitsui-Taiyo-Kobe (401 tỷ đô la), Sumitomo (397 tỷ đô la), Fuji (392 tỷ đô la), Mitsubishi (384 tỷ đô la), Sanwa (373 tỷ đô la), Industrial Bank of Japan (276 tỷ đô la), Tokai (244 tỷ đô la), Ngân hàng Tokyo (201 tỷ đô la) và cuối cùng là ngân hàng tín dụng dài hạn Nhật Bản (192 tỷ đô la). Do sự chênh lệch không mấy quan trọng giữa các khoản vay và cho vay vì lãi xuất ở Nhật tăng và cũng vì giá chứng khoán sụt giảm ở thị trường chứng khoán Tokyo, các ngân hàng kể trên đã loan báo khoản lãi dự kiến cho tài khóa 1990-1991 giảm. Chẳng hạn, Dai-Ichi Kangyo ghi nhận tiền lãi giảm 26,1% với 115 tỷ yên; Mitsui giảm 22,3% với 90 tỷ yên; Fuji giảm 32% với 100 tỷ yên và Sanwa giảm 12,2% với 130 tỷ yên.

Nhưng, dù cho có khủng hoảng vùng Vịnh và suy yếu thị trường chứng khoán hay không, các ngân hàng Nhật vẫn không ngừng tăng cường sức mạnh, đến mức mà người ta có thể tự hỏi rằng sắp tới, phải chăng những người đi vay sẽ dần dần chỉ còn một nguồn duy nhất để chọn lựa. Năm 1989, lần đầu tiên Nhật đã qua mặt Anh trên thị trường cho vay thế giới. Các ngân hàng Nhật đã cho vay 20,6% trong tổng số tín dụng, so với 20,5% của các ngân hàng Anh và 10% của các ngân hàng Mỹ. Mọi thứ độc quyền đều nguy hiểm. Tình hình cũng sẽ như vậy nếu các sợi dây tài chính chủ yếu của thế giới rơi vào tay Nhật Bản. Trở thành người cho vay số 1 của thế giới, Nhật Bản có được một sức mạnh chính trị đáng ngại, tuy chưa rõ ràng. Dù sao, bằng cách cho vay hoặc không cho vay, Nhật Bản có thể làm một nước khác sống sót hoặc chết chìm.

Các ngân hàng Nhật do đó ngày càng có khả năng ra những mệnh lệnh chính trị cho một chính phủ đang gặp khó khăn.

Đó là trường hợp của Niu-Dilân vào ngày 7/11/1989, khi Kunji Miyazaki, chủ tịch Hiệp hội ngân hàng Nhật Bản, loan báo rằng từ nay các ngân hàng Nhật sẽ tẩy chay mọi yêu cầu vay tiền trên thị trường quốc tế của Niu-Dilân chừng nào mà nước này chưa “trả lời thỏa đáng” các yêu cầu của Nhật. Nhật Bản đòi chính phủ Niu-Dilân phải tài trợ để cứu ngân hàng kinh doanh chính trong nước là Development Finance Corporation đang phá sản và nợ các ngân hàng Nhật 800 triệu đô la. Không có sự giúp đỡ tài chính của Nhật, chính phủ Niu-Dilân như bị bóp cổ họng và cuối cùng đã phải tuân theo.

Vấn đề về của cải, tích sản của các công ty bảo hiểm và các tập đoàn công nghiệp lớn của Nhật cũng hết sức dồi dào, đến mức khiến cho tập đoàn lớn nhất của phương Tây cũng xanh mặt. Các tập đoàn của Nhật thì đầy ắp tiền. Các tập đoàn của phương Tây thì nợ nần. Công ty bảo hiểm nhân mạng lớn nhất thế giới là một công ty Nhật: Nippon Life. Tích sản của 10 hãng hàng đầu của Nhật vào ngày 31/3/1990, thời điểm kết thúc tài khóa 1989-1990 ở Nhật là 83.233 tỷ yên, tức khoảng 555 tỷ đô la. Cần phải nói rõ thêm là trị giá các tích sản đó đã tăng trung bình 45% trong một năm. Những lý do giải thích cho thành tích ngoại hạng đó là: nỗ lực đa dạng hóa các xí nghiệp Nhật, cũng như chính sách hưng hân nhằm sáp nhập và mua lại các xí nghiệp khác, nhất là ở nước ngoài. Các hãng chế tạo xe hơi Nhật thì đeo đuổi chiến lược thiết lập ồ ạt các nhà máy sản xuất mới ở nước ngoài.

Tập đoàn số một của Nhật Bản là công ty giao dịch Mitsubishi Corp với tích sản lên tới 11.678 tỷ yên (77,85 tỷ đô la) ^[24]. Mitsubishi Corp thực tế là một vương quốc tài chính mà người ta hầu như không thể đo lường được sức mạnh thực sự, do nó có vô số chi nhánh khắp thế giới, phức tạp và khó nắm bắt. Công ty chứng khoán lớn nhất thế giới cũng là một công ty Nhật: công ty Nomura nổi tiếng và đáng sợ. Tiền lãi của nó tăng nhanh với 218,7 tỷ yên (1,4 tỷ đô la) năm 1989, con số kỷ lục trong lịch sử của nó. Ba công ty chứng khoán lớn của Nhật còn lại là Daiwa, Nikko và Yamaichi. Cả ba, trong cùng một thời gian trên, đã thu về số tiền lãi kỷ lục theo thứ tự là 146,02 tỷ yên (960 triệu đô la); 120,14 tỷ yên (760,3 triệu đô la) và 98,04 tỷ yên (644 triệu đô la). Còn 18 công ty thương mại lớn của Nhật thì đã tăng 20,2% trị giá các hợp đồng xuất khẩu năm 1990, so với năm 1989.

Từ mùa xuân năm 1990, những đám mây đen đã xuất hiện ở chân trời. Với giá cổ phiếu thường xuyên sụt ở thị trường chứng khoán Tokyo, hàng trăm tỷ đô la đã “bốc hơi”. Tài sản của các tập đoàn lớn, các ngân hàng và các công ty chứng khoán vì thế đã sụt giảm đáng kể. Tài khóa 1990-1991, bốn công ty chứng khoán lớn nhất dự kiến mức sụt giảm tiền lãi trước khi nộp thuế mạnh nhất kể từ 1974. Một trong những hậu quả của sự sụt giảm ấy là người Nhật tham gia ít hơn vào sự tái tài trợ Ngân khố Mỹ vào tháng 11/1990. Trái phiếu của ngân khố Mỹ mà người Nhật mua chỉ chiếm 20% tổng số, trong khi những năm trước đó họ đã mua đến 40% tổng số trái phiếu. Tình hình cũng diễn ra tương tự với việc tái tài trợ ngân khố Mỹ vào tháng 2/1991. Tuy vậy, sẽ sai lầm nếu cho rằng sự sụp đổ của chứng khoán ở Kabuto-Cho là một thảm kịch kinh tế đối với Nhật. Ngược lại, sự “điều chỉnh” này, trong mức độ mà nó không gây ra một sự phá sản vượt quá giới hạn chịu đựng, lại được Tokyo xem như là một biện pháp lành mạnh hóa nền tài chính sau những năm thả sức đầu cơ và kiếm tiền dễ dãi.

Đừng quên rằng những tài sản mà chúng ta đang nói tới không thuộc về những người Nhật bình thường. Lại càng không thuộc về nhân viên của các đại công ty, những “salary-men” khiêm tốn. Còn về tiền lương, ngay cả chủ nhân của những xí nghiệp làm ăn giỏi nhất và giàu nhất cũng không được trả lương quá cao, khác với ở Mỹ. Mặc dù vậy, mức sống của người Nhật đã nâng cao nhiều nhờ thành tựu kinh tế của nước họ. Chẳng hạn, từ 1947 đến 1984, tiền lương đã tăng 156 lần tính theo giá trị tuyệt đối và 10 lần theo giá trị thực tế (có tính đến lạm phát). Tiền thưởng cuối năm do các xí nghiệp lớn và chính quyền trả, vượt xa lương tháng 13 của chúng ta. Với khu vực tư nhân, tiền thưởng trung bình đã lên tới kỷ lục 680.000 yên (24.480 franc) cho mỗi nhân viên (mùa đông 1989-1990). Những gia đình Nhật không có ít nhất là một máy giặt, một tủ lạnh, một TV màu và điện thoại (ở thành phố) từ nay chỉ còn là ngoại lệ.

Ở Nhật, vẫn có những cách biệt xã hội nhưng rõ ràng là ít đập vào mắt hơn ở phương Tây. Đặc quyền của người giàu là một thực tế. Sự cách biệt về của cải giữa người Nhật bình thường và gia đình của các nhà công nghiệp lớn là một sự cách biệt khổng lồ. Nhưng những đặc quyền ấy hiếm khi quá đáng và nhất là hầu như không bao giờ được phô trương. Những nhà tỷ phú lớn giải trí trong những câu lạc bộ kín đáo, che đậy khỏi cặp mắt hạng bình dân. Ở Nhật có một giới quý tộc tài chính sống đế vương mà hầu như người ta không biết gì và cũng rất ít người có thể nghi ngờ. Nhưng những gia đình trung bình quả thực không còn gì để than phiền về số phận và hầu như chín trên mười người Nhật đã là những “quý ông”. Một cuộc thăm dò mới đây cho thấy 84,5% người Nhật tự cho mình thuộc tầng lớp trung lưu. Chỉ có 8,8% cho rằng mình là thành viên đầy đủ của tầng lớp kém may mắn hơn và 0,5% cho rằng mình thuộc tầng lớp bị thiệt thòi nhất [25]. Không nói tới những nước thuộc thế giới thứ ba, sự thuần nhất xã hội của nước Nhật trái ngược với hố phân chia người giàu và người nghèo ở các nước công nghiệp khác, chẳng hạn ở Mỹ và Anh, nơi mà cái hố phân chia ấy ngày càng lớn. Chẳng hạn ở Mỹ, thu nhập năm 1990 của 2,5 triệu người giàu hầu như bằng thu nhập của cả 100 triệu người ở những nấc thang cuối cùng [26]. Ở Anh, chính sách của Margaret Thatcher đã có lợi cho người giàu hơn là cho người nghèo, bởi vì tỷ lệ những gia đình có thu nhập thấp hơn mức thu nhập bình quân quốc gia đã tăng gần gấp đôi, từ 8% lên 14% trong khoảng thời gian từ 1981 đến 1987 [27].

Theo các thăm dò chính thức ở Nhật, 63,1% người Nhật được hỏi đã tuyên bố “hoàn toàn hài lòng” hoặc “không hoàn toàn nhưng khá hài lòng” về cuộc sống hiện tại. Tuy vậy, cũng còn 35,9% khẳng định “bất mãn” hoặc “cực kỳ bất mãn” về cuộc sống của họ. Để cho công bằng, cần nhắc lại rằng tỷ lệ những người “hài lòng” đã không hề tiến triển từ sau chiến tranh đến nay. Tỷ lệ ấy là 60% vào năm 1958, rồi sụt xuống 50,4% vào lúc đen tối nhất của cuộc khủng hoảng dầu lửa năm 1975, rồi lại lên đến đỉnh cao 70,6% vào năm 1985. Cần thêm rằng, hiện tại 54,6% người Nhật thú nhận rằng họ có điều “lo lắng” và thường “lo âu” trong cuộc sống thường ngày, trong khi 43,3% khẳng định họ không gặp phải điều ấy.

Những người giàu mới

Với một số người, tiền bạc không làm nên hạnh phúc. Với người khác thì có. Ở Nhật, với cả hai loại người, việc tăng mạnh thu nhập đã tạo nên một cơn sốt tiêu thụ chưa từng thấy. Xu hướng này trái ngược sâu sắc với những năm tháng kiêng khem và lao động cực nhọc trong thời kỳ tái thiết. Với một bộ phận không nhỏ dân chúng, việc

tăng thu nhập đã dẫn đến tư tưởng cho đến ngày nay vẫn xa lạ ở đây: tư tưởng hãnh tiến của kẻ mới giàu. Và chẳng, khái niệm này phổ biến ở các thành phố lớn, đến mức từ tiếng Anh new rich đã đi vào ngôn ngữ Nhật thông dụng, được người Nhật đọc hơi trại đi là “niu richu”. Nhà ở thì quá đắt, không mua được, người Nhật quay ra tiêu dùng xả láng.

Để thấy điều này, chỉ cần dạo một vòng buổi tối trên các đường phố của khu Roppongi ở Tokyo, ngắm những người Nhật mới giàu trong những bộ cánh đẹp nhất của họ. Vào giờ mở cửa các discothèque, các câu lạc bộ và các bar sang trọng nhất ở Roppongi, cũng là giờ diễn ra vũ điệu ba lê có lẽ là duy nhất trên thế giới của những chiếc limousine sang trọng đến mức khiến bạn phải nín thở. Trong khu vực của những đặc quyền lộ liễu này, giới trẻ ăn chơi của Nhật Bản đến đó trên những chiếc Mercedes 500 màu trắng có thể xếp mui, những chiếc BMW cực mạnh, những chiếc Porsche hoặc Jaguar loại “xịn” và những chiếc racer đời mới nhất. Rồi họ vừa cười nói vừa mất hút vào trong những chốn ăn chơi tuyệt vời ấy, để mặc cho tài xế ăn mặc sang trọng, mang găng tay trắng, lái xe vào đậu trong các thang máy sẽ đưa xe của họ xuống các bãi đậu xe ngầm dưới đất. Ở đây, người ta tôn thờ sự xa hoa như một tôn giáo. Có lẽ vào giây phút ấy, đôi mắt với sự phung phí tiền bạc như vậy, người phương Tây mới cảm thấy mình nghèo nàn và túng thiếu.

Bốn mươi lăm năm trước, người dân Tokyo đào bới tuyệt vọng đồng nhà đổ nát của mình, mong tìm thấy vài vật dụng cá nhân. Trong nước Nhật hiện đại, những người giàu mới luôn luôn đói khát các vật dụng sang trọng và muốn khoe của, không bao giờ thỏa mãn với sự dư thừa và phung phí. Và khi người ta bị ám ảnh bởi nhu cầu khoe của, mọi sự đều được phép, kể cả những cái quá đáng. Có vô số ví dụ. Ở đây, chỉ xin dẫn vài ví dụ.

Ở một số coffee shops cực sang ở Nara hoặc Tokyo, nơi người ta có thể treo những bức họa của Renoir hoặc Matisse thật, mỗi tách cà phê giá gần 2.000 franc. Trong các quán cà phê ấy, người ta dùng nước suối Evian để pha cà phê Hamaica loại 1, và nước cà phê có rắc những sợi vàng thật rất mỏng, được đựng trong tách sứ giát vàng phục vụ khách.

Ví dụ khác: người Nhật bỗng nhiên đam mê môn chơi golf từ mấy năm nay. Hàng chục sân golf được xây dựng khắp nước Nhật đến mức đe dọa cả môi trường và những cảnh quan độc nhất vô nhị. Khoảng 15-16 triệu người Nhật cho biết họ có chơi golf, trong khi ở Pháp chỉ có 150.000 người. Chơi golf ở Nhật đã trở thành một mốt đua đòi, một biểu tượng thành công về mặt xã hội. Để gia nhập một câu lạc bộ chơi golf có tiếng, có khi phải đóng đến 10 triệu franc ! Người ta tuyển chọn bằng tiền. Thường thì xí nghiệp phải gánh khoản tiền ấy. Và dĩ nhiên, người ta chỉ chi những khoản tiền như vậy cho các cán bộ cao cấp. Phải thêm vào đó các khoản đóng góp hàng năm nữa. Và đối với những người chơi golf, tất nhiên phải trang bị dụng cụ đầy đủ nhất. Bởi vì, ở Nhật, mỗi môn thể thao, mỗi sinh hoạt giải trí đều đòi hỏi cả một mớ phụ tùng cao cấp và đắt tiền. Chẳng hạn không thể tưởng tượng được là một người Nhật chơi trượt tuyết, dù mới bắt đầu, lại lao vào đường trượt mà không có cả một lô trang bị phức tạp, không kể đôi thanh trượt kiểu mới nhất, khiến một vận động viên trượt tuyết sừng sỏ của phương Tây phải thèm muốn.

Bộ đồ chơi golf đắt giá nhất thế giới hiện nay là của Nhật. Được chế tạo “đặc biệt cho những phụ nữ theo thời trang”, bộ đồ golf này gồm một cây gậy, một quả banh và một tee làm bằng bạch kim, có chạm 650 hạt kim cương, và giá sơ sơ 100 triệu yên

(360.000 franc). Dù sao, với những người Nhật bình thường, một buổi chiều trên một sân golf 18 lỗ là một thứ xa xỉ nằm ngoài tầm tay. Thiếu chỗ, thiếu tiền, người Nhật chỉ biết chơi golf trên những “sân giả” (practice). Không hiếm trường hợp người Nhật đến chơi ở Pháp, lần đầu tiên mới đụng được một sân chơi kích thước thật, sau 20 năm chơi golf trên các “sân giả”.

Ngay cả trong tầng lớp trung lưu, với những người muốn tỏ ra mình vượt trội hơn người láng giềng, thì việc mang một cái túi xách Louis Vuitton, một bộ đồ may sẵn Chanel, đồ trang sức Christian Dior, bộ đồng phục Pierre Cardin cũng là biểu tượng của địa vị xã hội. Bạn sẽ chẳng bao giờ nghe các hãng lớn này than phiền về Nhật cả, vì lý do đơn giản là họ làm ăn hái ra vàng ở đó. Quang cảnh trên đường phố và trong xe điện ngầm ở Tokyo thật đáng kinh ngạc. Chưa ở đâu khác tôi thấy một tỷ lệ túi xách Louis Vuitton cao đến vậy. Không có gì đáng ngạc nhiên là Louis Vuitton thực hiện 75% doanh số chỉ riêng với khách hàng người Nhật ở Nhật Bản, hoặc ở nước ngoài. Tập đoàn sản xuất hàng xa xỉ Louis Vuitton – Moët Hennessy (LVMH), ngoài túi xách còn sản xuất rượu sâm banh, cognac, mỹ phẩm và nước hoa, đã thực hiện 40% doanh số của mình ở Viễn Đông trong năm tài chính kết thúc vào ngày 30/6/1990.

Vàng và bạch kim đặc biệt quyến rũ người Nhật. Nhật Bản là nước nhập khẩu vàng lớn nhất thế giới, với 300 tấn năm 1989. Họ cũng thích những đồ trang sức loại sang và các thứ đá quý. Doanh số của các hãng kim hoàn lớn đạt hết kỷ lục này đến kỷ lục khác. Nhật đã trở thành thị trường lớn thứ hai thế giới về kim cương đánh bóng. Để thỏa mãn khách hàng, các tiệm ăn và các cửa hàng lớn bắt đầu rắc những hạt vàng vào cà phê, bánh, xà lách, sushi (bánh tráng cuốn, bọc rau câu và cá sống), soba (súp nui).

Nước Nhật mới cũng là nước Nhật của mốt. Những người Nhật mới giàu muốn tỏ ra biết ăn chơi tất nhiên phải uống rượu Pháp. Ở Hồng Kông, dân ăn chơi uống rượu Cognac. Ở Tokyo, người ta uống rượu vang. Và khi rượu “beaujolais nouveau” đến, những người Nhật sành điệu nằm trong số những kẻ đặc ân thưởng thức đầu tiên loại rượu này. Quả thực, sự việc đã diễn ra như vậy: ngày mà rượu “beaujolais nouveau” chính thức được đem bán hàng năm, loại rượu quý này được ưu tiên chở từ Pháp qua Nhật để rồi, nhờ chênh lệch múi giờ (Nhật đi trước Pháp 8 giờ) người Nhật được uống trước cả người Pháp. Để khỏi mất thì giờ, có những toán hải quan và lao động thời vụ lo dán nhãn bằng tiếng Nhật (luật pháp Nhật bắt buộc như thế) lên các chai rượu, nóng lòng chờ đợi, sẵn sàng bắt tay vào việc ngay khi máy bay hạ cánh để chờ hàng mang đi.

Tuy vậy, năm 1990 Nhật Bản đã không được là kẻ đầu tiên thưởng thức rượu “beaujolais nouveau”. Khoảng ba chục chiếc Boeing 747 Cargo của các hãng Air France, Cathay Pacific và Japan Airlines đã được huy động để chở kịp thời 300.000 két rượu quý này (tổng cộng 2.400 tấn) đến sân bay Narita. Nhưng vì ngày lễ đăng quang của hoàng đế Akihito diễn ra vào 22/11, tức một tuần lễ sau khi rượu “beaujolais nouveau” chính thức bán ra, chính phủ Nhật cho rằng sẽ là bất kính nếu các thần dân Nhật lại thưởng thức thứ rượu mới trước một ngày lễ trọng đại như vậy. Vậy là việc thưởng thức rượu “beaujolais nouveau” bắt đầu trễ một tuần. Những năm khác, những tay chơi còn có thể ngủ qua đêm ở một khách sạn trong sân bay Narita, nơi người ta tổ chức những cuộc thưởng thức rượu đặc biệt trước mọi người khác. Mốt thưởng thức rượu vang mới được ưa chuộng đến nỗi từ nay, người Nhật có thể thưởng thức đủ loại rượu mới mà ngay cả ở Pháp người ta còn không biết tới ! Và mặc dù mốt thưởng thức rượu vang còn tương đối mới ở Nhật, nhưng nó thịnh hành đến mức mà năm 1989 Nhật Bản đã trở thành khách hàng thứ 5 của Pháp. Trị giá rượu mà Nhật

nhập khẩu đã tăng lên hơn 1 tỷ franc, tăng hơn 60% mỗi năm. Với rượu beaujolais nouveau thì tăng 109%.

Hiện tượng nhà giàu mới ở Nhật còn biểu hiện qua việc đi du lịch đông đảo ra nước ngoài, hiện tượng này đã tăng vọt trong vài năm qua. Đi du lịch ra nước ngoài chỉ để tiêu khiển cũng đã trở thành một. Túi rủng rinh đồng yên, mà giá trị không ngừng tăng so với các loại ngoại tệ mạnh khác, gần 10 triệu người Nhật đã ra nước ngoài năm 1989 (chính xác là 9,64 triệu người). Năm 1986 chỉ mới có 5,5 triệu người và năm 1988 có 8,5 triệu người [28]. Những địa điểm mà người Nhật thích đến du lịch nhất, theo thứ tự, là châu Á (47,8%), Bắc Mỹ (35,7%), châu Âu (10%) và châu Úc (5%). Năm nước mà người Nhật thường đi du lịch nhất là Mỹ (31%), Triều Tiên (14,2%), Hồng Kông (12,2%), Đài Loan (10%) và Pháp (8%). Hawaii, Úc, bờ Tây nước Mỹ cũng được du khách Nhật đặc biệt ưa thích. Trung thành với ước muốn của mỗi người Nhật là được hòa mình trong một nhóm hoặc một tập thể, họ thường đi du lịch thành đoàn có tổ chức. Trong trường hợp đó, mọi chi tiết nhỏ nhất nhất đều được tiên liệu và tổ chức chu đáo. Ngay cả vấn đề gái cũng được tiên liệu, nếu đó là những sex-tours ở các thủ đô châu Á. Một số tuyến du lịch còn hứa hẹn mỗi tối một cô gái khác nhau. Cần nói thêm rằng các bà vợ Nhật không nhất thiết bức bối về điều đó. Được giải phóng một thời khỏi các đức ông chồng thường trở về nhà trễ, mệt mỏi bơ phờ và say bí tỉ, họ có thể hưởng một chút tự do để lấy lại sức.

Khách du lịch Nhật Bản là một thứ của trời cho mà nước nào cũng muốn lôi kéo. Năm 1989, du khách Nhật Bản đã chi tiêu ở nước ngoài 22,4 tỷ đô la (112 tỷ franc), tăng 20% trong vòng có một năm. Tính số tròn, mỗi du khách Nhật chi tiêu khoảng 10.000 franc. Ngoài ra, không kể các chuyến du lịch kinh doanh, dường như mỗi người Nhật khi ra nước ngoài thực tế chi tiêu bình quân 450.000 yên (16.200 franc). Nhưng một xu hướng mới đã bắt đầu xuất hiện, đó là việc thanh niên Nhật đi du lịch cá nhân. Nó là biểu hiện của những thay đổi xã hội đang diễn ra ở Nhật. Họ có rất nhiều khả năng chọn lựa: đi vòng quanh các thủ đô châu Âu trong một tuần, đi du lịch hạng sang trên một trong những chiếc tàu nổi tiếng nhất, đi nghỉ cuối tuần ở Bornéo xa lạ, đi đánh golf trong khung cảnh quyến rũ của lăng các hoàng đế đời Minh ở ngoại ô Bắc Kinh. Ngày nay, người ta gặp tương đối thường xuyên trên các chuyến bay những nhà kinh doanh hoặc cán bộ quản lý cao cấp người Nhật, cuối tuần đi đánh golf tại một sân chơi nào đó ở đâu kia thế giới.

Các phương tiện giải trí ở ngay nước Nhật còn sơ sài. Chỉ lo làm việc, gần đây người Nhật mới biết đến các thú giải trí. Nhưng dường như họ muốn lấy lại thời gian đã mất. Thị trường giải trí năm 1985 chỉ đạt 45 tỷ yên (1.62 tỷ franc). Ước lượng năm 2000 sẽ lên tới 150 tỷ yên (5,4 tỷ franc). Năm 1987, 44% người Nhật tính chung tất cả các độ tuổi, xem công việc là lẽ sống của họ. Năm 1990, thanh niên Nhật tuổi từ 20 đến 30 chỉ có 26% chấp nhận ý tưởng đó so với 34% xem giải trí là lẽ sống.

Ve và kiến

Người Nhật đã rơi vào cơn lốc tiêu thụ, mặc dù hiện tượng này chưa đạt tới quy mô như ở các nước phương Tây. Với các loại tín dụng cho mục đích tiêu thụ, tín dụng nhà ở, tín dụng “revolving” và đủ loại phương thức thanh toán dễ dàng khác, người châu Âu và người Mỹ chỉ dùng vượt quá xa khả năng của mình. Trong khi đó, người Nhật nói chung vẫn có số tiết kiệm tính theo đầu người cao nhất thế giới và do đó đã góp phần vào việc duy trì “sức khỏe” trong các xí nghiệp của họ. Tổng số tiền tiết kiệm của các hộ gia đình Nhật Bản đã vượt quá mức 700.000 tỷ yên (25.200 tỷ franc) vào ngày

31/3/1990, thời điểm kết thúc năm tài chính 1989-1990. Lần thứ tư trong bốn năm liên, quỹ tiết kiệm đã tăng với tỷ lệ trên 10%. Theo Viện quốc tế và các Quỹ tiết kiệm (IICE) ở Genève, người Nhật vẫn được xếp hạng tiết kiệm nhất thế giới, trước Thụy Sĩ, Bỉ, Áo, Hà Lan và CHLB Đức. Tuy vậy, dù có các kỷ lục đó, khoảng cách giữa Nhật và các nước phương Tây ngày càng hẹp dần. Năm 1975, khi Nhật Bản đang phải chịu tác động trực tiếp của cuộc khủng hoảng dầu lửa lần thứ nhất, tỷ lệ tiết kiệm của các gia đình Nhật là 22,8%. Năm 1987 chỉ còn 15,1% và năm 1988 còn 14,8%.

Tỷ lệ tiết kiệm của các gia đình Nhật so với các nước khác

	Nhật	Mỹ	CHLB Đức	Pháp
1987	15,1%	5,6%	12,2%	11,5%
1988	14,8%	6,6%	12,6%	12,2%

Nguồn: Ngân hàng Nhật Bản

Người giàu có san sẻ cho người nghèo ?

Người giàu ít khi rộng lượng, hầu như chẳng bao giờ hoang phí. Nước Nhật không đi ra ngoài quy luật đó. Khi đất nước Mặt trời mọc trở nên giàu có sau bao năm khổ khó, tất nhiên có nhiều kẻ gen tuông. Một hậu quả tất nhiên khác: công nghiệp Nhật đã chiếm chỗ của các ngành công nghiệp ở phương Tây. Nước Nhật bắt đầu khiến người ta khó chịu. Những kẻ gièm pha đã vội vàng buộc tội, mà thường là đúng, rằng Nhật Bản cư xử một cách quá ích kỷ. Người ta bảo Nhật Bản không chỉ làm giàu một cách bất chấp mà còn bo bo giữ của. Bởi vì, dù họ có viện trợ, chẳng bao giờ đó là viện trợ vô vụ lợi. Ngay cả viện trợ nhân đạo cũng thường bị ràng buộc vào điều kiện là phải mua hàng hóa của Nhật. Cho vay với lãi suất ưu đãi cũng vậy. Sự chỉ trích ấy là tuyệt đối đúng trong một thời gian dài. Bây giờ nó vẫn còn đúng, ít nhất là một phần.

Nhưng một dữ kiện quan trọng đã thay đổi: từ 1989, Nhật Bản đã giành lấy vị trí số một trên thế giới của Mỹ về tổng viện trợ phát triển (ADP), tức là các khoản viện trợ, cho vay với lãi suất thấp và trợ giúp kỹ thuật cho các nước đang phát triển. Năm 1989, phần của chính phủ Nhật trong các khoản viện trợ ấy là 8,96 tỷ đô la, tăng 5,7% so với 1988. Trong đó, 55% là cho vay, 23% viện trợ và 21,9% dưới hình thức hợp tác kỹ thuật.

Trong khi đó, phần của Mỹ giảm 27%, còn 7,66 tỷ đô la. Nước Pháp đứng hàng thứ ba với 5,14 tỷ đô la, trước CHLB Đức (4,95 tỷ đô la) ^[29].

Nhưng những con số gộp ấy là không đầy đủ và đưa đến nhầm lẫn. Để biết được cố gắng thực sự của từng nước, cần phải so số viện trợ với PNB (tổng sản phẩm xã hội). Dưới góc độ đó, Pháp đứng đầu nhóm G-7 với tỷ lệ 0,54%. Nhật Bản đứng hàng thứ năm và Mỹ xếp sau cùng ^[30]. Vì thế, Francois Mitterrand đã phải nói: “Nước Nhật khiến chúng ta nhỏ lệ khi họ nói về các nước nghèo !”. “Chúng ta bỏ xa đằng sau những nước như Mỹ hoặc Nhật là những nước vẽ ra những kế hoạch to lớn nhưng mở hầu bao rất ít. Nếu Mỹ hoặc Nhật Bản cũng cố gắng như chúng ta, vấn đề (viện trợ cho thế giới thứ ba) sẽ được giải quyết” – F.Mitterrand nói thêm. Mặt khác, tư bản Nhật đổ chủ yếu vào các nước châu Á (chiếm 62,5% viện trợ Nhật năm 1989). Cũng cần phải biết rằng Nhật tiếp tục cho tiền, đổi lại những hợp đồng ký kết với các xí nghiệp Nhật. uviansach.vn

Mặc dù phần cho vay lãi suất thấp gắn với những hợp đồng ký với các xí nghiệp Nhật đang giảm đi, phần này vẫn còn chiếm tới 20% trong năm 1989, theo các số liệu chính thức. Và dù người ta có nói rằng các khoản tiền bỏ ra trên lý thuyết có thể dùng để tiến hành các dự án với những bạn hàng không phải Nhật Bản thì trong thực tế cứ hai dự án thì có một được thực hiện với các xí nghiệp Nhật Bản. Trong trường hợp đó, viện trợ của Nhật trở thành một hình thức tài trợ nguy trang cho chính nền công nghiệp của họ.

Cũng cần phải thấy rằng Nhật Bản đang củng cố các vị trí của họ và tăng cường ảnh hưởng của họ ở châu Phi và châu Mỹ La tinh nhờ những chương trình trợ giúp tiền bạc nói chung chẳng hao tốn gì lắm. Chẳng hề muốn đầu tư vào vì không đảm bảo lãi, chính phủ Nhật đổ vào lục địa châu Phi những khoản viện trợ nhỏ từ 5 đến 150 triệu đô la nhằm xây dựng chỗ này một chiếc cầu hay nhà máy điện, chỗ kia một trường học hoặc một cái đập. Năm 1990, những nước châu Phi chủ yếu nhận viện trợ của Nhật là Niger (20 triệu franc + 35 triệu franc), Guinée-Bissau (18 triệu franc), Công hòa Trung Phi (8 triệu franc), Bờ biển Ngà (đủ loại tín dụng), Ouganda (30 triệu franc + 20 triệu franc), Nigeria (90 triệu franc), Burkina (viện trợ lương thực 7,2 triệu franc), Algérie (cho vay đủ loại), Guinée (30 triệu franc), Djibouti (30 triệu franc), Sénégal (100 triệu franc) và Ghana (1,2 triệu franc). Ở châu Mỹ La tinh, Nhật Bản ít viện trợ hơn mà thường cho vay lãi suất thấp. Những nước may mắn được vay có: Équateur (56 triệu đô la), Mêhicô (375 triệu đô la).

Danh sách ấy không hề là một danh sách giới hạn, vì rõ ràng là có nhiều nước đang phát triển khác cũng kêu gọi khẩn cấp nguồn vốn của Nhật. Nhưng, dù các khoản viện trợ và cho vay ấy có bị ràng buộc hay không với việc phải mua hàng của Nhật, thì chúng ta cũng phải nhớ rằng đồng tiền bỏ ra ấy nhất thiết có mặt trái của nó: mở rộng ảnh hưởng của Nhật ra khắp thế giới.

Viện trợ phát triển năm 1989 (triệu đô la)

	Tổng số	Tỷ lệ/PNB
Pháp	5.140	0.54%
CHLB Đức	4.950	0.41%
Nhật Bản	8.960	0.32%
Mỹ	7.660	0,15%

Nguồn: OCDE

Lạm phát

Về lạm phát, Nhật Bản cũng là cậu học trò đứng đầu bảng trong số bảy nước công nghiệp hàng đầu, trong ba năm liền. Trừ vài ngoại lệ hiếm hoi, Nhật Bản cũng là nước xuất sắc dẫn đầu OCDE. Đây là một dấu hiệu không thể nhầm lẫn về “sức khỏe” của nền kinh tế Nhật.

Tỷ lệ lạm phát trung bình hàng năm trong khối OCDE

	1987	1988	1989
Mỹ	3,7	4,1	4,8

Nhật	0,1	0,7	2,3
CHLB Đức	0,2	1,3	2,8
Pháp	3,1	2,7	3,6
Ý	4,6	5,0	6,6
Anh	4,2	4,9	7,8
Canada	4,4	4,0	5,0
Áo	1,4	2,0	2,5
Bỉ	1,6	1,2	3,1
Hy Lạp	16,6	3,5	13,7
Ailen	3,2	2,1	4,0
Luxembourg	-0,1	1,4	3,4
Hà Lan	-0,7	0,7	1,1
Na Uy	8,7	6,7	4,6
Bồ Đào Nha	9,4	9,7	12,6
Tây Ban Nha	5,2	4,8	6,8
Trung bình CEE	3,4	3,6	5,3
Trung bình OCDE	3,9	4,8	6,0

Nguồn: OCDE

Một nền kinh tế đứng đầu trong số những nền kinh tế hàng đầu

Thực tế, nói về nền kinh tế Nhật, có quá nhiều cái “siêu” khiến chúng ta khó mà chọn lựa cái nào. Để so sánh chúng ta hãy chọn tổng sản phẩm xã hội (PNB) tính theo đầu người, vì đây có lẽ là đặc điểm nói lên một cách rõ ràng nhất sự giàu có và sức mạnh của một nước. Cả ở đây, Nhật Bản cũng không sợ ai. Năm 1987, Nhật Bản xếp hạng thứ 5 thế giới, sau Thụy Sĩ, Luxembourg, Mỹ và NaUy. Năm 1987 sẽ là một năm đáng ghi nhớ đối với người Nhật, năm mà lần đầu tiên họ đã vượt Mỹ, với PNB đầu người là 19.450 đô la. Năm 1988, họ đã vươn lên hàng thứ 3, sau Thụy Sĩ và Islande, với PNB đầu người là 23.270 đô la và một tỷ lệ tăng tới 19,6% trong một năm. Nhật đã rửa được mối hận đối với người bảo hộ. Là cột mốc tiêu biểu nhất trong cuộc trường chinh thành công của nước Nhật tới thịnh vượng, thắng lợi trên khiến người Nhật hết sức tự hào. Mỗi khi cần phải nhắc nhở những người phương Tây quá hợm hĩnh, các nhà lãnh đạo chính thức của Nhật không bao giờ bỏ lỡ cơ hội nêu ra các con số ấy. Mặc khác, xu hướng này còn lâu mới đảo ngược được bởi vì từ đó đến nay Nhật Bản không ngừng lấn bước Mỹ.

Năm 1950, PNB của Mỹ gấp gần bảy lần của Nhật. Bây giờ, PNB của hai nước đã gần ngang nhau. Tháng 12/1990, hơn bốn tháng sau khi Irak xâm lược Koweit, và sau cuộc khủng hoảng kể đó trên thị trường dầu lửa, kinh tế Nhật đã ghi nhận sự tăng trưởng qua tháng thứ 49 liên tục nhờ sự tăng mạnh cầu nội địa. Đây là thời kỳ tăng trưởng dài nhất lần thứ hai của Nhật kể từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Thời kỳ tăng trưởng liên tục dài nhất, gọi là Izanagi, đã kéo dài 57 tháng, từ tháng 10/1965 đến tháng 7/1970. Một thời kỳ suy thoái khác, gọi là Iwata, đã kéo dài 42 tháng, từ tháng 6/1958 đến tháng 12/1981. Một dấu hiệu của thời gian và là đảm bảo cho tính bền vững của nền kinh tế Nhật: Nhật không còn phụ thuộc chủ yếu như trong quá khứ vào xuất khẩu để đảm bảo sự tăng trưởng. Hơn nữa, trong lĩnh vực này, họ còn vững chắc hơn nhiều so với các đối thủ cạnh tranh. Xuất khẩu chỉ còn chiếm khoảng 15% PNB của Nhật, ít hơn tỷ lệ của Pháp (20%), CHLB Đức (hơn 30%) hoặc Anh (hơn 25%).

Đối với Nhật Bản, thời kỳ 1986-1990 là thời kỳ tiếp tục củng cố các thành tựu kinh tế: tỷ lệ tăng PNB của họ đã vươn lên vị trí số 1 trong số 5 nước công nghiệp phát triển nhất hành tinh để không bao giờ rời khỏi vị trí đó nữa. Tóm lại, sau khi đạt vận tốc đạn đạo, Nhật Bản đã tiếp tục khẳng định vị trí bá chủ đối với thế giới còn lại. Năm 1989, PNB của Nhật bằng 10% PNB của cả thế giới. Điều đó có nghĩa là nếu đem so dân số của Nhật với dân số toàn thế giới, thì 120 triệu người Nhật sản xuất một sản lượng trung bình bằng 416 triệu người trên trái đất. Năm 1989, PNB của Nhật tăng 4,8%, tạo ra của cải trị giá 396.500 tỷ yên (2.800 tỷ đô la hay 14.400 tỷ franc), so với dự kiến ban đầu của chính phủ Nhật là tăng 4%.

Mặt khác, nền kinh tế Nhật có vẻ sẽ tiếp tục vững như bàn thạch. Cuộc khủng hoảng vùng Vịnh nổ ra vào mùa hè 1990 không phải không tác động đến Nhật Bản. Và lại, không loại trừ là nền kinh tế Nhật sau thời kỳ phát triển “quá nóng” sẽ ghi nhận trong những năm sắp tới một sự ngừng trệ về đầu tư, sự sụt giảm về tiêu thụ và sự tăng trưởng chậm lại. Lần đầu tiên kể từ 1979, thời điểm của cơn sốc dầu lửa thứ hai, chính phủ Nhật đã thông qua một loạt biện pháp tiết kiệm năng lượng. Nhưng không có gì là bi kịch. Theo Bộ Tài chính Nhật Bản, nền kinh tế Nhật có thể “tiêu hóa” được một sự tăng giá dầu thô nhờ các cải cách đã được bắt đầu sau cơn sốc dầu lửa thứ nhất. Nó còn có thể đối phó không sợ thảm họa với giá dầu lên tới 30, thậm chí 40 đô la/thùng [31].

	Tỷ lệ tăng PNB				
	1986	1987	1988	1989	1990
Nhật	2,4%	4,3%	5,7%	4,8%	4,5%
CHLB Đức	2,3%	1,8%	3,6%	4,4%	3,3%
Pháp	2,1%	2,3%	3,4%	3,4%	3,2%
Mỹ	2,8%	3,4%	4,4%	3,0%	2,4%
Anh	3,3%	4,4%	4,3%	2,3%	1,4%
Trung bình OCDE	2,7%	3,3%	4,4%	3,6%	2,9%

Nguồn: Cục kế hoạch hóa kinh tế Nhật – 1990: ước lượng của OCDE.

Xuất khẩu tăng theo hàm số mũ

Sau chiến tranh, ngay khi vừa bắt đầu trở lại buôn bán với thế giới, nước Nhật công nghiệp chỉ có một ý tưởng trong đầu, một ý tưởng kiên định: xuất khẩu. Trong các phòng làm việc của MITI, trong hành lang các xí nghiệp lớn, trong các xưởng máy, đâu đâu cũng chỉ một khẩu hiệu: xuất khẩu. Xuất nữa, xuất nhiều hơn, xuất mãi để làm giàu đất nước. Nhưng, để có thể tự túc và tích lũy của cải cho nước Nhật, phải thực thi một điều kiện: xuất nhưng không nhập. Hoặc, nhập càng ít càng tốt. Cấm nhập hàng tiêu dùng. Cũng chẳng cần phải thuyết phục dân chúng. Một cách tự phát, dân chúng Nhật hoàn toàn ủng hộ sự nghiệp tái thiết đất nước. Kết quả là trong nhiều thập kỷ, sản phẩm nước ngoài dù cùng chất lượng cùng giá, không có cơ may nào có được khách hàng ở Nhật. Tình hình ấy tới nay vẫn còn đúng một phần. Ngoài những luật lệ mà MITI đặt ra để bảo hộ các ngành công nghiệp quốc gia, lại còn thêm tinh thần ái quốc hoàn toàn tự nhiên, không cưỡng ép của người dân Nhật – một tình cảm có lẽ chưa bao giờ có ở Mỹ.

Khởi đầu rất chậm, bởi vì hầu như hồi ấy ở Nhật tất cả đều thiếu. Để hoạt động, công nghiệp cần có nguyên liệu, năng lượng, máy công cụ và bộ phận rời. Thời kỳ thiếu thốn ấy kéo dài đủ để chính phủ và các xí nghiệp nắm được những công nghệ cần thiết, hầu tạo nên một tiềm lực sản xuất có khả năng cung ứng liên tục cho xuất khẩu hàng loạt. Rồi dần dần đến thời kỳ gặt hái những lợi lộc từ nỗ lực đã bỏ ra. Rồi đến thời kỳ sung túc đến sỗ sàng, gần như bắn thiu. Nhật và CHLB Đức là hai nước duy nhất trong số bảy nước giàu nhất phương Tây tích lũy được thặng dư mậu dịch suốt thời kỳ 1980-1989. Cả hai đã kết thúc năm 1989 với những con số kỷ lục.

Nước Nhật đã làm giàu như thế đấy. Nước Nhật, với 120 triệu dân, đã trở thành nhà buôn khổng lồ hàng thứ ba thế giới sau Mỹ và CHLB Đức. Trong thập kỷ 1970-1979, Nhật Bản có thặng dư mậu dịch tổng cộng 22 tỷ đô la. Chẳng phải tệ đối với một nước mà người ta cho rằng, hơn bất cứ nước nào trên thế giới, phải chịu đựng hai cơn sốt dầu lửa đặc biệt nghiêm trọng. Thực ra, vốn đã quen với thặng dư mậu dịch liên tục, Nhật Bản cũng đã ghi nhận bốn năm thâm hụt mậu dịch trong thời kỳ ấy. Nhưng, từ 1980, họ đã bay tới những đỉnh cao gây sửng sốt. Tổng kết ngoại thương Nhật thời kỳ 1980-1989 nói lên nhiều điều, bởi vì mức thặng dư tổng cộng lên tới 408,5 tỷ đô la !
[\[32\]](#)

Chỉ riêng năm 1989, thặng dư mậu dịch của Nhật đã lên tới 77,13 tỷ đô la [\[33\]](#). Không biết có phải do áp lực của nước ngoài hay không, thặng dư mậu dịch của Nhật năm 1990 đã giảm xuống còn 63,9 tỷ đô la. Xuất khẩu tăng 3,9% và đạt tổng cộng 280 tỷ đô la, trong khi nhập khẩu tăng 12,3%, lên tới 216 tỷ đô la.

Ngay từ sau chiến tranh, Nhật Bản đã xuất khẩu sang các nước láng giềng gần gũi ở châu Á. Không có khoản lợi nhuận nào được coi là nhỏ cả và tất cả các vụ kinh doanh, dù khiêm tốn đến đâu, đều đáng thực hiện. Nhật không xem nhẹ nước nào. Ở khắp nơi, các con số không ngừng tăng vọt, dù lịch sử châu Á có những điều bất lợi đè nặng lên nước Nhật. Các chế độ chính trị khác biệt hoặc công khai thù địch không phải là những rào cản đủ để làm run sợ các thương gia Nhật. Sau khi nghiên cứu thị trường và những công tác thăm dò, trong nhiều trường hợp, chẳng mấy chốc Nhật Bản đã chiếm vị trí thống trị.

Chẳng hạn, với Trung Quốc, xuất khẩu của Nhật đã từ 84 triệu đô la năm 1962 tăng lên hơn 5 tỷ đô la năm 1980, thời điểm mà tất cả các tập đoàn lớn của Nhật có mặt trên đất Trung Quốc. Cuối những năm 80, xuất khẩu của Nhật gần tới mức 10 tỷ đô la/năm. Nhật bán sang nước Trung Quốc nghèo những nhà máy chìa khóa trao tay nhưng cả vô số sản phẩm tiêu dùng: xe hơi, điện tử nghe nhìn, dụng cụ gia đình. Trong mấy năm tôi ở Trung Quốc, biết bao lần tôi được nghe nói rằng người Nhật chỉ là những “con vật kinh tế”. “Với người phương Tây các anh, có thể nói chuyện về đủ thứ đề tài. Còn với người Nhật thì không thể nào được. Họ chỉ hiểu được ngôn ngữ làm ăn” – một đồng nghiệp ở một tờ báo lớn Trung Quốc nói với tôi như vậy.

Châu Âu cũng là một bạn hàng quan trọng của Nhật Bản. Người châu Âu chúng ta, dù ở tuổi nào và vị trí xã hội nào, tất cả đều có lúc mua những sản phẩm của Nhật. Nhưng chính phủ Mỹ là người lót ổ cho các xí nghiệp Nhật thịnh vượng lên. Ra khỏi vũng lầy sau chiến tranh nhờ sự trợ giúp của Mỹ, Nhật Bản đã xây dựng tiềm lực các xí nghiệp của mình với sản phẩm xuất khẩu được thực hiện trên thị trường Mỹ, thị trường lớn nhất thế giới. Thặng dư mậu dịch với Mỹ đã từ 15,8 tỷ đô la năm 1981 tăng lên 56,3 tỷ đô la năm 1987. Trong mười năm, kết số xuất nhập khẩu chỉ riêng với Mỹ đã mang lại cho Nhật 343,8 tỷ đô la. Từ 1985 đến 1989 Nhật Bản thực hiện 30,1% xuất khẩu của mình với Mỹ, trong khi với toàn bộ khối CEE chỉ có 14,1% và với Đông Nam Á và Đông Á là 28,4% ^[34].

Thâm hụt mậu dịch toàn cầu và riêng với Nhật Bản, của Mỹ (tỷ đô la)

	1981	1982	1983	1984	1985	1986	1987	1988	1989
Với Nhật	15,8	16,8	19,3	33,6	46,2	55,0	56,3	51,8	49,0
Toàn cầu	22,3	27,5	52,4	101,8	126,5	138,3	152,1	118,5	108,6

Nguồn: Bộ Thương mại Mỹ

Hậu quả tự nhiên của những thặng dư mậu dịch không ngừng lớn thêm ấy là nhiều nước trên thế giới liên tục chỉ trích Nhật, nhưng thường là không có kết quả. Vả chăng, những tranh chấp thương mại đã trở thành mối lo âu số một trong quan hệ tay đôi của Nhật với hầu hết các bạn hàng phương Tây. Trong một thời gian dài, Nhật Bản như một cô gái đồng trinh kêu gào mình tuyệt đối vô tội, để làm bộ như không nghe thấy những lời chỉ trích nhao nhao ngày càng gay gắt ở nước ngoài. Các chính phủ, đứng đầu là Mỹ, buộc tội Nhật Bản buôn bán không trung thực và bảo hộ mậu dịch trái với các quy định của GATT (Hiệp định chung về mậu dịch và thuế quan).

Nước Nhật khép kín, nước Nhật bị ghen ghét

Nhật Bản có phải là một thị trường khép kín không ? Nhật nhập khẩu sản phẩm chế biến trị giá khoảng 3% PNB. Tỷ lệ này là 7% ở Mỹ, 14% ở CHLB Đức cũ và 21% ở Nam Triều Tiên. Đầu tư nước ngoài ở Nhật bằng khoảng 1% tích sản của các xí nghiệp. Con số này ở Mỹ là 9%, ở Anh là 14% và ở CHLB Đức cũ là 17%. Xuất khẩu ồ ạt của Nhật (và đặc biệt là thặng dư so với nhập khẩu) chắc chắn không làm vừa lòng nhiều nước. Cái ý nghĩ, dù đúng hay sai, rằng Nhật Bản khép kín và là một bạn hàng không sòng phẳng, theo thời gian, đã gây nên những phản ứng dây chuyền đi từ bức uviansach.vn

bội đến thù địch hoặc phần nộ công khai. Những phản ứng tai hại như thế đặc biệt rõ ở Mỹ. Dù vẫn còn một số người lạc quan kiên định, một cuộc điều tra do hệ thống truyền hình Mỹ ABC và báo Washington Post thực hiện chắc hẳn đã phải mở mắt cho họ: 75% người Mỹ cho rằng sức mạnh kinh tế của Nhật là mối đe dọa chính đối với an ninh của Mỹ; chỉ có 21% cho rằng mối đe dọa chính là sức mạnh quân sự của Liên Xô [35]

Mọi người kết án Nhật Bản là thi hành chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch. Khắp nơi trên thế giới, những chính khách hàng đầu, bình thường dè dặt hơn, đã không ngần ngại kết án người bạn hàng quá tham lam này. Mỹ, tuy là đồng minh chiến lược của Nhật, nhưng nằm trong số những kẻ khai hỏa đầu tiên. Quả thật, thâm hụt của Mỹ trong buôn bán với Nhật đã vượt quá xa cái ngưỡng cho phép. Dưới áp lực của Quốc hội bất bình về cách cư xử của Nhật, các nhà lãnh đạo hành pháp Mỹ, dù còn thiện cảm với Nhật, đã phải đưa ra những lời cảnh báo rất cứng rắn. Thâm hụt buôn bán với Nhật trong năm 1989 bằng một nửa tổng số thâm hụt buôn bán của Mỹ. Và lại, dường như Mỹ là nạn nhân chính của Nhật bởi vì năm 1989, dù thặng dư mậu dịch của Nhật có giảm 16,7% so với năm 1988, thặng dư của Nhật trong buôn bán với Mỹ chỉ giảm 5,5%, tức còn khoảng 55 tỷ đô la. Thặng dư mậu dịch của Nhật đối với Mỹ chiếm hơn 70% tổng số thặng dư, so với 61% vào năm 1988. Mặt khác, chính phủ Mỹ cũng có cái cớ tốt để buộc tội Nhật đóng cửa thị trường của mình cho các sản phẩm nước ngoài, bởi vì sản phẩm của Mỹ chỉ chiếm khoảng 1% thị trường Nhật Bản trong khi sản phẩm của Nhật chiếm tới 10% thị trường Mỹ.

Nichibei Senson wa Owateinei: chiến tranh giữa Nhật và Mỹ vẫn chưa kết thúc. Tựa cuốn sách của Jun Eto, giáo sư môn văn học đối chiếu tại Viện công nghệ Tokyo, đã nói lên bầu không khí đó. Cuối năm 1989, do các tranh chấp về buôn bán, Nhật Bản và Mỹ đã tiến gần hơn bao giờ hết – kể từ sau chiến tranh – đến một cuộc xung đột công khai mới. Cuộc xung đột có tính chất thương mại, có nguy cơ trở nên tệ hại hơn. Quốc hội Mỹ nổi nóng, đưa ra những lời buộc tội với giọng điệu gần với sự nhục mạ và tối hậu thư. Để dư luận chú ý, các nghị sĩ chẳng đã chà đạp và giận dữ đập nát, trước các ống kính truyền hình, những Radiocassette Toshiba trên các bậc thềm của điện Capitolé đó sao ? Cảnh tượng khó tin ấy được các màn ảnh truyền hình ở Nhật chiếu rộng rãi, đã gây chấn động trong dư luận Nhật Bản. Tháng 10/1989, đại diện đặc biệt của tổng thống Mỹ về thương mại, Carla Hills, ngầm kết án Nhật Bản làm cho quan hệ thương mại quốc tế xấu đi. Tokyo đo lường được mối nguy, bởi vì vào giữa tháng 3/1990, Bộ trưởng ngoại giao Nhật Taro Nakayama tuyên bố rằng quan hệ song phương Mỹ-Nhật có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng nếu chính phủ Mỹ không nhanh chóng được thỏa mãn về việc mở cửa thị trường trong nước của Nhật Bản. “Chúng ta phải ý thức rằng vấn đề này dẫn đến tình hình khủng hoảng trong quan hệ Nhật-Mỹ. Sự bất bình tại Quốc hội Mỹ tăng lên và chực bùng nổ”, ông Nakayama đã nhấn mạnh như vậy trong một cuộc họp nội các [36]. Ngày hôm sau, Bộ trưởng thương mại Mỹ, Robert Mosbascher, bày tỏ hi vọng rằng Nhật Bản cuối cùng đã hiểu được sự “khẩn cấp” của một giải pháp. Nếu không muốn bị trả đũa nghiêm khắc, Nhật phải làm một cử chỉ nào đó.

Những điểm tranh chấp chủ yếu là gì ? Chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch của Nhật trong những lĩnh vực nào là đáng trách nhất ? Ở Washington, người ta đặc biệt nhấn mạnh đến: siêu máy tính, vệ tinh, sản phẩm nông nghiệp, xây dựng và phân phối – những lĩnh vực mà rõ ràng Nhật duy trì những rào chắn mậu dịch đặc biệt không thể chấp

nhận được. Trước sự phản đối âm ỉ của Mỹ, ở Tokyo người ta áp dụng một kịch bản cổ điển. Trước hết, làm bộ như không hiểu gì cả và thực lòng phản đối. Sau đó, người ta khẳng định – phần nào đó có lý – rằng nếu sản phẩm của Mỹ không bán được trên thị trường Nhật thì lý do chính là vì chúng không tốt bằng các sản phẩm cùng loại của Nhật. Người ta thêm: nhất là các nhà công nghiệp Mỹ phải có những nỗ lực cần thiết để thiết kế và sản xuất những sản phẩm thực sự phù hợp với nhu cầu riêng của khách hàng Nhật Bản. Một chiến lược khác mà Nhật cũng đã quen dùng: tăng cường lobbying (vận động hậu trường) ở Washington để làm dịu bớt căng thẳng. Để đạt mục đích, người Nhật không ngần ngại thuê các cựu thành viên trong chính quyền Mỹ hoặc gia đình họ nhằm sử dụng các quan hệ của họ tác động hiệu quả lên quốc hội và chính phủ. Cuối cùng, ngày 28/12/1989, MITI ồn ào loan báo một chương trình mới khuyến khích nhập khẩu, được coi là “chưa từng có trong lịch sử thế giới”. Nhật đơn phương bãi bỏ thuế hải quan trên 1.008 mặt hàng công nghiệp và mở, đề ra những biện pháp khuyến khích tài chính đối với các nhà kinh doanh Nhật nhập khẩu sản phẩm chế tạo. Họ cũng thông qua khoản trợ cấp ngân sách tăng mạnh, lên tới 100 triệu đô la, nhằm khuyến khích nhập khẩu bằng cách thiết lập một mạng lưới thông tin cho các nhà nhập khẩu lẫn xuất khẩu và gửi các phái bộ thương mại ra nước ngoài.

Nhưng ở nước ngoài, người ta đã vượt quá điểm không thể trở ngược lại được. Trong khi ở Washington sự âm ỉ tiếp tục gia tăng, người ta giải thích rằng các yêu sách của Mỹ là không thể đáp ứng được. Người ta nhấn mạnh: Nhật muốn phát triển công nghệ vệ tinh riêng của mình. Với máy siêu điện toán cũng vậy. Về xây dựng, Nhật vẫn bám lấy hệ thống đấu giá “thương lượng” là hệ thống cho phép các công ty Nhật bí mật họp với nhau để quyết định chọn đấu thầu: một hệ thống tệ hại ngăn cản xí nghiệp nước ngoài hoạt động trên thị trường xây dựng ở Nhật Bản. Còn về gạo, mà việc nhập khẩu vẫn bị cấm ngặt ở Nhật Bản, chính phủ Nhật khẳng định đó là một sản phẩm thiết yếu đối với an ninh của đất nước và sự tự túc về gạo vẫn là cần thiết. Mọi người đều biết: gạo nước ngoài rẻ hơn gạo của Nhật rất nhiều và nhiều nông gia Nhật sẽ phá sản tức khắc nếu sự cấm đoán nói trên được giảm nhẹ hoặc bãi bỏ. Nhưng, có một điều không nói thẳng ra mà ai cũng biết là đảng Dân chủ-Tự do cầm quyền từ sau chiến tranh đến nay nhưng đang bị giảm sút uy tín, không thể cho phép mình tiếp tục để mất lá phiếu của cử tri ở nông thôn.

Để gia tăng áp lực, Mỹ đặt Nhật Bản vào đầu danh sách đen những nước bị coi là buôn bán không sòng phẳng và lại dọa trả đũa về thương mại theo luật “siêu 301”. Ở Tokyo, người ta vẫn còn nhớ rõ sự trừng phạt của Mỹ hồi tháng 3/1987. Một nhân tố bên trong đã góp phần thuyết phục chính phủ Nhật rằng phải cấp bách tìm ra một giải pháp danh dự: đó là công luận Nhật Bản bắt đầu đồng tình với các yêu sách của Mỹ. Một cuộc thăm dò của nhật báo kinh tế Nihon Keizai Shimbun cho thấy 47% người Nhật cho rằng yêu sách của Mỹ là có cơ sở trong khi 38% có ý kiến ngược lại. 48,8% người Nhật cho rằng phải đáp ứng tích cực các yêu sách của Mỹ. Đơn giản là vì người tiêu dùng Nhật Bản nhận thức rằng sự tự do cạnh tranh hơn nữa sẽ đưa đến giá cả hạ ở thị trường trong nước.

Thương lượng và vỡ mộng

Tháng 7/1989, Nhật Bản bị buộc phải đi vào thương lượng với Mỹ. Những cuộc thảo luận ấy, được gọi là “Sáng kiến về các trở ngại cơ cấu” đối với trao đổi thương mại (Structural Impediment Initiative), thường được gọi tắt là SII, là những cuộc thảo luận kéo dài và khó khăn. Ở Washington, nhiều lần người ta tin rằng sẽ không bao giờ ký được thỏa thuận và sự bùng nổ của cuộc chiến tranh thương mại là không thể tránh

khỏi. Để kích thích nhu cầu nội địa Nhật Bản và làm cho nhập khẩu của Nhật ngang bằng với xuất khẩu, Mỹ đòi hỏi Nhật Bản tăng chi tiêu công cộng. Washington muốn chi tiêu công cộng của Nhật từ 6,3% năm 1989 tăng lên 10% PNB trong vòng ba hoặc bốn năm. Chính phủ Nhật, mà ngân sách dành cho chi tiêu công cộng được định là 7,1% cho tài khóa 1990, kiên quyết từ chối lần cuối cùng đề nghị này. Họ khẳng định: yêu sách của Mỹ sẽ không tránh khỏi làm thay đổi lối sống của Nhật và đưa đến lạm phát.

Cuối tháng ba, đầu tháng tư 1990, sau khi Nhật Bản đã thực hiện những “nỗ lực cuối cùng”, theo Bộ trưởng Bưu điện và Viễn thông Nhật, Tokyo và Washington đã đi đến những thỏa thuận nguyên tắc cho phép siêu máy tính, thiết bị viễn thông và vệ tinh được vào thị trường Nhật. Từ nay, các cuộc đấu thầu công khai cung cấp vệ tinh được mở cho cả nước ngoài tham gia, trừ vệ tinh nhằm mục đích nghiên cứu. Ngày 5/4 đánh dấu một cột mốc đáng nhớ trong quan hệ Mỹ-Nhật: Nhật Bản và Mỹ ký một “báo cáo tạm thời”, theo đó Nhật cam kết thay đổi một số cơ cấu của nền kinh tế. Nhật hứa tăng đáng kể chi tiêu công cộng trong khoảng thời gian mười năm nhằm cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ công chúng (sân bay, hải cảng, công viên, hệ thống thoát nước, nhà ở). Tokyo cũng cam kết có biện pháp về mặt xã hội nhằm cải thiện chất lượng sống của dân chúng. Các ngành công nghiệp Mỹ được mời tham gia các chương trình này. Nhật cũng hứa sẽ thay đổi chính sách về nhà đất và bất động sản, nhằm tạo thuận lợi cho các hãng nước ngoài đứng chân được trên đất Nhật. Họ cũng thông báo sẽ xem xét lại luật pháp của Nhật về hệ thống thương nghiệp buôn bán sỉ, nhằm tạo thuận lợi cho việc mở những cửa hàng buôn bán lớn và sự xâm nhập của sản phẩm nước ngoài. Chính phủ Nhật hứa sẽ bãi bỏ độc quyền phân phối do một số tập đoàn lớn của Nhật thông qua hàng ngàn công ty nhỏ bán lẻ nắm giữ. Cuối cùng, Nhật loan báo tăng cường áp dụng chống độc quyền với một loạt khoản phạt vạ nặng hơn, nhằm làm nản lòng các công ty thỏa thuận ngầm với nhau.

Nhưng giới chức Nhật khó lòng che giấu sự cay đắng của họ khi bị đẩy đến những nhượng bộ như vậy, những nhượng bộ mà như người ta đoán trước là “giới hạn tối đa có thể chấp nhận được” đối với Nhật. Vậy thì vô ích nếu trong tương lai Mỹ lại muốn tấn công. Nhật sẽ không nhượng bộ nữa. Ở chỗ riêng tư, người ta nói với người phương Tây rằng từ nay Nhật sẽ không dễ dàng nhượng bộ những tối hậu thư mang tính bá quyền của Mỹ. Ngày hôm sau, Thủ tướng Nhật chào mừng thỏa thuận và nói rằng những điều khoản của nó nằm trong lợi ích của Nhật, Mỹ và của cả thế giới.

“Việc áp dụng các biện pháp này sẽ đòi hỏi những hi sinh của nhân dân Nhật”, ông tuyên bố. Nhưng “tôi tin rằng sự phát triển của các cải cách về cơ cấu nền kinh tế Nhật sẽ đóng góp lớn vào việc cải thiện chất lượng sống của người Nhật và những người tiêu dùng và sẽ khiến nền kinh tế của chúng ta hòa hợp hơn với thế giới”.

Nhưng thỏa thuận không phải chỉ có một chiều. Mỹ cũng cam kết một số điều: giảm tình trạng nợ quá mức của người tiêu dùng Mỹ, giảm thâm hụt ngân sách quá nặng, cải tiến hệ thống giáo dục xuống cấp và sửa lại chiến lược quá thiên cận của các xí nghiệp Mỹ. Tuy vậy, Washington đã khước từ yêu sách của Nhật giới hạn việc sử dụng thẻ tín dụng ở Mỹ.

Phải chăng hai bên nói chung đã tránh được cuộc chiến tranh thương mại ? Nhật Bản phải chăng đã làm hòa với thế giới ? Không. Quốc hội Mỹ không để mình bị ru ngủ bởi những lời hứa. Nhật Bản chẳng đã đưa ra nhiều lời hứa suông đó sao ? “Tôi đã thấy quá nhiều thỏa thuận nói nhiều mà thực hiện thì ít”, thượng nghị sĩ thuộc đảng

Dân chủ, chủ tịch ủy ban tài chính Thượng nghị viện, Liloyd Bentsen tuyên bố. Còn Richard Gephardt, lãnh tụ khối Dân chủ đa số ở Hạ nghị viện thì khẳng định: “Điều này, chúng ta đã từng thấy rồi. Chúng ta đang phạm sai lầm là chấp nhận những lời hứa”. Tuy vậy, ngay cuối tháng đó, Nhật được rút ra khỏi sổ bìa đen của Mỹ. Còn Carla Hills, để giải tỏa vụ chỉ trích của quốc hội, thề rằng Mỹ sẽ duy trì áp lực đối với Nhật. Nhưng cũng chính Carla Hills chắc phải cảm thấy mình bị lừa khi ba tháng sau đó, một quan chức Nhật tuyên bố rằng bà ta là người “dễ xoay chuyển” và chỉ cần một chút triết lý Đông phương để “làm yên lòng bà”. Sự ngộ nhận đó chứng tỏ bầu không khí đàn ông ngự trị mạnh mẽ ở Tokyo, là tác phẩm của tổng thư ký lâm thời đảng Dân chủ - Tự do Takayuki Sato, khi ông ta trở về Tokyo sau cuộc họp thượng đỉnh Houston, nơi ông ta đã tham dự một buổi tiệc chính thức cạnh bà Carla Hills. “Bà ta tỏ ra rất hài lòng khi tôi khen ngợi chồng bà. Dù sao, bà ta cũng chỉ là một phụ nữ”, Sato tuyên bố ^[37]. Thực tế, ngay từ tháng 6/1990, nhận thấy ít có tiến bộ trong các cuộc thương lượng buôn bán với Nhật, chính quyền Bush đã công khai đòi hỏi Nhật, phải tôn trọng các cam kết. Mỹ vốn sẵn sàng rút Nhật khỏi sổ bìa đen của họ, phải chăng đã bị mắc lừa ?

Phần trong thị trường thế giới của các nước công nghiệp chủ yếu (%)

	Máy công cụ		Xe hơi		Tin học	
	1980	1987	1980	1987	1980	1987
Nhật	11,9	18,9	23,3	25,6	12,4	21,3
CHLB Đức	27,3	17,6	21,6	22,6	12,1	9,3
Mỹ	12,7	9,0	11,5	9,4	31,0	22,0
Pháp	6,2	3,8	10,5	7,4	6,6	5,7
Anh	8,0	5,4	5,8	3,5	11,2	8,7
Ý	7,1	8,5	5,0	3,9	6,3	3,4

Nguồn: Báo Libération, 11/1/1990

Đồng lòng chống Nhật

Ở châu Âu cũng như trên thế giới, từ từ mà chắc chắn, những thâm hụt trong buôn bán đã kết tinh sự bất bình. Ngay từ 1982, CEE đã xung đột với Nhật về vấn đề đầu máy video bán phá giá, dưới cả giá thành, trên thị trường châu Âu. Ở Paris, chính phủ Pháp quyết định một hành động mạnh mà mọi người còn nhớ: vụ Poitiers. Từ nay, muốn vào thị trường Pháp, theo một quy định hải quan của Pháp, tất cả đầu máy video Nhật bắt buộc phải thông qua kiểm soát hải quan ở Poitiers. Vì quân số của hải quan Pháp khá ít ở Poitiers, hàng núi đầu máy video đã nhanh chóng chất đầy trong các kho. CEE còn tiếp tục đẩy sáng kiến của mình về hướng Tokyo. Mùa xuân 1984, CEE chính thức yêu cầu Nhật Bản mở cửa thị trường của họ. Tháng giêng 1985, Thủ tướng Malaixia buộc tội Nhật Bản tiến hành chính sách đối ngoại “thực dân”. Nam Triều Tiên liên tiếp chỉ trích Nhật. Đài Loan, một người khổng lồ mới về buôn bán nhưng

vẫn là một tên lùn về chính trị, do dự lâu trước khi than phiền công khai. Vốn đã bị cô lập trên thế giới về mặt ngoại giao, chính quyền ở Đài Bắc e ngại các hậu quả chính trị tiêu cực khi chỉ trích. Từ mấy năm nay, chính quyền Đài Loan cho rằng chén đắng họ uống đã đầy vì thâm hụt buôn bán với Nhật đã tới 7 tỷ đô la (số liệu năm 1989), và họ không còn ngần ngại tỏ sự bất bình công khai. Một quan chức của bộ kinh tế Đài Loan mà tôi không tiện nêu tên ở đây, trước mặt tôi đã không ngần ngại so sánh Nhật như một cường quốc bá quyền.

Ở Pháp, thâm hụt buôn bán với Nhật đã trở thành vấn đề quốc gia. Tất nhiên, Paris và Tokyo không thống nhất với nhau về các số liệu ngoại thương của hai nước. Đôi khi những dị biệt tới mức nực cười. Năm 1989, sự khác biệt giữa các số liệu của Pháp và của Nhật lên tới con số chóng mặt: 30,5 tỷ franc. Theo hải quan Pháp thì Pháp đã thâm hụt 29 tỷ franc. Nhưng, với chính phủ Nhật, Pháp đã thặng dư 1,45 tỷ franc. Lý do của khoảng cách này: Nhật không tính khối lượng xuất khẩu của họ thông qua một nước thứ ba.

Kết quả, đến lượt mình, Pháp tuyên bố giới hạn của sự chịu đựng đã bị vượt quá. Ngày 11/1/1990, Thủ tướng Pháp Michel Rocard ngay trước khi tiếp người đồng nghiệp Nhật Bản là Toshiki Kaifu ở Paris, đã tuyên bố bằng những lời lẽ chẳng mấy ngoại giao rằng Nhật Bản không “chơi đúng trò chơi” tự do mậu dịch. Những nỗ lực của Pháp từ 30 năm nay để ra khỏi chủ nghĩa bảo hộ “không hề có nghĩa là chúng ta bắt buộc phải ngu dốt và ngây thơ”, ông nói thêm Cùng ngày, trước mặt chính ông Kaifu, Francois Mitterrand đã ca ngợi “lao động cần cù, tính năng động và hiệu quả” của Nhật trong lĩnh vực buôn bán, nhưng đồng thời đã chỉ trích “vị trí thống trị” và sự không thể xâm nhập của thị trường Nhật Bản. Ngày 24/1, Jacques Delors, chủ tịch Ủy ban châu Âu, trách cứ Nhật không áp dụng cùng những nguyên tắc như Mỹ và châu Âu trong lĩnh vực thương mại quốc tế. “Nếu người Nhật muốn nhận lãnh trách nhiệm thì họ phải áp dụng cùng những quy tắc như chúng ta, với bất kỳ giá nào”, ông khẳng định. Đầu tháng 3/1990, không lâu trước khi đi thăm chính thức Nhật Bản, người đứng đầu chính phủ Pháp tuyên bố với báo chí Nhật rằng sự mất cân bằng trong buôn bán Nhật-Pháp đã “tới mức khó mà chấp nhận được”.

Ở châu Âu, Pháp là nước chỉ trích Nhật mạnh mẽ hơn cả. Người Nhật đặc biệt bức bối và lo lắng nhận thấy rằng trong chính phủ Pháp tồn tại sự thù địch thẳng thừng và công khai đối với hoạt động của họ trên thế giới. Nổi ám ảnh của người Nhật là bà Édith Cresson. Năm Bộ Ngoại thương rồi Bộ về các vấn đề châu Âu cho đến đầu tháng 10/1990, bà đã ở những vị trí then chốt để tổ chức với hiệu quả tối đa một cuộc phản công nhằm vào chính sách buôn bán của Nhật. Không nghi ngờ gì, bà đã trở thành người phát ngôn dũng cảm nhất của cánh “cứng rắn” chống Nhật ở châu Âu; với họ, châu Âu phải khẩn cấp đoàn kết lại để đối phó với mối đe dọa Nhật Bản. Bởi vì, với bà Édith, không được phép nghi ngờ nữa: Nhật Bản đã bắt đầu đi chinh phục thế giới.

*

PHẦN HAI

MỘT CHIẾN LƯỢC THỐNG TRỊ

I. Nhật Bản đang mua cả thế giới

Tư tưởng về cạnh tranh của họ luôn luôn mang tính chất cực kỳ đối kháng; mục tiêu là hủy diệt sự cạnh tranh; không phải là độ sức với cạnh tranh mà là loại bỏ nó.

Lee Iacocca, Chủ tịch Chrysler [\[38\]](#)

Nhật Bản không còn bằng lòng với việc xuất khẩu và nhét tiền đầy két. Họ đã lao vào một chiến dịch quy mô to lớn chưa từng có trong lịch sử nhân loại: họ mua cả thế giới. Dù là bí mật và lén lút nắm quyền kiểm soát hay ngược lại công khai và rùm beng mua các xí nghiệp, thì các nhà công nghiệp Nhật Bản đang có một thú tiêu khiển mới là mua lại các xí nghiệp gặp khó khăn trong các nước chúng ta, mà thường khi các xí nghiệp này lại bị chính các ngành công nghiệp Nhật Bản đẩy xuống hố. Hàng mẩu công nghiệp châu Âu và Mỹ rơi vào tay Nhật Bản khi họ tung ra hàng triệu đô la. Thực tế, Nhật Bản muốn thống trị nền công nghiệp thế giới, và họ không có cách nào khác. Đứng trước sự phản đối của phương Tây chống lại hình thức xâm lăng kinh tế mới là sự xuất khẩu ồ ạt của họ và sợ rằng khối CEE cũng như cả thế giới công nghiệp dựng lên những hàng rào bảo hộ mậu dịch đối với họ, Nhật Bản bắt đầu đầu tư ồ ạt ra nước ngoài. Các nhà công nghiệp Nhật Bản bây giờ tìm cách lách các hàng rào hải quan và tấn công các nền kinh tế phương Tây từ bên trong. Bây giờ là lúc họ “phi địa phương hóa”, nghĩa là họ xây dựng những xí nghiệp Nhật Bản ngay trên đất của những quốc gia là mục tiêu tấn công của họ. Các doanh gia của đất nước Mặt trời mọc bây giờ không mệt mỏi rào khắp thế giới để đầu tư hàng tỷ đô la vào trong các “pháo đài”, mà nhiều pháo đài đã sắp đầu hàng.

Từ hai ba năm nay, các nhà lãnh đạo kinh tế và tài chính Nhật thường lặp đi lặp lại một từ màu nhiệm: “Toàn cầu hóa”. Hiểu theo nghĩa đen, theo tinh thần của người Nhật, thì từ này có nghĩa là Nhật Bản cấp thiết phải hội nhập vào thế giới ngày nay. Rất tốt ! Để Nhật Bản đừng bao giờ bị cám dỗ bởi chủ nghĩa bá quyền quân phiệt nữa, còn gì đáng trân trọng và đáng mong ước hơn ? Thế nhưng, thực tế lại đi xa hơn thế nhiều. Người khổng lồ Nhật Bản, với sức mạnh tài chính ở đỉnh cao, hướng cặp mắt thêm muốn nhìn khắp thế giới. Từng bước, các lợi ích và tư bản của Nhật xâm nhập tất cả các hệ thống thế giới, ngay cả những hệ thống khó xâm nhập nhất. Khắp nơi, đầu tư trực tiếp của Nhật như những đợt sóng kế tiếp nhau ào tới các chi nhánh công ty Nhật Bản, các nhà máy sản xuất cứ như từ dưới đất mọc lên và bắt đầu thuê mướn nhân công phương Tây. Ở một số vùng đặc biệt chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, nơi mà nạn thất nghiệp hoành hành, người Nhật được đón tiếp như những vị cứu tinh thực sự. Sau Mỹ và phần châu Á còn lại, nay đến lượt châu Âu trở thành mục tiêu mới của các

nhà đầu tư Nhật. Một lý do đơn giản của sự hấp tấp này: ở Tokyo người ta đang cảm thấy cấp bách vì không thể chậm trễ trước khi thị trường châu Âu thống nhất vào năm 1992.

Cơn thèm khát của Nhật không dừng lại ở đó. Từ nay, các vương quốc tài chính của đất nước Mặt trời mọc từng giờ cạnh tranh gay gắt để chiếm đoạt trước mọi người những gia sản quý báu nhất ở nước ngoài. Những bức danh họa, những vườn nho, lâu đài, dinh thự hạng sang, nhà làm văn phòng, khách sạn, sân chơi thể thao, sân golf, đồ cổ, ngựa đua, xe hơi cổ xưa tầm: tất cả những gì đưa ra bán trên khắp thế giới đều khiến những người Nhật giàu có quan tâm. Họ đã thay thế các tiểu vương của các vương quốc dầu lửa Trung Đông. Những tay chơi tài tử hãy coi chừng !

Cái lưới nhện Nhật Bản

Khi nước Nhật bước ra khỏi tình trạng cùng khổ và đến thời kỳ cạnh tranh giữa các tập đoàn lớn trong nước, những nhà kinh doanh đứng đầu các công ty Nhật giàu sụ đã đưa ra nhận định sau: nếu muốn tiếp tục thịnh vượng, nước Nhật không có cách nào khác là bước ra khỏi biên giới của mình. Nhật Bản chẳng đã xây dựng lại thành công nền kinh tế đó sao ? Vậy thì tại sao dừng lại ở nửa đường ? Để bảo đảm nền công nghiệp tiếp tục tăng trưởng, Nhật Bản phải lợi dụng khả năng tài chính của mình để chinh phục hệ thống công nghiệp thế giới. Một lý do khác dẫn đến chủ nghĩa bành trướng kinh tế này: nhất thiết phải “quay vòng” các thặng dư tài chính khổng lồ tích tụ trong các ngân hàng, từ sự tiết kiệm ở mức kỷ lục của nhân dân và từ nền công nghiệp quốc gia. Thật vô lý nếu không làm cho cái vốn ấy sinh lãi. Lý do thứ ba: với sự tăng giá của đồng yên, hàng hóa xuất khẩu của Nhật ngày càng giảm tính cạnh tranh. Do đó phải mua, phải “phi địa phương hóa”.

Sau khi đi lên nhận định ấy, con nhện Nhật Bản không ngừng giăng tơ khắp thế giới. Đôi khi nhện biến thành nhện độc chết người. Với một số nhà quan sát nước ngoài, một hình thức thực dân mới nham hiểm đang được thi hành. Một số người còn đi xa hơn, coi đó là chủ nghĩa đế quốc Nhật Bản mới. Thua cuộc chiến tranh quân sự, Nhật tìm cách thắng cuộc chiến tranh kinh tế. Mỗi đe dọa của sự thống trị kinh tế đang lơ lửng trên đầu cả thế giới. Frans Andriessen, phó chủ tịch Ủy ban châu Âu, buộc tội Nhật Bản giao chiến với phương Tây trong một cuộc “chiến tranh đầu tư”, những mất cân bằng có lợi cho Nhật Bản trong lĩnh vực này là “nguy hiểm hơn cả các thâm hụt mậu dịch” ^[39]. Và ông nhấn mạnh rằng hiện tại đầu tư của Nhật Bản thực hiện ở châu Âu cao hơn gấp 60 lần đầu tư châu Âu thực hiện ở Nhật Bản.

Bước tiến cực nhanh của sự có mặt của Nhật Bản trên thế giới được chia làm ba giai đoạn:

Giai đoạn đầu: theo kịch bản cổ điển, các ngành công nghiệp Nhật Bản bán hàng hóa ra thị trường thế giới thông qua trung gian các hệ thống phân phối quy ước của nước ngoài hoặc của Nhật. Nếu thuận lợi, nhà công nghiệp Nhật tiêu thụ sản phẩm của mình nhờ một hãng đại diện thương mại Nhật (Sôgô Sôsha). Sau đó, nếu cảm thấy có lực để thử mạo hiểm, nhà công nghiệp Nhật sẽ xây dựng những chi nhánh phân phối của chính mình ở hải ngoại.

Giai đoạn hai: các nhà công nghiệp Nhật có phương tiện thì thiết lập trực tiếp ở nước ngoài các nhà máy sản xuất của họ, đôi khi ngay cả các phòng nghiên cứu thiết kế sản phẩm. Sự phi địa phương hóa ấy cho phép họ thiết kế và sản xuất những sản phẩm nhằm vào và thích nghi hơn với nhu cầu của khách hàng địa phương. Cái lợi trước mắt là giá thành sản xuất giảm nhờ nhân công địa phương rẻ hơn và không còn chi phí vận chuyển. Cái lợi lâu dài là chiếm lĩnh những phần thị trường mới và cạnh tranh.

Giai đoạn thứ ba và cuối cùng: các ngân hàng, hãng bảo hiểm, hãng môi giới Nhật Bản đổ bộ lên thị trường nước ngoài. Môi giới tài chính đến lượt nó được phi địa phương hóa, cho phép họ mua lại liên tiếp các xí nghiệp. Trong khi đó, các Sôgô sôsha thực sự trở thành những trung tâm tình báo kinh tế và hoạt động hết công suất, nhằm thu nhập thông tin trong tất cả các lĩnh vực mua và bán.

Dĩ nhiên, Nhật Bản không phải là nước đầu tiên đầu tư ra nước ngoài. Trước Nhật từ lâu, Anh quốc ở thế kỷ XIX, rồi Mỹ ở thế kỷ XX đã nêu gương về mặt sử dụng sức mạnh công nghiệp của họ để mở rộng ảnh hưởng ra xa ngoài biên giới, ở các thuộc địa (Anh) và ở châu Âu (Mỹ). Nhưng ở cuối thế kỷ XX này, kết quả của cuộc tấn công của Nhật Bản trên thế giới – một quá trình còn lâu mới chấm dứt – đã nổi bật đến nỗi gần như làm người ta quên đi hai cường quốc đang suy yếu kia. Từ Trung Quốc đến Hà Lan, qua Indonésia và Mỹ La tinh, không còn vùng nào trên thế giới thoát khỏi cặp mắt chăm chú theo dõi của các nhà đầu tư Nhật. Về giá trị tuyệt đối và riêng trong lĩnh vực đầu tư trực tiếp, Nhật chỉ mới đứng hàng thứ ba trên thế giới, khá xa sau Mỹ và Anh. Năm 1988, tổng số đầu tư trực tiếp của Nhật Bản thực hiện ở nước ngoài lên tới 110,8 tỷ đô la, tăng cực nhanh đến 43,9% trong vòng chỉ một năm, so với năm 1987.

Tuy nhiên, lúc ấy Nhật chỉ chiếm 10,7% tổng số đầu tư trực tiếp thực hiện trên thế giới. Mỹ đứng đầu với 31,7% tổng số đầu tư trên thế giới (326 tỷ đô la). Đứng thứ nhì là Anh với 17,8% (183,7 tỷ đô la) ^[40]. Nhưng cần nhớ rằng chỉ mới lao vào cuộc đua gần đây. Xuất phát từ bậc thang cuối cùng, Nhật đã leo các nấc thang với tốc độ kỷ lục, và nếu nhịp độ hiện nay vẫn tiếp tục, chẳng bao lâu Nhật sẽ dẫn đầu.

Nhờ kết số thương mại rất quan trọng và cán cân thanh toán thặng dư rất lớn, Nhật đã nhanh chóng tích lũy một sức mạnh tài chính đáng kể. Việc đồng yên đột ngột tăng giá lại càng củng cố thêm quả đấm tài chính độc nhất vô nhị ấy trên thế giới. Các nhân tố khác nhau ấy đã dẫn tới sự tăng nhanh đặc biệt của tư bản xuất đi. Năm 1985, tư bản Nhật xuất ra nước ngoài lên đến 65 tỷ đô la. Từ 1986, nó vượt nhẹ nhàng mức 130 tỷ đô la hàng năm. Nhật đã trở thành nước xuất khẩu tư bản lớn nhất thế giới. Theo đa số các dự báo nghiêm túc, Nhật Bản sẽ vẫn dễ dàng đứng hàng đầu, ít nhất trong một số năm sắp tới. Theo nghiên cứu mới đây của một chuyên gia ngân hàng Pháp, vai trò của Nhật về tiền tệ và tài chính sẽ mở rộng đáng kể trong những năm 1990 ^[41]. Ngoài ra, Nhật bắt đầu thu về lợi nhuận và lãi cổ phần quan trọng từ đầu tư của họ ở nước ngoài. Các khoản thu ấy đã tăng từ 9,5 tỷ đô la năm 1986 lên 16,7 tỷ đô la năm 1987 và 21 tỷ đô la năm 1988. Lãi cổ phần và lợi nhuận của họ đã tiếp tục tăng và đạt 27,6 tỷ đô la năm 1989 ^[42].

Mặt khác, nếu chỉ xem xét các khoản đầu tư trực tiếp thì rất không đầy đủ. Bởi vì đó chỉ là phần nổi và được biết đến của cả tảng băng. Tích sản của một nước nào đó nằm ở ngoài biên giới quốc gia của mình, ngoài hoạt động kinh tế, còn bao gồm nhiều lĩnh vực khác. Nhật Bản không phải là ngoại lệ, ngược lại là chẳng khác. Những đầu tư gián tiếp được thực hiện dưới nhiều hình thức, thường công chúng không được biết đến, đôi khi bí mật nữa, và do đó rất khó định lượng. Những đầu tư gián tiếp đáng chú ý bao gồm: tham gia vốn trực tiếp hoặc không, trong các xí nghiệp của nước ngoài, quỹ đầu tư công khai hoặc qua trung gian trên các thị trường tài chính nước ngoài (thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu, khoán phiếu các loại); những vụ mua động sản hoặc bất động sản; cho vay của chính phủ hoặc tư nhân cho các tổ chức quốc tế, các chính phủ và cơ quan nước ngoài; và nhiều hoạt động khác, đôi khi bí mật, không hề được thể hiện trong các tài liệu chính thức của chính quyền. Trong trường hợp của Nhật, còn phải kể đến các trái phiếu của ngân khố Mỹ mà hiện giờ họ chiếm đến 13%. Nhật đã tài trợ một phần lớn cho khoản thâm hụt ngân sách của Mỹ.

Về tài sản gộp của Nhật ở nước ngoài được biết đến và được kết toán thì Nhật Bản chiếm vị trí số một thế giới cuối năm 1988, với tổng số 1.469 tỷ đô la. So với tài sản ở nước ngoài của Mỹ là 1.253 tỷ đô la. Ngoài ra, tài sản của Nhật năm 1988 đã tăng ngoạn mục so với năm 1987 (1.072 tỷ đô la); tăng 37% trong vòng một năm ! Không có nước công nghiệp lớn nào trên thế giới có thể vỗ ngực về một thành tích như vậy. Nhưng chưa hết. Do các khoản nợ và các cam kết tài chính vượt xa số tài sản của họ, nước Mỹ trở thành con nợ với 532 tỷ đô la nợ ròng, trong khi Nhật Bản là chủ món nợ

291 tỷ đô la. Như vậy, là Nhật hơn Mỹ 824 tỷ đô la về tài sản ^[43]. Một nước có vẻ cực kỳ nghèo, một nước thì cực kỳ giàu. Để hoàn tất bức tranh, cần phải nói rằng từ nay Nhật đã trở thành nước chủ nợ lớn nhất thế giới.

Tài sản và nợ của Mỹ và của Nhật (tính bằng tỷ đô la)

	Nhật Bản		Mỹ	
	1980	1988	1980	1988
Tài sản	159,6	1469,3	607,0	1253,6
Nợ	148,0	1177,6	500,8	1786,2
Tài sản ròng	11,5	291,7	106,2	-532,5

Nguồn: Bộ Tài chính Nhật và Bộ Thương mại Mỹ

Những cỗ voi của nền công nghiệp Nhật Bản

Những xí nghiệp Nhật Bản gieo khiếp sợ trong giới kinh doanh ở châu Âu và Mỹ là những xí nghiệp nào ? Đó chủ yếu là những siêu khổng lồ trong lĩnh vực chế tạo xe hơi, điện tử, công nghiệp nặng và nhẹ. Mới cách đây mười năm còn chưa có mặt trong các bảng vàng thế giới, vậy mà hiện nay các tập đoàn lớn của Nhật đang gặm dần những chỗ cao nhất trong bảng xếp hạng các công ty lớn nhất thế giới. Trong bảng xếp hạng 30 công ty lớn nhất thế giới năm 1990 theo doanh số (bán và dịch vụ) của tạp chí *Nouvel Economiste* (tài khóa 89/90), có bảy công ty của Nhật Bản. Đó là Toyota (tập đoàn số 1 Nhật Bản và thứ 5 thế giới), Hitachi (tập đoàn đứng thứ 8 trên thế giới), Matsushita Electric (thứ 12), Nissan (thứ 13), Toshiba (thứ 24), Tokyo Electric Power (thứ 25) và Honda (thứ 29). Trong số 30 công ty hàng đầu ấy chỉ có một là của Pháp (Renault), mà lại đứng cuối bảng. Trong số 100 xí nghiệp hàng đầu thế giới, 18 là của Nhật. Số xí nghiệp loại này của Nhật nhiều hơn rõ rệt so với số của nước Đức thống nhất và gần bằng số của cả Anh, Ý và Pháp cộng lại. Để so sánh, nước Anh – cựu vô địch ngành công nghiệp – chỉ còn năm 7 xí nghiệp loại hàng đầu thế giới. Nước Pháp có 9. Còn Ý chỉ có 5. Mỹ tiếp tục giữ huy chương vàng với 35 hãng. Mặc khác, danh dự của Mỹ vẫn còn nguyên vẹn bởi vì cả ba hãng đứng đầu bảng đều là của Mỹ: General Motors, Ford và Exxon. Cả ba dường như không thể phế truất được.

Nhưng vấn đề là Mỹ còn giữ được bao lâu vì Nhật đang nhanh chóng bắt kịp Mỹ. Các hãng Nhật đang tiến với tốc độ chóng mặt lên chớp đỉnh thế giới. Trong lúc các đối thủ cạnh tranh của họ khá lằm là giữ được cho doanh số khởi sput thì tỷ lệ tăng doanh số của các hãng hàng đầu Nhật Bản

lại thường đạt tới hai con số. Chỉ trong vòng hai năm, Toyota đã leo hai bậc trong bảng xếp hạng, Hitachi leo bốn bậc, Matsushita ba bậc và Nissan sáu bậc. Về tài sản (vốn riêng), 3 trong số 10 hãng tư nhân lớn nhất thế giới năm 1989 là của Nhật: Toyota, Matsushita và Hitachi. Nếu lấy tiêu chuẩn là chứng khoán được bán, thì sức nặng tài chính của Nhật thực sự trở nên đè bẹp, vì 8 trong số 10 hãng hàng đầu thế giới, tất cả đều là của Nhật, theo thứ tự là: Nippon, Telegraph và Telephone, Sumitomo Bank, Industrial Bank of Japan, Dai Ichi Kangyo Bank và Fuji Bank.

Chúng ta hãy tiếp tục so sánh. Trong lĩnh vực xe hơi, năm 1989 Toyota đã thực hiện doanh số 425,635 tỷ franc, tức là hơn phân nửa doanh số của General Motors, hãng số 1 thế giới. Nhưng Toyota đã vượt xa hãng số một châu Âu là Daimler – Benz (doanh số 259,198 tỷ franc), hãng này lần đầu tiên vào năm 1989 cũng đã để cho mình bị qua mặt bởi Nissan, hãng xe hơi đứng hàng thứ hai của Nhật với doanh số 261,388 tỷ franc. Thành tích của Toyota thực tế gần gấp đôi của Fiat (241,940 tỷ franc) và nhiều hơn gấp đôi doanh số của hai hãng lớn của Pháp cộng lại: đó là Renault (174,477 tỷ franc) và Peugeot (152,955 tỷ franc). Nhờ quản lý rất chặt chẽ, do đó đạt mức lãi kỷ lục, Toyota lại còn tích lũy được vốn riêng nhiều gần gấp 10 lần hơn Renault (198,753 tỷ franc so với 22,466 tỷ franc). Còn về Peugeot, nếu Toyota muốn mua, nó chỉ cần “lụm” một cái là xong.

Trong lĩnh vực điện tử, lợi thế cũng nghiêng về các hãng lớn của Nhật. Doanh số của Hitachi (327,725 tỷ franc) theo sát gót hãng IBM của Mỹ, hãng lớn nhất và vô địch về năng suất (doanh số 400,152 tỷ franc). Doanh số của Hitachi vượt xa hãng khổng lồ Siemens của châu Âu (207,406 tỷ franc), gấp bốn lần hãng lớn Thomson của Pháp (76,700 tỷ franc) và gấp gần 8 lần hãng lớn Olivetti của Ý. Nhưng với các đối thủ cạnh tranh châu Âu, vấn đề là Hitachi không đơn độc. Trong lĩnh vực sản xuất điện, điện tử và tin học, Nhật có cả một đạo quân những công ty lớn. Trong số 20 hãng lớn nhất thế giới, thì 10 hãng là của Nhật: Hitachi, Matsushita, Toshiba, NEC, Mitsubishi Electric, Fujitsu, Sony, Sharp, Sanyo và Canon. Vậy mà, mới thoạt nhìn, công nghiệp châu Âu dường như chưa chết, bởi vì trong bảng xếp hạng này dù sao cũng còn bốn hãng châu Âu: Siemens, Philips, CGE và Thomson.

Thành tích của các hãng xe hơi lớn của Mỹ, Nhật Bản và châu Âu (tính triệu franc)

	Doanh số	1989/88 %	Vốn riêng	Lãi ròng
General Motors	809.952	2,7	235.756	26.955
Ford	613.506	4,0	153.981	24.471

Toyota	425.655	14,6	198.753	20.433
Nissan	261.388	17,3	83.744	5.371
Daimler-Benz	259.198	3,9	54.963	21.816
Fiat	241.940	14,3	74.234	15.376
Chrysler	222.837	2,3	47.921	2.290
Volkswagen	221.740	10,4	39.039	3.522
Honda	178.401	10,4	50.219	3.782
Renault	174.477	8,1	22.466	9.289
Peugeot	152.955	10,5	38.530	10.301

Nguồn: Tạp chí Nouvel Économiste, 11/1990

Đầu cơ bất động sản

Sự giàu có của các ngân hàng, các công ty bảo hiểm và các tập đoàn lớn của Nhật Bản từ đâu ra ? Ngoài những khoản thu từ xuất khẩu và từ sự hi sinh của dân chúng Nhật suốt 40 năm, đó còn là sự đầu cơ. Trước hết là đầu cơ trên các thị trường tài chính và chứng khoán của Nhật và của cả thế giới. Kế đến, có lẽ nhất là sự đầu cơ đất đai ở Nhật. Mọi người đều đồng ý sự đầu cơ điên cuồng ấy dựa trên sự khan hiếm đất đai ở Nhật. Nhưng từ ít năm nay, sự tăng vọt giá cả không liên quan gì đến thực tế giá đất đai. Giá 1 mét vuông đất đai xây dựng ở khu Ginza, trái tim thương mại của Tokyo, vào đầu năm 1990 ít nhất là 28 triệu yên, tức hơn 1 triệu franc một ít ! Nghĩa là một vuông đất kích thước chỉ bằng một tấm bưu thiếp nhỏ giá 430.000 yên, tức 15.480 franc. Cuối năm 1990, một mét vuông đất cũng ở khu ấy đã lên tới 38 triệu yên (1.36 triệu franc). Ở Tokyo và một vài thành phố khác, nạn đầu cơ đất đai tới mức mà giá cả đã tăng gấp đôi hoặc gấp ba trong vòng chưa đầy ba năm. Ở Osaka, chỉ trong năm 1989 giá đất tăng 56%. Ở Kyoto tăng 80%. Ở Tokyo, trong các khu để ở ít đắt nhất thì giá bán một mét vuông nhà trung bình cũng 1 triệu yên, tức 36.000 franc. Còn về các khu sang trọng thì giá lên tới tột đỉnh. Một căn hộ mua cách đây 5 năm với cái giá kèch sù 1 tỷ yên (35 triệu franc) được bán lại dễ dàng vào năm 1990 với cái giá 8 lần cao hơn.

Sự đầu cơ ấy có lợi cho ai ? Không phải cho dân Nhật, bởi vì họ không còn có thể mua nhà ở được nữa. Tới mức mà nước Nhật, trước đây là vương quốc của sự kết dính xã hội, thì bây giờ dần dần bị xé thành hai giai cấp: những người chủ nhà đất (thường là do thừa kế) và những người không sở

hữu nhà ở. Hiện tại, một nhân viên người Nhật muốn mua một căn nhà trong vòng bán kính 60 kilomet từ trung tâm Tokyo phải bỏ ra trung bình 8 năm tiền lương. Một căn nhà tiền chế khiêm tốn trong vùng ngoại ô trung bình của Tokyo giá 3 triệu franc. Với những gia đình không có khả năng, một số tổ chức tài chính đề nghị cho vay trả góp trong nhiều thế hệ, với thời hạn tối đa 100 năm !

Giá cả tăng vọt chỉ có lợi cho các công ty lớn sở hữu đất đai. Thủ thuật ở đây rất đơn giản: vốn đẻ ra vốn. Một công ty có miếng đất được đánh giá bằng số tiền X có thể vay vốn tương đương với giá trị X đó. Rồi với giá trị bất động sản của nó tăng lên, công ty càng làm cho cái vốn lớn hơn của mình sinh lãi, thì kết quả logic là nó càng tích lũy được tài sản nhiều hơn.

Như thế, nếu người Nhật làm công ăn lương và gia đình anh ta chẳng được lợi lộc gì thì ngược lại, toàn bộ giới tài chính lại thủ lợi từ sự đầu cơ đó. Cần nói thêm rằng, do tác động gián tiếp và dưới sức ép của các nhà đầu tư Nhật, sự đầu cơ bất động sản đè nặng lên tất cả các thủ đô lớn của thế giới công nghiệp hóa, nơi mà giá cả có xu hướng tăng theo phong trào. Hiện tượng này đặc biệt dễ thấy ở Hồng Kông, Đài Bắc và Seoul, nơi mà giá cả tăng lên khủng khiếp. Tại thị trường chứng khoán Tokyo, “quả bóng đầu cơ” – như người ta đã quen gọi ở thủ đô Nhật Bản – đã vỡ trong năm 1990. Mùa thu năm ấy, giá bất động sản có xu hướng ổn định dần, nếu không phải giảm chút ít trên thị trường Nhật. Các giới chức chính phủ thở phào nhẹ nhõm đón nhận sự lành mạnh hóa thị trường bất động sản đang diễn ra. Tuy vậy, nếu một ngày nào đó giá bất động sản lại tụt mạnh đột ngột thì thiệt hại gây ra sẽ vô chừng. Chính vì thế, dù có các biện pháp của chính phủ nhằm hãm bớt đà tăng giá, dường như người ta loại trừ một sự sụp đổ giá bất động sản. Những ngân hàng và công ty bảo hiểm khổng lồ của Nhật, những kẻ đầu tiên lãnh hậu quả nếu nó xảy ra, sẽ làm mọi cách để tránh một sự sụp đổ như vậy.

Đầu tư trực tiếp: Sức mạnh đáng sợ

Đến đây chúng ta bắt đầu đi vào cốt lõi của chiến lược phát triển kinh tế của Nhật Bản hiện nay trên thế giới. Chính là qua các khoản đầu tư của họ mà ta có thể hiểu và đo lường được sức mạnh hôm qua, hôm nay và ngày mai của Nhật Bản. Qua trung gian những khoản đầu tư khổng lồ ấy, Nhật chuẩn bị cho những cuộc di chuyển của cải lớn nhất mà nhân loại chưa từng biết tới. Quả là ngây thơ khi nghĩ rằng Nhật thực hiện đầu tư chỉ vì mục đích nhân đạo thuần túy. Nhật đầu tư ra nước ngoài không phải để làm vui lòng nước tiếp nhận đầu tư, mà nhằm mục đích một ngày nào đó thu về những khoản lời lớn nhất. Và chẳng, chính người Nhật đã nói ra điều ấy:

“Qua các khoản đầu tư trực tiếp, sản xuất tại chỗ tự bản chất là nhằm mục đích mang lại lợi nhuận lớn hơn hoặc là hạ giá thành sản xuất xuống

mức thấp hơn các thương vụ xuất nhập khẩu thông thường” ^[44].

Đôi khi người ta lại còn tuyên bố trực hơn:

“Khối lượng tư bản khổng lồ của Nhật không thể không được sử dụng, và đương nhiên phải chuyển ra nước ngoài nhằm tìm kiếm lợi nhuận lớn hơn” – Yukuo Suzuki, tổng giám đốc phụ trách nhóm lo công việc sáp nhập và mua lại của ngân hàng Sanwa giải thích. ^[45]

Nói rộng ra, cứ xem xét nhịp độ xuất khẩu tư bản hiện tại của Nhật, chúng ta có thể nói rằng thông qua các khoản đầu tư ấy Nhật đang đồng thời toan tính một sự dịch chuyển sức mạnh kinh tế cũng đáng sợ không kém, và hiển nhiên, cả sức mạnh chính trị. Để thấy rõ tính chất đáng lo ngại của quá trình đang diễn ra, chỉ cần xem xét con đường mà nước Nhật đã đi trong vòng mấy năm qua.

Đầu tư trực tiếp của Nhật Bản ở nước ngoài được thực hiện trong tất cả các lĩnh vực hoạt động kinh tế và như chúng ta đã nói, hầu như ở tất cả các khu vực địa lý của thế giới. Các khoản đầu tư ấy đã tăng đáng kể sau năm 1985, dường như còn muốn tiếp tục tăng trong những năm tới. Chúng ta có biết chăng, trong các năm 1986, 1987 và 1988 người Nhật đã đầu tư ra nước ngoài nhiều hơn tất cả những năm sau chiến tranh thế giới lần thứ hai ? Về giá trị, khoảng ba phần tư các khoản đầu tư ấy được thực hiện trong khu vực không phải là sản phẩm chế tạo mà chủ yếu là bất động sản, ngân hàng và bảo hiểm, dịch vụ (khách sạn, nhà hàng, du lịch) và thương mại. Một phần tư còn lại là đầu tư vào khu vực sản phẩm chế tạo hay sản phẩm công nghiệp. Chủ yếu là các thiết bị điện và điện tử, máy móc (bao gồm và trước hết là xe hơi), hóa học và kim loại màu. Ba khu vực chính mà các nhà đầu tư Nhật nhắm tới, theo thứ tự, là Mỹ, châu Âu và châu Á. Trong khoảng thời gian từ tháng 4/1986 đến tháng 9/1989, Bắc Mỹ đã hút 50,2% đầu tư trực tiếp của Nhật, châu Âu 21,9% và châu Á 12,2%. Châu Mỹ La tinh cũng không được bỏ quên, với 7,76%. Ngay sau đó là châu Úc với 6,84%, trong khi châu Phi không hút được quá 0,96% đầu tư của Nhật ^[46].

Đầu tư trực tiếp của Nhật ở nước ngoài (tính tỷ đô la)

1985	12,2
1986	22,3
1987	33,4
1988	47,0
1989	67,5

Nước Mỹ: bạn hàng “ưa thích”

Những năm sau sự thất trận của Nhật, Mỹ đã đóng vai trò bảo hộ cho Nhật. Tuân phục và dễ bảo, người Nhật đã thi hành những mệnh lệnh và khuyến cáo của Mỹ, không tranh cãi. Chiến tranh mới kết thúc mà ! Sau đó, Mỹ đã chỉ vẽ và giúp đỡ người Nhật trên con đường phát triển công nghiệp, trở thành người bạn tốt bụng giúp Nhật chuẩn bị cho sự hồi sinh nền công nghiệp của họ. Các phương pháp quản trị, đầu óc kinh doanh, công nghệ, kỹ thuật chế tạo, sở thích bán buôn: bấy nhiêu giá trị và phương pháp của Mỹ mà người Nhật coi như nguồn cảm hứng vô tận. Sau đó nữa, khi những cơ sở xuất khẩu đáng sợ của Nhật đã sẵn sàng khắc ra hàng khối lượng lớn sản phẩm tiêu thụ thông dụng thì chính thị trường Mỹ lại tiêu thụ rất mạnh hàng hóa Nhật, tiêu hóa phần lớn khối lượng xuất khẩu của Nhật và bơm trở về Nhật những khối lượng tư bản khổng lồ. Mới đây nhất, khi nước Nhật công nghiệp trở thành nhà đầu tư vốn thì một lần nữa Nhật lại chọn Mỹ để thiết lập mối quan hệ ưa thích mới. Nhiều năm liền, đầu tư của Nhật chủ yếu tập trung vào đất Mỹ. Thời kỳ 1951-1988, Mỹ đã hút 71,9 tỷ đô la đầu tư trực tiếp của Nhật. Nhưng không có chuyện ngược lại. Bởi vì, nếu Mỹ quả là nước đầu tư nước ngoài hàng đầu ở Nhật với 49% tổng số đầu tư nước ngoài trên đất Nhật, thì vào cuối năm 1988 tổng số đầu tư của Mỹ ở Nhật (6,3 tỷ đô la) thấp hơn 10 lần so với đầu tư ^[47].

Mặt khác, phần đầu tư lớn nhất của Nhật ở Mỹ đã được tiến hành từ đầu những năm 80. Từ năm 1951 đến 1988, đầu tư trực tiếp của Nhật trong lĩnh vực công nghiệp đã lên đến 22,5 tỷ đô la (112,5 tỷ franc). Trong số này, có 15,4 tỷ đô la (77 tỷ franc) đã được đầu tư chỉ trong những năm 1986, 1987 và 1988. Trong một vài năm, Nhật đã đầu tư gấp hai lần so với hầu hết các nước khác cùng cạnh tranh với Nhật trên thị trường Mỹ. Hiện nay Nhật là nước đầu tư đứng hàng thứ hai ở Mỹ sau Anh, song trước Hà Lan – vốn là những nước đầu tư lớn – và CHLB Đức. Đây là những hãng sản xuất xe hơi thuộc lĩnh vực phi địa phương hóa. Những hãng này đã tỏ ra cực kỳ năng động. Hãng Honda đã mở đầu với một xí nghiệp sản xuất xe hơi đầu tiên được xây dựng vào năm 1982. Tiếp theo là Nissan, rồi Toyota. Hãng này hình thành một liên minh chiến thuật với hãng General Motors. Giờ đây, cố gắng của Nhật đã được trả công hậu hĩ. Tại Mỹ, người Nhật có cả một lực lượng sản xuất đáng gờm có thể tung ra một lượng hàng hóa đủ sức tràn ngập thị trường châu Âu.

Đầu tư nước ngoài tại Mỹ (tỷ đô la, năm 1988)

Nhật	53,4
Hà Lan	49
CHLB Đức	23,8

Nguồn: Bộ thương mại Mỹ

Người Nhật đang ra sao tại Mỹ ? Vào cuối năm tài chính 1988, trên lãnh thổ của Mỹ, Nhật đã có 1.043 đơn vị sản xuất sử dụng 284.600 công nhân Mỹ. Những trung tâm sản xuất này hàng năm tạo ra một giá trị xuất khẩu là 20,8 tỷ đô la (104 tỷ franc), chiếm 8,2% tổng xuất khẩu của Mỹ sang phần còn lại của thế giới ^[48]. Trong số các đơn vị sản xuất này có 13 nhà máy sản xuất vô tuyến truyền hình, 5 nhà máy sản xuất đầu máy video, 6 xí nghiệp sản xuất điện thoại, 2 xí nghiệp sản xuất máy sao chụp vô tuyến (télécopieur), 6 nhà máy sản xuất máy tính điện tử, 53 xí nghiệp sản xuất thiết bị điện tử, 6 xí nghiệp sản xuất bán dẫn. Phải thêm vào đó 8 nhà máy sản xuất xe hơi, đổ đồng hàng năm xuất xưởng 1 triệu xe. Trong vài năm tới, có khả năng sản xuất 2 triệu xe ! Và để cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy này, Nhật đã thành lập trên đất Mỹ 11 công ty hỗn hợp, với vốn một phần là của Nhật, nhằm sản xuất lá thép tuyệt đối cần thiết cho việc lắp ráp xe hơi. Thiếu tin tưởng ? Muốn bảo đảm việc cung cấp nguyên liệu chất lượng 100% ? Chỉ biết rằng, trong lĩnh vực xe hơi, Nhật Bản không muốn thầu lại của các nhà sản xuất Mỹ. Họ thích mang toàn bộ hệ thống công nghiệp liên quan đến lĩnh vực này sang Mỹ hơn. Kết quả: cần phải thêm vào các con số trên đây ít nhất là 137 nhà máy và xí nghiệp Nhật Bản sản xuất các sản phẩm và phụ tùng xe hơi đặt ở Mỹ ^[49].

Châu Âu: mục tiêu mới của Nhật

Về đầu tư, Nhật có lẽ đã đi chậm ở châu Âu. Những người nào lo lắng về điều này hãy an tâm: người Nhật đang dồn mọi nỗ lực để bắt kịp sự chậm trễ ấy. Và trong thời hạn ngắn nhất. Tất cả những nhà phân tích nghiêm túc đều đồng ý với nhau về điểm này: dù châu Âu có muốn hay không, và dù Nhật vẫn phủ nhận điều này, thì đầu tư của Nhật ở châu Âu sẽ đi đến chỗ làm thay đổi toàn bộ cảnh quan kinh tế của cựu lục địa. Sự cạnh tranh của Nhật chuyển vào châu Âu sẽ thách thức tại chỗ nền công nghiệp châu Âu. Nhiều xí nghiệp không chịu nổi đòn tấn công của hàng xuất khẩu Nhật Bản và châu Á, đã phải đóng cửa. Nhiều xí nghiệp khác sẽ không đương đầu nổi với nền sản xuất được phi địa phương hóa của Nhật và sẽ phải phá sản. Những xí nghiệp khác nữa thì, để chống cự lại cơn sóng trào Nhật Bản, sẽ phải đoàn kết lại để lập thành những tập đoàn vững chắc hơn và đưa vào sử dụng sức mạnh tổng hợp của chúng. Nhưng để sống còn, tất cả sẽ buộc phải

có bước tiến về năng suất và quản lý tốt hơn. Kỷ nguyên bất động đầy ngây thơ và tự mãn ở châu Âu đã kết thúc.

Sony đã đóng vai trò tiên phong ở châu Âu bằng cách thành lập vào năm 1968 một nhà máy lắp ráp vô tuyến truyền hình ở Bridgend (Anh). Tuy vậy, điều lạ là người Nhật khá chậm trong việc hiểu được tầm quan trọng của thị trường châu Âu. Quen với tâm tính và phương pháp làm việc của người Mỹ, hoảng sợ trước sự đa dạng về văn hóa ở châu Âu, lại nản lòng vì những cuộc bãi công và các phong trào xã hội liên tục ở châu Âu, các nhà kinh doanh Nhật theo truyền thống thích tập trung vào thị trường Mỹ, vào một vùng đất quen thuộc hơn. Nhưng có ba lý do đã khiến cho họ sang châu Âu.

Trước hết, đó là thị trường thống nhất 1992 tới gần và mối đe dọa về một châu Âu – pháo đài đóng sập cửa đối với đầu tư của Nhật. Chỉ vài năm nữa thôi, sau đó có lẽ sẽ quá muộn. Theo một cuộc thăm dò mới đây, 66,1% các công ty Nhật sống bằng xuất khẩu sợ rằng sự nhất thể hóa châu Âu năm 1992 sẽ mang lại hậu quả tiêu cực đối với họ. Chỉ có 11,3% cho rằng thị trường lớn, thống nhất của châu Âu ngược lại sẽ “rất có lợi cho Nhật”. Được hỏi về tương lai châu Âu, 37,9% công ty ấy dự liệu rằng sự ra đời của một châu Âu mạnh có thể cạnh tranh với Nhật và Mỹ, trong khi 18,8% cho rằng đó là điều không thể được [\[50\]](#).

Lý do thứ hai: sự xuống dốc quá rõ của Mỹ và những lo ngại về một thời kỳ suy thoái kinh tế kéo dài của cường quốc số một thế giới. Hiện tượng này khiến cho Tokyo phải đánh giá lại một cách sâu sắc các trục chiến lược của nước Nhật tương lai. Một nhận định bắt buộc: Nhật không còn có thể đặt tất cả trứng trong cùng một giỏ. Họ phải giảm bớt sự lệ thuộc kinh tế vào thị trường Mỹ.

Lý do thứ ba: thị trường Mỹ trở nên thật sự chật chội. Người Nhật kéo đến đó đông tới nỗi họ bắt đầu dẫm chân lên nhau. Những conquistadores (kẻ đi chinh phục) mới cần một chút oxy, cần một thị trường mới. Châu Âu đã giang tay đón họ. Họ đã quyết định đến đó. Và thế là chúng ta chứng kiến một cuộc đổ xô thực sự sang châu Âu. Châu Âu đã trở thành mục tiêu ưu tiên đối với nhiều nhà đầu tư Nhật, họ thấy ở đó một thị trường trẻ, năng động, hứa hẹn. Trong vài lĩnh vực then chốt như xe hơi, châu Âu lại là thị trường số một thế giới. Sự sụp đổ của Đông Âu và mở rộng châu Âu truyền thống càng củng cố thêm tin tưởng ấy của người Nhật. Châu Âu kéo dài đến Liên Xô là một thị trường với 500 triệu người tiêu thụ, mà một bộ phận khá lớn trong đó thuộc lớp người khá giả nhất thế giới.

Sự gia tăng nhịp độ đầu tư của Nhật vào Cộng đồng kinh tế châu Âu là đáng kinh ngạc, khó hình dung được, đầy đe dọa, có thể là nguy hiểm. Thực tế, đầu tư ấy tăng gấp đôi hàng năm. Nghĩa là, đây là nhịp độ cao nhất trong

toàn bộ các điểm đầu tư khác nhau của Nhật ở nước ngoài. Chỉ riêng trong lĩnh vực sản phẩm chế tạo (công nghiệp), các khoản đầu tư ấy đã tăng từ 800 triệu đô la năm 1987 lên 1,46 tỷ đô la năm 1988 rồi 3,05 tỷ đô la năm 1989. Nếu xem xét tất cả các lĩnh vực đầu tư của Nhật thì sự gia tăng ấy cũng gây ấn tượng không kém. Nó đã từ 6,576 tỷ đô la năm 1987 tăng lên 9,116 tỷ đô la năm 1988 và 14,808 tỷ đô la năm 1989 ^[51]. Khoảng 60% số đầu tư từ năm 1987 đã mang lại lợi nhuận, trong khi một phần các dự án thì bị lỗ do cạnh tranh hoặc do muốn tìm kiếm nhân viên tay nghề cao và nhu cầu về khung cán bộ có tầm quan trọng hơn là ở trong nội địa Nhật. Những khoản đầu tư ấy chắc hẳn sẽ gia tăng nhanh chóng với năm 1992 đang đến gần. Hiện tại, CEE thu hút hơn 24% tổng số đầu tư của Nhật trên thế giới.

Nhận định này có chứng lý. Tháng ba 1989, trên đất CEE, 247 xí nghiệp lớn của Nhật đã có 206 nhà máy sản xuất, 466 văn phòng bán hàng hoặc những cơ cấu thương mại khác và 127 đơn vị đủ loại, phần lớn là dịch vụ tài chính. Chỉ riêng trong lĩnh vực công nghiệp (sản phẩm chế tạo), các xí nghiệp Nhật này đã có 529 đơn vị sản xuất sử dụng 94.000 người châu Âu. Từ đây đến năm 2000, ít nhất 200.000 nhân viên châu Âu sẽ làm việc cho các nhà máy Nhật trong CEE. Trong số các nhà máy đã có, đáng chú ý có 99 đơn vị sản xuất sản phẩm điện tử (VTTH, đầu máy video, đầu máy đĩa compact, dàn âm thanh có độ trung thực cao, máy điện thoại, máy sao chụp vô tuyến, máy tính cá nhân, máy sao chụp và linh kiện bán dẫn), 2 nhà máy xe hơi, 15 nhà máy sản xuất phụ tùng xe hơi và một công ty liên doanh sản xuất thép.

Nhật xuất khẩu hàng năm khoảng một triệu xe hơi sang châu Âu. Con số ấy từ nhiều năm nay không gia tăng – kết quả của các hạn chế nhập khẩu mà nhiều nước châu Âu đã áp dụng. Nhưng phải chú ý rằng hai nhà máy xe hơi Nhật “phi địa phương hóa” sang CEE hiện đang sản xuất khoảng 200.000 xe hơi hàng năm. Từ nay đến năm 1992, theo dự báo của Nhật có ít nhất 5 nhà máy sản xuất xe hơi Nhật trong CEE, sản xuất hàng năm một triệu xe. Đó là Nissan (2 nhà máy đã hoạt động ở Anh), Toyota (Bồ Đào Nha) và Isuzu (Anh), Suzuki (Tây Ban Nha). Còn Honda thì đã mua 20% vốn của hãng Anh Austin Rover và hãng này đã lắp ráp các kiểu xe Honda. Toyota có ý định xây dựng một nhà máy mới ở Anh. Mazda thì dự kiến hợp tác sản xuất với Ford tại Saarlouis ở Đức.

Còn về vô tuyến truyền hình màu, sản phẩm của Nhật tại CEE đã chiếm 21% trong toàn bộ máy VTTH sản xuất trong Cộng đồng, nhờ 13 nhà máy nằm rải rác ở Anh (8 nhà máy), CHLB Đức (2) và Tây Ban Nha (3). Một nửa số đầu máy video sản xuất trong CEE là từ 21 nhà máy Nhật phi địa phương hóa nằm ở Đức (8), Anh (7), Pháp (3) và Tây Ban Nha (2). Nhật có 10 nhà máy sản xuất máy sao chụp (photocopie). Phần của chúng trên thị trường mở rộng rất nhanh. Còn về mạch tích hợp, châu Âu coi như đã thua. uviansach.vn

Như Gorota Kume, chuyên viên ngân hàng xuất nhập khẩu Nhật (Eximbank) và chuyên gia về đầu tư trực tiếp, giải thích: “Các công ty châu Âu đã bỏ lỡ dịp may phát triển và sản xuất các mạch tích hợp, và hậu quả là bây giờ họ tụt xa sau Nhật và Mỹ”.

Đã quá chậm, bởi vì bốn hãng lớn của Nhật đã có mặt ở châu Âu để sản xuất mạch tích hợp thay cho châu Âu: NEC (ở Ailen và Anh), Toshiba (Đức), Hitachi (Đức) và Fujitsu (Ailen).

Anh quốc: con ngựa thành Troie của cộng đồng kinh tế châu Âu (CEE)

Nước Anh là mục tiêu đầu tư trước tiên được Nhật Bản nhắm đến ở CEE. Thậm chí đến mức có dư luận xấu nói nước Anh đang trở thành một thuộc địa của Nhật Bản tại châu Âu, hoặc nói nước Anh là hòn đảo thứ năm trong quần đảo Nhật Bản. Quả là trong khoảng thời gian từ 1951-1988, 35% đầu tư của Nhật Bản tại châu Âu đều đổ vào nước Anh do cách chào mời tận tình được chính quyền bảo thủ của thủ tướng Margaret Thatcher tiến hành. Tỷ lệ này đã vượt lên mức 46,2% vào năm 1989 với tổng giá trị là 6,67 tỷ đô la (33,35 tỷ franc). Cần phải nói rằng thành công này không là chuyện tình cờ. “Nếu như chúng tôi đầu tư vào nước Anh là bởi vì chúng tôi được đón tiếp niềm nở”. Sự xâm nhập của Nhật Bản vào nước Anh là kết quả của một chính sách thu hút đặc biệt của nước Anh đối với Nhật Bản.

Bà Thatcher đích thân nhiều lần tham gia vào “chiến dịch” mời chào này. Bà luôn tươi cười với người Nhật, tham gia khánh thành các xí nghiệp mới được xây dựng của Nhật Bản, chăm sóc các quan hệ cá nhân của mình đối với những người khách Nhật và tỏ ra ân cần với nước Nhật. Thái độ này đã khiến người Pháp nổi giận, vì điều đó giống như một sự phản bội đối với một châu Âu thống nhất đang được xây dựng. Nước Anh, theo họ, đã trở thành một “con ngựa thành Troie”. Nói cách khác, nước Anh đã “nuôi ong tay áo”. Bởi lẽ, ý đồ của sự đổ bộ này đã quá rõ: trong khi chờ đợi thì trường chung châu Âu vào năm 1993, thì Nhật Bản tỏ ra hào phóng khôi phục lại ngành công nghiệp xe hơi của nước Anh hiện bỏ ngỏ. Song một khi các biên giới đã mở ngõ trong CEE, thì hàng hà sa số các xí nghiệp của Nhật Bản lúc đó đều đã mang nhãn hiệu châu Âu, sẽ cứ thế tung ra hết đợt hàng này đến đợt hàng khác trên người tiêu dùng của lục địa châu Âu. Ai sẽ là người chiến thắng ? Nước Anh thì có thể, song Nhật Bản thì tất thắng rồi.

Quan hệ giữa nước Anh và Nhật Bản cũng đã bộc lộ nhiều biểu hiện lỗ bịch đến mức quá đáng. Chẳng hạn, ngày 7 tháng 9 năm 1990, chủ tịch hãng xe hơi Nissan (Nhật Bản) Takashi Ishihara đã được trao tặng huân chương cao quý nhất của vương quốc Anh dành cho một người nước ngoài. Hãng Nissan còn nhấn mạnh ông chủ Nhật được khen thưởng “vì những

đóng góp của ông cho mối quan hệ kinh tế giữa vương quốc Anh và Nhật Bản”. Vâng, cảm ơn cái hãng Nhật đầu tiên đã khánh thành một xí nghiệp sản xuất xe hơi trên đất Anh vào năm 1984. Vâng, cảm ơn 200.000 xe hơi sẽ từ những phân xưởng của nó tung ra thị trường nước Anh và châu Âu.

Để mở cửa cho nước Anh tiếp nhận được đầu tư của Nhật Bản, mọi việc đều đã được tính toán. Tất cả các miền của vương quốc Anh đều đã mở văn phòng đại diện của mình tại Tokyo. Nhiệm vụ của những văn phòng này rất rõ: thông qua vai trò môi giới các hoạt động quan hệ công chúng mà thu hút, thuyết phục và lôi kéo các nhà đầu tư Nhật Bản. Đối với một số miền ở nước Anh đang bị đe dọa bởi nạn thất nghiệp và cuộc khủng hoảng kinh tế, thì đầu tư của Nhật Bản được đón nhận như một nguồn ơn phúc đích thực từ trời ban xuống để khôi phục lại cả một nền công nghiệp đang hấp hối. Điển hình là trường hợp của khu vực phía Tây Birmingham, trung tâm công nghiệp cũ của nước Anh, tinh hoa xưa của cuộc cách mạng công nghiệp. Hai thế kỷ sau thời kỳ hưng thịnh ấy, khu vực này đã bắt đầu trở nên giống như cái “vành đai rỉ sét” thê thảm của Mỹ: một khu vực hoang tàn mà ở đó dân giá của những xí nghiệp phế bỏ chỉ gợi lên một quá khứ huy hoàng và ở đó dân chúng đang sống trong cơn ác mộng thất nghiệp triền miên và khủng hoảng xã hội.

Còn giờ đây, 17 xí nghiệp của Nhật Bản đã đến đóng đô ở vùng đất này, điểm tập kết lớn nhất của Nhật Bản ở nước Anh. Những gì tinh túy nhất của nền công nghệ Nhật Bản đều được phô diễn ở nơi chỉ cách vài kilomet là Ironbrigde, cây cầu sắt đầu tiên của thế giới đã được xây dựng vào năm 1779. Đúng là một hình ảnh tuyệt vời giữa một bên là sức mạnh một thời huy hoàng đã qua của vương quốc Anh và một bên kia là sự rạng ngời của Nhật Bản trong thế giới hiện đại. Không chỉ có người Nhật, ở đây còn có khoảng 50 xí nghiệp của Đức, Hoa Kỳ, thậm chí của Pháp. Được sự khuyến khích của chính quyền trung ương ở Luân Đôn, và để thu hút các nhà đầu tư Nhật Bản, các chính quyền địa phương ở đây đã dành cho họ những khoản tiền thuê xây dựng cơ sở cùng những ưu đãi về thuế khóa cực kỳ giảm nhẹ, thậm chí trong nhiều trường hợp vượt quá những giới hạn mà CEE quy định đến mức đất đai chỉ được bán với giá tượng trưng. Lợi dụng trình trạng thê thảm trong ngành công nghiệp xe hơi, các nhà kinh doanh Nhật Bản đôi khi đã “hốt” được từ tay của người Anh những hợp đồng xây dựng xí nghiệp với thời hạn đặc biệt ưu đãi.

Phân chia vốn đầu tư của Nhật Bản trong CEE năm 1989 (tính bằng tỷ đô la)

	Tiền	Tỷ lệ
Anh	6,67	46,2%

Hà Lan	3,39	23,5%
Tây Đức (cũ)	1,27	8,8%
Pháp	1,04	7,2%
Luxembourg	1,04	7,2%
Ý	0,35	2,4%
Tây Ban Nha	0,35	2,4%
Bỉ	0,27	1,9%
Ai len	0.06	0,4%

Nguồn: Bộ Tài chính Nhật Bản

Nước Pháp: Vô cùng dễ, chỉ cần có tiền

Sẽ hoàn toàn sai lầm nếu như hòa theo cái dàn hợp xướng những bất mãn chỉ muốn trút hết cơn giận dữ lên đầu nước Anh. Khi người Pháp phàn nàn thì không hề có ý ghen tỵ. Nước Pháp cũng mong muốn khai thác “những hành động hào phóng” của Nhật Bản. Nhiều người Pháp đang sẵn sàng bán đứng tất cả để có được sự “hào phóng” đó nhưng lại hoàn toàn dừng dừng với những hậu quả của việc Nhật Bản thâm nhập vào xã hội Pháp. Liệu có nhà kinh doanh nhập khẩu nào lưu tâm đến sự chênh lệch giữa những trao đổi song phương của chúng ta ? Tình trạng mất cân đối trong đầu tư giữa Pháp và Nhật Bản đã trở nên bi đát. Giá trị đầu tư của Nhật vào Pháp gấp 13 lần so với đầu tư của Pháp sang Nhật. Trong những năm 80, khoảng cách này đã trở thành một hố thẳm với tỷ lệ chênh lệch 1/45.

Chẳng có gì phải phê phán: đầu tư của Nhật Bản quả đã tạo ra nhiều công ăn việc làm. Hoa Kỳ và Canada dẫn đầu bảng xếp loại ở Pháp với 3.871 chỗ làm năm 1990. Nhật Bản cũng nhanh chóng vượt lên chiếm vị trí thứ hai ở Tây Đức với 3.096 chỗ làm ^[52]. Đó là lý do vì sao khi đến nhiều miền ở Pháp để viết phóng sự, tôi không hề gặp một viên chức địa phương nào đã tỏ ra có thái độ thù nghịch đối với đầu tư của Nhật Bản. Khá nhiều miền của nước Pháp chẳng hạn như Alsace quê tôi, đều có mở mặt tiền tại Tokyo. Các văn phòng đại diện đang cố bán chút hương phấn của mình cho khách chơi hoa Nhật. Ngay như Auvergne, một vùng quê và là nơi chôn rau cắt rốn của một phần gia đình tôi, cũng sẵn sàng đưa chân vào những trò chơi ve vãn hối hả này và rất muốn được lọt vào mắt xanh của các nhà đầu tư đất nước Mặt trời mọc. Thậm chí sự hiện diện của Nhật Bản còn trở

thành điểm chuẩn về chất lượng để thu hút các nhà đầu tư từ những nước khác.

Suốt nhiều tuần lễ liên tiếp vào mùa xuân và hè năm 1990, người ta đọc thấy một nội dung đầy xúc cảm chiếm đến cả trang trên nhiều tuần báo lớn của Pháp: “Một số hãng nổi tiếng của Nhật Bản đã có mặt ở Auvergne” kèm theo đó là bức ảnh một nhà kinh doanh Nhật ngồi sau bàn làm việc và đang mỉm cười, sau lưng ông ta là một tấm bản đồ thế giới khổng lồ. Các tập đoàn Nhật Bản đến lượt mình lại đề tâm đề cao sự xâm nhập thành công của mình trong khung cảnh nền kinh tế Pháp. Thế là, hãng Toshiba, trong các quảng cáo chiếm đến nửa trang trên các nhật báo lớn nhất của Pháp đã huênh hoang về “những cái nôi công nghệ mới” chẳng hạn như những nhà máy lò cao hoạt động bằng vi sóng, những máy photocopie và những đèn halogène dùng cho máy photocopie được lắp đặt lần lượt trong các làng Aizenayn, Martin-Église và Raon-I’Étape. Tập đoàn hàng đầu này của Nhật Bản còn nhấn mạnh “Cắm rễ sâu ở Pháp, tiến đến một sự hội nhập êm thấm và cùng nhau lớn mạnh trong tương lai”. Đó chính là điều mong muốn nhất của Toshiba.

Châu Á: đất sẵn riêng của Nhật Bản

Một sự chuyển động đáng kể đối với thế giới tương lai, song lại chưa được biết đến nhiều, đang diễn ra tại châu Á: Khu vực này đang ngả theo quỹ đạo kinh tế của Nhật Bản. Bởi lẽ, châu Á chưa bao giờ bị giới lãnh đạo kinh tế của Nhật Bản bỏ quên. Trái lại, trong 10 năm đầu tư ồ ạt họ đã biến đổi hoàn toàn bộ mặt của Nhật Bản trong khu vực đang phát triển vũ bão này. Năm 1945, chiến thắng của đồng minh đã dẫn đến hệ quả tất yếu là việc Hoa Kỳ đứng chân về kinh tế tại châu Á. Suốt những năm 50 và 60, Hoa Kỳ gần như đơn thân độc mã trong khu vực này: Nam Triều Tiên, Đài Loan, Philippines, Thái Lan, Úc, Tân Tây Lan, Singapour đã kết thành một khối vững chắc nằm trong vùng ảnh hưởng của Hoa Kỳ. Chú Sam đã có thể tự hào điều võ giương oai về sức mạnh của mình. Không ai dám coi thường điều đó. Các nước cộng sản như Trung Quốc, Việt Nam, Cambodge và Lào nói chung đều đóng cửa đối với các nhà tư bản Nhật Bản. Ngày nay, giấc mơ Mỹ ở châu Á đã kết thúc. Sự thống trị của Hoa Kỳ đã thuộc về quá khứ và ảo vọng Mỹ đã không còn hấp dẫn ai ở đây nữa. Quả là Nhật Bản đã từng bước đuổi Hoa Kỳ ra khỏi châu Á – Thái Bình Dương. Còn châu Âu, vốn nhút nhát hoặc lạc hậu trước thực tiễn của khu vực này, đã hầu như bị quên lãng vĩnh viễn ở châu Á. Đã đến lúc châu Á – Thái Bình Dương trở thành đất sẵn riêng của người Nhật.

Tiến trình này dẫn đến nhiều hậu quả đáng kể trong tương lai trên bình diện kinh tế lẫn chiến lược. Tại sao ? Nền kinh tế của các nước Đông Nam Á đang biến đổi sâu sắc. Từ chỗ trước đây chỉ cốt làm sao có sản lượng, các

nền kinh tế này hiện đang hướng đến tiêu thụ: Trong tương lai, châu Á sẽ là một nhà máy khổng lồ sản xuất đủ loại hàng hóa tinh xảo và là một thị trường rộng lớn với những người tiêu dùng giàu có. Cần phải nói thêm rằng thị trường này có thể còn lớn hơn cả thị trường của châu Âu hoặc Mỹ. Đến ngày ấy, người Mỹ và người châu Âu còn có thể bán cho họ những thứ gì nữa ? Mặc khác, châu Á đang còn bị chia cắt bởi những xung đột chính trị nghiêm trọng. Song từng bước, nền dân chủ sẽ được thiết lập và cùng với nó là sự thịnh vượng và sáng tạo. Liệu đến lúc ấy châu Âu và nhất là Mỹ có thể tự cho phép mình đứng tách biệt với trục phát triển này chăng ? Cuối cùng là với việc tạo ra những liên hệ kinh tế độc quyền, châu Á đã bắt đầu một tiến trình hội nhập giữa các nước trong khu vực từng bước đặt nền móng cho một thị trường chung châu Á.

Ngay từ cuối năm 1988, lần đầu tiên từ sau chiến tranh, Nhật Bản đã buôn bán với các bạn hàng châu Á nhiều hơn là với Hoa Kỳ. Trao đổi mậu dịch của Nhật Bản với các nước công nghiệp hóa mới của châu Á vượt quá những trao đổi mậu dịch của Nhật với CEE. Thử so sánh: xuất nhập khẩu của Nhật Bản với Nam Triều Tiên vượt xa mức của Nhật Bản với châu Phi và châu Mỹ La tinh cộng lại. Từ năm 1985 đến 1989, trao đổi mậu dịch giữa Nhật Bản và ASEAN (Thái Lan, Malaisie, Singapour, Indonésia, Philippines, Brunei) cộng với Hồng Kông, Đài Loan và Nam Triều Tiên đã tăng gấp đôi, đạt mức 118 tỷ đô la (590 tỷ franc). Tổng trao đổi mậu dịch giữa 15 nền kinh tế quan trọng của châu Á đã đạt mức 234 tỷ đô la (1170 tỷ franc) vào năm 1988. Trong đó Nhật Bản chiếm hơn một nửa. Con số này vượt xa mức 193 tỷ đô la (965 tỷ franc) xuất khẩu của khu vực này sang Bắc Mỹ [\[53\]](#).

Hậu quả tất yếu: các nền kinh tế châu Á đang hình thành một mối liên kết ngay trước mặt Mỹ, một nước mà giờ đây họ rời bỏ không hề thương tiếc. Việc đầu tư trong khu vực này đang tăng lên đến mức như ngân hàng phát triển Á châu đánh giá là “đang thúc đẩy một sự liên kết ngày càng mở rộng giữa các nền kinh tế châu Á và biến đổi khu vực này thành một thực thể thuần nhất hơn trong nền kinh tế thế giới”.

Những đối kháng hiện còn rất mạnh. Nhiều nước đang ra sức tẩy chay ảnh hưởng ngày càng lớn của Nhật Bản. Vì thế, ngày ra đời của một thị trường chung châu Á rộng lớn xem ra còn xa. Song nếu như châu Á đi đến hợp nhất và nếu như Nhật Bản thành công trong việc chế ngự những tham vọng dân tộc chủ nghĩa thì Nhật Bản có thể hi vọng dẫn đầu “khối” kinh tế châu Á mới này. Thế giới khi đó sẽ được thống trị bởi ba trục kinh tế có sức mạnh cân bằng: một cạnh là vùng tự do mậu dịch bao gồm Hoa Kỳ và Canada. Một cạnh khác là thị trường chung châu Âu. Cạnh cuối cùng trong cái tam giác kỳ bí này là châu Á hợp nhất. Nhưng như vậy liệu phương Tây

sẽ hành động ra sao ? Liệu họ sẽ đứng yên để nhìn ngắm sự khai sinh một “Khối thịnh vượng chung” mới dưới ảnh hưởng của Nhật Bản ?

Trong khi chờ đến lúc ấy, hãy thử nhìn xem nhịp độ đầu tư của Nhật Bản tại châu Á. Cách đây 10 năm, các nhà kinh doanh Nhật Bản đầu tư hàng năm khoảng 1,2 tỷ đô la (6 tỷ franc) cho toàn bộ khu vực này. Năm 1988, họ đã đầu tư gấp đôi số tiền trên chỉ riêng cho Hồng Kông. Năm 1990, Nhật Bản đã đầu tư gấp 6 lần cho khu vực này so với đầu những năm 80. Trong số 12 nước thu hút nhiều đầu tư nhất của Nhật Bản thì một nửa thuộc về châu Á: bốn “con rồng” (Đài Loan, Nam Triều Tiên, Hồng Kông, Singapour), Thái Lan và Malaisie. Nhật Bản, từ nhiều năm qua, là nước đầu tư đứng hàng đầu thế giới ở Indonésie và Thái Lan. Ở Indonésie, Hoa Kỳ còn đứng sau cả Hồng Kông, Nam Triều Tiên và Đài Loan. Biểu tượng cuối cùng cho sự suy sụp của Hoa Kỳ là năm 1989, Nhật Bản đã thay thế Hoa Kỳ vốn là nước đầu tư đứng hàng đầu thế giới ở Philippines. Nước Mỹ, vào năm 1988 vẫn còn giữ vị trí hàng đầu ở nước này thì chỉ một năm sau, đã đứng sau cả Đài Loan và Hồng Kông.

Vào tháng 9/1989, tổng đầu tư trực tiếp của Nhật Bản vào châu Á đạt mức 36 tỷ đô la (180 tỷ franc), nghĩa là bằng 1/6 đầu tư trực tiếp của Nhật Bản trên thế giới. Việc đồng yên lên giá, từ đầu những năm 80, đã đánh vào đầu tư của Nhật Bản ở khu vực này. Kể từ đó, đầu tư vào Nam Triều Tiên, Đài Loan và Singapour được ghi nhận là tăng 50% mỗi năm và tăng 100% vào các nước còn lại của châu Á. Tokyo không hề bỏ qua bất cứ một thị trường mới nào. Trong khi chờ đợi có sự mở cửa rộng rãi của những nước này, những nhà kinh doanh Nhật đang tranh thủ Cambodge, Lào và Việt Nam. Sự hiện diện của nước Pháp ở các nước này hiện chỉ mang tính chất tượng trưng và mặc dù Paris đã có nhiều cố gắng giành lại chỗ đứng đã bị mất song có nguy cơ nó vẫn sẽ mờ nhạt như hiện nay. Mọi thứ đang gây chú ý cho người Nhật: dầu thô ở Việt Nam, quặng mỏ, cao su và nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên khác của Cambodge, lực lượng lao động rẻ ở Đông Dương. Mọi việc đều phải bắt đầu lại từ đầu ở những nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá. Nhật Bản đã là bạn hàng thứ hai của Việt Nam sau Liên Xô. Lợi dụng khó khăn của Liên Xô, không bao lâu nữa, Nhật Bản sẽ chiếm giữ vai trò hàng đầu và họ rất sẵn sàng giữ vị trí ấy.

Đúng là, tính trên phạm vi toàn cầu, đầu tư của Nhật Bản không thể tiếp tục phát triển với cùng nhịp độ như lâu nay nữa. Song, dù có chậm lại, nguồn tư bản của Nhật Bản sẽ vẫn tiếp tục việc phân công lao động giữa các nước châu Á tùy theo sự phát triển kinh tế của các nước này. Đặc biệt, Hoa Kỳ đang bị đẩy lùi xuống hàng thứ yếu. Như ở Thái Lan, các dự án đầu tư của Nhật Bản gấp 8-10 lần đầu tư của Hoa Kỳ. Ngay như Đài Loan cũng đầu tư vào nước này nhiều hơn cả Hoa Kỳ. Tại Malaisie, người Nhật đầu tư gấp 10 lần người Mỹ, còn tại Indonésie gấp sáu lần.

Tại Nam Triều Tiên, Hồng Kông, Đài Loan và Singapour, bốn “con rồng”, bốn nước công nghiệp hóa mới (NIC = New Industrilized Countries), Nhật Bản ưu tiên đầu tư vào lĩnh vực xây dựng, bất động sản và dịch vụ. Tại những nước phát triển trung gian như Philippines, Thái Lan, Indonésie và Malaisie, Nhật Bản đầu tư vào việc phát triển các nguồn nguyên liệu và vào công nghiệp. Tính trên phạm vi toàn cầu, châu Á là khu vực thứ hai trên thế giới (vượt cả châu Âu) tiếp nhận được nguồn đầu tư trực tiếp của Nhật Bản trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng [54]. Song đã đến lúc phương thức trao đổi giữa các nước này và Nhật Bản thay đổi. Trước đây, Nhật Bản bán cho các nước này trang thiết bị và mua lại nguyên liệu và năng lượng. Hiện nay, hơn 60% xuất khẩu của khu vực sang Nhật Bản là sản phẩm công nghiệp trong đó đáng kể là sản phẩm của các xí nghiệp phi địa phương hóa của Nhật Bản.

Đầu tư, viện trợ kinh tế và mậu dịch của Nhật Bản với các bạn hàng châu Á từ tháng 4/1986 – 9/1989. (tính bằng tỷ đô la)

	Mậu dịch	Đầu tư	Viện trợ
Nam Triều Tiên	93,85	1,950	-
Đài Loan	78,51	1,230	-
Hồng Kông	46,22	4,180	-
Singapour	36,93	2,350	-
Thái Lan	26,50	1,810	1,307
Malaisie	29,49	0,990	0,777
Philippines	13,30	0,330	1,364
Indonésie	48,26	1,720	1,433
Trung Quốc	53,18	2,000	2,177
Ấn Độ			

	14,76	0,060	0,703
Pakistan	5,97	0,007	0,551
Sri Lanka	1,53	0,003	0,446
Bangladesh	1,73	0,001	0,932
Miến Điện	0,82	-	0,779

Nguồn: MITI và Bộ Tài chính Nhật Bản.

Đông Âu, cuộc chinh phục mới ?

Các nhà ngoại giao Nhật sẽ giãy nảy lên với một sự ngây thơ “cụ”: nước Nhật nào có hề để ý đến Đông Âu. Các nước ấy ở quá xa, quá bất ổn, lại còn nợ chồng chất. Ngoài ra, thị trường này đã thuộc về Tây Âu. Các nhà kinh doanh Nhật nào dám mon men đến. Song đằng sau những lời thể thốt ấy của họ, thực tế đang diễn ra khác hẳn. Quả đúng là cho đến năm 1989, Đông Âu không hề thu hút các giới kinh doanh Nhật. Trao đổi mậu dịch của Nhật Bản với các nước này thật nhỏ nhoi: 379 triệu đô la (1,850 tỷ franc) với Ba Lan năm 1988, 270 triệu đô la (1,350 tỷ franc) với Hunggari, 250 triệu đô la (1,250 tỷ franc) với Đông Đức. Tổng cộng: 1,4 tỷ đô la (7 tỷ franc), gần bằng 0,3% trao đổi của Nhật Bản với thế giới, chưa bằng 1/10 các trao đổi của Nhật Bản với Trung Quốc.

Biến động đột ngột ở Đông Âu đã khiến người Nhật hoàn toàn chững hững. Họ đã lơ là khu vực này của thế giới đến mức không một việc nghiên cứu nào của Nhật Bản dự kiến được diễn biến và tình hình mới ở đây về mặt kinh tế và tài chính. Khi Hunggari, Ba Lan rồi đến Tiệp Khắc và Đông Đức thay đổi thể chế chính trị thì Tây Âu, trước hết là Tây Đức đã nhanh chóng mở cửa về thương mại và công nghiệp, và lần này họ đã hành động gấp rút. Mặc dù điều này là hoàn toàn tự nhiên do ở kề cận nhưng nhất là do có một nền văn hóa chung giữa hai phần của lục địa châu Âu. Người Nhật lại vẫn chần chờ nghĩ rằng họ sẽ khó chen chân vào thị trường Đông Âu thông qua Tây Âu. Nhưng điều đó không hề ngăn cản họ hành động và hành động nhanh. Bởi lẽ, người Nhật cho rằng các nước Đông Âu có thể tạm thời là bàn đạp tiền tiêu bảo đảm cho xuất khẩu của Nhật Bản xâm nhập vào châu Âu trong tình hình châu Âu thống nhất năm 1992 tiến hành các biện pháp kinh tế chống lại Nhật Bản.

Ngay từ tháng 11/1989, Nhật Bản công bố cho Ba Lan vay 150 triệu đô la (750 triệu franc) với lãi suất thấp để giúp nước này ổn định nền kinh tế. Tháng 1/1990, Thủ tướng Toshiki Kaifu đi thăm chính thức Ba Lan và Hunggari, hai nước được xem là mạnh dạn nhất trên con đường cải tổ. Dịp này, Toshiki Kaifu hứa sẽ viện trợ kinh tế cho hai nước này gần hai tỷ đô la

(10 tỷ franc). Để chinh phục trái tim, trước hết phải lo lót cái bụng. Nhật Bản thừa sức để tỏ ra hào phóng. Nhiều đoàn kinh doanh đã nổi bước ngai thủ tướng. Vào tháng 3, chính phủ Nhật mời và chịu mọi chi phí cho một phái đoàn khoảng 100 viên chức kinh tế và nhà kinh doanh Ba Lan và Hunggari đến Nhật Bản để nghiên cứu “việc quản lý và kiểm tra sản xuất”. Quả là một phương pháp tuyệt hảo để làm quen và kết thân với nhau. Vào tháng 4, chủ tịch ngân hàng công nghiệp Nhật Bản Kizaburo Ikeura dẫn đầu một phái đoàn kinh tế gồm 68 nhà kinh doanh và viên chức Nhật sang Ba Lan và Hunggari. Một chuyến viếng thăm quan trọng chưa hề có của Tokyo đến hai nước này. Đặt chân đến Varsovie, ông ta tuyên bố rằng các nhà công nghiệp của Nhật Bản có thể sẽ đến thị trường Ba Lan “nhanh hơn là như một số người vẫn nghĩ”.

Cũng vào tháng 4, Bộ trưởng Tài chính Nhật, Ryutaro Hashimoto, đã công khai cho rằng Nhật Bản sẽ có một vai trò về mặt tài chính trong tiến trình thống nhất nước Đức.

“Một nước Đức thống nhất có nghĩa là tạo ra một thị trường mới khổng lồ trong thế giới tự do song cũng có nghĩa là cần đến vốn đầu tư (...) Tây Đức cũng như cộng đồng châu Âu không thể đáp ứng nổi nguồn vốn cần thiết đó. Bởi vậy, Nhật Bản sẽ nắm giữ vai trò ấy”.

Vào tháng 5/1990, đến lượt bộ trưởng ngoại giao Taro Nakayama đi thăm Tiệp Khắc và Nam Tư. Ông ta cũng loan báo là Nhật Bản sẽ trợ giúp hai nước này. Cũng trong tháng này, Bộ trưởng công nghiệp và thương mại quốc tế Kabun Muto tuyên bố tham gia một “kế hoạch Marshall” mới giúp Đông Âu trong khuôn khổ phối hợp giữa CEE, Hoa Kỳ và Nhật Bản. Điều này quả chẳng khác nào “chó sói nhốt vào chuồng dê”.

Tuy nhiên, dấu hiệu rõ rệt nhất cho mối quan tâm mới về Đông Âu lại được ghi nhận từ giới tài chính Nhật. Ngày 5/7/1990, Ngân hàng Sumimoto thông báo mở văn phòng đại diện đầu tiên ở Berlin (Đông Đức). Ngày 16/7 Daiwa Securities, một trong bốn công ty mua bán chứng khoán hàng đầu của Nhật Bản, công bố hợp tác với các ngân hàng Hunggari để đến trước cuối năm 1990, thành lập một công ty tài chính chứng khoán Nhật-Hunggari ở Budapest. Cờ sở này đã mở cửa hoạt động và Daiwa kiểm soát trên 50%. Từ đó đến nay, sự hiện diện của Nhật Bản đã được tăng cường thêm với nhiều cơ sở khác tương tự. Đúng theo bài bản về thâm nhập thị trường, người Nhật đã đưa các ngân hàng của mình đến trước để chuẩn bị bãi đáp, và khi tình hình chín muồi thì đầu tư đổ vào. Chỉ trong sáu tháng đầu năm 1990, ngành công nghiệp Nhật Bản đã cho công bố dự án xây dựng một nhà máy hóa dầu ở Hunggari trị giá 1,7 tỷ yên (61,2 triệu franc) và một nhà máy xi măng ở Ba Lan trị giá ước tính là 200 triệu đô la (1 tỷ franc), một nhà máy liên doanh sản xuất xe hơi ở Ba Lan cùng nhiều dự án lớn khác.

Chú gấu Liên Xô luôn gây lo sợ

Một trong những tiềm năng hợp tác lớn đối với Nhật Bản là ở Liên Xô. Đó là khai thác những miền đất mênh mông của Sibérie giàu tài nguyên mỏ, khí đốt và dầu hỏa. Đến lúc những điều kiện chính trị hội tụ đủ từ hai phía thì Nhật Bản sẽ là nước duy nhất cùng với Nam Triều Tiên có đủ khả năng lao mình vào cuộc chinh phục lớn lao này. Và một ngày nào đó khi những chân trời đầy hứa hẹn này trở nên rõ nét thì những người châu Âu chúng ta, những khán giả bất lực sẽ được chứng kiến một quang cảnh mê hồn là sự xuất hiện của một trung tâm quyền lực mới. Hàng trăm và hàng ngàn kỹ sư Nhật sẽ đặt chân đến vùng đất này, sử dụng nguồn lao động giá rẻ của Trung Quốc để khai thác vùng Sibérie và vùng Viễn Đông Liên Xô. Đó sẽ là một “mặt trận” mới về kinh tế, khoa học và kỹ thuật mà chúng ta sẽ chỉ là những khán giả bất lực.

Ý tưởng này có lẽ không hề kỳ cục đến mức như nó có thể có. Vào tháng 1/1991, công ty thương mại Itoh của Nhật Bản và công ty Exxon của Mỹ đã cùng nhau khai thác khí thiên nhiên trên đảo Sakhaline với số vốn đầu tư ước tính hơn 5 tỷ đô la (25 tỷ franc).

Nhiều trở ngại còn tồn tại trên con đường tiến đến bình thường hóa quan hệ giữa Nhật Bản và Liên Xô. Trao đổi mậu dịch giữa hai nước hiện ở mức tồi tệ: gần 6 tỷ đô la (30 tỷ franc) năm 1989.

Khó khăn chủ yếu đang cản trở tiến trình hai nước xích lại gần nhau là việc Liên Xô hiện đang chiếm giữ quần đảo Kouriles. Lợi dụng cuộc tháo chạy của Nhật Bản năm 1945, Liên Xô đã chiếm bốn hòn đảo nhỏ (Etorofu, Kunashiri, Shikotan và Habomai). Từ đó, hơn 45 năm đã qua và Tokyo đã từ chối ký kết mọi hiệp định hòa bình với Matxcơva chừng nào “phần đất phía Bắc” chưa được trả lại cho Nhật Bản. Vụ tranh chấp còn lâu mới được giải quyết. Quả vậy, do nằm gần các căn cứ quân sự trọng yếu của Liên Xô để bảo vệ bờ biển Viễn Đông, những hòn đảo này có một tầm quan trọng lớn về chiến lược. Song dù sao, sự tan băng đã bắt đầu. Cựu bộ trưởng ngoại giao Liên Xô Édouard Chevardnadze đã đến Nhật Bản tháng 9/1990 để chuẩn bị cho một chuyến viếng thăm “lịch sử” của tổng thống Mikhaïl Gorbatchev dự kiến vào năm 1991. Liên Xô đang ở vào một tình trạng kinh tế khó khăn đến mức rất cần sự giúp đỡ của Nhật Bản. Những người có đầu óc thực tiễn như Gorbatchev, nếu như còn nắm giữ được quyền lực trong những năm sắp đến, mà lại không chứng tỏ có một đầu óc cởi mở thì quả sẽ là một điều cực kỳ khó hiểu. Một số nhà ngoại giao đã cầm chắc Liên Xô sẽ trả lại cho Nhật Bản ít ra là một phần của các đảo Kouriles.

Châu Mỹ La tinh: Nhật Bản cảm các con tốt

Nhật Bản vẫn chưa có thế lực mạnh mẽ ở châu Mỹ La tinh. Song ở đó họ đã có vài địa bàn lớn, đủ sức cho phép họ mở rộng ảnh hưởng của mình vào sân sau của Hoa Kỳ. Do đầu óc chống Mỹ mạnh mẽ, những nước này đã mở rộng tay đón Nhật Bản. Mở đầu là Braxin với món nợ của Nhật Bản lên đến gần 15 tỷ đô la (75 tỷ franc). Nhật Bản quan tâm sát sao đến các mỏ vàng của Braxin. Đầu năm 1990, một vụ xì căng đan nho nhỏ có làm mờ nhạt chút đỉnh hình ảnh của Nhật Bản. Theo báo chí Braxin, các xí nghiệp Nhật Bản đã đề nghị cần một phần nợ của Braxin để đổi lấy nhượng quyền khai thác các mỏ vàng của vùng Amazone. Nói ngắn gọn, khi tung ra một vài tỷ đô la, Nhật Bản lại đã muốn chiếm giữ một trong những nguồn tài nguyên chính yếu của nước này và qua đó chi phối một phần quyền lực tối cao của Braxin. Khi nội vụ đổ bể, Nhật Bản đã phải lên tiếng cải chính mạnh mẽ cả ở Tokyo lẫn Braxin. Song dự luận vẫn nghi vấn mãi về giá trị của những lời cải chính này.

Mêhico, một nước “lớn” khác của châu Mỹ La tinh, cũng đang thúc giục những thềm muốn của Nhật Bản. Thủ tướng Toshiki Kaifu đã đến thăm nước này vào tháng 9/1989, đáp lại tổng thống Mêhico Carlos Salinas de Gortari vốn không giấu sự ngưỡng mộ cá nhân của mình đối với nước Nhật, cũng đã đi thăm Nhật Bản vào tháng 6/1990. Ba người con của ông đang theo học tại một trường trung học ở Nhật Bản. Nhật Bản hiện là nước đầu tư đứng hàng thứ tư thế giới ở Mêhico và chính phủ Nhật đã tài trợ 500 triệu đô la (2,5 tỷ franc) cho một kế hoạch quy mô nhằm chống lại tình trạng ô nhiễm tại Mexico City.

Một địa bàn đứng chân nữa cho Nhật Bản tại châu Mỹ La tinh, mặc dù còn mong manh, là Pêru sau khi Alberto Fujimori một người gốc Nhật, được bầu làm tổng thống nước này vào tháng 6/1990. Báo chí Nhật đã làm đậm sự kiện này bằng cách nhấn mạnh rằng thắng lợi của Fujimori thể hiện những “phẩm chất của người Nhật” là lao động cật lực, trung thực và có kỹ thuật. Một tháng sau đó, Alberto Fujimori, đưa con của những di dân Nhật, đã được cả nước Nhật đón tiếp nồng nhiệt như một người anh hùng dân tộc khi về thăm Kawachi, quê hương cha mẹ ông. Sau chuyến đi thăm của đứa con đất nước, Kawachi đã đặt tên cho một trong những đường phố của mình là “Đại lộ Pêru”. Song, tại Pêru, rất nhiều người trong số 60.000 di dân gốc Nhật lại đang nhớ lại những cuộc bách hại mà họ là nạn nhân vào năm 1940, khi có tin đồn khắp nước là Nhật Bản đang xâm lăng Pêru. Mặt khác, Pêru đang phải đối đầu với tình trạng phá sản mà Nhật Bản thì lại không hề để tâm đến việc xóa nợ cho Pêru bởi sợ Pêru lại “chạy theo” kẻ khác. Cuối cùng Nhật Bản cũng quan tâm đến Chili, nơi họ đã công bố những khoản đầu tư mới trị giá 300 triệu đô la (1,5 tỷ franc) năm 1990.

Giữa sự thanh thản bị khuấy nhiễu và sự lo sợ viễn vông

Trừ phi có một cuộc bùng nổ lớn trên thế giới hoặc một đám cháy lớn thiêu rụi hết thị trường dầu hỏa, còn thì không nên chờ đợt sức tiêu thụ hàng Nhật ở nước ngoài cạn kiệt trong những năm sắp tới do hậu quả của cuộc khủng hoảng vùng vịnh, hoặc do sự ổn định đang diễn ra trên thị trường tài chính của Nhật Bản. Bằng chứng cho sức sống bền bỉ của nền kinh tế Nhật là đầu tư trực tiếp của Nhật Bản ra nước ngoài, theo ước tính, sẽ tăng lên 25% vào năm 1990 so với năm 1989 ^[55]. Vấn đề đặt ra là: liệu có cần thiết chống lại làn sóng đầu tư này không? Và liệu có cần thiết tự bảo vệ không? Cho dù vấn đề có nghiêm trọng thì cũng không có lý do gì để phải sợ hãi, càng không thể để trở nên hoảng loạn. Sự sợ hãi ở con người, thường là hậu quả của sự ngu dốt. Nó là nguồn gốc cho hận thù và phân biệt chủng tộc. “Nỗi sợ hãi người da vàng” không còn là một ý tưởng mới mẻ gì. Nó đang còn yên ngủ đâu đó trong tâm thức mọi người. Trước đây, người Hoa đã gọi lên những lo âu mơ hồ.

Phải chăng là cần thay thế Trung Quốc bằng cái bóng ma của hiểm họa Nhật Bản chăng? Sự hiểu biết đầy đủ về đầu tư của Nhật Bản sẽ cho phép người ta kiểm chế tốt hơn những phản xạ tự nhiên. Có người cho rằng đầu tư ở nước ngoài của Nhật Bản có một khía cạnh tích cực: Theo các ước tính của viện nghiên cứu đời sống Sumitomo ^[56] nếu ở mức ổn định, nguồn đầu tư này tất cho phép giảm bớt thặng dư mậu dịch của Nhật Bản hiện vào khoảng 58 tỷ đô la từ nay cho đến năm 1993. Nếu khoản đầu tư này tăng 10% mỗi năm thì mức sụt giảm trong thặng dư mậu dịch sẽ vào khoảng 76 tỷ đô la. Mặt khác, cũng có người cho rằng không nên vì quy mô làn sóng tư bản của Nhật ở nước ngoài hiện nay mà ta quên rằng đầu tư ở nước ngoài vẫn còn là một hiện tượng tương đối mới mẻ ở Nhật Bản. Mặc dù khoản đầu tư này có khá nhiều khía cạnh đe dọa, song nó vẫn chưa vượt qua mức có thể chịu đựng được. Trong nhiều nước công nghiệp hóa hàng đầu, tổng số đầu tư của Nhật Bản còn chưa bằng tổng số đầu tư của Mỹ hoặc Anh. Để hiểu rõ hơn, chúng ta cần xem xét tình hình không phải như một hình ảnh bất động ở một thời điểm nhất định mà là như một sự diễn tiến theo thời gian.

Rõ ràng là con đường Nhật Bản đi theo có nguy cơ dẫn đến những khó khăn nghiêm trọng bởi vì mọi việc diễn ra quá nhanh. Chính vì thế như ở Anh, vào cuối năm 1987 Nhật Bản chỉ chiếm 3% tổng mức đầu tư. Từ lúc đó, hoàn cảnh đã thay đổi nhiều. Mặc dù Nhật Bản vẫn là nước đứng hàng thứ ba về đầu tư vào nước Anh sau Mỹ và Đức, song các con số lại cho thấy trong khoảng thời gian từ 1986-1988, số lượng các xí nghiệp Nhật Bản được thành lập trên đất Anh chiếm khoảng 10% trên tổng số. Đó không phải là quá mức nhưng quả cũng là nhiều. Mặt khác, ngay như nếu số lượng các xí nghiệp nước ngoài xây dựng tại Anh chỉ chiếm dưới 2% tổng số các xí nghiệp của Anh thì sản lượng của những xí nghiệp nước ngoài này lại

tăng lên đến 18,8% tổng sản lượng và sử dụng đến 14% lực lượng ăn lương đông đảo của Anh ^[57]. Trong những tỷ lệ này, phần của Nhật Bản còn thấp.

Ở Pháp, đầu tư của Nhật Bản còn ở dưới 10% so với tổng mức đầu tư nước ngoài. Song tính trên toàn châu Âu, số lượng các xí nghiệp Nhật Bản đã tăng lên đến 28,7% chỉ trong một năm với 529 xí nghiệp vào tháng 1/1990 so với 411 xí nghiệp vào một năm trước đó ^[58]. Nhật Bản đã mở 73 văn phòng khảo sát và dịch vụ về nghiên cứu phát triển. Trước mắt, sản lượng của Nhật Bản ở nước ngoài không vượt quá 5% tổng sản lượng của các xí nghiệp Nhật Bản so với 21% của Mỹ và 17% của Đức ^[59].

Một số chuyên gia Nhật cho rằng khi sản lượng này đạt mức 20% thì các xí nghiệp lớn của Nhật Bản sẽ buộc phải “xóa bỏ quốc tịch” cũng giống như trường hợp các tập đoàn công nghiệp hàng đầu của Mỹ. Họ không có chọn lựa nào khác. Một số khác tỏ ra ngờ vực và không hình dung nổi liệu giới lãnh đạo các xí nghiệp hàng đầu của Nhật Bản có chịu thực sự chuyển giao vai trò quản lý chiến lược các đơn vị “phi địa phương hóa” này cho các giám đốc không phải là người Nhật không? Việc các đơn vị “phi địa phương hóa” này có hội nhập thực sự vào những lợi ích địa phương như một công ty đa quốc gia thực thụ hay không thì đó là một vấn đề đang còn đánh cược. Đúng là các xí nghiệp Nhật Bản đang duy trì một sự độc lập ngày càng lớn và vẫn nhận được những chỉ dẫn từ ban lãnh đạo của mình ở Nhật Bản những muốn khuyến khích chúng cư xử như những “công dân tốt” tại đất khách quê người nhằm hội nhập thành công và êm thấm trong môi trường địa phương. Việc điều hành các xí nghiệp này còn có một giới hạn không thể vượt qua. Trong mọi trường hợp, trung tâm quyết định đối với tương lai của xí nghiệp vẫn là Tokyo.

Thử đơn cử trường hợp hãng Sony. Tập đoàn công nghiệp hùng hậu này có lẽ là kẻ tiên phong sáng chói của Nhật Bản trong việc “phi địa phương hóa”. Sony cho việc bổ nhiệm các giám đốc xí nghiệp địa phương không phải người Nhật là một vinh dự. Thường những người này lại được trợ giúp bởi các phó giám đốc người Nhật, vốn vẫn giữ quan hệ thường xuyên với trung tâm ở Nhật Bản. Trong các xí nghiệp “phi địa phương hóa” khác của Nhật Bản, các giám đốc nước ngoài chỉ là những người thừa hành và thậm chí không có quyền tham gia các cuộc họp của các giám đốc Nhật Bản. Và nếu như trong xí nghiệp, người Nhật có rêu rao gì về sự bình đẳng đi nữa thì rõ ràng là người Nhật với nhau vẫn “bình đẳng hơn người khác”.

Mối quan hệ của các xí nghiệp “phi địa phương hóa” này với trung tâm đầu não ở Nhật Bản khá chặt chẽ. Bằng chứng như trong chuyến thăm của một nhà báo nước ngoài tại một xí nghiệp sản xuất camera của hãng Sony ở

Alsace (Pháp) cũng đã tạo ra cả một diễn biến dây chuyền phức tạp đến mức cần phải có đại bản doanh ở Tokyo bật đèn xanh. Ban giám đốc xí nghiệp mặc dù đã tỏ ra rất lịch sự và nhiệt tình, vẫn phải điện xin phép ban lãnh đạo của Sony-France. Trung tâm này lập tức một mặt thu thập thông tin về cá nhân nhà báo, mặt khác điện về xin phép trung tâm đầu não ở Tokyo.

Hợp nhất và sở hữu: cơn bão Nhật Bản

Một thủ đoạn khác của Nhật Bản trong sử dụng đầu tư đang khiến các nhà công nghiệp phương Tây không ngừng lo sợ: các tập đoàn Nhật Bản có khuynh hướng mua cổ phần trong các xí nghiệp và công ty của nước sở tại. Phương thức này là nhân tố chủ yếu cho chiến lược mà Nhật Bản đang đeo đuổi nhằm tiến đến “quốc tế hóa” và “thế giới hóa”. Người Nhật đã âm thầm bắt đầu công việc này cách đây không lâu. Các động tác quan trọng đầu tiên đã được thực hiện vào đầu những năm 80. Sau đó, do sự cạnh tranh gay gắt ở ngay tại nước Nhật, nhịp độ này đột ngột gia tăng vào cuối thập niên 80. Giờ đây, việc săn lùng các lĩnh vực kinh doanh béo bở đã trở thành một làn sóng đổ xô đi tìm kiếm các cơ hội làm ăn. Sự lộn xộn diễn ra như chưa từng thấy. Mỗi người ở Nhật Bản đều muốn chia phần cái bánh nếu như cái bánh vẫn còn. Ai đến trước thì sẽ được nhận. Và thế là hàng trăm công ty nước ngoài, đôi khi cả những công ty nổi tiếng đã dần dần trở thành tài sản của người Nhật. Sự hợp nhất và chiếm hữu bao gồm mọi lĩnh vực của hoạt động kinh tế: công nghiệp, ngân hàng, tín dụng, dịch vụ.

Có nhiều cách hợp nhất và chiếm hữu. Cách đầu tiên là góp vốn vào một xí nghiệp. Ở đây mức góp vốn có thể là thiểu số (dưới 50%) hoặc đa số (hơn một nửa cổ phần). Trong trường hợp thứ nhất, người mua không thể có vai trò quyết định trong xí nghiệp trừ phi người này liên kết với những cổ đông khác và chiếm đa số vốn. Để tránh gây ra tâm lý lo sợ và những phản ứng tẩy chay, thì trong bước đầu, các nhà đầu tư Nhật Bản thường bằng lòng ở mức thiểu số. Trong trường hợp thứ hai, người mua hơn một nửa các cổ phần đương nhiên sẽ là người chủ mới của xí nghiệp. Các quan điểm của ông ta sẽ chi phối tại hội đồng quản trị xí nghiệp. Mặt khác, việc ra giá cũng có thể tạo một phản ứng thân thiện hay ác cảm. Trong trường hợp đầu, người mua thảo luận với người chủ xí nghiệp về giá cả, các điều kiện mua bán và về tương lai của xí nghiệp. Còn trong trường hợp thứ hai là người mua nhảy xổ vào giành giật bằng cách nâng giá để loại bỏ sự cạnh tranh. Trong thời gian đầu, người Nhật thường ít dám mạo hiểm với cách ra giá dễ gây ác cảm.

Vấn đề cần làm là lập một bản đồ chi tiết về mức góp vốn của các nhà đầu tư Nhật Bản trong nền kinh tế thế giới. Nó cho phép xác định chính xác con bạch tuộc Nhật Bản đã vươn những cái vòi của nó đến đâu. Song như ngay công việc này cũng khá phức tạp vì tình hình diễn biến nhanh chóng

khí người Nhật đầu tư ồ ạt vào khắp nơi, nhất là lại có cả những trường hợp sở hữu bí mật không ai biết. Một trong những sở hữu đầu tiên của Nhật Bản ở Mỹ là vào năm 1984. Tập đoàn công nghiệp thép NKK của Nhật Bản (một trong số 5 tập đoàn hàng đầu thế giới) đã mua lại 50% tập đoàn luyện kim National Steel Corps của Mỹ do đang bị tổn thất nặng nề vào thời điểm ấy. Vụ chuyển nhượng trị giá 292 triệu đô la (1,460 tỷ franc). Người ta cho rằng người Nhật đã mua quá đắt. Nhưng từ ngày đó, National Steel Corps đạt được những món lợi nhuận kỷ lục nhờ việc giao thép cho các xí nghiệp xe hơi của Nhật Bản ở Mỹ. Cuộc làm ăn của NKK đã mở đường cho vài tập đoàn khác noi theo.

Xem ra người Nhật không biết giữ kín đáo. Nhiều vụ mua bán sở hữu khác đã gây phản ứng sâu rộng hoặc tai tiếng rùm beng. Người ta không quên vụ Sony mua lại hãng phim Columbia, không đầy hai năm sau vụ mua lại hãng đĩa CBS/Records của Mỹ, Akio Morita, ông chủ đầy hấp dẫn có mái tóc bạc trắng của hãng Sony đã cả gan chiếm lĩnh một phần Hollywood, vốn biểu tượng cho giấc mơ Mỹ. Vụ mua bán này đã gây ra một làn sóng phản nộ trong dư luận ở Mỹ.

Người Nhật không hề hài lòng về điều ấy bởi vì ngày 30/12/1990, trong khi “các con rùa Ninja” tràn ngập trên màn ảnh, các phòng chiếu phim ở Mỹ và châu Âu, thì hãng điện tử khổng lồ Matsushita đã bình thản mua lại hãng MCA, một tập đoàn sản xuất khác của Hollywood với cái giá kênh kiệu: 6,6 tỷ đô la. Vào thời điểm ấy, đó là một sở hữu lớn nhất mà trước đó chưa hề một hãng Nhật nào ở Mỹ thực hiện được. Cùng lúc, Matsushita cũng nắm độc quyền kinh doanh công viên quốc gia Yosemite thuộc California, chi nhánh của MCA và là một trong số những công viên nổi tiếng nhất của Mỹ. Cuộc tranh cãi lại bùng lên vào ngày 1/1/1991 khi Bộ trưởng Nội vụ Mỹ Manuel Lujan tuyên bố ông ta “có cảm giác là người Nhật đã mua cả nước Mỹ”. Đố ai biết nổi cuộc đổ bộ ồ ạt vào Hollywood của Nhật dừng lại ở đâu ?

Cho đến nay chưa có những thống kê chính thức và đầy đủ về những sở hữu của Nhật Bản ở nước ngoài. Những gì đã được công bố chỉ cho thấy một hình ảnh không đầy đủ về thực tế. Theo phân tích của một hãng môi giới của Nhật Bản là công ty buôn bán chứng khoán Yamachi thì số lượng các xí nghiệp được mua lại đã tăng gấp 5 lần trong bốn năm, từ 44 cơ sở năm 1984 tăng lên 284 cơ sở năm 1987. Năm 1988, con số này đã lên đến 299. Theo nhật báo kinh tế Nikou Keizai Shimbun, những con số này còn thua xa với thực tế: Các hãng Nhật đã mua lại 315 xí nghiệp nước ngoài chỉ nội trong năm 1988 với số tiền lên đến 1.938 tỷ yên (68, 4 tỷ franc) so với con số 288 mua lại năm 1987 với một số tiền chưa đến một nửa [\[60\]](#).

Theo công ty buôn bán chứng khoán Yamachi việc tìm cách hợp nhất và sở hữu các xí nghiệp nước ngoài M&A (Mergers and Acquisitions) vẫn tiếp tục phát triển mạnh trong năm 1989 và 1990. Năm 1989, Nhật Bản đã mua lại 405 xí nghiệp nước ngoài. Cùng thời gian, các nước ngoài chỉ mua lại của Nhật Bản 15 xí nghiệp. Trong quý I/1990, Nhật Bản cũng đã mua lại 226 xí nghiệp nước ngoài trong khi các nước ngoài chỉ mua lại của Nhật Bản có 8 xí nghiệp. Hơn nữa, tỷ lệ góp vốn của phía các hãng Nhật theo cách đa số cũng tăng mạnh. Trong quý I/1990, tỷ lệ này là 51% so với 42% của cả năm 1989.

Đầu tiên là nước Mỹ

Nước Mỹ là mục tiêu đầu tiên của người Nhật: 33 xí nghiệp của Mỹ đã thuộc sở hữu của các hãng Nhật trong năm 1984, 55 vào năm 1985, 126 vào năm 1986, 120 vào năm 1987, 132 vào năm 1988, 174 vào năm 1989 và 179 vào năm 1990. Năm 1990, lần đầu tiên vượt qua mặt Anh, Nhật Bản đã giành vị trí dẫn đầu thế giới trong việc mua lại các xí nghiệp của Mỹ. Tại châu Âu, Nhật Bản mua lại 12 xí nghiệp vào năm 1985 và 32 vào năm 1986. Năm 1988, các vụ mua bán xí nghiệp giữa Nhật Bản và châu Âu đã đạt đến con số kỷ lục là 5,8 tỷ đô la (29 tỷ franc). Năm 1989, con số này là 7 tỷ đô la (35 tỷ franc). Trong số 128 vụ mua bán thì 119 vụ là Nhật mua lại của châu Âu và chỉ có 9 vụ là châu Âu mua lại của Nhật ^[61]. Tại châu Âu, nước Anh là mục tiêu ưu tiên của các hãng Nhật với 47 vụ mua bán được tiến hành trong năm 1989, kể đến là Pháp (20), Đức (18), Tây Ban Nha (12) và Ý (5). Các mục tiêu chủ yếu là các cơ sở tài chính (18 vụ mua bán năm 1989), các khu vực giải trí và các ngành công nghiệp tiêu dùng (17), xe hơi (13) và điện tử (11).

Kế đến là Pháp

Tại Pháp cũng đã diễn ra một vài vụ mua bán rừng beng. Vào tháng 11/1989, công ty bảo hiểm Nhật Bản (Nippon Life Insurance Co.), một công ty hàng đầu trong lĩnh vực bảo hiểm đã sở hữu 1/3 (32,71%) trung tâm thương mại nổi tiếng nhất của Paris nằm ở quận Một là Forum des Halles. Bên chuyển nhượng là Crédit Lyonnais đã bỏ túi 500 triệu franc khi bán 18.000 m² trong số 55.000 m² mặt bằng, nghĩa là với 28.000 franc/m². Nippon Life sẽ nhận được 1/3 tiền cho thuê (nghĩa là hơn 40 triệu franc trên tỷ số 123 triệu vào năm 1988). Trung tâm thương mại này, mở cửa năm 1979, có 200 gian hàng, cửa hàng cùng nhà hàng và phòng chiếu phim. Forum des Halles là một trong những trung tâm thương mại sinh lợi lớn nhất của Pháp với doanh số bình quân 43.000 franc/m² sử dụng vào năm 1988 so với doanh số bình quân cả nước và 25.000 franc.

Theo một nguồn tin nhấn mạnh, ngay khi vụ mua bán kết thúc, tổng thống Francois Mitterrand đã bí mật có mặt tại chỗ để tự kiểm chứng chính uviensach.vn

xác cái gì đã rơi vào tay người Nhật. Song vụ mua bán này chỉ là một giọt nước trong cái đại dương các vụ chuyển nhượng hồi hải. Các hãng Nhật đã xâm nhập vô số các lĩnh vực khác nhau của đời sống kinh tế Pháp. Các hãng này chiếm phần mỗi nơi một ít ở khắp các xí nghiệp của Pháp, trong khi hiếm thấy điều ngược lại. Bởi vậy, Nippon Life Insurance Co. đã có 3% cổ phần trong công ty xây dựng khổng lồ của Pháp là Bouygues và 5% trong câu lạc bộ Địa Trung Hải. Những ví dụ tương tự có thể kể đến vô tận bởi vì nguồn đầu tư của Nhật Bản đã luồn sâu vào bên trong của nền công nghiệp Pháp.

Đức và Nhật Bản: cuộc trả thù của những kẻ bại trận

Người Đức không sợ người Nhật. Nước Đức thống nhất và nước Nhật đều có điểm chung là hai nước bại trận của năm 1945 và đều là hai nước thắng trận của những năm 80. Và có lẽ ít có nước nào trên thế giới như nước Đức lại không hề bận tâm quá đáng đến sự thâm thủng mậu dịch của mình với Nhật Bản. Trao đổi mậu dịch Đức-Nhật đã đạt mức 23,9 tỷ đô la (119,5 tỷ franc) vào năm 1989. CHLB Đức là bạn hàng chủ yếu của Nhật Bản ở châu Âu và Nhật Bản là đầu cầu đầu tiên của Đức ở châu Á. Vì vậy, mức thâm thủng mậu dịch của Đức từ nhiều năm qua giữ ở mức 15 tỷ mark (49,5 tỷ franc). Con số này chỉ là một món nợ nhỏ nhoi đối với một đất nước mà vào năm 1989 đã thực hiện được mức thặng dư mậu dịch lên đến 150 tỷ mark (495 tỷ franc).

Mặc dù nền công nghiệp của mình trong nhiều lĩnh vực thuộc vào hàng hiện đại nhất trên thị trường thế giới, nước Đức vẫn bị Nhật Bản nhòm ngó. Các nhà đầu tư không hề do dự tấn công vào những hãng nổi tiếng nhất. Đôi khi họ thành công. Chẳng hạn như vào mùa hè 1990, tập đoàn điện tử TDK loan báo đã ký một thỏa thuận với hãng Robert Bosch. Cũng vào tháng ba năm này, hãng Mitsubishi đã đạt được thỏa thuận sơ bộ với hãng Daimler Ben về toàn bộ các hoạt động của họ trừ việc sản xuất vũ khí. Nếu những thương lượng này thành công, giới sản xuất xe hơi châu Âu sẽ không khỏi bị đe dọa. Song cũng đôi khi, người Nhật lại chẳng được xơ múi gì như trong việc tìm cách mua lại hãng sản xuất dụng cụ thể thao Adidas mà cuối cùng một nhà kinh doanh người Pháp là Bernard Tapie đã mua được: Người Nhật đã trả gấp đôi giá mà ông ta đã đưa ra, song những người thừa kế của tập đoàn này đã lịch sự từ chối mọi đề nghị của người Nhật và thích bán cho một nhà công nghiệp ít giàu hơn nhưng là người châu Âu và có quyết tâm giữ gìn cái bản sắc của hãng. Đừng tưởng là người Nhật vắng mặt trong cuộc chơi này bởi vì nhiều ngân hàng Nhật đã dự phần vào cuộc đấu giá của Bernard Tapie. Không có những ngân hàng này, có lẽ ông ta sẽ không đủ tiền để tiến hành vụ mua bán đó một cách trót lọt.

Để đo lường lợi ích của người Nhật ở Đức, cần biết rằng cộng đồng người Nhật quan trọng nhất ở lục địa châu Âu nằm ở Dusseldorf, thủ đô của uviensach.vn

Rhénanie-Westphalie và là thủ phủ công nghiệp. 6.300 người Nhật đang có mặt ở đây. Họ làm việc trong 325 xí nghiệp Nhật Bản, tạo thành một cộng đồng đô thị của thành phố này. Dusseldorf còn có một trường học của Nhật Bản tiếp nhận gần một ngàn học sinh Nhật từ 6-15 tuổi.

Bất động sản “de luxe”

Bất động sản cao cấp ở những thủ đô trên thế giới đã trở thành đối tượng ham muốn của người Nhật. Ai mua ? Đó trước hết là những công ty bảo hiểm vốn không biết đầu tư vào đâu và bằng cách nào bởi quá giàu. Người Nhật lần lượt mua hết New York đến Luân Đôn, Paris, Hồng Kông. Thật ra, họ mới chỉ sở hữu 2% các bất động sản thương mại của Mỹ và nếu xét về số lượng thì còn đứng sau các nhà đầu tư châu Âu. Song cần nhớ rằng tình hình đó không hề dậm chân tại chỗ mà cần phải thấy rõ động lực của tiến trình trên.

Theo những thống kê chưa đầy đủ, các hãng Nhật đã bỏ ra 2.587 tỷ yên (93,5 tỷ franc) trong ba năm (1986-1988) để mua lại các bất động sản ở nước ngoài. Một nửa các vụ mua bán chuyển nhượng này được tiến hành ở Mỹ (51,3%), gần $\frac{1}{4}$ ở Úc (22,4%) và ở châu Âu (19,5%), châu Á 6,5% ^[62]. Các con số này không hề tính đến những vụ mua bán bất động sản nhờ việc hợp nhất về sở hữu do các ngân hàng Nhật và các tổ chức tài chính khác tiến hành. Nếu tính tất cả thì tổng vốn đầu tư của Nhật Bản sẽ lên đến 10.000 tỷ yên, tức hơn 65 tỷ đô la (325 tỷ franc) trong thời gian ba năm này. Tốc độ của các vụ mua bán này xem ra không giảm dần mà trái lại còn đang tăng nhanh. Chỉ trong năm ngân sách 1989, các ước tính của Bộ Tài chính Nhật đã lên đến con số trên 10 tỷ đô la (50 tỷ franc). Theo Hajime Tsuboi, chủ tịch Mitsui Real Estate Development – một trong những hãng bất động sản hàng đầu của Nhật Bản – sự bùng nổ của các vụ mua bán bất động sản của Nhật Bản ở nước ngoài chưa thấy có dấu hiệu sẵn sàng giảm bớt. Thật thế, những gì mà Nhật Bản mua lại của Mỹ chỉ trong vài năm đã nhiều hơn cả những gì nước Anh mua lại của Mỹ trong một thế kỷ ^[63].

Tại Mỹ, vào cuối năm 1989, Nhật Bản đã sở hữu một số bất động sản ước trị giá 57,65 tỷ đô la (288,25 tỷ franc). Một năm trước đó, toàn bộ sở hữu của Nhật ở nước này chỉ lên đến 42,88 tỷ đô la (214,4 tỷ franc). Các nhà đầu tư Nhật đã đạt đến cao điểm trong việc mua lại các bất động sản của Mỹ là vào năm 1988 với 16,54 tỷ đô la (82,7 tỷ franc). Năm 1989, tốc độ này có phần nào giảm bớt, mặc dù vào cuối tháng 10, đã làm rùng beng trong vụ mua lại một phần Trung tâm Rockefeller ở New York. Với cái giá 846 triệu đô la (4,230 tỷ franc), một biểu tượng khác của Mỹ cũng đã thuộc về người Nhật. Chỉ một tháng sau vụ mua hãng phim Columbia, công ty bất động sản Mitsubishi đã lại mua trung tâm Rockefeller, trụ sở hãng

truyền hình NBC, nơi mà vào mỗi mùa giáng sinh, người dân Mỹ đều đến đây để nhìn ngắm ánh đèn lung linh của cây thông đẹp nhất toàn nước Mỹ.

Ông chủ mới Nhật Bản đã hoài công hứa hẹn là sẽ không đụng chạm gì đến diện mạo của tòa nhà. Sự lằng nhục này đã quá đủ để lay chuyển ý thức của những người Mỹ bình thản nhất về những trò ngông cuồng của người Nhật. James P. Shenton, giáo sư sử học thuộc đại học Columbia tuyên bố: “Nếu như nước Nhật thắng trận và muốn kéo cờ của xứ sở Mặt trời mọc thì có nơi nào vinh dự hơn là trung tâm Rockefeller ?” [\[64\]](#). Tháng 11, lại đến lượt khách sạn cao nhất của Manhattan là Royal Concordia, 54 tầng rơi vào tay người Nhật. Vụ mua bán này giá 230 triệu đô la (1,15 tỷ franc) do công ty Royal Hotel tiến hành.

Bị báo chí Mỹ lên án là muốn mua cả nước Mỹ, các nhà đầu tư Nhật hẳn đã được Bộ Tài chính Nhật ở Tokyo lưu ý: đừng mua những tòa nhà quá lộ liễu, hãy lưu tâm đến những điều tế nhị tại địa phương, hãy tránh những vụ mua bán có tính chất khiêu khích. Các hãng Nhật tự coi việc tuân thủ các mệnh lệnh này của chính phủ như một trách nhiệm đạo đức. Các vụ xì căng đan về đạo đức và tham nhũng từng làm rung chuyển chính phủ Nhật và làm đổ nhào nhiều thủ tướng, đã đặt ra một giới hạn kỷ luật cho các hãng Nhật. Tuy vậy, đa số các hãng vẫn tìm cách đa dạng hóa các vụ mua bán và cố tránh những vụ mua bán quá lộ liễu. Giờ đây mục tiêu là các thành phố trung bình, những điểm nghỉ mát, những trang trại lớn, những cơ sở trượt tuyết. Nhưng trong năm 1989, 82% đầu tư của Nhật Bản vào lĩnh vực bất động sản được tiến hành ở New York, California và Hawai [\[65\]](#).

Hơn bất cứ ở nơi nào trên đất Mỹ, đảo Hawai đã hoặc đang trở thành một thuộc địa của Nhật Bản. Một điều tương tự cũng đang diễn ra với đảo Guam, nằm giữa Thái Bình Dương. Hai nhà báo Margaret Shapiro và Fred Hiatt, chuyên về Nhật Bản đã viết [\[66\]](#):

“Chỉ có bầu trời ở bên trên vùng san hô vốn tạo thành bán đảo nhiệt đới này là còn thuộc về nước Mỹ. Các pháo đài bay B-52 quây quần trên các bãi biển và các trục thẳng Chinook gào thét dọc theo Vịnh Tumon. Những gì còn lại thì đều đã thuộc về nước Nhật: khách sạn, quán bar karaoke, du khách và xe cộ”.

Đảo Guam là một biểu tượng, bởi lẽ năm 1944, nó là mảnh đất đầu tiên mà quân đội Mỹ giành lại được từ tay người Nhật. Các dự án của Nhật Bản trong những năm sắp tới lên đến 3 tỷ đô la (15 tỷ franc). Số tiền này sẽ được đầu tư xây dựng các khách sạn mới, sân golf, sân vận động và các nhà nghỉ hạng sang dành cho các khách du lịch xộp đến đây “đốt” tiền của họ. Quả thật, cũng như ở bất cứ nơi nào khác, tiền bạc chẳng phải là cái để một

vài người Nhật giàu có hăm hình vung tay tiêu phí. Nó được đầu tư vào mục đích tiền lại để ra tiền và để ra nhiều hơn nữa.

Tính chung toàn cầu, các nhà đầu tư hàng đầu của Nhật Bản đều cho rằng sở hữu của nước Nhật tại Mỹ hiện đã đủ và họ đang chuyển hướng cơ hội của mình vào Tây Âu, Úc và Tân Tây Lan. Tuy rằng cũng còn nhiều vụ mua bán phải dứt điểm, bởi vì các vụ mua bán dự định cho năm 1990 tăng từ 13 đến 19 tỷ đô la (từ 65 lên 80 tỷ franc).

Còn tại châu Âu thì sao ?

“Hãng Akira Yamamoto mua bằng tiền mặt tại Paris các loại bất động sản trung bình và lớn cũng như đất đai thuộc mọi loại sở hữu, thanh toán dứt một lần hoặc trả cho hết trọn đời. Để trống hoặc có người ở. Thủ tục mua bán nhanh, bảo đảm “giữ kín”.

Trên đây là một quảng cáo xuất hiện nhiều cột trên mục mua bán bất động sản của nhật báo Le Monde vào ngày 30/9/1989. Cũng có thể nó xuất hiện vào bất kể một ngày nào đó, bởi những thứ rao vặt như thế nào có gì đặc biệt. Tôi nhớ vào một ngày tháng 8/1990, khi tôi đến tòa soạn báo Le Figaro, trên phố Louvre, ở quận Một (một trong những khu được các nhà đầu tư rất ưa thích khi muốn tìm kiếm những văn phòng làm việc hạng sang) và ở ngay giữa thủ đô. Khi tôi dừng xe mô tô ngay trước cổng ra vào thì một người Nhật đứng tuổi gần như “chôn chân” ở đó với một chiếc máy ảnh tự động và đang say sưa bấm lia lịa các kiểu ảnh khác nhau về tòa nhà. Khi tôi trở ra, 20 phút sau đó, tôi lại nhìn thấy ông ta ở một đoạn đường khác, đang tiếp tục chụp ảnh các tòa nhà hai bên đường. Ông khách Nhật này chắc không phải đi du lịch. Đó là một tay săn chuyên nghiệp trong lĩnh vực bất động sản đang kiên trì lập vùng đất săn mới.

Lần lượt các tòa nhà lịch sử của Paris và của nhiều thành phố khác của châu Âu đã được người Nhật mua lại. Cũng giống như ở Mỹ, xét về số lượng tuyệt đối, người Nhật xem ra chưa nắm được một tỷ lệ có ý nghĩa quyết định trong lĩnh vực bất động sản. Họ còn quá mới mẻ trong cuộc chạy đua này, song quan trọng là họ đã xuất phát. Cần phải theo dõi xem họ sẽ làm gì về lâu về dài. Tại Luân Đôn, trong chưa đầy ba năm, họ đã mua lại các văn phòng làm việc với số tiền trị giá hơn 6 tỷ đô la (30 tỷ franc). Tại Paris, các vụ mua bán có ít hơn. Song thị trường này hiện gần như còn trinh nguyên, đang thu hút đông đảo người mua. Người Nhật đặc biệt thèm muốn cái “tam giác vàng”, nghĩa là khu vực bao gồm giữa Champs-Élysées, đại lộ Montaigne và đại lộ George-V. Họ đã đứng chân vững chắc ở khu Nhà hát và Tòa nhà chứng khoán. Tại Paris và trong vùng parisienne, ngoài vụ mua lại Forum des Halles, người Nhật cũng đã mua lại một mặt bằng rộng trên 230.000 m² với giá hơn 10 tỷ franc. Chỉ riêng năm 1989, họ đã hoàn lại

được ít nhất 5 tỷ franc. Trong năm này, chỉ riêng số vốn đầu tư của Nhật Bản đã chiếm khoảng một nửa vốn đầu tư nước ngoài tại Pháp.

Ngoài 1/3 Forum des Halles, cũng cần phải kể đến tòa nhà Shell trên đường Berri (do công ty mua bán bất động sản Kowa mua lại với giá 4,4 tỷ franc), và mặt tiền của nhà ga Montparnasse đang được hiện đại hóa (cũng do Kowa mua lại với giá 3 tỷ franc). Cột tháp trên mặt tiền nhà ga cũng đang được xây dựng với một diện tích 72.000 m² dành thiết kế các văn phòng và gian hàng. Cũng còn phải kể đến vụ mua lại tòa nhà Trois Quartiers của Bouygues vào năm 1988 với giá 1,9 tỷ franc (người mua là công ty bảo hiểm Meiji). Một phần đáng kể của Champs-Élysées đang có khả năng trở thành sở hữu của nước Nhật. Tòa nhà cổ kính thuộc sở hữu của Marcel Dassault và là trụ sở của Jours de France đã rơi vào tay Masahiko Sawada, tổng giám đốc hãng Urban, người sáng lập các phòng trưng bày nghệ thuật ở Tokyo, Nagoya, New York và Paris. Tòa nhà này cần được cải tạo lại để từ năm 1991, tiếp nhận câu lạc bộ thể thao Urban (Urban Sporting Club). Ai muốn vào chốn này sẽ phải trả lời đúng mật hiệu quy định bởi lẽ nơi đây rồi sẽ chỉ tiếp đón những khách quý và bạn bè của nhà nghệ thuật nghiệp dư giàu có người Nhật. Một người Nhật khác cũng đã mua lại khách sạn Trianon Palace ở Versailles, nơi đã diễn ra cuộc đàm phán về hiệp định chấm dứt cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Người Nhật cũng xây dựng nhiều công trình mới ở Paris. Chẳng hạn như Japan Tower đã tổ chức lễ đặt viên đá xây dựng đầu tiên vào tháng 9/1990 ở gần Grande Arche, trong khu tương lai xây dựng La Défense. Dự án này, trên thực tế, là một công trình cải tạo mới thủ đô. Trước đây chưa hề xảy ra việc một công ty thương mại hàng đầu của Nhật Bản như công ty Mitsubishi (doanh số hàng năm là 600 tỷ franc) lại liên kết với một bạn hàng Pháp là Sari – một chi nhánh của tổng công ty thủy cục để cùng thực hiện một dự án có tầm vóc như thế (50.000 m²). Phần đóng góp của Nhật Bản trong công trình tầm cỡ này khá đáng kể: Japan Tower là đồ án của kiến trúc sư nổi tiếng người Nhật Kisho Kurokawa. Theo như cái nhìn của giới chức trách Nhật Bản, nó phải là phần nổi dài trục lịch sử của thủ đô Paris: Louvre-Concorde-Étoile-Défense. Công trình này dự định hoàn thành vào năm 1992, sẽ là tủ kiếng trưng bày nền công nghệ và sức mạnh kinh tế của Nhật Bản ở Paris. Nó sẽ bao gồm trung tâm thông tin kinh tế của Nhật Bản, một phòng trưng bày, một giảng đường và 41.000 m² mặt bằng dùng làm văn phòng để cho các công ty châu Âu và Nhật thuê lại. Tầng cuối cùng, biểu tượng cho sự hòa hợp giữa truyền thống và hiện đại của nước Nhật đương đại sẽ là gian hàng dành cho nghệ thuật trà đạo cùng các nhà hàng nấu ăn theo kiểu Nhật, toàn bộ sẽ nhìn ra một mảnh vườn cũng theo phong cách Nhật. Chi phí dự toán cho công trình là 1,5 tỷ franc.

Các lâu đài, khách sạn và các tư dinh đầy đủ tiện nghi đang làm người Nhật mê mẩn. Họ mua lại chúng ở khắp nơi trên thế giới. Tại Pháp, hàng chục lâu đài và các tòa nhà cổ xưa đã trở thành sở hữu của Nhật Bản. Họ sẵn sàng mua giá cao. Song trong nhiều trường hợp, họ thường mua với cái giá rẻ mạt bởi điều quan trọng đối với chủ sở hữu người Pháp là làm thế nào việc chuyển nhượng diễn ra nhanh gọn, kín đáo và trả bằng tiền mặt. Thậm chí, các hãng truyền hình Nhật Bản tổ chức cả những cuộc bán đấu giá lâu đài Pháp trực tiếp trên màn ảnh nhỏ khi không phải là những bất động sản bán được, các lâu đài được đem cho thuê. Chính vì vậy, lâu đài Breteuil ở Ile-de-Franc thường được sử dụng để tổ chức lễ cưới cho các đôi vợ chồng Nhật. Cựu Bộ trưởng Du lịch Pháp, Olivier Stirn- người đã bị bãi nhiệm năm 1990 đã ra sức ủng hộ sự hiện diện của các nhà đầu tư Nhật. Ngày 16/4/1990, khi đến Tokyo, ông ta đã đề nghị giao hẳn một hòn đảo ở Polynésie thuộc Pháp cho các nhà đầu tư Nhật để xây dựng thành một khu du lịch. Ông ta khẳng định rằng nước Pháp “chỉ có được cả” khi quan hệ chặt chẽ với Nhật Bản và ông ta tự nhận mình là “trạng sư cho định hướng này trong nội bộ chính phủ Pháp”. Olivier Stirn cho rằng “để cho người Nhật cảm thấy thoải mái khi đặt chân đến nước Pháp, thì cần phải biến khung cảnh nước Pháp theo khẩu vị của người Nhật”. Đúng là khách du lịch Nhật Bản đang là một nguồn thu quan trọng cho nước Pháp. Năm 1989, có 770.000 du khách Nhật đến Pháp, và năm 1990 có gần một triệu: một kỷ lục ở châu Âu.

Tại Đức, các vùng đất bên bờ sông Rhin thơ mộng hôm nay cũng đã có sức thu hút đặc biệt đối với các nhà kinh doanh Nhật. Cuối tháng 12/1989, họ đã mua lại khách sạn đẹp nhất của nước Đức, Vier Jahreszeiten (Bốn mùa) ở Hambourg. Các nhà doanh nghiệp Đức cũng tham gia cuộc đấu giá. Song họ chỉ đưa ra một cái giá bằng nửa của người Nhật. Và nước Nhật đã mua được với giá 210 triệu Mark (693 triệu franc). Tòa lâu đài nổi tiếng Katz ở Lorelei, không lâu nữa cũng sẽ biến thành nhà hàng – khách sạn hạng sang. Tòa lâu đài Gymnich, gần Bonn cũng có số phận tương tự. Giá của hai vụ chuyển nhượng sở hữu này là 100 triệu Mark (330 triệu franc).

Tại châu Âu, các vụ mua bán bất động sản của người Nhật vượt khỏi khuôn khổ các nước Anh, Pháp và Đức. Hãng hàng không Nhật Bản ANA (All Nippon Airways) trở thành hãng hàng không Nhật Bản đầu tiên trước cả hãng hàng không Japan Airlines đã hợp đồng thành lập một công ty hỗn hợp vào tháng 3/1990 với sự tham gia của bốn ngân hàng Thụy Sĩ nhằm tái thiết đại khách sạn tại Viene, một khách sạn lịch sử được xây dựng vào năm 1918. Chính phủ Áo đã biến khách sạn này trở thành một khách sạn hạng sang theo phong cách Viene vào đầu thế kỷ. Đó là cơ sở đầu tiên do một hãng Nhật Bản ở Áo điều hành. ANA đầu tư 75% vốn trong công ty mới này. Vào tháng 3/1990, hãng hàng không Thụy Sĩ (Swissair) đã suýt nữa phải chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của mình trong tập đoàn khách sạn uviensach.vn

Swissotel cho một nhà kinh doanh Nhật Aoki-Westin. Cùng lúc, 17 cơ sở hạng sang ở châu Âu, Mỹ và châu Á đều rơi vào tay kiểm soát của người Nhật. Aoki và Chi nhánh khách sạn và nghỉ mát Westin của ông ta đã nắm giữ 76 khách sạn lớn ở 11 nước. Cuối cùng, vào tháng 9/1990, Swissair lại đưa ra đề nghị chuyển nhượng “vì tình hình bất ổn gần đây trên thị trường tài chính thế giới”.

Tại Úc và Tân Tây Lan, các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản cũng diễn ra rất lộ liễu. Điều này cho thấy sự mở rộng đáng kể của Nhật Bản ở Thái Bình Dương. Song cũng tại nơi này, Nhật Bản đang gây phiền hà và bức bối. Tại Úc, hoạt động kinh doanh của Nhật Bản là gây sóng gió nhất. Nhật Bản đang mua lại các khách sạn và các khu nhà liên hoàn, đặc biệt là ở bang Queensland, trên bờ biển Golden Coast. Vào tháng 10/1989, người Nhật nắm giữ không dưới 60% số phòng của bảy khách sạn sang trọng nhất tại các thiên đường du lịch của Nam bán cầu. Vào một ngày tháng 1/1989, tại thành phố Cairns đã xảy ra một vụ tai tiếng ầm ĩ khi những người dân ở đây sững sờ nghe tin vụ bán một khu đất rộng cho người Nhật xây dựng một dự án hoàn toàn hoang tưởng: khu an dưỡng hạng sang dành cho 19.000 người Nhật hưu trí. Ở đây mọi sự đều đã được dự kiến để đảm bảo cho họ một cuộc sống hạnh phúc vào cuối đời: các trung tâm thương mại, phòng xem phim, nhà hàng...

Khu an dưỡng này không hề do một đầu óc điên loạn nào ở Nhật Bản đề xuất. Nó là một phần của một dự án rộng lớn hơn gọi là Silver Columbia, do MITI trình bày trước dân chúng Nhật vào tháng 7/1986. Nước Nhật đã trở nên quá chật hẹp và đắt đỏ đối với người già, nên cần tìm cách đưa họ ra nước ngoài để an dưỡng những ngày cuối cùng trong cuộc đời. Kitahata Takao, giám đốc phòng công nghiệp dịch vụ của MITI còn nhấn mạnh dự án này được hình thành là “để giúp cho người Nhật được hưởng một cuộc đời hưu trí bình yên tại nước ngoài”. Trên thực tế, dự án Silver Columbia sẽ cho phép chính phủ Nhật có được những khoản tiết kiệm khổng lồ - thậm chí rất quan trọng – trong những năm tới do xu hướng lão hóa đang tăng lên nhanh chóng trong dân số Nhật. Nhiều đô thị khác có khu an dưỡng cho người già của Nhật cũng được nói đến ở Tân Tây Lan, Philippines, Canada, Mỹ, Costa Rica, Mêhico, Tây Ban Nha và Hi Lạp.

Song, trước những phản ứng đầy phẫn nộ đối với dự án này ở nước ngoài, chính phủ Nhật đã phải hoãn lại, thậm chí có thể sẽ phải hủy bỏ dự án đầy tham vọng của họ cũng như dự án về “thành phố tương lai” cho 200.000 dân mà Nhật mơ ước xây dựng dọc bờ biển Gold Coast. Phản ứng của dân chúng địa phương về cái đô thị được gọi là Multi-Function Polis (đô thị đa năng) đã dâng lên mạnh mẽ đến nỗi người Nhật buộc lòng phải quay sang một khu vực khác ít bị dư luận lên án hơn là Adélaide ở phía nam nước Úc. Dự án này vẫn chưa hết gặp khó khăn. Ngày 22/10/1990, một

đám người giận dữ đã tràn vào cuộc họp của khoảng 300 người Nhật và Úc ở Adélaide, để phản đối “khu vực da beo này của người nước ngoài” và họ tuyên bố trong một kiến nghị rằng: “cũng giống như phần đông người Nhật, đa số người Úc muốn làm chủ tương lai của mình và không muốn lệ thuộc vào các công ty đa quốc gia”.

Tại Tân Tây Lan, người Nhật đã đầu tư hơn 94 triệu đô la (470 triệu franc) trong sáu tháng đầu năm 1990 chủ yếu vào lĩnh vực du lịch ^[67]. Các nhà đầu tư Nhật đã kiếm chác được khá. Vào tháng 11/1989, công ty EIE của Nhật Bản (EIE corporation) đã mua lại được Trung tâm tài chánh Auckland và Landmark House trong cùng một thành phố, vốn là hai cao ốc lớn do Chase New Zealand bán lại với giá 160 đô la NZ (472 triệu franc). Tháng 4/1990, Nhật Bản lại mua toàn bộ công ty khách sạn du lịch của Tân Tây Lan. Ở Úc, chỉ riêng tập đoàn Daikyo (Nhật Bản) đã đầu tư đến 800 triệu đô la Úc (3,187 tỷ franc) trong nhiều dự án bất động sản. Tập đoàn này thuê đảo Green Island ở ngoài khơi khu tắm biển Cairns và mua lại khách sạn Bốn Mùa của thành phố này. Không nên quên rằng người Úc, người Tân Tây Lan cũng như người Pháp, người Anh đã xô lấn lên nhau để bán cho người Nhật. Hiderio Kikuchi, giám đốc ngân hàng Tokyo ở Sydney đã tuyên bố: “Các cơ quan bất động sản Úc thường xuyên mời gọi chúng tôi đến với họ” ^[68].

Nói chung, trừ phi xảy ra một cuộc khủng hoảng thế giới nghiêm trọng, còn không thì các vụ mua bán bất động sản của Nhật Bản trên thế giới chưa sẵn sàng giảm bớt. Vào tháng 2/1990, 3 công ty bảo hiểm hàng đầu của Nhật Bản là Meiji Mutual Life Insurance Co. (đứng hàng thứ tư ở Nhật Bản), Dai-ichi Mutual Life Insurance Co. (đứng hàng thứ năm) đã thông báo ý định muốn sát nhập với các công ty nước ngoài để đầu tư vào lĩnh vực bất động sản trong các thành phố lớn như Francfort, Paris, Sydney. Theo các báo kinh tế của Nhật Bản, đầu tư sẽ lên đến hai tỷ đô la (10 tỷ franc) để mua lại các bất động sản đã được dự tính thông qua một nhân viên bảo hiểm Mỹ và một công ty tư vấn của Anh.

Người Nhật nhòm ngó các ngân hàng nước ngoài

Tài chính là ưu tiên hàng đầu của các nhà đầu tư Nhật. Trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng lại là địa bàn chiến lược. Chính vì thế, từ lâu các nhà đầu tư Nhật đã rất quan tâm đến các ngân hàng nước ngoài. Trước hết là các ngân hàng ở Califonia. Khu vực phía tây nước Mỹ, do gần gũi về mặt địa lý, đã thu hút trước tiên nguồn tư bản của những tổ chức tài chính hàng đầu của Nhật Bản. Kết quả đã vượt quá những gì mà sức tưởng tượng phong phú có thể hình dung nổi. Trong một vài năm, người Nhật đã kiểm soát hơn ¼ các ngân hàng ở California. Chính vì vậy, vào cuối năm 1989, các chi nhánh của các ngân hàng hàng đầu Nhật Bản tại California đã nắm giữ một

số vốn trị giá 93,4 tỷ đô la (467 tỷ franc), nghĩa là 25,2% số vốn của các ngân hàng của bang California. Tỷ lệ này chỉ chiếm 10,7% vào năm 1983. Chẳng cần phải có phép lạ nào để thâm nhập vào California cả bởi lẽ khối lượng các trao đổi mậu dịch qua Thái Bình Dương thuộc hàng lớn nhất thế giới. 41,1 tỷ đô la (205,5 tỷ franc) hàng hóa đã ghé qua California và Nhật Bản vào năm 1987.

Kết quả: ngoại trừ một ngân hàng, còn toàn bộ vốn ngân hàng nước ngoài khác ở California đều phải nhường chỗ cho người Nhật. Trong số 8 ngân hàng hàng đầu ở California, thì 4 là của Nhật Bản. Với hơn 400 cơ sở, mạng lưới ngân hàng của Nhật Bản ở California ngày nay không chỉ đơn thuần là một sức mạnh tài chính vô danh và trung tính nữa mà đó là cả một lực lượng cầm chốt ban đầu phục vụ cho tiềm năng công nghiệp khổng lồ của Nhật Bản trên đất Mỹ.

Từ bàn đạp California, các ngân hàng Nhật Bản đã tiến vào đứng chân ở những phần đất còn lại của nước Mỹ. Nguồn vốn của họ vượt quá mức 100 tỷ đô la (500 tỷ franc). Các cơ sở tài chính nổi tiếng nhất đều khuất phục trước các “nữ thần quyền rũ” của Nhật Bản. Vào tháng 1/1990, công ty bảo hiểm Nhật Bản (Nippon Life Insurance Co.) thông báo đã đầu tư 200 triệu đô la vào Hãng tốc hành Mỹ (American Express). Sự tham gia của nó mới chỉ chiếm 1,6% vốn của ngân hàng. Song chàng khổng lồ Nhật giờ đây đã đạt được một chân vào nhà. Giống như chú voi trong cửa hàng sành sứ ? Từ nhiều năm qua, châu Âu cũng đã thu hút các nhà kinh doanh ngân hàng Nhật Bản.

Sân golf, vườn nho và đua ngựa

Người Nhật “chỉ” xây dựng ở trên nước mình mỗi năm 60-70 sân golf mà thôi ! Đúng là đã quá thừa thãi khi cộng thêm với biết bao tác hại về môi sinh do chúng gây ra. Thêm vào đó là tình trạng khan hiếm đất trồng, sự dòm chùng của những người đấu tranh cho môi sinh, giá thành sân cỏ ở Nhật Bản và nhất là tiền bảo dưỡng. Tất cả những yếu tố này đã thúc đẩy các nhà đầu tư Nhật tìm cách mua lại các sân cỏ ở nước ngoài. Và họ đã mua hàng chục sân golf khắp thế giới cho dù đó là ở Pháp, Mỹ hay ở Úc. Tại Pháp, những dân chơi golf sẽ nói với bạn: Người Nhật rất “chịu chơi”. Một sân golf cần bán ư ? Dễ thôi, chỉ cần nó cách một phi trường nào đó khoảng hai giờ để thuận lợi cho các nhà kinh doanh Nhật vốn bận bịu. Tốt hơn nữa là nó kèm theo một tòa lâu đài để thu hút giới thượng lưu, nó chắc chắn sẽ rơi vào tay người Nhật ngay thôi. Người Nhật cũng đã xây dựng hàng chục sân golf mới.

Tại Pháp, đầu năm 1991, người Nhật đã mua 18 sân golf và xây mới 5 sân khác. Tính chung, người Nhật còn hiện diện khiêm tốn với 23 sân so với tổng số 360 sân và 180.000 người chơi golf ở Pháp. Song vấn đề là thời

gian: mọi chuyện sẽ diễn ra nhanh chóng chỉ trong vài năm và chỉ cần có thêm nhiều triệu franc. Ở đâu cũng thế, cạnh tranh chỉ khiến giá cả tăng vọt. Vấn đề là ai sẽ thắng ai. Chỉ riêng ở Pháp, tập đoàn Urban đã mua đứt 10 sân golf. Tập đoàn Taiyo International lại cũng đã bám sát với 4 sân golf (Clément-Ader ở Ile-de-France, Ile-d'Or gần Nantes, Fontenailles ở Ile-de-France và Ferté-Saint-Aubin ở Loiret). Taiyo dự tính trong vài năm mua 10 sân golf của Pháp. Nhiều tập đoàn khác như Chisan chẳng hạn còn có ý đồ lớn hơn nữa.

Một hình ảnh còn đọng lại mãi: ngày 7/10/1990, bà Masako Ohya 70 tuổi, cao 1,50 mét, ăn mặc toàn màu hồng, một phụ nữ giàu có nổi tiếng, là người bảo trợ nghệ thuật, đã khánh thành một sân golf tuyệt vời do bà mới mua trong lâu đài Humières có từ thế kỷ XVII ở phía Bắc thủ đô Paris, gần Compiègne. Bà Ohya chỉ có hai đam mê trong đời: chơi golf và sưu tầm hình ảnh của chính mình qua ảnh chụp và video.

Để có thể hình dung “hiện tượng Nhật Bản” trên các sân golf Pháp, tôi đã đến phỏng vấn bà Elisabeth Lesieur, trợ lý chủ tịch liên đoàn chơi golf Pháp. Bà cho biết:

“Khi người Nhật mua lại sân golf đầu tiên, chúng tôi không sao hiểu nổi. Đó là một tài sản đã khánh kiệt. Chính tập đoàn Chisan đã mua lại sân golf Rochefort-en-Yvelines có 18 lỗ. Lúc đó là năm 1980. Mặt nền của nó lồi như một cái ao. Sau đó, năm 1987 tập đoàn HIO mua lại sân golf Seraincourt (Ile-de-France). Tôi còn nhớ rất rõ, bởi đã có tiếng la ó phản đối: “Bà không nhìn thấy sao ? Mọi người đang điên tiết lên ngoài kia kìa ! Họ không có quyền ! Họ không có quyền ! Thực tế là sân golf được đem ra bán và người Nhật đã đưa ra một đề nghị tốt nhất. Giữa đề nghị của người Nhật và của người Pháp, những người chủ sở hữu đã chọn lấy cái có lợi nhất cho mình. Và thế là sân golf Seraincourt đã rơi vào tay người Nhật”.

Bà nói thêm:

“Trong việc khai thác sân golf, không phải người Nhật bao giờ cũng giống người Pháp. Trong cả hai đều có chung “một ý thức giá trị”. Lấy ví dụ điển hình như sân Seraincourt. Người Nhật thông báo quyền vào sân kể từ tháng 1 năm 1988 là 200.000 franc mỗi đầu người. Còn một cặp là 240.000 franc. Tất nhiên, là chẳng có ma nào dám bước vào. Thế rồi họ hạ giá xuống và hiện nay theo chỗ tôi biết giá chỉ còn là 50.000 franc, một số tiền phù hợp với túi tiền của dân Paris. Sau này, mọi chuyện diễn biến còn nhanh hơn nữa. Về sân golf nổi tiếng Bordes, chẳng còn ai nói đến nam tước Bich mà chỉ nói đến người hùn hạp 50% vốn với ông ta là Sakurai. Tiếp theo, người ta lại mở cửa sân golf Vaugouard, gần Montargis. Sân golf này lúc đầu là của người Pháp rồi sau đó bán lại một nửa cho một tập đoàn Nhật. Thế là người ta nói: “Ồ ! Người Nhật lại bắt đầu vơ vét tất cả” Trong

năm qua Urban đã mua được nhiều sân golf khác như sân Belesbat (Essonne), Valois (phía Bắc), Chaumont-en-Vexin (phía Bắc), Plessis (Ile-de-France). Kết toán lại là 6 sân golf thuộc về chỉ một tập đoàn trong 3 năm”.

Élisabeth Lesieur tiếp:

“Việc người Nhật mua lại các sân golf làm cho thị trường biến động một cách giả tạo. Họ quá giàu nên sẵn sàng mua lại mọi sân golf với cái giá trời ơi đất hời nào cũng được. Điều đó không chút gì lành mạnh như trường hợp sân golf Vaucouleurs gần Nantes. Sân này mở cửa vào năm 1987. Năm 1985, hai người bạn, một là chủ đất, một là chủ tiệm thịt rủ nhau: “Mình sẽ xây dựng một sân golf”. Và thế là họ xây dựng một sân golf. Nó đem lại cho họ nguồn thu nhập tối đa là 7 triệu franc. Đó là sân golf tư nhân đầu tiên mở cửa ở vùng Paris từ khá lâu. Việc làm ăn thành đạt. Họ xây thêm một sân golf 18 lỗ nữa. Đến cuối tháng 6, họ bán sân golf cho hãng đầu tư Mido với giá 90 triệu franc ! Thật ra họ không đặt giá cao đến thế, song người mua đưa ra một giá quá hời như vậy thì họ “đành đồng ý” thôi. Nếu như tôi tặng bạn một chiếc xe hơi Ferrari và tôi nói với bạn “Chìa khóa ở tất cả trong xe” thì bạn biết làm sao bây giờ ? Quả là không thể từ chối”.

“Của trời cho” của Nhật Bản cũng rơi xuống các nơi khác tương tự như thế. Sanyo loan báo ý định xây dựng, với chi phí 50 triệu bảng Anh, một sân golf và tổ hợp khách sạn hạng sang trên nền sở hữu cũ của Charles Rolls, một đồng sáng lập của hãng Rolls Royce, ở Montmouth, về phía Nam xứ Galles. Sanyo đã mua đất trên đó có một trang viên của thế kỷ XIX. Taiyo cũng vừa mua một mảnh đất tại Moatlands thuộc Kent.

Về việc bán ngựa đua và ngựa thuần chủng, người Nhật đã mò vào tận các chuồng ngựa của các tiểu vương vùng Vịnh. Ngày 25 và 26 tháng 7 năm 1990, tại Lexington (Kentucky) ở Mỹ, người Nhật đã giành kỷ lục về đấu giá ngựa đua. Nhà kinh doanh Tomonori Tsurumaki đã mua hai chú ngựa nòi một năm tuổi với một món tiền nhỏ 4,9 triệu đôla (24,5 triệu franc). Còn Tadahiro Hothetama cũng đã trả 750.000 đôla (3,75 triệu franc) để mua một chú ngựa nòi khác. Ngày 19/8/1990 tại Deauville, ngày đấu giá ngựa nòi đầu tiên trong năm, Kihachiro Watanabe Chủ tịch hãng vận chuyển Toko ở Tokyo (Toko Transporting Co. Ltd), một xí nghiệp vận chuyển hàng đầu của Nhật Bản đã ném ra số tiền kỷ lục 6,5 triệu đôla. Kihachiro đã có cả một chuồng ngựa 70 con. Song đây là cuộc đầu tư đầu tiên của ông ở Châu Âu. Nhiều nhà kinh doanh Nhật khác cũng tỏ ra không kém hào phóng trong đó có Masahiko Sawada, tổng giám đốc Urban, chủ một hành lang nghệ thuật ở đại lộ Montaigne và một chuồng ngựa của Hermitage ở Normandie. Tháng 8/1990, M.Sawada đã mua không dưới tám chú ngựa nòi. Còn Enshaku Zen, một nhà kinh doanh Nhật gốc Triều Tiên cũng đã lập kỷ lục đấu giá năm 1985 và 1987 ở Deauville. Năm 1990, ông

ta vẫn là một khách hàng tuyệt vời trong một cuộc đấu giá lên đến 2,2 triệu franc. Nhiều người Nhật chia nhau những cái giá khiếm tốn hơn từ 250.000 đến 900.000 franc.

Làm thế nào mà các nhà đầu tư này có thể ném ra một số tiền khổng lồ như vậy chỉ để mua những con ngựa đua ? Philippe Ogier, Tổng giám đốc Cơ quan tổ chức bán các loài ngựa thuần chủng của Pháp cho biết : “Ở chỗ họ các hãng thu được lợi nhuận lớn và họ muốn tái đầu tư ngay số tiền này để được giảm thuế. Còn ở Pháp thì ngược lại. Ở đây họ có thể đưa những của báu này tham gia các vòng đua ngựa và các con ngựa của họ được mang nhãn hiệu thương mại hoặc nhãn hiệu sản xuất của họ. Cách làm này cũng giống như tự quảng cáo cho họ vậy”. [\[69\]](#)

Một số vườn nho nổi tiếng của Pháp cũng đã rơi vào tay người Nhật. Có thể kể đến đầu tiên là vùng trồng nho nổi tiếng chateau-lagrange do hãng Suntory một hãng rượu hàng đầu của Nhật Bản khai thác từ năm 1983. Trước đó, lâu đài này đã rơi vào tình trạng khốn đốn. Còn giờ đây nó chẳng phải lo gì về tài chánh. Sự hiện diện của người Nhật ở Bordelais từ 1987 – 1989 đã gây nhiều lo ngại. Chỉ trong không đầy vài tháng, Touko House (một tập đoàn kinh doanh bất động sản) đã mua vùng chateau-citran (Médoc). Otani (tập đoàn công cụ nông nghiệp) đã mua vùng chateau-lagarosse. Snakaru (một tập đoàn chế biến nông phẩm) cũng đã mua vùng chateau-reysson (thuộc Haut-Médoc). Sau đó, các vụ mua bán của người Nhật có phần giảm bớt. Năm 1989, Suntory lại mua thêm hãng sản xuất rượu cognac Louis Royer. Một vài vụ mua bán khác cũng đã được thỏa thuận với người Nhật ở vùng Provence. [\[70\]](#) Gần đây, Sainteneige một hãng tại Saint-Émilion đã sản xuất một loại rượu nhẹ vùng Gers pha trộn với một loại men đặc biệt của Nhật để tạo ra một hương vị phù hợp với người Nhật. Loại rượu này có tên gọi “Fusion France” đã tiêu thụ trong hai năm qua ở Nhật Bản được 700.000 lít.

Nghệ thuật : Di sản của phương Tây đang chạy về nước Nhật

“Một người Nhật nghiêm chỉnh có tiền mặt, đang cần mua tranh ấn tượng Pháp và các tác phẩm hội họa nổi tiếng khác. Cần gấp. Xin gửi chi tiết, hình ảnh và giá cả đến : Jamais, Inc. 127 E.59 St, NY NY 10022 USA, Fax số : 212-360-1747.”

Cái mẫu quảng cáo này trên tờ International Herald Tribune ngày 22-23/9/1990 hẳn sẽ chỉ là chuyện tầm phào nếu như nó không cho thấy các vụ mua bán tác phẩm nghệ thuật của phương Tây đang diễn ra sôi nổi trong các tay chơi giàu xụ Nhật. Năm 1989, nước Nhật đã nhập khẩu nhiều bức danh họa và tác phẩm nghệ thuật khác giá trị 300,8 tỷ yên (10,8 tỷ franc). Sự bùng nổ trong lĩnh vực này diễn ra thật ồ ạt: số lượng nhập khẩu của

Nhật Bản từ 116 tỷ yên (4,576 tỷ franc) năm 1987 đã tăng lên 180 tỷ yên (6,48 tỷ franc) năm 1988 rồi lên 280 tỷ yên (10,08 tỷ franc) năm 1989. Đáng chú ý là một phần ba các loại nhập khẩu này thuộc loại đầu tư để được giảm thuế.

Mọi chuyện đã thật sự bắt đầu từ giữa những năm 80 tại Luân Đôn khi một công ty bảo hiểm Nhật Bản Yasuda Fire and Marine Insurance Co., mua lại bức danh họa “Hoa hướng dương” của Van Gogh với giá 5,8 tỷ yên (208 triệu franc). Kể từ đó, các nhà đầu tư Nhật tỏ ra máu mê với những nhà đầu giá lớn thế giới. Ai mua ? Cũng là những khuôn mặt cũ như các công ty bảo hiểm, ngân hàng, các tập đoàn công nghiệp lớn, tư nhân, các bảo tàng và phòng triển lãm. Những khách hàng này thường thích tranh của các họa sĩ bậc thầy. Nước Pháp là nước cung ứng đầu tiên của họ (78% các vụ bán tranh) đặc biệt là tranh của trường phái ấn tượng.

Một trong những vụ mua bán gây ồn ào nhất là vụ bán bức danh họa “Đám cưới của Pierrette” của Picasso với giá 300 triệu franc ngày 30/11/1989 tại phòng đấu giá Drouot-Montaigne ở Paris. Chưa hề có vụ bán tranh với cái giá như thế. Người mua là Tomonori Tsurumaki, một nhà kinh doanh 47 tuổi, từ Tokyo gọi điện đến, đã trả giá cao. Nhà kinh doanh đồ nghệ thuật nổi tiếng của Pháp là Hervé Odermatt đã dám đẩy lên cái giá 280 triệu franc nhưng rồi đã phải chịu bỏ non. Kẻ thắng cuộc tuyên bố sẽ xây dựng một bảo tàng dành hoàng cho bức tranh họa vẽ năm 1904, bức cuối cùng trong “Trường phái xanh” của nhà họa sĩ bậc thầy xứ Catalogne.

Ngày 15/5/1980, lại một vụ mua tranh ồn ào khác với giá 82,5 triệu đôla (412,5 triệu franc) ở NewYork. Lần này là với bức danh họa “Chân dung bác sĩ Gachet” của Vincent Van Gogh. Trong cảnh ồn ào ngày 17/5, một ngày bán đấu giá mới của Sotheby’s, nhà tỷ phú Fyoei Saito, 74 tuổi lại mua bức danh họa “Ở cối xay gió Galette” của Renoir với giá 78 triệu đôla. Cả hai bức danh họa đắt nhất thế giới đã rơi vào tay một nhà sưu tập nghệ thuật, Chủ tịch danh dự của Daishowa Paper, một công ty bao bì đứng hàng thứ nhì ở Nhật Bản. Ông ta đã tuyên bố với báo Asahi Shimbun ngày 19/5 là ông sẵn sàng mua tất cả những bức danh họa mà ông ta thích với bất cứ giá nào.

Không thể kể hết cả một danh mục tranh đã chuyển về Tokyo. Song không thể không kể đến các bức tranh “Sylvette” và “Đầu người” của Picasso với giá 6,6 triệu và 4,5 triệu franc vào ngày 2/2/1990 ở nhà đấu giá Drouot trong một vụ buôn bán được truyền hình trực tiếp về Tokyo, Osaka và Hiroshima. Ngày 22/5/1990 tại New York, nhà Christie’s đã bán bức “Những người gặt lúa nằm ngủ” của Jean-Francois Millet với giá 770.000 đôla (3.850.000 franc) cho một người khách Nhật. Cùng ngày, một khách hàng Nhật cũng “ẵm” luôn một bức tranh của Courbet với giá 528.000 đôla (2,640 triệu franc), một cái giá mà không một người phương Tây nào dám

trả. Hôm sau, nhà Sothely's cũng lại bán cho một người khách Nhật bức “Cô thợ may nằm ngủ” của Millet với số tiền ketch sù 797.500 đôla (3,98 triệu franc) mà thực ra nó chỉ đáng khoảng 200.000 đôla (tương đương 1 triệu franc). Ngày 19/6/1990, một tay bán đấu giá người Pháp Jacques Tajan, chuyên gia về thị trường Nhật Bản cũng đã bán được cho Tokyo hơn một trăm bức tranh hiện đại của Vilaminck và Matisse trị giá hơn 200 triệu franc. Một phần ba các danh họa nổi tiếng thế giới đã thuộc về người Nhật.

Không chỉ có tranh của Châu Âu, những nhà kinh doanh nghệ thuật người Nhật còn nhòm ngó đến cả Viễn Đông. Người Nhật đặc biệt bị quyến rũ bởi nghệ thuật cổ Trung Hoa. Điều đó là hoàn toàn tự nhiên bởi người Nhật tìm thấy cội nguồn văn minh của chính họ ở Trung Hoa. Nhờ đã sống một vài năm ở Trung Quốc, tôi biết rõ những người khách Nhật hay lui tới các cửa hàng đồ cổ ở Bắc Kinh và Thượng Hải. Ở đây, những món hàng không hề là hàng dỏm, hàng giả mà là những đồ cổ thật sự, đôi khi hiếm quý. Chúng được Bộ Văn hóa Trung Quốc cho phép bán công khai và có kèm theo một thứ “hộ chiếu” nhỏ trên có một ảnh chụp và những chỉ dẫn chi tiết về món hàng để có thể xuất khẩu. Ở trong những gian hàng này, có lần tôi đã thấy một người Nhật khệ nệ đem tiền đến và mua trong nháy mắt mọi thứ ông ta nhìn thấy. Người Nhật giờ đây cũng thường có mặt ở những cuộc bán đấu giá nghệ thuật Trung Hoa. Ngày 12/12/1989, ở Luân Đôn, trong một cuộc bán đấu giá của nhà Sotheby's, một nhà kinh doanh Nhật Keiichi Shimojo, vốn được xem như một nhà sưu tập của Tokyo, đã mua bức tranh chiến mã đời Đường vào thế kỷ thứ VIII với giá 3.740.000 bảng Anh, tương đương gần 40 triệu franc (so với cái giá đầu tiên từ 825.000 đến 1.100.000 bảng Anh), một cái bình đời Bắc Tống với giá 1.320.000 bảng Anh, một cái bình khác đời Tống với giá 825.000 bảng Anh, tương đương hơn 8 triệu franc (gấp ba lần giá ước tính để bán. Với những cái giá “chọc trời” này, chả có ma nào theo nổi người Nhật nữa.

Ngày càng có nhiều người Nhật giàu có trở thành các mạnh thường quân tài trợ việc trùng tu các công trình nghệ thuật hoặc các cảnh quan quan trọng. Theo các nguồn tin cao cấp của UNESCO, người Nhật đang thúc đẩy để nhận được tài trợ toàn bộ việc trùng tu Angkor Vat ở Cambodge. Người Nhật khẳng định là họ không hề đòi hỏi một điều gì cả. Tất nhiên, đằng sau sự quảng đại ấy là Nhật Bản muốn tăng cường sự hiện diện của mình ở Cambodge. Đầu năm 1990, người Nhật còn đề nghị xin thuê lại các bức danh họa của thành phố Liège hiện đang bị phá sản nặng nề về tài chính. Liège không muốn bán trong lúc này song có thể sẽ cho người Nhật thuê những danh họa nổi tiếng của Picasso, Gauguin, Chagall, Monet, Pissarro.

Các sôgô sôsha : Các nhà môi giới mua bán đặc biệt

Sở dĩ nước Nhật mua được cả thế giới như nó đang làm hiện nay là vì nó đã có cả một đội quân âm thầm trợ giúp cho nó mà không hề mệt mỏi. Đó là uviensach.vn

các sôgô sôsha, nghĩa là các nhà môi giới mua bán và vô số các “Viện nghiên cứu” của các tập đoàn công nghiệp hàng đầu và của các tổ chức tài chính của Nhật Bản. Viện nghiên cứu đầu tiên loại này là Nomura Research Institute (Viện nghiên cứu Nomura) với trụ sở đặt tại Tokyo. Song nó lại có một mạng lưới dày đặc cắm chốt ở tất cả các trung tâm kinh tế lớn của thế giới như New York, Washington, Luân Đôn, Paris, Hambourg, Francfort, Hồng Kông, Singapour và Sydney. Ở nước ngoài, phần lớn các nhà nghiên cứu và các nhà kinh tế hàng đầu của nó là người Tây phương. Nhiệm vụ số một của những “Viện nghiên cứu” tương tự như Nomura Research Institute này là thu nhập thông tin kinh tế, đặc biệt là của các xí nghiệp nước ngoài. Hoạt động này đôi khi gần như là tình báo kinh tế. Nomura còn tiến hành việc dự báo kinh tế, tài chính, công nghiệp từng nước, từng ngành và từng khu vực kinh tế.

Các sôgô sôsha được cắm chốt ở khắp thế giới. Về mặt công khai các sôgô sôsha là trung gian cần thiết cho nhà kinh doanh nước ngoài muốn đặt chân đến Tokyo, và chỉ lo việc kinh doanh: bán các sản phẩm Nhật ở nước và mua mọi thứ có thể bán được ở Nhật Bản. Bạn là giám đốc trẻ và bạn muốn bán hàng vào thị trường Nhật ư ? Với vai trò trung gian là một ủy ban bán hàng, sôgô sôsha sẽ là người đại diện trung thành của bạn ở Nhật Bản. Hiện nay, các sôgô sôsha đảm nhận một chức năng khác cổ lỗ ít được thừa nhận: tình báo kinh tế. Nói cách khác là theo dõi mọi nhất cử nhất động trong lĩnh vực kinh tế, thương mại và công nghệ. Liên lạc chặt chẽ với trung tâm Tokyo nhờ các máy vi tính, các băng từ và fax, các cơ sở kinh doanh này bận rộn suốt ngày đêm với bao thứ báo biểu kinh tế. Nhiệm vụ của chúng thật nặng nề: ghi lại trên phiếu (trên các cơ sở dữ kiện máy tính) toàn bộ những mặt hàng có ghi giá mà nó có thể có được và có thể hình dung ra được, nghĩa là mọi thứ từ thượng vàng hạ cám có thể đem bán, có thể bán được cũng như những gì chưa bán được nhưng cần lưu ý, lượng giá, phân tích, vào danh mục, xếp lại để chuyển về Tokyo.

Việc xâm nhập để nắm bắt công việc hàng ngày bên trong một sôgô sôsha không đơn giản: Các nhân viên ở đây đều có ý thức bảo mật cùng nỗi sợ hãi bị sa thải đến mức họ không hề hé miệng mỗi khi ai đó muốn đề cập đến những gì cụ thể. Ai cũng rõ qui luật cạnh tranh là qui luật một sống một chết. Khi có một “vụ làm ăn lớn”, các ông chủ của các sôgô sôsha luôn ở phòng làm việc suốt 18-20 giờ mỗi ngày và ngủ lại văn phòng của họ hàng nhiều đêm liền để sẵn sàng trả lời lập tức cho mọi cú điện thoại hoặc fax quan trọng từ Tokyo. Mỗi khi thảo luận các hợp đồng, các ông chủ Nhật lại đóng kín cửa để trao đổi riêng với nhau. Thậm chí các bản fax cũng được hủy bỏ bằng các biện pháp tối mật. Thường các nhân viên không phải là người Nhật chỉ được sử dụng vào những công việc thừa hành và tuyệt đối không tham gia vào các hoạt động có ý nghĩa chiến lược. Các mệnh lệnh quyết định đều xuất phát từ Tokyo.

Marc Paul là một người Pháp, cựu nhân viên của A & A. Là chi nhánh 100% vốn của Tandy (Nhật Bản), A & A từ trước đã là một cơ sở kinh doanh có uy tín. Nó hiện sử dụng đến 600 nhân viên từ Nhật Bản sang và là hãng cung cấp sang Mỹ các mặt hàng điện tử sản xuất tại Châu Á. Về phần mình, Tandy cũng tiêu thụ hàng qua hàng ngàn điểm bán ở Mỹ, Canada và Châu Âu, Marc Paul cho biết:

“Tôi làm việc cho A & A ba năm cho mãi đến năm 1989. A & A do Tadashi Yamagata, một trong những thành viên sáng lập Hiệp hội giới chủ ngành công nghiệp điện tử Nhật Bản, thành lập năm 1955. Về mặt chính thức, tôi làm việc cho Tandy-France. Còn trên thực tế, tại Paris, tôi phụ việc cho hai đồng nghiệp Nhật phụ trách cửa hàng. Một người là dân Mỹ gốc Nhật, còn một người vừa tốt nghiệp một trường đại học lớn ở Tokyo thì được A & A tuyển thẳng vào làm. Cho dù về mặt chính thức, A & A không hề tồn tại trên đất Pháp, song qua Tandy, họ vẫn có mặt ở đây. Cơ sở của chúng tôi quả thật là một bộ máy tình báo, bởi vì chúng tôi phải tập hợp cả một khối lượng thông tin khổng lồ về lĩnh vực xuất khẩu, bán và phân phối hàng của Pháp. Song chúng tôi cũng còn là một cái máy bán hàng. Công việc của chúng tôi là làm sao tiêu thụ trên thị trường Pháp các loại hàng hóa của các hãng Nhật như Sharp, Aiwa, Sanyo, Toshiba, NEC, Canon cũng như các mặt hàng dưới nhãn hiệu sản xuất tại Đài Loan, hoặc Nam Triều Tiên của các hãng như Samsung, Goldstar, Realistic và Archer. Máy vi tính, máy tính, hệ thống báo động, điện thoại, radio-báo thức, radio tự động và máy truyền hình. Danh mục hàng hóa được bán thì rất dài. Mục tiêu đặt ra cho chúng tôi không hẳn là thu lợi nhuận tối đa mà quan trọng là tạo ra một thị trường dài hạn”.

Marc Paul nói tiếp:

“Mạch sống trung tâm của hãng là Telex hoạt động gần như suốt ngày đêm. Chúng tôi nhận được từ 800 đến 1.000 telex mỗi ngày. Trên nguyên tắc, tôi không được quyền đến gần. Song với thời gian, vào cuối thời gian cộng tác của tôi ở Tandy-France, tôi thường cắt và phân loại telex vào sáng sớm trước khi ông chủ đến. Hoạt động của telex không khỏi khiến người ta liên tưởng đến một bộ máy chiến tranh. Có những bức điện thường, và những bức điện “khẩn” được phổ biến hạn chế chỉ dành riêng cho những người phụ trách cơ sở đọc mà thôi. Khi là điện tuyệt mật thì chỉ có “xếp” được nhận ở nhà riêng từ các máy ghi âm tự động do hãng tốc hành Nippon Express đưa đến. Cũng bằng con đường này, ông chủ trả lời điện và chúng tôi không hề được hay biết gì. Để bán được, chúng tôi phải nghiên cứu kỹ lưỡng việc cạnh tranh.

Ông “xếp” của tôi thường xuyên có mặt ở các trung tâm cạnh tranh lớn để xem xét tình hình giá cả ở các nơi khác như thế nào. Ông ta mệt lử với

công việc này. Song dần dần ông ta cũng thích sống theo kiểu Tây. Ông bắt đầu thích uống rượu Tây. Đôi khi, ông dậy muộn. Ông ta dẫn tôi đến những nhà hàng nổi tiếng. Đôi khi ông ta cũng tâm sự với tôi là ông ta không thích trở về Nhật Bản. Ông nói ông yêu nước Pháp, lối sống Pháp và sự tự do của Pháp. Ông “xếp” Tadashi Yamagata đều đặn bay sang Pháp. Đó là một ông già đã quá 75 tuổi và hiện đã về hưu. Khi ông đến, ông đều ở khách sạn Ritz và ăn ở những nhà hàng nổi tiếng. Ông ta rất thích đến nhà hàng Crillon. Song con người thật sự cầm cương A & A lại là vợ ông ta, Elaine Yamagata. Một người đàn bà mạnh mẽ. Đúng là một nhà kinh doanh thứ thiệt. Bà ta đến Pháp ít nhất là một lần trong năm. Các con của Yamagata nắm giữ các vị trí then chốt trong ban lãnh đạo Tandy. Tôi đã phải sửng sốt vì sự đan chéo lẫn nhau trong nội bộ của một hãng kinh doanh cực kỳ phân tán về mặt địa lý như A & A. Hệ thống A & A được tạo thành với những con người quen biết nhau đầy đủ và có những quan hệ làm việc cực kỳ chặt chẽ. Đối với người Nhật, thời gian và tình sâu nghĩa nặng là những nhân tố sống còn để tạo ra một không khí tin cậy lẫn nhau. Tinh thần đồng đội và ý chí kiên quyết của những con người này không gì sánh bằng và không thể tìm thấy ở những xí nghiệp của chúng ta. Mỗi nhân viên của A & A đều như một người lính chiến đấu vì vị tướng Yamagata”.

Nước Nhật mua người

Cũng còn một lĩnh vực mà có thể nói rằng sự tác động của Nhật Bản trên thế giới đang tiềm tàng một mối hiểm nguy, đó là việc gây ảnh hưởng. Một bộ phận của chính phủ Nhật bao gồm cả MITI cùng các ông chủ của các Zaibatsu, những tập đoàn công nghiệp hàng đầu của thời kỳ hậu chiến đã tiến hành một chiến dịch bí mật nhưng rộng lớn nhằm xâm nhập và chi phối các bộ phận khác nhau trong guồng máy chính quyền các nước, các tổ chức khác nhau trong guồng máy điều hành thế giới. Mục đích thật trong sáng: chi phối quá trình thông tin và quyết định. Biết trước những cơ hội thuận lợi cho nước Nhật và chi phối quá trình dẫn đến quyết định để làm sao cho bất kỳ quyết định nào cũng đều có lợi cho nước Nhật. Chiến dịch này đã âm thầm bắt đầu từ hơn một chục năm nay. Căn bệnh hoại thư đã ở thời kỳ đầu phát triển ở một số nước nhất là Mỹ và Anh. Ở những nước này cũng như ở nhiều nước khác, Nhật Bản đang từng bước hình thành một đội quân vận động nhiệt tình và tận tụy. Tốt nhất là những cựu lãnh tụ chính trị hoặc kinh tế của địa phương hoặc thành viên gia đình họ. Còn tệ nhất là các chuyên gia chuyên bán tư liệu.

Những người này phục vụ cho lợi ích của nước Nhật bằng kiến thức của mình, và bằng cảm tình ủng hộ của bạn bè thân hữu làm việc trong các cấp chính quyền từ thấp đến chóp bu. Nhiệm vụ của họ là bất luận lúc nào và bất luận ở đâu cần thiết cho lợi ích của nước Nhật thì phải tìm cách ngăn cản việc ra quyết định bất lợi cho nước Mặt trời mọc mà không cần có sự

can thiệp của nước Nhật. Trong các tình huống khác, là họ vận động để đưa ra các hồ sơ đã bị bỏ quên, giúp các “nhân viên” người Nhật đạt được những thành quả bất ngờ trong công việc.

Ở Mỹ, chuyện này đang trở thành một xi căng đan chính trị lớn. Đã có nhiều nhân vật cao cấp hoặc nhà kinh doanh Mỹ vốn không để cho đồng tiền của Nhật Bản mua chuộc đã lớn tiếng phản phui những chuyện “hậu trường” này. Chẳng hạn như Pat choate. Trong cuốn sách nhan đề Agents d’influence ^[71] (Nhân viên tuyên truyền), nhà kinh tế này đã vạch rõ tầm vóc hiểm họa này đang giăng ra ở Mỹ nếu như không có gì ngăn chặn lại. Với ông ta, con mèo là con mèo.

“Vào lúc này, nước Nhật đang kiểm soát bộ máy kinh tế - chính trị thuộc loại hiện đại và hoàn hảo nhất của nước Mỹ”.

Ông ta viết tiếp:

“Bao trùm và có hiệu quả hơn cả một đảng chính trị ở Mỹ hoặc hơn cả nghiệp đoàn công nghiệp và hơn bất cứ một hội đoàn nào ở Mỹ, chiến dịch mà người Nhật tiến hành ở Mỹ có một mục tiêu rất quan trọng: tác động đến các quyết định chính trị của Washington”. ^[72]

Pat Choate không hề kết tội các hãng Nhật là vi phạm luật pháp Mỹ. Trái lại, ông ta chỉ chứng minh rằng các hãng Nhật đang lợi dụng khai thác những yếu kém trong hệ thống chính trị của Mỹ và tính háms tiền của các nhà lãnh đạo Mỹ vốn ít bận tâm đến lòng yêu nước.

Để đạt được mục đích và để có thể giựt dây được, người Nhật đã chi ra khoảng 400 triệu đô la hàng năm nghĩa là, như Pat Choate khẳng định, bằng ngân sách của năm tổ chức thương mại và công nghiệp có ảnh hưởng nhất của Mỹ trong đó có Văn phòng thương mại Mỹ về Hiệp hội các nhà sản xuất quốc gia. Số tiền này rơi vào túi các cựu viên chức chính phủ Mỹ và được sử dụng để thành lập các “Ủy ban hành động chính trị”, “Hội những người tiêu dùng” và nhiều tổ chức khác mà hoạt động chỉ cốt để truyền bá một tinh thần thân Nhật. Pat Choate đã bị buộc thôi việc tại xí nghiệp công nghệ TRW hai tháng trước khi ông xuất bản cuốn sách do những áp lực từ phía người Nhật. Ông dẫn chứng: một chuyên gia về thương thảo mậu dịch trong lĩnh vực công nghệ cao cấp với Nhật Bản ở Bộ Ngoại giao Mỹ, sau khi không còn làm việc cho chính phủ Mỹ, đã chuyển sang phục vụ cho Fujitsu, mang theo sự am hiểu sâu sắc của mình về chiến lược của Mỹ trong lĩnh vực này. Franck Church, cựu Chủ tịch Ủy ban đối ngoại Hạ viện Mỹ hiện đang làm việc cho chính phủ Nhật Bản. Bốn trong số tám đại diện thương mại, những nhà thương thảo cho nền mậu dịch của chính phủ Mỹ, đã trở thành những cán bộ tuyên truyền làm việc cho nước ngoài trong đó có ba làm việc cho Nhật Bản. Nhờ những nhân vật này, người Nhật nắm rõ

những gì diễn ra bên trong chính phủ liên bang hơn cả những viên chức cao cấp của chính phủ Mỹ.

Ở Anh, hậu quả của cuộc tấn công này của Nhật Bản không phải là chưa có tác hại. Một trong những biện pháp Nhật Bản sử dụng để xâm nhập các giới cần thiết là việc tài trợ cho các trường đại học, các viện nghiên cứu, các đội bóng. Và người Nhật được lợi cả hai mặt bởi đó cũng là cách quảng cáo cho nhãn hiệu sản phẩm Nhật. Chính vì thế, hãng sản xuất xe hơi Toyota đã hai lần tài trợ hậu hĩ cho trường đại học Oxford nổi tiếng của Anh, để như người ta nói là giúp cho việc học ngôn ngữ và văn minh Nhật. Lần đầu là 11,5 triệu bảng Anh (hơn 100 triệu franc) năm 1979 để xây dựng một Institut Nissan (Viện nghiên cứu về Nhật Bản) ở trường St. Antony. Lần thứ hai là 3,2 triệu bảng Anh (30 triệu franc) vào tháng 6/1990 để lập ra hai học vị phó giáo sư về bộ môn kinh tế và nhân chủng xã hội học.

Nước Pháp cũng được tài trợ “hậu hĩ” của Nhật Bản. Việc bảo trợ của Nhật Bản len lỏi vào nhiều giới khác nhau đôi khi là những giới mà không ai ngờ nhất. Có ai biết hơn 10% nguồn tài chánh của tổ chức nhân đạo phi chính phủ đáng kính như France-Libertés là do các nhà hảo tâm Nhật ? Người cấp vốn lớn nhất của Nhật Bản cho France-Libertés là Soka Gakkai, một tổ chức ủng hộ đảng Phật giáo Nhật Bản Komeito, có mục đích bên ngoài cũng thật đáng trân trọng là truyền bá một xu hướng Phật giáo khác trên thế giới. Soka Gakkai mở rộng mạng lưới truyền bá của mình khắp hoàn cầu. Nó hoặc có văn phòng hoặc nó kiểm soát các tổ chức ở 115 nước trên thế giới và có khoảng 1,26 triệu tín đồ ở ngoài nước Nhật. Tôi cũng là một người ngưỡng mộ nhiệt tình với Phật giáo. Song đối với tôi, sự sùng bái cá nhân lãnh tụ nổi tiếng của Soka Gakkai là Ikeda Daisaku, thật là điều khó hiểu. Masako Ohya cũng là người bảo trợ cho France-Libertés. Một tổ chức đấu tranh cho nhân quyền của Pháp là Arche de la Fraternité do cựu Bộ trưởng ngoại giao Claude Cheysson đứng đầu cũng hoạt động được nhờ vào tiền bảo trợ của sáu mạnh thường quân trong đó có hai là người Nhật: Công ty buôn bán chứng khoán Nomura và Ngân hàng Dai-Ichi Kangyo. Cũng ở Pháp, ai cũng biết là Jacques Chirac đã bị bùa mê của Nhật Bản. Một trong những cộng sự viên thân cận nhất của ông ta ở tòa đô chính Paris đã bày tỏ với tôi những lo ngại của ông khi thấy người lãnh đạo chính trị này cứ lao vào lưới của Nhật Bản mà không nhìn thấy những nguy cơ đe dọa đến mức không còn giữ ý tứ gì cả khi trở thành một người ủng hộ mù quáng cho Nhật Bản.

Không lạ gì khi nước Nhật hướng đôi mắt tham lam của mình về châu Âu, thì các nhà công nghiệp khổng lồ Nhật Bản lại tấp nập có mặt ở Bruxelles, trụ sở của Ủy ban châu Âu. Họ thành lập nhiều văn phòng đại diện để tiếp cận với các thiết kế châu Âu. Khoảng 185 xí nghiệp của Nhật Bản hiện đã có mặt ở Bruxelles. Khoảng 30 xí nghiệp đã khánh thành cơ sở

địa phương của mình nội trong năm 1989. Các giới chức Nhật chẳng có gì phải giữ mồm giữ miệng. Khi được hỏi về sự gia tăng các văn phòng đại diện của Nhật Bản ở Bruxelles đã nói trắng ra rằng: “Cần phải có mặt ở đây để nắm được những thông tin cần thiết và gây sức ép chứ !” [73]

Châu Âu: tưởng niệm một ngành công nghiệp đã quá cố

Dù muốn hay không muốn, sự cạnh tranh của Nhật Bản cũng đã giáng cho châu Âu những đòn đấm người và hiện nó đang đe dọa giết chết châu Âu. Dù bằng cách nào đi nữa hoặc cửa đóng then cài thắt chặt hoặc là mở toang cho Nhật Bản thì hậu quả cũng không có gì khác đối với hai lĩnh vực sống còn trong nền kinh tế của chúng ta: xe hơi và điện tử. Một trong hai ngành công nghiệp này đang ở trong tình trạng khó khăn. Song khó khăn nhất vẫn đang còn chờ ở trước mặt.

Công nghiệp xe hơi: sự thống trị trên thực tế của người Nhật

Để trấn an, trong một số giới, người ta vẫn thường nói trong lĩnh vực xe hơi, Mỹ và châu Âu vẫn luôn là hai kẻ mạnh nhất. Đó thật ra là một lời khẳng định sai và lừa bịp. Về sản lượng xe hơi, điều gì đang diễn ra ? Hai hãng sản xuất đứng hàng đầu là General Motors (6,2 triệu xe hơi được sản xuất trong năm 1989) và Ford (4,2 triệu xe). Toyota đứng hàng thứ ba (3,6 triệu xe), Volkswagen đứng hàng thứ tư (3 triệu xe), kế đến là Fiat (2,7 triệu xe), Nissan (2,4 triệu xe), Peugeot (2,2 triệu xe) và Renault (1,8 triệu xe). Người Nhật hiếm khi chiếm lĩnh những vị trí đầu bảng ? Đúng thế, song họ lại đã chiếm 4 trong số 10 vị trí đầu. Còn nếu tính trong số 20 hãng sản xuất xe hơi hàng đầu thế giới, thì với 10,45 triệu xe hơi sản xuất trong năm 1989, Nhật Bản, trên thực tế, đã gần tương đương với cả châu Âu (11,93 triệu xe) và Mỹ (11,6 triệu xe).

Còn về tình hình tài chánh, trong khi châu Âu càng ngày càng lúng túng, khó khăn nếu không nói là tuyệt vọng thì Nhật Bản càng lúc càng sáng sủa. Liệu Toyota, Nissan và Honda có muốn bành trướng khắp thế giới và tiếp tục đầu tư không ? Tương lai đang thuộc về họ bởi họ có thừa vốn. Tài sản cố định của Toyota đã tăng lên 46,8% năm 1989. Tài sản cố định của Nissan đã tăng lên 37,6%. Cuối năm 1990, Nhật Bản đã sản xuất tổng cộng hơn 120 triệu xe, đã xuất khẩu 64 triệu xe trong khi chỉ nhập khẩu 800.000 xe. Nhiều hãng sản xuất xe hơi phương Tây đang vỡ nợ bởi không vượt nổi Nhật Bản về mặt công nghệ, hàng bán chậm và sản xuất bị tê liệt vì những cuộc bãi công. Các hãng lớn đang rơi vào tình trạng sống thoi thóp chờ phá sản vì tình hình không hề cải thiện chút nào.

Với người Mỹ, năm 1990 sẽ mãi là một năm đen tối. Với mức lợi nhuận sụt giảm thê thảm và những viễn ảnh tăm tối nhất. Ngay từ năm 1989, các hãng sản xuất trong nước đã bị một vết đau như hoạn. Ở một đất nước còn

có chút tự hào dân tộc thì lần đầu tiên trong lịch sử, chiếc xe hơi được bán nhiều nhất đã không còn là xe hơi Mỹ mà là xe hơi Nhật: xe Honda Accord với 362.707 chiếc. Tình hình cứ ngày một tồi tệ. Trong quý I/1990, lợi nhuận của General Motors đã giảm 46,4% nghĩa là đến 1,61 tỷ đô la theo nhịp độ hàng năm (8,05 tỷ franc). Đầu tháng 2/1991, hãng sản xuất xe hơi số một thế giới này đã loan báo sẽ sa thải 1.500 công nhân (15% trên tổng số công nhân) trong hai năm. Đối với hãng Ford, mức lợi nhuận cũng đã sụt xuống đến 58,1% tức 1,28 tỷ đô la (6,4 tỷ franc). Còn hình ảnh của hãng Chrysler thì thật thảm hại. Mức lợi nhuận của nó đã giảm xuống đến 64% vào quý I/1990, tức 251 triệu đô la (1,25 tỷ franc). Chủ hãng này, Lee Iacocca, đã buộc phải áp dụng các biện pháp tiết kiệm hà khắc. Những dự báo cho quý III còn đáng báo động hơn nữa: Chrysler sẽ mất trắng 275 triệu đô la (1,37 tỷ franc) và mức lợi nhuận của General Motors và Ford sẽ giảm 50% tức 248 và 255 triệu đô la (1,24 tỷ và 1,27 tỷ franc). Điều cực kỳ mỉa mai là kẻ duy nhất hưởng lợi và đang tiếp tục bay đến những kỷ lục mới lại không ai khác hơn là những xí nghiệp của Nhật Bản xây dựng trên đất Mỹ. Năm 1989, các hãng sản xuất xe hơi Nhật đã giành được 26% thị trường Mỹ. Năm 1990, tỷ lệ này là 30%. Có 2,5 triệu xe hơi Nhật được sản xuất hoặc nhập khẩu vào Mỹ. Chỉ riêng đối với các loại xe hơi Nhật sản xuất tại Mỹ, vòng nguyệt quế đã thuộc về Honda, hãng này đã vươn lên đứng hàng thứ ba ở Mỹ trong năm 1990 ngang hàng với Chrysler (9,2% số xe được bán) chỉ sau General Motors và Ford.

Song sự khuynh đảo chủ yếu của ngành xe hơi Nhật diễn ra ở châu Âu. Hơn ở đâu khác, chính trên sân khấu châu Âu sẽ quyết định sự thành bại của Nhật Bản. Thị trường châu Âu về xe hơi là thị trường số một thế giới với 12 triệu xe được đăng ký năm 1988. 325 triệu người châu Âu mua 41% số xe hơi bán trên thế giới. Song các hãng sản xuất xe hơi châu Âu đã tỏ ra có những dấu hiệu thụt hơi. Thật ra, Fiat đã vươn dậy một cách ngoạn mục, cùng lúc Peugeot đang tìm lại được một thế ổn định. Năm 1989, Peugeot đã thu được một khoản lợi nhuận tăng lên đến 16,4% tức 10,3 tỷ franc. Thế nhưng, Renault lại đã công bố mức lợi nhuận dự báo của mình sẽ giảm đến 60% trong năm 1990. Và trong khi 1.600 công nhân hãng Rolls Royce ở Coventry đang bãi công trong các giờ phụ trội để đòi giữ lại giờ giải lao buổi sáng thì số xe Nhật xin đăng ký ở châu Âu đang vượt trên 10%. Cùng lúc, việc bán các nhãn hiệu sản xuất của châu Âu cho nước ngoài đang có xu hướng thu hẹp lại.

Các hãng sản xuất đang bắn khoăn về thời kỳ khó khăn sắp tới. Họ bí mật rình rập xem ai trong số họ sẽ là người rơi xuống vực thẳm trước. Và sự sụp đổ này sẽ gây chấn động. Song nó lại tạo ra chỗ trống cho những kẻ khác nghỉ xả hơi đôi chút. Dầu sao đó cũng chỉ một giây lát thôi. Còn sau đó là tới phiên họ. Trong số các “ứng cử viên”, có người cho là BMW, kẻ khác cho là Renault, hoặc Peugeot vốn cũng không hẳn vững vàng cho lắm. uviansach.vn

Vậy mà ngành công nghiệp xe hơi lại là cái xương sống của nền kinh tế kinh tế châu Âu. Khu vực sản xuất này sử dụng hàng triệu người ở khắp CEE và chỉ riêng ở nước Pháp đã là 200.000 người. Ngoài việc giết chết nền công nghiệp quốc gia, sự phá sản của các hãng sản xuất hàng đầu như Renault sẽ còn gây ra những hậu quả xã hội khôn lường. Một chính phủ khó có thể chấp nhận một thảm họa như thế. Bởi vì các phản ứng dây chuyền đối với các khu vực sản xuất khác sẽ là điều không tránh khỏi. Song hiện còn có thể có một giải pháp khác không ?

Sự di trú giết người

Nhật Bản đã trở nên giàu có một phần nhờ vào việc xuất khẩu xe hơi. Chỉ riêng trong năm 1989, nó đã thu được gần 50 tỷ đô la (250 tỷ franc). Xe hơi vẫn là mặt hàng hàng đầu trong xuất khẩu của Nhật Bản. Tôi đã đến thăm các xí nghiệp của Nissan ở Murayama, gần Tokyo. Các dây chuyền lắp ráp ở đây gần như hoàn toàn tự động, rất sạch sẽ, gọn gàng, các người máy có bánh xe tập nập như con thoi đưa các bộ phận đến các hành lang phân xưởng. Trong những xí nghiệp này, công nhân làm việc đeo găng tay trắng và việc đình công là chuyện xa lạ với họ. Với một hệ thống kiểm tra chặt chẽ, những chiếc xe khi xuất xưởng đều hoàn chỉnh và có chất lượng không thể chê trách được.

Song hiện nay, công thức chiến thắng của ngành công nghiệp xe hơi Nhật Bản đối với các đối thủ cạnh tranh của mình ở châu Âu đã khác xa trước. Đó là sự phi địa phương hóa sản xuất. Các loại xí nghiệp “di trú” phát triển nhanh như tia chớp trong một vài năm qua. Các dự báo công khai của các hãng Nhật cho thấy sự tăng trưởng khủng khiếp này sẽ còn tiếp tục trong những năm tới. Các loại xí nghiệp phi địa phương hóa có nhiều lợi thế: tránh được những chấn động mạnh mẽ trên thương trường do việc xuất khẩu, nắm sát khách hàng, kiểu dáng phù hợp hơn với thị hiếu người tiêu thụ, bù đắp được sự khan hiếm lao động ở Nhật Bản, khai thác được nguồn lao động rẻ mạt tại chỗ.

Chúng ta biết rằng qua kinh nghiệm có được, người Nhật càng ngày càng có những thủ đoạn tinh vi trong việc phi địa phương hóa đến mức đôi khi biến những kẻ đã kết án họ chỉ dựng lên “những xí nghiệp vệ tinh” thành kẻ nói dối. Bởi vậy, rất khó tìm thấy người Nhật tại nhà máy Nissan ở Sunderland (Anh) được mở cửa năm 1984 với sản lượng dự kiến sẽ đạt mức 200.000 xe hơi vào năm 1983: chỉ có hai người Nhật trên tổng số 2.300 công nhân đủ để duy trì liên lạc với trung tâm nghĩa là một phó tổng giám đốc và một giám đốc tài chánh. Sau thời gian dài do dự và trước sự cạnh tranh của phương Tây (Volkswagen, Peugeot và Citroen), các hãng sản xuất xe hơi Nhật Bản đã chuyển hướng sang Trung Quốc. Từ năm 1993, Suzuki

sẽ sản xuất 10.000 xe hơi mỗi năm. Còn Daihatsu thì năm 1990 đã sản xuất 25.000 xe mỗi năm. Nhiều dự án khác đang được thảo luận.

Sản lượng của các xí nghiệp phi địa phương hóa thuộc các hãng hàng đầu của Nhật Bản (đơn vị: cái và mức tăng hàng năm)

	1989	1990 (dự kiến)
Toyota	472.000 (+93%)	650.000 (+38%)
Nissan	636.000 (+16%)	683.000 (+7,4%)
Honda	531.000	650.000 (+22%)
Mitsubishi	310.000	410.000 (+33%)

1992: Châu Âu không thống nhất

Châu Âu năm 1992 lẽ ra phải hợp nhất để đương đầu với sự cạnh tranh quốc tế. Trong lĩnh vực xe hơi, trừ phi có một sự tỉnh thức của cộng đồng châu Âu mà hiện có hy vọng, còn không thì sự nghiệp này coi như đã mất. Trước viễn cảnh của một bất hòa này, người Nhật đang xoa tay cười mỉm. Những chia rẽ giữa các nước thành viên CEE hiện đang sâu sắc hơn bao giờ hết. Chuyện đối phó thì dễ song vấn đề là quy mô. Cần phải có được một chiến lược toàn châu Âu về xe hơi để từ năm 1993 có thể đương cự với cú đánh phủ đầu của Nhật Bản mà vẫn đảm bảo tôn trọng các nguyên tắc tự do mậu dịch trong khuôn khổ của GATT. Các quan điểm hiện rất xa cách nhau. Một bên là Pháp, Ý, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha với thị trường được bảo hộ chặt chẽ bằng những hạn ngạch nhập khẩu đối với xe hơi Nhật. Các nước này đòi hạn chế nhập khẩu xe hơi Nhật trong một thời gian từ 5-10 năm, để cho ngành công nghiệp xe hơi địa phương chuẩn bị đối phó với việc mở cửa hoàn toàn. Ngược lại là Đức nhân danh các nguyên tắc thiêng liêng của tự do mậu dịch, là Anh vì lợi ích cục bộ của mình. Hai nước này ủng hộ các biện pháp mềm dẻo với Nhật Bản.

Cuộc chơi càng trở nên phức tạp hơn do sự có mặt của các loại xí nghiệp phi địa phương hóa. Pháp cho rằng các xe hơi ra lò từ các nhà máy này cũng là của Nhật Bản, nên cứ khẳng định đòi phần sản lượng này cũng phải được tính vào số hạn ngạch quy định. Trong khi đó, vì muốn bán số xe hơi của Nhật Bản sản xuất tại nước mình vào thị trường châu Âu, nước Anh lại cho rằng không thể tính gộp như thế. Thậm chí các hãng sản xuất xe hơi châu Âu cũng không đồng ý được với nhau.

Raymond Levy, chủ hãng Renault nói:

“Người Nhật càng ở gần thì càng nguy hiểm. Nói chuyện thương lượng với người Nhật là không nghiêm chỉnh. Đã đến lúc, người châu Âu và những người tự do nhất trong số họ, hiểu rằng cuộc cạnh tranh với người Nhật là không trung thực. Cơ cấu kinh tế của Nhật Bản hướng hoàn toàn đến việc thâm nhập vào thế giới”. [74]

Jacques Calvet khẳng định:

“Cứ nhập 6 xe hơi Nhật thì châu Âu mất một chỗ làm. Cứ tạo ra 2 chỗ làm cho người Nhật ở châu Âu thì có hai người châu Âu mất chỗ làm. Mở ngõ các biên giới châu Âu có nghĩa là 140.000 người châu Âu sẽ mất chỗ làm”. [75]

Theo Robert Eaton, Chủ tịch hãng General Motors, hy vọng các biện pháp bảo hộ có thể mang lại hiệu quả về lâu dài là một “ảo tưởng”. Song theo Michel Rocard:

“Không một áp lực chính trị hoặc ngoại giao nào, dù có mạnh đến mức nào đi nữa, cũng không thể đẩy nước Pháp và CEE đi đến chấp nhận một cuộc khủng hoảng xã hội lan rộng với hàng trăm ngàn người bị sa thải”. [76]

Người Nhật giống như những ông hoàng tốt bụng, đã cho biết họ sẵn sàng ký kết một thỏa thuận tự giới hạn xuất khẩu xe hơi trong thời hạn 5 năm. Họ không chấp nhận bất cứ điều khoản nào liên quan đến các xí nghiệp “di trú”. Kết quả: Frans Andriessen, phó chủ tịch Ủy ban CEE, phụ trách việc thương thảo với Tokyo quả không còn biết đâu mà lần. Bởi đến năm 1993, nếu chưa đạt được một thỏa thuận nào thì 12 nước của châu Âu sẽ đương nhiên áp dụng các luật lệ của cộng đồng chung châu Âu và bãi bỏ các hạn ngạch quốc gia. Còn trong lúc này, tình trạng “ông nói gà bà nói vịt” diễn ra điếc tai mà chỉ có châu Âu là chịu thiệt thòi mà thôi.

Trong lúc đó thì người Nhật chuẩn bị

Người châu Âu cãi nhau ầm ĩ ư ? Người Nhật thật bình thản. Có thỏa thuận với châu Âu, ván cờ “go” vẫn tiếp tục: âm thầm, không kèn không trống các hãng sản xuất xe hơi Nhật Bản vẫn tiếp tục triển khai cuộc xâm chiếm toàn cầu một cách ồ ạt. Liệu cuộc xâm chiếm này diễn ra tại châu Âu ở quy mô nào ? Đối với Nissan, các dự án đã nói rõ.

Yoshikazu Kawana, chủ tịch Nissan-Europe đã cho biết:

“Các dự án mang đầy tính tham vọng. Ở Anh, chúng tôi muốn tăng gấp đôi công suất vào năm 1992. Ở Tây Ban Nha, chúng tôi muốn sản xuất 150.000 xe hơi vào năm 1995”. [77]

Về phần mình, Toyota hi vọng sẽ sản xuất 200.000 xe hơi tại Anh từ nay cho đến giữa năm 1995. Toyota đã “ma lanh” quyết định chuyển trụ sở châu Âu của mình về Bruxelles, nơi đặt trụ sở của ủy ban châu Âu. Năm 1989, Toyota đã bán 400.000 xe hơi tại châu Âu. Tổng cộng số xe hơi của các hãng Nhật ở châu Âu là 1,08 triệu xe trong tám tháng đầu năm 1990, nghĩa là tăng hơn 6% so với cùng kỳ năm 1989. Cùng lúc, phần của Nhật Bản xuất sang thị trường châu Âu cũng đã tăng từ 10,9% lên 11,6%.

Người Nhật đã có mặt dày đặc ở châu Âu. Nhiều dự án táo bạo nhất đang được xem xét. Toyota dự kiến thành lập một xí nghiệp liên doanh ở Thổ Nhĩ Kỳ để năm 1994 sản xuất hơn 100.000 xe hơi mỗi năm và xuất khẩu một phần sang Liên Xô. Mazda không chậm trễ đã xuất khẩu xe hơi sang Liên Xô ngay từ tháng 6/1990. Hãng này cũng phối hợp với Ford để sản xuất 120.000 xe hơi mỗi năm tại Đức kể từ năm 1992. Honda cũng đã bắt đầu bán xe hơi sang Israel từ tháng 4/1990. Để tránh bị tẩy chay có thể xảy ra từ phía các nước Ả Rập, số xe hơi này được nhập từ các xí nghiệp “di trú” của Honda ở Mỹ. Daihatsu đã hủy bỏ một dự án ở Ba Lan, song Toyota vẫn tiếp tục các nghiên cứu khả thi về một xí nghiệp ở Tiệp Khắc. Để không bị chậm chân, Suzuki đã ký một thỏa thuận xây dựng một dây chuyền lắp ráp ở Hunggari.

Phát súng ân huệ có lẽ phát ra từ phía Mitsubishi. Ngay từ đầu năm 1990, hãng này đã xúc tiến các cuộc thương lượng với Daimler-Benz nhằm tiến hành một sự hợp tác đa phương, đặc biệt là trong lĩnh vực xe hơi. Phát súng quyết định là Mitsubishi vẫn tiếp tục các cuộc thảo luận với Volvo trong khi hãng sản xuất này đã liên minh xong với Renault về mặt tài chánh. Nếu các bạn hãng Thụy Điển và Nhật đạt được thỏa thuận thì Mitsubishi-Volvo sẽ sản xuất tại Bỉ trên 200.000 xe Mitsubishi-Mirage mỗi năm đủ để tràn ngập thị trường châu Âu. Đây không còn là những “xí nghiệp gia công” đơn thuần bởi vì 75% các bộ phận của loại xe này sẽ được sản xuất tại chỗ. Song không ai nghi ngờ rằng bằng cách này Nhật Bản sẽ có được một đầu tàu chiến lược ở châu Âu. Và vì vậy, với thời gian, Renault có nguy cơ chỉ là một thứ bình phong không hơn không kém.

Điện tử và tin học: một chiến thắng hoàn toàn

Trong lĩnh vực này, tình thế thật cay đắng, đáng lo âu thậm chí là thảm hại. Hồi chuông báo động đã điểm đối với người phương Tây. Lửa trong nhà đã bốc cháy. Một cuộc tháo chạy khủng khiếp đang có nguy cơ xảy ra. Trong khi người Nhật đã tung ra những nguồn tài chánh về nhân lực quyết định vào lĩnh vực nghiên cứu và cải tiến công nghiệp, thì người châu Âu và Mỹ lại sa thải công nhân, không đầu tư hoặc chịu khuất phục trước người Nhật. Chính vì vậy, hãng Philips (Hà Lan), trong khi mức thua lỗ gia tăng (1.06 tỷ đô la, tương đương 5,3 tỷ franc trong 9 tháng đầu năm 1990) thì

vào tháng 10/1990 lại loan báo trong hai năm sẽ sa thải từ 35.000 đến 45.000 công nhân. Hãng Bull (Pháp) cũng vậy, đã loan báo bị thua lỗ 3 tỷ franc trong năm 1990 và năm 1991 sẽ sa thải 5.000 công nhân sau khi đã sa thải 2.500 người năm 1990 và 2.000 người năm 1989. Hãng Olivetti (Ý), vào tháng 11/1990, cũng đã loan báo sa thải 7.000 công nhân trong những năm sắp tới. Người khổng lồ tin học ICL (Anh) cũng đã được Fujitsu mua đứt tháng 7/1990. Tình hình này thậm chí còn bi đát đến mức thâm thủng mật dịch của ngành điện tử châu Âu đã tăng lên gấp 20 lần chỉ trong 10 năm. Theo kết luận của bộ phận phân tích của Pháp thuộc công ty điện tử quốc tế (EIC) thì trừ phi kịp nhận thức được tình hình, còn không thì số dư mật dịch của ngành điện tử châu Âu có nguy cơ – 50,8 tỷ đô la (254 tỷ franc) vào năm 1995. Vấn đề của châu Âu là “không nhận thức được mối hiểm họa đang giết chết ngành công nghiệp điện tử của mình” [78]

Số dư mật dịch của các ngành công nghiệp điện tử (tính bằng tỷ đô la)

	Châu Âu	Mỹ	Nhật Bản
1979	-1,5	+4,3	+13,3
1989	-34,2	-7,7	+62,7
1995 (dự báo)	-50,8	-17,9	+86,8

Nguồn: Electronics International Corp, tháng 10/1990

Quả là người Nhật không phải luôn giành được chiến thắng trên mọi trận địa. Bằng chứng là tỷ trọng của các hãng Nhật trong thị trường thế giới về bán dẫn (doanh số hiện nay của thị trường này là 58 tỷ đô la hàng năm) đã có sút giảm một chút trong năm 1990 xuống còn 49,5% so với 52,1% năm 1989 theo như số liệu của viện Dataquest (Mỹ). Song, dù có bị gián đoạn đôi chút, chiến thắng chung cuộc của các hãng Nhật trong cuộc chinh phục thị trường này là không thể nghi ngờ. Bằng chứng là năm 1989 và 1990, kết quả kinh doanh của tất cả các tập đoàn điện tử Nhật tăng vọt. Năm 1989, tài sản cố định của Hitachi đã tăng 33,8% (đạt 7.805 tỷ yên, tương đương 281 tỷ franc), của Toshiba tăng 49,7% (đạt 5.181 tỷ yên, tương đương 218,5 tỷ franc), của Fujitsu tăng 28,2% (đạt 2.971 tỷ yên, tương đương 148,5 tỷ franc) [79]. Cuộc đời, ôi lại cũng đẹp sao cho người Nhật. Lợi nhuận của Hitachi tăng 9% trong quý I năm 1990 (đạt 60,25 tỷ yên, tương đương 2,1 tỷ franc), của Toshiba tăng 31% (đạt 64 tỷ yên, tương đương 2,3 tỷ franc) và của Mitsubishi Electric tăng 37% (đạt 34,5 tỷ yên, tương đương 1,2 tỷ

franc). Dự báo mức tăng cho cả năm 1990 của ba hãng trên là 17%, 14% và 19%. [\[80\]](#)

Kết quả: hơn bao giờ hết, ngành điện tử của Nhật Bản đã vượt ra khỏi các biên giới của nó và khẳng định ngày một mạnh mẽ trên thế giới. Thông qua việc đầu tư và mua lại các xí nghiệp, Nhật Bản đang từng chút, từng chút gặm nhấm cái bánh của thế giới. Và cũng từng bước từng bước, họ biến khoảng cách giữa họ và các đối thủ cạnh tranh thành cái hố ngăn cách. Ngay từ năm 1989, Bộ quốc phòng Mỹ đã thú nhận rằng Nhật Bản đã dẫn trước Mỹ 6 trong số 22 ngành công nghệ mà Lầu Năm Góc xem là “mẫu chốt” cho an ninh quốc gia của nước Mỹ [\[81\]](#). Vào tháng 6/1990, Bộ Thương mại Mỹ đã công bố một báo cáo trong đó tiết lộ rằng ưu thế tuyệt đối của Nhật Bản là một mối đe dọa cho ngành công nghiệp điện tử Mỹ vào trước cuối những năm 90 [\[82\]](#).

Tình trạng rối ren này là do đâu ? Để mạnh hơn, từ lâu Nhật Bản đã vạch ra những hướng phát triển dài hạn, còn châu Âu thì lại đang cố loay hoay cứu vãn hai dự án tội nghiệp là Esprit và Eurêka của cộng đồng châu Âu mà người ta đã có thể tiên đoán là cả hai sẽ mất cả người lẫn của trong cơn lốc Nhật Bản. Nhật Bản có những tài sản kỹ sù, còn châu Âu thì lại nghèo đến mức gặp ai cũng ngửa tay mượn tiền. Ở Nhật Bản, một đường lối công nghiệp cường tráng đang tiếp tục tạo ra những phép lạ kinh tế. Còn ở phương Tây, thứ chủ nghĩa tự do kinh doanh và mậu dịch đang làm tê liệt các chiến lược liên kết và làm lợi cho kẻ thù.

Chưa hết, đất nước Mặt trời mọc không chỉ đào sâu hố cách biệt với phần còn lại của thế giới, mà nó còn chuẩn bị các ngành công nghệ chiến lược để một ngày nào đó trong tương lai đảm bảo cho nó nắm giữ toàn bộ lĩnh vực tin học và cùng với tin học là một phần lớn cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Nhật Bản đã tỏ ra tuyệt vời trong nghiên cứu ứng dụng. Từ lâu, họ còn yếu kém trong nghiên cứu cơ bản. Song họ đang khắc phục sự chậm trễ này. Lợi dụng tình trạng suy yếu của phương Tây, những người lãnh đạo Nhật Bản hiện đang có tham vọng thu hút tất cả những nhà nghiên cứu giỏi nhất của nước ngoài làm việc cho Nhật Bản. Một đề nghị hấp dẫn cho những bộ óc không thể phát huy ở chỗ chúng ta: tạo điều kiện cho MITI vừa thành lập ở Tokyo một viện nghiên cứu quốc tế về công nghệ cao cấp.

Với những nguồn vốn được tài trợ thường xuyên, các tập đoàn hàng đầu của Nhật Bản đang tiến công vào mọi lĩnh vực điện tử của tương lai. Trong số những ứng dụng sẽ ra đời trong tương lai là truyền hình có độ rõ cao mà khả năng tiêu thụ của thị trường sẽ rất lớn, các thiết bị bán dẫn siêu nhỏ, máy vi tính thế hệ thứ năm, thứ sáu, các thiết bị vi-laser, siêu dẫn, bộ nhớ có

công suất cực lớn, các nguồn năng lượng mới, các siêu máy tính cực nhanh, các bộ chuyển đổi số theo kênh nổi trong các thành phố lớn (cho phép chuyển tiếng nói, hình ảnh và các dữ liệu trên một đường dây duy nhất), trí thông minh nhân tạo và những lĩnh vực đa dạng của công nghệ sinh học. Các ứng dụng từ đó cũng sẽ là vô kể và đó cũng là lời báo trước sự bại trận của phương Tây.

Đây chỉ là một số lĩnh vực mang tính tiên phong. Sony đã tung ra thị trường loại tự điển và sách trên đĩa Compact, một loại băng ghi dữ liệu cực nhỏ: 100.000 trang tư liệu được ghi lại trên một đĩa cực nhỏ. Toshiba loan báo đã sản xuất một loại vòng mạc nhân tạo có nhiều ứng dụng khác nhau, đặc biệt là tranh y khoa và người máy. Hitachi vừa hoàn thành (tháng 6/1990) bộ nhớ điện tử khổng lồ đầu tiên có công suất 64 mégabit, nghĩa là trên một diện tích cực nhỏ chỉ bằng 1,97 cm², có 149 triệu mạch điện tử và có khả năng lưu trữ 64 triệu thông tin. Các hãng Nhật còn đứng đầu về số bằng sáng chế. Ở Mỹ, Hitachi dẫn đầu với 1.053 bằng sáng chế, kế đến là Toshiba (949) và Canon (949), Fuji (884). Đứng hàng thứ năm là General Electric của Mỹ với 818 bằng sáng chế.

Để khẳng định những tiến bộ của Nhật Bản, chỉ cần đến thăm một trung tâm nghiên cứu chẳng hạn như trung tâm nghiên cứu của Nippon Electric Corp (NEC). Trung tâm Miyazakidai, một trong bốn trung tâm lớn của NEC nằm cách Tokyo 30 phút. Tôi đã được Hirozaku Goto đón tiếp. Ông ta là trưởng ban dịch vụ kỹ thuật và kế hoạch hóa của bộ phận nghiên cứu và phát triển của NEC. Có cần nói rằng ông ta làm việc mỗi ngày từ 8 giờ 30 đến 22 giờ 30 chẳng ? Rằng ông ta không hề biết đến nghỉ hè chẳng ? Rằng cuộc sống gia đình của ông ta bị hy sinh cho cuộc sống nghề nghiệp chẳng ? Tôi thì không hề thích một cuộc sống như thế. Song ông ta tự hào với những thành tựu ở trung tâm của ông, một cơ sở sử dụng đến 1.000 nhà nghiên cứu, trong đó có 30 người nước ngoài từ Mỹ, châu Âu và châu Á. Tôi bị thu hút đặc biệt bởi kho tàng những “con bọ” cực nhỏ. Tuy không là người sản xuất đầu tiên những bộ nhớ có công suất 64 mégabit. Song do cạnh tranh, hãng này vẫn tiếp tục đẩy mạnh các nghiên cứu để tạo ra một mạch kết hợp tối ưu bằng cái lớp vi mạch điện tử có độ hoàn hảo cao. NEC, được thành lập năm 1899, tự hào là đã sáng chế ra máy tính nhanh nhất thế giới vào năm 1983 và bộ nhớ có công suất 4 mégabit đầu tiên vào năm 1986.

Ở Miyazakidai, “tủ kính” của các công nghệ mũi nhọn của NEC, ngày mai đã bắt đầu từ hôm nay. Một trong những dự án được chủ tịch hãng, “tiến sĩ Kobayashi” rất ưa chuộng là một hệ thống dịch thuật điện tử tự động, cùng lúc và toàn bộ ứng dụng trong điện thoại. Hệ thống này cho phép một người Pháp nói chuyện với một người Nhật, một người Tây Ban Nha nói chuyện với người Hoa, một người Đức nói chuyện với một người

Indonésia... mỗi người nói bằng ngôn ngữ riêng của mình, không mất thời gian, không bị phiền hà, không bị hiểu lầm, không cần có sự can thiệp của người khác. Việc hoàn thành hệ thống này cực kỳ phức tạp và sử dụng hàng loạt những yếu tố không thể lường được trên bình diện công nghệ. Cho dù có thể xảy ra những tình huống bất định trong tương lai thậm chí có nguy cơ sai lầm, NEC đã ấn định thời gian hoàn thành cho dự án này vào cuối thế kỷ.

Hirokazu Goto nói: “Chủ tịch của chúng tôi, tiến sĩ Kobayashi, đã ra lệnh cho chúng tôi hoàn thành trước năm 2.000. Đó là giấc mơ của ông ta”. Tôi hỏi liệu ông có nghĩ là công việc sẽ hoàn thành đúng hạn ? Ông ta bình thản trả lời: “Chúng tôi phải làm. Đó là nhiệm vụ của chúng tôi. Chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi có khả năng làm việc đó. Nhưng không ai biết một cách chính xác. Và các đối thủ cạnh tranh của chúng tôi cũng đã góp phần công sức”. Nhưng nếu ông thất bại trong cuộc thử tài này thì điều gì sẽ xảy ra cho ông ? Tôi hỏi liệu với tư cách một Samurai kiểu mẫu của NEC như ông, ông có seppuku không, nói cách khác là ông có tự mổ bụng để lấy máu mình rửa nỗi nhục thất bại không ? Cả cử tọa cười rộ. Ở châu Á, cái cười thường biểu hiện sự lúng túng. Thế rồi Hirozaku trả lời không phải không trang trọng: “Ít nhất thì tôi cũng phải từ chức”.

Hàng không và không gian: “Biên giới mới” của Nhật Bản

Đây là hai lĩnh vực mà Nhật Bản chậm chân sau Mỹ và châu Âu. Người khổng lồ Nhật chưa sản xuất một máy bay, một trực thăng, một tên lửa thương mại nào đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Song những ai vẫn thường ưa gân cổ lên rêu rao (vâng ít ra cũng có một cái để thỏa lòng đấy !) thì hãy im miệng đi. Thế độc quyền này của phương Tây không còn kéo dài lâu nữa. Thật vậy, Nhật Bản đã muốn khắc phục sự chậm trễ này trong thời gian ngắn nhất. Ở Tokyo, chỉ suy nghĩ rằng cần thả mace cho phương Tây hai lĩnh vực đầy hứa hẹn trên bình diện công nghệ và thương mại này đã là không thể chịu đựng nổi rồi. Riêng Nhật Bản sẽ phải đạt 26 tỷ đô la (130 tỷ franc) về máy bay thương mại từ nay cho đến năm 2.000, tức 8% tổng số máy bay thế giới. Tại sao Nhật Bản phải chấp nhận sự vượt trội của nước ngoài ? Chính phủ Nhật ý thức rất rõ giá trị chiến lược cao của những tên lửa phóng vệ tinh đối với hành tinh trái đất.

Để làm công việc này, các nhà công nghiệp Nhật đã tìm cách để có những chuyên gia công nghệ. Mitsubishi Heavy Industries, Kawasaki Heavy Industries và Fuji Heavy Industries đang tích cực gia công cung cấp các bộ phận cho máy bay boeing 767. Một thỏa thuận đã được ký kết tháng 4/1990 nhằm hợp tác xây dựng các cơ sở chế tạo máy bay B-777, một loại vận tải cơ mà trong tương lai sẽ là đối thủ cạnh tranh của Airbus A-330. Ba tập đoàn hàng đầu của Nhật Bản sẽ cung cấp 15-20% thân máy bay của loại máy bay hai động cơ tương lai này và tham gia tài trợ các chi phí cho nó. uviensach.vn

Mặt khác, Nhật Bản cũng đã được tham gia vào việc thiết kế một loại máy bay chiến đấu Mỹ-Nhật mang tên FSX trong đó Nhật Bản sẽ đóng góp phần lớn về mặt công nghệ. Washington không còn chọn lựa nào khác. Hoặc như vậy hoặc không có gì. Người Nhật đã cho biết rằng dù bất kể với lý do gì họ cũng không nhận mua những chiến đấu cơ mà chính phủ Mỹ áp đặt cho họ. Thật ra, người Mỹ cũng không khờ khạo gì. Họ hoàn toàn đánh hơi được mối hiểm họa là một khi làm chủ được những kỹ thuật cần thiết, Nhật Bản sẽ vượt lên trên cả Mỹ cũng như họ đã tống khứ người châu Âu để tiếp tục con đường một mình. Rồi sau đó theo như một kịch bản đã rõ, máy bay Nhật sẽ lao vào cạnh tranh với ngành công nghiệp hàng không của châu Âu và nếu cần thiết thì Nhật Bản cũng sẵn sàng hạ giá và phá giá. Nhưng làm thế nào để từ chối những đề nghị của Nhật Bản ? Nếu như người Mỹ từ chối, họ sẽ làm với châu Âu. Mitsubishi và Daimler đã tiến hành thảo luận những hình thức cho một sự hợp tác trong lĩnh vực hàng không và hàng không vũ trụ. Nhiều quan hệ tương tự trong lĩnh vực này hẳn sẽ được xúc tiến không lâu nữa.

Về lâu dài, Nhật Bản còn muốn nhắm đến những mục tiêu lớn hơn. Nó ước mơ chế tạo một máy bay vận chuyển siêu thanh có khả năng bay nhanh gấp năm lần vận tốc âm thanh, nối liền Paris-Tokyo trong hai giờ bay. Nhiều khoản đầu tư quan trọng đã được giành cho chương trình nghiên cứu thiết kế một động cơ thích hợp cho loại máy bay siêu – Concorde này. Ba hãng Mitsubishi, Kawasaki và Ishikawajima-Harima của Nhật Bản đã được huy động. Hai hãng United Technologies và General Electric của Mỹ cũng như hãng Rolls-Royce của Anh, và hãng Snecma của Pháp, cũng đã đề nghị những khoản đóng góp lớn để được cùng phối hợp trong những nghiên cứu này. Cơ quan NASA đã tỏ ra lo ngại thật sự trước việc các bí mật công nghệ đang bị đe dọa chuyển giao cho người Nhật. Một điều đã rõ là: kẻ vắng mặt là kẻ thua thiệt.

Còn trong lĩnh vực không gian, quyết tâm vươn lên đứng vào hàng ngũ những cường quốc không gian của Nhật Bản không chỉ mới bắt đầu từ hôm qua. Những người lãnh đạo Nhật Bản cảm thấy khó chịu khi có nước thậm chí như Trung Quốc còn làm được nhiều hơn Nhật Bản, bởi vì quốc gia này là thành viên trong một câu lạc bộ hạn chế các cường quốc không gian, bên cạnh châu Âu, Mỹ và Liên Xô. Viện khoa học hàng không và không gian quốc gia của Nhật Bản, thành lập năm 1954 đã trở thành cơ quan phát triển không gian quốc gia (NASDA). Các nhà nghiên cứu Nhật không hề thất nghiệp. Song ngành công nghiệp không gian Nhật Bản phải gánh chịu một bất lợi nặng nề: nó không thể dựa trên những tác động quân sự do Nhật Bản không được phép có quân đội riêng. Do lệ thuộc quá lâu vào Mỹ, Nhật Bản đã muốn vượt ra khỏi sự bảo hộ này. Ngay từ 1975, chính quyền Nhật đã quyết định thông qua nguyên lý phát triển một loại tên lửa mang tên H1 có khả năng đưa một khối lượng 500 kg vào quỹ đạo địa tĩnh. Tên lửa H1 nặng

137 tấn và đã được phóng đi thành công 6 lần, chuyển phóng cuối cùng đã lần đầu tiên cho phép đưa vào quỹ đạo cùng lúc ba vệ tinh.

Năm 1984, Tokyo quyết định chế tạo một loại tên lửa hiện đại hơn với hai tầng đẩy bằng một hỗn hợp lỏng làm lạnh đủ sức đưa một khối lượng nặng hai tấn vào quỹ đạo địa tĩnh và một khối lượng khác nặng bảy tấn vào quỹ đạo thấp. Việc chế tạo những động cơ cho loại tên lửa này không phải không gặp trục trặc. Ngay cho đến tháng 11/1989, tầng một của tên lửa này còn bốc cháy trong một lần phóng thử trên đất. Vào tháng 9/1989, cũng đã xảy ra một thất bại nghiêm trọng. Tuy vậy, cuộc thử nghiệm đã thành công tốt đẹp vào tháng 3/1990 và một tên lửa đầu tiên dự định sẽ được phóng vào năm 1993. Tên lửa này cao 49 mét, đường kính 4 mét, nặng 258 tấn. Nó sẽ là đối thủ cạnh tranh trực tiếp của tên lửa Ariane-5, loại tên lửa thế hệ mới của châu Âu và của tên lửa Titan-3, loại tên lửa quy ước của Mỹ. Nếu như cần phải chứng minh rằng không gian từ đây đã trở thành một sự nghiệp mới của nước Nhật thì đây là bằng chứng: ngày 5/7/1990, đã là ngày khai sinh một consortium mới mang tên: Rocket Systems Inc, được thành lập với 75 hãng tư nhân. Rocket Systems Inc có mục tiêu chế tạo và kinh doanh loại tên lửa H2 cũng như các tên lửa và vệ tinh tương lai của Nhật Bản. Trong số này có Mitsubishi Heavy Industries, Ishikawajima-Harima và Kawasaki đứng chen vai thích cánh cùng với NEC, Toshiba và Nissan.

Song đối với Nhật Bản, cuộc thám hiểm không gian không dừng lại ở ngưỡng cửa trái đất. Liên Xô sẽ mãi mãi ghi lại trong lịch sử như là cường quốc đầu tiên đã phóng thành công một vệ tinh vào trong không gian năm 1957. Nước Mỹ đã trở thành quốc gia đầu tiên đưa các phi hành gia đổ bộ lên Mặt Trăng. Bước tiên công nghệ của hai cường quốc này là to lớn. Còn nước Nhật lại vẫn chưa đưa thành công một người nào vào không gian. Cũng giống như không phải người đầu tiên sáng chế ra xe hơi hoặc điện thoại, song điều này không hề ngăn cản nước Nhật tiếp tục các cố gắng của mình. Ngày 2/11/1990, NASDA đã công bố rõ các mục tiêu của nó. Nó đang chuẩn bị để đưa một ê kíp gồm ba nhà phi hành không gian lên Mặt Trăng nhằm trong vòng 20-30 năm, thiết lập một trạm thường trực. Điều này chắc không là tham vọng duy nhất của nước Nhật. Vũ trụ trong tương lai sẽ là một biên giới mở rộng cho công nghệ của Nhật Bản. Và không có gì nghi ngờ là Nhật Bản sẽ lại tung ra các thách thức to lớn bằng tất cả tài năng và phương tiện của nó để trong tương lai, nó lại có thể đảm nhận một sứ mạng tiên phong nhân danh toàn thể nhân loại ở nơi xa tắp trong dải ngân hà của chúng ta.

*

II. Nước Nhật muốn thống trị thế giới ?

Không có sự kiêu ngạo thông minh.

Céline, Cuộc hành trình qua đêm.

Những người có suy nghĩ độc lập quan tâm đến vấn đề này đang tự đặt câu hỏi: nước Nhật muốn gì và sẽ làm gì bằng sức mạnh mới của họ ? Trước tầm hoạt động rộng lớn của Nhật Bản trên thế giới, người ta không thể không đặt vấn đề này một cách nghiêm túc. Cuộc tranh luận về vấn đề này có ý nghĩa sống còn. Câu trả lời có thỏa đáng và sẵn sàng hay không tùy thuộc vào việc xác định nhanh hay chậm chiến lược của phương Tây. Những năm sắp tới sẽ là những năm quyết định. Dù vì nguyên do nào, dù với chiến lược nào, thế giới cũng sẽ biến đổi một cách căn bản. Nếu phương Tây chọn hạ sách là lùi về cổ thủ, chúng ta sẽ thấy xuất hiện những cực mới, một bên là châu Á với Nhật Bản đứng đầu, một bên là sự suy thoái đã quá rõ của nước Mỹ. Chính sách cô lập và bảo hộ mậu dịch không phải là giải pháp lâu dài. Nếu thế giới phương Tây dùng biện pháp chiến tranh nhằm loại trừ sự cạnh tranh của Nhật Bản thì chắc rằng hành tinh chúng ta sẽ trở lại thời đại hoang dã. Song nếu phương Tây chọn con đường hòa nhập với phương Đông, có thể thế giới ngày mai sẽ là thế giới hài hòa và thanh bình.

Để thử làm sáng tỏ ít nhiều cuộc tranh luận khó khăn đó, tôi nghĩ điều quan trọng là phỏng vấn những diễn viên và khán giả của vở vũ kịch hấp dẫn này và tập hợp một số ý kiến của họ. Cũng không có gì phải ngạc nhiên khi thấy những lời tuyên bố của họ rất khác nhau, dù họ là người Âu hay người Nhật. Người Âu thì biểu lộ một sự bất an sâu sắc, đôi khi là mối lo âu, nếu như không phải là một sự ác cảm ra mặt. Còn người Nhật thì trầm tĩnh hơn, tự tin đôi khi cao đạo, nhưng không kiêu căng. Chính vì thế cuộc tranh luận còn lâu mới kết thúc, bởi đôi bên còn cách biệt sâu sắc, cả ở phương Đông và cả ở phương Tây. Nhưng có điều khích lệ cả từ hai phía là ngôn ngữ quanh co đã được thay thế bằng những bài diễn văn thẳng thắn hơn. Những dấu hiệu đó cho thấy một bên là mối quan tâm của giới trí thức Nhật Bản về sự hội nhập của nước họ vào thế giới và một bên là mối quan tâm của phương Tây về một đối sách trước những thách thức đang hình thành.

Nước Nhật, kẻ thù số một ?

“Người Nhật là những kẻ giết người ?”. Đó là dòng tí đậm trên trang bìa tờ Le Nouvel Economiste số ra ngày 12/1/1990 cùng ảnh một võ sĩ đạo

Nhật dáng ngạo nghễ. Tờ báo viết: Để khống chế thị trường, Nhật Bản “tìm diệt kẻ thù bằng cách bao vây, siết chặt và bóp nghẹt”. Vẫn theo tờ báo “đằng sau vẻ lịch sự tuyệt vời và những lời lẽ thân thiện thì người Nhật đang thực sự là những kẻ giết người”. Tờ *Le Nouvel Economiste* không ngần ngại nói về tính “hai mặt” của Nhật Bản, rằng Nhật Bản đã đặt ở châu Âu “một đội quân thứ năm”. “Nhật Bản: đất nước làm người ta sợ hãi”, tờ *Le Point* quả quyết như vậy trong số ra ngày 18/12/1989 và viết: “Một vai trò lãnh đạo ngày càng được khẳng định, ngày càng đè nặng, ngày càng có tính yêu sách, đang làm lo sợ những người hùng của chiến thắng năm 1945 mà cho đến nay vẫn còn mơ màng trong những dáng vẻ của hiện trạng”.

Khi Thủ tướng Nhật đến thăm chính thức nước Pháp đầu năm 1990, một số báo chí Pháp đã chụp lấy cơ hội này để điểm lại mối quan hệ kinh tế với Nhật Bản. Tờ *Le quotidien de Paris* đã nói trắng ra rằng: “Ông Toshiki Kaifu không phải đi du lịch (...). Đơn giản là ông ta đến để làm ăn, nghĩa là đi sắm hàng trong cái châu Âu già cỗi này. Ai cũng biết, nhưng chẳng ai chịu tin vào điều đó. Tuy nhiên, mọi việc đã rõ cả: Bắt đầu từ năm nay, nước Nhật tung ra một cuộc tiến công tài chính, thương mại, công nghệ vào châu Âu (...). Người Nhật chẳng hề xót thương gì. Điều đó thì đã rõ, chính xác và đầy đủ. Nếu người Nhật đạt được mục tiêu này, thì đến những năm 90 cứ 10 người châu Âu sẽ có 3 người làm việc trong các xí nghiệp do người Nhật kiểm soát. Cứ hai chiếc xe hơi thì một chiếc mang nhãn hiệu Nhật Bản, và hơn 1/3 những nhà sáng tạo châu Âu sẽ biến mất (...). Điều đáng lo ngại là ngoài một vài nhà công nghiệp sáng suốt hoặc có liên quan còn không ai ở châu Âu thật sự ý thức được tầm quan trọng của tiến công này”.

Đối với Alain Gomez, chủ tịch kiêm tổng giám đốc hãng Thomson, “Người Nhật thắng vì họ lường gạt” ^[83]. “Thị trường Nhật là thị trường hoàn toàn đóng kín” và “Người tiêu dùng Nhật Bản đã tài trợ cho cuộc chiến tranh ngoài nước Nhật bằng cả nền công nghiệp”, bởi họ “không mua một máy thu hình, một máy ghi âm hay một đĩa compact với giá ngang với người mua ở Pháp và người Mỹ mua ở Mỹ”. Theo Alain Gomez, “Người lao động Nhật tài trợ cho chủ nghĩa đế quốc Nhật Bản bằng cách chấp nhận điều kiện làm việc và hệ thống xã hội mà với chúng ta (châu Âu) không thể nào chấp nhận được”. Ông nói thêm: vấn đề đặt ra là “liệu vì sự lường gạt này, chúng ta có chấp nhận để cho bản thân hệ thống xã hội của chúng ta, lối sống của chúng ta bị xóa bỏ hay không”. Trên tờ *Le Point* ra ngày 18/12/1989, ông ta còn đi xa hơn: “Đã đến lúc phải báo động. Cổ máy nghiền của Nhật Bản đang quay với một tốc độ ngày càng tăng. Người ta đã có kinh nghiệm là chủ nghĩa bành trướng đế quốc thường đi song song với bước tiến trong công nghiệp. Thắng lợi lại đẻ ra thắng lợi. Đến một lúc nào

đó sự rút lui trở thành một cuộc tháo chạy thảm hại không kịp hối. Chúng ta không còn xa cái ngày đó đâu”.

Phải chăng Alain Gomez là người theo chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch chống Nhật Bản ?. “Chống bọn lương gạt thì đúng hơn. Châu Âu không thể tồn tại nếu không có hàng rào quan thuế”. Trên tờ báo Le Figaro Magazine ngày 13/4/1990, bản thân Alain Gomez lại nhấn mạnh: Cần ra lệnh động viên mọi lực lượng toàn châu Âu. “Những hãng lớn của Đông Nam Á đang thống trị thế giới, họ ra vẻ phình phờ, thật ra họ đang tiến hành một cuộc chiến tranh thật sự, song giống như những cuộc chiến tranh ngày xưa, bọn cướp giả làm thương nhân, chỉ kéo cờ đen vào phút chót, lúc chúng bắt đầu nổ súng. Tất nhiên, điều đó hoàn toàn không thể bào chữa cho sự ngây thơ của những thương nhân tốt bụng hàng đầu của châu Âu”.

Và ông ta thêm: “Các nguồn sinh lực của Nhật Bản đã được huy động toàn bộ để chinh phục thị trường nước ngoài”. Chính vì vậy, vấn đề không phải là buông xuôi tay, mà phải tiếp tục tái cấu trúc lại việc sản xuất, cải tiến và tìm kiếm các hình thức hợp tác liên xí nghiệp.

Theo Michel Charzat, nghị sĩ Paris và ủy viên thư ký Đảng Xã hội, phụ trách công nghiệp và khu vực công cộng: “Đã đến lúc phát động một chiến lược phản công của châu Âu một cách thẳng thừng, không quanh co, đối mặt với cuộc tiến công của Nhật Bản” ^[84]. Ngay như Bộ trưởng công nghiệp Pháp, Roger Fauroux dù ít có tâm lý sợ Nhật cũng đã tuyên bố ngày 26/2/1990 rằng đối mặt với chiến lược của Nhật Bản thì “việc cả thế giới đứng lên chống lại cũng là chuyện bình thường”. Ông nhấn mạnh: vấn đề không phải là giữa nước Pháp và nước Nhật, mà là giữa Nhật Bản và phần còn lại của thế giới”. Theo Roger Fauroux “Nền kinh tế của Nhật Bản đã trở thành một hiểm họa đối với phần còn lại của thế giới”.

Những tuyên bố của Jacques Calvet, chủ tịch hãng xe hơi PSA có ảnh hưởng trong giới kinh doanh. Chính ông cũng lên giọng cứng rắn. Trên trang nhất báo Le Monde, ông ta tuyên bố: “Châu Âu là pháo đài cát”. “Thế giới hiện nay như đang chia thành ba khu vực kinh tế riêng biệt: hai khu vực đã là những pháo đài vững chắc, đó là thế giới Bắc Mỹ và thế giới Nhật Bản, khu vực thứ ba là châu Âu, vừa ủy mị vừa hơi ngây thơ, chỉ nghĩ đến việc bù đắp sự chậm trễ của mình bằng cách thiết lập cũng một thực thể kinh tế vững chắc như của Bắc Mỹ và Nhật Bản”.

Theo ông, sự thách đố của Nhật Bản có luật chơi rất rõ ràng: “Người Nhật hơn bất kỳ ai khác, hiểu rằng nếu mậu dịch quốc tế giống như một trận quyền anh mà luật chơi là ra đòn và không bao giờ nhận đòn”.

Trong lĩnh vực xe hơi, cuộc chiến đấu đặc biệt là không cân sức: “Năm 1988, thị trường chung châu Âu (CEE) nhập 1.212.000 xe Nhật; trong cùng

thời gian đó. Nhật Bản chỉ nhập 111.500 xe của châu Âu”.

Ông ta nói tiếp: “Nhật Bản, một nước tự do mậu dịch, lại nhập của cả thế giới một số xe ít hơn cả số lượng họ xuất sang nội nước Pháp, vốn là một nước được “bảo hộ” với một quota hạn chế việc nhập xe Nhật”.

Jacques Calvet cho rằng các loại xí nghiệp phi địa phương hóa của các xí nghiệp Nhật Bản nằm ở giữa châu Âu chính là hiểm họa đối với các nhà chế tạo châu Âu. “Nếu trong thập kỷ tới 1.500.000 xe hơi Nhật được chế tạo ở châu Âu theo mức đầu tư đã được công bố, thì điều đó theo logic “toán học” là một trong sáu nhà chế tạo xe hơi của châu Âu sẽ tiêu vong (Fiat, Volkswagen, PSA, Ford châu Âu, Opel-Vauxhall hay Renault)”.

Chủ hãng Peugeot lại lập luận: Người Nhật đến châu Âu không tạo thêm công ăn việc làm. Ngược lại, họ tạo ra sự thất nghiệp. Điều mà Jacques Calvet yêu cầu là sự hòa hợp châu Âu chứ không phải là sự tự do-mậu dịch không cân xứng với Nhật Bản. Cho nên, châu Âu phải áp dụng chế độ hạn ngạch trong việc nhập xe Nhật vào CEE bao gồm trước hết là xe từ Nhật Bản và cả xe chế tạo ở các xí nghiệp của Nhật Bản tại châu Âu. Những hạn ngạch này phải được duy trì trong một thời gian chuyển tiếp ít nhất là 10 năm, đủ cho nền công nghiệp xe hơi của châu Âu có thể tổ chức lại và có sức đề kháng. Và ông ta kết luận: “Không nên bối rối, chúng ta mạnh, chúng ta chủ trương sự cạnh tranh và chúng ta thực hiện điều đó hàng ngày. Nhưng sẽ là tự sát nếu mở rộng sự cạnh tranh với những nhà doanh nghiệp mà bản thân họ không muốn có cạnh tranh, vì họ có nền văn hóa riêng của họ. Đối với họ, cần nhân danh những nguyên tắc của chúng ta”.

Jacques Delors, chủ tịch cộng đồng châu Âu cũng không còn giữ nổi sự dè dặt. Trong cuộc tranh luận trên tạp chí Alternatives Economiques vào đầu tháng 10/1990, ông đã cho rằng châu Âu đã thất thế khi đối mặt với Nhật Bản vì sự chia rẽ giữa các nước trong khối CEE vốn không có một đối sách chung trước sự cạnh tranh của Nhật Bản. Bằng lập luận danh thép của một luật sư, ông nói thêm: “Đối với người Nhật, cần phải biết tấn công, trong giới hạn sự lịch sự cho phép. Không có cách nào khác”. Một số quan chức trong bộ công nghiệp và thương mại quốc tế Nhật Bản (MITI) đang theo đuổi “cuộc chiến tranh Thái Bình Dương đằng sau bàn giấy của họ” và “áp đặt một hình thức thống trị ở châu Âu mà chúng ta phải đối đầu”.

Edith Cresson: Nước Nhật đang làm bá chủ

Cuộc phỏng vấn bà Edith Cresson diễn ra tại phòng làm việc của bà trên đại lộ Raymond-Poincaré ở Paris, lúc đó bà còn là Bộ trưởng phụ trách các vấn đề châu Âu. Bà tiếp tôi rất nhiệt tình. Nước Nhật là một đề tài bà say mê. Cuộc đấu tranh hàng ngày của bà rất dững cảm và đáng kính phục: Huy động toàn châu Âu hợp nhất để chống lại áp lực của nền công nghiệp Nhật Bản. Về điều đó, bà không hề sợ bị quấy rầy. Với sự ủng hộ ngầm của tổng

thống F.Mitterrand – ông không bao giờ nhắc nhở bà phải “trở lại trật tự”, bởi bà rất gần gũi với F.Mitterrand trên bình diện chính trị - bà không ngần ngại bày tỏ công khai những điều mà nhiều người khác có thể e ngại, chỉ dám suy nghĩ thầm kín. Ngày 10/1/1990, bà tuyên bố:

“Rõ ràng là giờ đây Nhật Bản là một đối thủ không tuân theo luật chơi và đang nuôi quyết tâm thống trị thế giới. Thật ngây thơ và mù quáng nếu không ý thức được điều đó”. [\[85\]](#)

Ngày 30/4/1990, bà dự định thành lập ở Pháp một “Bộ chỉ huy tối cao của cuộc chiến tranh kinh tế” để đối đầu với sự chiến tranh của Nhật Bản và Hoa Kỳ [\[86\]](#). Ngày 8/7/1990, chỉ vài ngày trước chuyến viếng thăm chính thức Nhật Bản của Thủ tướng Pháp, bà đã khuyến cáo Michel Rocard không được “hạ mình” trước người Nhật và tuyên bố rằng đối mặt với mối hiểm họa Nhật Bản ngày càng tăng: “Tôi cho rằng chúng ta đã bước đến gần thảm họa quốc gia ở một số ngành công nghiệp và chúng ta đã “buông xuôi hai tay rồi” [\[87\]](#). Sự rời bỏ chính quyền của bà, coi như một sự từ chức, đã được thông báo ngày 2/10/1990. Hôm sau, bà tuyên bố trên đài phát thanh rằng bà muốn từ chức là vì bà có cảm giác “nói vào khoảng không”.

Ngồi trước “người đàn bà sắt” của nước Pháp (danh hiệu đó chắc chắn không phải để vui lòng bà), tôi trao lại cho bà bản sao những cuộc trao đổi của tôi ở Nhật Bản. Edith Cresson rõ ràng rất vui khi biết rằng cũng có những người Nhật chia sẻ quan điểm của bà. Gương mặt bà bỗng rạng rỡ một nụ cười thông cảm và bà rời bàn giấy đến ngồi cạnh tôi. Ở Nhật Bản những tuyên bố của bà gây chấn động lớn. Ở châu Âu, hành động của bà là nhằm thống nhất châu Âu vào năm 1992. Song liệu bà có được châu Âu lắng nghe hay không ?

“Ồ, có chứ, tôi tin như thế. Hơn nữa tôi đã nhận được nhiều thư, không chỉ ở Pháp, mà từ nhiều nước ở châu Âu, có cả những người đã tiếp xúc, quan hệ làm ăn với người Nhật. Tôi tin rằng những điều tôi phát biểu phản ánh điều nhiều người đã nghĩ đến mà không nói ra, ít nhất là theo những gì họ đã viết cho tôi. Tôi luôn ngạc nhiên thấy rằng người ta không nói ra điều mình suy nghĩ, nhất là khi họ giữ những trọng trách trong chính trường. Trong lĩnh vực chính trị, đương nhiên người ta không thể nói hết những điều người ta suy nghĩ. Nhưng tôi cho rằng cần phải bày tỏ quan điểm trên những vấn đề trọng đại, nếu những lời nói đó không gây ra những tác động cho chính sách đối nội, không làm cho thất cử. Tôi không thể hiểu tại sao những nhà chính trị có trách nhiệm lại không lên tiếng báo động chính phủ họ. Tôi nghĩ họ được trả lương vì nhiệm vụ đó và đó là vai trò của họ”.

Tôi hỏi bà Bộ trưởng liệu những đồng sự của bà có chia sẻ ý kiến của bà về mối đe dọa của Nhật Bản không ?

“Có những nước vấn đề ấy không được đặt ra. Ví dụ như Irlande mà mãi gần đây còn giữ chức chủ tịch Cộng đồng châu Âu. Vấn đề Nhật Bản đối với họ hầu như không đặt ra. Càng có nhiều xe Nhật đến Irlande, càng cạnh tranh thì giá càng hạ; đối với giới trung lưu Irlande, như vậy tốt hơn. Họ không nhìn xa hơn. Tôi nói với họ “Khi các ông có thêm hàng trăm ngàn người thất nghiệp trong Cộng đồng châu Âu thì chúng tôi có thể sẽ giảm mức đóng góp cho quỹ cứu trợ của Cộng đồng châu Âu dành cho những vùng khó khăn của Irlande”. Thế nhưng đó là một khía cạnh của vấn đề mà họ không hề nghĩ đến. Người khác thì nghĩ đến điều đó ngay. Và cũng có người có tư duy chính trị. Tôi lấy ví dụ như người Hy Lạp, nền kinh tế Hy Lạp giống Irlande, là không có công nghiệp xe hơi. Nhưng người Hy Lạp là những nhà chính trị; họ chia sẻ quan điểm của tôi trong cộng đồng Âu châu. Còn người Anh, người ta đã biết đến lập trường của họ, họ cũng không có công nghiệp xe hơi, họ đang cố xây dựng công nghiệp đó. Ngoài ra tôi cũng khẳng định những ý kiến phản đối của người Anh nhấn mạnh đến việc: tất cả lợi nhuận đều được chuyển về Tokyo. Như vậy, một số nơi đã có ý thức. Người Đức, bao giờ cũng vậy, quan điểm của họ hàm hồ hơn. Những nhà chế tạo Đức rất sợ sự xâm nhập của Nhật Bản; họ phát biểu điều đó trong những cuộc gặp riêng, còn chính phủ của họ thì cứ nói chẳng có gì phải sợ hãi. Thói thường xưa này ở Đức vẫn nói: “Chúng tôi không sợ gì cả vì chúng tôi mạnh hơn và không gì có thể cưỡng lại chúng tôi”. Đó là một lập luận hơi phi lý, vì khi khó khăn xảy đến thì có thể đã quá chậm. Tuy nhiên, như vẫn thường xảy ra ở châu Âu, chúng tôi cũng đã có được một thỏa thuận tổng quát về một lập trường phù hợp trong vấn đề xe hơi. Và đặc biệt giới chức trách Đức cũng đã cảm thấy mối đe dọa thực sự đang tồn tại. Tôi cho rằng cảm giác đó đã được chia sẻ khá khá”.

Người Nhật cũng có cuốn sách Mein Kampf của họ [\[88\]](#)

Nếu như châu Âu đã thỏa thuận được với nhau rồi thì tại sao lại còn có quá nhiều thái độ dè dặt đối với chính phủ Nhật Bản ? Tại sao lại im hơi lặng tiếng như vậy ? “Đó là điều tôi không sao hiểu nổi. Tại sao người ta không nói ra điều đó ? Tôi không có câu trả lời. Có phải là một thứ lịch sự không đúng lúc không ? Bà Cresson đề cập đến một tác phẩm của ông chủ hãng Sony. Akio Morita, và của nghị sĩ cánh hữu, Shintaro Ishihata, Nước Nhật có thể nói “không”. Cuốn sách đó kêu gọi nước Nhật trở nên hùng mạnh để cuối cùng trả lời “không” trước các yêu sách của nước Mỹ, ông ta đề cập đến siêu đẳng về chủng tộc của người Nhật. Edith Cresson nói tiếp:

“Rốt cuộc thì người Nhật cũng viết cuốn “Mein Kampf” của họ, Nước Nhật có thể nói “không”, điều đó giống hệt như cuốn Mein Kampf thật. Cuốn sách ấy đã mô tả tất cả những gì sẽ xảy ra. Hồi đó cuốn Mein Kampf còn được dịch ra tiếng Pháp. Người Pháp nào không muốn đọc nó thì không cần đọc. Ông thấy đấy, khi người ta không muốn nhìn thấy điều gì thì người ta không cần nhìn nó. Cuốn Mein Kampf không được dịch ra một cách chính thức. Nhưng cuối cùng những bản dịch lén lút vẫn xuất hiện, những người “thạo tin” sẽ có sách đọc”.

Để ngăn chặn những quyết định bất lợi cho họ, hoặc để sửa lại những quyết định một khi đã được ký, người Nhật quả là những nhà vô địch trong thủ đoạn vận động giới lãnh đạo Mỹ.

“Những người ở chỗ chúng tôi gọi là “thạo tin”, thì có tất cả các văn bản mà đại diện thương mại của chúng tôi ở Washington gửi về - chẳng hạn như tài liệu về hoạt động hành lang của người Nhật. Họ biết rõ cách thức mà người Nhật đã tiến hành để “mua” người như thế nào. Thô thiển như là với một tấm séc. Nhưng cũng có những thủ đoạn tinh vi hơn. Một giáo sư đại học hào phóng nào đó thành lập một tổ chức. Rồi tổ chức này gặp khó khăn. Thế là, người ta trợ cấp cho nó v.v... Tất cả điều đó được giải thích rất hợp tình hợp lý. Khắp nơi đều như thế cả, chúng tôi quá biết rõ”.

Bà Bộ trưởng phản ứng công khai chống lại người đồng sự của bà thời đó là ông Roger Fauroux, Bộ trưởng Bộ công nghiệp. Đối với ông ta, nếu công nghiệp xe hơi Pháp không đương cự được với công nghiệp Nhật Bản thì đó là vì xe Nhật tốt hơn xe Pháp.

“Khi tôi nghe ai đó trong giới chức trách của nước Pháp nói: “Đó là lỗi của chúng ta, vấn đề là phải làm tốt hơn”, thì tôi cho rằng nói như thế chưa đủ. Không phải là hoàn toàn sai. Đúng là chúng ta phải làm tốt hơn. Nhưng ở Pháp và ở châu Âu, việc phân tích cận kề chiến lược của Nhật Bản mới chỉ được tiến hành trong một phạm vi rất hạn hẹp”.

Điều đó có nghĩa là ông Fauroux không hiểu gì về ý đồ thực sự của người Nhật ?

“Đúng vậy ! Ông ta tỏ rõ điều ấy mỗi ngày. Đặc biệt là trong vấn đề xe hơi giữa Pháp và Nhật Bản. Ông có biết là hãng Mazda đã sử dụng điều ông ấy nói trong quảng cáo của họ như thế nào không ? Ai đã báo cho tôi biết điều đó ? Chị bạn tôi là bà Anne Marie Lizin, người Bỉ, Bộ trưởng châu Âu 1992, chị gởi cho tôi mẫu quảng cáo của hãng Mazda. Điều đó có nghĩa là ở cộng đồng châu Âu, trong đó có nước Bỉ, là nước không sản xuất xe hơi – đã tỏ rõ thái độ phản đối trước cái quan điểm vừa ngây thơ vừa rất vô trách nhiệm như vậy”.

Đường lối chiến tranh, chiến lược chinh phục

Trước bao mức độ cảm nhận khác nhau ở châu Âu, liệu CEE có thể tiến hành một chiến lược chung không ?

“Tất nhiên là được. Chúng tôi sẽ thỏa thuận được với nhau thôi. Trước hết là về vụ xe hơi. Một thỏa ước đang gút lại. Có một thiểu số chủ trương phong tỏa mạnh gồm Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hy Lạp cũng đã đứng về phía chúng tôi. Ngoài ra, một số nước có lập trường cực kỳ mềm dẻo, đó là Bỉ và Đan Mạch, nói chung là họ có xu hướng giống như Đức là giao cho cộng đồng châu Âu. Ông Andreissen, người đại diện đàm phán của châu Âu, sắp ký với Nhật Bản một thỏa ước hạn chế việc thành lập các xí nghiệp Nhật Bản ở châu Âu”.

Edith Cresson nói thêm:

“Nhưng trường hợp xe hơi là một trường hợp riêng. Tôi cho rằng không nên đặt vấn đề Nhật Bản chỉ trên cơ sở vụ xe hơi. Người Nhật theo đuổi chiến lược chiến tranh và chinh phục. Họ có khả năng mua một phần thị trường bằng cách chịu thua lỗ trong một thời gian nào đó. Họ có khả năng tiến hành một chính sách tài chính, tiền tệ bằng cách hạ giá đồng yên và lại đẩy giá lên theo từng đợt tấn công liên tục. Bởi lẽ các nhà kinh doanh ngân hàng Pháp giải thích rất rõ cho chúng tôi: mỗi cuộc biến động của đồng yên đều diễn ra trước một đợt tấn công mới được tính toán kỹ lưỡng đối với tất cả các sản phẩm. Đó thực sự là một đường lối chiến tranh mà người ta buộc người dân Nhật phải chịu đựng bằng một mức sống như thời chiến. Dân tộc Nhật chấp nhận chiến lược chinh phục đó với một thái độ thụ động mà người phương Tây không thể hình dung nổi. Bởi vậy, chúng ta phải cư xử với họ theo cách của họ. Họ không như chúng ta. Họ có một triết lý sống khác chúng ta và chúng ta phải chú ý đến điều đó. Quả là ở Âu châu, vì ngây thơ, vì quyền lợi trước mắt mà một số người không nhận thức được điều đó. Nhưng tôi tin rằng một lần nữa sứ mệnh của một chính khách là phải nói ra điều đó”.

Tuy nhiên, người ta còn nhớ là vào những năm 60, đầu tư của Hoa Kỳ lúc đó cũng bị la ó. Một bộ phận dư luận đã lên án Hoa Kỳ và những công ty đa quốc gia hàng đầu là tiến hành chủ nghĩa thực dân mới về kinh tế. Tuy

nhiên, cuối cùng, khi xem xét tình hình một vài năm sau đó, thì tư bản Hoa Kỳ lại đã có vai trò cứu tinh, vì nó thúc đẩy nền kinh tế Âu châu. Edith nhất trí nhận định này:

“Vâng, đúng là vậy. Trong những năm 60, bản thân tôi chưa hề chống lại đầu tư của Hoa Kỳ. Nhưng Mỹ và Nhật là chuyện không giống nhau. Người Mỹ có chiến lược của một tập đoàn công nghiệp mạnh nhằm chiếm lĩnh thị trường. Nhưng cái Targeting tức là xác định mục tiêu để tiêu diệt đối phương bằng cách chọn một khâu yếu, một mắt xích mỏng manh trong chuỗi xích, sau đó mở rộng và chuyển sang các mục tiêu khác, điều đó người Mỹ không làm. Họ không làm bởi vì điều đó không nằm trong nền văn hóa của họ. Đầu tư của Hoa Kỳ không gây ra vấn đề gì, thường họ hợp tác với hệ thống sản xuất tại chỗ. Nhưng khi tôi xem xét các thống kê về công nghiệp xe hơi Nhật ở Mỹ, tôi phát hiện thấy dưới hình thức gia công đặt hàng, các xí nghiệp Nhật Bản mua của các công ty Nhật Bản một tỷ trọng cực lớn hoặc nhập khẩu từ Nhật Bản, hoặc từ các công ty Nhật Bản tại chỗ. Điều đó có nghĩa là, kể cả dưới hình thức gia công đặt hàng, tức là một hình thức làm ăn bao quát nhất, người Nhật vẫn chỉ làm ăn giữa họ với nhau. Điều đó là rõ. Ở đây có một chiến lược không hề giống chút nào với chiến lược của người Mỹ”.

Nhật Bản, kích thích tổ cứu nạn ?

Nhật Bản có thể đóng vai trò một kích thích tố nhằm đánh thức một lục địa già nua đang ngủ yên trên những chiến tích huy hoàng của nó chăng ? Edith đồng ý.

“Chắc chắn như vậy. Cuộc tiến công của Nhật Bản có thể và phải đóng vai trò kích thích tố. Nhưng, muốn cho vai trò đó có hiệu quả, thì châu Âu và trước hết là nước Pháp, phải được tổ chức lại. Việc tổ chức lại đó, tôi xin nói ra ngay là chưa diễn ra. Chừng nào nó còn chưa diễn ra thì mọi việc còn hồng bét”.

Đúng là thảm kịch ! Các chính phủ châu Âu lại chưa nhận thức đầy đủ về tính chất nghiêm trọng của tình thế.

“Trong dư luận đã nhận thức được rồi. Nhưng, như thói thường, dư luận ở Pháp lại nói: “Ồ, ta thua ở hệ PAL và hệ SECAM rồi thì lại cũng sắp thua trong lĩnh vực truyền hình có độ nét cao thôi”. Cái lối nói liên tục như vậy chỉ có thể bị chặn lại khi chính phủ nhận thức được điều đó, nhưng hiện nay chưa có được điều đó, mặc dù tôi đã cố gắng hết sức. Chừng nào mà còn chưa có được sự nhận thức ở cấp nhà nước, thì theo tôi, là còn tai họa (...) Ở Pháp, chúng ta đang nằm trong một cơ chế mà trong đó bộ máy hành chính lãnh đạo, cả các bộ trưởng và ở đó người ta không nói thẳng sự việc. Bởi vì điều đó không tốt, bởi vì điều đó thiếu chính trị. Tôi sẽ ngạc nhiên nếu có

một cựu sinh viên trường hành chính nào đó nói công khai một điều có thể gây khó chịu, hoặc chỉ đơn giản là gây hoài nghi”.

Khi được hỏi, người Nhật thường trả lời rằng chính sách bảo hộ mậu dịch của châu Âu là vũ khí của kẻ yếu. Bà Bộ trưởng nghĩ gì về ý kiến này ?

“Quả đúng vậy. Tuyệt đối đúng. Chính sách bảo hộ mậu dịch là vũ khí của kẻ yếu. Và tôi xin nói thêm: đó chỉ có thể là tạm thời. Nhưng nếu chúng ta ở vào thế yếu so với người Nhật thì:

- Một là, bởi vì người Nhật có một hệ thống chính trị, một nền văn hóa khác hẳn chúng ta. Chúng ta ở trong thế yếu, là bởi vì chúng ta không vận động theo cách như họ. Từ nhiều thập kỷ nay, chúng ta không chuẩn bị điều kiện cho việc độ sức với một hệ thống khác hẳn.

- Hai là, bởi vì cũng giống như hệ thống chính trị của chúng ta, chính phủ chúng ta, “giới trí thức ưu tú của chúng ta” còn chưa nhận thức được mối hiểm họa, để từ đó tự tổ chức lại.

Chúng ta yếu kém tới hai lần. Ông thấy đấy chẳng vui thú gì khi phải đi giải thích cho người Đức tại bàn hội nghị ở Bỉ rằng chúng ta còn phải mất nhiều năm nữa. Trong khoảng thời gian đó, tôi biết người Đức họ nghĩ gì. Điều đó chẳng làm tôi thích thú gì. Tôi muốn có thể tuyên bố như ông Helmut Haussman (Bộ trưởng Bộ Kinh tế Đức): “Chúng tôi không sợ bất cứ ai”. Ngay cả khi theo ý tôi ông ta sai lầm, kể cả trong bảo vệ quyền lợi của chính người Đức”.

Nước Anh, thuộc địa của Nhật Bản ở châu Âu.

Khi đề cập đến trường hợp nước Anh, Edith Cresson trở nên gay gắt. Liệu có thể nói đến một sự khởi đầu của chủ nghĩa thực dân về kinh tế của Nhật Bản ? “Vâng, đúng vậy”. Tôi có thể viết thêm điều đó trong tập sách chứ ?

“Được chứ ! Cứ nói: họ coi chúng ta là những con chó xù ! Ông cứ nói thẳng như vậy. Đó là khởi đầu của chủ nghĩa thực dân về kinh tế, và bởi vậy cũng là chủ nghĩa thực dân về chính trị. Hai tính chất ấy không bao giờ tách biệt. Sức mạnh kinh tế đi đôi với sức mạnh chính trị. Ngoài ra, tôi chờ đợi ngày người Nhật giữ vị trí siêu cường thứ nhất, kể cả họ không mong muốn điều đó, bất kể sự nghèo khổ của những nước thế giới thứ ba. Song, đơn giản là họ sẽ được đưa đến đó. Trong cuộc chạy đua vào vũ trụ, họ cũng sẽ có mặt. Hãy xem. thỏa ước giữa Mitsubishi và Daimler; Daimler ra vẻ như ông thánh, song lại chỉ chờ chực để la tướng lên mình là một người khổng lồ ở châu Âu. Tốt thôi, nhưng, như người ta thường nói, đó là những cái đáng “đặt vấn đề” với chúng ta (Bà Edith Cresson phá lên cười). Đúng. Tôi nghĩ rằng, đối với những chuyện như vậy, có những nỗi kinh sợ dưới dạng

tiềm ẩn và cần phải cố lý giải chúng. Chúng ta cần phải có con mắt tinh tường hơn, và thường phải tự hỏi: “Người ta đang làm gì?”. Chúng ta cần xây dựng cả một hệ thống đáp trả lại. Ta có đủ thông minh và tiền bạc để làm điều đó”.

Chủ nghĩa thực dân cực đoan.

Khi quan sát nước Nhật, người ta đều quả quyết rằng nước Nhật không thay đổi và sẽ không bao giờ thay đổi. Tôi lưu ý bà Bộ trưởng rằng những nhận xét đó là sai lạc và sẽ thiệt cho kẻ nào nhọc mọ nước Nhật. Bởi vì nước Nhật thích nghi rất giỏi với những chuyển biến của thế giới. Và hơn nữa, đây là một trong những sức mạnh hàng đầu của Nhật Bản. Liệu Nhật Bản có thể thích nghi với một hệ thống tự do-mậu dịch hay không? Liệu đó có thể là một trong những vấn đề lớn của tương lai không? Edith Cresson vặn hỏi lại:

“Khi nào hệ thống phi mậu dịch-tự do còn là một bộ phận gắn bó thiết thân với bản chất của Nhật Bản, thì tôi tin rằng họ có thể thay đổi trên nhiều lĩnh vực. Ngoài ra, Nhật Bản thay đổi dần dần theo đà người Nhật đi ra nước ngoài và mọi người sống khác đi. Chúng ta thấy rõ là điều đó làm họ thêm thuồng. Phụ nữ sau khi tốt nghiệp đại học, không còn muốn trở thành những thứ trang điểm ở bàn giấy, mà muốn tiến tới nhận những trọng trách. Nhiều người trước đây sống khác, giờ cũng đang ước vọng một điều mới mẻ. Có thể xã hội sẽ đổi thay. Nhưng còn hệ thống bảo hộ mậu dịch của Nhật Bản vốn đã bắt rễ sâu, thì quả là tôi rất ngạc nhiên nếu như nó thay đổi. Hơn nữa, họ đã tích tụ được một ưu thế nhờ chính sách bảo hộ mậu dịch, đến mức họ có thể bề ngoài làm ra vẻ ít “bảo hộ” hơn trên một số mặt hàng được chọn lựa ký, như là mặt hàng cao cấp, hàng sang trọng. Và họ có thể tiếp tục hoạt động nhằm mục tiêu vĩ đại của họ mà có lần họ đã giải thích cho một trong số cộng tác viên của tôi, là xây dựng những xí nghiệp hoàn toàn tự động hóa không có công nhân, cắm ở khắp thế giới và điều khiển từ xa, từ nước Nhật. Đó là chủ nghĩa thực dân cực đoan! Điều đó quả chưa ai hình dung nổi, ngay cả trong những tiểu thuyết viễn tưởng loại Le Meilleur des mondes”. [\[89\]](#)

Tuy nhiên, người Nhật hầu như đều đồng một giọng điệu rằng họ không có khả năng thống trị thế giới. Thời đại “bá quyền” đã qua rồi. Thay vào đó là thời đại của sự tương thuộc. Bà Bộ trưởng không chút ngập ngừng đáp lời:

“Đúng, nhưng trong sự tương thuộc, bao giờ cũng có một kẻ lệ thuộc nhiều hơn vào kẻ kia. Chắc chắn là người Nhật không thống trị hoàn toàn thế giới trên mọi lĩnh vực. Điều đó là tất nhiên. Đơn giản là vì họ không cần có mặt ở khắp nơi. Họ thống trị trên những lĩnh vực then chốt. Đứng ở đầu nguồn, họ bán những hợp chất cần cho công nghiệp theo lối nhỏ giọt, tùy

thích. Họ thống trị bằng cách như vậy đấy. Họ thực hiện một vài cử chỉ tượng trưng như mua trung tâm Rockefeller hay tranh của Van Gogh. Họ có quá nhiều tiền để làm lóa mắt thiên hạ, họ khéo rót tiền vào những nước nghèo và những nước có thể đột nhiên trở thành những điểm nóng đối đầu cho họ. Ai nói rằng ngày nào đó, như họ đã viết trong cuốn sách Nước Nhật có thể nói “không”, họ không nắm lấy nguồn tài nguyên của Sibérie ? Trong tình hình Liên Xô và Sibérie hiện nay, đó phải chăng là tưởng tượng ra ?”.

Châu Âu phải bảo vệ các giá trị của mình

Ngoài việc bảo vệ nền kinh tế của từng nước hay cả châu Âu, vấn đề căn bản phải chăng là bảo vệ lối sống và những giá trị tinh thần ?

“Chúng ta đấu tranh không chỉ để bảo vệ các xí nghiệp. Đấu tranh là để bảo vệ lối sống và những giá trị tinh thần. Bảo vệ xã hội là không để xảy ra những trường hợp tử tự chỉ vì có một điểm xấu ở trường học, là nỗ lực đạt đến sự công bằng hơn, tất cả những gì đeo đuổi, chính là bảo vệ nền văn hóa của chúng ta. Chúng ta không muốn người ta đưa các cụ già của chúng ta đến một nơi cách xa 22.000 cây số, chết ở đó không người thân, không có gì hết, bao quanh chỉ toàn hàng hóa Nhật”.

Bà Edith Cresson lại cười vang trong phòng. Cái dự án đưa người già đến nơi “lầu son gác tía” để an dưỡng cuối đời tận bên kia góc trời nhằm tiết kiệm của người Nhật, đã khơi lên ở bà một sự công phẫn sâu sắc.

“Thật là ghê tởm ! Hoàn toàn vô nhân đạo ! Châu Âu không thể làm thế. Nước Pháp không thể làm thế. Đó là cái đáng nôn mửa ! Không chỉ bác bỏ mà là nôn mửa !”

Dẫu sao, nước Nhật cũng có cái gì hấp dẫn chứ, thưa bà Bộ trưởng ?

“Nghệ thuật. Tất nhiên có một số họa sĩ, một số nhà trí thức. Cả điện ảnh nữa. Đó là những con người biết đặt ra những vấn đề nghiêm chỉnh. Tôi tin rằng ở Nhật Bản có nhiều người đã đặt vấn đề về tương lai của một dân tộc, một dân tộc mà người ta đã nhồi nặn thành một thứ tổ mối và mù quáng khi muốn nuốt chửng cả thế giới. Vì lẽ gì ? Tôi thấy điều đó gây nguy hiểm cho thế cân bằng của thế giới. Người Nhật phải tự hỏi. Chính họ chẳng đã có lần phải chịu đau khổ vì chính cái chủ nghĩa cực đoan của họ đó sao ? Không thể để người Nhật đau khổ thêm một lần nữa. Bởi vì chắc chắn thế giới không để bị người Nhật thống trị, nô dịch. Chắc chắn là không. Tôi tin chắc như vậy. Đơn giản là vì nếu có xung đột thì điều đó sẽ thật tệ hại, tệ hại riêng cho người Nhật. Tôi tin nhiều người Nhật, giới trí thức Nhật đã bắt đầu tự đặt ra vấn đề đó”.

Edith Cresson hơi nổi giận, vì bà vừa nhớ lại một vụ tình báo công nghiệp từng gây phẫn nộ:

“Thật không thể tha thứ được. Lúc tôi bàn về được phẩm với những nhà công nghiệp Thụy Sĩ, họ vốn không phải là những người táo bạo, cũng không phải là hạng quá khích, họ nói với tôi rằng khi một nhà nghiên cứu châu Âu làm việc cho viện Hoffman-Laroche, hay một viện bào chế nào đó có một phát minh mới, thì ông ta liền cho công bố bằng tiếng Anh trên các tạp chí quốc tế. Người Nhật không để mất một phút. Họ vội lấy phát minh đó. Tất nhiên, họ không có quyền sử dụng nó trong công nghiệp. Phát minh được công pháp quốc tế bảo vệ. Nhưng họ đưa nó trở lại phòng thí nghiệm, rồi từ đó họ hoàn thiện và tìm cách kinh doanh nó. Không phải là tôi bịa ra điều đó ! Để xác minh điều này cũng rất khó, vì chuyện ấy diễn ra trong phòng thí nghiệm. Chính người Thụy Sĩ nói: “Chúng tôi không có khả năng tự bảo vệ để chống lại hành động kẻ cướp như vậy. Chúng tôi trả thù lao cho người của chúng tôi khá tốt và họ rất vui lòng. Nếu có cách tự bảo vệ được thì những người ăn lương Thụy Sĩ sẽ hạnh phúc hơn”.

Về vấn đề này, bà Bộ trưởng có lý. Bản thân tôi đã tìm được bản thông báo ngày 16/8/1990 về vụ án hình sự của Thụy Sĩ đối với hai người Thụy Sĩ, gồm một nhà hóa học và một cố vấn thương mại bị tình nghi đã bán cho các nhà công nghiệp Nhật Bản những thông tin kinh tế, trong đó có các phương pháp công nghệ, đáng giá nhiều triệu quan Thụy Sĩ. Gần đây lại có một hồ sơ khác: Một kỹ sư ở Los Angeles bị bắt và đã bán cho hãng Mitsubishi, Nissan và Toshiba những bí mật quân sự và công nghiệp của Hoa Kỳ ^[90]. Có vô số những ví dụ về tình báo công nghiệp nhằm phục vụ cho quyền lợi của Nhật Bản.

Bà Cresson tiếp:

“Thụy Sĩ là một nước nhỏ, nhưng có vị trí trong trường quốc tế nhờ chất lượng sản phẩm tuyệt vời của họ. Người ta đã giết chúng tôi khi giết mặt hàng đồng hồ Thụy Sĩ. Họ giết chúng ta. Tôi cố ý không muốn nêu ví dụ về nước Pháp. Nước Nhật đang giết và đang có giết nền công nghiệp được phẩm của chúng ta. Vốn đầu tư của chúng ta vào ngành đó cuối cùng sẽ mất hết. Mọi nỗ lực sẽ tiêu ma. Tôi cho đó là lương gặt. Ở châu Âu, những người vô trách nhiệm lại nói “Nói thế là quá đáng. Không nên nói như thế”. Phần tôi, tôi cho rằng những người đó không am hiểu vấn đề gì cả”.

Năm 1945, người Mỹ đã phạm sai lầm

Có thể rút ra kết luận gì từ sự tiến công của người Nhật ?

“Tôi cho rằng người Nhật phải dè chừng đấy. Tôi nghĩ rằng có điều gì đó trong nền văn hóa Nhật Bản mà ta phải xem chừng. Ngược lại với người Đức (tôi không nói là vấn đề nước Đức đã được giải quyết), người Nhật không bao giờ tự xét lại mình. Sau chiến tranh chỉ vì có quả bom nguyên tử ấy, người Mỹ theo tôi đã sai lầm và họ cảm thấy có tội. Tại sao ? Nói cho

cùng quả bom nguyên tử cũng không đến nỗi tệ hại như những cuộc ném bom thành phố Dresde. Tôi nói người Mỹ đã lầm và đã thấy mình có tội. Họ đã bố trí ở Nhật Bản ông Mac Arthur tốt bụng, có đủ các đức tính, trừ một bản lĩnh chính trị, trong đầu ông ta lúc đó chỉ có một ý nghĩ: phục hồi nước Nhật ! Nhất thiết phải giúp đỡ các dân tộc đang ở trong một tình trạng bi thảm. Nhưng cả trên bình diện tâm lý và đạo đức, tôi nghĩ người Mỹ phải tự hỏi về những điều họ đã làm. Phải có trách nhiệm. Tại sao và bằng cách nào đã để xảy ra bao nhiêu lỗi lầm như vậy ? Thế là, cái tang đó vẫn chưa chấm dứt”.

Bà Bộ trưởng nói thêm:

“Trên bình diện tâm lý, tôi nghĩ rằng hôm nay chúng ta phải trả giá cho đường lối chính trị của Mac Arthur, là đã vực dậy nước Nhật từ trong hố thẳm hoang tàn, tất nhiên là để chống lại người Nga và Bắc Triều Tiên, bởi lúc đó là thời kỳ chiến tranh lạnh. Về chiến tranh lạnh, vẫn đề trách nhiệm thuộc về ai thì hoàn toàn bị che lấp. Còn trách nhiệm của người Nhật thì không bao giờ họ đặt thành vấn đề, trừ một vài nhà trí thức. Không bao giờ người Nhật tự vấn về trách nhiệm khủng khiếp của họ trong chiến tranh, đối với phương thức họ tàn sát các dân tộc trong những điều kiện thật ghê tởm. Và vì lẽ đó, người Nhật lại tự coi mình là nạn nhân !”.

Edith Cresson bỗng cười phá lên:

“Thối đời, bao giờ cũng có những kẻ tốt bụng lại đã tiếp sức truyền đi điều như thế trong các quốc gia ở châu Âu. Rốt cuộc, lại như thế chính những nạn nhân ấy, nhờ lao động của mình, đã tự giải thoát khỏi tình trạng khủng khiếp mà chúng ta dồn họ vào. Vậy thì phải chăng những nạn nhân này đương nhiên có quyền ngẩng cao đầu ? Liệu đó có phải là nội dung cần nói ? Đó là một nội dung mà từ cơ bản đã lệch lạc”.

Có một vấn đề cuối cùng mà tôi muốn đề cập với bà Bộ trưởng: sự tự mãn của nước Pháp trên thế giới, và, với những vinh quang đã có, nước Pháp thực ra đã bỏ quên châu Á và bây giờ nước Pháp phải trả giá.

“Quả đúng như vậy ! Chính De Gaulle đã nói như thế về những nhà buôn bán linh kiện bán dẫn. Tôi muốn nói rằng, trong đường lối chính trị truyền thống của nước Pháp đang tồn tại một khuyết điểm nghiêm trọng kéo dài cho đến nay. Khuyết điểm đó cho rằng kinh tế đúng là rất quan trọng, nhưng truy cho cùng, mọi việc đều được giải quyết trong các hội nghị quốc tế lớn. Nước Pháp luôn đọc những bài diễn văn hùng hồn. Bởi vậy, người ta cho rằng sức nặng của nền ngoại giao và của những người nước Pháp như thế là đủ rồi”.

Nụ cười của bà Edith Cresson chuyển thành tiếng cười ngất. Bà trở thành chua chát:

“Tất cả là một trò tầm phào ! Quả là mọi người đều vỗ tay tán thưởng. Nhưng chỉ có người Pháp là chưa nhận ra điều đó mà thôi”.

Roger Fauroux: Không thể phân tâm dân tộc Nhật

Khi tôi xin được gặp Bộ trưởng Bộ công nghiệp thì Roger Fauroux, người chủ cũ của Saint-Gobain đồng ý tiếp tôi không mấy khó khăn. Cuộc nói chuyện này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vì ông và bà Edith Cresson có quan điểm khác hẳn nhau về nước Nhật, nếu không nói là hoàn toàn đối nghịch nhau. Là người thân cận của Thủ tướng Michel Rocard, Roger Fauroux ủng hộ việc đầu tư của Nhật Bản vào nước Pháp và để cho sản phẩm Nhật tự do cạnh tranh với sản phẩm của châu Âu, song tất nhiên là rất cần tránh những va chạm có hại cho những lĩnh vực dễ bị tổn thương. Ngày 10/1/1990, nhân chuyến thăm Pháp của Thủ tướng Nhật Toshiki Kaifu, cũng là lúc bà Edith Cresson tuyên bố Nhật Bản đã tiến hành cuộc chinh phục thế giới, thì Roger Fauroux lại quả quyết ngược lại rằng sở dĩ xe hơi Nhật Bản thâm nhập được vào các thị trường “là vì có lẽ xe hơi của chúng ta không tốt bằng”. Ông ta nói thêm “không thể trách người Nhật là giỏi hơn chúng ta. Xe hơi Pháp chưa sánh được bằng với xe hơi Nhật”. Chưa bao giờ trong nội bộ chính phủ Pháp lại biểu hiện rõ rệt quan điểm khác nhau về vấn đề Nhật Bản như vậy. Những lời tuyên bố như thế đã tác động đến giới chế tạo xe hơi Pháp ? Một số vị lãnh đạo không giấu cảm nghĩ của họ: “Nếu như ông Bộ trưởng Bộ công nghiệp Pháp không muốn hạ uy tín xe hơi Pháp trước mặt người tiêu thụ, thì ông ta đã không làm như vậy”. Vài ngày sau, trả lời các nhà báo, Michel Ricard lúng túng nói: “Mỗi vị Bộ trưởng đều có lý của họ”.

Hôm tiếp tôi, Roger Fauroux vừa họp Hội đồng Bộ trưởng xong. Thoải mái và nhiệt tình, ông lưu ý tôi rằng vấn đề nước Nhật không phải là chuyên môn của ông. Ông không có nhiều thì giờ, và tôi đề cập ngay đến vấn đề nóng bỏng: theo ý ông, liệu sau khi đã xua tan sự bại trận về quân sự, nước Nhật lại đang tìm cách phản kích về mặt kinh tế ? Ông trả lời ngay:

“Không ! Điều đó thật vô lý. Xin lỗi, nhưng tôi cho cách hiểu như vậy là kỳ cục. Sự việc không phải như vậy. Đánh giá như vậy là muốn nhân cách hóa nước Nhật. Vả lại “nước Nhật” đâu phải là “ông Nhật”. Con người đó không tồn tại. Kiểu nói kích động ấy đã xưa như trái đất. Thật ra, những “ông” Nhật già bị thua trận năm 1945 không hề có ý tưởng đó, họ chỉ nghĩ thế này: “Ta sẽ chỉ ra cho người Mỹ khả năng ta có thể làm gì được”. Điều đó thì tôi chấp nhận. Tuy nhiên, anh cần biết rằng một khi mà anh muốn làm một cuộc “phân tâm tập thể” đối với một dân tộc, thì anh chỉ có thể nói những điều ngu xuẩn !”.

Nước Nhật đã quên cuộc bại trận của mình

Ông Bộ trưởng nói tiếp:

“Tôi không hiểu nước Nhật. Nhưng nhiều người am hiểu đất nước này đã nói với tôi rằng sự thua trận đối với họ đã lùi vào quên lãng. Có một hiện tượng rất lạ: người Đức càng nói nhiều về chiến tranh bao nhiêu thì người Nhật càng ít nói. hay không hề nói gì về chiến tranh. Làm như họ không bao giờ tiến hành chiến tranh. Những ông già Nhật 70 tuổi ấy ! Hồi đó họ ở đâu ? Đó là thời kỳ họ đã vùi chôn. Những người am hiểu nước Nhật nói người Nhật oán trách quân đội và hệ thống quân sự, vì đã dẫn họ đến sự tui nhục. Đúng, đó là một dân tộc hùng mạnh, thông minh, khéo léo. Không có nguyên liệu, thì nước Nhật thực hiện vai trò một dân tộc mạnh. Như người Đức. Cả người Pháp cũng đang muốn làm như vậy”.

Nhưng làm sao có thể tin người Nhật, khi trở thành những nhà tư bản kéch xù, họ lại không nghĩ đến một hình thức thống trị nào đó về kinh tế ? Roger Fauroux đáp:

“Thống trị ư ? Nói thế là quá đáng. Đó chỉ có nghĩa là họ tiến hành chính sách công nghiệp của nhà tư bản. Nước Nhật là một nước nghèo, rất nghèo. Một nước nhỏ, hẹp, không có tài nguyên, không có dầu hỏa. Người Nhật có sự nhạy cảm khác xa với phần còn lại của thế giới. Khác là vì từ lâu họ bị cô lập và vì ngôn ngữ của họ rất khó học. Không có một dân tộc nào như họ ở châu Á. Họ không hẳn là người châu Á mà họ là người Nhật. Từ đó, họ cố gắng thiết lập một đường lối về xã hội công nghiệp. Với tôi, tôi không hề nói “nước” Nhật. “Nước” Nhật không tồn tại. Đó là một xã hội công nghiệp phát sinh từ đường lối công nghiệp, có nghĩa là khuếch trương, là lợi nhuận tối đa, doanh số tối đa. Do đồng yên là đồng tiền rất mạnh, người Nhật hiểu rằng cách cửa thị trường thế giới đã đóng lại. Cho nên, họ đầu tư vào Pháp và ở các nơi khác. Điều này xưa cũ rồi còn gì. Các tập đoàn Pháp như Pétichiney, Rhône-Poulenc cũng đã hành động tương tự, với những phương tiện thấp hơn khi đầu tư vào Mỹ. Đó là cách làm cổ điển. Duy chỉ có điều là toàn bộ những việc ấy đã làm tăng thêm sức mạnh của Nhật Bản. Quả là họ rất tốt. Và chẳng có gì khác”.

Hiện nay, phải chăng không nước nào trên thế giới có thể đơn độc đóng vai trò “bá chủ kinh tế”?

“Không. Nhưng như vậy có nghĩa là người Nhật có thể hủy hoại. Họ đang ở vào trường hợp như người Mỹ những năm 60 và 70 hoặc 75. Nghĩa là có thể hủy hoại. Từ “hủy hoại” có vẻ quân sự. nhưng đó là những tình thế cực kỳ đau khổ cho nhiều người như chúng ta. Không thể có sự cạnh tranh cục bộ được. Đó không phải là những món ăn theo đơn đặt hàng. Anh chấp nhận cạnh tranh, và lúc đó anh phải tự vệ, nghĩa là phải làm tốt hơn”.

Nước Nhật sẽ làm châu Âu hồi sinh

Có một so sánh thú vị, vì nhiều người thích so sánh việc đầu tư của Nhật Bản bây giờ với việc đầu tư của Mỹ cách đây 20 năm. Cả Mỹ trước đây và Nhật Bản hiện nay đều làm dấy lên làn sóng phản đối ở châu Âu. Nhưng tư bản Mỹ lúc đó đã có vai trò sinh lợi. Nó đã hồi sinh nền công nghiệp châu Âu. Liệu Nhật Bản có thể có vai trò tương tự như vậy không ?

“Có chứ, tất nhiên là có. Trừ trong một số ngành mà chúng ta thấy cần bảo vệ. Điều này rất rõ. Tôi lấy một ví dụ: Hôm qua tôi tiếp ông chủ tịch hãng Canon. Hãng Canon vừa xây dựng ở Pháp một xí nghiệp sử dụng 600 công nhân để sản xuất máy photocopie, máy Fax và các loại máy tương tự. Đó là ngành công nghiệp mà Pháp còn thiếu. Bởi vậy, người Nhật đến là rất hay. Nhất là hôm qua, ông chủ tịch Canon lại báo cho tôi biết ông sẽ xây dựng một trung tâm nghiên cứu cho quy mô 100 người. Quan trọng lắm, 100 nhà nghiên cứu ! Đó là một trung tâm lớn. Ông chủ tịch hãng Canon ấy có một chương trình rất đồng bộ. Có nghĩa là ông ta sẽ xây dựng xí nghiệp sản xuất sản phẩm ở Pháp và bán ở nước ngoài như lời ông hứa. Canon sẽ có ba trung tâm nghiên cứu trên thế giới: một ở Anh, một ở Mỹ và trung tâm thứ ba ở Pháp. Tôi thấy đây là điều tốt. Tôi nhiệt liệt khuyến khích ông ta, tôi nhờ ông chuyển đến đồng nghiệp của ông những điều mong muốn của chúng tôi. Nếu ông ấy đến nói với tôi rằng hãng Toyota muốn xây dựng một xí nghiệp sản xuất xe hơi ở Pháp, tôi cũng đồng ý cả hai tay. Đối với ngành công nghệ mà chúng ta không có hoặc đã mất, thì ta cần tăng cường. Nếu thuộc thẩm quyền của tôi thì tôi chấp thuận ngay. Ông nên hiểu rằng 100 cán bộ người Pháp làm việc theo phương pháp Nhật Bản và sẽ tiếp thu phương pháp đó thì không phải là chuyện nhỏ đâu. Rõ ràng là nếu như những người chủ Nhật Bản muốn cán bộ nghiên cứu mà họ sử dụng làm ăn có hiệu quả, thì họ không thể giấu được nền công nghệ của Nhật Bản. Đó, ta có 100 người Pháp sẽ thừa hưởng được nền công nghệ Nhật Bản trong một lĩnh vực mà chúng ta không biết, hoặc yếu kém. Điều đó rất có lợi. Tôi nghĩ rằng chúng ta cần thận trọng về những gì liên quan đến đầu tư của Nhật Bản. Nhưng, nói chung, đó là một cách để “bẫy” người nước ngoài. Một khi người nước ngoài xây dựng một cơ sở ở đất anh, thì đương nhiên anh đã có cơ sở đó”.

Roger Fauroux nói về kinh nghiệm của mình:

“Hồi tôi làm chủ tịch Saint-Gobain, tôi đã xây dựng những xí nghiệp ở những nước mà chúng tôi có công nghệ đi trước họ một bước, như ở Brésil, Mexique, rải rác khắp thế giới. Chúng tôi làm việc với người Brésil và đem đến cho họ nền công nghệ tốt nhất của nước Pháp. Chúng ta đem đến cho họ không phải là những chiếc xe điện cổ lỗ của Toulouse, mà là cái tinh túy nhất của chúng ta. Có nghĩa là những kỹ sư người Brésil của xí nghiệp chúng ta đã tiếp thu trọn vẹn công nghệ của chúng ta. Brésil hâm mộ nền công nghệ Pháp. Không phải chúng tôi có đầu óc thực dân, đế quốc, mà đó

là người Brésil đã “bẫy” chúng ta. Điều đó có ý nghĩa đối với tất cả các nước tương tự”.

Nhưng phải chăng người Pháp từ lâu đã quên lãng nước Nhật và Viễn Đông ? – Ông bộ trưởng tán thành:

“Nhưng ông biết không, đâu phải dễ ! Không phải chỉ mỗi mình chúng ta gặp khó khăn như vậy. Ông hãy thử đếm xem có bao nhiêu công ty châu Âu đặt được cơ sở ở Đông Nam Á. Không có bao nhiêu ! Tuy nhiên, tại Nhật Bản, chúng ta đã tiến hành được nhiều bước quan trọng. Hãng IBM đã thành công lớn. Ngoài thắng lợi đó của người Mỹ, ông hãy xem một loạt thành đạt khác: Air Liquide đã có mặt khá lâu. Elf, Rhône-Poulenc và Sanofi cũng vậy. Sản phẩm Pháp có mặt ở thị trường Nhật Bản trên những lĩnh vực mà người Nhật còn yếu. Họ không giỏi lắm trên lĩnh vực dầu lửa. Lĩnh vực trực thăng cũng vậy. hãng Aerospatiale bán trực thăng cho họ. Có rất nhiều lĩnh vực mà người Nhật không giỏi: hơi lỏng, khí lỏng, hóa học. Hãy xem những ngành hóa học chính: những nhà hóa học giỏi đều là người châu Âu. Đặc biệt là người Đức, rồi đến người Pháp”.

Roger Fauroux chứng minh:

“Người Nhật không có dầu lửa, do đó họ không thể làm như chúng ta đã làm. Có nghĩa là không có dầu lửa thì họ không thể xây dựng những công ty dầu lửa như chúng ta. Về mặt này chúng ta mạnh hơn họ. Trong một số lĩnh vực khác cũng vậy, do những lý do quân sự mà đến nay họ không thể nghiên cứu. Ở lĩnh vực du hành vũ trụ và không gian, chúng ta đã thắng điểm. Chúng ta nào có yếu. Trong lĩnh vực mà tôi có biết đôi chút, như thủy tinh, chúng ta trao đổi kỹ thuật ngang cỡ với Nhật Bản, chẳng có chút mặc cảm nào. Trong lĩnh vực thủy tinh, Saint-Gobain không sợ gì người Nhật”.

Người ta nói người Nhật có kỹ thuật sản xuất khác chúng ta. Cả thói quen làm việc cũng khác. Từ lúc này, cuộc tranh luận vượt ra ngoài khuôn khổ kinh tế, chuyển sang vấn đề xã hội. Để cạnh tranh có hiệu quả với người Nhật, người Pháp có cần thay đổi phần nào xã hội của mình không ? Roger Fauroux ngạc nhiên về câu hỏi, trả lời ngay:

“Không, chắc chắn là không. Trước hết, tôi không tin là sẽ phải đi đến mức đó. Trở thành Nhật Bản ư ? Tôi không thể tưởng tượng nổi. Phải với phương pháp của ta, nền văn hóa của ta, chúng ta cố gắng làm tốt như họ”.

Điều đó có thể làm được không ? Ông Bộ trưởng thú nhận, vẻ thiếu tự tin:

“Tôi không rõ. Trong lĩnh vực văn hóa quả rất khó khẳng định. Những gì tôi có thể nói với ông là: chúng ta có những điểm mạnh, ví dụ trong lĩnh vực nếu không nói quá đáng là ổn định xã hội, chúng ta đã trở thành một trong những nước ít có bãi công nhất thế giới. Đáng ngạc nhiên chứ ! Tôi đã

kể lại câu chuyện này biết bao lần. (Cô thư ký của tôi, Clotilde, lại sắp ngáp rồi đấy...) Tôi đã tiếp một nhà công nghiệp người Đức, chủ hãng Bosch. Ông ta đến bảo cho tôi biết ông ta đã đầu tư vào Pháp. Tôi hỏi ông ta tại sao ? Ông ta trả lời: “Vì nước Pháp là nước ổn định về mặt xã hội, rất đáng chú ý”. Tôi hơi ngạc nhiên, nhưng quả thật là như thế. Ở nước chúng ta, việc đình công hiếm thấy, ngoại trừ ở khu vực dịch vụ công cộng. Hơn nữa, ở nước chúng ta, những cuộc đình công gần như biến mất. Đáng chú ý chứ ? Tôi nghĩ rằng đó không phải là tiếng tăm trước kia. Mà là do chúng ta đã có những tiến bộ trong việc tiếp nhận thực trạng công nghiệp. Thực trạng công nghiệp hiện nay đã được tiếp nhận ở Pháp. Bây giờ người ta không nói, hoặc rất ít nói đến siêu lợi nhuận.

Hai là, người Nhật sẽ ra sao ? Tôi không biết ! Tôi có đọc một bài báo nói rằng ở trong nước họ đã bão hòa. Hãy nhìn vấn đề nô lệ phụ nữ. Phụ nữ đã bắt đầu nổi loạn, họ đã bắt đầu cựa quậy rồi, vậy là hơi rồi đấy !” (Cô thư ký của ông Bộ trưởng cười”.

Nhưng nhiều người Nhật quả quyết rằng sự suy thoái của nước Nhật không còn xa. Chưa ai có thể đứng đầu lâu được. Sự vật chuyển động theo những chu kỳ. Đến năm 2020, liệu người Nhật không phải là một xã hội già nua nhất thế giới sao ? Giới trẻ cũng thay đổi. Não trạng cũng biến đổi chứ bộ trưởng ? – Roger Fauroux nhìn tôi, đắn đo, rồi trả lời:

“Tôi tin điều đó là đúng. Quả là đang có những bức bách. Như thời gian lao động quá dài. Liệu cuối cùng họ sẽ thay đổi chăng ? Có thể có mà cũng có thể không. Trong lĩnh vực này, tôi không dám nói gì trước. Tôi đã nói với ông là tôi không muốn làm một cuộc phân tâm tập thể”.

Chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch tự hại mình

Một châu Âu theo chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch đối với Nhật Bản sau năm 1992 có cơ may thoát khỏi tình trạng hiện nay không ?

“Tốt nhất châu Âu không nên theo chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch. Trên một số ngành như xe hơi, một số sản phẩm điện tử, cần phải đặt những hàng rào quan thuế tạm thời, điều này tôi tán thành. Nhưng đó phải là tạm thời, mềm dẻo, có phạm vi và rất đặc biệt. Ông biết đấy, người ta không thể bảo hộ mậu dịch một cách hữu hiệu và thường mắc sai lầm. Đối với tôi, đó là điều chắc chắn. Nếu anh muốn nền công nghiệp của anh tàn lụi, cách tốt nhất như người ta đã chứng minh là cứ bảo hộ lấy nó. Điều đó không bao giờ sai cả. Trong chế độ bảo hộ mậu dịch, những nhà công nghiệp dễ trở nên ngây ngô, mất tính chiến đấu”.

Cô thư ký của Roger Fauroux xen vào câu chuyện và nói khá chính xác rằng chế độ tự bảo hộ mậu dịch là điều người Nhật đã làm trong những năm 60. Ông Bộ trưởng cười và tiếp:

“Trong thời kỳ cắt cánh, như vậy là đúng. Nhưng tôi nói về nước Pháp bây giờ. Nước Pháp và châu Âu. Nếu tôi là Bộ trưởng công nghiệp Brésil thì tôi không nói với ông điều đó. Nếu tôi là thủ tướng Sénégal, cũng không. Khi anh ở vị trí thấp kém quá mức, phải biết bảo hộ mậu dịch trong một thời gian nào đó. Và chính trên tinh thần đó, tôi nói với ông về vấn đề xe hơi. Rõ ràng chúng ta đang bị thất thế, chúng ta phải bảo hộ mậu dịch. Trên lĩnh vực điện tử cũng vậy”.

Điều đó có nghĩa là cần có những hạn ngạch (quotas) nhập trong một thời gian nhất định ?

“Đúng vậy, nhưng điều này không có nghĩa là bảo hộ mậu dịch trên tất cả các lĩnh vực. Làm như vậy, chúng ta sẽ càng yếu hơn. Người Nhật đã phục vụ chúng ta, ông biết đấy. Họ đã mời chúng ta nỗ lực vươn lên. Tôi chắc không cần mô tả mọi việc đó với ông”.

Robert Guillain: Nước Nhật không muốn thống trị

Trước cuộc tranh luận trái ngược nhau, đối chọi nhau với lý lẽ phân tán như vậy, tôi đã hỏi Robert Guillain. Thật vậy, đã có được mấy người Pháp tích lũy được nhiều kinh nghiệm về nước Nhật như ông già 80 tuổi này ? Ông đã sống ở châu Á suốt nửa quãng đời mình, chủ yếu là sống ở Nhật Bản. Hơn 10 năm sau khi ông rời khỏi nước Nhật, ở Tokyo, tên tuổi ông vẫn nổi tiếng trong giới báo chí. Ông có rất nhiều bạn thân ở Tokyo. Ông còn tiếp tục gửi bài cho báo Ashahi Shimbun sau khi ông trở về Pháp. Ông rất yêu nước Nhật, dù đôi khi phê phán những năm tháng sống ở đảo quốc này. Robert Guillain không có kẻ thù. Mọi người đều cảm mến ông sâu sắc. “Đó là một đại nhân”. Christian Sautter nói với tôi như vậy. Christian Sautter nguyên là cố vấn của tổng thống Pháp ở điện Elysée, chuyên gia về Nhật Bản và nay là thị trưởng Paris. Các cuốn sách của Guillain đều có tiếng vang lớn. Dù tuổi đã cao, ông còn định viết thêm một tác phẩm nữa. Cuốn sách này sẽ đúc kết những kiến thức của ông về nước Nhật. Ông thường nở nụ cười khi đề cập đến vấn đề ông yêu thích. Niềm say mê của ông đối với nước Nhật vẫn không nguôi và ông cảm thấy một niềm thích thú tự nhiên khi gọi lên vai trò của đất nước này trong thế giới đương đại.

Vậy thì phải chăng nước Nhật đang tiến hành cuộc chinh phục thế giới ?

“Không, không hề có. Điều đó tuyệt đối không bao giờ là ý định của họ, cũng không phải là tâm trạng của họ. Có thể điều đó còn rơi rớt trong một số cái đầu thừa kế di sản của nước Nhật đã bị ngã quỵ trong chiến tranh vừa qua. Song thực ra nước Nhật đang tìm một con đường mở ra với thế giới và điều đó đương nhiên là người ta âu lo. Nhưng tôi cho rằng đó chỉ là một thứ “phụ phẩm” của sức năng động, sự hiệu quả to lớn của người Nhật. Đó không phải là cuộc chinh phục thế giới. Hoàn toàn không phải. Người ta

muốn gọi nó là gì thì tùy, nhưng tôi thì cho rằng đó là sự “quốc tế hóa” nền kinh tế Nhật Bản. Chúng ta đang bước vào, đúng hơn là “đã” bước vào thiên niên kỷ thứ ba. Ngay lúc này, chúng ta đang vượt qua năm 2000 và trước mắt chúng ta thế giới tương lai đang được tạo dựng lại. Hình như chúng ta thiếu phần khởi, và hơi sợ hãi. Chúng ta không đọc nhiều. Báo chí đáng lẽ phải thông tin nhiều hơn các sự kiện đang diễn ra trên thế giới ngày nay”.

Về nước Nhật, ý của tôi như thế này: Chúng ta đang bước vào kỷ nguyên của những đại lượng. Nước Nhật tự nhận thấy mình quá bé nhỏ trong một thế giới các đại lượng. Những đại lượng như Liên Xô, Trung Quốc sẽ là những đại lượng bị vỡ tung, như Liên Xô đã vỡ thành những Xô Viết, tuy rằng vẫn còn hình thức liên bang hay một hệ thống thống trị nào đó. Nước Nhật để đối đầu với những khối ấy, theo cách của họ chính là phân tán và thiết lập ở khắp nơi những cơ sở của Nhật Bản. Về cộng đồng châu Âu thì thiết chế này đang hình thành nhanh chóng. Nhưng sự cố kết của châu Âu diễn ra chậm hơn, bởi vì sự hội nhập của các nước Đông Âu sẽ làm cho quá trình châu Âu hóa chậm lại. Trong lúc đó, nước Nhật sẽ có thời gian tiến hành một chiến dịch, mở đầu từ nước Anh, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha. Tiếp đến mạnh hơn là ở Pháp, Đức và tất nhiên là cả ở Đông Âu. Đối với nền công nghiệp Nhật Bản, đó là những mảnh đất quá tốt. Người Nhật đến đó với vốn lớn không ai bì kịp, dù là người Đức hay bất cứ ai khác. Cuối cùng người Nhật sẽ đứng chân được ở cộng đồng châu Âu. Chúng ta sẽ được biết một quá trình châu Âu hóa Nhật Bản. Bởi vậy, chúng ta không thể nói rằng Nhật Bản đi chinh phục thế giới. Đây là một vấn đề khác hẳn. Đó là việc xây dựng một thế giới mới bước vào thiên niên kỷ thứ ba, trong đó Nhật Bản không phải là kẻ chinh phục, vì họ không có ý định xâm lược các dân tộc, mà đơn giản là một đất nước có mặt ở khắp nơi, thể hiện toàn bộ các khả năng to lớn của nó”.

Nước Nhật của thiên niên kỷ thứ ba

Tuy nhiên, tôi lưu ý ông cụ Robert Guillaín; dù có hay không có ý thống trị, thì quá trình phi địa phương hóa trên quy mô lớn của các công ty Nhật và sức mạnh tài chánh to lớn của Nhật Bản, trên thực tế chính là sự thống trị.

Nhưng Guillaín vẫn vững tin vào tương lai:

“Tôi nghĩ rằng người ta không thể trả lời câu hỏi của ông được. Không loại trừ thực tế đó. Nhưng nền kinh tế của thiên niên kỷ thứ ba sẽ cực kỳ năng động và cực kỳ cạnh tranh. Nhưng tôi không thấy có lý do nào để cuối cùng nước Nhật sẽ thống trị cả nước Mỹ. Nước Mỹ đã có lúc biểu hiện suy yếu, nhưng người ta có thể đoán chắc rằng nước Mỹ đâu có để cho tên mình bị xóa khỏi bản đồ. Nước Mỹ không thể để cho nước Nhật thống trị mình”.

Sức mạnh của nước này (Nhật) sẽ dẫn nó đến đâu ? Phải nói thế nào về những khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa ? Nước Nhật có thể một lần nữa bị những con quỷ nguy hiểm cám dỗ không ? Guillaín trả lời:

“Tất nhiên là có thể có những biến đổi và những biến động. Cho đến nay, có thể chứng minh rằng khi nước Nhật có những bối rối nghiêm trọng, thì đó là những vấn đề đến từ bên ngoài chứ không phải từ vận hành bên trong của bộ máy. Bộ máy bên trong luôn chạy khá tốt. Đã có những cú sốc như cú sốc đồng yên, cú sốc dầu hỏa, song qua đó, nước Nhật đã đứng vững như con tàu trong cơn bão tố, điều này chỉ ra rằng con tàu được điều khiển bởi những hoa tiêu giỏi. Tôi không hiểu tại sao lại không để cho nó tiếp tục như vậy. Song có những hiện tượng thuộc lĩnh vực tâm lý xã hội có tầm quan trọng lớn hơn chúng ta tưởng. Nước Nhật là một sân khấu của những biến đổi to lớn mà người ta chỉ mới bắt đầu nhìn thấy và tìm hiểu. Nước Nhật, trước kia nghèo nàn, đạm bạc, đã biết từ sự nghèo nàn và lạc hậu ấy làm nên phân nửa sức mạnh của mình. Và có thể Nhật đang chuyển biến, từ một nước giàu có thành một nước trực lợi, thành một nước biếng nhác – nếu ta giả thiết có người Nhật biếng nhác, điều đó hơi khó tưởng tượng – nhưng tôi chấp nhận rằng nước Nhật có bắt đầu chậm bước. Thế hệ mới, theo ý kiến chung là một thế hệ đáng kinh ngạc, họ không có những phản ứng như trước, tức là những phản ứng của lòng yêu nước, của tình đoàn kết, của tình cảm gắn bó với tập thể như từng có ở một nước Nhật cổ xưa. Ngược lại, thế hệ này lại học đòi chủ nghĩa cá nhân, và bắt đầu làm việc theo đơn vị cá thể”.

Nước Nhật muốn trả đũa, không phải trả thù

Một câu hỏi nữa về nước Nhật tương lai. Sau khi được bảo hộ dưới đôi cánh của nước Mỹ, trở thành hùng cường, liệu nước Nhật có thể trở thành “kẻ giết cha” ? Nước Nhật sẽ giết nước Mỹ chăng ?

“Tôi không hề nghĩ nước Nhật có ý định ấy. Nhưng tư tưởng trả đũa sự thua trận của mình thì chắc có. Hơn nữa, cũng có thể họ đã đi quá sự trả đũa, và bây giờ họ có thể nói với Mỹ: “Trước đây các anh rất mạnh, nhưng bây giờ chúng tôi có sức mạnh hiệu quả hơn các anh, bởi chúng tôi sử dụng các phương thức hòa bình; chúng tôi không làm những chuyện điên rồ như các anh là đã ném bom bao tiền của vào ảo tưởng phòng thủ quân sự và chiến lược chiến tranh hạt nhân. Chúng tôi đã đứng ngang hàng với các anh”. Đây là sự trả đũa, không phải sự trả thù”.

Về nước Nhật, đã có những lời phê phán cho rằng: “Khi người ta yêu cầu Nhật nhả bớt mồi thì người ta chỉ nhận được thứ ngôn ngữ của kẻ mạnh”
Nên nghĩ thế nào về điều đó ?

“Khi đề cập đến nước Nhật, ngôn ngữ mà người Nhật hiểu, không phải là ngôn ngữ của sức mạnh, mà là ngôn ngữ của cạnh tranh. Nước Nhật hiện đại sinh ra từ cạnh tranh. Nó lên lên từ cạnh tranh trên bình diện cả nước cũng như trên bình diện từng con người. Bởi vì mỗi người Nhật phải cạnh tranh với kẻ bên cạnh bắt đầu từ năm 7 tuổi, khi bước vào trường học. Họ vẫn là bạn bè với nhau ở trường, nhưng giữa họ đã có sự ganh đua rất căng mà chúng ta tuyệt nhiên không thể hiểu được. Cho nên đối với nước Nhật chỉ có thể sử dụng sức mạnh bằng một sự cạnh tranh ngang sức. Chắc chắn họ sẽ nhay cảm khi có ai đó bắt đầu đuổi kịp hoặc vượt họ trong cạnh tranh. Lúc đó có lẽ nước Nhật chấp nhận một sự mềm dẻo hơn và biết điều hơn trong thương lượng. Thường thì nước Nhật không biết điều trong thương lượng, bởi họ thường thấy nước Pháp gởi sang những quan chức khá nhẹ dạ. Đã bao lần người ta thấy một quan chức Pháp đến Tokyo để rồi bị người Nhật đánh giá: “Đó là loại người đi let đẹt theo chúng ta. Gã ta dốt nát mà lại kiêu ngạo”. Và người Nhật đáp lại, không phải bằng sức mạnh mà đơn giản là bằng sự vượt trội của họ trong kinh tế”.

Nước Nhật chuẩn bị thế giới ngày mai

Phải nói thế nào về những biện pháp bảo hộ của nước Nhật ? Về chuyện người Nhật thường không tôn trọng nguyên tắc tự do – mậu dịch ?

“Nước Nhật hôm nay đã được thành hình vào khoảng năm 1850, vào một thời kỳ mà người ta không nói đến khái niệm “mở cửa” hay một cái gì đó tương tự. Ít ra tôi cũng không tin rằng hồi đó đã có những công thức như vậy. Nước Nhật đã được sinh ra từ hệ thống lò ấp trứng của nhà nước, bất chấp mọi phân biệt giữa chủ nghĩa nhà nước và chủ nghĩa tự do, và nó chỉ sử dụng phương thức: nhà nước nhìn thấy nhu cầu của đất nước và lên kế hoạch cho nhu cầu đó. Ở giai đoạn đầu, điều này giống như chủ nghĩa xã hội. Nhà nước lập kế hoạch phát triển cần thiết, tập hợp mọi người và tuyên bố: “Đây là điều các bạn sắp cùng làm. Tôi cho các bạn bao nhiêu dây tiền và hãy làm đi trên cơ sở đoàn kết hợp tác với nhau”. Mọi người bắt tay vào việc và 10 năm sau trứng ấp xong, lồng ấp được dỡ đi, thế là Nhà nước tiêu vong. Cái hệ thống đó sản sinh ra những nhà công nghiệp hiện sẵn sàng để tự do cạnh tranh. Bởi vậy, nước Nhật đã theo chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch, nhưng chỉ trong một thời gian nhất định. Biện pháp đó nằm trong chu kỳ phát triển mà nước Nhật luôn biết tổ chức và quản lý hết sức thành công. Bằng chứng gần đây nhất là lĩnh vực tin học”.

Robert Guillaín nói tiếp:

“Mặt khác, nước Nhật là nước biết xác định và chuẩn bị. Họ xác định cực kỳ chính xác đâu sẽ là mũi nhọn thị trường cho 20 năm sau. Họ chuẩn bị điều đó từ rất lâu. Chẳng hạn như những đạo luật cơ bản về xây dựng ngành tin học: kế hoạch phát triển này ngay từ năm 1957 đã tính đến viễn

ảnh của những năm 1977 và 1987. Điều đó chứng tỏ nước Nhật đã dành gần 20 năm để leo lên vị trí hàng đầu. Đối với họ, khi đã quyết là làm, làm giỏi, tổ chức tốt. Sự việc tiến triển như thế nào ? Những tập đoàn lớn thống nhất với nhau và bắt tay vào làm một thời gian. Sau đó, đến một lúc người ta thả lỏng dây cương cho từng tập đoàn. Thế là các tập đoàn lớn xâu xé nhau, hoặc cạnh tranh với nhau không thương tiếc và trở nên rất mạnh”.

Tại sao lại thù ghét đến thế ?

Có phải năm 1945, người Mỹ đã quá tốt với người Nhật chăng ? Có phải nước Nhật đã thiếu lòng hối hận ?

“Tôi nghĩ rằng ở Tokyo lúc đó không có bầu không khí sám hối về một tâm trạng phạm tội hay trách nhiệm. Người Nhật không bao giờ lại lao vào những việc đại loại như thế. Họ không biết truy lùng những tội phạm chiến tranh, bởi cả tập thể người Nhật đều cảm thấy liên đới sâu sắc với nhau và họ không muốn đẩy những người có tội nặng nhất trong số họ ra trước tòa. Nói cách khác, tôi nghĩ rằng lúc ấy không thể có được một sự tự chỉ trích từ đất nước này, một đất nước đã hoàn toàn bị đánh gục, và đã bị trừng phạt quá khủng khiếp”.

Vâng, nhưng nước Đức, người ta đã buộc họ phải thừa nhận sai lầm của họ, buộc họ phải sửa lại những sai lầm đó. Tội ác của nước Nhật có phải cũng ghê tởm ngang với của nước Đức không ? Guillaín nói dứt khoát:

“Đúng, tội ác đúng là như thế, song bản chất của nó có khác. Tức là tội ác đó không được tổ chức một cách có ý thức (như ở Đức). Vấn đề này rất tế nhị. Nhưng tôi nghĩ sự tàn bạo của tội ác chiến tranh ở người Nhật xuất phát từ trong máu Samurai thời Trung cổ, từ những cuộc chiến tranh ngày xưa, từ sự tàn bạo Á Đông. Nhưng nước Nhật không có một Mein Kampf như Đức, trái với điều bà Edith Cresson nói. Không hề có Main Kampf ở Nhật Bản”.

Cuộc cạnh tranh giữa phương Tây và Nhật Bản hiện có thể làm hồi sinh châu Âu không ? Và phải chăng châu Âu chỉ có cách là chặn đường chàng khổng lồ này ? – Guillaín lạc quan:

“Nhất định là thế. Tôi tin chắc như vậy. Tôi tin rằng nếu vượt lên trên hận thù và khủng bố, châu Âu có cơ may cống hiến trí tuệ, nền công nghiệp của họ, để xây dựng một tổ chức mới, theo hình thức liên bang tự do và thuận lợi cho sự phát triển các khả năng của con người. Châu Âu sẽ rất rất mạnh. Nền văn hóa lâu đời của châu Âu sẽ có dịp phát triển viên mãn, nổi bật trong thế giới mới, có thể hơn châu Mỹ nhiều, tiến xa hơn châu Mỹ về văn hóa. Kho tàng văn hóa và kinh nghiệm châu Âu thoát khỏi mối đe dọa hạt nhân, sẽ làm nên nhiều điều kỳ diệu”.

Những người theo chủ nghĩa “xét lại” của Mỹ

Khi sức mạnh của Nhật bắt đầu xâm phạm sức mạnh của Mỹ và đã gây tác hại thực sự, qui chế liên minh chiến lược vẫn còn giúp Nhật Bản né tránh sự phản kích của Mỹ trong một thời gian. Với quy chế ưu đãi này, nước Nhật dù nằm trong phe phương Tây, lại là kẻ thù lợi chính trong cuộc chiến tranh lạnh. Bởi vì không chỉ trực lợi nhờ sự bảo hộ của Mỹ, Nhật Bản còn tránh tham gia vào cuộc chạy đua vũ trang đã làm khánh kiệt nhiều nước khác. Nước Mỹ đã không sợ hao tổn để có mặt ở Nhật Bản và châu Á. Họ cho không cái dù hạt nhân, bảo vệ Nhật Bản khỏi mọi đe dọa quân sự của nước ngoài. Nước Mỹ thì cứ tốn phí vô kỳ tận, còn Nhật Bản thì lại sử dụng đồng vốn tích lũy được để phát triển. Nước Nhật được bảo vệ như một nàng công chúa. Richard Nixon, Gerald Ford, Jimmy Carter, rồi Ronald Reagan và phần nào George Bush, tất cả đều nỗ lực duy trì mối quan hệ song phương về quân sự và chiến lược với Nhật Bản, cho đó là sống còn đối với quyền lợi của Mỹ trên thế giới.

Tuy nhiên, thời kỳ ấy đã qua rồi, vì hai lẽ. Một là: nước Mỹ đã bắt đầu lo lắng về quy mô sút giảm của mình ngày càng nghiêm trọng, nhất là khi so sánh với sức mạnh của nước Nhật đang lên đến đỉnh cao. Mỹ không còn phương cách nào để độc quyền đóng vai trò sen đầm quốc tế. Hai là: đánh giá lại cơ sở của liên minh Mỹ-Nhật. Sự sụp đổ của nhiều nước cộng sản và sự kết thúc chiến tranh lạnh càng lúc càng cho thấy chiến thắng của sức mạnh kinh tế đối với sức mạnh quân sự, chiến thắng của chủ nghĩa thực dụng đối với các ý thức hệ. Cùng lúc, những đòi hỏi cấp bách về địa lý – chiến lược làm cơ sở cho liên minh Mỹ-Nhật đã trở nên lỗi thời. Cặp đôi Mỹ-Nhật không phải tan rã trong ngày một ngày hai, nhưng Mỹ càng ngày càng không còn cảm thấy ngại ngùng để tách khỏi Nhật Bản và lên tiếng công kích đất nước mặt trời mọc.

Hiện nay, những lời công kích cay độc nhất đối với Nhật Bản lại từ phía người Mỹ. Một số người nguyên là quan chức của chính phủ Mỹ đã từng hiểu rõ quá trình thăng trầm giữa Washington và Tokyo từ trong ruột. Số khác là những giáo sư đại học. Báo chí Mỹ đã gọi ngay các giới này là “xét lại”, một cái tên mà những kẻ có liên quan kịch liệt phản đối. Những năm gần đây sách xuất bản ở Mỹ đã nói nhiều về vụ án nước Nhật.

Hai lý thuyết gia người Mỹ về sự suy tàn của Hoa Kỳ và sự vượt trội của Nhật Bản là Clyde V. Prestowitz, cựu cố vấn Vụ Nhật Bản của Bộ trưởng Bộ thương mại, và Chalmers Johnson, giáo sư đại học California ở San Diego và là chuyên gia về quan hệ quốc tế. Người thứ nhất là tác giả cuốn sách nổi tiếng “Trading Places, How we allowed Japan to take the Lead”. Ấn hành năm 1988, cuốn sách giải thích tỉ mỉ tại sao người Mỹ là thủ phạm chủ yếu của chính sự phá sản của họ và sự ưu việt của Nhật Bản trong việc chạy đua để phát triển. Người thứ hai cũng là tác giả của một cuốn sách nổi tiếng không kém: “MITI and Japanese Miracle”. Cuốn sách giải thích

nguyên nhân của phép lạ Nhật Bản, đặc biệt là vai trò trung tâm của cái tổ chức đáng sợ là MITI, tức là Bộ công nghiệp và thương mại quốc tế. Cũng phải kể đến một người gốc Hà Lan sống ở Nhật Bản là Karel Van Wolferen, tác giả cuốn *L'Enigme de la puissance Japonaise* ^[91]. Qua từng trang tác phẩm, tác giả đã vạch trần cái gọi là huyền thoại Nhật Bản trong việc mở cửa và thâm nhập vào hệ thống tự do mậu dịch.

Johnson Chalmers: Nước Mỹ, thuộc địa của Nhật Bản ?

Có một hiện tượng mà bề ngoài rất lạ, nhưng thường lặp lại ở Nhật Bản: mỗi lần có một nhân vật nước ngoài nào chỉ trích hệ thống Nhật Bản, thì hầu như chắc chắn nhân vật đó sẽ được mời đến thăm Tokyo. Chính vì thế, bà Edith Cresson đã nhiều lần được chính phủ Nhật mời đến thăm. Bà Bộ trưởng Pháp nghĩ rằng một chuyến đi như vậy không có gì cấp bách. Karel Van Wolferen là khách mời của tổ chức “Nhà Nhật Bản” vào mùa xuân năm 1990. Nhiều người khác đã đến thăm Tokyo. Bằng cách đó, nhà chức trách Nhật hy vọng xóa được cái họ gọi là sự “hiếu lăm”. Một trong những chiến thuật thường dùng ở Tokyo là nói rằng nước Nhật bị hiểu không đúng ở nước ngoài. Cho nên, nếu như người nước ngoài chưa hiểu rõ sự việc, có cần giải thích ồn ào không ? Nhật Bản thường tìm giải pháp “làm thân”. Một phương thức thuần túy Á Châu: không nên nói giữa đình làng, mà hãy dàn xếp trong gia đình, ở chỗ kín đáo. Một giải pháp nữa là mua chuộc những kẻ gièm pha.

Nhưng Johnson Chalmers không phải là người dễ bị bịt miệng. Mùa xuân năm 1990, ông đã trình bày những luận điểm chủ yếu trong những phê phán của ông nơi câu lạc bộ phóng viên nước ngoài ở Tokyo. Dưới đây là những trích đoạn có ý nghĩa nhất. Đáng chú ý là ông dành những lời công kích cay độc nhất cho chính nước Mỹ. Ông đặc biệt lấy làm tiếc về việc Mỹ đã không có một đường lối chiến lược về công nghiệp, và ông phản ứng quyết liệt chống lại sự ngây thơ về ý thức của Mỹ trong cái ông gọi là chủ nghĩa tự do buông thả ^[92].

“Chắc đây là lần đầu tiên trong lịch sử có một đất nước (Mỹ) đang sắp bị xâm lược, mà trước đây chính nước đó đã phải trả giá đắt để bảo vệ kẻ đang xâm lược mình hôm nay. Đó là một tình thế không bình thường, chứa đầy căng thẳng, hiểm nguy và phản trắc. Nếu nước Mỹ không khắc phục được sự thâm thủng trong trao đổi mậu dịch Mỹ-Nhật mỗi quan hệ đối tác theo nghĩa chung của từ ấy, thì nước Mỹ sẽ không thể sống còn. Sự thâm thủng mậu dịch đầu tư của Nhật Bản vào Mỹ, chủ nghĩa dân tộc trong công nghệ, sức mạnh tài chánh của Nhật Bản, nguồn vốn dài hạn chủ yếu của thế giới hiện nay, là nguồn bù đắp cho tình trạng thâm thủng ngân sách và mậu dịch Mỹ: tất cả những điều đó đang làm gia tăng khả năng nổ ra một cuộc khủng hoảng kinh tế của Mỹ. Những vấn đề đó không hề đứng riêng rẽ, mà tạo

thành một bộ phận của quá trình chuyển biến đang lay động những cấu trúc căn bản nhất của các quan hệ quốc tế”.

Xin một ví dụ cụ thể ?

“Nếu ông đi trên con đường liên bang 75 giữa Chio và Kentucky, ông chắc sẽ có ấn tượng ngay là vùng ấy đã bị xâm lược. Hình như chính sách đầu tư của Nhật Bản đã vượt khỏi mọi kiểm soát. Các khoản đầu tư của Nhật Bản nếu không được chế ngự và không gặp sự đối trọng thì sẽ dẫn đến đối kháng với Mỹ chứ không phải lệ thuộc Mỹ”.

Sự sụt giá đồng đô la đối với đồng yên đã khiến cho Nhật Bản đầu tư ồ ạt ra nước ngoài. Johnson Chalmers nói tiếp:

“Mọi thanh niên đi du lịch Honolulu bây giờ đều cảm thấy bị buộc mua ít nhất một căn hộ, còn không là một khách sạn do giá cả ở đó rẻ mạt. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống người dân Hawaii. Hơn nữa, có nhận xét rằng người Hà Lan, người Anh, người Canada nắm giữ nền kinh tế Mỹ nhiều hơn người Nhật. Điều đó rất đúng. Nhưng vấn đề ở đây là thiếu sự đối trọng giữa Mỹ và Nhật. Tôi có thể mở một thương vụ ở Amsterdam ngay ngày mai, cũng như ở Canada hay nơi nào khác, nhưng tôi không thể mở ở Nhật Bản”.

Chalmers nói rõ thêm:

“Điều đó có nghĩa là anh sẽ phải đụng đầu với một cuộc cách mạng xã hội, nếu như chúng ta mua được nhanh và mua được nhiều số tài sản mà người Nhật thích gọi là những chiến tích của họ. Nếu như điều này lại diễn ra ở Nhật Bản...”

Theo giáo sư Chalmers, trong vòng 20 năm đầu sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, đường lối Hoa Kỳ đối với Nhật dựa trên một nguyên tắc căn bản là: nước Nhật đem lại cho Mỹ một lợi thế chiến lược lớn và một lợi thế kinh tế nhỏ. Chính trên căn bản đó mà Hoa Kỳ mở cửa thị trường của mình cho xuất khẩu của Nhật Bản, bảo trợ cho Nhật Bản gia nhập những tổ chức quốc tế lớn như GATT [\[93\]](#) và OCDE [\[94\]](#), tiến hành chuyển giao công nghệ không hạn chế cho Nhật Bản với giá tương trưng và cho phép Nhật Bản đóng cửa thị trường của mình lâu hơn bất cứ nước đồng minh nào khác ở phương Tây. Đến năm 1987, có ba nhân tố làm người Mỹ phải sáng mắt ra về sự bội nghĩa của Nhật Bản: hãng Toshiba bí mật xuất sang Liên Xô những máy công cụ tối tân dùng cho nhu cầu quân sự, không hề được Mỹ đồng ý; Nhật Bản từ chối tham gia theo nghĩa vụ vào các nỗ lực chung của các nước đồng minh, để giữ cho nguồn dầu hỏa ở vùng Vịnh không bị tắc nghẽn trong cuộc chiến tranh Iran-Irak, trong lúc chính Nhật Bản là nước công nghiệp phụ thuộc nhiều nhất vào dầu hỏa của Trung Đông; cuối cùng

là việc Nhật Bản từ chối mua chiến đấu cơ Mỹ và sự nài nỉ của Mỹ để cùng với Mỹ thiết kế một loại chiến đấu cơ khác, chiếc FSX.

Chiến tranh lạnh chấm dứt và sự tan vỡ của khối các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới có đánh dấu sự chiến thắng của chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa cộng sản không ?

“Phe tư bản chủ nghĩa có thể đã thắng thế, nhưng trong thế trận này, đó chỉ là bằng chứng về sự ưu việt của kinh tế Mỹ so với kinh tế Liên Xô mà thôi. Chiến tranh lạnh đã chấm dứt hẳn rồi, nhưng nước Nhật xem ra đã chiến thắng. Có thể là vì Nhật không bao giờ tuân theo luật chơi mà Mỹ và Liên Xô đã đặt ra”.

Chalmers nói thêm:

“Khi Mỹ nhìn lại phía sau, nước đang đuổi theo Mỹ không phải là một cường quốc quân sự như Liên Xô, mà là Nhật Bản một quốc gia buôn bán (...). Nếu người ta đánh giá Nhật Bản là anh chàng khổng lồ về kinh tế và anh lùn về chính trị, theo như chữ dùng của nguyên bộ trưởng Tài chính Nhật-Miyazawa, thì Mỹ đúng là anh khổng lồ về quân sự và anh lùn về kinh tế”.

Làm gì bây giờ ? Mỹ cần tăng sức ép nhằm buộc Nhật Bản tăng viện trợ kinh tế cho thế giới thứ ba, mà không gán điều đó với việc mua sản phẩm của Nhật Bản. Làm như vậy là để Nhật gánh thêm phần trách nhiệm quan trọng đối với chi phí của việc lực lượng Mỹ trú đóng trên đất Nhật, để Nhật Bản tham gia tích cực hơn vào nỗ lực của các tổ chức quốc tế duy trì hòa bình, để Nhật Bản tiếp nhận nhiều hơn những người tị nạn đến từ các nước khó khăn, và cuối cùng để Nhật Bản mở rộng hơn nữa thị trường cho những sản phẩm của nước ngoài. Tóm lại, nước Nhật phải gánh trách nhiệm của họ trên chính trường quốc tế, tương ứng với khả năng kinh tế tài chính của họ. Về phần mình, nước Mỹ cũng phải giảm sự hiện diện quân sự ở châu Á-Thái Bình Dương, nhưng không nên rút hẳn khỏi khu vực này. Giáo sư Chalmers nói thêm:

“Nhiều nước trong khối ASEAN (Thái Lan, Malaisie, Singapour, Philippines, Indonésie, Brunei) rất hoan nghênh sự có mặt của Mỹ và xem đó là điều kiện để tránh sự lệ thuộc hoàn toàn vào Nhật Bản”.

Còn đối với Trung Quốc, những nhà chiến lược Hoa Kỳ nào còn tiếp tục mơ màng sử dụng con bài Trung Quốc để chống Nhật Bản thì họ sẽ bị lừa. Họ hy vọng cặp đôi Trung-Mỹ có thể chống lại sức mạnh của Nhật, nhưng họ đã tính lầm một cách nghiêm trọng về sức mạnh kinh tế của Trung Quốc tương lai.

Nước Nhật có giết chết nước Mỹ hay không ?

Giáo sư Chalmers cho rằng đó là câu hỏi cần nhanh chóng tìm câu trả lời:

“Nước Nhật cần quyết định điều phải làm khi sức mạnh bá chủ là nước Mỹ bắt đầu suy yếu. Họ có cần giúp cho bá quyền đó tiếp tục hay không ? Hay họ sẽ xóa bỏ và từ bỏ nó cùng với gánh nặng trách nhiệm của nó ? Họ sẽ từ chối điều nào trong hai điều trên và chờ đợi kẻ đối tác nào khác quyết định để tiếp tục cuộc du hành miễn phí với phí tổn của kẻ khác ? Tôi có cảm giác ở Nhật Bản có những tập đoàn chính trị quan trọng tài trợ cho một quan điểm chính trị có câu trả lời tích cực đối với một trong ba câu hỏi trên”.

Thế giới tài chính và kinh doanh Nhật tiếp tục yểm trợ Mỹ bằng cách mua vô số cổ phiếu của Ngân khố Mỹ, bất kể nguy cơ thiệt hại nếu đồng đô la mất giá. Về phía mình, chủ nghĩa dân tộc Nhật Bản dự đoán Hoa Kỳ đang trở thành một quốc gia lười nhác, và như vậy, tốt nhất là Nhật Bản tiếp tục cuộc hành trình một mình. Trong các giới này có chủ tịch hãng Sony, Akio Morita và chính trị gia cánh hữu, Shutaro Ishihara, tác giả cuốn sách Nước Nhật có thể nói “Không”. Còn đối với những nông gia Nhật, những tiểu thương và những nhà thầu xây dựng, hoạt động của họ tách biệt sự cạnh tranh quốc tế và họ thích sống dựa và cộng đồng quốc tế. Số này khá đông ở Nhật; tiếng nói của họ trong bầu cử là rất nặng ký. Điều đó minh chứng rằng không thể chờ Nhật sớm tự nguyện thỏa thuận về vai trò của họ trên thế giới, về quan hệ của họ với Hoa Kỳ. Chính vì thế, gây sức ép là cần thiết.

Nước Nhật bị đặt trước ba đường lối đối ngoại khác nhau. Một là đường lối của Bộ Ngoại giao Nhật gọi là Gaimusho, chủ trương tăng cường lực lượng quốc phòng và viện trợ kinh tế. Nước Nhật đã trở thành một cường quốc quân sự. Chi phí quốc phòng của Nhật Bản tiếp tục tăng lên. Trong kế hoạch 5 năm sẽ kết thúc vào năm 1991, Cục phòng vệ Nhật Bản sẽ chi tiêu tương đương 75 tỷ đô la (360 tỷ franc theo tỷ giá năm 1985). Trong kế hoạch 5 năm tiếp theo, ngân sách quốc phòng Nhật Bản do Cục phòng vệ dự toán là tương đương 175 tỷ đô la (860 tỷ franc theo tỷ giá 1990). Cần ghi nhận rằng số tiền kỷ lục này được chi tiêu trong lĩnh vực quân sự, vào lúc mà ngân sách quốc phòng của các nước phát triển đã khựng lại hoặc giảm sút. Nước Nhật sẽ dùng sức mạnh quân sự ấy vào việc gì ? Chalmers nhấn mạnh rằng, với sự nổi lên của các tiểu quốc ở châu Á nhờ sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, nước Nhật cho rằng cần phải có được một khả năng quân sự riêng để có thể ứng phó với những vấn đề sẽ đặt ra trong tương lai. Nhưng lý do đúng nhất là Nhật Bản phải chuẩn bị để tự đảm đương nền quốc phòng của họ, lúc mà cây dù quân sự của Hoa Kỳ không còn nữa. Chẳng hạn những nhà chiến lược Nhật Bản phải hình dung phương thức bảo vệ nguồn nguyên liệu dầu hỏa của họ như thế nào ?

Đường lối đối ngoại thứ hai là của MITI, căn cứ vào việc hình thành một khối kinh tế châu Á, trong đó đồng yên sẽ là đồng tiền chủ đạo, tương ứng với sự hình thành khu vực tự do mậu dịch Mỹ-Canada-Mexico, và cộng đồng kinh tế châu Âu. Chúng ta đã thấy tại châu Á đã bùng nổ những phản ứng mạnh mẽ đối với một dự kiến như vậy bởi ám ảnh khủng khiếp về chủ nghĩa đế quốc Nhật còn sống động trong ký ức. Bởi vậy, giới cầm quyền Nhật Bản tỏ ra rất thận trọng trong hướng này. Nhưng như Chalmers lưu ý, người Nhật đã bắt đầu nghiên cứu để tìm hiểu khả năng hình thành một khối kinh tế do Nhật Bản điều khiển, trong trường hợp cần thiết.

Đường lối đối ngoại thứ ba, con đẻ của Bộ Tài chính, là làm sao nền kinh tế Nhật và Mỹ trở thành tương thuộc nhau đến mức không bên nào dám quyết định cắt đứt mối quan hệ đó mà lại không phải trả một cái giá khủng khiếp. Chúng ta sẽ thấy nhiều quan chức kinh tế của Nhật Bản tiếp tục tán thành công thức an toàn, nghĩa là duy trì trục Washington-Tokyo hơn là lao vào bất kỳ một cuộc phiêu lưu nào khác. Nhưng liệu nước Mỹ có sẵn sàng không ?

Nước Nhật có thể nói “Không”

Nếu gọi là để kích động tâm lý chiến tranh ở Mỹ và đầu độc thêm mối quan hệ đang gay cấn giữa Washington và Tokyo, thì có lẽ không ai đã làm tốt hơn Akio Morita và Shintaro Ishihara. Cuốn sách nhỏ dày 160 trang với tựa tiếng Nhật là No to Ieru Nippon: Shin Nichi-Bei Kankei no Kaado, dịch là: Nước Nhật có thể nói “Không”: Lá bài mới trong quan hệ Mỹ-Nhật. Cuốn sách đã gây chấn động lớn ở Nhật. Nhà xuất bản Kobunsha hài lòng: hơn một triệu ấn bản đã được bán sạch. Nhưng họ không có ý định dịch ra tiếng Anh. Lý do: tài liệu này chỉ để tiêu thụ trong nước Nhật, không phải cho độc giả nước ngoài. Nhưng Lầu Năm Góc đã nhanh chóng cho dịch ra tiếng Anh và cuốn sách đã gây hoang mang trong giới kinh doanh và chính trị Hoa Kỳ. Cuốn sách nói gì vậy ?

Shintaro Ishihara là một nghị sĩ cực hữu, theo lập trường dân tộc chủ nghĩa cực đoan. Ông ta hô hào các công dân Nhật hãy ý thức về sức mạnh của nước Nhật và cần dứt bỏ mặc cảm. Ông nói nước Mỹ đã bắt đầu suy thoái không cách gì tránh khỏi. Đối với nước Nhật, cúi đầu chiều theo các đòi hỏi của họ là điều không thể chấp nhận được nữa. Nếu chính phủ Mỹ đi quá xa, thì Nhật Bản rất có thể sẽ quay sang Liên Xô. Và lại, Hoa Kỳ không còn lựa chọn nào khác, vì họ lệ thuộc vào ngành công nghiệp điện tử của Nhật Bản để đảm bảo cho các tên lửa của họ đạt được độ chính xác cao. Sự cân bằng chiến lược Mỹ-Xô sẽ đi đến đâu nếu Nhật Bản từ chối bán cho Mỹ những tổ hợp điện tử, mà giao chúng cho Liên Xô ? Người Mỹ đã có thái độ phân biệt chủng tộc khi giao tiếp với người Nhật, và người Nhật phải luôn nhớ điều đó khi đối xử với họ. Luận cứ chứng minh cho lời kết tội này

là gì ? Trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, người Mỹ đã bỏ loại bom thường vào những mục tiêu dân sự ở Đức, nhưng họ lại dành bom nguyên tử cho nước Nhật. Họ làm như vậy vì một lẽ duy nhất là họ cư xử theo kiểu phân biệt chủng tộc. Cho nên những giả định về quan hệ Mỹ-Nhật bắt nguồn từ những định kiến phân biệt chủng tộc sâu sắc của Mỹ.

Mặt khác, theo Ishihara, người Mỹ cần phải nhìn thẳng vào sự thật: trung tâm sức mạnh thế giới đã chuyển từ Tây sang Đông, sang châu Á. Sự cáo chung của thế kỷ XX đánh dấu sự cáo chung kỷ nguyên thống trị của người da trắng. Từ đó rút ra kết luận: ở buổi bình minh của kỷ nguyên mới này, người Nhật phải thức tỉnh và thoát ra khỏi trạng thái tê dại về tinh thần. Họ cần nói rõ cho người Mỹ hiểu rằng Nhật Bản không cần đến sự bảo hộ quân sự của Mỹ nữa, và nước Nhật phải đảm nhận lấy vai trò trung tâm tại châu Á bằng cách xây dựng những quan hệ hài hòa. Thật vậy: lịch sử sẽ chứng minh nòi giống Nhật Bản có phải là nòi giống thượng đẳng hay không.

Akio Morita tuy ít khiêu khích hơn trong lời lẽ công kích của mình, nhưng cũng không tiếc lời phê phán cay độc mà thường rất đúng đối với Mỹ. Ông nói, những nhà doanh nghiệp Mỹ không phải là những chủ nhân xứng đáng với danh hiệu ấy. Những ông chủ người Nhật biết tiên liệu và chuẩn bị tình thế trước 10 năm, còn những ông chủ Mỹ chỉ có thể dự đoán tình huống của 10 phút sắp tới. Họ có thu nhập lớn, sống xa hoa, cờ bạc và đùa giỡn với tiền vốn của công ty mà không hề quan tâm đến sự phát triển dài hạn của cơ sở mình, cũng như số phận của công nhân. Thích có lợi nhuận dễ dàng, họ không ngần ngại sa thải công nhân khi không cần đến nữa. Cách quản lý như vậy dẫn nước Mỹ đến chỗ hủy diệt. Và sự chênh lệch giàu nghèo hiện không thể chịu đựng nổi, 1% dân Mỹ chiếm giữ 36% của cải quốc gia.

Ông chủ hãng Sony giải thích rằng trong một chuyến thăm Hoa Kỳ, một đồng nghiệp người Mỹ của ông đã mời ông đến nhà nghỉ mát mùa hè của anh ta để chơi golf. Là người hay phê phán nước Nhật, nhưng ông chủ Mỹ này lại sử dụng các câu lạc bộ chơi golf Nhật Bản. Ngôi nhà ông đầy ắp sản phẩm Nhật: mô tô trượt tuyết kawasaki, một chiếc tàu có động cơ Nhật, một máy thu hình Sony và nhiều đồ vật hiệu Nhật khác. Làm sao người Mỹ có thể chờ đợi người tiêu dùng Nhật Bản mua sản phẩm của Mỹ nếu chính họ lại chỉ dùng hàng Nhật ? Song theo Morita: tình hình kinh tế Mỹ đang làm cả thế giới quan tâm. Bởi vì sự phá sản của nền kinh tế Mỹ sẽ kéo theo cả một thảm họa cho hành tinh. Để tránh điều đó, đã đến lúc người Nhật phải có dũng cảm cần thiết để nói với người Mỹ những điều cần nói. Cho dù đối với Nhật Bản điều này có khó, vì trái với tập tục Khổng-Mạnh, nhưng nước Nhật phải học nói rõ tiếng “không” khi cần thiết.

Từ khi được xuất bản, cuốn sách đó trở thành vũ khí để Mỹ gây sức ép mạnh mẽ đối với Nhật Bản nhằm “kéo nó về với lẽ phải”. Người Mỹ nói,

các ý nghĩ thầm kín và những mong muốn của người Nhật giờ đây đã được phơi bày giữa thanh thiên bạch nhật. Những gì họ chưa dám nói công khai, bây giờ đã được viết lên giấy trắng mực đen rồi. Nhận thức rõ những tác động của cuốn sách, Morita đã lùi một bước: ông phủ nhận những trang viết của ông trong bản dịch chính thức tiếng Anh là do một nhà xuất bản Mỹ mua lại. Mặt khác, ông né tránh mọi công kích công khai. Khi tôi đề nghị được gặp ông ở Tokyo, ông đòi tôi đưa trước một loạt câu hỏi. Tôi đã thật thà trình bày tất cả những câu hỏi mà thực lòng tôi muốn đặt ra với ông, tất cả xoay quanh khát vọng muốn thống trị thế giới của nước Nhật. Cuộc phỏng vấn đã bị từ chối. Tùy viên báo chí của ông cho sứ quán Pháp ở Tokyo biết rằng những câu hỏi đó không liên quan gì đến những hoạt động của hãng Sony, câu trả lời là thoái thác. Khi nói chuyện trên điện thoại, ông này giải thích cho tôi rằng Akio Morita không phải là “một Nhật Bản đại nhân”. Bằng một giọng nói lịch sự nhưng kiên quyết, ông nói thêm: “Ông Morita không quan tâm đến chính trị - ông ấy là một nhà kinh doanh”.

Người Nhật trả lời

Để hiểu một tình hình từ trong bản chất, phải hiểu tất cả các trạng thái của nó. Tầm huân chương nào cũng có mặt trái của nó. Nước Nhật đương đại cũng vậy. Nước Nhật có muốn thống trị thế giới không ? Một số người cho đó là điều tất nhiên. Một số khác lại cho đó là một ý nghĩ quái gở. Không thể có ý kiến, càng không thể đưa ra phán đoán nếu không hiểu người Nhật nói gì về vấn đề đó. Chính vì thế, tôi nhất thiết phải hỏi ý kiến một số nhân vật Nhật Bản đang hoặc đã giữ một số trọng trách trong giới kinh tế, tài chính, thương mại, chính trị và xã hội của bản cờ Nhật Bản. Mẫu chọn chắc là khó tiêu biểu... Hơn 20 nhân vật, dấu hiện đang là những diễn viên hàng đầu ở Nhật Bản cũng không thể nói thay cho 120 triệu người Nhật. Được chặt lọc trong thời gian tôi sống ở Nhật, mẫu chọn này cũng không thể có giá trị phổ biến. Một cách khiêm tốn, nó chỉ có thể trình bày một mảng ý khiến phản ánh quan điểm hoặc của chính phủ, hoặc của xã hội Nhật. Bằng thứ ngôn ngữ khi thì bình dân, khi thì ứng khẩu bất ngờ, đôi khi lại biểu lộ sự kinh ngạc hoặc giận dữ, nhưng nói chung đều là những phát biểu bình tĩnh: những dòng dưới đây chỉ có tham vọng duy nhất là dành diễn đàn cho người Nhật để - nếu có thể - làm rõ thêm một thực tế đang khiến cả thế giới lưu tâm đặt vấn đề.

Kato Shuichi : nước Nhật là đứa con hoang đàng

Kato Shuichi, giáo sư đại học Tokyo, giám đốc Thư viện quốc gia Tokyo - một nhân vật nổi tiếng ở Nhật Bản. Là một trí thức cánh tả uyên bác và có nhiều ảnh hưởng, ông là một trong số các giáo sư đại học của Nhật Bản đã đi chu du thế giới nhiều nhất. Thường được các trường đại học nổi tiếng mời, ông đã bao lần thuyết trình về đề tài nước Nhật đương đại. Cuộc trao đổi của chúng tôi diễn ra bằng tiếng Pháp. Có thể dùng cả tiếng Anh. Kato

Shuichi không phải một trường hợp ngoại lệ: tôi đã gặp nhiều nhà lãnh đạo, kể cả giám đốc xí nghiệp, công ty nói thạo tiếng Pháp hoặc tiếng Anh. Đó là bằng chứng về sự quan tâm thực sự đối với nền văn hóa phương Tây. Và đồng thời cũng là bài học cho chính những người phương Tây chúng ta. Ai trong số những nhà chính trị phương Tây nói thông thạo tiếng Nhật hoặc tiếng Hoa ? Đó là chưa kể đến thứ tiếng Anh dùi đục nơi những nhà lãnh đạo của chúng ta.

Câu hỏi đầu tiên của tôi là: Nước Nhật có biết mình đang đi về đâu không ? Kato Shuichi trả lời:

“Từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, lịch sử nước Nhật là một chuỗi những phản ứng, đôi khi khá tế nhị, khá linh hoạt, khá khôn khéo, đôi khi không đủ. Lịch sử từ sau chiến tranh đến nay là một chuỗi những phản ứng của nước Nhật đối với những nước sự kiện do những nước khác gây ra. Tôi tin rằng đồng bào tôi đã nhận thức được là nước Nhật thiếu hẳn sáng kiến. Bởi vậy, họ cố tìm ra một ý nghĩa, một chiều hướng nào đó. Nhưng tiến trình ấy không đi đến đâu. Tôi tin rằng cho đến bây giờ, chưa hề có một phương án toàn cầu nào để xác định vai trò quốc tế của nước Nhật”.

Những phải nghĩ thế nào về ý kiến khẳng định: “nước Nhật muốn thống trị thế giới?”

“Sai hoàn toàn. Bao giờ cũng thế, người ta lại gán những ý tưởng của phương Tây cho nước Nhật. Hơn nữa, đây lại chính là điều người Châu Âu có thể làm nếu họ có được những điều kiện như nước Nhật. Nếu nước Pháp là một cường quốc tài chính và công nghệ như nước Nhật bây giờ, người ta sẽ thấy là nước Pháp sẽ cho tiến hành soạn thảo những phương án công khai hoặc bí mật. Với một sức mạnh như vậy, chắc rằng người Pháp sẽ lao vào việc xây dựng những phương án vĩ đại mang tính toàn cầu. Nhưng não trạng của người Nhật lại khác”.

Thiếu một phương án có tính toàn cầu

Khi nói, ông nhìn thẳng vào mắt người đối thoại. Không thể nghi ngờ lòng trung thực của ông. Nhưng, thử đặt vấn đề một cách khác: Vâng, nước Nhật bây giờ không muốn thống trị thế giới, nhưng sắp tới có khả năng đó không ?

“Tôi không biết. Có thể có, có thể không. Tôi không biết. Tôi muốn nói với ông thế này: đâu là lí do thận trọng thái quá hoặc hạn chế của não trạng Nhật Bản đối với những trào lưu tư tưởng triết học hoặc chính trị lớn ? Tại sao nước Nhật lại phải quá thận trọng khi xác định một khái niệm toàn cầu về trật tự theo cách nhìn của Nhật Bản ? Đó là do gần như thiếu thói quen xác định trật tự và vị trí của đất nước trong lịch sử ? Tại sao ? Có hai lí do: một là do hoàn cảnh: thiếu một đường lối ngoại giao, nhất là một phương án

bao trùm từ những năm 30. Trong những năm 30, chúng tôi bị chi phối bởi thứ chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản, chủ nghĩa siêu quân phiệt. Đường lối ngoại giao đồng nghĩa với đường lối quân sự. Giới quân nhân chi phối thậm chí cả Bộ ngoại giao, những quan chức dân sự ở bộ có chức năng rất hạn chế. Vì lí do quân sự. Dưới bóng các nhà quân sự, các nhà ngoại giao Nhật lúc đó chẳng những ít được tự do hành động, mà còn ít có kinh nghiệm trong lĩnh vực ngoại giao thuần túy không phải là quân sự. Cho đến năm 1945, giới quân nhân là người chủ yếu xác định vai trò của nước Nhật trên sân khấu thế giới. Tất nhiên, việc xác định của giới quân nhân lại luôn rất giản đơn, thậm chí siêu giản đơn về tình hình. Kết quả là một thảm họa”.

Kato Shuichi nói tiếp:

“Sau năm 1945, nước Nhật bị chiếm đóng cho đến năm 1952. Chính phủ Nhật không có quyền hành gì. Sau khi được độc lập, trong một thời gian dài, nước Nhật tập trung phát triển kinh tế và công nghiệp trong khuôn khổ chính trị - quân sự thế giới do người Mỹ xác định. Chúng tôi đã tỏ ra trung thành với Washington. Chính phủ Nhật không hề nghĩ đến một phương án chính trị quốc tế, nhất là một phương án lớn. Bởi vì cái khuôn khổ đã được người Mỹ áp đặt cho chúng tôi. Đường lối chính đã được người Mỹ hoạch định. Bây giờ, chúng tôi ít nhiều đã thoát khỏi sự kiểm soát của người Mỹ. Chúng tôi đã có thể tự hoạch định đường lối cho chính mình. Khả năng thì có đó, nhưng nước Nhật lại không có kinh nghiệm thực hiện. Đó là do thiếu kinh nghiệm ngoại giao từ trước 1950 đến nay kéo dài gần nửa thế kỷ: đó là lý do hoàn cảnh.

Lý do thứ hai có tính cơ cấu, truyền thống và thuộc phạm vi văn hóa hơn; có thể là lí do sâu xa. Toàn bộ hệ thống xã hội của Nhật Bản, kể cả hệ thống giáo dục, đã khiến cho người Nhật chúng tôi tỏ ra rất hữu hiệu trong việc tạo ra những phương tiện để đạt đến mục đã định, nhưng lại khiến chúng tôi trở nên kém cỏi trong việc hình thành những giải pháp hợp lí để xác định được mục tiêu chung cuộc. Có sự tương phản giữa tính khéo léo và tính hiệu quả trong xã hội Nhật Bản trong việc hình dung ra phương tiện và tình trạng non kém đặc biệt của Nhật Bản trong việc lựa chọn các mục tiêu. Trong lĩnh vực kinh tế, mục tiêu lại cực kỳ dễ xác định: chi phối thị trường hoặc kiếm lợi nhuận. Khi mục tiêu ấy được xác định rõ ràng và được mọi người chấp nhận, vấn đề phức tạp còn lại là vấn đề phương tiện. Chẳng hạn bằng cách nào chi phối thị trường thế giới về xe hơi ? Cực kỳ khó. Nhưng lại vô cùng đơn giản trong việc định ra mục tiêu chi phối thị trường xe hơi. Trẻ con cũng làm được. Nhưng trong đối ngoại, thì ngược lại: việc chọn lựa đường lối chủ đạo rất khó, rất phức tạp, trong lúc đó phương tiện cần thiết lại cực kỳ đơn giản. Ví dụ: khi Nhật đặt quan hệ ngoại giao với Cộng hòa nhân dân Trung Hoa vào năm 1972, sau chuyến thăm Bắc Kinh của Nixon ít lâu; việc công nhận Bắc Kinh có phải vì lợi ích quốc gia hay

không ? Đó là một câu hỏi khá phức tạp. Song một khi đã có quyết định công nhận Bắc Kinh, thì việc thực hiện nó lại rất dễ: chỉ cần mua vé khứ hồi Bắc Kinh - Tokyo là đủ ! Bởi vậy, Nhật Bản là một đại cường quốc về kinh tế công nghệ, nhưng là một tiểu quốc trên lĩnh vực chính trị quốc tế. Sự tương phản là cực kỳ lạ lùng”.

Người Nhật, những con vật kinh tế

Tôi lưu ý Kato Shuichi về những cố gắng gần đây trong lĩnh vực ngoại giao của Nhật Bản vượt qua cái ô giám hộ của Hoa Kỳ, để hình thành một đường lối đối ngoại của riêng nước Nhật. Ý định này biểu hiện đặc biệt rõ trong việc tìm kiếm giải pháp hòa bình cho cuộc xung đột ở Kampuchia, trong việc bình thường hóa quan hệ với Bắc Triều Tiên. Tuy nhiên, con đường đi đến sự già dặn về chính trị dường như còn dài và khúc khuỷu. Đến độ người Trung Quốc còn quen đánh giá người Nhật là những “Jingji dongwu”, những con vật kinh tế tầm thường. Kato đáp:

“Đúng vậy. Ở chỗ chúng tôi thường quen nghĩ đến kinh tế trước tiên. Người Trung Quốc nói như vậy là có lý của họ. Thậm chí ở từng cá nhân cũng vậy thôi. Cao hơn thì nghĩ đến kinh tế, hoặc tệ hơn thì chỉ nghĩ đến tiền ! Những hiện tượng đó chẳng những liên quan đến hoàn cảnh mà đến cả tập quán. Trước chiến tranh, vào năm 1930, người ta chỉ nghĩ đến quân sự. Bây giờ người ta chỉ nghĩ đến kinh tế. Người Nhật có tâm lý kì cục là mỗi lúc chỉ nghĩ đến một chuyện mà thôi (Kato cười). Nhiều khi như thế cũng đáng sợ thật. Hơn nữa, tự lâu đời nước Nhật là một xã hội hướng về tập thể. Một xã hội duy tập thể, trong đó mọi người đều ứng xử giống nhau trong cùng một khuôn khổ. Tất nhiên, từng cá nhân thì khác nhau. Nhưng tất cả mọi người chấp một khuôn khổ. Thậm chí người ta không hề nghĩ đến việc bài bác cái khuôn khổ hiện có nữa. Cho nên, khi ở Bắc Kinh, người Trung Quốc gặp một người Nhật chỉ biết nghĩ đến kinh tế, thì cho là người đó tiêu biểu của phần đông Người Nhật !

“Một số người Nhật thuộc tầng lớp ưu tú, một số tri thức thì khác. Nhưng nói chung, xu hướng chính là hòa trộn vào xã hội tập thể. Không phải chỉ có xã hội Nhật Bản mới chỉ nhằm một mục tiêu duy nhất, mà trong giàn giao hưởng lớn này, tất cả mọi người đều có đều hướng về một mục tiêu duy nhất. Bởi vậy, xã hội Nhật Bản tỏ ra khá hiệu quả trong việc đạt được mục tiêu là điều dễ hiểu, nhất là khi mục tiêu đó là kỹ thuật hoặc công nghệ ! Ngoài ra, còn lại thì... Một số nhà lãnh đạo, một số quan chức cao cấp, kể cả trong đảng bảo thủ cầm quyền, đều đã ý thức được điều đó. Họ thiếu một đường lối đối ngoại, trong khi nước Nhật có cả một sức mạnh kinh tế và công nghệ trên trường quốc tế. Họ nhận thấy một tình thế như thế là không thể kéo dài được. Cần phải làm một cái gì đó. Họ cảm thấy cần phải có một đường lối riêng của Nhật Bản mà hiện nay họ chưa có. Bởi vậy, họ đã tiến hành một số sáng kiến hiểu như vấn đề CPC. Cho đến nay, nước Nhật

không hề có một đường lối nào đối với CPC. Chẳng có gì cả. Trống rỗng. Không có một sáng kiến nào! Bây giờ, phải bắt đầu từng bước, nhưng chúng tôi chưa đạt đến mức vạch ra một kế hoạch toàn cầu, một mục tiêu lớn, một tư tưởng lớn”.

Nước Nhật, một đứa trẻ non nớt và mồ côi

Nhìn nước Nhật trần trụi, người ta liền so sánh nó với một đứa trẻ chưa trưởng thành, còn cần cha cầm tay dẫn đi. Tôi chọn hình ảnh này và nhấn mạnh: người cha đỡ đầu của nước Nhật là Hoa Kỳ, cũng chẳng làm được chức năng đó. Vậy thì, nước Nhật trở thành mồ côi ư ? - Kato kêu lên:

“Vâng, vâng ! Đúng vậy. Nước Nhật là một đứa con hoang đàng. Không thể chối cãi được nữa. Nhưng lại có não trạng của một đứa bé non nớt. Mỗi khi tôi từ Mỹ hoặc một nước nào đó trở về Tokyo, tôi nhận ra ngay tính chất ấu trĩ đó. Chẳng hạn tôi vừa từ Ý trở về. Ở Nhật Bản một số lĩnh vực đã có tiến bộ hơn, và hoàn thiện hơn, trên bình diện kỹ thuật. Ông cứ nhìn xem điện thoại, bưu điện và nhiều chuyện khác. Tất cả tiến triển rất tốt, hiếm xảy ra trục trặc. Song nếu mở truyền hình thì các chương trình của Nhật Bản là rất ấu trĩ. Ở Ý, cũng như ở mọi nơi, chương trình truyền hình thường là ngắn gọn và tầm thường nhưng không ấu trĩ. Còn ở Nhật Bản, thì chẳng những ngây ngô, mà còn rất Nhật: những buổi phát hình thật ấu trĩ ! Đó là điều kỳ lạ.

Tôi đã từng giảng dạy ở trường đại học. Tôi có thể so sánh: trí thông minh của sinh viên Nhật, Ý, Mỹ gần như nhau. Một số thì rất thông minh, một số khác thì không. Nhưng ít khi ngây ngô. Hãy cứ nhìn gương mặt các sinh viên này. Sự thông minh có thể cảm nhận được ở sinh viên Châu Âu, rồi đến Mỹ. Một số sinh viên Mỹ có thể còn trẻ con, nhưng không quá nhiều như ở Nhật Bản. Về mặt thông minh thì không có gì khác nhau. Nhưng về mặt trưởng thành trong cuộc đời, nhất là về tình cảm thì rất khác nhau. Sự tương phản rất rõ. Tôi cho rằng đó là triệu chứng của toàn bộ xã hội Nhật. Ngoài ra, có một tập quán rất xưa của Nhật, xưa hơn chủ nghĩa quân phiệt hay tình trạng thiếu một đường lối đối ngoại năm 1930, đó là tình trạng khép kín của nước Nhật. Cuộc chiến tranh năm 40, cuộc xâm lược Trung Quốc và cuộc chiến tranh Thái Bình Dương chỉ là một giai đoạn ngắn trong đó chúng tôi có dịp tiếp xúc với người nước ngoài. Ngoại trừ thời gian đó còn thì từ thế kỷ XVIII, nước Nhật không hề tiếp xúc với người nước ngoài. Tình trạng thiếu tiếp xúc đó đã đúc thành một não trạng khép kín của Nhật Bản. Cho nên, với một não trạng như vậy, nếu như nước Nhật tham gia chính trường quốc tế, hay đúng hơn khi nó bị buộc phải tham gia, nó chỉ có thể giải thích thế giới quanh nó theo những chuẩn mực của một đất nước từ lâu đã khép kín”.

Báo chí Nhật: dành đất cho Base-ball và Sumo

“Hãy nhìn báo chí của chúng tôi. Nó phản ánh nước Nhật hiện nay. Những sự kiện thuần túy Nhật Bản và thế giới đều được phản ánh tốt. Xã hội Nhật được thông tin về mọi điều như thế. Nhưng nếu những sự kiện đó không đụng chạm trực tiếp đến quyền lợi của nước Nhật hoặc người Nhật, thì báo chí sẽ dành cho nó chút ít đất thôi. Bởi vậy, ngay cả báo chí hiện cũng phản ánh trung thực cái não trạng khép kín đó. Ở Nhật, không có tờ báo chất lượng cao như tờ New York Times hoặc tờ Times ở Luân Đôn, hoặc tờ Le Monde. Không hề có. Báo chí thông tấn, theo chuẩn mực ở Nhật Bản, chỉ bao gồm một công chúng hạn chế, tức là khoảng nửa triệu người Nhật. Với số bản in nửa triệu, một tờ báo không thể sống được ở đây. Những nhật báo lớn như Asahi, Yomiuri, không phải in vài trăm ngàn bản, mà hàng triệu bản, 6 hay 7 triệu. Song chúng chỉ nhỉnh hơn những tờ báo bình dân ở phương Tây một chút thôi. Ở Anh hoặc ở Mỹ, báo chí thật khủng khiếp, một tai họa. Tờ Asahi tốt hơn những tờ báo bình dân, nhưng không bằng tờ Le Monde chẳng hạn. Thế thì, điều gì diễn ra với nửa triệu người Nhật trí thức, tầng lớp ưu tú ? Họ chỉ có tờ Asahi để được thông tin. Vậy mà trong tờ Asahi, có ba trang dành cho base-ball và sumo, so với chỉ có một trang rưỡi dành cho toàn bộ thông tin quốc tế.

Như vậy, đối với tờ báo tốt nhất ở Nhật, dường như mối quan tâm của xã hội Nhật đến tin tức thế giới chỉ bằng nửa mối quan tâm đến tin tức thể thao. Điều đó không thể hiểu nổi đối với tờ Le Monde hay tờ Libération. Cần phải nhấn mạnh rằng khối công chúng Nhật đọc một tờ báo như tờ báo như tờ Asahi có thể được thông tin tốt hơn những người Châu Âu đọc những tờ báo bình dân. Nhưng những người Nhật có trình độ học vấn cao, trong số nửa triệu nói trên, rõ ràng được thông tin ít hơn những độc giả của tờ Le Monde. Bởi vậy vì sao ở Nhật Bản, trong chính phủ lẫn ở các xí nghiệp hàng đầu, các cán bộ cao cấp, các chuyên gia hiểu biết lâu lâu công việc của học, nhưng rất dốt về mọi điều khác. Một chuyên viên về xe hơi thì không có ai bì kịp anh ta trên lĩnh vực đó, nhưng anh ta lại chẳng biết gì ngoài lĩnh vực ấy cả, chẳng hạn như về tàu hỏa, hay máy bay, chưa kể là anh ta không thể phát biểu được gì về tình hình kinh tế chung hoặc tình hình chính trị - xã hội. Những người đó không biết gì hết, hoàn toàn không biết. Đây là tóm tắt một trong những khó khăn mà Nhật Bản gặp phải nếu Nhật Bản muốn mở cửa ra bên ngoài. Vậy, ông cứ thử nghĩ xem khi nó lại phải xác định cả một đường lối đối ngoại nhất quán thì làm thế nào được ?”

Nhưng phải chăng cần chờ có những đảo lộn trong tương lai ở Nhật Bản? Nhiều nhà ngoại giao Nhật Bản nói là cần có để có lẽ tháo gỡ cho những kẻ thiếu kiên nhẫn ở phương Tây. Nhưng theo Kato Shuichi tỏ ra trung thực:

“Tôi không nghĩ rằng sẽ có những đảo lộn lớn xảy ra trong những năm sắp tới, cho là 10 năm sắp tới đi. Xu hướng hiện nay sẽ tiếp tục nghĩa là ưu uviensach.vn

tiên cho kinh tế và công nghệ. Nước Nhật vẫn là một tiểu quốc về phương diện chính trị.”

Một sự mất cân đối như vậy có nguy cơ khiến chủ nghĩa dân tộc trỗi dậy không?

“Chủ nghĩa dân tộc thì có thể. Nhưng là một thứ chủ nghĩa dân tộc chưa kết tinh thành một ý thức chính trị. Cũng như chưa kết tinh thành một triết lý chính trị. Những tình cảm về thứ chủ nghĩa tân- dân tộc thì còn rất phân tán, rất mơ hồ, song cũng rất phổ biến, nhưng không đạt đến trình độ kết tinh vào một chương trình chính. Tất nhiên là có ngoại lệ thôi. Có những người theo đường lối tân - dân tộc chủ nghĩa, như Shintaro Ishihara. Nhưng những người đó rất ít và không có ảnh hưởng lắm.”

Nước Nhật nói “không” với chủ nghĩa quân phiệt

Như phần đông giới trí thức Nhật Bản, Kato Shuichi cho rằng nguy cơ chủ nghĩa quân phiệt hiện nay là ở Nhật Bản là hoàn toàn không có.

“Cái gì cản trở sự phục hồi chủ nghĩa quân phiệt? Trước hết là giới hạn về mặt kỹ thuật. Ở nước chúng tôi hoàn toàn không thể phát triển vũ khí hạt nhân. Tình cảm quần chúng quyết liệt chống lại điều đó. Ngay như hiện nay cũng còn 70% dân chúng công khai tuyên bố chống lại vũ khí hạt nhân, kể cả trong giới trẻ. 60% chống việc tăng ngân sách quốc phòng. Họ muốn tình trạng cứ như hiện nay. Do đó, không thể nói là có sự trỗi dậy của chủ nghĩa quân phiệt ở Nhật Bản. Ngược lại, ở Nhật có một trào lưu chống lại chủ nghĩa quân phiệt. Chính phủ không thể không biết đến đa số quần chúng này. Trở ngại thứ hai là tình hình quốc tế. Cả thế giới sẽ chống lại chủ nghĩa quân phiệt ở Nhật. Bởi vậy, nếu như chính phủ không đến nỗi quá ngu ngốc, thì không thể đi theo hướng chủ nghĩa quân phiệt được. Vì dư luận quốc tế dứt khoát sẽ chống lại”.

Chỉ có một tình thế duy nhất đẩy đất nước Mặt trời mọc đến những cực đoan nguy hiểm, đó là đường lối phương Tây muốn cô lập nước Nhật.

“Sự kiện Trân Châu cảng là một phản ứng ngu ngốc và bệnh hoạn, nhưng là phản ứng trong cơn tuyệt vọng. Vào lúc cực kỳ bị cô lập. Đừng nên đẩy quá xa chính sách cô lập Nhật Bản. Điều đó sẽ rất nguy hiểm. Và để không đẩy nước Nhật vào thế cô lập, thì đó là trách nhiệm của các cường quốc phương Tây cũng như của bản thân nước Nhật. Về phần tôi, tôi đang đấu tranh theo hướng này. Tôi cố làm sao cho một tình thế như thế không xảy ra ở nước Nhật”.

Nada Inada: nước Nhật vẫn sẽ theo chân Hoa Kỳ

Nada Inada là một nhà ngoại lệ đối với một nước Nhật quy ước và công thức. Lý do: ông công khai tuyên bố theo chủ nghĩa vô chính phủ. Đối với

một người Nhật trung bình, việc khẳng định mình theo một trào lưu chính trị khác lạ là chuyện không bình thường. Tuy nhiên tác phẩm của ông khá nổi tiếng ở Nhật Bản. Nada Inada được yêu thích vì ông đã kích khách quan và không khoan nhượng những tật xấu của xã hội Nhật Bản. Một thủ pháp đặc biệt đặc biệt khó, trong điều kiện người Nhật rất nhạy cảm. Vừa thân Pháp vừa nói giỏi tiếng Pháp, Nada Inada sẵn sàng trả lời phỏng vấn của tôi về vị trí của nước Nhật trên thế giới.

Nhiều người Nhật nói chuyện với tôi đã cho rằng tình trạng đầu cơ đất đai và nhà cửa là tai họa hàng đầu của nước Nhật hiện nay. Do đầu cơ, kẻ giàu cứ giàu thêm còn kẻ nghèo cứ nghèo thêm. Nada Inada nghĩ thế nào ?

“Đa số người lao động và làm công không có đất để cất nhà, phải ở xa trung tâm Tokyo. Nhiều người làm công ở rất xa nơi làm việc, từ 60-100 cây số, có khi hơn. Bây giờ kiếm một miếng đất để xây nhà rất khó. Giá cả đã tăng vọt. Những ai có được một căn nhà coi như chủ một tài sản lớn. Bởi vậy, họ có thể vay tiền với căn nhà của mình và kiếm lãi. Họ lợi dụng tình trạng giá nhà đất tăng cao. Cho nên người giàu thì giàu vô kể. Nhiều người khác không được như vậy. Có người cứ càng giàu lên và cũng có người cứ nghèo mãi. Ông thử hình dung xem, vì lẽ đó mà nhiều kẻ trở nên giàu xu đến mức ở các cuộc bán đấu giá những bức danh họa nổi tiếng, người Nhật là khách mua thường xuyên. Càng ngày càng có nhiều người Nhật mua tranh của Van Gogh, có phải không? Kẻ mua tranh là những kẻ làm giàu theo cách đó. Họ là những “nhà giàu mới”.

Tình trạng đầu cơ đó có đe dọa sự ổn định xã hội của nước Nhật không ? Vì có thể kiếm tiền dễ dàng, có kẻ lại rất khó, dù lao động cật lực, như vậy người lao động Nhật có thể giảm nhiệt tình đối với công việc của mình không ?- Nada Inada cũng nghĩ đến điều đó:

“Sự bất bình đã có rồi. Chắc chắn là có như vậy. Mỗi người dân Nhật đều ước mơ mua được một căn nhà. Giấc mơ đó không thể thực hiện được. Người Nhật không đến nỗi quá “chính trị”. Họ thiên về tình cảm hơn là lý trí và không dễ quy tụ họ dưới một ngọn cờ ý thức hệ. Họ phản ứng thường theo tình cảm. Nếu có một biến cố hay một sự kiện kích động tình cảm của học thì tôi nghĩ rối loạn sẽ xảy ra. Ông có nhớ những rối loạn của cánh tả năm 1960 không ? Cái chết của một nữ sinh viên bất đã bất ngờ làm bùng nổ lò thuốc súng ở một nước Nhật bình lặng. Sự kiện này đẩy lên cả một phong trào chống chính phủ rộng lớn”.

Nada Inada nói thêm:

“Cũng có khả năng là người lao động Nhật đã mất hứng thú làm việc. Thậm chí là giới trẻ cũng chán ngán. Một cuộc điều tra đã được thực hiện gần đây trong học sinh Nhật và Mỹ. Học sinh Mỹ đạt nhiều hy vọng ở tương lai, trong khi đó đối với học sinh Nhật, việc tuyển chọn quá gay gắt,

đến nỗi khá đông học sinh chẳng còn chờ đợi gì nhiều ở tương lai. Việc tuyển chọn này đã làm nản lòng những thanh niên muốn phấn đấu để thành đạt”.

Câu hỏi chính: Phải chăng nước Nhật đã đủ trưởng thành, để sẵn sàng thực hiện các trách nhiệm chính trị và xã hội mà vị trí kinh tế đã mang lại cho nó trong thế giới hiện nay ?

“Tất cả tùy thuộc vào chỗ hiểu thế nào về khái niệm trưởng thành. Người Nhật lo sợ là vì họ còn nhớ đến cuộc chiến tranh thế giới vừa qua. Họ không muốn chủ động mà bằng lòng với một vai trò phụ trợ cho Hoa Kỳ. Chẳng hạn, chính phủ quyết định ngân sách của mình tùy theo những gì Hoa Kỳ nói. Hoa Kỳ gặp khó khăn ư ? Nước Nhật sẽ lấp vào khoảng trống đó. Người Nhật rất sợ Mỹ, sợ những chính trị gia Mỹ. Hậu quả: Tôi nghĩ rằng nước Nhật sẽ không hề có một chính khách nào có một học thuyết đủ để đề ra những sáng kiến nhất quán trên sân khấu chính trị thế giới”.

Và nếu như nước Nhật bị buộc phải đứng ra nêu sáng kiến thì sao ?

“Điều đó không có thay đổi gì lớn đâu. Người Nhật lúc đó sẽ trở thành những công chức lờ mờ, không hơn không kém. Người Nhật từ chối nhận lãnh trách nhiệm. Cho đến giờ, họ không có một chủ thuyết chính trị nào. Những người theo chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa xã hội thì cũng giống như nhau thôi. Những nhà chính trị đó đều bị tình hình đưa đẩy. Họ không làm chủ được tình hình”.

Có thể thay đổi điều đó được không ? – Nada Inada lắc đầu:

“Điều đó sẽ không thay đổi được đâu. Một ví dụ: vấn đề trợ giúp các nước chậm phát triển, có phải những nhà chính trị đề xướng ra không ? Không, đó là những nhà kinh tế. Chính những công ty lớn đề ra sáng kiến và thúc đẩy chính phủ viện trợ cụ thể là bao nhiêu tiền, và cho bao nhiêu nước chậm phát triển !”.

Nhưng, nghĩ cho cùng, liệu nước Nhật lại không cư xử tốt hơn thế sao ?

“Tôi không thể nói điều ấy. Cho đến giờ, tôi thường công kích nước Nhật, và tôi xin trích câu nói nổi tiếng của De Gaulle khi ôn gặp Thủ tướng Nhật Ikeda: “Tôi mong gặp một nhà chính trị Nhật Bản, nhưng người mà tôi gặp lại chỉ là một nhà buôn transistor. Mĩa mai thật ! Vào thời đó, năm 1964, tôi nói rằng người Nhật có phúc vì đã không có những chính khách mà chỉ có những người chào hàng về transistor. Vào thời đó, nước Nhật rất có phúc vì đã không có một nhà chính trị lãnh đạo. Từ đó đến nay, không có gì thay đổi cả. Những nhà chính trị Nhật Bản luôn tỏ ra kém khả năng lãnh đạo. Nếu ông đòi hỏi một nhà chính trị Nhật Bản đóng vai trò như De Gaulle, thì điều đó là không thể có được”.

Tuy vậy, nước Nhật đã có những nhà trí thức rất giỏi, tại sao những vị ấy không cầm cương quyền lực chính trị ?

“Không. Không. Những trí thức phê phán nhưng họ không làm chính trị, trừ một số ít. Tôi cho như thế là tốt nhất. Đúng hơn, tôi là người vô chính phủ. Tôi khó chấp nhận một gã nào đó lên nắm chính quyền. Đối với giới trí thức chúng tôi, tốt nhà là giữ quyền phê phán, quyền chống lại. Tôi thấy tình thế hiện nay như vậy là tốt”.

Song nếu nước Nhật lâm vào một cơn sốt dân tộc chủ nghĩa thì sao ?

“Rất có thể, nhưng đó đâu phải là một hiện tượng thuần túy Nhật Bản. Tại sao chủ nghĩa dân tộc lại xuất hiện khắp nơi ? Là do sự khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội. Còn nước Nhật, chúng tôi rất thạo nghề bắt chước. Ông xem lĩnh vực xe hơi. Chiếc xe đầu tiên của tôi là chiếc Renault 4CV mua lại xe cũ. Thời đó, có loại xe hơi Nhật tốt không? Không. Người Nhật sản xuất theo hợp đồng ủy quyền của các hãng Austin, Hillmann và Renault. Người Nhật học bằng cách bắt chước xe hơi phương Tây. Họ đã thâm nhập tư duy công nghiệp phương Tây đến nỗi họ lại sản xuất y như thế. Như ông Robert Guillain đã nói, nước Nhật là người học trò giỏi của phương Tây.”

Một nền văn hóa dựa trên sự bắt chước

Nada Inada nhấn mạnh:

“Nhưng cho đến nay, người Nhật vẫn bắt chước, bắt chước, và còn tiếp tục bắt chước. Đôi khi người Nhật nổi giận vì các ông nói họ là những kẻ bắt chước. Nhưng tôi chẳng thấy có ý gì mỉa mai trong đó. Không! Nền văn hóa chúng tôi là do sự bắt chước. Trẻ con bắt chước cha mẹ, cháu chắt bắt chước ông bà. Cứ tiếp tục trải qua ba đời như thế, rồi một nền văn hóa được định hình. Với cách này, nước Nhật đã thành công. Thành công đến mức nó đánh bại ngay cả chính ông thầy của mình. Rồi bây giờ nó thiếu thầy! Và vì thiếu thầy nên nước Nhật bắt đầu tìm, tự tạo ra ông thầy cho mình. Đây là lý do tại sao nước Nhật quay về quá khứ, tạo ra một hình ảnh giả của chính mình. Có thể nói đây là một cuộc khủng hoảng về bản sắc. Người học trò giỏi không thể là học trò giỏi nếu không tìm thấy bản sắc của mình. Bởi trong tình huống như vậy, đôi khi con người trở nên mê sảng thật sự. Một thứ chủ nghĩa dân tộc quá khích, không tưởng, cũng giống như chủ nghĩa quốc xã. Nước Nhật đã từng có chủ nghĩa quốc xã của mình. Nó có thể trở lại thời kỳ đó. Điều này là rất có thể. Khi tôi nói chuyện với mọi người họ thường nói với tôi rằng, nói cho cùng nền văn hóa Nhật đâu đến nỗi tệ thế. Bởi vì nếu cho đến nay người Nhật còn mang mặc cảm, thì bây giờ họ đã biết tư duy, đã thấy mình thông minh, sáng tạo. Những người suy nghĩ như vậy ngày càng nhiều”.

Nhưng kiểu lập luận này có khập khiễng không?

“Không hẳn là sai, tất nhiên. Nhưng tốt nhất là nên khiêm tốn!”

Nhưng một người Nhật biết tự mình suy nghĩ, không cần đến người Mỹ, đó là hiện tượng đáng khuyến khích chứ?

“Đúng. Song nỗi bất hạnh là khi đứa con vượt được cha, lại muốn báo thù cha. Điều đó nguy hiểm. Cho đến bây giờ, người Nhật giữ gìn để không trở thành kẻ giết cha. Họ sợ. Đó là thái độ của người Nhật đối với Mỹ (Nada Inada cười, vì ông đã tìm được một hình ảnh nói thay cho ông). Mac Urthur khi đến Tokyo đã đối xử với người Nhật như với đứa trẻ 13 tuổi. Ông ta tự xem mình là lớn và cư xử với người Nhật như với những đứa trẻ. Sự so sánh đó đã khắc sâu trong tâm khảm người Nhật. Người Nhật thường nói đến điều đó. Tình hình là thế đấy. Trước đây người Nhật 13 tuổi, thế bây giờ họ bao nhiêu tuổi?”

Người Nhật muốn chiến thắng trong cuộc chiến tranh kinh tế

Như vậy là trả thù hay trả đũa?

“Những nhà kinh tế Nhật thì muốn trả thù. Điều đó không còn phải bàn cãi. Trong thâm sâu, có một thứ tâm lý phục thù ở Nhật Bản. Tôi xin giải thích: ngay sau chiến tranh, trong số những nhà lãnh đạo công nghiệp hàng đầu của Nhật Bản có nhiều sĩ quan cũ. Có người tốt nghiệp trường hải quan. Chẳng hạn như Sejama Ryuso, cánh tay phải của cựu thủ tướng Yasuhiro Nakasone trong lĩnh vực kinh tế, đó là một cựu quân nhân. Có rất nhiều cựu sĩ quan quân như ông ấy. Tôi cũng là một cựu quân nhân. Ý của họ là khi phải từ bỏ mọi hy vọng chiến thắng bằng quân sự thì phải chiến thắng bằng kinh tế. Làm như vậy để rửa nhục cho nước Nhật. Đó là suy nghĩ của họ. Khi những cựu quân nhân thấy nước Nhật đã đạt trình độ ngang hàng với Mỹ, họ thật sự reo mừng! Tôi còn nhớ tác giả một cuốn sách nói về người Do Thái và người Nhật: Yamamoto Shichiro. Ông cũng là một cựu quân nhân. Ông nói gì trong cuốn sách đó? Ông nói rằng người Nhật có mặc cảm trước người Mỹ. Và ông muốn khơi dậy lòng dũng cảm của người Nhật để vươn lên trình độ trí tuệ như người Mỹ”.

Nada Inada giải thích:

“Cuốn sách của ông ra đời vào lúc những mâu thuẫn về kinh tế giữa Hoa Kỳ và Nhật ở mức độ cao nhất. Hàng dệt của Nhật Bản chiếm lĩnh thị trường Mỹ. Nhiều viên chức của MITI qua lại Washington để thương lượng. Bộ trưởng MITI dặn họ điều gì? - Hãy đọc cuốn sách của Yamamoto Shichiro! Lập tức, cuốn sách trở thành một thứ best-seller, bán hàng triệu bản. Ông thấy đó chẳng còn nghi ngờ gì nữa, những quan chức kinh tế ấy thật hài lòng vì đã thắng trong cuộc chiến tranh kinh tế! Người Nhật đã xây

dựng một nền kinh tế của mình; họ đã kinh doanh với cả một ý thức chiến đấu. Và chỉ có hoặc chiến thắng hoặc thất bại. Mặt khác, thậm chí trong kinh tế, họ cũng vẫn thường dùng những từ quân sự như “chiến lược”, “vũ khí chiến lược”, “lực lượng”. Nhưng xin nhớ cho rằng là trong lúc đó họ vẫn sợ cha họ”.

Như vậy, đến khi nào thì chuyện giết cha xảy ra?

“Giết cha, giết nước Mỹ là chuyện còn ở ngoài vòng ý thức. Người Nhật có mối lo sợ thánh thiện là thắng hoàn toàn người Mỹ. Họ sợ phạm tội thật sự. Cho nên những chính khách của chúng tôi do dự khi đưa ra những sáng kiến trước mặt Hoa Kỳ. Họ không dám. Họ có bắt đầu phê phán đôi chút, song họ còn chưa dám nói ra những điều họ muốn nói. Còn tôi, tôi là nhà văn. Tôi thích những nhân vật có chút mặc cảm. Bởi vì những con người không có chút mặc cảm nào, quá bình thường, thì không có gì hấp dẫn đối với tôi cả. Nước Nhật đã thành công về kinh tế, song cùng lúc còn chút mặc cảm, theo tôi như thế là lành mạnh”.

Nhưng bằng cách nào người Nhật có thể hy vọng trở thành người sáng tạo trong điều kiện như vậy? – Nada Inada nhấn mạnh rằng, tuy vậy đôi khi mặc cảm lại là nguồn sáng tạo.

Và trong cuộc khủng hoảng về bản sắc này, liệu nước Nhật có muốn xích lại gần với phần còn lại của Châu Âu không? Trên bình diện triết học, đó là hình thành một khối chống lại phương Tây?

“Nước Nhật mong muốn điều đó. Người Nhật mong muốn xích gần với phần còn lại của Châu Á. Nhưng cho đến nay, nước Nhật rất vụng về, và những nước Châu Á từ chối vai trò thống trị của Nhật. Họ từ chối một nước Nhật lợi dụng sức mạnh kinh tế của mình, muốn mình trở thành kẻ chỉ huy cả châu Á. Nếu nước Nhật tự cho mình như kẻ chỉ huy Châu Á thì sẽ vấp phải sự phản kháng không thể tránh khỏi”.

Nước Nhật sẽ không bao giờ là bá chủ thế giới

Phản ứng của người Nhật ra sao, khi họ cảm thấy họ không được yêu thích lắm trên thế giới? Những vết thương của Châu Á chưa phải đã lành hẳn, còn những lời công kích thì lan tràn ở thế giới phương Tây. Nước Nhật thấy mình bị cô lập. Nada Inada bác lại:

“Tôi mong rằng người Nhật sẽ không phản ứng như một đứa trẻ hư đốn, cứ khóc lóc mà không nghĩ gì đến nguyên nhân của trận đòn mà nó phải chịu. Tôi không muốn biến vấn đề của đất nước tôi trở thành chuyện riêng tư. Nhưng đã có không ít người Nhật ý thức được mối hiểm nguy bị cô lập. Một số nhà trí thức Nhật đã cố đặt quan hệ chặt chẽ với những trí thức khác trên thế giới. Ở Nhật có không ít các nhóm công kích việc chính phủ viện trợ cho vùng Nam Á, họ cho rằng các khoản viện trợ đó sẽ phá hủy môi

sinh của những nước Châu Á. Nhiều người Nhật phê bình việc đó. Có lẽ người phương Tây chỉ nhìn thấy một mặt của nước Nhật! Tức là chỉ thấy những chính khách và những đại diện của các ngành công nghiệp lớn? Nhưng cần hiểu rằng đằng sau họ còn có dân tộc Nhật. Và dân tộc đó không phải đã mất hết hương tri”.

Lời công kích có thể gây ra khả năng: một là sự khước từ và khép kín, hai là sự mở cửa rộng hơn. Nước Nhật sẽ chọn hướng nào?

“Theo ý tôi là mở cửa! Xu hướng đó hiện nay là tích cực. Giới trẻ Nhật đã có nhiều dịp đi du lịch. Họ không còn khép kín nữa với về thế giới bên ngoài. Và họ cũng không thể cứ mãi mù tịt mãi. Tiếp xúc với thế giới, họ sẽ thay đổi dần. Nếu ông gặp những người Nhật sống ở Paris, ông sẽ thấy nhiều người cũng công kích nước Nhật, dù họ là người Nhật!”

Có một châm ngôn Nhật nói: Đinh đã lỡ đóng thì đóng luôn. Đó có phải là nước Nhật hiện nay không? Nada Inada bình luận:

“Nên hiểu rằng đó là phản ứng nhằm chối từ trách nhiệm. Né tránh trách nhiệm của chính mình và mong thay đổi lời chỉ trích của đối phương. Mọi người đều làm như vậy cả. Khi người Pháp thành đạt, họ né tránh trách nhiệm và công kích người khác. Người Nhật cũng vậy. Khi không thành đạt, khi đụng đầu khó khăn, họ vụng về (nhiều chính khách của chúng tôi rất vụng về), họ liền trút trách nhiệm về sự vụng về của họ lên kẻ khác. Họ nói tất cả những lời chỉ trích ở nước ngoài chỉ là bài Nhật, là những lời nói xấu không căn cứ. Ông nên biết giữa những người có trách nhiệm của giới chủ nhân Keidanren và Nikkeiren, họ cũng công kích lẫn nhau.”

Đúng là ở Nhật sau nhiều năm thiu thiu ngủ trên nhung lụa quyền lực, sự phê phán đã dần nổi lên. Chẳng hạn giới chức cao cấp ở Bộ Tài chính khinh miệt giới quan chức ngân hàng và ngược lại. Những mâu thuẫn giữa họ, lần đầu tiên được phát biểu công khai, đã khiến giới báo chí Nhật đều thích thú!

Như vậy, chuyện nước Nhật làm chủ thế giới, có phải là chuyện tầm bậy không?

“Vâng, đó là một chuyện bậy. Nước Nhật sẽ không thành ông chủ thế giới. Không bao giờ! Tình hình phát triển công nghiệp sẽ không thể tiếp tục theo nhịp độ hiện nay được lâu. Vào giữa thế kỷ XXI biết đâu chiến thắng lại thuộc về những nhà sinh thái học? Ai biết được? Thế nào chúng ta cũng đến đó. Lúc đó(thế kỉ XXI) nước nào có khả năng lãnh đạo các nước khác? Có thể là những nhà lãnh đạo những nước nghèo sẽ đề xướng một triết lý, những hệ tư tưởng. Trong lĩnh vực này Trung Quốc hiện còn đang rất bẽ bộn, nhưng lẽ nào ngày mai cũng thế sao? Về phần tôi, trong cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa quốc tế, tôi chiến đấu cho sự chiến thắng của chủ nghĩa quốc tế. Chủ nghĩa dân tộc không có tương lai

đầu. Đệ nhất quốc tế đã thua cuộc. Đệ nhị quốc tế và đệ tam quốc tế dựa trên những cơ sở không đúng. Còn tôi, tôi tin vào sự chiến thắng của đệ tứ quốc tế”.

Yukio Shimanaka: phương Tây đã giết chết truyền thống của nước Nhật

Giám đốc Nhà xuất bản Chuo-Koron, một trong những nhà xuất bản quan trọng của Nhật, Yukio Shimanaka vừa tròn 40 tuổi, nhưng ông đã khắc họa tên mình trong giới trí thức và văn học Nhật Bản. Ông cũng là người thân Pháp, giỏi tiếng Pháp, ông khác với một số đồng đồng bào ông ở khuynh hướng tôn trọng mạnh mẽ truyền thống Nhật, tôn sùng quý tộc và nhà vua, tóm lại, có màu sắc cánh hữu pha một chút dân tộc chủ nghĩa. Yukio Shimanaka là con một gia đình gia giáo. Cha ông là một nhân vật nổi tiếng, là giám đốc lâu năm của Nhà quốc tế Nhật Bản (International House of Japan), một loại câu lạc bộ trí thức ở Roppongi, trung tâm Tokyo thanh lịch, có hoài bão làm cầu nối giữa nền văn hóa Nhật và nước ngoài. Chúng tôi gặp nhau và cuộc phỏng vấn diễn ra ở Câu lạc bộ Nhà quốc tế Nhật. Một con người có dáng vóc đẹp, tóc nâu, ăn mặc chải chuốt, ông nói tiếng Pháp khá lưu loát. Ông đã ở Paris 4 năm. Yukio Shimanaka trở thành một người mang trọng trách. Ông xuất bản nhiều tác phẩm mới, như bộ lịch sử Nhật bằng tranh in 200.000 bản mỗi tuần. Công việc này thành công đến mức ông định xuất bản bộ lịch sử thế giới. Con người cực kỳ năng động này làm việc suốt ngày đến tận nửa đêm. Nhà xuất bản của ông cũng ấn hành tạp chí Marie Claire Japon từ nhiều năm, trước khai xuất hiện tạp chí Elle Japon và Le Figaro Madame Japon.

Chúng tôi nói chuyện với nhau về nước Nhật hiện đại và những truyền thống đang mất đi từ khi có những thay đổi do phe đồng minh tạo ra từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai. Một đề tài khiến ông trở nên sôi nổi.

“Người phương Tây các ông đã phá hoại hoàn toàn thể cân bằng đã từng tồn tại trước đây ở Nhật. Các ông đã đè bẹp và tiêu diệt tất cả các giai cấp xã hội, nhất là tầng lớp trí thức. Trước đây, chúng tôi hầu như có cùng một nền giáo dục như ở Pháp, một hệ thống trường đạo tạo đến trình độ cao. Chúng tôi có các trường trung học đánh số (Số 1, số 2, số 3) trong mỗi tỉnh. Tất cả tạo thành một loại học viện cho những trường học lớn. Thế nhưng các ông cũng đã phá hết các trường lớn của chúng tôi. Trước kia, Nhật có Trường đại học hoàng gia ở Tokyo và ở Kyoto. Bây giờ chúng tôi chỉ còn Trường đại học Tokyo, một phân khoa Luật còn hơi hướng chút ít ngôi trường lớn. Do đó, nước Nhật không còn tầng lớp trí thức ưu tú. Ở đây không thể có ý niệm về leader (lãnh tụ), thậm chí không thể có ý niệm về leader. Nước Nhật trở thành một xã hội “dân chủ”, mọi người có quyền nói bất cứ điều gì, ở mọi trình độ. Như vậy, trong Ủy ban xét duyệt kịch bản

của chúng tôi, chính những người trẻ quyết định mọi chuyện, ý kiến của họ chi phối.”

Yukio Shimanaka luyện tiếc chế độ cũ chẳng?- Câu trả lời của ông khá tế nhị:

“Có thể trong một nghĩa nào đó, tình hình mới là rất tốt. Mọi người đều có quyền nói điều mình muốn nói. Nhưng, trong lĩnh vực quan hệ quốc tế, trên chính trường thế giới, chúng tôi lại rất khó đưa ra những ý kiến hình thành một đường hướng. Chẳng hạn, làm thế nào để sống chung với người nước ngoài? Đó là một vấn đề cực kỳ khó khăn.”

Nước Nhật có cần tìm lại những leader gây dựng một tầng lớp ưu tú?

“Đối với người Nhật, tầng lớp ưu tú, những leader mà chúng tôi đã có trước đây, nói chung là rất hay. Nhưng trong việc chung sống với thế giới bên ngoài thì đó lại là một chuyện rất dở. Những quốc gia khác, kể cả Hoa Kỳ, không cùng nhịp sống như chúng tôi. Họ không có khái niệm về sự vật như chúng tôi. Hãy cứ xem lịch sử nước Nhật. Thuở xưa, dân tộc Nhật gần như vô chính phủ. Nhất là trong giới trí thức. Họ phủ nhận ý nghĩa của Nhà nước. Thế mà khi nói đến Nhà nước, thì lại cần phải có một leader, cần một định hướng chính trị, một chiến lược đối ngoại. Nước Nhật hôm nay không thể xác định được một định hướng chính trị gì cho rõ ràng”.

Nước Nhật không có nghĩa là cầm đầu

“Để tạo ra sự nhất trí ở Nhật, trước hết phải có một ai đó phán xuống, chỉ ra cái phải làm và cái không được làm. Người đó phải có uy thế với dân tộc. Điều đáng tiếc là những người phương Tây các ông đã phá hủy tất cả hệ thống đó. Vì thế bây giờ chúng tôi thiếu hẳn những nhà chính trị có bản lĩnh”.

Yukio Shimanaka tiếp tục dòng suy nghĩ của mình và cho rằng trong lịch sử gần đây, người Nhật tỏ ra ghê tởm sâu xa đối với chính trị và những nhà chính trị.

“Hãy nhìn xem điều gì đã xảy ra sau thất bại của triều đại tướng quân, tất cả đệ tử của tướng quân đều trở thành nhà báo, nhà trí thức, giáo sư. Họ làm những nghề tự do. Cùng lúc đó, những đệ tử của Shimaju (lãnh đạo chống lại triều đại tướng quân và tiếp tục ủng hộ hoàng đế) lại trở thành những công chức, những nhà hoạt động chính trị. Truyền thống đó vẫn giữ. Những kẻ cai trị chúng tôi thường bị khinh miệt. Cũng như ở Pháp, Napoléon và những người bảo hoàng. Trong những gia đình trí thức, người ta có xu hướng ghê tởm những nhà chính trị. Khi ông ngoại tôi, lúc đó là giáo sư giảng dạy chính trị ở đại học Tokyo, có ý định muốn ra ứng cử quốc hội thì họ hàng, bạn bè đều phản đối. Là vì trở thành nhà chính trị thì coi như khốn khổ, đang hổ thẹn. Đó là não trạng của giới trí thức Nhật trước chiến tranh”.

Tuy nhiên Yukio Shimanaka nói thêm:

“Trước chiến tranh, nước Nhật cũng có một số nhân vật chính trị lớn. Kể cả sau chiến tranh. Hai hay ba người gì đó. Bởi vì trước chiến tranh, hệ thống giáo dục Nhật tỏ ra có hiệu quả. Nhưng sau đó, hệ thống giáo dục mới chỉ đào tạo ra những nhà chính trị thiếu giáo dục, không cso vái gọi là “lịch sự quý phái”. Ở Nhật, chúng tôi không còn cái “lịch sự quý phái” nữa. Thế nhưng, để cư xử với người nước ngoài, thì “lịch sự quý phái” rất cần cho cả hai phía, có phải không? Đó là lý do tại sao trong nước Nhật ngày nay, chúng tôi không có leader, không có cái “lịch sự quý phái”. Mọi người có quyền nói bất cứ cái gì, như ở nước ông vào thời điểm này xảy ra biến cố tháng 5/1960. Trong xí nghiệp, vẫn còn tôn ti trật tự, mặc dù khá hình thức, và chỉ trong nội bộ từng gia đình thì tôn ti trật tự mới có hiệu lực. Nhờ vậy, tất cả xí nghiệp công nghiệp đều tiếp tục hoạt động có hiệu quả”.

Vì thế, phải chăng nước Nhật đang đi tìm sự trưởng thành mới?

“Để thích nghi với nhịp sống do người nước ngoài áp đặt và theo yêu cầu của họ, phải có một leader rất thông minh. Trong nội bộ nước Nhật thì dễ hơn. Leader nay vẫn là thành viên của cộng đồng, của một gia tộc. Ông ta tuân theo các luật lệ, nhưng để đảm bảo đương chức năng một leader có tầm vóc quốc tế thì còn vụng về. Rất khó. Leader ấy phải là một diễn viên gần như thiên tài. Và theo tôi, điều đó rất nguy hiểm. Tôi rất lo những hệ quả từ đó mà ra”.

Hoàng đế bị truất phế, những hiểm họa của chủ nghĩa tân-dân tộc

Phải chăng điều đó có nghĩa là nước Nhật phản ứng và chống lại những áp đặt từ bên ngoài? Một sự phản ứng sẽ kết tinh trong chủ nghĩa tân-dân tộc? Yukio Shimanaka đồng ý:

“Vâng, đúng như vậy. Tôi rất lo điều đó. Nhưng đó là lỗi của chính các ông! Nhất là lỗi của người Mỹ. Các ông buộc chúng tôi phải từ bỏ Hiệp pháp của Châu Âu hoặc Hoa Kỳ. Có một sai lầm lớn: Hoàng đế Nhật không hề là kẻ thù của các ông, nhưng các ông đã hủy hoại hết mọi thứ, từ vai trò, chức trách là người chấn dặt dân tộc, đến vai trò người cha, lãnh tụ tinh thần. Và chế độ quân chủ không còn có thể hoạt động được nữa. Ngày hôm qua trong báo Yomiuri, tôi đọc một trang dành cho lớp trẻ 17 tuổi của Anh và Nhật. Chúng phải trả lời câu hỏi: “Bạn có tôn kính Hoàng đế hay Hoàng gia hay không?”. Học sinh Anh trả lời: “Có”, và giải thích sự tôn kính. Còn học sinh Nhật đa số trả lời: “Không”, “Không bao giờ”, “Tôi không biết ông ta”, “Tôi bất cần”, hoặc thậm chí: “Tôi cho rằng Hoàng gia là không cần thiết đối với đất nước”.

Điều đó có ý nghĩa là đánh mất bản sắc nước Nhật ư?

“Vâng. Tôi nghĩ thế. Bởi vì trong thâm sâu, điều đó trái hẳn với những gì các ông, những người Pháp bình thường, suy nghĩ. Hoàng đế là chủ đất nước, tất nhiên chỉ trên lĩnh vực tinh thần. Từ vài thế kỉ nay, chúng tôi đã có hoàng đế làm việc thật sự, đảm nhiệm cả vai trò Nhà vua và Thủ tướng. Ông ta làm chính trị. Trước đây đã có như vậy. Nhưng xét cho cùng Hoàng đế vẫn là người chặn dắt tinh thần của dân tộc”.

Nước Nhật một ngày nào đó sẽ đứng dậy chống sự áp đặt của phương Tây chẳng? Yukio Shimanaka khẽ nhún vai. “Không. Hết rồi”. Song, xét cho cùng, việc người Nhật tự suy nghĩ, không cần sự hướng dẫn từ bên trên có là một dấu hiệu tích cực không? Một biểu tượng chín chắn về chính trị? Yukio trả lời ngay:

“Tôi không hoàn toàn đồng ý với ông được. Dù sao, khái niệm công dân đến với nước chúng tôi chậm, cũng như ở nước các ông. Người Nhật hoặc người Pháp bình thường của thế kỷ XVI, XVII. Khái niệm ấy chỉ thực sự có ở nước Nhật từ triều đại Edo (1603- 1867).

Yukio bồi thêm:

“Chúng tôi không chờ đợi người ngoài đến đây để xây dựng một xã hội biết tôn trọng cá nhân. Nếu không, bây giờ ông không thể đọc văn học triều đại Edo, xem một vở kịch của Kabuki. Kể cả trước đó, từ thế kỷ XVIII, dưới triều đại Kamakura, nước Nhật đã có một thời kỳ phát triển về nghề thủ công mang dấu ấn cá nhân và có sáng tạo. Còn các võ sĩ đạo của chúng tôi, cứ so sánh họ với các hiệp sĩ của các ông. Có khác là võ sĩ đạo của chúng tôi tự do hơn. Cho nên, thật sai lầm nếu cho rằng tất cả những công dân bình thường đều bị kềm kẹp trong nanh vuốt của lãnh chúa. Tầng lớp ưu tú của chúng tôi không phải chỉ ở trong giới võ sĩ đạo, mà ở cả những người thường. Sau ba, hoặc bốn đời, xuất hiện những gia tộc buôn bán lớn. Còn giới quý tộc vẫn nghèo. Điều này cũng khác với nước các ông, ở đó hiệp sĩ có thể trở thành quý tộc; ở Nhật thì không hề có như thế. Quý tộc vẫn là một tầng lớp xã hội bất di bất dịch. Họ không đánh ai, không giết ai. Võ sĩ đạo làm thay họ, giống như Hồng y bên cạnh Giáo hoàng.”

Những truyền thống đã lui tàn

Phải làm gì để hòa giải truyền thống với hiện đại?

“Một người Nhật chỉ có thể thích nghi với môi trường chung quanh khi thay đổi hoàn toàn hệ qui chiếu của anh ta. Ví dụ: Chủ một xí nghiệp Nhật đã được giáo dục để đạt trình độ “lịch sự quý phái” chủ yếu ở trong cơ sở của ông ta. Nhưng ở nước ngoài thì sao? Mỗi khi người ta cử họ ra nước ngoài để xây dựng những xí nghiệp thì não trạng của họ thay đổi. Song muốn có được những thay đổi đó, phải thay đổi toàn bộ hệ qui chiếu của họ. Đối với nước Nhật cũng vậy thôi. Phải thay đổi cả hệ thống xã hội, cả trong xí nghiệp. Ở nước các ông, người chủ quyết định, giám đốc quyết định. Ở đây thì không phải như vậy. Có một ủy ban quyết định. Phải có sự nhất trí. Ông chủ, chủ tịch hoặc giám đốc chỉ có mặt ở đó để chuẩn y, ông ta có quyền phủ quyết, nhưng quyết định thì vẫn thuộc về tập thể. Ông chủ chỉ có thể nói “có” hoặc “không”, ông ta không đề nghị cũng không ra lệnh”.

Yukio Shimanaka không sợ nói thật:

“Tôi biết quan điểm của tôi thật sự độc đáo. Rất khác với quan điểm người khác. Nhưng là một quan điểm có thật. Tôi là một người theo chủ nghĩa truyền thống. Chúng tôi thích chiêm ngưỡng những tác phẩm sản sinh từ sự sáng tạo của dân tộc Nhật. Một cuộc triển lãm, một vở kịch của Kabuki. Và để xem Kabuki, phải biết tiếng Nhật. Để biết tiếng Nhật, phải biết đọc, phải học tiếng Kanji (chữ Trung Quốc, với hai mẫu tự Hiragana và Katakana, hợp thành văn tự Nhật truyền thống). Phải biết đọc văn học Edo. Và muốn hiểu thấu đáo văn học Edo, phải biết văn học cổ điển Trung Quốc trước công nguyên. Người Pháp các ông, các ông đã bỏ dạy tiếng la tinh. Chúng tôi, chúng tôi đã bỏ dạy tiếng Kanji. Đáng tiếc thật!”.

Gương mặt của Yukio Shimanaka không hề bộc lộ những tình cảm của ông khi ông nói. Nhưng giọng nói của ông rất đanh thép:

“Người Nhật bây giờ không còn có thể sáng tạo ra từ mới từ văn tự Trung Quốc nữa. Bởi vì nếu không hiểu nguyên gốc của từ thì không sáng tạo được. Thật tệ hại. Ông xem: để gọi điện thoại bây giờ là phải nói telefon. Trước đây người ta nói đến denwa. Den là từ để chỉ điện, wa là lời nói. Điện thoại có nghĩa là “lời nói bằng điện”. Chúng tôi có thể tạo ra mọi từ mới và từ khoa học thỏa thích. Trước chiến tranh, dưới triều đại Minh Trị, chính người Nhật đã tạo ra từ mới rồi truyền cho người Trung Quốc, người Triều Tiên. Tất cả những thuật ngữ kỹ thuật hoặc triết học hiện đại đều gốc từ Nhật. Bởi vậy, keizai có nghĩa là “kinh tế”. Từ đó không có trong tiếng Hoa, cũng không có trong tiếng Nhật. Chính những người Nhật am hiểu văn học Trung Hoa và cả văn học Châu Âu, đã dịch, đã phát minh ra từ đó. Người Trung Hoa và người Triều Tiên vẫn luôn sử dụng. Còn người Nhật nay đã mất khả năng sáng tạo này rồi”.

Yukio Shimanaka thú nhận đã bắt đầu say mê truyền thống Nhật khi tiếp xúc với nền văn hóa phương Tây, lúc ông sống ở Pháp.

“Chính vì lẽ đó mà tôi rất yêu thích Kabuki, những lễ hội mùa của chúng tôi. Tôi cố tạo lại các lễ hội này cho con tôi vào dịp Tết và những ngày lễ lớn, để truyền lại cho chúng tình yêu truyền thống đó”.

Ông nói tiếp:

“Nước Nhật có một nhà tiểu luận, ông đã chết từ hơn 20 năm nay, là Oya Soichi. Một nhà văn tiểu luận vĩ đại. Ông rất thích nêu lên những cách ngôn. Một hôm, ông nói: “Người cánh hữu là bảo thủ, đó là người có đi ra nước ngoài. Người cánh tả, đó là người cả đời chỉ ở trong nước Nhật”. Tôi cho rằng quả đúng như thế. Niềm hy vọng của tôi là ở lớp trẻ Nhật ngày càng đông đi du lịch nước ngoài: ở Pháp, ở Châu Âu. Mười năm trước đây, chúng chỉ đi Hawaii, đảo Guam hoặc Hoa Kỳ, Los Angeles hay NewYork. Bây giờ tiếp xúc với Pháp, Đức, Châu Âu, tiếp xúc với nhạc viện, với nền văn hóa của các nước đó, chúng bắt đầu hiểu sự khác nhau giữa Nhật Bản với nhiều nước khác”.

Như vậy, việc Nhật Bản mở cửa ra thế giới cũng là một cơ may chẳng ?

“Vâng. Cuối cùng chúng tôi đã có cơ may thức tỉnh. Khá khó khăn và nặng nề. Nhất là khi người ta đang đắm mình trong sự sung túc vật chất, trong tiện nghi. Điều đó đang hủy diệt nền văn minh Nhật Bản”.

Nền dân chủ Nhật Bản: một thứ chủ nghĩa duy vật nguy hiểm?

Yukio Shimanaka cho rằng nền dân chủ phương Tây được sao chép vào xã hội Nhật Bản, có nguy cơ tạo ra một hệ thống chủ nghĩa xã hội duy vật uviansach.vn

đặc biệt nguy hiểm cho thế giới. Nó sẽ tiêu diệt nốt những truyền thống Nhật Bản. Mặt khác, nó còn làm cho người Nhật trở thành những kẻ chỉ còn biết hưởng về sản xuất và tiêu thụ. Một bàn đạp cho cuộc chinh phục hung hãn, mù quáng các thị trường thế giới.

“Nếu nước Nhật cứ tiếp tục đà này, nó sẽ chinh phục hết các thị trường. Người Nhật sẽ cư xử với thế giới như những con voi trong rừng già: chúng không hề lúc nào nghĩ đến sự có mặt của các loài thú khác. Chúng tôi chỉ có suy nghĩ là làm việc hết sức mình, và, như những con voi, chúng tôi lao về phía trước, không bao giờ nghĩ đến bao nhiêu cây cối ngã rạp trên đường chúng tôi qua, không quan tâm đến những tàn phá mà chúng tôi gây ra”>

Tự nhận mình là người theo chủ nghĩa truyền thống, không hề là điều dễ dàng ở Nhật.

“Ông xem, khi một người vừa nói điều gì bên vực sự tôn trọng truyền thống, người đó bị liệt vào phe hữu! Thật là cố chấp”.

Yukio Shimanaka bỗng phá lên cười. Ông nói đến Đảng Xã hội Nhật và lãnh tụ Đảng, bà Takako Doi, một phụ nữ, theo ông, chẳng hiểu gì về nền văn hóa cổ Nhật Bản.

“Chẳng hạn, tại sao những phụ nữ của Đảng Xã hội Nhật lại công kích Kabuki? Là vì trên sân khấu không có nữ diễn viên. Thật lỗi bịch và điên rồ! Đó chính là truyền thống duy nhất của những nhóm nghệ sĩ Nhật thế kỉ XV còn sót lại. Với sân khấu Nô cũng vậy. Ở Pháp, như ông biết, vào trước thế kỉ XV, các vai phụ nữ đều do những diễn viên nam đóng. Chỉ sau đó mới có các diễn viên nữ, vào thời Molière. Người Nhật đã bảo tồn truyền thống đó. Các ông thì đã bỏ nó rồi. Còn tôi, tôi cho rằng gìn giữ lại là điều quan trọng”.

Makoto Kuroda: sức mạnh của nước Nhật không phải là vĩnh cửu

Makoto Kuroda đã trải qua nhiều chức vụ danh tiếng, nguyên thứ trưởng Bộ Ngoại thương, nguyên tổng giám đốc MITI, ông đã giữ vai trò chủ chốt trong điều hành đường lối công nghiệp của Nhật. Nguyên là đại diện Nhật đàm phán với Hoa Kỳ về các vấn đề thương mại, vào lúc cao điểm của cuộc chiến tranh mậu dịch có nguy cơ đe dọa cả Tokyo và Washington, ông là một trong số những nhân vật hòa giải chính đã bảo vệ “hòa bình” cho cả hai bờ Thái Bình Dương. Cố vấn đặc biệt của Tổ chức kinh tế Nhật Bản, cố vấn của nhiều công ty tài chính và công nghiệp tư nhân, Makoto Kuroda hoàn toàn có thể tự hào về sự nghiệp đặc biệt sáng chói của mình. Khi ông nói, ông tỏ ra rất tự tin.

“Vào lúc này, khi đạt mức tăng trưởng kinh tế nhanh, nước Nhật trở nên hùng mạnh. Chúng tôi đang trội hơn phương Tây của các ông một chút.

Chúng tôi còn có thể duy trì ưu thế này trong vài năm nữa. Chúng tôi đang dẫn trước các ông. Chúng tôi đã tiến hành tốt việc thích nghi với hoàn cảnh mới, với việc ứng dụng các cải tiến công nghệ mới. Nhưng, ông biết đấy, cơ may của chúng tôi đã ở về phía sau. Nó không còn mang lại hiệu quả tốt đối với nền kinh tế Nhật. Đã hết rồi cái thời hạ giá dầu thô, vốn tạo nhiều thuận lợi cho chúng tôi về kinh tế. Chúng tôi cũng còn gặp may, nhưng chúng tôi đã trở lại hoàn toàn cảnh bình thường. Vâng, đúng thế... Chúng tôi còn khá mạnh và tiếp tục còn mạnh, và chúng tôi đã nắm giữ được xu thế phát triển kinh tế trên thế giới. Nhưng những điều kiện thành công của chúng tôi trước đây thì nay không còn tác động như trước nữa”.

Xã hội già nua nhất thế giới

“Còn nhược điểm chủ yếu của chúng tôi, vấn đề đó là tình trạng đầu cơ tín dụng, đầu cơ địa ốc. Chính sách tiền tệ và tài chính của chúng tôi có nguy cơ gây ra lạm phát. Theo nghĩa đó, tôi cho rằng việc hạ tín dụng từ cuối năm 1989 không nhất thiết là một điều xấu. Đó là một sự sửa sai cần thiết, một sự điều chỉnh lành mạnh. Tuy nhiên, giá nhà đất cứ tiếp tục tăng. Hiện tượng này gây căng thẳng xã hội. Nước Nhật may mắn biết đến một xã hội bình quân, ở đó mỗi người đều cảm thấy mình ở vào tầng lớp trung lưu. Điều trước đây rất có lợi cho sự phát triển kinh tế thì nay đang trở thành vấn đề. Đó là một những nhược điểm của chúng tôi. Một nhược điểm khác có ảnh hưởng cơ bản hơn, đó là cơ cấu dân số. Đến đầu thế kỷ sau, chúng tôi sẽ là một xã hội già nhất thế giới. Người Nhật trong tuổi lao động sẽ phải gánh nặng thêm: số người già về hưu sẽ nhiều hơn. Liệu chúng tôi có thể sản xuất đủ để đáp ứng nhu cầu của những người già ấy không? Tôi không biết”.

Có phải nước Nhật đang dẫn đầu mọi lĩnh vực? Makoto Kuroda nói:

“Chắc là không. Chẳng hạn, chúng tôi rất lạc hậu trong lĩnh vực không gian. Trong lĩnh vực vũ khí cũng vậy. Vì chúng tôi cấm xuất khẩu vũ khí, thị trường chúng tôi bị co hẹp và chúng tôi cũng không sản xuất cái gì ra hồn trong lĩnh vực này. Lĩnh vực hàng không cũng không phải là thế mạnh của chúng tôi. Để khắc phục sự chậm trễ trong lĩnh vực này, chúng tôi phải đầu tư lớn. Người Mỹ và người Châu Âu các ông đi trước chúng tôi trong các lĩnh vực đó. Nhưng, chúng tôi đang muốn đuổi kịp các ông. Chúng tôi đã tiến hành các chương trình hợp tác với Mỹ và Châu Âu. Nhưng ở đây, mục tiêu của chúng tôi không phải là dẫn đầu, mà chỉ đơn giản là khắc phục tình trạng chậm trễ của chúng tôi”.

Tôi đường đột đặt một câu hỏi mà nhiều nhà công nghiệp phương Tây đã đặt ra: phải chăng những nhà kinh doanh lớn của Nhật thương lượng với nhau để phân chia “cái bánh thị trường thế giới”, nhằm tránh một cuộc đụng đầu tiêu diệt lẫn nhau? Nói cách khác, phải chăng ở Tokyo người ta có ý

định đi dẫn thỏa thuận bí mật, như ở phương Tây người ta thường có ấn tượng về những trục chiến lược của cuộc chinh phục ở nước ngoài nhằm tránh những tình huống cạnh tranh mà các nhà công nghiệp Nhật phải trả giá đắt? Chẳng hạn như ông chủ Nissan, Toyoto và Honda cùng đứng trước một quả địa cầu, tại một cuộc họp tuyệt mật, để phân chia thế giới? Makoto Kuroda nhìn tôi trước khi trả lời:

“Không. Những nhà công nghiệp Nhật không thương lượng với nhau về những vấn đề như thế. Điều đó không thể có. Cạnh tranh là một cuộc chơi tự do. Thế giới trở nên hẹp. Những nhà công nghiệp của chúng tôi cảm thấy nhu cầu phải mở những đơn vị sản xuất ở nước ngoài, gần thị trường tiêu thụ hơn. Đó là xu thế chung ở nước chúng tôi. Mở một xí nghiệp ở nước ngoài sẽ có lãi hơn là duy trì những cơ sở xuất khẩu của chúng tôi. Và trong quá trình phi địa phương hóa này, tình hình cạnh tranh trong nội bộ nước Nhật cũng rất khắc nghiệt. Không thể có loại thương lượng như thế. Không thể đồng ý với hình thức đó. Không có những cuộc họp tuyệt mật. Đúng là như chỗ tôi biết có một số người Mỹ ngây ngô quả quyết rằng chúng tôi có những thỏa hiệp giữa những tập đoàn lớn với nhau. Nhưng điều đó không đúng. Chỉ có cạnh tranh. Và chính đó làm nên sức mạnh của chúng tôi”.

Tôi chuyển qua một câu hỏi mà tôi đã biết câu trả lời của ông: nước Nhật có muốn chinh phục thế giới, như bà Edith Cresson nói không? Hoặc như Roger Fauroux nghĩ? Nếu xe hơi Nhật bán được nhiều hơn, phải chăng chỉ đơn giản vì xe Nhật tốt hơn và rẻ hơn?

“Fauroux có lý 100%. Còn điều bà Cresson nói thì trừu tượng quá. Tôi hy vọng chỉ đại diện cho một thiểu số những nhà lãnh đạo của các ông. Bà đại diện cho M.Calvet! Và không đại diện cho ai khác!”

Makoto Kuroda phá cười làm tôi hơi lạnh xương sống

“Tôi luôn tự hỏi tại sao bà Cresson lại có quan điểm như vậy. Bà trước là Bộ trưởng ngoại thương. Với tư cách đó, bà đã đến Nhật. Như vậy bà không thể không biết về nước Nhật. Vậy mà bà đã nói lên những điều ngu xuẩn như vậy! Tại sao? Tôi thật sự tự hỏi mình như vậy”.

Tôi trả lời là ở Châu Âu, rõ ràng những khoản đầu tư của Nhật đã giết chết nhiều ngành công nghiệp Pháp. Tôi kể ra ví dụ về nước Anh mà người ta nói là đã bị tư bản Nhật xâm lược mất rồi. Makuto Kuroda đáp:

“Tôi có thể đảm bảo với ông rằng nước Nhật không hề có ý định thống trị lực lượng công nghiệp thế giới. Đúng là chúng tôi đang cố gắng để trở nên mạnh. Nhưng không hề có ý định thống trị. Về lập luận cho rằng nước Nhật có thể kiểm soát được nền kinh tế của một quốc gia khác, thì lịch sử đã chỉ ra rằng việc đóng cửa biên giới không bao giờ tăng cường nền kinh tế quốc gia. Chính sách bảo hộ làm quốc gia đó yếu đi, hơn là làm cho nó

mạnh lên. Ông có tin rằng công nghiệp điện tử của nước Pháp bây giờ mạnh hơn trước không ?”

Châu Âu năm 1992 không làm nước Nhật sợ hãi

Nước Nhật có lo sợ Châu Âu năm 1992 sẽ trở thành pháo đài bảo hộ không ? Makoto Kuroda đáp không chút do dự:

“Ý tưởng về năm 1992 bản thân nó tồn tại chỉ vì những nhà lãnh đạo của ông cho rằng Châu Âu cần một sự cạnh tranh ngày càng tăng, vì Châu Âu đụng đầu với những biến đổi công nghệ lớn. Tôi cho rằng những nhà lãnh đạo này rất đổi thông minh khi đặt năm 1992 như một thời hạn đích. Nhiều người Châu Âu các ông cũng khác đấy. Hãy xem cách Châu Âu lôi kéo được sự chú ý của toàn thế giới! Một vài người Mỹ báo động rằng các ông đang xây dựng một pháo đài ở Châu Âu. Nhưng tôi, tôi nói rằng Châu Âu ko có cách nào trở thành pháo đài. Lý lẽ sống còn của năm 1992 chính là cần phải cạnh tranh nhiều hơn. Tại sao các ông lại thỏa mãn với một thị trường 320 triệu dân? Thị trường ấy không đủ. Thị trường phải là cả thế giới. Nhưng hãy cảnh giác với những quan chức của các ông ở Bruxelles. Có những người quá thông minh, quá nhiệt tình đến mức muốn sử dụng cả giới hạn của cuộc thương lượng có được, để thông qua những luật lệ hạn chế và những quy định kỹ thuật ngu xuẩn, những quy định về nội dung địa phương trong sản xuất phi địa phương hóa của nước ngoài, về việc chống phá giá, hay xí nghiệp gia công. Hãy cảnh giác với những cái đó. Rất nguy hiểm!”

Đột nhiên, Makoto Kuroda đưa mắt lo lắng nhìn máy ghi âm của tôi. Ông giả bộ bị bất ngờ, hay là như tôi nghĩ, ông đã biết rõ là máy đang chạy? Ông kêu lên: “Ồ, ông ghi âm à!”. Rồi ông phá lên cười.

Phương Tây không có bài học nào dạy cho Nhật

Với một sức mạnh về kinh tế như vậy, liệu nước Nhật có cần giữ một vai trò quan trọng hơn trên trường quốc tế về mặt chính trị và ngoại giao hay không? Khi tôi đặt ra câu hỏi đó với ông, liệu Makoto Kuroda cảm thấy như đây là một cái bẫy? Liệu ông có bác bỏ như mọi lần không?

“Ông nghĩ rằng chúng tôi cần phải lên tiếng ở những lĩnh vực khác ngoài lĩnh vực kinh tế ư? Nhưng ông nên hiểu rằng chúng tôi không muốn dùng sức mạnh để áp đặt quan niệm triết học của chúng tôi cho người khác. Trên bình diện kinh tế, quốc tế đã được quốc tế hóa. Sức mạnh của thị trường đã phá đổ các biên giới; mặc dù vậy, chúng ta vẫn còn chia thành 160 nước có chủ quyền. Và còn có một vài nước còn khá ngây thơ nghĩ rằng họ có thể ngăn trở sự tự do trong trao đổi kinh tế. Trong một cuộc chơi kinh tế có tính toàn cầu này, đúng là chúng tôi đã cố gắng phát động lý tưởng về nền kinh tế dân tộc và muốn đạt tới một thể mạnh công nghiệp nào đó. Nếu không có

một sức mạnh công nghiệp thì chúng tôi không thể vươn đến một mức sống tốt hơn. Nhưng điều cần phải làm không phải chúng tôi giành phần to hơn trong cái bánh; mà chính là có một cái bánh to hơn để cho mỗi người đều có thể có phần mình ngon hơn!”

Ông nói tiếp:

“Còn về chính trị, triết học, văn hóa, người Pháp luôn cho mình là trung tâm của vũ trụ”

Tiếng cười của Makoto Kuroda quả có tính trêu chọc. Nhưng ông nói đúng.

“Người Trung Quốc xưa kia cũng đã tự xem là trung tâm của vũ trụ. Người Mỹ cũng vậy, họ trở thành hơi kỳ quặc khi họ bắt đầu nghĩ rằng xã hội Mỹ là phải tốt nhất thế giới và cách làm của họ có giá trị phổ biến! Còn những người Nhật chúng tôi, chúng tôi không có ý định ấy. Người Pháp chắc là rất tốt, nhưng họ đâu phải là ưu tú nhất! Người Trung Hoa có thể cống hiến nhiều điều rất hấp dẫn, nhưng chúng tôi không có ý định theo gương họ. Còn người Mỹ, họ đưa ra nhiều điều thú vị. Nhưng phải chăng họ chờ đợi chúng tôi thay đổi xã hội để chúng tôi có quan hệ tốt với họ ư? Ông thấy đấy, mỗi quốc gia có nền văn hóa riêng, một hệ thống giá trị riêng, truyền thống riêng, lịch sử riêng. Đó là lý do tại sao tôi lại chịu khó trả lời khi người ta nói rằng, nước Nhật thay vì giữ im lặng, cần phải đóng một vai trò tích cực hơn trong nền chính trị thế giới. Lúc này chúng tôi tỏ ra thụ động. Chúng tôi ở thế thụ cảm với người khác. Bởi vì chúng tôi cố giữ hòa hợp với mọi người. Có gì xấu đâu?”

Okita Saburo: Thế giới ngày mai sẽ thành thế ba cực

Nguyên bộ trưởng Bộ ngoại giao, chủ tịch Viện nghiên cứu chính trị đối nội và quốc tế của Nhật, Okita Saburo là nhân vật thuộc hàng lão làng của nền ngoại giao Nhật Bản. Hiểu biết của ông về thế giới là đáng học tập. Ông đã thăm Trung Quốc 20 lần. Sinh ở Mãn Châu- Trung Quốc, lúc xứ này còn nằm dưới ách đô hộ của Nhật, ông thuộc nhóm số ít những nhà chính trị Nhật Bản đã làm nên lịch sử nước Nhật sau chiến tranh. Vào độ tuổi hơn 70, ông không chút kiêu ngạo về quá khứ. Chỉ mãi nguyện về một cuộc sống trọn vẹn với một sứ mệnh đã hoàn thành. Tuy nhiên không có chuyện ông về hưu. Ông thuộc số những con người chỉ chịu chết khi đang còn làm nhiệm vụ. Tôi biếu ông một món quà làm kỷ niệm của nước Pháp. Rất nhạy cảm, ông lục tủ sách và tặng tôi bốn cuốn sách ông viết về nền kinh tế Nhật và vai trò của nước Nhật trên thế giới. Ông nói chậm, vẻ mệt nhọc. Ông dè xẻn cử chỉ. Nhưng ông nói tiếng Anh thông thạo, trong sáng.

Nhiều người nói rằng trung tâm địa lý chính trị thế giới sẽ chuyển sang Châu Á vào thế kỷ tới. Sau thế kỷ của Hoa Kỳ, thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ của

Châu Á- Thái Bình Dương chẳng?

“Tôi không tin điều đó có thể xảy ra. Những người nói điều đó đã quan sát thấy tỷ trọng của Đông Nam Á và Tây Thái Bình Dương đang lớn dần trên thế giới. Nhưng hiện nay, chúng ta cũng đang chứng kiến việc xây dựng Châu Âu năm 1992 và mối quan hệ chặt chẽ hơn giữa Châu Âu với Đông Âu, kể cả với Liên Xô. Đây có thể tạo ra một sức mạnh làm hồi sinh Châu Âu. Tôi chờ đón một sự tăng trưởng kinh tế năng động ở Châu Âu cũng như ở Thái Bình Dương. Tầm quan trọng tương ứng của chúng sẽ phát triển trong tương lai. Thế giới sẽ tổ chức lại theo ba cực kinh tế chủ đạo: Bắc Mỹ, Châu Âu và Đông Nam Á”.

Nước Nhật không thể thống trị thế giới

Mục tiêu cuối cùng của Nhật là có là thống trị thế giới không? Okita Saburo mỉm cười:

“Đó là một nhận xét thật ngu xuẩn! Đúng là chúng tôi có đạt được những tiến bộ đều đặn về công nghệ. Nền kinh tế của chúng tôi đã ghi được nhiều điểm và đang tăng trưởng với nhịp độ tương đương với Châu Âu hoặc Châu Mỹ. Nhưng về lâu về dài, tôi đồng ý rằng nước Nhật có thể bị kẹt với các nước Châu Á đang phát triển nhanh hơn. Ông hãy thử để mắt đến số lượng hàng hóa Triều Tiên, Đài Loan, Hồng Kông, Đông Nam Á trên thị trường chúng tôi. Tình trạng cạnh tranh mặt hàng điện tử đang rất gay gắt ở Mỹ. Các nền kinh tế ở phần còn lại của Châu Á đang lao vào quá trình khắc phục sự chậm trễ so với Nhật. Ngoài ra có một yếu tố có thể làm sống dậy nền kinh tế Hoa Kỳ. Bây giờ một số đông người Mỹ đã nói: “Chúng ta phải thức dậy ! Hỡi những người Mỹ, hãy thức dậy !” đại loại là có những khẩu hiệu tương tự ! Cách đây không lâu, một biên tập viên tờ New York đã nói: “Đối với Hoa Kỳ, tuôn ra lời rửa xả chống lại Nhật Bản chẳng có nghĩa gì. Điều quan trọng là ở chính người Mỹ !”. Châu Âu cũng vậy. Có gì tích cực trong tuyên bố của bà Cresson không? Tuôn ra lời rửa xả nước Nhật, như thế là tích cực ư ? Ngược lại, có hại cho Châu Âu, cũng như nước Pháp. Thay vì như thế, những người Châu Âu các ông hãy thức dậy ! Và hãy liên kết sức mạnh của chúng ta, những người Nhật, những người Mỹ và những người Châu Âu, để cống hiến cho sự phát triển ở những vùng chậm tiến nhất của thế giới”.

Liệu nước Nhật sẽ gánh trách nhiệm của mình trong thế giới ?

Ông nói thêm:

“Nguyên thủ tướng Nhật Noboru Takeshita, người đầu tiên đã thông báo rằng nước Nhật muốn cống hiến hơn nữa cho sự nghiệp của toàn thế giới. Ông đã nói rõ ràng ý nguyện này liên quan đặc biệt đến một sự đóng góp tích cực hơn vào việc giữ gìn hòa bình, trao đổi văn hóa và viện trợ kinh tế.

Từ đó đến nay, chúng tôi đã tăng thêm một lĩnh vực khác : lĩnh vực sức khỏe ở các nước đang phát triển. Nước Nhật vừa quyết định tăng gấp đôi số viện trợ kinh tế trong năm năm. Viện trợ kinh tế của Nhật đã vượt quá số viện trợ của Hoa Kỳ, Và trong số tiền Nhật chi ra 2 tỷ đôla một năm sẽ được dành cho những đề án bảo vệ môi trường. Sự đóng góp của Nhật không nằm vào các lực lượng vũ trang. Dầu vậy điều này đã lỗi thời rồi. Thế giới bây giờ hướng về giải trừ quân bị. Và Nhật rất nhất trí với xu hướng đó”.

Nhưng phải chăng những nhà chính trị Nhật Bản đã được chuẩn bị để có nhiều sáng kiến hơn trên trường quốc tế ? Okita Saburo vẫn thận trọng :

“Điều đó sẽ làm từng bước. Chúng tôi sẽ tiếp tục giữ một vai trò khiêm tốn, vì kinh nghiệm của chúng tôi trong cuộc chiến tranh, vì sự xâm lược trước đây đối với những nước lân cận. Đường lối ngoại giao của chúng tôi sẽ vẫn thận trọng. Hơn nữa, dư luận công chúng ở Nhật kiên quyết chống lại việc Nhật trở thành một cường quốc quân sự. Người Nhật rất yêu hòa bình. Cũng có ngoại lệ, nhưng đó chỉ là một thiểu số. Tuy nhiên, Nhật cũng nhận thức được rằng thế giới đã trở nên nhỏ bé cùng với tiến bộ của những phương tiện truyền thông, vận tải, chuyển đổi tiền tệ. Kể cả những vùng như Châu Âu, Châu Á hay Bắc Mỹ cũng trở thành quá hẹp. Những quan hệ quốc tế đã mang tính toàn cầu. Từ đó, những công ty của chúng tôi tính toán công việc trong khuôn khổ của tiến trình toàn cầu hóa. Tôi nghĩ rằng Châu Âu về lâu về dài cũng sẽ chọn hướng toàn cầu hóa. Những truyền thống của Châu Âu đang cản trở định hướng đó. Nhưng với thời gian, Châu Âu sẽ đến kịp với xu hướng toàn cầu hóa. Đặc biệt là với sự mở rộng của thị trường Châu Âu hiện nay. Vì lợi ích của mình, Châu Âu sẽ tham gia vào sự phát triển kinh tế ở Châu Á. Đó là thế phụ thuộc lẫn nhau”.

Đóng cửa = nghèo khó; Mở cửa = thịnh vượng

Liệu nước Nhật có bị cám dỗ bởi chủ nghĩa duy dân tộc không ? Okita Saburo lắc đầu :

“Không, mặc dù có một số người Nhật thích chủ nghĩa duy dân tộc. Nước Nhật ý thức được rằng không thể thịnh vượng nếu không có quan hệ quốc tế mật thiết. Trong khuôn khổ tiến trình toàn cầu hóa mà tôi nói ở trên, kể cả Liên Xô cũng thấy không thể tự cô lập với phần còn lại của thế giới. Cô lập đồng nghĩa với nghèo khó. Điều này càng đúng hơn đối với nước Nhật, bởi nó phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu thiên nhiên của nước ngoài, 99% dầu hỏa của chúng tôi là nhập khẩu. Hai phần ba ngũ cốc cũng vậy. Nước Nhật không thể bỏ qua thế giới bên ngoài mà có thể đứng được ở mức như hiện nay và phát triển. Bởi vậy, tình cảm dân tộc chủ nghĩa dân tộc có thể phát triển trong một thời gian như trong khuôn khổ những cuộc thương lượng Nhật – Mỹ. Nhưng điều này sẽ không kéo dài. Mọi người đều

hiếu rằng nước Nhật không thể tự cắt mình ra khỏi thế giới, Ngược lại là đằng khác”.

Eto Shinkichi : những nguy cơ của chủ nghĩa dân tộc Nhật Bản.

Mọi người không phải ai cũng dứt khoát được như Okita Saburo trong đánh giá. Eto Shinkichi, chủ tịch Đại học Châu Á, một khu quần thể đại học ở ngoại ô Tokyo, là một con người thăng tiến nhanh ở Nhật. Tháng 5/1990, tờ Asahi Shimbun dành hẳn một trang đăng ảnh của ông, giới thiệu ông trong bộ quần áo thể thao, như một hình mẫu của giới trí thức Nhật hiện đại, mở ra thế giới hiện đại. Thân cận với giới cầm quyền. Ông sinh ở Thẩm Dương, Trung Quốc, lúc đó bị Nhật chiếm đóng, ông rời Thẩm Dương năm 16 tuổi. Ông am hiểu khá sâu sắc ngôn ngữ và xã hội Trung Quốc. Cuộc phỏng vấn ông tiến hành thoải mái bằng tiếng Hoa.

Nước Nhật sẽ phải nắm giữ một vai trò chính trị quan trọng hơn trong thế giới hiện nay ?

“Về lâu dài thì có, nhưng trước mắt thì không. Lý do rất đơn giản : sau khi thảm bại dưới hỏa lực của quân Đồng minh, những nhà lãnh đạo Nhật mất tự tin trên lĩnh vực chính trị. Cuộc hồi sinh kinh tế của chúng tôi là điều kỳ diệu, và lòng tự tin trở lại. Nhưng chưa phải trên lĩnh vực chính trị. Ông hãy nghiên cứu kết quả thăm dò dư luận gần đây. Đa số người Nhật không muốn nước Nhật trở thành một cường quốc về chính trị. Họ mong muốn Nhật vẫn là một nước nhỏ trên lĩnh vực này. Nhưng về lâu về dài, sức mạnh kinh tế sẽ trở thành sức mạnh chính trị. Tiến trình đó đã bắt đầu. Chẳng hạn chuyến đi vừa rồi của thủ tướng Nhật Toshiki Kaifu (mùa xuân năm 1990) qua Indonésie, Bangladesh và Sri Lanka. Chính phủ các nước đó đều vui mừng. Hơn nữa, tất cả đều xin tiền nước Nhật. Thủ tướng chúng tôi đã trả lời họ : “Vâng, vâng, vâng, chúng tôi sẽ cho các ông”. Đã có cải thiện mối quan hệ giữa Nhật với các nước ông đã đến thăm. Như vậy, tiền là một loại thế lực chính trị. Về lâu dài, từng bước, vai trò chính trị của Nhật trên thế giới sẽ lớn dần. Đó là ý kiến của tôi”.

Nhưng người Nhật hiện nay đã đủ trưởng thành để tự xác định một đường lối chính trị đối ngoại và một nền ngoại giao thật sự độc lập với Hoa Kỳ chưa?

“Câu trả lời của tôi có tính hai mặt : vừa có, vừa không. Vâng, người Nhật đã đủ trưởng thành để quyết định không biến nước Nhật thành một cường quốc quân sự. Sức mạnh quân sự không phải là một phương tiện để điều khiển nền chính trị thế giới, đó là điều người Nhật đã học được trong lịch sử gần đây của mình. Nhưng tôi muốn nói thêm rằng, vì người Nhật đã tìm lại được lòng tự tin từ sức mạnh kinh tế của mình, họ đã nhiễm thói suy nghĩ của một anh “nhà giàu mới” – “Bây giờ ta đã có tiền” : thói suy nghĩ như

vậy khá phổ biến. Họ bắt đầu nhìn các nước nghèo từ bên trên. Đó là lý do tại sao câu trả lời của tôi vừa có vừa không”.

Trong bối cảnh đó, phải chăng nước Nhật sẽ không cần đến sự bảo trợ của Mỹ ? Eto Shinkichi trả lời :

“Không. Sau khi bại trận, người Nhật đã phát triển mối quan hệ mật thiết với Hoa Kỳ. Mối quan hệ đó thể hiện không chỉ ở liên minh quân sự giữa hai nước, mà cả ở lòng tin cậy vững chắc với Nhật đối với nền dân chủ đại nghị Hoa Kỳ và cả đối với nền dân chủ Châu Âu nữa. Trong lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học tự nhiên, các dân tộc trên đây đang xích lại gần nhau. Chúng tôi hợp tác chặt chẽ với Hoa Kỳ về mặt khoa học. Đa số những nhà nghiên cứu hàng đầu của Nhật đã theo học ở Hoa Kỳ. Trong giới doanh nghiệp và quản lý xí nghiệp cũng vậy. Chúng tôi cũng đã học được nhiều điều ở người Mỹ trên lĩnh vực này. Và tôi không nghĩ rằng các mối quan hệ đó sẽ lợi lỏng trong một tương lai gần. Nếu như có một trào lưu dân tộc chủ nghĩa cực đoan dẫn đến sự chia cắt nước Nhật với Hoa Kỳ, thì điều đó là một báo hiệu nguy hiểm về sự trỗi dậy của chủ nghĩa quân phiệt Nhật, Mối quan hệ mật thiết giữa Hoa Kỳ và Nhật là một cơ chế tốt, ngăn chặn sự trỗi dậy như thế”.

Người Nhật trở nên xác xược

Nhưng, một khi nước Nhật thấy mình đã đứng đầu trên nhiều lĩnh vực, liệu người ra có phải lo ngại về sự bộc phát của chủ nghĩa dân tộc hay chủ nghĩa tân-dân tộc ?

Eto Shinkichi trả lời :

“Vâng. Tôi rất sợ điều đó. Sự khôi phục sự tự tin từ thành tựu kinh tế đã kích thích phục hồi sự tự tin trên những lĩnh vực khác. Như tôi đã nói với ông, sự tự tin về kinh tế sẽ phát triển thành sự tự tin chính trị. Đó là chủ nghĩa dân tộc. Nếu chủ nghĩa dân tộc lan tràn khắp nơi thì sẽ rất nguy hiểm. Tôi xin lấy một ví dụ : Năm 1932 hoặc 1933 gì đó, quân đội hoàng gia Nhật có mua một số xe cơ giới Mỹ hiệu Ford và Chevrolet dùng vào mục đích quân sự. Bằng cách đó, quân đội này không thể hoạt động theo ý mình một cách độc lập với Mỹ. Nói cách khác, công nghiệp xe hơi Mỹ đã giúp quân sự hóa nước Nhật, giúp Nhật xâm lược Trung Quốc vào đầu những năm 30. Sau đó, chính phủ Nhật đã nỗ lực và đã thành công trong việc chế tạo xe hơi, tàu thủy và máy bay ngay tại Nhật. Và thế là đến năm 1941, chính phủ quân phiệt Nhật tuyên chiến với Hoa Kỳ”.

Eto Shinkichi chứng minh tiếp :

“Lòng tự tin vào nền kinh tế của chúng tôi là một điều tốt. Nhưng nếu sự tự tin được phục hồi từ một nền kinh tế hùng mạnh, lại dẫn đến sự khôi phục tự tin về chính trị thì sẽ rất nguy hiểm. Tôi đã thấy ở một số người

Nhật thái độ ngạo mạn, hung hăng đối với những quốc gia láng giềng và ngay cả đối với Hoa Kỳ. Tranh luận thẳng thắn với một người ngoại quốc thì tốt. Song thái độ xấu xược thì không tốt. Nhưng, bất hạnh thay, người Nhật lại càng lúc càng tỏ ra xấu xược. Họ trở nên hiếu chiến đối với những dân tộc khác. Điển hình nhất có lẽ là cách cư xử của khách du lịch Nhật, những thanh niên đi du lịch Hồng Kông, Manille, Singapour. Họ có tiền, họ mua sắm đủ thứ, và họ không giấu giếm thái độ khinh miệt đối với người dân địa phương. Chiều hướng đó là triệu chứng của một mối hiểm họa tiềm tàng !”

Tôi bày tỏ sự kính phục đối với thái độ thẳng thắn của Eto Shinkichi và hỏi ông xem xu hướng đó sẽ dẫn đến đâu ?

“Tôi không nghĩ rằng người Nhật phải che giấu lòng tự tin đã tìm lại được. Song tôi cũng không tin rằng họ lại cần phải trở nên quá ngạo mạn và hung hăng như vậy. Điều quan trọng là cách giáo dục lớp trẻ sao cho họ thấm nhuần cách cư xử thế nào trong cộng đồng quốc tế. Đó là lý do tại sao tôi đánh giá cao tầm quan trọng của ngành giáo dục. Tôi ủng hộ tư tưởng rất vững chắc về việc nhất thiết phải giáo dục cho lớp trẻ Nhật cái gọi là “lịch sự quý phái”. Chúng tôi phải đấu tranh chống xu hướng trở thành những anh “nhà giàu mới”. Nước Nhật không có nguồn tài nguyên thiên nhiên, đất đai không rộng. Kho tàng duy nhất đích thực của nước Nhật là nguồn nhân lực. Đó là lý do tại sao dân tộc Nhật phải xứng đáng được tin cậy ở nước ngoài. Và để xứng đáng được tin cậy, họ phải chân thành hơn, tôn trọng những cam kết của mình. Chỉ có cải thiện những mối quan hệ giữa dân tộc Nhật với các dân tộc khác trên thế giới thì mới đảm bảo được nền thịnh vượng của nước Nhật. Đó là lý do tại sao tôi đang nỗ lực truyền dạy những giá trị ấy ở đây. Nếu không, chúng tôi sẽ dễ trở thành một thứ người Carthage mới : Họ có tiền nhờ khống chế nền thương mại ở Địa Trung Hải, họ trở nên hùng mạnh, nhưng cuối cùng họ bị người La Mã đánh bại. Chúng tôi đã trở nên giống người Carthage rồi chăng ? Còn La Mã, có thể mai đây sẽ là người Nga, người Trung Quốc.

Người Nhật nào dám mơ đến chuyện thống trị thế giới?

Có phải vì những lý do vừa nêu qua mà ở phương Tây có mối lo sợ mới đã hình thành. Lo sợ về một nước Nhật vốn tự đặt cho mình sứ mệnh, như cách đây 60 năm chinh phục thế giới ? Eto Shinkichi trả lời ngay :

“Thật ngu xuẩn, ngu xuẩn ! Hitler đã tiến hành một chiến dịch tuyên truyền rộng lớn kết tội người Do Thái là nuôi mộng lâu dài thống trị thế giới. Nước Nhật không có tham vọng đó. Chúng tôi là một nước nhỏ. Và lại, liên minh quân sự gắn chúng tôi với Hoa Kỳ là rất quan trọng. Liên minh đó, từ hai bờ Thái Bình Dương, sẽ tiêu diệt mọi khả năng bộc phát tham vọng thống trị thế giới của Nhật Bản. Dầu rằng tôi nghĩ không thể có,

nhưng giả như ông gặp một người Nhật nào nuôi tham vọng như thế, xin ông vui lòng trở lại nói cho tôi biết (Eto Shinkichi cười ròn rã và nói tiếp) Những người như ông Ishihara chỉ là một thiếu số thuộc cánh hữu. Còn ông Morita thì đó chỉ là một nhà doanh nghiệp.

Tôi thoáng thấy một cảm giác khinh bỉ trên gương mặt của Eto Shinkichi khi ông nói đến tiếng “nhà doanh nghiệp”.

Tuy vậy, theo nhịp độ của chi phí quân sự hiện nay, dù muốn dù không, nước Nhật sẽ là một cường quốc quân sự quan trọng trong vòng 10 năm. Điều đó có tốt không ?

“Tốt hay xấu, tôi không biết. Nhưng đương nhiên khả năng quân sự của Nhật sẽ tiếp tục đạt mức quan trọng, theo yêu cầu của người Mỹ. Họ muốn giảm chi phí của họ trong khu vực. Chừng nào mà lực lượng quân sự của Liên Xô ở Sibérie không tăng cao quá thì những khả năng quân sự của Nhật chỉ có thể phát triển từng bước. Điều này không thể tránh khỏi. Hãy yêu cầu của những nhà lãnh đạo Liên Xô giải tán những kho vũ khí của họ ở khu Đông Á. Đổi lại, lực lượng quân sự Mỹ và Nhật sẽ được cắt giảm.

Lớp trẻ Nhật mở rộng với thế giới

Nước Nhật ngày mai, đó là lớp thanh niên. Liệu họ có đi đúng hướng không ? Họ có hiểu thế giới bên ngoài tốt hơn cha ông họ không ? Eto Shinkichi nói :

“Vâng, không thể chối cãi. Thế hệ trẻ đã không ngừng phát triển sự hiểu biết thế giới hiện đại và sự hợp tác quốc tế. Nhưng, đồng thời, với điều kiện vật chất dư thừa, lớp trẻ càng lớn càng trở nên ích kỷ. Phần đông họ không hiểu các đức tính bác ái và tự nguyện. Ở Châu Âu các bạn, bạn có được một tôn giáo nhân ái, đó là đạo Ky-tô. Đạo Ky-tô có hai bộ mặt. Một mặt mang một quan điểm hết sức hẹp hòi : tin vào sự hiện hữu của một thượng đế duy nhất và tin rằng lòng tin vào thượng đế là điều tích cực duy nhất, còn lại hết thảy là sai lầm. Như thế thì thật hẹp hòi. Nhưng, đồng thời, giáo lý của Giêsu thật là bác ái. Bạn đã đọc lá thư đầu gửi cho người Corinthô trong chương 13 chưa ? Hãy đọc đi ! Một chương ca ngợi tình thương tuyệt vời ! Giáo lý này đã khơi dậy nơi các bạn đức tính tự nguyện. Đó là lý do tại sao nhiều người Châu Âu tự nguyện ra nước ngoài để giúp đỡ tha nhân. Viện trợ kinh tế của Châu Âu cho các nước thuộc “thế giới thứ ba” thật là lớn. Về phần người Nhật chúng tôi, sau chiến tranh, chúng tôi trở nên ích kỷ. Chỉ khi miễn cưỡng và bị ép buộc, chính phủ mới tăng viện trợ kinh tế cho các nước “thế giới thứ ba”. Tựu chung, lớp trẻ đang đi đúng hướng, nhưng chúng phải đẩy hơn nữa sự nghiệp giáo dục.”

Thiếu một mô hình phát triển, song vì đã giỏi hơn thầy của họ, nước Nhật sẽ làm gì ?

“Đây là một thách thức mới cho chúng tôi. Chúng tôi biết. Từ hơn 2.000 năm nay, tại chúng tôi đã nghe, mắt chúng tôi đã thấy và đem về nước biết bao nhiêu điều từ bên ngoài, rồi sau đó, Nhật hóa tất cả. Bây giờ, điều đó đang thay đổi. Chúng tôi phải tập trung vào chính những giá trị của chúng tôi. Phải làm thế nào hoàn thiện chúng. Vai trò của giáo dục sẽ là căn bản. Liệu nước Nhật sẽ ứng xử như thế nào với vị thế số một về công nghệ trên thế giới ? Cũng như với tư cách người giàu nhất thế giới ? v.v... Nhưng tôi lạc quan hơn và tôi rất hạnh diện đã dành trọn đời tôi cho sự nghiệp giáo dục thanh niên”.

Miyoshi Osamu : Nước Nhật phải là người bảo vệ Châu Á

Miyoshi Osamu là chủ tịch Hội nghị chiến lược toàn cầu của Nhật, giáo sư danh dự của Đại học Kyoto. Đó là một ông già mệt mỏi. Nhưng ông vẫn không từ bỏ quan điểm của mình, đôi khi rất gần với thứ chủ nghĩa tân-quốc gia. Tôi đã gặp ông ta tại nhà, một căn hộ lộng lẫy của một công thự nằm ở phía bắc Tokyo, có tên là “Acro City”. Biểu tượng của nước Nhật ngày mai, khối công trình thu nhỏ này trông thật đáng sợ. “Acro City” là một tổng thể bê tông khổng lồ, ở gần ga Veno, lối vào của nó được trang trí bằng ba cột trụ theo kiểu Hylạp, còn toàn bộ công trình lại chỉ thấp thoáng bóng dáng của lối kiến trúc này. Trong các thang máy cực kỳ hiện đại, nhạc nhẹ nổi lên thường xuyên. Tổ hợp bất động sản trường phái vị lai này xa lạ hẳn với hoàn cảnh của khu Minami Senju, một khu vực cuối cùng của thủ đô còn giữ lại được cảnh quan của Tokyo cổ kính.

Các ý kiến của Miyoshi Osamu đôi khi đáng ái ngại. Nhưng ông quá quyết chống lại thứ chủ nghĩa quốc gia của Ishihara. Song, ông tranh đấu cho một nước Nhật hùng mạnh sẵn sàng trở thành người giữ gìn sự ổn định của Châu Á. Có phải ông thuộc về thiểu số người luyện tiếc một nước Nhật cổ đã qua, như một vài đồng bào của ông đoán quyết ?

“Trong vòng mười năm tới – ông nói – chúng tôi sẽ tham dự vào quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới. Nhưng, đồng thời, thế giới lại sẽ chia ra làm ba khối kinh tế : cộng đồng Châu Âu; Đông Á – với trung tâm là Nhật; và Bắc Mỹ. Tôi hy vọng một sự chuyển biến như thế sẽ không dẫn đến một tình huống tương tự như đầu những năm ba mươi. Để tránh điều đó, chúng tôi phải thúc đẩy sự tương đương giữa ba khối ấy. Chỉ mới cách đây một năm, người ta đã hô hoán lên rằng trung tâm kinh tế thế giới đã chuyển về Châu Á- Thái Bình Dương. Bây giờ, người ta lại khẳng định rằng trái tim kinh tế thực thể lại đặt ở Châu Âu, còn CEE trở thành trung tâm của một Châu Âu lớn và Liên Xô gia nhập cơ cấu này. Trên bình diện kinh tế, chúng tôi có thể vẫn còn lạc quan đôi chút về sự chuyển dịch trung tâm thế giới về Châu Á. Nhưng, trên bình diện chính trị thì không, bởi phần thế giới này rất manh mún, không chắc chắn. Tương lai Trung Quốc sẽ ra

sao ? Việt Nam sẽ ra sao ? Bắc Triều Tiên ra sao ? và Phillippines nữa ? Trong tương lai, Nhật sẽ đối đầu với nhiều tình huống rất bất ổn”.

Ông nói thêm :

“So với Châu Âu, nước Nhật có nhiều bất lợi. Tại Châu Âu, các bạn làm việc cho một cộng đồng và cộng đồng này đảm bảo an ninh chung, giúp cho việc sử dụng tốt hơn các khả năng sáng tạo của dân tộc các bạn, kể cả các nước Đông Âu. Cục diện ở Châu Á lại là sự chi cắt. Các hệ thống chính trị đối nghịch nhau. Sự khác biệt rất lớn về mức giàu có. Trước ngưỡng cửa nước Nhật, nhiều cục diện đe dọa bùng nổ. Có thể chắc là các căn cứ quân sự Mỹ ở Châu Á sẽ đóng cửa trong thập niên tới. Năm 1998 sẽ kỷ niệm 100 năm sự hiện diện của Mỹ ở Phillippines. Nhưng tôi nghĩ rằng trước khi đến ngày đó, sự hiện diện quân sự này sẽ phải biến mất khỏi lãnh thổ Phillippines. Quốc sự Mỹ đang chuẩn bị cho tình huống này”.

Vậy, vấn đề chỉ còn lại là Nhật phải trở nên chín chắn hơn trên bình diện về chính trị, để tự chuẩn bị cho các thay đổi này ? Miyoshi Osamu cười :

“Ồ, cảm ơn ! Cảm ơn. Tôi vẫn còn khá bi quan về điều ấy. Phẩm chất trí tuệ của các chính trị gia của chúng tôi còn rất kém. Cái nhìn của họ về chiến lược toàn cầu của Nhật còn rất non yếu”.

Nhà trí thức này nói tiếp :

“Ai sẽ là người trong số các chính trị gia của Nhật có thể trở thành một lãnh tụ tầm cỡ thế giới, nếu như ông ta được nước Nhật tuyển lựa ? Bạn có tìm ra được ai không ? Không. Không có lấy được một người. Từ lâu, tôi đã nghĩ rằng Nhật cần phải trở nên độc lập hơn đối với Mỹ. Tất nhiên không nhất thiết phải đoạn tuyệt với họ. Nước Nhật là một đảo quốc và nó cần liên minh với các cường quốc khác. Nhưng Nhật cần phải độc lập hơn nữa. Thế nhưng, tôi chỉ toàn thất vọng về vấn đề này. Để cho các mối quan hệ giữa Tokyo và Washington trở nên chín muồi hơn, cần phải để cho Nhật độc lập hơn, để cho nó tự quyết định chiến lược quốc gia của nó. Đúng là Bộ ngoại giao có nghiêng về vấn đề này. Nhưng cơ quan Phòng vệ (Bộ) thì không hề có ý kiến về vấn đề này. Và đừng nghĩ rằng Nhật Bản rồi sẽ trở thành cường quốc quân sự thứ ba của thế giới. Đó là chuyện bá láp ! Xét về mức chi phí quân sự thì có thể là như vậy. Song ngân sách quốc phòng của chúng tôi đã bị hoang phí. Quá nhiều tiền đổ ra chỉ có được những kết quả nhỏ nhoi. Về mặt quân sự, Nhật vẫn còn lệ thuộc rất nhiều vào sự bảo trợ của Hoa Kỳ. Tự một mình thì Nhật sử dụng không được bao nhiêu các sức mạnh của nó. Nó cần được Mỹ bảo trợ. Thế mà các lực lượng của Mỹ lại sẽ rút khỏi phần đất này trước khi những năm 90 kết thúc”.

Nước Nhật phải tái vũ trang, nhưng lại còn e ngại

Miyoshi Osamu giải thích:

“Chúng tôi sẽ phải tự vạch ra chiến lược riêng của mình và tổ chức một hệ thống phòng thủ hiệu quả hơn, để đủ sức ổn định tình hình chính trị trong khu vực này của thế giới. Nhưng chính phủ của chúng tôi, Đảng Dân chủ-Tự do cầm quyền, lo sợ các phản ứng của cộng đồng quốc tế và trong nội bộ nước Nhật. Chính phủ cũng lo ngại sự chống đối của một số quốc gia như Nam Triều Tiên, Trung Quốc và các nước ASEAN. Thế mà chúng tôi lại có trách nhiệm ổn định tình hình ở châu Á và Thái Bình Dương. Vì vậy, chúng tôi phải có một chiến lược quốc gia. Để đạt mục đích đó, chính phủ chúng tôi, bắt đầu từ thủ tướng, sẽ phải cố thuyết phục dân Nhật và các quốc gia láng giềng về sự cần thiết của các thay đổi này, vốn sẽ chỉ nhằm ổn định tình hình ở Viễn Đông và khu vực Thái Bình Dương. Chúng tôi không có ý định lập lại những sai lầm trong quá khứ. Nhưng, để được như thế, chính phủ phải tổ chức lại toàn thể các Bộ, không chỉ Bộ Ngoại giao và Cục phòng vệ, mà cả MITI, Bộ Giáo dục và các cơ quan chính quyền khác nữa.

Mức chi phí quân sự chiếm 1% tổng sản phẩm quốc gia là đủ. Vấn đề thực sự trong việc phòng thủ của chúng tôi thuộc về lĩnh vực tâm lý. Một vấn đề tâm lý ở tầm cỡ quốc gia liên quan đến một vấn đề hợp pháp. Nước Nhật bị cấm xây dựng một quân đội đúng nghĩa. Nếu có chiến tranh, chúng tôi sẽ không thể nào đóng vai trò gì một mình được. Như vậy, trong trường hợp giả sử Liên Xô tiến chiếm đảo Hokkaido, thì một tình trạng cực kỳ hỗn loạn sẽ bao trùm các văn phòng của Cục phòng vệ. Hãy thử xem nào ! Xe tăng của chúng tôi sẽ được các nhân viên canh sát ở các ngã tư đường phố điều khiển. Thật nực cười. Nhưng cho đến bây giờ, các chính phủ kế tục nhau ở Nhật vẫn lẫn tránh không đề cập đến các vấn đề phức tạp đó. Họ không chịu nói sự thật cho dân chúng về sự bất ổn của tình hình ở châu Á-Thái Bình Dương.”

Nhật Bản, cường quốc đang suy tàn ở châu Á ?

Miyoshi Osamu nói thêm :

“Nếu như các quyết định này không được chấp nhận, tôi e rằng sức mạnh của Nhật Bản sẽ bị giảm đi. Ông đã rõ dân tộc chúng tôi đang già đi. Có nhiều người già hơn và có ít trẻ em hơn. Nhật Bản sắp sửa đạt đến đỉnh cao sức mạnh của nó trong những năm 90 chứ không phải trong thế kỷ. Chúng tôi cần có nhiều trẻ con hơn nữa. Chúng tôi không thể ngăn cản phụ nữ làm việc, nhưng chúng tôi phải thuyết phục họ có nhiều con hơn”.

Còn về khả năng thống trị toàn cầu của Nhật ? Cũng giống như những người khác, Miyoshi Osamu cho rằng điều đó khó tin. Nhưng ông không cười.

“Tôi có biết các quan điểm này. Đó là một phản ứng quá cảm tính. Chúng tôi có xâm lăng nước nào đâu ! Ngay cả trên phương diện hoàn toàn kinh tế. Tuy vậy, đúng là chúng tôi có thích nghi với thế giới bên ngoài. Nhưng thống trị ư ? Chúng tôi không thể làm điều đó. Chúng tôi chỉ có được mỗi sức mạnh kinh tế và tài chánh thôi. Không hề có tiềm năng chính trị và ngoại giao. Cũng không có đủ bản lĩnh để vạch ra chiến lược lâu dài. Ông thử bảo làm sao mà chúng tôi chiếm giữ được một vị trí thống trị được ? Tôi so sánh Liên Xô với Nhật Bản. Một nước là người khổng lồ về quân sự, nhưng là một anh lùn về kinh tế. Nước kia là người vĩ đại về kinh tế, nhưng là một em bé về quân sự và chính trị. Không có chiến lược sử dụng sức mạnh kinh tế của mình, nước Nhật bị mất cân đối rất nhiều. Có thể nói sức mạnh quân sự của nó bị vô hiệu hóa. Một quốc gia như thế không có điều kiện để trở thành một cường quốc bá chủ. Bà Cresson đã sai lầm”.

Để thay đổi ngày mai mà không gây khủng hoảng, nước Nhật phải tránh khiêu khích các quốc gia láng giềng và giữ một thái độ thận trọng. “Chúng tôi sẽ còn phải giữ sự khiêm tốn trong một thời gian rất lâu để tránh trở nên xấc xược”. Miyoshi Osamu nhìn nhận rằng các nhà lãnh đạo kiểu như Ishihara sẽ đưa nước Nhật đến một thảm họa mới. Để thay đổi trong những điều kiện tốt đẹp, cần công khai thừa nhận những lỗi lầm của quá khứ, không sợ phải nói rõ sự thật, toàn bộ sự thật, cho lớp trẻ. Kể cả các lỗi lầm bi thảm mà nước Nhật đã mắc phải. Để cho lớp trẻ Nhật hiểu rõ lịch sử của nước họ, trong các sự xâm lược của Nhật ở Châu Á. Nhưng đồng thời, học sinh Nhật sẽ phải tự hào lần nữa về lá cờ Tổ quốc mình, Hinomaru. Và lại, việc chào cờ trong các trường học, mới đây đã chính thức trở thành qui định bắt buộc, bất chấp sự phản đối của phần đông phụ huynh và giáo chức Nhật. Nhưng Miyoshi Osamu thì ủng hộ.

“Các sách giáo khoa của chúng tôi phải giảng dạy cho trẻ em Nhật về cách thức chúng tôi đã xử sự trong thời kỳ chiến tranh với Trung Hoa và Hoa Kỳ. Việc chào cờ Hinomaru trong trường học có nguy cơ làm sống dậy kỷ niệm bi thảm mà chúng tôi đã trải qua. Nhưng điều đó thật là tốt đẹp ! Ở Châu Âu cũng vậy, trẻ em được tiếp cận với ký ức tập thể. Và điều đó thật lành mạnh. Bởi đó là sự thật lịch sử. Chúng cần phải biết. Điều này thật thiết yếu”.

Kazuo Nukazawa : Nước Nhật không thể còn mạnh mãi được

Là tổng giám đốc của Keidanren, tổ chức giới chủ lớn đầu tiên, Kazuo Nukazawa là một nhân vật quyền thế, có tiếng nói quyết định trong giới cầm quyền chớp bu ở Tokyo. Kiến thức rộng, nói tiếng Anh, ngưỡng mộ văn học Châu Âu, say mê điện ảnh, ông đã tự mình làm nên sự nghiệp. Xuất thân từ một gia đình bị phá sản sau chiến tranh, ông vẫn còn nhớ những năm tháng khó khăn vì thiếu thốn, khi mà những người trong gia đình ông chen chúc trong căn nhà lụp xụp gần một cái giếng ở Fukushima phía Bắc

nước Nhật. Ông đã phải bươn chải để sống còn. Ngày nay, ông có thể lực và giàu có. Ông tiếp tôi suốt nhiều tiếng đồng hồ tại văn phòng của mình, trên tầng bảy cao ốc của Keidanren tại Otemachi, trái tim và lá phổi tài chính của nước Nhật. Trong lối vào tòa nhà, cũng như ở mỗi tầng lầu, một màn ảnh chữ số điện tử, không phải chỉ giờ, mà là cho biết trị giá đương thời của đồng yên đối với đôla Mỹ. Ở tầng thứ 14 và 15 là “căn phòng vàng” và “căn phòng kim cương” đầy bí ẩn, nơi hội họp sang trọng dành riêng cho giới lãnh đạo cao cấp.

Kazuo Nukazawa tỏ ra cực kỳ nhiệt tình trong lúc tiếp tôi. Ông chỉ cho tôi xem các bức chân dung khác nhau và ảnh vị giám đốc tiền nhiệm của Keidanren. Tôi được mời cùng ăn trưa với ông gồm hai đĩa sashimi tuyệt vời (thịt cá sống), một nữ chiêu đãi viên khúm núm phục vụ theo kiểu Nhật. Chúng tôi nói chuyện nhiều về Phật giáo, về Ky tô giáo, về Khổng giáo, về các nhà văn lớn Châu Âu và nói một chút ít về kinh tế. Mặc dầu là người có thể lực và giàu có, Kazuo Nukazawa biết cách tạo sự thoải mái cho một nhà báo như tôi. Ông kể cho tôi về gia phả của gia đình mình mà ông tìm ra được gốc gác xa đến 1.200 năm ở Triều Tiên và Nhật Bản. Vui tính và khỏe mạnh, ông chưa lúc nào rời bỏ vẻ vui tươi của mình, dù là đôi khi các câu hỏi đặt ra cho ông có pha chút hỗn xược.

Có phải nước Nhật sẽ hướng về thế giới bên ngoài nhiều hơn nữa trong những năm sắp đến ?

“Đó là lẽ tất nhiên. Cả khi không có nỗ lực đặc biệt nào về phần mình, chúng tôi vẫn có mỗi năm khoảng 10 triệu người đi du lịch nước ngoài. Họ dùng thức ăn thức uống ở nước ngoài, nói chuyện với người nước ngoài, trao đổi các ý kiến, thắt chặt các dây liên hệ. Mặt khác, một lượng lớn người nước ngoài sống ở Nhật Bản, nhất là các nhà doanh nghiệp và tài chính. Dần dần người Nhật quen thuộc nhiều hơn với thế giới chung quanh. Không phải là một chuyến đi du lịch làm thay đổi họ được đâu. Nhưng thật ra cũng tốt hơn là ngồi ở nhà nhiều, phải không ? Khi họ quan sát các ông, người Pháp, người Mỹ hay người nước khác, những người Nhật này nhận ra các ông cũng là con người như chúng tôi”.

Kazuo Nukazawa nghĩ gì về việc người ta gán cho Nhật muốn thống trị thế giới ? Ông cười phá lên rất lâu rồi sau đó ông nói :

“Tôi đã moi trong đầu để cố tìm những từ tao nhã hơn là từ “ngu xuẩn”. Nhưng tiếc thay, tôi đã không tìm ra. “Ngu xuẩn” là từ thích hợp hơn cả. Làm thế nào mà Nhật Bản có thể thống trị được ? Nếu muốn thống trị thì phải cần cả một bộ máy đủ sức duy trì sự thống trị ấy. Phải có lực lượng hải quân, không quân, hệ thống công an. Phải có trong tay những phương tiện để trừng phạt những kẻ bất tuân phục. Tôi không nghĩ rằng chúng tôi có tất cả những thứ đó, Ông biết đấy, khi Sony thiết lập một nhà máy ở Alsace thì

có phải là chúng tôi thống trị nước Pháp không ? Tôi không tin như vậy. Mặt khác, chính phủ Pháp có quyền làm bất cứ việc gì họ muốn về cái nhà máy đó chứ. Cũng bằng cách đó, cơ sở Sony xây dựng ở San Diego có thể bị quốc hữu hóa, nếu như bang California muốn như thế. Vậy hãy nên nói về sự tương thuộc, không có chuyện thống trị”.

Thế nhưng, khi một công ty hàng đầu của Nhật tiến hành việc phi địa phương hóa, thì thường quan điểm và các mục tiêu sản xuất của nó đều do hãng mẹ ở Nhật Bản quyết định ? Kazuo trả lời :

“Vâng, trong vòng một hoặc hai năm. Nhưng, ngày càng nhiều, các công ty Nhật bố trí những đơn vị nghiên cứu và phát triển (R&O) ở Châu Âu hoặc ở Mỹ. Bởi vì nếu không sử dụng đến các tài năng tại chỗ, thì sẽ thất bại. Những qui luật đơn giản của thị trường mách bảo cho các hãng này phải mở những cơ sở tại chỗ. Cần phải sử dụng những tài năng lớn tại nơi các xí nghiệp này đứng chân. Đó là lý do tại sao Nissan đến Ý để yêu cầu các nhà vẽ kiểu người Ý vẽ mẫu xe hơi cho Nissan. Đây chính là điều diễn ra khi ta có một tầm vóc quốc tế. Trước tiên, là điều chỉnh các khoản đầu tư ở nước ngoài. Sau đó là nhờ đến nguồn nguyên liệu địa phương để đáp ứng tốt hơn sở thích của quần chúng địa phương”.

Nhưng hãy xem những gì diễn ra ở nước Anh. Nhiều ngành kinh tế đã bị bị chết rồi hoặc sắp chết. Các nhà đầu tư Nhật không thể trở thành một thứ vũ khí thống trị tốt hơn sao ?

“Không, tôi không tin. Thậm chí ngay cả khi chúng tôi tiếp tục đầu tư ở đó theo cùng một nhịp độ trong 10 năm, 20 năm thì sản lượng của Nhật Bản ở nước Anh cũng chỉ vào khoảng 10% tổng sản lượng của Anh. 90% còn lại sẽ vẫn là sản lượng quốc gia của Anh, hoặc do nguồn đầu tư của các nước khác. Cho nên, khi tôi nghe những gì bà Cresson nói, tôi đã muốn nói với bà rằng : “Đâu là lý do khiến bà e ngại ? Làm thế nào Nhật có thể đủ sức thống trị ? Hãy cứ hỏi nước Anh xem có phải chính sách ngoại giao hoặc chính sách đối nội của họ sẽ bị những nhà doanh nghiệp Nhật thống trị ?”. Nhưng, ông thấy không, tôi nghĩ rằng trong thâm tâm người Nhật hiểu rõ các tâm trạng của bà Cresson. Họ cũng đã nói hết như bà ấy, khi nói về “sự thống trị của Mỹ”, về “sự thách đố của Nhật”, hết thấy rồi cũng sẽ kết thúc. Ông hiểu rõ “sự thách đố của Pháp” ở Châu Phi, ở Algérie hoặc ở Đông Dương là gì đấy chứ ? Thế mà xong rồi đấy. Và lịch sử lại lặp lại. Hơn nữa, đối với các ông, điều đó còn được tăng cường bằng một lực lượng quân sự. Các ông có trong tay một bộ máy đàn áp, Người Nhật lại không có cái đó”.

Sự suy sụp của Nhật Bản chỉ là vấn đề thời gian

Kazuo Nukazawa khẳng định :

“Dù thế nào đi nữa sự suy sụp của Nhật cũng sẽ đến. Câu hỏi duy nhất là khi nào. Và chúng tôi không biết được. Nhưng, có lẽ điều đó không quan trọng lắm. Bởi vì, so với lịch sử lâu dài 2.000 năm đến 3.000 năm của đất nước chúng tôi, một khoảng cách 10 năm thì chẳng có nghĩa lý gì. Nếu sự suy sụp đó bắt đầu vào thiên niên kỷ thứ hai hoặc vào năm 2020 thì điều đó chẳng có gì khác biệt cả. Bao lâu nước Nhật không đánh nhau với Trung Quốc hoặc Liên Xô thì mọi chuyện đều tốt. Nếu như người Nhật có mức thu nhập hàng năm từ 20.000 đến 25.000 đôla thì một sự suy sụp chả có gì quan trọng. Nếu như sự suy sụp này làm giảm thu nhập từ 25.000 đôla xuống còn 24.000 đôla thì cuộc đời vẫn tiếp tục chứ, phải không ? Rõ ràng là dân số Nhật đang già đi. Trong điều kiện này, làm sao nền sản xuất của Nhật có thể tiếp tục mà không bị ảnh hưởng ? Còn về trạng thái tâm lý của quần chúng trước suy sụp này, trước khi thu nhập của họ giảm từ 25.000 đôla xuống 20.000, rồi 18.000 hoặc 15.000 đôla, thì chỉ là trải qua một giai đoạn mà mọi người cảm thấy khó chịu. Cũng giống như trường hợp Tân Tây Lan hiện nay. Tôi từ Tân Tây Lan về và tôi đã nhìn thấy sự suy sụp này. Họ có mức sống thuộc vào loại cao nhất thế giới. Bây giờ, thứ hạng của họ trên thế giới không ngừng tụt xuống. Nhưng hãy nhìn họ sống. Họ sống bình an tòng một môi trường lành mạnh. Và đây có thể sẽ là tương lai của người Nhật. Và rồi, ông biết không, năm 2.020 hoặc 2.030, trong 30 hoặc 40 năm, dù ở Nhật hoặc một làng Nhật ở Bồ Đào Nha, hoặc một làng Nhật ở Canada đi nữa, chúng tôi bắt đầu hát : “Căn nhà chòi của tôi ở Canada”. Khi đã đến đỉnh cao, ta bắt cần biết nền kinh tế quốc gia bắt đầu xuống dốc hay không. Và rồi, dù sao thì tôi cũng để những vấn đề này lại cho những đứa con của con gái tôi. Tốt hơn cả là để lại vấn đề giải quyết cho các con của ta. Không nên tìm cách giải quyết tất cả trong thế hệ hiện nay. Điều đó không hay. Vợ tôi rồi tôi, chúng tôi đã tiết kiệm rất nhiều tiền để lại cho chúng. Nhưng chưa hẳn đó chuyện hay. Có lẽ chúng tôi nên nói với chúng thế này thì tốt hơn : “Các con bây giờ đã tốt nghiệp đại học, hãy tự xoay xở lấy”. Chúng tôi đã nuông chiều chúng quá”.

Châu Âu có một tương lai xán lạn

Liệu các nhà doanh nghiệp hàng đầu của Nhật có thể tự dàn xếp với nhau để phân chia các thị trường lớn trên thế giới ? Nukazawa nói :

“Không hề có chuyện đó ở chỗ chúng tôi. Nhưng mỗi ông chủ, dù là Nhật hay Mỹ, đều mong thắng đối thủ của mình. Hãy cứ hỏi bất kỳ chủ tịch hay giám đốc công ty nào xem: điều mơ ước thiết thân nhất của họ là thấy đối thủ cạnh tranh của mình biến mất. Đó là một mơ ước tự nhiên, phải không ? Nếu ông là ông chủ của nhật báo Le Monde, ông ao ước được thấy tờ Le Figaro biến mất. Chuyện cũng như vậy đối với ông chủ hãng Sony. Ông ta mong cho Philips biến mất. Nhưng ông ta cũng mong cả Toshiba, Hitachi hoặc National biến mất luôn. Trong cuộc cạnh tranh bên ngoài,

người Triều Tiên đang bám sát nước Nhật. Hãy xem công nghiệp đóng tàu của Triều Tiên. Không ai dẫn đầu mãi được. Đó là quy luật. Tao đánh mày, mày đập tao, ai đó đánh đập tao. Thế giới là như vậy. Nhưng châu Âu có đủ lý do để hài lòng. Nó lớn lên với những lãnh thổ mới. Và nếu châu Âu sử dụng tay nghề có phẩm chất tốt của Đông Đức và của Tiệp Khắc thì đó là một điểm mạnh. Các ông cũng có những điểm yếu. Các ông phải cung cấp cho các nước Đông Âu cả một cơ sở hạ tầng cần thiết. Tầm huy chương của châu Âu có hai mặt. Một mặt: là một người em họ nghèo đói đến với gia đình ta, ngồi vào bàn và ta phải nuôi tử tế. Mặt còn lại: là ta có thêm một cánh tay có thể mang lại cho ta nguồn lợi tức bổ xung. Vậy là một mặt tiêu cực và một mặt tích cực. Về lâu dài, bản kết toán là tốt đẹp, song trước mắt trong vòng ba năm đầu tiên, rất xấu. Các ông phải cho họ tất cả mọi thứ từ đào tạo, vốn, năng lượng. Thật là nặng nề. Nhưng sau đó thì ...”.

Trở thành số 1 liệu có ích gì ?

Không thể không thừa nhận rằng một số người Nhật bày tỏ công khai sự khinh miệt của mình đối với các nước láng giềng. Kazuo Nukazawa thừa nhận:

“Vâng, đó là sự thật. Họ biểu lộ sự khinh miệt của họ. Nhưng chúng tôi đã phải cực khổ để có được vị trí ngày nay. Trong suốt 120 năm gần đây, người Nhật không ngừng nhìn về phương Tây và tự nhủ họ phải vươn lên cùng trình độ. Và động lực thực sự đằng sau mục đích đó là chúng tôi muốn cuối cùng cũng được đối xử ngang hàng với người phương Tây. Chúng tôi muốn không là cái đích cho sự khinh miệt của phương Tây. Theo tôi nghĩ đó là một phản ứng rất con người. Và nếu như chúng tôi có bày tỏ sự khinh miệt của chúng tôi đối với các nước nghèo châu Á, có thể đó là một điều tốt cho họ. Họ cũng sẽ phải làm việc cực khổ để thoát ra khỏi nghèo đói. Người Triều Tiên đã bắt tay vào rồi. Một nhà nghiên cứu Triều Tiên rất nổi tiếng có lần đã nói với tôi về ước vọng của dân tộc Triều Tiên. Họ hi vọng thống nhất bán đảo Triều Tiên và họ hy vọng qua mặt Nhật. Khi nghe nói vậy, tôi đã hỏi ông ta: “Anh muốn qua mặt Nhật để làm cái quái gì ? Khi anh đạt được đến trình độ này anh sẽ thấy rằng chẳng có cái gì ở đó cả !”. Nhưng ông ta vặn lại tôi: “Chúng tôi muốn qua mặt Nhật. Có thể, cuối cùng là chúng tôi sẽ không thấy gì cả, như anh nói. Nhưng dầu sao đi nữa, chúng tôi muốn đến đó.

Khát vọng này hoàn toàn tự nhiên. Và có lẽ còn phải đến hơn 50 năm để Triều Tiên đạt mục đích. Nhưng họ sẽ đến. Bởi vì chúng tôi, người Nhật, chúng tôi mất đi một cái gì đó quan trọng: một năng lực quốc gia. Chúng tôi thấy rằng khi đạt đến trình độ phát triển này, thì chúng tôi lại phát hiện ra những vấn đề xã hội mới. Cũng giống như nước Mỹ, đây rầy tội ác và tội phạm, một xã hội bất ổn ngay trong cùng một gia đình, với những con người mà ngay sau khi tốt nghiệp các trường đại học nổi tiếng đã ùa về

Wall Street để chụp giật tiền của kẻ khác, với những con cá mập cuồn bạc triệu ở Sở giao dịch chứng khoán chỉ nhờ vào các thông tin mà bạn bè của chúng ở Ngân khố Mỹ cung cấp. Đó là một sự thoái hóa hoàn toàn các phạm trù đạo đức. Vào lúc người dân phát hiện ra những kẻ kiếm được bạc triệu nhưng không phải tốn sức mà nhờ vào mồ hôi kẻ khác, thì toàn bộ xã hội bị đe dọa. Nước Nhật đang đi trên cùng một đường. Vì thế, tôi khuyến khích hai con gái tôi phải học cật lực ở trường đại học, phải thấm nhuần các giá trị phổ biến, phải đọc nhiều. Có kiến thức thì đó là một nguồn vui vĩnh cửu. Khi ta đọc một cuốn sách của Descartes, cũng giống như ta nói chuyện trực tiếp với anh ta. Tiền, quyền lực chỉ là phụ thuộc và thứ yếu trong đời.”

Seizaburo Sato: Nước Nhật không sao chép, mà học tập ?

Là giáo sư khoa Chính trị tại Đại học Tokyo và giám đốc nghiên cứu của Viện quốc tế về hòa bình của Nhật Bản, Seizaburo Sato là một loại người khác. Khô khan và dễ kích động, khuôn mặt luôn luôn cử động, dễ cười. Nói rằng ông tỏ ra rất tự tin thì hơi quá. Ông ta chẳng khiêm tốn, cũng chẳng rụt rè, mà phải nói là hoàn toàn ngược lại. Tuy nhiên, ở ông ta cũng như những người lãnh đạo Nhật khác mà tôi gặp, tôi chỉ thấy thói tự mãn và khoa trương, vốn cũng là thói phổ biến rộng rãi ở nước chúng tôi. Ông là người xác tín vào sự liên minh đa phương giữa Nhật và Mỹ, và kiên quyết chống đối những kẻ, ở Nhật mơ về một khối châu Á mới do Nhật lãnh đạo.

Nước Nhật có cần phải đấu tranh để được độc lập hơn nữa đối với người anh em Mỹ ? Seizaburo Sato trả lời rằng không cần.

“Sự hội nhập của hai nền kinh tế Nhật và Mỹ đã đến mức khiến chúng tôi hiểu rằng chúng tôi đang sống trong một thế giới tương thuộc. Hãy cứ nhìn những gì đang xảy ra trong CEE. Người Pháp các ông không đòi có thêm sự độc lập nào, vào thời điểm này. Ngay cả Charles De Gaulle, nếu như ông ta còn sống, cũng sẽ không bảo rằng nước Pháp cần phải được độc lập hơn. Ngược lại, ông ta sẽ hành động để thúc đẩy cho một sự hội nhập rộng lớn hơn nữa ở Châu Âu. Hội nhập theo vùng : đây là giai đoạn mà chúng ta đang sống, các ông cũng như chúng tôi. Vì thế, nước Nhật chẳng cần tìm kiếm thêm sự độc lập. Ngược lại, nó phải giữ một vai trò quan trọng hơn trong cộng đồng quốc tế. Đó là điều dĩ nhiên. Đó là một trọng trách không tránh được của bất cứ quốc gia nào có được một sức mạnh kinh tế như Nhật”.

Nhưng người Nhật có mang lại được sáng kiến mới nào cho nhân loại không ? Seizaburo Sato nhìn tôi, hơi ngờ ngợ và bối rối ra mặt. Tôi thấy vài tia giận ngầm trong ánh mắt của ông ta. Làm thế nào một người nước ngoài lại dám đặt một câu hỏi như vậy ? Ông bắt đầu nói một cách kích động :

“Ông nghĩ rằng người Nhật ngu đến mức không thể nào có được những sáng kiến riêng của nó sao ? Những gì người Mỹ làm được, người Anh và uviensach.vn

người Pháp làm được, tại sao người Nhật lại không thể làm được ?”

Mặc cho giọng nói dọa nạt của ông, tôi bồi thêm một nhận xét là chính nhiều trí thức Nhật cũng đã khẳng định rằng người Nhật vẫn còn hơi non nớt và thường rất lúng túng mỗi khi cần phải sáng tạo từ con số không. Sato hết đường lẩn tới :

“Và tôi, tôi nghĩ rằng chỉ những trí thức mà ông vừa kể mới là non nớt. Tôi không thể nào đồng ý với họ được. Dĩ nhiên người Nhật có thể hình thành những sáng kiến mới. Nhưng hãy nên thống nhất với nhau rằng : những người định hướng chính trị cho hành động phải là giới cầm quyền và những nhà lãnh đạo kinh tế. Không phải là bất kể ai cũng được. Nếu ông quan sát những người Pháp nói chung, bộ ông tưởng là người Pháp gặp ở góc đường phố nào đó có khả năng nêu ra được một đề nghị gì về các quan hệ quốc tế trong thế giới ngày nay sao ?”

Nước Nhật phải tạo ra tiếng nói của mình trên diễn đàn quốc tế

Dù sao trong vòng 40 năm gần đây, nước Nhật vẫn còn yếu trên lĩnh vực này.

“Phải, nhưng bởi vì nước Nhật đã bị bại trận trong chiến tranh thế giới lần thứ hai. Thái độ cúi đầu trong cách ứng xử của chúng tôi là tốt nhất. Ba mươi năm trước đây Nhật Bản vẫn còn yếu và nghèo, xếp vào hàng thứ 30 trên thế giới về tổng sản phẩm quốc gia (GNP). GNP của Nhật tính trên đầu người còn thấp hơn Argentina. Tiếng nói của Nhật trên diễn đàn quốc tế chẳng được ai nghe. Bây giờ thời điểm để tiếng nói của nó được lắng nghe đã đến. Điều đó là không thể được. Và lại, không một quốc gia nào có thể làm được điều đó. Chẳng hạn chúng tôi không thể có uy tín trong việc dạy tiếng Pháp. Nhật không thể đòi hỏi một vị trí lãnh đạo. (Sato bắt đầu nhạo báng và sự mỉa mai của ông ta thật cay chua). Nhưng tại sao không thử “xào nấu lại mới” ? Nhật có thể có một vài kinh nghiệm trong chuyện này. Bây giờ chúng tôi “xào nấu lại mới” theo kiểu Pháp cũng không tồi lắm đâu !”

Tạo ra một tiếng nói có phải là Nhật cần cầm đầu một liên minh Châu Á không ?

“Đó là một ý tưởng buồn cười. Không một quốc gia nào ở Châu Á muốn một điều như thế trong quá khứ cũng như hiện tại. Bởi vì kinh tế Nhật mạnh hơn rất nhiều so với các quốc gia khác ở Châu Á. GNP của Nhật Bản rõ ràng cao hơn so với GNP của Trung Quốc hoặc Ấn Độ, mặc dù dân số của họ đông hơn rất nhiều. Trong lĩnh vực công nghệ cũng vậy, sự cách biệt là quá lớn. Và ở Châu Âu, ngay như nước Pháp cũng muốn lực lượng Mỹ đóng trên lãnh thổ Châu Âu. Lý do thật đơn giản. Đúng, mối đe dọa của Liên Xô vẫn luôn còn đó. Nhưng, các ông cũng lo ngại sức mạnh của Đức. Nước Đức thống nhất nay quá lớn ! Tình hình ở Châu Á còn mất cân bằng

hơn. Vì ở Châu Âu, Pháp, Ý, Anh, còn có các nền kinh tế phát triển tương đối và có thể đối trọng được với sức mạnh của Đức. Dù vậy, một vài nước láng giềng của Đức đang lo ngại sự thống trị của Đức vốn là một thực tế. Bởi vậy, hãy nhìn về Nhật ! GNP của nước Đức thống nhất vẫn còn thấp hơn từ 50 – 75% so với Nhật. Xét về mặt lãnh thổ, Nhật còn lớn nước Đức thống nhất, dù rằng có nhỏ hơn đôi chút sơ với Pháp. Và thế nên Nhật là một cường quốc ! Cho nên thật là tự nhiên khi các quốc gia láng giềng nơm nớp một mối lo ngại sâu sắc đối với khả năng thống trị của Nhật và khước từ mọi liên minh với nó. Nhưng các quốc gia này sẽ chấp nhận lâu dài sự lãnh đạo của Nhật Bản cho đến khi người Mỹ vẫn còn duy trì lực lượng quân sự của họ tại đây và liên minh Mỹ - Nhật vẫn còn tốt đẹp. Một vài người Nhật nói rằng chúng tôi cần phải cắt đứt mối liên hệ của chúng tôi với nước Mỹ và thiết lập một liên minh với các nước Châu Á. Đó là ý tưởng thật buồn cười.”

Không còn chỗ đứng cho các “bá chủ” trong thời đại hiện nay

Ranh giới giữa sự thống trị khu vực và sự thống trị toàn cầu thật là mờ. Liệu có nguy cơ Nhật thống trị thế giới không ? Sự mỉa mai của Seizaburo Sato chuyển sang cười ngất :

“Ý tưởng mới khôi hài làm sao ! Dĩ nhiên, tôi thừa nhận là có những kẻ khờ khạo trên thế giới cũng như ở Nhật ! Rõ ràng là khôi hài ! Trước hết, chúng ta đang sống trong một kỷ nguyên của sự tương thuộc. Tương thuộc có nghĩa là chuyển giao công nghệ thông tin, của cải, dịch vụ và tư bản dễ dàng hơn và nhanh hơn. Bằng cách này, một quốc gia đơn lẻ không thể nào trở thành “bá chủ” được nữa. Ngay cả nước Mỹ cũng không thể còn là một cường quốc bá chủ được nữa. Vậy thì làm sao nước Nhật có thể làm được điều đó ? Thời kỳ bá quyền đã vĩnh viễn qua rồi. Chúng ta đang ở trong thời kỳ của sự tương thuộc. Không thể chối cãi sức mạnh kinh tế cũng là một sức mạnh chính trị. Nhưng điều đó thì bao giờ cũng vậy. Đó không phải là một hiện tượng mới mẻ gì. Tại sao nước Anh lại hùng mạnh đến thế vào thế kỷ XVIII và XIX ? Đó là nhờ vào sức mạnh kinh tế và công nghiệp. Anh đã là quốc gia hiện đại hóa đầu tiên trên thế giới. Những cơ sở cho sự thống trị của đế quốc Anh là như vậy đấy. Cho đến bây giờ, trong lịch sử nhân loại, sức mạnh kinh tế đã luôn sản sinh ra một cường quốc quân sự. Nhưng, đây là lần đầu tiên, nó sẽ diễn ra khác đi ở Nhật.”

Đầu tư của Nhật Bản : một cơ may cho Châu Âu

Và điều gì sẽ xảy ra nếu như nhờ vào các giới đầu tư ồ ạt, Nhật lại đủ gây sức ép cho chính trị ngày càng mạnh nơi các chính phủ nước ngoài ?

“Các chính phủ này, ở bất kỳ thời điểm nào, luôn có thể chiếm đoạt các nguồn đầu tư của Nhật Bản. Vậy đâu là ranh giới cho hành động của Nhật ? Mặt khác, Mỹ đã đầu tư ồ ạt vào Châu Âu từ cuối những năm 50 cho đến

đầu những năm 70. Người ta đã nói đến “sự thách đố của Mỹ”, Bởi thế cũng đã nổi lên một nỗi lo ngại rộng rãi trong người Châu Âu về nguy cơ trở thành nạn nhân cho sự thống trị của Mỹ. Nhưng sự thống trị này đã không xảy ra. Ngược lại, các nguồn đầu tư của Mỹ đã tỏ ra là một yếu tố kích thích tốt nhất để đổi mới và phát triển nền kinh tế Châu Âu. Một điều tương tự cũng sẽ xảy ra với nguồn đầu tư của Nhật. Mặt khác, đơn giản là các nguồn đầu tư của Nhật không thể nào kéo dài hơn nữa với cùng một nhịp độ như hiện nay. Bởi vì các nguồn đầu tư được tài trợ nhờ vào các thặng dư mậu dịch. Nếu nguồn tiếp tục đầu tư nước ngoài, về lâu dài các thặng dư này sẽ không còn. Điều này không tránh khỏi”.

Khi tôi nói xu hướng của người Nhật là sao chép các kỹ thuật phương Tây thì Sato, trái với bản tính cố hữu của người Nhật là giữ kín các cảm xúc, đã không thể kiềm chế và đỏ mặt giận dữ. Giọng ông ré cao :

“Chúng tôi không hề sao chép. Nếu ông nói rằng chúng tôi sao chép, thì đó là một thái độ rất xấu láo. Chúng tôi đã học tập. Chúng tôi đã có được một số kinh nghiệm nhất định, bởi vì chúng tôi đã không ngừng học tập ở thế giới bên ngoài trong suốt hai thiên niên kỷ vừa qua. Đầu tiên là học của Trung Hoa, kế đó là Triều Tiên, sau đó là Ấn Độ, rồi đến phương Tây. Đó là một truyền thống của Nhật Bản. Và chúng tôi tiếp tục học hỏi các dân tộc khác. Và không chỉ học ở người Pháp, còn học cả người Bỉ, người Nga, người Nam Dương. Chúng tôi phải học hỏi. Đúng là về phương diện công nghiệp và công nghệ, ngày nay chúng tôi không còn phải học nhiều nữa. Nhưng tôi không nghĩ rằng chúng tôi không còn phải học hỏi nữa. Nghĩ thế là rất xấu láo và tôi nghĩ rằng một dân tộc quả quyết là không còn gì để học hỏi ở người khác nữa thì đó là mở đầu cho sự suy tàn của đất nước đó vậy”.

Hideyasu Nasu : Nước Nhật đã đánh mất tinh thần võ sĩ đạo

Là phó tổng giám đốc cơ quan kế hoạch hóa và điều phối của tổ hợp công nghiệp và tài chính khổng lồ Sumitomo, tổng giám đốc Ủy ban liên lạc, Hideyasu Nasu là người thân Pháp. Cựu chủ tịch kiêm tổng giám đốc Công ty Sumitomo – France từ 1982 – 1987, ông đã giữ một thiện cảm đặc biệt đối với nước Pháp. Bị thu hút và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của nền văn hóa Pháp, ông không còn hoàn toàn là ông ngày ông phải trở về Nhật. Không hẳn là người Pháp, không hẳn là người Châu Âu, cũng không hẳn là người Nhật thật sự. Sau đó, trải qua một giai đoạn tái thích nghi đầy khó khăn với các qui định trong đời sống xã hội của Nhật, ông trở lại với cái khuôn đúc Nhật và để rồi làm việc 10 giờ một ngày, 6 ngày một tuần, toàn tâm toàn ý cho xí nghiệp. Trong cuộc phỏng vấn của chúng tôi, ông cũng bày tỏ nhiều tâm sự.

Phải chăng sự tăng trưởng của Nhật sẽ còn tiếp tục lâu dài với một nhịp độ như thế ?

“Có lẽ không. Sự tăng trưởng sẽ chậm lại, vì nền kinh tế Nhật Bản đã đạt đến ngưỡng cửa của tuổi trưởng thành. Nói cách khác, giai đoạn tăng trưởng nhanh của nền kinh tế Nhật đã chấm dứt rồi. Những người chẳng hạn như tôi đây, đã làm việc trong giai đoạn này và đã đảm đương vai trò đầu tàu cho nền kinh tế Nhật, thì này đều đã già cả. Phần đông đã quá tuổi 50. Còn đối với thế hệ mới, chúng tôi nhận thấy có những thay đổi trong bậc thang giá trị của chúng. Chắc chắn thế hệ mới này, nhất là lớp thanh niên tuổi 20 sẽ không còn làm việc giống như chúng tôi nữa. Họ không chịu hi sinh cuộc sống riêng tư, giống như chúng tôi đã làm, cho sự phồn vinh của xí nghiệp và nói rộng ra hơn là cho nền kinh tế Nhật. Dần dà, thế hệ mới bắt đầu đánh mất đi tinh thần võ sĩ đạo mà thế hệ chúng tôi đã luôn luôn giữ gìn. Tinh thần võ sĩ đạo, điều đó có nghĩa là chúng tôi đã dành ưu tiên cho lợi ích quốc gia và cho sự vinh quang của Tổ quốc. Những quan niệm này đối với chúng tôi là một cái gì đó vô cùng quý giá, không thể lượng giá bằng tiền được. Nhưng, đối với thế hệ mới thì không giống như vậy”.

Nasu nói tiếp :

“Mặt khác, thế hệ mới này không có được nguồn động lực mạnh mẽ trong lao động mà chúng tôi đã có. Chúng tôi đã biết thế nào là nghèo đói, là khốn cùng, là chiến tranh. Và khi chiến tranh kết thúc, chúng tôi đã quyết tâm lao động để khắc phục sự thua trận và những sai lầm của mình. Chúng tôi đã phạm một sai lầm nghiêm trọng. Cần phải làm việc để bù lại. Nhưng bằng cách nào ? Phải nâng cao mức sống kinh tế. Chúng tôi đã bị người Mỹ ép phải từ bỏ quyền sử dụng sức mạnh quân sự. Nhưng sự từ bỏ này cũng tự nhiên thôi. Trong thâm tâm, chúng tôi cũng cảm thấy giải pháp tốt nhất là từ bỏ hoàn toàn sức mạnh quân sự và thay vào đó, cần tập trung sức lực của mình vào kinh tế. Chúng tôi đã được động viên vì mục tiêu này. Đó là lý do vì sao chúng tôi đã dồn hết công sức của mình. Song chúng tôi lại đang thấy thế hệ mới không có được nguồn động lực này. Mà cũng tự nhiên thôi. Chúng tôi không hối tiếc về sự thay đổi trong não trạng này. Hoàn toàn đó là điều bình thường, tôi tin như vậy”.

Người Nhật không phải là những nhà sáng tạo

Phải chăng còn những lĩnh vực mà Nhật còn lạc hậu chứ ? Câu hỏi khiếm nhã. Như Hideyasu Nasu vẫn tỏ ra khiêm tốn. Có thể là quá khiêm tốn nữa.

“Vâng, vâng, rất nhiều lĩnh vực ! Vũ trụ, ngành hàng không, hóa học. Trên thực tế, những lĩnh vực mà Nhật xuất sắc nhất vẫn còn rất giới hạn như điện tử, cách mạch tích hợp, xe hơi và luyện kim. Hết rồi ! Nước Nhật có khắc phục sự lạc hậu trong lĩnh vực khác không ? Điều này tùy theo lĩnh vực hoạt động được đề cập. Đối với ngành công nghệ vũ trụ, chúng tôi sẽ

có một vài khó khăn, bởi theo Hiến pháp của mình, chúng tôi không thể quên có quân đội. Đó là một cái phanh kìm hãm các bước tiến về công nghệ trong lĩnh vực này. Sẽ cần phải có thời gian để bắt kịp người Châu Âu, người phương Tây. Nhưng chúng tôi sẽ bắt kịp một ngày nào đó. Tuy thế, ít nhất cũng cần khoảng 10 năm. Người Nhật nhạy bắt chước hoặc thích ứng những gì đã được chế tạo ở nơi khác. Ngay cả hiện nay, họ cũng chưa đủ khả năng để tự sáng tạo ra một cái gì đó mới và độc đáo. Những nhà trí thức hiểu rõ điều đó : ngay đến nay, người Nhật cũng không phải là những nhà sáng tạo. Chúng tôi tiếp tục bắt chước hoặc thích ứng. Bởi điều đó khắc sâu trong truyền thống của chúng tôi. Chúng tôi không được sinh ra để sáng tạo. Chúng tôi được tạo ra để học hỏi những gì mà các nước phương Tây đã có rồi. Vì vậy, việc cải tạo phương pháp tư duy của chúng tôi đòi hỏi cần rất nhiều thời gian”.

Nước Nhật sẽ đạt tới đỉnh cao sáng tạo không ?

“Trong một số lĩnh vực, điều đó có thể được. Còn ngoài ra, tôi không chắc lắm. Bởi vì, trong suốt chiều dài lịch sử của mình, người Nhật chưa bao giờ đưa ra được những giá trị phổ quát. Phải nói là chưa bao giờ. Và họ không có được mô hình để có thể xuất khẩu. Thật ra, cũng có một số lĩnh vực chẳng hạn như mỹ thuật, thì chúng tôi là người sáng tạo. Các bản thủ họa của chúng tôi rất độc đáo. Về văn chương, quả là người Nhật đã viết tiểu thuyết từ rất sớm. Nhưng đó chỉ là những tác phẩm tầm phào, thứ cấp. Còn cái thiết yếu như các cơ cấu của nền siêu hình học hiện đại, chúng tôi chẳng là gì cả. Chúng tôi đã chẳng đóng góp được gì vào các nền tảng của nó cả”.

Về khả năng thống trị thế giới, phải chăng ông đã nói quá lời ?

“Không, không, không ! Nước Nhật không có khả năng làm điều đó mà. Quả quyết một điều ngược lại chỉ chứng tỏ một sự thiếu hiểu biết lớn về lịch sử và văn hóa Nhật. Chỉ cần nghiên cứu một ít về nước Nhật và dân tộc Nhật để biết rằng, trong lịch sử của đất nước này chưa bao giờ có thể tiến hành được một chiến lược nghiêm chỉnh cho tới nơi tới chốn. Chưa bao giờ, Thậm chí trong những năm 30, chủ nghĩa quân phiệt Nhật cũng chẳng dựa vào một cơ sở khúc triết và mang tính rõ ràng, thuyết phục. Thật ra, chúng tôi cũng có nói đến một thứ chủ nghĩa phát xít, song đó không gì khác hơn là một nguyện vọng được cả nước đồng tình.”

Nước Nhật vẫn mãi bị xem là một mô hình bên lề

Như vậy là Nhật không muốn, nếu như chưa phải như vậy, bắt đầu con đường bành trướng chính trị - kinh tế sao ?

“Không, không. Tôi kịch liệt phủ nhận điều đó. Đúng là người Nhật thông minh. Nhưng bản chất thông minh của chúng tôi là gì ? Chẳng hạn về

phép làm tính trong toán học, người Nhật chúng tôi cũng thuộc vào hàng những người nhanh nhất thế giới ! (Hideyasu Nasu cười). Nhưng toán học không chỉ là phép tính. Nó cũng là sự kiến tạo vào sắp xếp tư tưởng, phải không chứ ? Nên khi cần phải vượt qua khuôn khổ của phép tính thì những đầu óc Nhật của chúng tôi lại không hoạt động tốt được nữa. Đó là điều tôi đã nghiệm thấy. Hơn nữa, tôi đồng ý là trong tương lai, nền văn hóa của chúng tôi vẫn sẽ mãi còn nằm bên lề, không phải là nền văn hóa trung tâm đủ sức hút các nước khác. Nói điều đó, tôi hơi buồn, nhưng là nói rất thật thà. Khi tôi nghiên cứu lịch sử và văn hóa của chúng tôi, tôi buộc phải thừa nhận điều đó. Bởi vì chúng tôi không có được những nền tảng vững chắc. Ông sẽ thấy ở chúng tôi các ảnh hưởng của Phật giáo, Khổng giáo, Thần đạo và cả của Thiên Chúa giáo nữa. Nhật không có một tôn giáo thật sự. Điều đó có nghĩa là người Nhật chúng tôi vốn không có những giá trị tâm linh nên không ngừng phải tìm kiếm những giá trị vật chất và những lợi ích trước mắt của mình. Chúng tôi không có những con người có khả năng nhìn xa trông rộng về tương lai. Bất hạnh thay, chúng tôi lại thiếu loại nhân quan đó và thiếu tính lý luận.

Ngoài ra, tôi không thấy một quốc gia Châu Á nào có thể tặng cho các nước phương Tây những giá trị phổ quát. Những giá trị nào quan trọng nhất ? Sự tự do, sự bình đẳng, quyền con người và nền dân chủ. Người Châu Âu các ông đã nói đến các điều đó ngay đầu thế kỷ XX. Một thế kỷ sau, thế giới mới bắt đầu nhận thức được tầm quan trọng của các giá trị phổ quát đó. Chính người phương Tây đã cống hiến chúng tôi cho nhân loại. Trong khi đó, người Châu Á, chúng tôi, ngoại trừ Ấn Độ đã mang lại những giá trị gì để có thể so sánh được với họ ? Ngay cả Trung Quốc, với 5.000 năm lịch sử đầy ấn tượng, cũng chẳng đem lại được gì thực sự là phổ quát. Đề tài này là một vấn đề lớn cho tôi. Tại sao người Châu Á, bao gồm cả Trung Quốc không cống hiến được cho nhân loại giá trị phổ quát nào, trong khi người phương tây làm được ? Đó là nguy cơ đẩy chúng tôi ra bên lề bước tiến của thế giới. Karl Marx đã nói về văn hóa và tinh thần, tôi phải thừa nhận ông ta có lý”.

Để học cách tự mình suy nghĩ, cuối cùng nước Nhật có cần cắt đứt cưỡng nhau với Mỹ ?

“Đúng là cần thiết. Nhưng theo tôi, người Nhật vẫn còn là những đứa trẻ. Những đứa con nít. Xử sự của chúng tôi vẫn còn trẻ con. Chúng tôi vẫn chưa có một nền triết học. Quả là, chúng tôi có mạnh về kinh tế đấy. Nhưng liệu những đứa bé luôn có được nguồn năng lượng để bán lại không ? Và có thể là hơi mệt cho các người lớn đấy, phải không ? (Hideyasu lại cười). Bởi vậy, sức mạnh là ở đó. Đúng ra đó chỉ là sức mạnh vật lý mà lại không có cái cốt yếu, là tinh thần. Nhưng tôi vẫn lạc quan. Bởi vì tôi tin chắc rằng đứa bé đó, do thể hệ mới của Nhật đại diện, sẽ tiếp tục yêu hòa bình. Nó

yêu hòa bình và không yêu chiến tranh. Đó là cái chính, tôi tin thế. Nhưng, đồng thời, nó lại không yêu lao động lắm. Vì thế, chúng tôi phải chấp nhận một sự tăng trưởng rất chậm và phải bằng lòng là một nước nhỏ bên lề. Đây là dự đoán của tôi. Chúng tôi sắp mất tính hiệu chiến trong kinh tế của mình. Điều đó là không tránh khỏi. Vậy, sự tăng trưởng kinh tế của chúng tôi cũng sẽ chậm lại nhiều. Nhưng đó cũng là điều tự nhiên và cũng tốt thôi”.

Tôi bày tỏ sự kính trọng của mình đối với sự khiêm tốn, có thể hơi quá, của Nasu, cũng như đối với khả năng của ông khi về những lĩnh vực không liên quan đến những mục tiêu phát triển của Sumitomo trên thế giới. Nhưng những lời khen làm ông ngượng ngập. Sự khiêm tốn của ông thật mẫu mực.

“Thông thường, người Nhật chỉ biết nói về kinh tế. Khi một nhà kinh doanh Nhật gặp một kinh doanh Nhật khác, họ chỉ nói về kinh tế. Bao nhiêu xe hơi đã được xuất khẩu ? Số dư mới nhất của ngoại thương là bao nhiêu ? Nhưng cái đáng nói thật sự, không phải là những chuyện đó. Vấn đề là ở chỗ khác, sâu xa hơn. Đó là những nền tảng văn hóa của chúng tôi. Nếu chúng tôi không đề cập đến nó, vấn đề sẽ không bao giờ được giải quyết. Cần nói ngay cuộc tranh luận này không hề hoặc gần như không hề diễn ra ở Nhật. Thẳng thắn mà nói giữa các nhà lãnh đạo công nghiệp, các viên chức, các chủ ngân hàng, thậm chí đôi khi cả các giáo sư đại học, ông sẽ chỉ tìm được rất ít người suy nghĩ về những vấn đề này và sẵn sàng đối thoại với người phương Tây và người Mỹ. Thật đáng buồn”.

Tuy nhiên, tôi chỉ có thể bày tỏ sự bất đồng của mình và tôi nhấn mạnh rằng rất đông những người nói chuyện của tôi, kể cả các nhà lãnh đạo kinh tế, cũng đã chứng tỏ sự quan tâm của họ đối với nhiều vấn đề khác hơn là các biểu đồ thống kê. Song ở nơi làm việc, họ có thảo luận với nhau về các vấn đề đó không ? Trước mặt Hideyasu Nasu, tôi nói thêm rằng tôi rất ngưỡng mộ Phật giáo mà tôi coi đó là một triết lý khoan dung, về khá nhiều phương diện còn cao hơn Thiên Chúa giáo của chúng tôi. Chúng tôi gần như đồng ý kiến.

“Đúng đấy. Nếu như có một chủ đề tâm linh mà người Châu Á có thể sánh được với người phương Tây, đó chính là lòng khoan dung. Bởi vì, xin thứ lỗi cho tôi về lời chỉ trích có thể gây khó chịu này : người phương Tây quá kiêu hãnh và quá ngạo mạn. Tôi nghĩ rằng nguồn gốc của hiện tượng này là từ Thiên Chúa giáo. Con người là con của thượng đế và cao hơn con vật, nó có quyền chinh phục thiên nhiên. Trong tư tưởng này có một cái gì đó không ổn. Trong khi đó ở Châu Á, ông sẽ tìm thấy nhiều hơn sự rộng lượng và cảm thông, bởi vì Phật giáo dạy chúng tôi trở nên đồng nhất với thiên nhiên và đừng tự mình tách biệt với các sinh vật khác. Cần tôn trọng tất cả mọi hình thái của sự sống. Có thể đây là một khái niệm có tính Châu

Á, khả dĩ đóng góp được để làm phong phú cho nền văn minh của các ông ?”.

Trong tương lai, cái gì đó sẽ tạo nên sức mạnh tinh thần của Nhật, khi các khó khăn vật chất sẽ phủ nhận các thành tựu hiện tại ? Nasu tỏ ra thật hùng hồn :

“Ngược lại với điều đó các ông có thể nghĩ, người Nhật không hề hiếu chiến. Theo truyền thống, chúng tôi là những người hiếu hòa. Chúng tôi là loại người ăn thực vật và gạo, không ăn thịt. Tôi cho rằng đây là một yếu tố quan trọng đối với toàn Châu Á. Đặc tính này sẽ vẫn còn là của chúng tôi. Lòng khoan dung của chúng tôi cũng vậy. Và tại sao là lòng khoan dung nhỉ ? Bởi vì chúng tôi phải tìm một sự thỏa hiệp với thiên nhiên. Ở nước Nhật chúng tôi không ngừng xảy ra các trận động đất. Động đất, đó là một sức mạnh tuyệt đối, phải không ? Đó không phải là sức mạnh của Thượng đế, mà là của thiên nhiên. Cần phải chấp nhận nó. Đối với những trận bão hàng năm tàn phá nước tôi cũng thế. Chúng tôi thấm nhuần một khái niệm về chu kỳ sự vật cứ trở đi trở lại không ngừng và cũng không cùng tận. Xuân, hạ, thu, đông cứ nối tiếp nhau đến muôn đời. Khái niệm này gần với chủ nghĩa bi quan, nhưng không phải là chủ nghĩa bi quan. Các chu kỳ cứ lặp lại mà ta không thể làm gì được. Bởi vậy, thật vô ích khi cất công xây dựng những công trình vĩ đại. Trong sâu lắng tâm hồn của người Nhật, tồn tại một cảm thức về sự buông trôi, về sự từ bỏ, sự nhẫn nhục. Một mặt nso thể hiện sự thú nhận bất lực. Nhưng, mặt khác, đó là sự khôn ngoan”.

Hideyasu Nasu, người lãnh đạo của Sumitomo, nhìn thẳng vào mắt tôi và cười dịu dàng.

Yoichi Tsuchiya : Châu Âu sẽ chẳng phải là một pháo đài

Là chủ tịch Công ty mua bán chứng khoán Sanyo, hãng giao dịch chứng khoán đứng hàng thứ 8 của Nhật, Yoichi Tsuchiya thu vào cả bạc tỉ trong một ngày. Vị nam tước của giới tài chính chớp bu còn trẻ. Chưa quá tuổi 50, đẹp người, mái tóc đen và hoa râu. Ông thừa kế cơ sở hiện tại từ người cha, một cự phú Nhật, bản thân ông đã lâu năm làm chủ công ty nói trên. Yoichi Tsuchiya là một người điềm đạm. Ông nói chuyện từ tốn, bằng một giọng đều đều, không hề biểu lộ chút gì bức bối. Thông dịch viên người Canada của ông giải thích cho tôi, trước khi cuộc gặp gỡ bắt đầu, rằng sự cạnh tranh giữa các hãng môi giới Nhật là một cuộc chiến đấu trường kỳ. Thắng lợi dành cho hãng nào “ôm” được những thương vụ béo bở và kịp thời nhả ra những thương vụ mất ăn trước khi giá thị trường xuống. Bí quyết thành công là thông tin. Chỉ hãng giao dịch chứng khoán mới là nơi đầu tiên biết được đâu là một cơ hội đáng giá.

Công ty mua bán chứng khoán Sanyo đã xoay sở khá tốt, bởi vì từ hạng thứ 12, nó đã leo lên được hạng thứ 8 trong nước, chỉ trong vài năm. Nhưng

kể từ tháng 12 năm 1989, đối với các hãng của Nhật thì công việc làm ăn tồi tệ hơn vì thời giá giảm mạnh ở Kabuto Cho – Sở Giao dịch Tokyo.

Thế nhưng, Công ty mua bán chứng khoán Sanyo không hề bị đe dọa phá sản. Nó có một văn phòng cao ốc gần trung tâm Tokyo và cũng là phòng thương mại lớn nhất Nhật. Trong các hành lang của tầng lầu dành riêng cho giới lãnh đạo, trên các bức tường và trên bàn đều được trang trí rất nhiều tranh và đồ mỹ nghệ phương Tây.

Mở đầu cuộc phỏng vấn, một nữ nhân viên Nhật mang cà phê đựng trong một cái tách mạ vàng mỏng. Tôi liếc mắt quan sát thấy cô gái cúi chào, nhiều lần, gần như cúi sát mặt đất để biểu lộ sự kính trọng và khiêm tốn, trước khi nhẹ nhàng khép cửa lại. Trừ tôi ra, không một ai trong phòng lưu ý đến cô ta.

Yoichi Tsuchiya dành cho tôi 45 phút hội kiến. Đó là một cử chỉ quan trọng đối với một người thường xuyên bỏ ra 12 đến 15 giờ mỗi ngày trong cả đời để làm việc ở văn phòng của mình. Ông bắt đầu nói :

“Tôi nghĩ rằng rất không chắc chắn là Châu Âu trở thành một pháo đài sau năm 1992. Châu Âu sẽ không thể đóng cửa thị trường của nó trước thế giới bên ngoài. Trong thực tế, một thị trường hợp nhất sẽ trở nên dễ tiếp cận hơn là một tập hợp các thị trường manh mún vốn sắp hợp nhất đó. Sự đa dạng của các đồng tiền Châu Âu sẽ khiến mọi việc trở nên khó khăn. Việc lưu hành đồng tiền duy nhất trong CEE cho thị trường duy nhất, sẽ làm giảm đi những phiền toái trong hối đoái. Chúng tôi sẽ dễ dàng giao dịch với các ông. Những điểm yếu lớn nhất trong quan hệ của chúng tôi về lịch sử của lục địa này. Rất nhiều những khía cạnh của Châu Âu mà chúng tôi không biết đến nếu như không đọc các sách lịch sử để hiểu rõ. Chẳng hạn, những liên hệ giữa Tây Âu và Đông Âu, sự hợp nhất của hai nước Đức. Đó là điều khó hiểu đối với chúng tôi. Người Nhật chúng tôi cần phải nỗ lực để hiểu rõ hơn thực tế của Châu Âu ngày nay”.

Liệu nước Nhật có thể hòa giải những mối đe dọa của chủ nghĩa bài Nhật ở Châu Âu không ?

“Điều quan trọng trước tiên là chúng tôi cần xây dựng các quan hệ thân thiện không đặt trên cơ sở đối đầu. Một trong những lý do thúc đẩy nhiều người Châu Âu tin vào một sự xâm lược của Nhật, chỉ đơn giản là qui mô các xí nghiệp Châu Âu và Nhật Bản. Các xí nghiệp ở Châu Âu, nhất là các xí nghiệp tư, đều nhỏ hơn rất nhiều so với các tập đoàn Nhật. Nhưng tôi tin rằng đang tồn tại một nguyện vọng được cùng làm việc trong sự tin tưởng, trên cơ sở một cuộc cạnh tranh nghiêm chỉnh chứ không phải ý muốn thống trị. Một lý do khác vốn đã tạo ra những nghi ngờ ở Châu Âu. Có những khó khăn do hai ngôn ngữ khác nhau. Nhưng tôi nghĩ về lâu dài, vấn đề này sẽ được khắc phục từng bước so sự sử dụng ngày càng phổ biến tiếng Anh như uviansach.vn

một ngôn ngữ chung cho các bên khác nhau. Nước Nhật không hề có ý muốn thống trị. Và hơn nữa, tôi không nghĩ rằng chúng tôi có đủ sức để kiểm soát thế giới. Nhưng chúng tôi triển khai các đợt tiến công bền bỉ là để hiểu rõ cá thị trường và đáp ứng những nhu cầu của các thị trường ấy. Người Nhật đã tiến hành một cuộc phân tích cẩn kẽ để cho các xí nghiệp của mình có thể sản xuất những loại hàng hóa phù hợp nhất với sự chờ đợi của khách hàng Châu Âu. Đối với chúng tôi, chúng tôi nghĩ cần phải làm sao thỏa mãn những nhu cầu của người tiêu thụ tại chỗ. Bởi vậy, đối với Châu Âu, chúng tôi muốn thỏa mãn các nhu cầu của người Châu Âu những qui cách Nhật Bản. Chúng tôi muốn tạo ra những hàng hóa chế tạo đặc biệt, đúng cách người Châu Âu”.

Đó là lý do chính khiến người Mỹ gặp khó khăn khi muốn bán hàng cho thị trường Nhật Bản.

“Lý do chính khiến người Nhật không mua xe hơi Mỹ vì người Mỹ không chế tạo các loại xe hơi mà chúng tôi tìm kiếm. Đường phố ở Nhật rất hẹp, và người Nhật không muốn lái những chiếc xe hơi kênh cang của Mỹ. Bởi vậy, nếu những nhà sản xuất Mỹ muốn bán xe hơi trên thị trường chúng tôi, họ phải chế tạo ra các kiểu dáng nhỏ hơn, ít tốn nhiên liệu hơn và tay lái ở bên phải chứ không phải ở bên trái. Có lẽ cũng đúng như vậy đối với những nhà sản xuất ở Châu Âu. Và cũng cần phải nói rõ ràng xe hơi Châu Âu nổi tiếng là mỏng manh. Chiếc Flat mà tôi đã mua hai năm trước đây đã ở trong tình trạng thảm hại. Nó thường ở chỗ ngủ gã. Lại nữa, người Châu Âu cần cố hiểu rõ những đặc thù của thị trường Nhật. Chẳng hạn, một kiểu xe nào đó của Châu Âu có khi chỉ dài thêm hơn 2 cm lại bị đánh thuế cao hơn ở Nhật bởi vì chủng loại của nó đã khác. Vậy nó phải được rút ngắn 2 cm để có thể có lợi thế hơn trong cạnh tranh. Những chi tiết loại này rất được các xí nghiệp Nhật chú trọng trước khi sản xuất”.

Với khối lượng sản phẩm Nhật tràn ngập cuộc sống của người phương Tây hàng ngày, liệu có cơ nguy nước Nhật lấn dần và biến đổi những giá trị văn hóa của phương Tây không ?

“Đừng quên là nước Nhật ngày càng thay đổi. Người Nhật chúng tôi cũng chịu những áp lực biến đổi như thế khi nâng cao mức sống của mình. Hãy xem : các nhân viên sử dụng ngày càng nhiều hai ngày nghỉ mỗi tuần. Dần dần, người Nhật bớt coi trọng đồng tiền. Ngược lại, họ càng quan tâm nhiều hơn đến các ý niệm của đời sống tinh thần. Nước Nhật chỉ mới thoát khỏi sự nghèo đến nỗi họ chỉ nghĩ trước tiên đến thực phẩm, quần áo và nhà ở. Bảo tồn các truyền thống là quan trọng, chỉ với điều kiện những truyền thống này phải tốt. Có một số truyền thống ở Châu Âu được người Nhật đánh giá rất cao”.

Một ngày nào đó, Nhật Bản sẽ bị Triều Tiên, Ấn Độ qua mặt ?

Liệu đã đến lúc Châu Âu quay sang học hỏi nước Nhật chưa ? Yoichi Tsuchiya đề đặt. Ông tỏ ra quá thông minh khi khoe khoang sức mạnh của Nhật.

“Hai thế kỷ trước đây, trong lúc nước Pháp đã xây dựng được những đô thị hiện đại lộng lẫy, thì nước Nhật bấy giờ chỉ là một nước chậm tiến và chỉ ở mức Ấn Độ hoặc Bangladesh ngày nay. Sau đó, nước Nhật đã phát triển nhanh hơn nước Pháp. Nhưng Nhật sẽ gặp phải sự suy thoái. Sẽ đến một ngày nào đó khi Nhật đạt đến đỉnh cao của nó và nó có thể bị Triều Tiên hoặc thậm chí Ấn Độ và Trung Quốc qua mặt. Thật khó nói. Nếu chúng tôi biết dự đoán những nhu cầu để dự trữ cho tương lai, thì dù suy thoái, nước Nhật cũng sẽ không quá yếu. Thật quả là giống như tất cả mọi con người ở đời đều có sinh, có tử, đất nước chúng tôi cũng sẽ có sinh có tử. Đối với các xí nghiệp cũng thế thôi”.

Ông nói thêm :

“Hãy nhìn hành tinh Trái Đất : một dân số 5,3 tỉ người, nhưng các nguồn tài nguyên thiên nhiên rất giới hạn. Chúng ta phải lưu tâm đến một sự phân phối đồng đều hơn các tài nguyên cho mỗi con người. Trong khuôn khổ đó, có thể cần phải làm chậm lại nhịp độ phát triển của Nhật để có thể phân phối tốt hơn các nguồn tài nguyên. Hãy lấy ví dụ một vườn hoa. Để thưởng ngoạn được vẻ đẹp của nó, cần ngừng đầu nhìn nó. Nhưng người Nhật không làm thế, họ cứ cắm đầu cắm cổ lao thẳng đến trước mà không hề chú ý đến nó. Vấn đề là cũng cùng lúc họ nhặt các cánh hoa và cho vào túi (Yoichi Tsuchiya cười vì hình ảnh đó rồi ông nói tiếp), thì nên bắt đầu suy nghĩ về sự cần thiết phải chấm dứt xu hướng này. Người Nhật rất lạnh lẽo trong việc thay đổi. Bởi vậy, chúng tôi còn phải làm việc cật lực để cho những phiên trách mà người ta nghe được ở phương Tây về chúng tôi, chấm dứt.”

Người Nhật và người Pháp đều là những công dân thế giới

Sự trưởng thành của dân tộc Nhật là gì ?

“Tôi nghĩ là nước Nhật đã trưởng thành. Có thể giờ đây nó là người đàn ông 30 tuổi, trong khi Triều Tiên hoặc Đại Loan chỉ mới là những thanh niên 18 tuổi. Có thể người Pháp các ông, khi quan sát những quốc gia như Triều Tiên và Đại Loan, các ông có khuynh hướng nghĩ rằng đó chỉ đơn giản là những thị trường nhỏ không quan trọng và không ảnh hưởng ? Nhưng tôi cho rằng tốt hơn là nên xem xét lại thói quen đó. Vì khi các biên giới mất đi, con người, tiền của, hàng hóa lưu chuyển dễ dàng hơn. Và rồi đây có thể không còn nhiều khác biệt giữa người Pháp và người Nhật. Chúng ta không nên lý luận cùng một cách như hiện nay. Sẽ không còn bất hòa giữa chúng ta, giữa Nhật và Mỹ hoặc giữa Mỹ và Liên Xô. Nhưng,

chúng ta cần cùng nhau suy nghĩ về các vấn đề của thế giới. Tự do sẽ là quyền di chuyển tùy ý khắp nơi. Ở Nam bán cầu vào mùa đông và ở Bắc bán cầu vào mùa hè. Tự do sẽ là một tự do chia xẻ cho mọi người”.

Koji Sugieue : Nước Nhật phải tỏ ra mềm mỏng

Là giám đốc Vụ cộng đồng Châu Âu của Bộ công nghiệp và thương mại quốc tế, Koji Sugieue, 40 tuổi, một trong những nhà lãnh đạo trẻ nhất của bộ máy kinh tế vĩ đại và đầy uy lực này. Nằm trong khu Kasumigazeki ở trung tâm Tokyo, cách cung điện Hoàng gia một tầm ném đá, MITI là một quần thể khổng lồ các cao ốc, bố trí trên hàng chục ngàn thước vuông diện tích. Về đồ sộ hơn là sạch sẽ và hiện đại, khác với những trụ sở khác của chính phủ Nhật, MITI là trung tâm thần kinh của đường lối công nghiệp nơi quốc gia này. Chính tại đây, hàng ngàn viên chức tận tụy hình thành, cân nhắc toàn bộ các chính sách tài chính, kinh tế và thương mại của Nhật, tổng thể kế hoạch đầu tư nước ngoài, các chiến dịch phản công của Nhật trước sự thống nhất Châu Âu và nhiều kế hoạch khác mà công chúng không biết được. Tổng cộng có 10.000 người Nhật làm việc ở MITI, rải rác trong các văn phòng khác nhau nằm ở nước Nhật. 2.500 người làm việc trong 16 phòng nghiên cứu của Cục công nghiệp, khoa học và công nghệ của MITI. Những người lính của nước Nhật hiện đại này đang chuẩn bị cho thế giới tương lai.

Cuộc trao đổi của tôi với Koji Sugieue diễn ra trong văn phòng to lớn của ông, nơi ông cùng làm việc với các đồng nghiệp. Là một viên chức chính phủ, ông ta tỏ ra có phần thận trọng trong các phát biểu. Đôi khi hơi vô thường vô phạt, nhưng không kém thú vị. Rất nhiều máy vi tính cá nhân cao cấp đặt trên các bàn làm việc. Chỗ kia đang vẽ các đường biểu diễn, chỗ này đang tính toán, xa hơn đang sắp xếp các số liệu. Trên một học tử bằng sắt, thay vì trò chơi “go” cổ truyền, tôi phát hiện có hai bộ cờ chiến lược rất quen thuộc với chúng tôi : cờ “Monopoly” và cờ “Risk”. Luật chơi cờ Monopoly đơn giản : mua càng nhiều càng tốt càng đường phố ở Paris để tích tài sản và đẩy các đối thủ đến chỗ phá sản. Về cờ Risk là chiếm lĩnh thế giới; làm chủ bằng sức mạnh và thế liên minh quân sự với người này hoặc người kia trong số các đối thủ cùng chơi. Tôi chỉ các bộ cờ cho Koji Sugieue và hỏi ông có thích chơi cờ đó không. Ông trả lời không với nụ cười ngượng ngập, kín đáo chỉ về phía các đồng nghiệp. Không giấu giếm, sự hiện diện của các bộ cờ đã nói lên nhiều ý nghĩa...

Cả ông ta, ông ta cũng tin chắc rằng Châu Âu không có khả năng để trở thành một pháo đài.

“Pháo đài Châu Âu ? Đó là một từ ngữ đã nổi tiếng ! Nhưng chúng tôi không hề lo sợ về việc này. Những người lãnh đạo CEE, chính họ cũng đã công khai tuyên bố là CEE sẽ không phải là một pháo đài. Ngược lại, CEE

đang chuẩn bị để mở cửa rộng hơn nữa kể từ năm 1992. Chúng tôi không có lý do để nghi ngờ gì về những lời hứa hẹn này. Hơn nữa, chúng tôi quan niệm thế giới chia làm ba vùng kinh tế lớn : Mỹ, Nhật và CEE. Điều cần thiết hơn cả là ba vùng này duy trì các quan hệ kinh tế tốt đẹp. Điều đó sẽ đảm bảo cho sự ổn định chung của thị trường thế giới. Song thẳng thắn mà nói, thì Mỹ và Nhật rõ ràng mạnh hơn Châu Âu. Cho nên, sau cuộc hội nhập của thị trường Châu Âu, Châu Âu có lợi thế để có sức cạnh tranh hơn. Và lại, đó là lý do tồn tại của thị trường duy nhất. Chúng tôi cho rằng sự hội nhập Châu Âu sẽ mang lại cho Châu Âu một loạt các nhân tố tích cực cho nền kinh tế của nó. Các triệu chứng đã thấy rõ : sản xuất tăng lên, đầu tư vọt lên. Chúng tôi vui mừng về sự hội nhập sắp tới của thị trường Châu Âu”.

Tại Châu Âu, Nhật thường vị đánh giá là bạn hàng không trung thực. Phải chăng Nhật không cần mở cửa hơn nữa cho hàng nước ngoài vào, nhất là hàng của Châu Âu ? Koji Sugie cười. Những chỉ trích này, ông đã rất rõ, vì đã thường nghe nhiều. Dĩ nhiên, ông cũng đã biết câu trả lời. Tháng 13/1989, Nhật Bản đã đơn phương bãi bỏ các hạn chế thuế quan cho gần 1.000 sản phẩm, chỉ riêng nông nghiệp là vẫn còn được bảo hộ chặt chẽ.

“Những cuộc tranh luận liên quan đến việc mở cửa thị trường Nhật là một câu chuyện dài dòng với CEE cũng như với Mỹ. Song đúng là trước đây, ở một mức độ nhất định, Nhật đã là một thị trường khép kín. Hiện nay chỉ còn một vài lĩnh vực nhưng nông nghiệp là vẫn còn đóng cửa. Nhưng điều này cũng giống như ở tất cả các nước. Tuy nhiên, đối với các sản phẩm công nghiệp, Nhật Bản đã cố gắng rất lớn. Ông có biết rằng chỉ có sản phẩm công nghệ là lĩnh vực duy nhất mà Nhật còn bảo vệ được thị trường của mình chứ ? Đó là thị trường các sản phẩm như da, giày. Còn ngoài ra là hoàn toàn tự do trao đổi. Và thuế quan của chúng tôi thuộc loại thấp nhất thế giới. Các xí nghiệp nước ngoài có thể bán hàng với các chính sách ưu đãi giống như đối với các xí nghiệp Nhật. Theo quan điểm MITI về các sản phẩm công nghiệp, thị trường của chúng tôi không còn đóng cửa nữa”.

Nhưng phải nói thế nào về những hạn chế được giấu kín, chẳng hạn như hệ thống phân phối của Nhật, mãi cho đến bây giờ, cũng vẫn tẩy chay việc buôn bán hàng nước ngoài trên khắp nước Nhật ?

“Các diễn văn đã được đọc lên đó đây nói về tổ chức xã hội và các thói quen mua bán ở Nhật, nói cho đúng ra, đều không phải là những hạn chế thuế quan cổ điển. Nhưng đây là một đề tài khó khăn. Mỗi nước đều có lịch sử riêng, tập quán riêng, thực tế riêng và thói quen riêng. Không có gì tự nhiên hơn thế. Bởi vậy cần phải hết sức thận trọng khi so sánh các hệ thống khác nhau của các nước khác nhau. Cái nào là tốt nhất ? Ai có thể thẩm định được ? Có lẽ chỉ một mình Thượng đế ? Nhưng Thượng đế không ở trên trần gian, phải không ? Xin hiểu tôi cho rõ : tôi không muốn tán dương hệ thống Nhật và tuyên bố rằng các thống khác là kém. Mỗi quốc gia đều có

hệ thống riêng. Đó là một thực tế. Và cũng giống như vậy, có một thực tế là không một nước nào có quyền chỉ trích hệ thống của một nước khác”.

Koji Sugie hơi cao hứng. Đề tài này làm ông ta khoái.

“Điều quan trọng đối với tôi là tất cả các nước cần cố gắng hoàn thiện hệ thống của mình. Vì thế, Nhật cũng cần cải tiến hệ thống phân phối, các mạch bán hàng. Vâng. Hệ thống Nhật còn chưa hoàn chỉnh. Chính vì thế, người Nhật chúng tôi mong muốn hoàn thiện hệ thống của mình và chúng tôi sẵn lòng nghe những ý kiến của các nước khác. Chúng tôi không đối đầu trong thảo luận với các chính phủ khác, để cải tiến hệ thống và các thói quen mua bán của mình. Hãy xem xét kết quả của những cuộc thảo luận giữa chúng tôi với người Mỹ và sự thỏa thuận nơi bản Sáng kiến về Cấu trúc hạn chế (SII). Tất nhiên, tôi đồng ý với ông rằng : Nhật cần phải tỏ ra mềm mỏng hơn. Tuy nhiên, chúng ta không nên quên rằng các chính phủ đều mềm dẻo và linh hoạt hơn các nhà công nghiệp. Bởi vì chính các nhà công nghiệp mới sống bằng thương mại và họ cần có một ít thời gian để tự chuẩn bị cho các thay đổi này”.

Hồ sơ về vụ xe hơi : chính Châu Âu có lỗi

Khi đề cập đến hồ sơ nóng bỏng về xe hơi, vốn đã gây ra những cuộc tranh luận gay gắt giữa CEE và chính phủ Nhật từ năm 1989, Koji Sugie tỏ ra nắm vững vấn đề thuộc lĩnh vực mà ông am hiểu nhất. Song, vì những cuộc tranh luận đặc biệt nhạy cảm này quả còn lâu mới chấm dứt, ông ta không thể nói nhiều về chuyện đó được. Tuy nhiên, ông vẫn sẵn sàng trở lại cuộc tranh luận và vẫn không ngại tỏ ra là người cứng cỏi đối với những nhà thương thảo Châu Âu. Liệu Nhật Bản có sẵn sàng để tự nhận các hạn ngạch xuất khẩu xe hơi sang CEE sau năm 1992 ? Như chúng ta đã thấy, nhiều quốc gia, trong đó có Pháp, đã qui định các hạn ngạch chặt về việc nhập khẩu xe hơi. Ở Pháp, nhập khẩu xe hơi của Nhật bị giới hạn ở mức 3% số đăng bạ. Sau năm 1992, tất cả các hạn ngạch quốc gia sẽ bị bãi bỏ để nhường chỗ cho các quyết định của cộng đồng Châu Âu vốn có chỉ mình nó sẽ có quyền quyết định ra luật lệ. Liệu Nhật Bản đã sẵn sàng nhượng bộ ?

“Ha ha ! Đó là một câu hỏi quá cụ thể ! Quả rất khó trả lời ngay bây giờ. Một câu quá tế nhị, ông hiểu chứ ! Nhưng người Nhật chúng tôi thừa nhận rằng xe hơi là một vấn đề lớn giữa Nhật và CEE. Chúng tôi hiểu rằng với sự hội nhập của thị trường Châu Âu, sau năm 1992, những nước như Pháp và Ý sẽ phải bãi bỏ những hạn chế nhập khẩu của họ. Bởi vậy, Châu Âu đang có chuẩn bị một “chính sách chung” cho vấn đề này. Nhưng dường như các quốc gia thành viên vẫn chưa đi đến một thống nhất (đến mùa đông 1990 – 1991). Một cách tổng quát, mọi hạn chế nhập khẩu đều trái với các qui định của GATT. Bởi thế, việc hủy bỏ các hạn chế này là bắt buộc nếu Châu Âu năm 1992 muốn tôn trọng các qui định của GATT”.

Koji Sugieue nhấn mạnh :

“Dù gì đi nữa, nước Nhật cũng sẽ không hề chịu bù lỗ để đổi lấy sự tự do hóa của thị trường Châu Âu. Trách nhiệm của CEE là phải tự do hóa và tự hủy bỏ những hạn chế bất hợp lệ, chiếu theo các qui định của GATT. CEE sẽ không được đòi hỏi bù lỗ. Chúng tôi không có lỗi gì. Chính CEE mới có lỗi. Tại sao lại phải trả tiền bù lỗ ? Nhưng nói như thế, chúng tôi hiểu tầm quan trọng của vụ việc này và chúng tôi tự giữ một thái độ hợp tác với CEE”.

Koji Sugieue hé cho thấy nước ông sẽ sẵn sàng chấp nhận một sự “tự hạn chế” xuất khẩu của mình sang thị trường CEE sau năm 1992 trong một thời gian nhất định. Nhưng ông vội thêm rằng Nhật không chấp nhận nguyên tắc do một số nước như Pháp đòi hỏi, là phải tính chung trong các hạn ngạch nhất thời ấy sản lượng xe hơi Nhật sản xuất tại các nước này (phi địa phương hóa).

“Chúng tôi nghe nói rằng một số nước của CEE cứ nằng nặc đòi cho bằng được là sản lượng xe hơi trong các xí nghiệp phi địa phương hóa của Nhật tại Châu Âu cũng phải được tính vào hạn ngạch. Đó là một vấn đề căn bản, vì sự tác động của nó quá lớn đối với Nhật. Không chỉ trong lĩnh vực xe hơi, mà còn trong tất cả các lĩnh vực khác và trong tất cả các nước khác. Nó sẽ là một tiền lệ nghiêm trọng và không thể chấp nhận được. Các nguồn đầu tư của Nhật ở nước ngoài không thể bị phạt vạ như vậy. Tất cả các xí nghiệp thành lập ở nước ngoài với vốn đầu tư của Nhật như Nissan ở nước Anh, cần phải được đối xử như là một xí nghiệp của CEE. Một lần nữa, đó là vì sự hợp lý mà chúng tôi nói”.

Như để kết luận, Koji Sugieue khẳng định là tuy vậy nước Nhật đã rút tỉa được nhiều bài học trong hợp tác kinh tế đôi khi đầy sóng gió với thế giới bên ngoài.

“Nếu công nghiệp Nhật muốn tồn tại và tiếp tục phồn thịnh, các xí nghiệp của nó cần phải toàn cầu hóa những hoạt động của mình trong các nước khác. Song các xí nghiệp này cũng phải suy nghĩ về những đóng góp mà họ mang lại cho nước chủ nhà, cho nền công nghiệp địa phương, cho chính phủ của nước này. Nói tóm lại, các xí nghiệp này phải xử sự như các công dân tốt của các nước chủ nhà”.

Công việc còn lại đối với một người nước ngoài – sau khi nói chuyện với Koji Sugieue – là phải phân biệt trong các ý kiến này, đâu là phần diễn văn về tình hình của một nước Nhật đang tìm cách chơi trò ru ngủ những ngò vực của Châu Âu và đâu là phần phát biểu chân thật của một nước Nhật đang thực sự lo âu về hình ảnh nhãn hiệu của nó ở nước ngoài đang xuống cấp.

Keiichi Samoshida : nước Nhật gây ô nhiễm thế giới

Tôi thừa nhận rằng những cuộc trao đổi này trình bày một hình ảnh gần như an tâm của nước Nhật. Đọc những dòng chữ này, cảm tưởng chung là nước Nhật đang đe dọa làm lệch các cân bằng giữa Châu Âu và Mỹ, song nếu như nó lao vào một cuộc chinh phục điên cuồng các thị trường thì nó không hề có ý định chinh phục hoặc xa hơn là thống thị thế giới. Những trang sách này cũng cho thấy hình ảnh một nước Nhật, đang tư vấn về tương lai và về các quan hệ của mình với thế giới. Tôi đồng ý là nhận xét này là đúng.

Điều này càng đúng hơn bởi cũng đã có một số người Nhật tự đặt cho mình những câu hỏi đến mức họ không phê phán gay gắt đất nước của họ. Chẳng hạn như Keiichi Komoshida, trợ lý chủ nhiệm báo Asahi Shimbun, một trong hai nhật báo lớn nhất ở Nhật. Là cựu đặc phái viên ở Paris, đồng thời ông là chánh văn phòng các quan hệ đối ngoại của tờ báo. Tôi đã gặp ông trong một nhà hàng cao ốc của báo Asahi Shimbun, tại Tsukiji, về phía Đông Nam Tokyo. Là tòa nhà chọc trời đồ sộ, trên nóc phấp phới lá cờ Nhật, công trình kiến trúc này là biểu tượng cho sức mạnh của báo Asahi Shimbun. Nó che bóng nhiều tòa nhà của nhiều hãng thông tấn quốc tế lớn ở Tokyo, trong đó có AFP. Cuộc trao đổi với Keiichi Kamoshida, con một chủ ngân hàng Nhật tại Trung Hoa trong thời kỳ thuộc địa, là cuộc gặp gỡ cảm động nhất của tôi ở Nhật. Nhiều lần, khi ông nêu lên những tổn hại do nước mình gây ra trên thế giới, tôi thấy ông xúc động mạnh, gần như muốn khóc. Cuối cuộc trao đổi, ông tâm sự với tôi rằng, sau một năm trở về Nhật, ông đã không bao giờ có dịp để nói tất cả những chuyện đó. Trở về nước, Keiichi Kamoshida có trở lại trong guồng máy tại chỗ không ? Và thế xác thì có nhưng tâm hồn thì không.

Tôi yêu cầu ông kể lại thời thơ ấu của mình ở Trung Hoa.

“Cha tôi là một trong số những người thực dân Nhật ở Trung Hoa. Tôi sinh ra ở Harbin. Khi chúng tôi rời Trung Hoa, tôi chỉ mới 8 tuổi. Nhưng tôi nhớ rất rõ cuộc sống rất thực dân của cha tôi. Sau khi nước Nhật bại trận, chúng tôi trở về nước bằng tàu hỏa và thuyền. Tôi còn nhớ lúc quân đội Liên Xô chiếm đóng Harbin. Chúng tôi đã phải gấp rút tản cư khỏi thành phố. Mẹ tôi đã cải nam trang vì lo sợ. Chúng tôi đã bán sạch những gì chúng tôi có : tủ giường và quần áo. Trong cuộc tháo chạy, nhiều trẻ em Nhật bị bỏ lại tại chỗ. Ngày nay, những đứa mồ côi ấy đang tìm kiếm cha mẹ chúng ở Nhật. Thật may mắn, cha mẹ tôi đã mang tôi theo. Điều đó có thể tôi kinh nghiệm đầu tiên về các quan hệ của người Nhật Nhật với thế giới bên ngoài. Điều đó ghi dấu mãi trong tôi. Sau khi trở về Nhật, ở trường tiểu học, tôi đã biết đến sự kỳ thị bởi vì tôi là một người Nhật trở về từ nước ngoài. Để vượt qua được sự kỳ thị đó, tôi đã phải học hành cật lực”.

Keiichi Kamoshida là người ủng hộ nhiệt tình của Edith Cresson.

“Bà Cresson có lý. Có lẽ khoảng 70%. Năm tới, khi sự việc diễn ra, bà sẽ có lý 80%. Quan điểm của tôi về Nhật không hề thay đổi kể từ khi tôi rời nước này cách đây hơn 10 năm. Tôi được cử đi công tác ở Le Caire. Chính sự giao tiếp với người nước ngoài đã làm cho tôi mở mắt ra. Họ đã nói rất thẳng thắn với tôi về các vấn đề liên quan đến thái độ của Nhật trên thế giới. Nhiều người đã nói với tôi rằng họ không thể nào chấp nhận nước Nhật được. “Chúng tôi không thể chấp nhận các phương pháp của Nhật. Người Nhật các ông rất mạnh trên lĩnh vực công nghệ. Nhưng các ông cần tỏ ra khiêm tốn và hãy cảnh giác về sự xâm lược kinh tế”. Tôi nghe những điều đó lần đầu tiên vào năm 1976 ở Le Caire. Và tôi đồng ý với những người đó. Trở về Nhật, tôi hòa nhập trở lại với cuộc sống ở Tokyo. Nhưng một cái gì đó khác lạ đã nảy sinh trong con người tôi. Có lẽ tôi thuộc về một thiểu số rất nhỏ ở Nhật. Nhưng quan điểm của tôi ngày càng tỏ ra chính xác. Và ngày nay, cả thế giới đều đặt vấn đề về vị trí của Nhật trong thế giới”.

Bởi vậy, cần phải làm gì để đảo lộn khuynh cô lập Nhật Bản ? Keiichi Kamoshida không ngần ngại :

“Chúng tôi phải chọn một đường lối hòa hoãn hơn, khoan dung hơn. Nhưng tôi nghĩ rằng đã quá trễ. Thực tế, tôi rất bi quan về tương lai của nước Nhật. Chúng tôi thiếu nhạy cảm trong các quan hệ quốc tế. Ví dụ gần nhất là gì nhỉ ? Đó là trước những chuyển biến ở Đông Âu, nhiều nhà lãnh đạo cao cấp của chúng tôi chỉ nghĩ đến chuyện kiếm tiền các thị trường mới ở đó. Ngu xuẩn làm sao ! Một hành động khiêu khích mới đối với Châu Âu, Mỹ và Liên Xô. Cái đích của tất cả các nước này bây giờ là Nhật. Tôi không thích nói rằng lịch sử lặp lại, song dường như là như vậy. Cứ thử nhìn thái độ của Nhật trước chiến tranh thế giới lần thứ hai. Tình hình hiện nay cho thấy vài dấu hiệu tương tự. Chúng tôi cũng cũng đóng một vai trò tương tự. Và trong vài năm nữa, có thể rồi nước Nhật trở nên ngạo mạn hơn. Ngạo mạn đến mức không còn ai có thể chế ngự được nổi cơn điên loạn này nữa. Người Đức đã chứng tỏ sự thông minh hơn, bởi lẽ toàn thể Châu Âu đã tiến hành sự hợp nhất Đức. Tôi không thể thấy điều đó ở Châu Á. Tôi đồng ý rằng trong các năm sắp tới, chủ nghĩa dân tộc sẽ được phục hồi ở Nhật. Và bởi vậy, thời kỳ cô lập mạnh mẽ nhất sẽ đến. Và nhờ thế, vài nhà lãnh đạo mới của Nhật sẽ có thể đổ dầu vào lửa bằng cách kích động quần chúng. Không ai đi theo một nhà lãnh đạo như thế vào lúc này. Nhưng còn ngày mai ? Và trong trường hợp đó, các quan hệ của chúng tôi với Trung Quốc, với Triều Tiên sẽ trở nên tệ hại hơn”.

Phải chăng người Nhật điên rồ đến nỗi không nhớ đến một quá khứ mới đây sao ?

‘Tôi không nghĩ rằng một chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi có thể phát triển trở lại ở Nhật. Nhưng một thứ chủ nghĩa dân tộc cởi mở hơn, là có cơ sở. Một chủ nghĩa dân tộc bao gồm cả Châu Á chẳng hạn. Nó gồm cả Trung Quốc, Triều Tiên, Đông Á và Nam Á. Sẽ không còn là chủ nghĩa dân tộc, nhưng là thứ chủ nghĩa khu vực. Mạnh về kinh tế, người Nhật đã trở nên đầy tham vọng. Mới đây thôi, đã đặt ra vấn đề hợp tác giữa quan đội Nhật và quân đội Thái Lan. Quả là điều đó không được cụ thể hóa. Nhưng 10 năm trước đây, bản thân ý tưởng đó bị xem là kỳ cục. Khi không còn lực lượng quân sự Mỹ, quân đội Nhật tìm cách chứng tỏ khả năng của nó trong vùng. Nhiều giới ở Nhật đã trở nên rất hiếu chiến. Một số cũng rất thông minh. Họ chờ đợi một biến chuyển quốc tế để khai thác có lợi cho họ. Sau chiến tranh thế giới lần thế giới, những tầng lớp người Nhật này đã bị đánh bại và nước Nhật đã phải nỗ lực để xây dựng lại nền kinh tế của mình.

Những giới này không thể nói được gì, bởi vì giờ đây thời điểm là của xuất khẩu và cải tiến công nghệ. Nhưng, bây giờ nước Nhật đã lấy lại được sự tự tin nơi mình. Chúng tôi có đồng yên rất mạnh. Chúng tôi có thể gây ảnh hưởng đến chính phủ Mỹ và Châu Âu. Sự tự tin này có thể dễ dàng chuyển thành sự ngạo mạn. Bởi vậy, những tầng lớp người Nhật này sắp ngóc đầu dậy. Họ đang phục hồi các lực lượng của họ. Tôi cảm thấy đã có hẳn một đại bản doanh gồm các cá nhân đã sẵn sàng để nắm quyền kiểm soát ở nước Nhật. Vì vậy, tôi rất lo ngại cho tương lai của chúng tôi”.

Keiichi Kamoshida quả quyết rằng không chỉ một mình ông nghĩ như vậy mà có cả những viên chức cao cấp ở Bộ ngoại giao. Ông nói tiếp :

“Để tránh thảm họa, các nhà lãnh đạo Nhật phải bắt đầu bằng việc yêu cầu các nhà doanh nghiệp ở nước ngoài trở về Nhật. Chúng tôi phải chấm dứt sự bành trướng này. Chúng tôi cũng phải giảm số lượng du khách Nhật. Thử nhìn xem : 10.000.000 người đi du lịch trong năm 1990 ! Việc người Nhật đi tham quan nước ngoài, tiêu tiền ở đó, xem ra có vẻ là tốt. Song trước hết, chúng tôi cần họ yêu mến chính đất nước mình. Những người Nhật này gây phiền hà cho người dân địa phương. Kể đến, họ tiêu xài, mua sắm như điên cuồng ! Họ phá hủy truyền thống của dân tộc này. Đây là vấn đề văn hóa, một phẩm giá của những người đàn ông và những người đàn bà nước ngoài và về phẩm giá của những người Nhật này”.

Keiichi Kamoshida giải thích thêm :

“Khi tôi rời Paris cùng với gia đình để trở về Nhật vào tháng 10/ 1989, tôi đã để đứa con thứ hai của tôi ở lại đó. Nó đã 20 tuổi và nay đang học đại học. Lúc tôi gặp nó, chúng tôi trao đổi về nước Nhật và nước Pháp. Cách đó không lâu, nó trở về Nhật trong một tháng. Nước Nhật, đó là Tổ quốc của nó. Nó phải trở về vì là một sinh viên Nhật. Trong thời gian ở Tokyo, nó đã quan sát khắp nơi, nó đến các siêu thị, nó gặp bạn bè, nó đi nhảy ở các vũ

trường, đi xem phim... Nhưng, sau thời gian nghỉ hè, nó đến gặp tôi và nói riêng với tôi rằng : “Thưa ba, con sẽ không bao giờ yêu mến nước Nhật”. Nó đã ra đi và quyết định sống ở Pháp”.

Hidetada Maezawa : tiến đến một chế độ thực dân về kinh tế ?

Là người viết xã luận của báo Nihon Keizai Shimbun (Nikkei), Hidetada Maezawa nhờ người và nóng nẩy. Cựu đặc phái viên của Nikkei tại Paris, ông chọn tiếng Pháp để nói chuyện, mặc dù ông không hoàn toàn làm chủ được ngôn ngữ này. Ông cũng cho rằng bà Cresson có lý và cảnh giác Châu Âu trước một sự cạnh tranh của Nhật có thể sớm muộn gì cũng đè bẹp Châu Âu.

Tờ báo của ông là một người khổng lồ của giới báo chí Nhật. Báo Nikkei phát hành mỗi sáng hơn 2,9 triệu bản, đứng hàng đầu trên thế giới. Độc giả của nó ở Nhật là giới chóp bu trong chính phủ, giới doanh nghiệp, công nghiệp, tài chính, chứng khoán, thương mại. Ngoài nước Nhật, nó được ấn hành cùng lúc ở New York, Los Angeles và Singapour. Báo Nikkei cũng ấn hành một nhật báo kinh tế bằng tiếng Anh, tờ Japan Economic Journal, được in cùng lúc ở Nhật, Châu Âu và ở Mỹ. Là một tờ báo giàu sự, Nikkei có một tòa nhà chọc trời đồ sộ ở Otemachi. Trên mặt tiền tòa nhà, một đồng hồ điện tử hàng ngày thông báo thời giá thị trường chứng khoán Tokyo. Báo Nikkei sử dụng các kỹ thuật tin học tiên bộ nhất để thông tin và ấn loát. Báo Nikkei cũng là một trong những cơ sở dữ liệu kinh tế và tài chính của hơn 5 triệu sản phẩm vào một thời điểm cụ thể nhờ một trung tâm tin học. 42.000 trung tâm như thế được nối với Nikkei, hoạt động ở hàng trăm thành phố khắp thế giới.

Hidetada Maezawa nói gì ?

“Tôi tin rằng những gì bà Cresson nói là đúng. Nhưng rất nhiều các xí nghiệp Nhật hiểu rất rõ những gì bà tìm kiếm. Đó là một loại thủ đoạn. Bởi vậy tôi tin chắc rằng việc đầu tư ở Châu Âu. Mặt khác, các nhà lãnh đạo khác của Pháp lại có một quan điểm khác. Nhưng bà ta có lý ở chỗ nào ? Cho đến nay, người Nhật đã xuất khẩu với số lượng lớn sang thị trường Châu Âu. Họ đã tiêu diệt nhiều xí nghiệp hàng đầu của Châu Âu. Chẳng hạn như trong lĩnh vực máy ảnh. Tôi cũng hiểu rất rõ điều ông M. Calvet nói. Ông lo ngại rằng người Nhật triệt hạ ngành công nghiệp xe hơi của Châu Âu. Những điều lo ngại đó thật tự nhiên. Ông cho rằng ngành công nghiệp xe hơi Châu Âu không thể đứng vững trước cuộc cạnh tranh của ngành công nghiệp Nhật Bản. Bởi vậy, cần phải có một thời gian để khắc phục sự chậm trễ về mặt kỹ thuật và công nghiệp”.

Nước Nhật có ý định chinh phục thế giới không ?

“Về phương diện công nghệ, công nghiệp và tài chính thì có thể. Nhất là Châu Âu. Còn về ngành công nghiệp xe hơi, tôi cũng tin là có thể. Nhiều ông chủ ngành xe hơi Nhật Bản nghĩ rằng sớm muộn gì các nhãn hiệu xe hơi Châu Âu nổi tiếng cũng sẽ biến mất. Họ chỉ nói riêng với nhau. Tôi đã nghe những phát biểu đó. Trong 10 năm tới, tôi nghĩ rằng chỉ còn các nhãn hiệu này tại Châu Âu, đó là Fiat, Volkswagen, Toyota, Nissan và Honda. Mercedès cũng còn để đáp ứng loại thị hiếu cao cấp. Và cũng có thể còn Volvo. Đối với Peugeot và Renault, thật khó tồn tại nổi. Hai hãng này không đủ sức cạnh tranh”.

Hidetada Maezawa tỏ ra ân hận vì cuộc “chìm tàu” của các hãng này do nền công nghiệp của các nước mình gây ra :

“Tôi nghĩ là các nhà sản xuất xe hơi Nhật cần để cho các nhà sản xuất Châu Âu có thời gian để có thể kịp thích ứng”.

Nhưng họ có làm điều đó không ? Câu trả lời xem ra là không.

“Ông biết không, họ chỉ luôn nghĩ đến tiền, đến quyền lực, đến phần thị trường được chia. Nhưng cũng nên nói rõ đó là chuyện hoàn toàn bình thường. Đó là qui luật của kinh doanh và sản xuất”.

Hidetada Maezawa không hề nghĩ rằng đầu tư của Nhật ở nước Anh mang hình thái một sự thực dân hóa về kinh tế. Song ông nhấn mạnh rằng chính nước Anh đã quyết định bỏ mặc cho Nhật một số lĩnh vực công nghiệp then chốt. Bản thân ông ta, nếu là một người có trách nhiệm quyết định nền kinh tế Pháp, chắc ông sẽ chiến đấu đến hơi thở cuối cùng để bảo vệ nền kinh tế đất nước trước sức tiến công của Nhật.

Những lời chỉ trích Nhật liệu có ích gì ?

“Tôi tin rằng nhiều người Nhật đang suy nghĩ về những điều bà Cresson nói. Họ sẽ rút ra kết luận là cần chú ý đến các lời chỉ trích này sửa đổi chính sách đầu tư của Nhật ở Châu Âu. Sony và nhiều xí nghiệp Nhật khác đang suy nghĩ về những gì họ sắp tiến hành ở Châu Âu. Như ông biết, họ muốn thích nghi với Châu Âu. Họ cố gắng hiểu nền văn hóa Châu Âu để thích nghi tốt hơn với Châu Âu tương lai và nhờ đấy trở thành những người bạn đồng hành thực sự với người Châu Âu. Dù sao, đối với Nhật, giữ một sự hợp tác tốt với các người bạn Châu Âu và Mỹ là điều cần thiết. Dù sao, nước Nhật không thể ăn một mình được”.

Song trước viễn ảnh của thị trường thống nhất Châu Âu vào năm 1992, phải chăng sự lo sợ đang bao trùm trên các “bọt tham mưu” của nền công nghiệp Nhật Bản ?

“Vâng, đó là lý do vì sao các xí nghiệp Nhật Bản đang vội vã đầu tư vào Châu Âu trước khi cánh cửa đóng lại vào năm 1992”.

Dầu sao, qua ý kiến của Hidetada Maezawa thì nước Nhật không lao vào một cuộc chiến tranh kinh tế với phần còn lại của thế giới. Ai nói ngược lại là không đúng bởi vì nước ông chỉ sử dụng các qui luật chơi của chủ nghĩa tư bản mà thôi. Không hề có những cuộc gặp gỡ bí mật giữa các ông chủ hàng đầu của Nhật để cùng nhau phân chia thế giới.

“Điều mà ông nêu lên là chuyện do người Châu Âu nghĩ ra. Tôi nghĩ rằng người Nhật ưu thích thị trường tự do hơn. Họ không hề biết đến khái niệm này. Mỗi xí nghiệp đeo đuổi một đường lối riêng của nó. Cũng không hề có sự nhất trí của các tập đoàn công nghiệp. Trái lại, đang diễn ra một sự cạnh tranh rất gay gắt giữa các xí nghiệp. Làm sao các xí nghiệp này có thể nói đến một sự phân chia ? Chúng tôi có những tổ chức của giới chủ nhân như Keidanren. Song, nói đúng ra, khi các ông chủ gặp nhau, họ không hề nói nhiều, có chăng là tranh luận với nhau về những vấn đề văn hóa hoặc xã hội”.

Nói chung, đối với Hidetada Maezawa, điều quan trọng nhất đối với nước Nhật là học cách hiểu thế giới chung quanh.

“Nước Nhật phải tôn trọng những khác biệt. Cho đến nay, người Nhật đã nghĩ rằng ở khắp nơi đều cùng sử dụng những tiêu chuẩn như nhau. Thế mà, rõ ràng có những khác biệt tồn tại giữa người Châu Âu và người Nhật. Cái nào trạng đã thay đổi rồi. Người ta bắt đầu thấy ra điều này. Song cần phải có thời gian. Khi tôi viết về những vấn đề này trên tờ báo của tôi, tôi nhận được nhiều cú điện thoại của nhiều người gọi đến cảm ơn tôi. Thỉnh thoảng, cũng có những ông chủ muốn gặp tôi để tham khảo ý kiến của tôi. Song, trong thâm tâm người Châu Âu các ông cũng đang nghĩ như vậy. Tôi nghĩ rằng ít có người Châu Âu nào đã cất công tìm hiểu nước Nhật. Đối với các ông, đây chỉ là một đất nước quá xa xôi và quá khó hiểu. Nước Pháp có nhiều bạn bè ở Châu Âu, phải không ? Tiếc thay là nước Nhật lại có quá ít”.

Để kết thúc, tôi hỏi Hidetada Maezawa liệu theo ông có thể một ngày nào đó, nếu như đất nước Mặt trời mọc tiếp tục phát triển mạnh mẽ nền kinh tế của mình, thì thế giới có phân chia thành hai vùng không ? Một vùng là nước Nhật giữ vai trò bộ óc và một vùng là phần còn lại của hành tinh đóng vai trò các bắp thịt. Nước Nhật sẽ xây dựng nhà máy của mình ở khắp nơi và sản xuất theo lệnh của Tokyo. Câu trả lời của ông thật đáng ngạc nhiên :

“Tôi hiểu rất rõ câu hỏi của ông, song tôi không hề nghĩ đến điều này...”.

-
- [1] Cuộc thảm sát ở Nam Kinh đã khiến hàng ngàn dân thường bị chết trong vòng vài ngày. Lính Nhật đã hành động man rợ chưa từng thấy. Ví dụ, theo lời nhiều nhân chứng, trẻ em Trung Hoa đã bị ném tung lên trời rồi lính nhật dùng lưới lê đâm xốc lên.
- [2] Điều tra do Bộ Y tế Nhật công bố ngày 16 tháng 5 năm 1990.
- [3] Phỏng vấn của báo Asahi Shimbun ngày 14 tháng 5 năm 1990.
- [4] New York Time, ngày 4-11-1990.
- [5] Adenauer: Thủ tướng Tây Đức từ năm 1949. Được tái cử các nhiệm kỳ 1953, 1957, 1961. Chủ tịch Đảng Dân chủ - Thiên chúa giáo, người kịch liệt chống chủ nghĩa Mác, theo chủ nghĩa dân tộc và có xu hướng tự do trong kinh tế.
- [6] Số liệu và dự báo của Hiệp hội người máy công nghiệp Nhật Bản.
- [7] Thống kê của hãng đồng hồ Citizen, hãng sản xuất đứng thứ hai trên thế giới.
- [8] “A Worm’s Eye View of its Evolution” – Japanese Electronics, Simul International, Tokyo, 1983, tr.76.
- [9] Clyde V.Prestowitz Jr., Trading Places. How we Allowed Japan to take the Lead, Basic Books Inc., New York, 1988.
- [10] The Economist, 21/4/1990, trang 19.
- [11] École nationale d’administration: Trường quốc gia hành chính Pháp.
- [12] Điều tra do nhà tâm lý học Airolen Richard Lynn công bố trong tạp chí khoa học Anh Nature vào tháng 6/1982.
- [13] Thống kê của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Atlanta – bang Géorgie, Mỹ.
- [14] Tokyo Shimbun, 4/8/1990.
- [15] Institut de recherche sur la population de la Nippon University de Tokyo, 12 september, 1990.
- [16] Statistique de la Société pour le développement de l’ Économie Suisse (SDES, publiées le 23 janvier 1990).
- [17] Cơ quan kế hoạch hóa kinh tế Nhật bản (Sách trắng, 11/1989).
- [18] Etude du Centre japonaise de la productivité, publiée en Mai 1990
- [19] Báo cáo công bố ngày 13/4/1990
- [20] Cơ quan kế hoạch hóa kinh tế Nhật Bản (Sách trắng, 11/1989)
- [21] Nghiên cứu của ngân hàng tín dụng dài hạn, 1/6/1990.
- [22] Enquête de l’ Institut privé de l’ administration japonaise du Travail, 20 novembre, 1990
- [23] Thống kê của cục kế hoạch hóa kinh tế Nhật Bản
- [24] Nihon Keizai Shimbun, 6/8/1990

- [25] Điều tra của văn phòng thủ tướng Nhật về đời sống quốc gia, tháng 10/1989
- [26] Trung tâm nghiên cứu về các ưu tiên và chính sách ngân sách (Washington). Số liệu công bố ngày 24/7/1990.
- [27] Số liệu của bộ xã hội Anh, công bố ngày 24/7/1990
- [28] Số liệu của cục du lịch Nhật Bản
- [29] Sách trắng của bộ ngoại giao Nhật (5/10/1990) và báo cáo của OCDE.
- [30] Báo cáo của OCDE
- [31] Dự đoán của Viện Kinh tế Năng lượng (IEE), cơ quan do 160 hãng lớn của Nhật trong lĩnh vực năng lượng thành lập (4/10/1990).
- [32] Thống kê của Bộ Tài chính Nhật
- [33] Thống kê của Bộ Tài chính Nhật
- [34] Thống kê của Bộ Công nghiệp và ngoại thương Nhật (MITI)
- [35] Thăm dò ý kiến 1.500 người, thực hiện trước chuyến thăm Mỹ của Mikhail Gorbachev vào tháng 5/1990, Mainichi Shimbun, 8/1990.
- [36] AFP, 13/3/1990
- [37] TTX Kyodo, 18/7/1990.
- [38] Phỏng vấn của Newsweek, 2/4/1990.
- [39] Tuyên bố tại diễn đàn kinh tế Davos (Thụy Sĩ), AFP, 2/2/1990
- [40] Thống kê của JETRO (Tổ chức Ngoại thương Nhật Bản)
- [41] Nghiên cứu của Jean – Michel Dinand, trưởng văn phòng Nhật Bản của Tổng cục nghiên cứu thuộc ngân hàng Pháp quốc, tháng 11/1989.
- [42] Thống kê của Bộ tài chính Nhật, Nihon Keizai Shimbun, 12/5/1990.
- [43] Hirohiko Okumura, Lịch trình thay đổi cơ cấu kinh tế và tài chính ở Nhật trong những năm 1990. Viện nghiên cứu Nomura, 4/1990.
- [44] Gorota Kume (Eximbank) và Keisuke Totsuka (Sumitomo Life Research Institute Inc.), Japanese Manufacturing Investment in the European Community, 4/1990
- [45] Trích dẫn của Nihon Keizai Shimbun, 11/11/1990.
- [46] Thống kê của bộ tài chính Nhật, Trends in Japan's Direct Investment Abroad in FY 1989, tháng 7/1990
- [47] Số liệu thống kê của bộ tài chính Nhật

- [48] Số liệu thống kê của bộ thương mại Mỹ, năm 1988
- [49] Báo cáo của Gorota Kume, chuyên gia của trung tâm nghiên cứu đầu tư nước ngoài của Ngân hàng xuất nhập khẩu Nhật Bản (Eximbank), tháng 4/1990
- [50] Sondage publié par le Nihon Keizai Shimbun, 18 Décembre 1989, portant sur 300 société japonaise exportatrices et cotées à la Bourse de Tokyo.
- [51] Thống kê của Bộ Tài chính Nhật 1/6/1990, và của ngân hàng xuất nhập khẩu Nhật, 15/8/1990.
- [52] Tribune de l'économie (Diễn đàn kinh tế), ngày 16/1/1991.
- [53] Thống kê của Ngân hàng phát triển châu Á (BAD) tháng 4/1990.
- [54] Gorota Kume, Recent Trend of Japanese Direct Investment with special reference to that in the Asian Region, Eximbank, tháng 7/1989
- [55] Tạp chí International Herald Tribune, 15/10/1990.
- [56] Báo cáo công bố ngày 19/10/1990.
- [57] Gorota Kume, Japanese Manufacturing Investment in the European Community, Eximbank, tháng 4/1990
- [58] Số liệu của trung tâm ngoại thương Nhật Bản (JETRO).
- [59] Charles Smith và Louise de Rosario, "Empire of the Sun", tạp chí kinh tế Viễn Đông 3/5/1990.
- [60] "Japanese corporate activity in international mergers and acquisitions is entering a third phase", Nihon Keizai Shimbun, 25 tháng 3 năm 1989.
- [61] Thống kê của M&A Nhật Bản, phát hành tại Luân Đôn, tháng 3/1990.
- [62] Thống kê của bộ xây dựng Nhật Bản, 13/6/1990.
- [63] International Herald Tribune, 6/2/1990, trang 1
- [64] USA Today, 2/11/1989, tr. 20
- [65] Số liệu của hãng Kenneth Leventhal and Co, tháng 3/1990.
- [66] Washington Post, 14/2/1990.
- [67] Số liệu của ủy ban đầu tư nước ngoài Tân Tây Lan, 30/8/1990.
- [68] Báo Le Monde, 13/10/1989.
- [69] Le Monde, 14/8/1990.
- [70] La Tribune de l'expansion, 10/1/1990.

- [71] Pat Choate, Agents of Influence: How Japan's Lobbyists in the United States Manipulate America's Political and Economic System, Knopf, tháng 10/1990.
- [72] Washington Post, tháng 9/1990.
- [73] Phòng văn của AFP
- [74] Valeur actuelles, ngày 16/7/1990.
- [75] Le Monde, ngày 6/1/1990.
- [76] Hợp báo ngày 20/7/1990 tại Tokyo.
- [77] Le Figaro, ngày 2/5/1990.
- [78] Abel Farnoux, L'Électronique dans de monde, Positions 1989, Prospective 1995, nghiên cứu của EIC.
- [79] Agence France-Press, ngày 6/8/1990.
- [80] Agence France-Press, ngày 25/10/1990.
- [81] New York Times, ngày 17/5/1989.
- [82] New York Times, ngày 11/6/1990.
- [83] Tuyên bố trên đài truyền hình TIF (Pháp) ngày 24/11/1989.
- [84] Phát biểu ngày 17/2/1990 tại Hội nghị của giới công nhân ngành xe hơi châu Âu.
- [85] Trả lời phỏng vấn báo La Tribune de l'expansion (Diễn đàn khuếch trương kinh tế).
- [86] Le Club de la presse (Câu lạc bộ báo chí), Europe 1.
- [87] Trả lời phỏng vấn tờ Journal du dimanche
- [88] Mein Kampf (Đời chiến đấu của tôi): tập sách của nhà độc tài Adolf Hitler xuất bản năm 1925 nói về những nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa dân xã, chủ nghĩa phát xít.
- [89] Le Meilleur des mondes, tiểu thuyết viễn tưởng của nhà văn A. Huxley (1932).
- [90] Vụ việc này đã được đưa ra công khai vào tháng 11/1990. Nó liên quan đến những bí mật của chương trình "Chiến tranh giữa các vì sao" của Mỹ. Người kỹ sư Mỹ đã đưa cho người Nhật những thông số quan trọng về kỹ thuật phóng tên lửa.
- [91] L'Enigme de la puissance Japonaise, Nxb Robert Laffont, 1990
- [92] Phát biểu ngày 28/3/1990.
- [93] GATT: chữ viết tắt của General Agreement on Tariffs and Trade (Hiệp định tổng quát về thuế quan và mậu dịch). Hiệp định được ký năm 1947 ở Genève, là cơ sở cho các hiệp định thương mại quốc tế.

^[94] OCDE: chữ viết tắt của Organisation de Coopération et de Développement Economique (Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế)

Mời các bạn ghé thăm: [Đào Tiểu Vũ's eBook](#) để tải thêm nhiều ebook hơn nữa.